

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Đảng ta, Quân đội ta đã rèn luyện và đào tạo được những vị tướng nổi tiếng, có tầm nhìn chiến lược, bản lĩnh, quyết đoán và dám chịu trách nhiệm. Đại tướng Lê Đức Anh là một người như thế.

Hơn 60 năm hoạt động cách mạng, Đại tướng Lê Đức Anh đã tham gia chỉ huy chiến đấu trên chiến trường miền Nam (hơn 30 năm chống Pháp, chống Mỹ), gần mười năm làm nhiệm vụ quốc tế trên đất bạn Campuchia, đảm nhiệm cương vị Chủ tịch nước trong giai đoạn đầu tiến hành công cuộc đổi mới đất nước. Trên cương vị nào Đại tướng Lê Đức Anh cũng phát huy phẩm chất và năng lực, đóng góp hết sức mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Đỗ Mười đã viết: "Anh Lê Đức Anh là nhà chính trị tâm cỡ, nhà quân sự lớn của Đảng và Nhà nước ta".

Để giúp bạn đọc hiểu thêm về cuộc đời hoạt động và những đóng góp của Đại tướng Lê Đức Anh trong công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách ***Bảo vệ, xây dựng và đổi mới đất nước***.

Cuốn sách gồm hai phần:

- Phần I: Những bài nói và viết của Đại tướng Lê Đức Anh

- *Phần II: Hồi ức của các nhân chứng*

Phần I, thông qua những bài nói và bài viết của mình, Đại tướng, nguyên Chủ tịch nước Lê Đức Anh đã tổng kết sâu sắc những bài học lớn có tính quy luật của cách mạng Việt Nam, nêu bật nguyên nhân của những thắng lợi to lớn trong đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước và những thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới.

Qua đó làm rõ hơn quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước ta cũng như của cá nhân Đại tướng Lê Đức Anh đối với công cuộc bảo vệ, xây dựng và đổi mới đất nước.

Phần II, thông qua hồi ức của các nhân chứng - các đồng chí cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và những đồng chí, đồng đội đã cùng sống, chiến đấu và hoạt động với Đại tướng Lê Đức Anh, bạn đọc thấy được phần nào cuộc chiến đấu ác liệt, đầy gian khổ hy sinh nhưng hết sức vẻ vang của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta để giành độc lập, tự do và thống nhất hoàn toàn cho đất nước; thấy được bản lĩnh và vai trò của vị chỉ huy quân đội có tầm cỡ Lê Đức Anh cũng như đóng góp của ông trong công cuộc đổi mới đất nước trên cương vị Chủ tịch nước và Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 2 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

PHẦN THỨ NHẤT
NHỮNG BÀI NÓI VÀ BÀI VIẾT CỦA ĐẠI TƯỚNG LÊ ĐỨC ANH

TẬP TRUNG XÂY DỰNG ĐỂ TÂY NGUYÊN ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN

(Lược ghi bài phát biểu với cán bộ chủ chốt
của tỉnh Đắk Lắk, ngày 28-9-1996)

Thưa các đồng chí,

Kỳ này tôi đến thăm và làm việc với các đồng chí lãnh đạo của ba tỉnh Tây Nguyên (Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk). Về tình hình Tây Nguyên, tôi đã nghe báo cáo và nghiên cứu các tài liệu từ Hà Nội. Tôi thấy rõ có ba nội dung lớn khi nhìn nhận về vai trò, vị trí của vùng đất và con người Tây Nguyên:

- Tây Nguyên là vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam,
- Tây Nguyên là nơi bảo đảm môi trường sinh thái, kể cả nguồn nước, độ ẩm, khí hậu... cho Việt Nam và ba nước Đông Dương,
- Tây Nguyên có vị trí chiến lược rất quan trọng về an ninh- quốc phòng cho Việt Nam và cho cả ba nước Đông Dương.

Bởi vậy, chuyến đi này tôi muốn tìm hiểu sâu thêm một số vấn đề sau đây:

- Tình hình nâng cao dân trí, đào tạo giáo dục.
- Việc thực hiện xóa đói giảm nghèo.

Cả hai vấn đề này trước hết và chủ yếu là trong đồng bào sinh sống lâu đời tại Tây Nguyên.

- Và vấn đề thứ ba là vấn đề an ninh biên giới.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tám, đảng bộ các tỉnh ở Tây Nguyên đã tổ chức tập trung nghiên cứu và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội trên các lĩnh vực và cụ thể hoá vào Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới.

Thêm vào đó, Chính phủ cũng đã tổ chức hai cuộc họp ở đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên - nơi có nhiều thuận lợi và cũng có không ít những khó khăn để cùng thảo luận, bàn bạc, xác định định hướng phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương.

Trong quá trình thực hiện, có cái làm tốt, có cái làm chưa tốt, còn sai sót. Điều đáng quý là các đồng chí đã kịp thời rút kinh nghiệm để nhân rộng cái làm được và đặc biệt là đã điều chỉnh kịp thời những cái sai sót.

Chuyến đi này tôi thấy rất vui khi cả ba tỉnh kinh tế xã hội đều có bước phát triển. Tình đoàn kết giữa các dân tộc anh em ở Tây Nguyên tương đối tốt. An ninh quốc phòng ổn định hơn trước. Ý kiến đánh giá này của tôi có hơi khác với ý kiến của các đồng chí ở các đảng bộ tỉnh Tây Nguyên. Vì sao tôi lại nói như vậy, tôi sẽ giải thích sau.

Như các đồng chí đều biết, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975), ta để lại trên Tây Nguyên một quân đoàn đầy đủ, cộng vào đó là lực lượng của Quân khu 5 cũng tương đương một quân đoàn, rồi lực lượng cán bộ của các tỉnh, lực lượng cán bộ của các nơi tăng cường lên Tây Nguyên... Vậy mà cũng phải mất 12 năm đấu tranh giai cấp (1975-1987), tình hình Tây Nguyên mới ổn định, nói đúng hơn là về cơ bản mới ổn định, mới ngăn chặn được sự phá hoại của kẻ thù. Phá hoại sự ổn định của Tây Nguyên là một âm mưu thâm độc của kẻ địch, nằm trong kế hoạch đánh phá Tây Nguyên và cả nước ta. Do đó, sự ổn định chính trị xã hội ở Tây Nguyên làm cho các thế lực thù địch phản động rất cay cú.

Cần nhấn mạnh rằng, đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã đóng góp công lao rất lớn để làm cho Tây Nguyên ổn định như hôm nay cũng như trong sự nghiệp giải phóng miền Nam trước đây.

Nhớ lại những ngày kháng chiến chống Mỹ gian khổ, nhờ đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, con đường Hồ Chí Minh mới được hình thành, mặt trận B3 mới được mở ra. Trước khi mặt trận B3 được mở ra, kẻ địch gây cho ta không ít "khó chịu" ở đồng bằng sông Cửu Long. Từ khi mặt trận B3 được hình thành, kẻ địch bị căng kéo ra, bị phân tán lực lượng phải ứng phó nhiều nơi. Hơn nữa B3 đã tạo được hành lang chuyển quân chủ lực từ miền Bắc vào Nam Bộ, cũng như tạo điều kiện mở chiến dịch Hồ Chí Minh sau này...

Tôi nhắc lại như thế để nói vị trí của Tây Nguyên rất quan trọng và công lao của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên là rất to lớn đối với cách mạng. Trước đây, vị trí chiến lược của Tây Nguyên là vị trí quân sự quan trọng (cả Mỹ, Pháp đều đánh giá như thế). Sau giải phóng vị trí chiến lược của Tây Nguyên lại càng quan trọng hơn. Vì nó không chỉ có ý nghĩa quân sự mà còn có ý nghĩa to lớn để phát triển kinh tế, văn hoá xã hội, giữ gìn và cân bằng sinh thái môi trường, góp phần làm giàu cho Tây Nguyên và cho đất nước. Chính vì vậy mà Đảng ta, Nhà nước ta đã luôn quan tâm tập trung xây dựng Tây Nguyên.

Để làm được việc này, Đảng ta chủ trương ở Tây Nguyên sẽ xây dựng những nông trường, lâm trường quốc doanh lớn mạnh; đồng thời chuyển một số đơn vị quân đội sang làm kinh tế với ý định lấy các đơn vị đó làm chỗ dựa cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, biến các đơn vị đó trở thành trung tâm tiếp nhận, rồi chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào Tây Nguyên, cùng đồng bào các dân tộc sống tại đây xây dựng khu vực Tây Nguyên trở nên giàu mạnh, kinh tế phát triển, văn hoá khoa học tiên tiến, đời sống xã hội ngày càng văn minh, an ninh quốc phòng ngày một vững mạnh.

Tạo điều kiện tốt nhất cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên xây dựng kinh tế, nâng cao đời sống văn hoá dân trí, làm cho mọi gia đình có cuộc sống tốt hơn là mục tiêu của Đảng ta. Đó cũng là điều kiện, là cơ sở cốt lõi cho sự đoàn kết các dân tộc ở Tây Nguyên hoà chung vào khối đại đoàn kết các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

Do đó, tôi xin nhắc lại, phát triển kinh tế ở Tây Nguyên không chỉ đơn thuần là mục đích kinh tế mà còn nâng cao dân trí, nâng cao lối sống và mức sống cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Đó là mục tiêu phấn đấu của Đảng ta, Nhà nước ta mà các thế hệ mai sau phải quán triệt.

Qua chuyến thăm Tây Nguyên lần này, tôi thấy đời sống kinh tế, an ninh quốc phòng và vấn đề đoàn kết dân tộc đã được cải thiện nhiều song vẫn còn rất nhiều khó khăn. Hơn 20 năm đã qua, chúng ta vẫn chưa làm được như ý nguyện của Bác Hồ mong muốn đối với đồng bào các dân tộc Tây Nguyên. Chính Bác Hồ đã từng viết thư gửi cho đồng bào tại nơi đây nói lên mong muốn của Người, căn dặn mọi người phải đoàn kết, giúp đỡ đồng bào các dân tộc Tây Nguyên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc khi nước nhà được độc lập, tự do.

Những năm qua chúng ta đã tập trung sức lực đầu tư cho Tây Nguyên nhưng chưa đủ và chưa đúng, tiến bộ khoa học kỹ thuật đã được áp dụng trong sản xuất ở Tây Nguyên nhưng còn ít. Tôi nói là ít chứ không phải tương đối ít, cho nên cuộc sống của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên còn túng thiếu và khó khăn. Ngay đến đất canh tác, đáng lẽ chúng ta phải ưu tiên cho đồng bào tại chỗ, các lâm trường, nông trường phải giúp đỡ đồng bào để đồng bào yên tâm lao động sản xuất trên đất đai mà lâu nay họ đã sinh sống, cũng chưa thực hiện được. Tôi thấy đây là điều rất day dứt, cái tâm cộng sản của chúng ta day dứt. Những sự việc xảy ra như thế là không thể chấp nhận được.

Tôi được biết, những năm gần đây đồng bào nhiều tỉnh đã đến định cư tại Tây Nguyên, dù đi theo kế hoạch hay di dân tự do, thì cũng vì muốn cho đời sống được cải thiện, chứ không có ý định giành đất của đồng bào các dân tộc đã sống lâu đời ở Tây Nguyên. Mà nếu có như vậy thì phải ngăn cấm; chỉ có tư tưởng thực dân đế quốc thì mới đi giành đất như vậy. Đạo lý truyền thống đoàn kết thương yêu nhau "lá lành đùm lá rách" không cho phép làm thế. Các cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể phải can thiệp và ngăn chặn mọi hiện tượng như thế. Nhất là những kẻ từ nơi khác đến lợi dụng lúc đồng bào các dân tộc sống lâu đời trên đất Tây Nguyên gặp khó khăn, đem tiền cho vay, rồi bóc nợ bằng đất đai; vì đời sống khó khăn mà người dân phải mang đất đai ra cầm cố. Chính quyền phải can thiệp, phải ngăn chặn việc người khác tới mua đất của dân; phải thu lại đất trả cho đồng bào bằng cách cho bà con vay tiền theo cơ chế ưu đãi để cho dân có thể chuộc lại đất đai của mình. Đồng bào các dân tộc sống lâu đời trên Tây Nguyên phải có quyền được sử dụng đất đai và lao động sản xuất trên mảnh đất đó. Đây là đạo lý, là tư tưởng và là nội dung vật chất cơ bản để đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế chính trị xã hội, chúng ta không được quyền quên điều đó.

Cũng có thể đồng bào các dân tộc còn quá nghèo, thiếu vốn để sản xuất, cần huy động các nguồn vốn không phải chỉ bằng cách vay của Nhà nước, mà phải cả trong các doanh nghiệp đang hoạt động trên đất Tây Nguyên để hỗ trợ vốn cho đồng bào. Các doanh nghiệp cũng cần phải thấy đây là trách nhiệm của mình. Chúng ta không chủ trương lấy của người giàu, nhưng ta cần huy động một phần vốn của họ với lãi suất thấp (hoặc không lấy lãi) với tấm lòng "tương thân tương ái Việt Nam" để giúp đỡ đồng bào các dân tộc sống lâu đời trên đất Tây Nguyên có điều kiện lao động sản xuất. Giao rừng và khoán cho các hộ đồng bào tại chỗ, tạo cho bà con có thu nhập để người dân đã lâu đời gắn bó với đất rừng Tây Nguyên thì nay có thể sống vững chãi bằng nghề rừng. Đồng thời phải đầu tư xây dựng hệ thống "đường-

trường- trạm" và tạo những ngành nghề mới, kể cả phát triển dịch vụ, tạo nhiều việc làm cho người dân để nâng cao đời sống ngày một tốt hơn.

Trước đây, nói đến Tây Nguyên là nói đến vùng đất đỏ bazan và những cánh rừng đại ngàn, còn bây giờ về cơ bản rừng đã bị phá. Ai phá? Đồng bào sinh sống lâu đời ở Tây Nguyên phá ư? Không phải, vì họ sống hàng ngàn năm ở đây rồi. Rừng bị phá nhiều là trong thời gian 15-20 năm trở lại đây. Lỗi đó là do chúng ta, rừng bị phá đã ảnh hưởng không nhỏ đến sinh thái chung của Tây Nguyên, đến các tỉnh miền Trung, các tỉnh Nam Trung Bộ, đến toàn quốc. Bây giờ cần làm gì, làm thế nào thì các đồng chí đã biết, tôi không nói về kế hoạch chung của Tây Nguyên, mà chỉ lưu ý một điểm: Mọi kế hoạch phải đảm bảo cân bằng được sinh thái môi trường thiên nhiên của Tây Nguyên, cân bằng giữa cây rừng, cây cao su, cây cà phê, cây lương thực ngắn ngày. Mọi sự tính toán và quyết định phải dựa trên cơ sở nghiên cứu khoa học...vì nó sẽ tác động tới tất cả mọi lĩnh vực. Đi đôi với việc phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, cần phải chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, tạo điều kiện cho đồng bào an tâm sản xuất. Cần tránh chạy theo nhu cầu cấp thiết nhất thời, gây lãng phí tiền của công quỹ và công sức người lao động.

Đất rừng Tây Nguyên rất phong phú, lâu nay ta chưa chú trọng bảo tồn và phát huy hết, nay cần làm cho tốt và làm phong phú thêm, cần tránh khai thác một cách bừa bãi, bất chấp quy luật tồn tại và phát triển của thiên nhiên, chạy theo lợi nhuận trước mắt, làm khô kiệt đất rừng và sa mạc hoá vùng đất giàu có này.

Cần nhớ rằng tài nguyên trên mặt đất ta chưa phát huy hết, tài nguyên dưới lòng đất lâu nay ta cũng chưa có điều kiện thăm dò đầy đủ nên càng phải hết sức thận trọng. Cái gì đã thăm dò, khai thác lên thì phải ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, chế biến có hiệu quả, nếu không làm được như thế thì hãy để lại đó, ta dành cho thế hệ mai sau khai thác có hiệu quả hơn.

Công tác giáo dục đào tạo nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào Tây Nguyên là một nhiệm vụ rất to lớn và nặng nề, nhưng chúng ta phải quyết tâm làm cho tốt. Ở đây phải có chính sách ưu tiên rõ ràng, không được cào bằng. Đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc sống lâu đời trên đất Tây Nguyên phải luôn luôn được các cấp uỷ đảng, chính quyền quan tâm đầu tư, giúp đỡ. Các trường dân tộc nội trú trên đất Tây Nguyên phải ưu tiên trước hết cho con em các dân tộc sống lâu đời trên đất Tây Nguyên. Nội dung học tập phải sát thực tế, tránh dạy học một cách nhồi nhét, tư duy cứng nhắc. Cố gắng làm sao có thể truyền đạt cho các em những kiến thức văn hoá, khoa học, kỹ thuật mà sau này khi trở về quê hương các em có thể phát huy, vận dụng tốt để xây dựng và giúp đỡ bà con trong buôn làng nâng cao dân trí, nâng cao đời sống.

Nâng cao dân trí, kiến thức văn hoá, khoa học kỹ thuật cho đồng bào các dân tộc sẽ tạo điều kiện giúp cho đồng bào thấy được cái lợi của định canh định cư trong việc ổn định cuộc sống, xoá bỏ nghèo nàn lạc hậu. Cần thấy rõ ý nghĩa, vai trò to lớn của vấn đề này ngay từ khâu giáo dục đào tạo cán bộ, phân bổ nhân lực hỗ trợ cho vùng sâu, vùng xa ở Tây Nguyên.

Xoá đói giảm nghèo là một yêu cầu bức xúc của cuộc sống, là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, phản ánh bản chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta, thể hiện ý nguyện của toàn Đảng, toàn dân ta. Song, cần nhớ rằng, chính nhân dân mới là người thực hiện xoá đói giảm nghèo. Chỉ có dân giúp dân mới xoá được đói nghèo trong dân. Nói như thế không có nghĩa là chúng ta phó mặc cho dân mà là để đừng làm thay dân (mà có làm thay dân cũng không làm được đâu). Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể phải hỗ trợ giúp dân bằng cơ chế, chính sách, bằng việc tạo điều kiện thuận lợi cho dân trong việc vay vốn, hướng dẫn họ tổ chức lao động sản xuất, tự làm giàu cho mình, cho quê

huong. Đây cũng là cách phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động trong kinh tế-chính trị, văn hoá-xã hội.

Nhân đây tôi cũng muốn nói thêm rằng: Xoá đói giảm nghèo ở Tây Nguyên không những cần sự nỗ lực của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên mà còn cần sự giúp đỡ tương trợ của các địa phương khác trong cả nước, nhất là những tỉnh có đồng bào nghèo di cư đến Tây Nguyên sinh sống đã làm cho những yêu cầu về xoá đói giảm nghèo, xây dựng các cơ sở giao thông, y tế, trường học ở Tây Nguyên tăng thêm.

Đất rừng Tây Nguyên rất rộng, lại tiếp giáp biên giới với hai nước bạn Lào và Campuchia, cách tốt nhất để giữ vững an ninh biên giới là đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, nâng cao dân trí, xây dựng một nếp sống văn hoá lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc, sống hoà hợp hữu nghị với đồng bào các dân tộc ở phía bên kia biên giới. Muốn làm được như thế thì lực lượng biên phòng phải làm nòng cốt, cùng dân tham gia sản xuất, hướng dẫn giúp đỡ dân ra làm ăn sinh sống sát đường biên. Phải tích cực và gương mẫu trước dân trong mọi hoạt động từ bảo vệ rừng, trồng cao su, cà phê và các cây lương thực khác. Phải làm sao cho vùng biên giới trở nên sầm uất, đông vui, đường sá giao thông thuận lợi, giao lưu kinh tế, văn hoá dễ dàng. Tất nhiên đây là việc lớn, đòi hỏi cả Trung ương, tỉnh, huyện và dân cùng lo và phải có chính sách ưu đãi thoả đáng.

Để giữ vững an ninh biên giới, một mặt như trên tôi đã nói, phải chú ý phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở vùng biên giới; đồng thời cũng phải giáo dục, phổ biến cho dân thấy cần phải tôn trọng đường biên giới, không được sang xâm canh, xâm cư trên đất bạn, giữ vững mối quan hệ tình nghĩa láng giềng thân thiện. Hoàn cảnh kinh tế của đồng bào bên nước bạn cũng có thể có những khó khăn, trong điều kiện có thể, ta nên sẵn lòng hỗ trợ giúp bạn, nhất là đối với những nhu yếu phẩm, gạo, muối, thuốc chữa bệnh... Tạo mối quan hệ tôn trọng và giúp đỡ lẫn nhau thì sẽ

ngăn chặn được âm mưu phá hoại của kẻ địch, giữ vững an ninh biên giới, đảm bảo ổn định chính trị xã hội, phát triển được kinh tế, nâng cao được trình độ văn hoá của nhân dân.

Trên đây là một số ý kiến nêu thêm với các đồng chí. Mong rằng các đồng chí nghiên cứu trao đổi, sớm định ra những bước đi thích hợp nhằm làm cho kinh tế-xã hội của Tây Nguyên ngày càng phát triển tốt đẹp.

BẢO VỆ VỮNG CHẮC TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THEO KẾ SÁCH TỐI ƯU

(Trả lời phỏng vấn Tạp chí Quốc phòng toàn dân nhân

Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và Ngày hội Quốc
phòng toàn dân, ngày 22-12-1994)

Phóng viên:

Thưa đồng chí Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, người ta nói, đồng chí đã từng là người chỉ huy, là vị tướng xông pha chiến trận trong cả hai cuộc kháng chiến, là tư lệnh tập đoàn bộ đội trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, làm nghĩa vụ quốc tế chống thảm hoạ diệt chủng trên đất nước bạn, thế mà, khi làm Bộ trưởng Quốc phòng, đồng chí lại thực hiện giảm mạnh quân số, điều chỉnh chiến lược. Hình như ở đây có điều gì nghịch lý trong con người của vị tướng sinh ra từ chiến tranh?

Trả lời:

Tôi nghĩ, chúng ta không phải liên tiếp tiến hành các cuộc chiến tranh yêu nước trong gần 50 năm qua, nếu như chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực khác không phát động các cuộc chiến tranh xâm lược - dùng chiến tranh để chà đạp lên khát vọng hòa bình, độc lập, tự do của nhân dân ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói điều này trước toàn thế giới: "Đồng bào tôi và tôi thành thật muốn hoà bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh"¹. Khi quân viễn chinh Pháp đã phát động cuộc chiến tranh xâm lược trên cả nước ta, Người đã kêu gọi toàn dân: "Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ"². Đây là nguyên nhân chủ yếu buộc quân và dân ta phải tiến hành cuộc kháng chiến lần thứ nhất.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã kết thúc thắng lợi bằng chiến cuộc Đông - Xuân năm 1953 - 1954 với đòn quyết chiến lẫy lừng ở Điện Biên Phủ. Miền Bắc được giải phóng. Khả năng thống nhất đất nước bằng con đường hoà bình đã được Hiệp định Giơnevơ bảo đảm, mặc dù Hiệp định đó chưa phản ánh đúng tâm vóc thắng lợi của nhân dân ta. Tuy nhiên, Đảng ta, Nhà nước ta, nhân dân ta và các lực lượng vũ trang ta vẫn tích cực tranh thủ mọi khả năng hoà bình để xây dựng miền Bắc và đoàn tụ hai miền đất nước theo cam kết của cộng đồng quốc tế. Thế nhưng, những nhà cầm quyền nước Mỹ lúc bấy giờ đã làm trái với tư tưởng hoà bình của đông đảo nhân dân Mỹ và thế giới. Họ trắng trợn phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tiến hành xâm lược và giết hại rất dã man nhân dân miền Nam nước ta, ngang nhiên dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc. Đó là nguyên nhân duy nhất khiến nhân dân và các lực lượng vũ trang ta buộc phải cầm súng chiến đấu chống quân đội Mỹ xâm lược. Vượt qua sức tàn phá của 15 triệu tấn bom đạn

và chất động hoá học tương đương với 700 quả bom nguyên tử của Mỹ ném xuống Hirôshima, quân và dân ta đã thực hiện được mục tiêu cơ bản là bảo vệ sinh mệnh của dân tộc và giải phóng hoàn toàn Tổ quốc, theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", kết thúc oanh liệt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước bằng cuộc tiến công chiến lược mùa Xuân năm 1975 chưa từng có trong lịch sử dân tộc, đỉnh cao là chiến dịch mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Cả nước sạch bóng quân xâm lược, Nam Bắc xum họp một nhà, cả dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhưng hoà bình chưa kịp hiện diện đầy đủ thì ngọn lửa chiến tranh xâm lược lại bùng lên ở hai đầu đất nước. Một lần nữa, nhân dân và các lực lượng vũ trang ta lại phải bước vào cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc không ai ngờ tới, để giữ gìn những gì mà suốt một phần ba thế kỷ đã giành được bằng xương máu.

Tất cả sự thật lịch sử đó nói lên, nhân dân ta, Đảng ta, Nhà nước ta là một quốc gia - dân tộc yêu hoà bình. Vì yêu hoà bình tha thiết mà phải đem xương máu để giành lấy hoà bình mà kẻ xâm lược đã phá hoại. Quân đội ta là công cụ để bảo vệ hoà bình, là sản phẩm của cuộc đấu tranh giành lấy hoà bình, độc lập, tự do. Có thể nói, bản chất Quân đội nhân dân Việt Nam là quân đội để bảo vệ hoà bình, độc lập, tự do của dân tộc, của Tổ quốc. Là một thành viên của quân đội ta, tôi luôn luôn thấm nhuần bản chất đó trong suy nghĩ và hành động. Đúng như Bác Hồ đã nói: "Vấn biết dụng binh là việc nhân nghĩa, muốn cứu dân, cứu nước"³. Như vậy, trong tôi không có gì là nghịch lý.

Vì thế, khi đất nước ta bước vào thời kỳ mới, thời kỳ hoà bình xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, Đảng ta, Nhà nước ta quyết định giảm hai phần ba quân số thường trực, điều chỉnh chiến lược. Điều đó đáp ứng yêu cầu cấp bách của nhân dân ta là tập trung sức xây dựng đất nước về mọi mặt sau gần một phần hai thế kỷ

bị cuốn vào các cuộc chiến tranh; phù hợp với chính sách của Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, góp phần vào củng cố và phát triển xu thế hoà bình, đối thoại, hợp tác giữa các quốc gia - dân tộc trong khu vực và trên thế giới.

Song, cũng cần nhận thức rõ, giảm quân số của bộ đội thường trực, điều chỉnh chiến lược không có nghĩa là làm cho quân đội ta yếu đi, hoặc coi thường nguy cơ chiến tranh. Trái lại, ta phải xây dựng cho quân đội ta mạnh hơn bao giờ hết, làm cho đất nước có sức mạnh bảo vệ mình hơn hẳn trong các cuộc chiến tranh vừa qua. Đó là con đường đổi mới xây dựng quân đội nhân dân, đổi mới công cuộc xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ quốc phòng và an ninh, kết hợp chặt chẽ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết 02/BCT của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: Tư tưởng chủ đạo của nội dung đổi mới ở đây là: Nếu có thể lực nào đó xâm lược nước ta ắt phải mạnh hơn ta, vậy thì tư tưởng cơ bản của ta là đánh lâu dài (tất nhiên nếu điều kiện có thể mà ta càng kết thúc nhanh thì càng tốt). Mà muốn đánh lâu dài thì chúng ta phải xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh (thành) vững chắc làm nòng cốt và cơ sở nền tảng của nền quốc phòng toàn dân. Trong nội dung xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc không chỉ dừng lại ở chỗ xây dựng hệ thống công sự, hầm hào, đường cơ động, xây dựng trận địa và các phương án phòng ngự, phản công và tiến công, mà nội dung quan trọng nhất là việc xây dựng và tổ chức lực lượng. Qua đó tạo nên sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị Quân- Chính- Đảng và các tổ chức đoàn thể, quần chúng nhân dân trên tất cả các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, binh dịch vận v.v., được tổ chức chặt chẽ đặt dưới sự chỉ đạo thống nhất của tỉnh (thành) uỷ và sự chỉ huy cao nhất của Bí thư Đảng. Đặc điểm lớn nhất là lực lượng không thoát ly khỏi địa bàn mà luôn thường trực tại chỗ; khi có tình huống chiến tranh thì vừa chiến đấu vừa tổ chức sản xuất; ngược lại, trong

khi sản xuất tại thời bình vẫn luôn sẵn sàng chiến đấu. Đảm nhiệm nhiệm vụ này là lực lượng tại chỗ, đồng thời có lực lượng cơ động của khu vực (của tỉnh, thành và quân khu) và của Trung ương (của Bộ) được xây dựng và bố trí hợp lý. Cả hai lực lượng nói trên được tổ chức chu đáo, hiệp đồng chặt chẽ và chỉ huy thống nhất, được huấn luyện thành thục, diễn tập định kỳ, bảo đảm giành thắng lợi cả trong việc chống diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ, cả trong các tình huống chiến tranh. Nghĩa là, quân đội ta, nhân dân ta phải xây dựng cho mình có đủ sức mạnh bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo vệ sự nghiệp hoà bình, xây dựng đất nước phồn vinh, đồng thời sẵn sàng ứng phó thắng lợi mọi cuộc phiêu lưu chiến tranh xâm lược. Đó là bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo kế sách tối ưu.

Phóng viên:

Xin cảm ơn đồng chí Chủ tịch nước.

THẮNG LỢI VĨ ĐẠI CỦA CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ VÀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM NGÀY NAY

(Bài viết nhân kỷ niệm lần thứ 20 cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, ngày
30-4-1995)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của quân và dân ta, đỉnh cao là chiến dịch giải phóng Sài Gòn - Gia Định mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu đã kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên cả nước, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã

hội chủ nghĩa, thống nhất Tổ quốc, là một thắng lợi vĩ đại trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Đó là bước ngoặt quyết định mở đường cho dân tộc Việt Nam tiến hẳn vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chiến thắng lạc hậu và nghèo nàn, xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhân loại tiến bộ coi thắng lợi của nhân dân ta như một trong những thiên anh hùng ca của công cuộc giải phóng vĩ đại - giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người, bắt đầu từ Cách mạng tháng Mười Nga.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân ta vì hoà bình, độc lập, thống nhất Tổ quốc, chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của các thế lực hiếu chiến ở Oasinhton.

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo nhân dân ta, dân tộc ta tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân trong điều kiện đất nước ta tạm bị chia làm hai miền. Một đảng lãnh đạo thống nhất, một dân tộc, một quân đội tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau nhằm mục tiêu chung là độc lập và thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta phải đương đầu với thế lực xâm lược mạnh nhất hành tinh. Đó là cuộc đọ sức điển hình của "nhỏ đánh lớn", "ít địch nhiều", cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp gay go quyết liệt, một mất một còn giữa nhân nghĩa và bạo tàn, giữa độc lập, tự do và nô dịch, xâm lăng, giữa con người đòi dân chủ, nhân quyền và kẻ áp đặt độc đoán bằng phương tiện chiến tranh hiện đại, giữa nguyện vọng hoà bình trong độc lập, tự do và "hoà bình" trong nô dịch dân tộc và áp bức giai cấp.

Hơn một phần năm thế kỷ, từ tháng 7-1954 đến tháng 4-1975, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân cả nước liên tiếp đương đầu thắng lợi với các chiến lược chiến tranh của giới cầm quyền Hoa Kỳ. Đó là chiến lược phá hoại Hiệp định Giơnevơ, đánh phá cách mạng miền Nam, độc chiếm miền Nam

nước ta; chiến lược chiến tranh đặc biệt; chiến lược chiến tranh cục bộ dùng quân Mỹ trực tiếp xâm lược miền Nam và dùng không quân, hải quân đánh phá miền Bắc; chiến lược "phi Mỹ hoá" và "Việt Nam hoá chiến tranh" và mở rộng chiến tranh xâm lược ra toàn Đông Dương. Giới cầm quyền Hoa Kỳ còn lợi dụng những bất hoà trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hòng cô lập cuộc kháng chiến của nhân dân ta.

Để thực hiện các chiến lược đó, về quân sự, Nhà Trắng và Lầu Năm Góc đã đưa khoảng 6,5 triệu lượt thanh niên Mỹ trực tiếp tham gia chiến tranh xâm lược Việt Nam; huy động chừng 70% lực lượng lục quân, 60% lính thuỷ đánh bộ, 40% lực lượng hải quân, 60% lực lượng không quân của cả nước Mỹ với đội quân viễn chinh đông tới hơn nửa triệu người. Số lượng bom đạn quân Mỹ ném xuống Việt Nam vượt xa các cuộc chiến tranh mà Mỹ tiến hành trước đó, tương đương với 700 quả bom nguyên tử của Mỹ ném xuống Hirôshima (Nhật) cùng hàng ngàn tấn chất độc hoá học điôxin. Có thể nói, những sản phẩm quân sự và chiến tranh hạng nhất, mới nhất của nước Mỹ (trừ vũ khí hạt nhân) đều đã được sử dụng trên chiến trường Việt Nam và Đông Dương. Nhưng quân Mỹ đã liên tiếp bị thất bại thảm hại trên cả hai miền Nam - Bắc, thất bại sau lớn hơn thất bại trước.

Nhân dân Mỹ đã đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, đưa quân đội Mỹ về nước. Sự chia rẽ trong giới cầm quyền Mỹ ngày càng sâu sắc. Sự đối lập giữa giới cầm quyền và nhân dân tiến bộ Mỹ ngày càng gay gắt. Nhân dân tiến bộ toàn thế giới, trước hết là nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em, phong trào cộng sản và công nhân thế giới, phong trào giải phóng dân tộc, ngày càng ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, nhân dân ba nước Đông Dương, chống đế quốc Mỹ xâm lược. Thế lực hiếu chiến Hoa Kỳ bị cô lập hoàn toàn trước cộng đồng thế giới. Hành động quân sự quyết định: thả mìn bao vây, phong toả cảng Hải Phòng, dùng B.52 ném bom bắn phá Hà Nội -

Hải Phòng từ ngày 18 đến ngày 29-12-1972, bị thất bại. Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pari, rút quân về nước, công nhận nền độc lập và sự thống nhất của Việt Nam. Song, âm mưu đẩy mạnh chiến tranh, củng cố chế độ nguy quyền, nguy quân vẫn được ngoan cố thực hiện hòng xoá bỏ thành tựu đấu tranh chống xâm lược của nhân dân cả nước ta. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của quân và dân ta đã đập tan mưu đồ trên đây, kết thúc toàn thắng cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta, dân tộc ta tiến hành thắng lợi cuộc kháng chiến lâu dài, gay go, quyết liệt nhất trong lịch sử của đất nước ngàn năm văn hiến và đã thu được những bài học vô cùng quý giá.

Bài học bao trùm nhất, cơ bản nhất là phát huy được sức mạnh to lớn của cả dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng ta đã xác định đúng đắn mục tiêu của cách mạng và phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân để tổ chức và động viên sức mạnh của toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại. Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng nhằm mục tiêu chung là độc lập và thống nhất Tổ quốc. Tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và của loài người tiến bộ. Thực hiện chiến lược tổng hợp, kết hợp chặt chẽ đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị, chiến tranh cách mạng và khởi nghĩa quần chúng. Kết hợp ba vùng chiến lược rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị. Kết hợp ba thứ quân, kết hợp chiến tranh chính quy và chiến tranh du kích, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ; thực hiện làm chủ để đánh địch, đánh địch để làm chủ. Kết hợp ba quả đấm chiến lược: các đòn đánh của bộ đội chủ lực trên chiến trường lựa chọn, các chiến dịch tổng hợp ở vùng đồng bằng đông dân, đấu tranh chính trị và đấu tranh bạo lực thích hợp ở các

đô thị. Kết hợp chiến tranh giải phóng ở miền Nam với chiến tranh bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao. Quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công, đánh lui địch từng bước, đánh đổ địch từng bộ phận, đánh cho Mỹ cút rồi đánh cho ngụy nhào, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn và triệt để.

Đường lối chính trị, đường lối quân sự, nhất là phương pháp cách mạng và phương thức tiến hành chiến tranh nhân dân của Đảng trên đây - với sự chỉ đạo chiến lược tài tình của tập thể Bộ Chính trị đứng đầu là Tổng Bí thư Lê Duẩn - đã tạo nên sức mạnh tổng hợp cực kỳ to lớn, sức mạnh chưa từng có của cả nước, của cả dân tộc, nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân anh hùng của chúng ta, đánh thắng lực lượng xâm lược khổng lồ và những cố gắng chiến tranh rất cao của Hoa Kỳ.

Một trong những yếu tố tạo nên sức mạnh tổng hợp đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc Việt Nam. Đây là truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta, được sản sinh và phát triển trong cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước từ ngàn xưa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, truyền thống đó của dân tộc ta được phát triển mạnh mẽ trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, thể hiện ở lời khẳng định mang tính chân lý vĩnh hằng của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" của dân tộc ta là "Quyết đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất tổ quốc. "Nam Bắc là một nhà", "Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam"⁴, "sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi"⁵. Tiêu biểu cho ý chí của toàn thể dân tộc ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà

Nội, Hải phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"⁶.

Lòng yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta đã chuyển thành sức mạnh vật chất. Từng đảng viên, từng chiến sĩ, từng người dân đứng lên chiến đấu, thực hiện "toàn dân đánh giặc" theo đường lối của Đảng. Cuối cùng nhân dân ta đã đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược, giành lại độc lập, hoà bình thống nhất thật sự cho dân tộc, Tổ quốc Việt Nam.

Lòng nhân nghĩa, khoan dung, lấy đại nghĩa làm trọng của dân tộc ta là một yếu tố tạo nên sức mạnh chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là một bản sắc dân tộc độc đáo hình thành và phát triển trong lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài của cộng đồng các dân tộc Việt Nam hàng nghìn năm văn hiến. Bản sắc này là một biểu hiện của chủ nghĩa nhân văn Việt Nam; trong lĩnh vực quân sự, nó đã trở thành một động lực to lớn tập hợp lực lượng của toàn dân đánh giặc và là một vũ khí sắc bén phân hoá kẻ thù, cô lập cao độ kẻ thù nguy hiểm nhất, hạn chế cái mạnh, khoét sâu cái yếu của chúng để đánh thắng chúng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, lòng nhân nghĩa, khoan dung của dân tộc ta được xây dựng và phát triển như mối quan hệ cơ bản giữa các thành viên trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đó là giá trị nhân văn mới để xây dựng, phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng mới của khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đất nước bị tạm chia làm hai miền, Đảng ta đã đoàn kết được tất cả lực lượng của dân tộc, tập hợp được tất cả lực lượng của dân tộc, tập hợp được mọi người Việt Nam yêu nước, kể cả một số đông

những người vì nhiều lý do khác nhau đã từng đứng trong hàng ngũ của kẻ thù để chống xâm lược, giành độc lập, hoà bình và thống nhất Tổ quốc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người tiêu biểu cho lòng nhân nghĩa, khoan dung của dân tộc ta đã chỉ rõ: "Đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, phải rút hết quân đội của chúng về nước, để nhân dân ta tự quyết định vận mệnh của mình thì sẽ có hoà bình lập tức"⁷. Trong chiến tranh, người ta thường nói đánh tiêu diệt để chiến thắng. Chủ tịch Hồ Chí Minh lại nói "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Nhân dân cả nước vì đại nghĩa, xoá bỏ mặc cảm "bên này, bên kia", cùng nhau giành lấy hoà bình, thống nhất nước nhà, xây dựng Tổ quốc. Cuộc "tắm máu", "lấy oán trả ân" đã không xảy ra sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Việc tìm kiếm binh sĩ Mỹ mất tích trong chiến tranh hiện được Chính phủ ta và nhân dân ta giúp đỡ với thiện chí, chân thành, mặc dù nỗi đau mà cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ gây nên còn đè nặng lên đời sống của cả dân tộc Việt Nam ta.

Nhân loại tiến bộ coi lòng nhân nghĩa, khoan dung của dân tộc ta trong cuộc chiến đấu vì hoà bình, độc lập và thống nhất Tổ quốc tiêu biểu cho lương tri và phẩm giá của nhân loại.

Một yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là tư chất thông minh, sáng tạo của dân tộc ta. Đây cũng là một bản sắc lâu đời của dân tộc Việt Nam, không phải tự nhiên mà có, mà hình thành, phát triển và được khảo nghiệm qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đầy gian khổ, khó khăn. Đây cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản làm cho cộng đồng dân tộc Việt Nam tồn tại, phát triển như ngày nay trong bối cảnh lịch sử luôn luôn đứng trước nguy cơ thiên tai, địch họa to lớn và dồn dập.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, tư chất thông minh, sáng tạo của dân tộc đã có bước phát triển về chất khi được trang bị thêm hệ thống tri thức về nhân sinh quan và thế

giới quan của chủ nghĩa Mác - Lênin, khi giai cấp công nhân Việt Nam trở thành người đại biểu của dân tộc với đội tiên phong có trí tuệ và giàu kinh nghiệm của mình là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xác định mục tiêu đúng, có quyết tâm cao, vấn đề là tìm tòi mọi hình thức, phương pháp, bước đi, cách đánh... trong thực tiễn để đạt tới mục đích. Trong chiến tranh, quy luật chung là mạnh được, yếu thua. Tạo ra sức mạnh đánh thắng thế lực xâm lược to lớn chỉ có thể bằng trí thông minh, óc sáng tạo, bằng trí tuệ, không chỉ của cơ quan lãnh đạo tối cao mà của mỗi người, của toàn dân. Không chỉ dám đánh, mà còn phải biết đánh và biết thắng. Chiến tranh nhân dân thể hiện rõ rệt dân chủ trong quân sự. Theo đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta, quân và dân ta đã sáng tạo ra muôn vàn cách đánh rất phong phú trên nhiều lĩnh vực. Chúng ta đã biết điều khiển cuộc chiến tranh nhân dân phát triển từng bước từ nhỏ đến lớn và cuối cùng, kết thúc chiến tranh một cách nhanh chóng, hoàn toàn, triệt để và rất bất ngờ.

Nhân dân ta đã biết kết hợp chặt chẽ sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại, phát huy đầy đủ sức mạnh đoàn kết của dân tộc, liên minh của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia và tăng cường sự đoàn kết quốc tế. Tiếp nhận đến mức cao nhất sự giúp đỡ to lớn, quý báu của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác trong điều kiện có sự bất hoà giữa các nước và các đảng anh em... Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân các nước trên toàn thế giới kể cả nhân dân nước Mỹ. Đó cũng là những nét tiêu biểu cho trí tuệ của dân tộc ta trong cuộc chiến vốn không cân sức mà nhân dân ta lại giành được thắng lợi.

Những bài học của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đang có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với công cuộc đổi mới. Điều quan trọng là phải vận dụng, phát triển những bài học ấy cho phù hợp với những điều kiện lịch sử mới của đất nước ta, của khu vực Đông Nam Á và của thế giới.

Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới xã hội chủ nghĩa đúng đắn, sáng tạo và không ngừng bổ sung, hoàn thiện đường lối đó qua tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, kết hợp với việc học tập, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm hay của thế giới. Qua bài học của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đường lối đổi mới của Đảng ta phải là sản phẩm của quá trình tổng kết thực tiễn, đổi mới tư duy về chủ nghĩa xã hội, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, bảo vệ và không ngừng phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đường lối đổi mới xã hội chủ nghĩa là phải trân trọng và phát huy những thành tựu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và phải khắc phục những khuyết tật, những sai lầm đã mắc phải làm cho xã hội lâm vào tình trạng trì trệ - sản phẩm của tư duy thoát ly thực tiễn, bảo thủ, giáo điều, cứng nhắc. Đường lối đổi mới xã hội chủ nghĩa càng không thể dung hoà với những cái chập chờn, vô nguyên tắc, xa rời những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Phải một mặt tiếp tục khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa giáo điều, hiện tượng bảo thủ; mặt khác, phải kiên quyết chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, xét lại, những hiện tượng mơ hồ, mất cảnh giác, ngay trong quá trình đưa đường lối vào cuộc sống, chứ không trên lĩnh vực tư tưởng, quan điểm.

Đường lối đổi mới xã hội chủ nghĩa của Đảng phải phản ánh đúng những đặc điểm về hoàn cảnh, điều kiện lịch sử, truyền thống và bản sắc của dân tộc Việt Nam. Đó là con đường làm cho chủ nghĩa xã hội ăn sâu, bám rễ vào đất nước và con người Việt Nam, vào truyền thống, bản sắc, lịch sử, kinh nghiệm, thói quen, tư chất, nền văn hoá, văn minh của dân tộc Việt Nam. Khác với chủ nghĩa xã hội mà ta nhận thức và thực hiện trước đây, với cả mặt tích cực và khuyết tật của nó, chủ nghĩa xã hội trong công cuộc đổi mới ngày nay không thể có một mô hình chung cho mọi quốc gia - dân tộc. Mỗi quốc gia - dân tộc phải tìm ra mô hình chủ nghĩa xã hội của

mình phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của quốc gia - dân tộc mình. Chỉ có như thế, chủ nghĩa xã hội mới có sức sống thực bằng động lực nội tại là chủ yếu trong từng quốc gia - dân tộc.

Bài học về ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cần được phát triển, nâng cao trong quyết tâm chống nghèo nàn, lạc hậu, từng bước khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các quốc gia - dân tộc khác trong khu vực và thế giới; quyết tâm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đề phòng nguy cơ chệch hướng; quyết tâm chống lại những hành động tham nhũng, cửa quyền cùng các tiêu cực khác trong xã hội đe dọa sự bền vững của chế độ xã hội chủ nghĩa; quyết tâm bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam và chế độ xã hội chủ nghĩa, chống nguy cơ tự diễn biến và bị diễn biến hoà bình, ngăn ngừa và loại trừ mầm mống bạo loạn, lật đổ, sẵn sàng đối phó thắng lợi với chiến tranh xâm lược trên các quy mô.

Nỗi nhục nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển so với quốc gia - dân tộc khác cũng không nhẹ gì hơn nỗi nhục mất nước, làm thân trâu ngựa. Hơn nữa, ý chí không có gì quý hơn độc lập, tự do, về bản chất cũng là ý chí, quyết tâm xây dựng một cuộc sống độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc. Vì thế, cuộc đấu tranh xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng và văn minh cũng đòi hỏi ý chí kiên cường của toàn dân, của cả dân tộc. Đảng ta đã xác định rõ mục đích và nhân dân ta tỏ rõ quyết tâm thực hiện, không do dự, không ngại khó, ngại khổ, không quản hy sinh để thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

Cuộc đấu tranh chống nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng và văn minh còn khó khăn, gian khổ và lâu dài hơn cuộc chiến chống xâm lược. Nhân dân ta, dân tộc ta xây dựng cuộc sống mới từ điểm xuất phát rất thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Cho nên, mỗi thành viên của cộng đồng dân tộc, mọi công dân phải bền chí gấp nhiều lần, phải thực sự vì nước và vì mình;

kết hợp hài hoà giữa lợi ích cá nhân, gia đình, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội; phát huy đầy đủ khả năng của các thành phần kinh tế, giải phóng ngày càng lớn lực lượng sản xuất của đất nước, tích cực áp dụng khoa học và công nghệ tiên tiến trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất - tinh thần của xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với thực hiện công bằng xã hội, với củng cố quốc phòng - an ninh.

Phải mở rộng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện đoàn kết chặt chẽ các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng và văn minh mà Đảng ta đề ra đã và đang thu hút mọi người Việt Nam yêu nước. Mục tiêu này phản ánh quyền lợi cơ bản, khát vọng lâu đời của dân tộc Việt Nam và quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân cùng nhân dân lao động ở nước ta. Đây là sự thống nhất biện chứng giữa xây dựng Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, giữa quyền lợi của dân tộc và quyền lợi của giai cấp công nhân. Đó là cơ sở tạo nên mối quan hệ gắn bó hơn bao giờ hết giữa giai cấp và dân tộc, giữa các thành viên trong cộng đồng dân tộc, bao gồm cả người Việt định cư ở nước ngoài. Vì thế, khả năng đoàn kết các tầng lớp nhân dân, đoàn kết các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam rộng lớn hơn, vững chắc hơn, có hiệu quả hơn. Thành tựu bước đầu nhưng rất quan trọng của chín năm đổi mới đã khẳng định điều này.

Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong hoàn cảnh thế giới và khu vực hiện nay thể hiện trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta: Việt Nam muốn là bạn của tất cả các quốc gia - dân tộc trên thế giới. Trong bối cảnh của khu vực và thế giới vừa đối đầu vừa đối thoại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, nhân dân ta, dân tộc ta giương cao ngọn cờ hoà bình, kiên trì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, chống chiến tranh xâm lược, chống chính sách nô dịch; tăng

cường đối thoại, đẩy lùi đối đầu, tăng cường yếu tố đối tác, giảm yếu tố đối tượng, gác lại quá khứ, nhìn về tương lai..., thực hiện đoàn kết, bình đẳng, hữu nghị, hợp tác hai bên và nhiều bên cùng có lợi.

Bài học của cuộc kháng chiến chống Mỹ trước hết phải xác định mục tiêu đúng, có quyết tâm cao, trên cơ sở đó mà nghiên cứu, tìm tòi mọi hình thức, phương pháp, bước đi thích hợp nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Công cuộc đổi mới xã hội chủ nghĩa càng đòi hỏi trí tuệ cấp độ cao của toàn dân, của cả cộng đồng dân tộc. Đây là một quá trình nghiên cứu, tìm tòi, lựa chọn, thẩm định, khẳng định, khảo nghiệm thực tế cũng như lý luận. Muốn đạt được những thành tựu đổi mới, không thể một người nào làm được, mà phải dựa vào trí tuệ tập thể, trí tuệ của toàn dân, phải thực hiện dân chủ, tự do tư tưởng. Then chốt ở đây là vấn đề dân chủ; dân chủ là động lực và cũng là mục đích của cách mạng. Thực tế cho thấy, nhiều giải pháp mang tầm vĩ mô đã được nhân dân, quần chúng phát hiện, kiến nghị và được áp dụng với hiệu quả to lớn. Hãy khắc phục thói quen của một số người khi có quyền hành là không học hỏi quần chúng, không lắng nghe và phân tích những ý kiến khác nhau và chỉ nghe những ý kiến "hợp với mình", thậm chí có thái độ không thoả đáng với những người có ý kiến khác mình.

Phải nhận thức rằng, công cuộc đổi mới xã hội chủ nghĩa về thực chất, là công cuộc dựng kỷ nguyên mới của dân tộc ta, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, là cuộc cách mạng mới của toàn Đảng, toàn dân, toàn dân tộc. Công cuộc đó vừa có vận hội lớn vừa có những thử thách nghiêm trọng. Để nắm được vận hội, vượt qua thử thách, tất yếu phải có trí tuệ, tìm ra được giải pháp tối ưu, bước đi thích hợp. Những giải pháp và bước đi đó phải là những sản phẩm của trí tuệ tập thể. Vì thế, phải có quan điểm mới về chiến lược con người - nâng cao dân trí, từng bước trí thức hoá công nông, nâng cao trình độ kiến thức cho toàn Đảng, cho toàn bộ máy Nhà nước, cho toàn dân và toàn quân. Đó cũng là đòi hỏi khách quan của

công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

Trải qua bao nổi thăng trầm trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam ta rút ra nhiều bài học đáng cay trong thất bại và có rất nhiều bài học quý giá trong thành công. Vì vậy, bên cạnh niềm tự hào, tự tin dân tộc, không tránh khỏi có lúc có hiện tượng cam chịu và tự ti trước sức mạnh xâm lược, nô dịch to lớn của nước ngoài. Nhưng từ khi có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, nhân dân ta, dân tộc ta đã phát huy cao độ niềm tự hào dân tộc, vững tin vào sức mình, đã bền bỉ vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, đánh thắng hai đế quốc to, giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Trên hành tinh của chúng ta, thế giới loài người là một chỉnh thể thống nhất mang đầy mâu thuẫn; các thế lực khác nhau vừa hợp tác, vừa đọ sức quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Tình hình đó ảnh hưởng nhanh nhạy đến nước ta. Chúng ta phải ứng xử như thế nào trước tình hình đó? Không thể trả lời một cách đơn giản. Phải bám sát tình hình để ứng xử từng trường hợp, từng lúc một cách đúng đắn nhất. Muốn vậy, điều cơ bản là phải phát huy đầy đủ niềm tự hào, tự tin dân tộc và tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo, tiếp tục xóa sạch di chứng tự ti, lệ thuộc trong đầu óc của mỗi chúng ta trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mở rộng hợp tác quốc tế. Giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nghĩa vụ thiêng liêng của toàn Đảng, toàn bộ máy nhà nước, toàn dân, toàn quân và của các thế hệ mai sau. Nhân kỷ niệm ngày vui Đại thắng mùa Xuân năm 1975, các thế hệ đã làm nên chiến công rạng rỡ này gửi gắm niềm tin sắt đá và bền vững vào các thế hệ kế tiếp sẽ mãi mãi giữ vững nền độc lập dân tộc và xây dựng đất nước ngày thêm giàu mạnh, xã hội ngày thêm công bằng, văn minh, mọi người sống hoà thuận, hạnh phúc và nhân nghĩa theo truyền thống của dân tộc "thương người như thể thương thân". Chúng ta mãi

mãi nhớ ơn nhân dân thế giới, bầu bạn gần xa đã và đang ủng hộ nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp giành và giữ độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chúng ta mãi mãi là người bạn chân thành của cộng đồng các dân tộc sống trên hành tinh tươi đẹp này.

ĐÒI ĐÒI GHI NHỚ CÔNG ƠN CÁC BÀ MẸ VIỆT NAM ĐÃ CỐNG HIẾN
CHO TỔ QUỐC NHỮNG NGƯỜI

THÂN YÊU NHẤT CỦA MÌNH ĐỂ BẢO VỆ NON SÔNG GẮM VÓC

(Phát biểu tại lễ trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng",

Hà Nội, ngày 1-12-1994)

Thưa đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam,

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận Tổ quốc,

Thưa các bà mẹ có mặt hôm nay, được Nhà nước trao tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng",

Thưa các đồng chí và các bạn,

Kế thừa và phát huy truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc Việt Nam ta, từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, trải qua 50 năm đấu tranh giải phóng, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần tuyên dương Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động đối với những công dân yêu nước đã góp phần làm rạng rỡ non sông, đất nước ta.

Nhân kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng - Ngày hội Quốc phòng toàn dân, Đảng và Nhà nước ta đã quyết định tặng danh hiệu vô cùng bình dị mà rất cao quý "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" cho những bà mẹ có những người con, người chồng hy sinh anh dũng cho sự nghiệp 50 năm giải phóng và bảo vệ Tổ quốc.

Tại buổi lễ trọng thể này, thay mặt Đảng, Nhà nước, nhân dân các dân tộc trong cả nước và các thế hệ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam anh hùng, tôi xin kính cảm nghiêng mình trước vong linh các liệt sĩ đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân.

Với niềm xúc động sâu sắc, tôi xin gửi tới các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình có công với nước, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng lòng biết ơn vô hạn và những tình cảm thân thiết nhất. Đảng và Nhà nước ta, dân tộc ta, nhân dân ta nguyện đời đời ghi nhớ công ơn các bà mẹ Việt Nam đã sinh ra, nuôi dạy nên những thế hệ anh hùng của nước ta, đã cống hiến cho Tổ quốc những người thân yêu nhất của mình để bảo vệ non sông gấm vóc do tổ tiên ta để lại, bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân, của muôn đời con cháu mai sau.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Qua các thời kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước, từ ngày cách mạng thành công đến nay, trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong mọi giai đoạn phát triển của đất nước, các thế hệ phụ nữ Việt Nam đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, hăng hái lao động sản xuất, đấu tranh chống áp bức, bất công, đánh giặc giữ nước, xây dựng gia đình, xóm làng, quê hương, đất nước. Phụ nữ ta đã khẳng định vai trò và phẩm chất cao đẹp của mình, xây đắp nên truyền thống hào hùng làm rạng rỡ thêm đất nước và dân tộc Việt Nam ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt cả cuộc đời vì cách mạng, vì nhân dân đã giành cho phụ nữ Việt Nam sự quan tâm to lớn,

ân cần và sâu đậm nhất, Người đã khẳng định: "Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta, trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ"⁸.

Lịch sử nước ta ghi chữ vàng chói lọi hàng triệu phụ nữ, các bà mẹ, những người vợ với lòng yêu nước nồng nàn, chịu đựng gian khổ, thử thách nặng nề, có những hy sinh thầm lặng mà to lớn, hăng hái tham gia chiến đấu, đảm đương việc nhà, việc làng xóm, động viên chồng, con, cháu lên đường cứu nước. Đã có hàng nghìn bà mẹ hiến dâng tất cả những người thân yêu nhất của mình cho Tổ quốc.

Đối với cán bộ chiến sĩ, những người con, người chồng, người thân đi chiến đấu giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, bao giờ hình ảnh người mẹ, người vợ cũng là những hình ảnh hết sức yêu thương, gắn liền với làng xóm, quê hương đất nước, là nguồn động viên sâu đậm nhất để vượt qua muôn vàn hiểm nguy, hoàn thành nhiệm vụ.

Phụ nữ Việt Nam trung hậu, đảm đang, thông minh, sáng tạo, lo toan chu đáo việc nước, việc nhà, đã góp phần xây đắp nên nền văn hoá đặc sắc, đầy tính nhân đạo của dân tộc Việt Nam ta.

Qua lịch sử lâu dài của dân tộc, có thể khẳng định rằng phẩm chất, đạo đức cao đẹp của con người Việt Nam, một phần quan trọng được thể hiện rõ nét ở người phụ nữ, những người mẹ. Những lời ru của mẹ đã nuôi dưỡng cho các con những tình cảm trong sáng từ tuổi ấu thơ. Phụ nữ Việt Nam luôn luôn là niềm tự hào của dân tộc ta.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Trong buổi gặp mặt đầy xúc động này, với lòng biết ơn sâu sắc đối với những người mẹ Việt Nam, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta nguyện phấn đấu hết sức mình để thực hiện nguyện vọng thiết tha của phụ nữ và cũng là của tất cả nhân dân ta, là đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp giải phóng phụ nữ để chị em có thể phát huy truyền thống tốt đẹp, mọi tiềm năng, tài năng và sức mạnh của mình, cống hiến

nhiều hơn cho đất nước, làm tròn chức năng cao quý của người mẹ, góp phần ngày càng to lớn vào công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đưa sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước đến thành công.

Ngày nay, phụ nữ nước ta đã trở thành một lực lượng xã hội có vị trí trọng yếu trong mọi mặt đời sống, trên tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội. Khát vọng được giải phóng và được cống hiến, khát vọng tiến bộ và bình đẳng của phụ nữ Việt Nam luôn luôn là khát vọng tha thiết, cao cả và lớn lao. Sự nghiệp giải phóng phụ nữ là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước, của các đoàn thể nhân dân và của từng gia đình, lực lượng hùng hậu của phụ nữ đang hoạt động trên tất cả các lĩnh vực hãy phát huy mạnh mẽ vai trò tích cực, chủ động và sáng tạo của mình để tự giải phóng, tự khẳng định mình.

Dù đất nước còn nhiều khó khăn và thử thách, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, các ngành, các cấp, các đoàn thể hãy quan tâm chăm sóc hơn nữa mọi mặt của đời sống phụ nữ, xây dựng và thi hành các chế độ, chính sách đối với phụ nữ để không ngừng nâng cao trình độ cho phụ nữ về chính trị, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, nuôi dạy con cái..., tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để phụ nữ làm tốt nghĩa vụ công dân và chức năng người mẹ.

Đảng và Nhà nước yêu cầu các cấp, các ngành, các đoàn thể đặc biệt chú ý chăm sóc chu đáo, tận tình các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng là những phụ nữ cao tuổi đã có cống hiến cao cả cho Tổ quốc. Toàn dân, toàn quân ta, tất cả các thế hệ con cháu, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, sinh viên, học sinh cần học tập, biết ơn những bà mẹ Việt Nam bình dị mà vô cùng vĩ đại của dân tộc.

Một lần nữa, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và kính chúc các mẹ mạnh khỏe, sống lâu, luôn luôn nêu tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

MÃI MÃI XÚNG ĐÁNG VỚI DANH HIỆU "BỘ ĐỘI CỤ HỒ",
VỚI LÒNG TIN YÊU CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN

(Bài viết nhân kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống

Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày 22-12-1994)

Những ngày này, đồng bào, chiến sĩ cả nước ta phấn khởi, tự hào kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22-12-1944 - 22-12-1994) - Ngày hội Quốc phòng toàn dân. Cùng với toàn dân, quân đội ta đã đi qua một chặng đường nửa thế kỷ đầy gian khổ hy sinh, nhưng cũng hết sức vẻ vang.

Được Đảng, Bác Hồ sáng lập và lãnh đạo, được nhân dân các dân tộc Việt Nam hết lòng cuu mang, giúp đỡ, được rèn luyện trong phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng, cùng với toàn dân, quân đội ta mấy chục năm ròng từ chân đất, bao gạo, tầm vông, súng trường đã lớn lên thành những binh đoàn hùng mạnh, chiến đấu cực kỳ anh dũng, vượt qua mọi gian khổ, hy sinh, đánh thắng những kẻ thù mạnh hơn ta gấp nhiều lần, lập nên những chiến công oanh liệt, từ trận đầu Phai Khắt - Nà Ngần đến trận Điện Biên Phủ, rồi đến chiến dịch Hồ Chí Minh, làm rạng rỡ truyền thống vẻ vang của quân đội, cùng với toàn dân viết nên bản hùng ca kỳ diệu của chiến tranh cách mạng Việt Nam.

Bước sang thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, do hậu quả nặng nề của chiến tranh, đời sống của nhân dân ta còn nhiều khó khăn, nền kinh tế yếu kém, mất cân đối, lại bị bao vây cấm vận, tác động tiêu cực của sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, các lực lượng thù địch phá hoại trên nhiều mặt hòng làm sụp đổ chế độ ta... trong bối cảnh đó, một lần nữa, Đảng ta tỏ rõ bản lĩnh

chính trị vững vàng, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước vận mệnh của dân tộc, của đất nước, đã đề ra đường lối đổi mới, vượt qua những khó khăn to lớn, những thử thách hiểm nghèo đưa cách mạng nước ta tiếp tục phát triển. Nền kinh tế nước ta đã có bước tăng trưởng đáng mừng, ngăn chặn được lạm phát, đời sống của một bộ phận lớn dân cư được cải thiện và nâng cao, mở rộng dân chủ, giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế được củng cố và ngày càng nâng cao. Trong thành tựu bước đầu nhưng vô cùng quan trọng đó có sự đóng góp xứng đáng của các lực lượng vũ trang nhân dân và quân đội nhân dân. Và chính những thành tựu đó đang tạo ra những tiền đề đưa đất nước tiến bước trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Trước những biến động mau lẹ và sâu sắc của thế giới, những khó khăn, thử thách lớn lao của đất nước, trước những nhiệm vụ mới mẻ, nặng nề và rộng lớn của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân đã tỏ rõ bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định con đường cách mạng, triển khai nhiều công việc to lớn và phức tạp để thực hiện điều chỉnh chiến lược, bố trí lực lượng, giảm mạnh tổng quân số, củng cố tổ chức, xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân., góp phần chống lạm phát, khắc phục khủng hoảng kinh tế, giữ vững ổn định chính trị-xã hội, giữ vững độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, xứng đáng là một lực lượng tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Sự trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta trong nửa thế kỷ qua gắn liền với cuộc đấu tranh giành thắng lợi của nhân dân ta, của cách mạng Việt Nam; bắt nguồn từ đường lối chính trị, đường lối quân sự và sự lãnh đạo, giáo dục của Đảng

Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ muôn vàn kính yêu. Đó là thước đo phẩm chất, lòng trung thành vô hạn của quân đội ta đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, kiên định và kiên trì con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ, nhân dân đã lựa chọn, quyết tâm đấu tranh vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Mọi bước trưởng thành và chiến thắng của quân đội ta bắt nguồn từ cội rễ nhân dân. Quân đội ta là con em của nhân dân lao động, có lòng yêu nước nồng nàn, được Đảng giác ngộ cách mạng, mang bản chất của giai cấp công nhân ra đời từ phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng, vì nhân dân mà phục vụ. Mục tiêu chiến đấu của quân đội ta là mục tiêu của Đảng, của dân tộc: Vì độc lập tự do của dân tộc, vì ấm no hạnh phúc của nhân dân, chứ không có mục tiêu nào khác. Nhân dân là nguồn sức mạnh vô địch của quân đội, là người mẹ hiền sinh thành, cuu mang tảo tần chất chiu từng bát cơm, tấm áo, lặn lội chịu đựng biết bao hy sinh, đóng góp sức người, sức của cho cách mạng, cho quân đội. Nhân dân đã cùng quân đội công tác và đánh giặc. "Anh bộ đội Cụ Hồ" là tấm lòng ưu ái, sự tin cậy của nhân dân đối với quân đội ta. Quân đội của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân mà chiến đấu là vinh dự, trách nhiệm của lớp lớp cán bộ, chiến sĩ đối với nhân dân. Trước những khó khăn, thử thách của cách mạng, Đảng, Nhà nước, nhân dân càng tin yêu quân đội, mối quan hệ máu thịt quân - dân càng thêm gắn bó, không một thế lực nào có thể tách rời được, không một khó khăn nào mà quân đội ta không vượt qua, không một kẻ thù nào mà quân đội ta không chiến thắng.

Trải qua mấy chục năm ròng phải đứng lên tiến hành cuộc chiến tranh chống xâm lược để giành độc lập, tự do dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, nhân dân ta phải chịu đựng biết bao đau thương mất mát, đất nước bị tàn phá, đời sống nhân dân khó khăn. Do đó, hơn ai hết, chúng ta hiểu rất rõ giá trị của cuộc sống độc lập hoà bình hôm nay

và chúng ta mong muốn có sự hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế, xây dựng đất nước.

Ngày nay, đất nước ta đã có hoà bình và ổn định. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đang nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, năng động sáng tạo thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, thực hiện mục tiêu xây dựng một đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Con đường để thực hiện mục tiêu này là tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, phát huy cao độ tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mở rộng hợp tác quốc tế. Nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân hiện nay là đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế gắn liền với công bằng xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh.

Bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay. Bảo vệ Tổ quốc ngày nay không chỉ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, mà còn có nội dung mới rộng lớn là bảo vệ chế độ, thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng và nhân dân, bảo vệ công cuộc lao động hoà bình xây dựng đất nước. Nhiệm vụ nặng nề, mới mẻ và rộng lớn đó đòi hỏi phải xây dựng quân đội ta thực sự là một quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

Nâng cao sức mạnh tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội là mối quan tâm hàng đầu trong xây dựng quân đội. Quân đội phải thường xuyên nêu cao cảnh giác cách mạng, không ngừng rèn luyện nâng cao trình độ chiến thuật, kỹ thuật đến mức tinh thông, làm chủ và phát huy cao độ hiệu lực của các trang bị vũ khí hiện có, tinh nhuệ về quân sự, chuyên môn nghiệp vụ. Những truyền thống và kinh nghiệm về khoa học quân sự, nghệ thuật quân sự của dân tộc ta trong chiến tranh giải phóng và bảo vệ đất nước, những tinh hoa của nhân loại cần được vận

dụng một cách sáng tạo với tư duy đổi mới trong sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc ngày nay. Nhưng điều có ý nghĩa quyết định là nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định đường lối cách mạng của Đảng, kiên trì mục tiêu, lý tưởng con đường cách mạng đã chọn. Nắm vững phương châm lấy xây dựng chính trị làm cơ sở trong xây dựng nâng cao sức mạnh, chất lượng quân đội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc Đảng lãnh đạo quân đội tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt, bảo đảm quân đội luôn luôn trung thành với Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Trong khi các thế lực thù địch đang ráo riết tiến hành "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ hòng chia rẽ Đảng và nhân dân khỏi quân đội, phi chính trị hoá đi đến vô hiệu hoá quân đội, thì việc xây dựng chính trị, nâng cao bản lĩnh chính trị của quân đội có ý nghĩa hết sức quan trọng. Mặc dù ngày nay, quân đội ta đã trưởng thành với những binh đoàn lớn mạnh, nhưng lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Chính trị trọng hơn quân sự"⁹ cách đây tròn 50 năm trong buổi lễ tuyên thệ thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, vẫn còn nóng hổi tính thời sự và tính nguyên tắc.

Quân đội còn phải thực hiện tốt chức năng đội quân lao động sản xuất và đội quân công tác. Đây là vấn đề thuộc về bản chất cách mạng, truyền thống tốt đẹp của quân đội ta. Ngày nay, tình hình kinh tế - xã hội, cuộc sống của nhân dân ta đã có những đổi thay, quân đội lao động sản xuất và làm công tác dân vận phải bằng phẩm chất, năng lực và trí tuệ mà vận động, tuyên truyền giác ngộ quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị trong dân, củng cố mối quan hệ máu thịt quân-dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, góp phần phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân.

Nửa thế kỷ qua, bằng mồ hôi, trí tuệ và xương máu, lớp lớp "Bộ đội Cụ Hồ" luôn giữ vững bản chất giai cấp công nhân, vì nhân dân mà phục vụ, đã xây đắp nên

truyền thống vẻ vang, xứng đáng với lời khen của Bác Hồ "Quân đội ta trung với Nước, trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng"¹⁰.

Đảng, Nhà nước, nhân dân nhiệt liệt biểu dương các lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân đã cùng với đồng bào cả nước đoàn kết một lòng, chiến đấu dũng cảm, lập công xuất sắc trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và đang ngày đêm bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững ổn định chính trị. Đảng, Nhà nước và nhân dân ta cũng rất đỗi tự hào về sự trưởng thành lớn mạnh và những chiến công oanh liệt của Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng, của dân tộc Việt Nam anh hùng.

Qua các thời kỳ cách mạng, Đảng, Nhà nước, nhân dân ta đã không ngừng lãnh đạo, giáo dục quân đội, chăm lo xây dựng quân đội trưởng thành lớn mạnh, để quân đội ta cùng toàn dân đánh thắng mọi kẻ thù, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Ngày nay, trong khi tập trung sức phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, Đảng, Nhà nước, nhân dân luôn luôn coi trọng chăm lo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, củng cố nền an ninh và quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân. Các ngành, các cấp, các địa phương cần làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình về quốc phòng và an ninh để tăng cường khả năng bảo vệ Tổ quốc, củng cố ổn định chính trị nhằm bảo đảm hoà bình, ổn định vững chắc để xây dựng đất nước về mọi mặt.

Cách mạng nước ta đang đứng trước những vận hội mới, nhưng cũng đang phải đối phó với những thách thức to lớn. Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhất định sẽ tiến lên, thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Cán bộ, chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam nhận rõ trọng trách và vinh dự của mình, phát huy bản chất cách mạng, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", ra sức học tập, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ quân sự, chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước, nhân dân giao phó, mãi mãi tận trung với nước, tận hiếu với dân, luôn luôn sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân, của đất nước.

NỬA THẾ KỶ CHIẾN ĐẤU VÀ XÂY DỰNG CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM ĐỘC LẬP TRONG THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH

(Bài viết nhân kỷ niệm 50 năm Cách mạng tháng Tám và ngày Độc lập, ngày 2-9-1995)

Đúng nửa thế kỷ trước đây, ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã long trọng tuyên bố với quốc dân đồng bào và cộng đồng quốc tế bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết tâm đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy"¹¹.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là thắng lợi của con đường cứu nước do Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tìm ra. Đó là con đường giải phóng dân tộc, giành độc lập cho Tổ quốc Việt Nam phải dựa vào sức mạnh của toàn dân tộc, coi "công nông là gốc của cách mạng" dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân; khi chủ nghĩa đế quốc trở thành kẻ thù bóc lột, thống trị toàn thế giới thì công cuộc giải phóng dân tộc phải đoàn kết chặt chẽ với các dân tộc bị áp bức, các dân tộc thuộc địa, đoàn kết với phong trào công nhân và nhân dân lao động ở các nước đế quốc.

Đó là thành quả của 80 năm đấu tranh kiên cường, anh dũng, đầy gian khổ, hy sinh- tuy chưa thành công- của các phong trào yêu nước trước đó, từ vua quan và sĩ phu, trí thức, tiểu tư sản, binh lính... đến các tầng lớp nhân dân đông đảo.

Đó là thắng lợi của truyền thống quật cường bất khuất, lòng yêu nước nồng nàn của dân tộc Việt Nam qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước. Truyền thống đó vẫn tiềm ẩn trong lòng mỗi người dân Việt Nam trong những năm dài nô lệ, mất nước - đã được khơi dậy và bột phát mạnh mẽ khi thời cơ đến và có sự lãnh đạo đúng đắn của tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam - phù hợp với quy luật của thời đại mới.

Đảng ta, với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đã đưa cuộc cách mạng giải phóng dân tộc phát triển lên một chất lượng mới- gắn liền giải phóng dân tộc với giải phóng đông đảo nhân dân lao động, đáp ứng lợi ích cơ bản và cấp bách của nhân dân lao động là độc lập, tự do, cơm áo và hoà bình. Vì vậy, đã tạo nên những lực lượng mới, sức mạnh mới cho dân tộc ta từ những năm 1930, nhất là từ khi Chiến tranh thế giới thứ hai bắt đầu.

Đất nước ta kiệt quệ vì sự bóc lột thậm tệ gần một thế kỷ của đế quốc Pháp, càng thêm kiệt quệ do sự bóc lột, thống trị vô cùng dã man của cả hai kẻ thù, thực dân Pháp và phát xít Nhật, dẫn đến nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu 1945, cướp đi hơn hai triệu sinh mạng... Quần chúng không thể sống được nữa. Bọn thống trị cũng không thể cai trị được nữa.

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Lực lượng dân chủ thắng lợi; phát xít Nhật đầu hàng; thực dân Pháp hoang mang, dao động; bọn phong kiến suy tàn mất chỗ dựa... Đảng ta với thiên tài Hồ Chí Minh, với sự lãnh đạo sáng suốt, táo bạo và nhạy bén của Ban Chấp hành Trung ương đứng đầu là Tổng Bí thư Trường Chinh, đã nắm được thời cơ ngàn năm có một, kịp thời phát động cả dân tộc ta tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa trên cả nước, giành lại độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, mở đầu kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà là nhà nước dân chủ, nhà nước công nông đầu tiên trong lịch sử của dân tộc Việt Nam. Đó là nhà nước kiểu mới, nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân, đại biểu cho quốc gia - dân tộc, mang bản chất của giai cấp công nhân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trước kia, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay, nhân dân Việt Nam, cả dân tộc Việt Nam trong 50 năm qua đã trải qua một quá trình xây dựng và chiến đấu, dựng nước và giữ nước rất gay go, gian khổ, đầy dũng cảm và hy sinh, rất thông minh và sáng tạo. Quân và dân ta đã giành được những thắng lợi vĩ đại trong chiến đấu và cả trong xây dựng, những thắng lợi xứng đáng với thời đại- thời đại mới của xã hội loài người, mở đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga; thời đại mới của dân tộc Việt Nam - thời đại Hồ Chí Minh.

Vừa mới ra đời, Nhà nước Việt Nam độc lập còn rất non trẻ đã phải đương đầu ngay với nguy cơ thực sự đe dọa sự tồn tại của mình. Quân Đồng minh kéo vào Việt Nam để giải giáp quân Nhật, đã mang theo cả âm mưu phá hoại, thôn tính, xâm lược nước ta, mặc dù nhân dân ta đã từng đứng về phía họ. Ở miền Nam, quân Anh cho quân Pháp núp bóng quay lại xâm lược Nam Bộ. Ở Miền Bắc, gần 20 vạn quân Tưởng cùng bọn tay sai tìm mọi cách hòng bóp chết Chính phủ Hồ Chí Minh. Ngân khố quốc gia khánh kiệt, lụt lội, đói kém chưa qua, tàn quân Pháp quay lại quấy rối vùng rừng núi... Tất cả đặt cách mạng Việt Nam, nền độc lập mới giành được của Việt Nam trong tình thế "nghìn cân treo sợi tóc".

Nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt, năng động, linh hoạt và kiên quyết của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng Việt Nam đã vượt qua ghềnh thác và tiếp tục

phát triển. Trong thời gian ngắn, rất ngắn, từ ngày 23-9-1945, khi quân Pháp khởi hấn ở Nam Bộ, đến kháng chiến toàn quốc ngày 19-12-1946, hơn 15 tháng, Nhà nước ta, nhân dân ta đã hoàn thành những công việc vĩ đại, đặt nền móng cho việc xây dựng một nước Việt Nam độc lập và thống nhất từ Bắc đến Nam. Nhanh chóng tiến hành Tổng tuyển cử trên cả nước, bầu ra Quốc hội, thành lập Chính phủ, ban hành hiến pháp, xây dựng chính quyền nhân dân từ Trung ương đến cơ sở. Xây dựng khối đoàn kết toàn dân, động viên toàn dân kháng chiến, "Nam tiến" chống thực dân Pháp xâm lược, kiên quyết giữ vững độc lập, tự do. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng quân đội chính quy của Nhà nước Việt Nam độc lập... Đi đôi với tổ chức kháng chiến ở Nam Bộ, nhanh chóng xây dựng và chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho kháng chiến toàn quốc khi chiến tranh không thể tránh khỏi, chúng ta đã tiến hành một đường lối đối ngoại có nguyên tắc và hết sức mềm dẻo, thêm bạn, bớt thù, tranh thủ hoà bình, ngăn ngừa chiến tranh, củng cố độc lập dân tộc... Ngày nay nhìn lại, ta càng thấy rằng những tháng năm ấy quả là một chặng đường lịch sử đặc biệt của cách mạng Việt Nam, thể hiện tập trung thiên tài Hồ Chí Minh đã đảm bảo cho nền độc lập trũng nước của Việt Nam không bị thủ tiêu, mà trái lại đã đứng vững trong những hoàn cảnh hết sức hiểm nghèo. Nhờ vậy, nhân dân ta đã bước vào cuộc kháng chiến toàn quốc với tư thế sẵn sàng của người làm chủ đất nước.

Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, nhân dân ta đã lợi dụng thời cơ có lợi giành được chính quyền, nhưng có thể đương đầu thắng lợi với chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp hay không? Đáp số của bài toán đó đã được Hồ Chí Minh dần đưa ra và được khẳng định: Kháng chiến toàn dân và toàn diện, đánh lâu dài, tự lực cánh sinh, vừa kháng chiến vừa kiến quốc.

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp luôn quán triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh chiến đấu không tách rời xây dựng, "vừa kháng

chiến vừa kiến quốc" "Chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm". Trong chiến tranh, chế độ mới của nước Việt Nam độc lập, chế độ dân chủ nhân dân từng bước được xây dựng, phát triển, đáp ứng ngày càng nhiều những yêu cầu bức thiết của kháng chiến, đồng thời từng bước đặt nền móng cho việc xây dựng đất nước sau chiến tranh. Hệ thống chính quyền các cấp tiếp tục được củng cố và phát huy hiệu lực từ Trung ương đến thôn, bản, trên cả nước, kể cả trong nhiều vùng địch tạm chiếm. Nền kinh tế dân chủ nhân dân đã phát triển ngay trong chiến tranh, phù hợp với thời chiến, xoá dần những quan hệ phong kiến thực dân, xây dựng từng bước những quan hệ sản xuất mới. Phong trào thi đua tăng gia sản xuất ở hậu phương sôi nổi cùng phong trào thi đua giết giặc lập công ở tiền tuyến. Nền tài chính độc lập ra đời, giấy bạc Việt Nam được lưu hành, có giá trị trên các vùng tự do và một số vùng địch tạm chiếm. Nền giáo dục mới mang tính nhân dân, cách mạng được xây dựng từng bước, tập trung làm nhiệm vụ xoá nạn mù chữ, đồng thời phát triển phù hợp các bậc tiểu học, trung học và đại học. Xây dựng các mối quan hệ xã hội mới mang đậm tính dân chủ, bình đẳng, hợp tác giữa các công dân thông qua xây dựng nền kinh tế mới, nền văn hoá mới, xây dựng hệ thống chính trị, thực hiện các chính sách xã hội. Xây dựng, phát triển ngày càng mạnh và cân đối lực lượng vũ trang nhân dân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, công an nhân dân, dân quân du kích. Đẩy mạnh sản xuất để cải thiện dân sinh, phục vụ công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Xây dựng, phát triển nền công nghiệp kháng chiến từ Trung ương đến khu, tỉnh, có nơi đến cấp xã để sản xuất, sửa chữa vũ khí và góp phần phục vụ sản xuất. Xây dựng, phát triển hậu phương của kháng chiến, hậu phương của cả nước, hậu phương của từng chiến trường và "hậu phương tại chỗ" của địa phương. Phát triển tình đoàn kết, hữu nghị, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia; tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và thiết lập quan hệ ngoại giao giữa nước Việt Nam độc lập với Liên Xô, Trung Quốc, với các nước dân chủ, các tổ chức cách mạng và tiến bộ trên thế giới. Cuối

và sau kháng chiến, ta đã phạm sai lầm lớn trong thực hiện cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức; Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công khai tự phê bình và kiên quyết sửa sai.

Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhân dân ta, Nhà nước ta bước vào một giai đoạn mới; từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc được giải phóng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, Hiệp định Giơnevơ bị phá hoại; kẻ thù tiến hành khủng bố rất dã man, buộc nhân dân ta đứng lên đấu tranh để tự vệ và tiến hành chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và tay sai, tiếp tục cách mạng giải phóng dân tộc ở miền Nam, hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng - tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc- đã tổ chức và động viên được những lực lượng mới- độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội - trên cả hai miền Nam- Bắc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa chiến đấu và xây dựng phù hợp với hoàn cảnh mới.

Nhân dân ta, Nhà nước ta đã tiến hành một cuộc chiến tranh nhân dân phát triển rất cao, bao gồm chiến tranh nhân dân giải phóng dân tộc ở miền Nam và chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ, một nước đế quốc có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất thế giới.

Công cuộc bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc được tiến hành trong điều kiện đất nước chia làm hai miền. Nhân dân và các lực lượng vũ trang ta đã nhận được sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và cả loài người tiến bộ, kể cả một bộ phận quan trọng nhân dân Mỹ. Thành tựu lớn nhất là từng bước thủ tiêu chế độ người áp bức, bóc lột người, xây dựng quyền làm chủ của nhân dân lao động. Nền kinh tế kế hoạch hoá

tập trung cao phù hợp với thời chiến đã đạt được tốc độ tăng trưởng nhất định. Tự giải quyết được phần lớn lương thực cho nhu cầu chiến tranh và nhu cầu dân sinh trong thời chiến. Xây dựng được những cơ sở đầu tiên của công nghiệp nặng; phát triển công nghiệp nhẹ. Mở rộng hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy, đường sông, đường không..., đáp ứng yêu cầu của cuộc chiến đấu bảo vệ miền Bắc, chi viện miền Nam. Nền giáo dục xã hội chủ nghĩa phát triển mạnh, cứ ba người dân thì có một người đi học; xã có trường phổ thông cấp II, huyện có trường phổ thông cấp III. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý được đào tạo cơ bản từ trình độ trung học chuyên nghiệp đến đại học và trên đại học gồm hơn 40 vạn người. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng lớn mạnh vượt bậc, đã lãnh đạo và điều hành, động viên lực lượng cả nước chiến đấu, xây dựng và chiến thắng một cách rất thông minh, sáng tạo.

Sản phẩm và thành tựu đặc biệt của chủ nghĩa xã hội bước đầu được xây dựng ở miền Bắc là đã đào tạo nên những con người mới, những công dân được giải phóng khỏi ách nô dịch dân tộc và áp bức giai cấp. Những con người này cùng với cơ sở vật chất- kỹ thuật đầu tiên của chủ nghĩa xã hội, đã phát huy được vai trò quyết định nhất của miền Bắc cùng với vai trò quyết định trực tiếp của miền Nam giành toàn thắng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Cần khẳng định rằng thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng là cơ sở cho công cuộc đổi mới của đất nước hiện nay, cho công cuộc xây dựng đất nước về lâu dài, tuy rằng mô hình đó của chủ nghĩa xã hội có những khuyết tật cần sửa chữa, đổi mới. Không đổi mới, sửa chữa những khuyết tật đó là không đúng, nhất là khi điều kiện, hoàn cảnh đã thay đổi. Nhưng phủ định những thành tựu đó là rất sai lầm.

Dân tộc Việt Nam đã chiến thắng không chỉ bằng ý chí quyết chiến quyết thắng, mà bằng cả trí tuệ và tài tổ chức chiến đấu cũng như xây dựng đất nước trong những hoàn cảnh rất quyết liệt của chiến tranh.

Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, được mở ra từ sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945. Ngày nay, xây dựng được coi là nhiệm vụ hàng đầu; đồng thời thường xuyên củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ.

Những năm đầu sau thắng lợi của kháng chiến chống đế quốc Mỹ, nhân dân ta đã phải tiếp tục chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế, và tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội trên cả nước. Nhưng đồng thời Đảng ta và Nhà nước ta đã phạm một số khuyết điểm và sai lầm chủ quan duy ý chí mà Đảng ta đã tự phê bình nghiêm khắc tại Đại hội VI của Đảng, và đề ra đường lối đổi mới đúng đắn từ đó đến nay.

Những thắng lợi bước đầu nhưng rất quan trọng của quân và dân ta trong mười năm gần đây về mọi mặt: kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại, đã từng bước đặt cơ sở cho cách mạng Việt Nam bước vào một thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm xây dựng đất nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh, phục vụ ngày càng tốt đời sống vật chất và tinh thần của cả cộng đồng dân tộc, nhất là của nhân dân lao động.

Nhìn lại nửa thế kỷ chiến đấu và xây dựng, dựng nước và giữ nước, chúng ta có thể tự hào một cách chính đáng về nhân dân lao động nước ta và dân tộc ta, về Đảng ta và Nhà nước ta. Tự hào về những gì đã làm được, về những thắng lợi vĩ đại trong chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc mà nòng cốt là các lực lượng vũ trang nhân dân, là quân đội nhân dân anh hùng. Bên cạnh việc đánh giá đúng những thành tựu trong xây dựng - những thành tựu còn rất khiêm tốn nhưng đạt được trong những hoàn cảnh rất quyết liệt của nhiều thập kỷ chiến tranh, đồng thời nhận rõ những gì chưa làm được, thẳng thắn và công khai thừa nhận những khuyết

điểm, sai lầm mà Đảng và Nhà nước ta đã mắc phải, thường xảy ra sau mỗi lần thắng lợi: Chủ quan, tự mãn, xa rời thực tế, xa rời quần chúng, giáo điều, máy móc.

Cương lĩnh của Đảng ta được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII thông qua đã nêu ra năm bài học lớn của cách mạng Việt Nam: Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế; bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập nước, bài viết này chỉ nhấn mạnh một số nội dung từ trong các bài học nêu trên.

Đảng và Nhà nước ta luôn luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, nhằm đem lại độc lập cho dân tộc, cho Tổ quốc, cơm áo, tự do, hoà bình, hạnh phúc cho nhân dân, giải phóng nhân dân lao động thoát khỏi mọi ách áp bức và phát huy năng lực sáng tạo cho mỗi người. Đó là khát vọng, là quyền lợi cơ bản, thiết thân của nhân dân lao động, của cả dân tộc. Đó cũng là động lực, là sức mạnh vô địch đánh thắng mọi kẻ thù hung bạo nhất, to mạnh nhất, giành độc lập cho dân tộc, tự do, cơm áo cho nhân dân lao động, hoà bình, thống nhất cho Tổ quốc.

Ngày nay, Đảng ta và Nhà nước ta càng phải kiên định mục tiêu đó. Tập trung sức đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết cơ bản vấn đề cơm áo, chống lạc hậu, nghèo nàn, tiếp tục từng bước giải phóng xã hội, giải phóng con người. Đó cũng là quá trình củng cố ngày càng vững chắc và phát triển ngày càng mạnh mẽ nền độc lập dân tộc, độc lập dân tộc của chủ nghĩa xã hội, trên cơ sở lợi ích của nhân dân lao động và cả dân tộc.

Đảng ta, Nhà nước ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập luôn luôn coi sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; phải lấy dân làm gốc, "dân là chủ" và thực hiện "dân làm chủ". Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam đã khẳng định, muốn phát huy được sức mạnh của dân, dựa chắc vào dân, vấn đề cơ bản là phải đáp ứng được quyền lợi của nhân dân lao động, của cả dân tộc: Cán bộ, đảng viên phải toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Toàn bộ đường lối, chủ trương, chính sách cũng như toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước ta phải quán triệt tinh thần đó.

Để bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân, thực hiện đúng tư tưởng của Bác Hồ "dân là chủ" và "dân làm chủ", phải xây dựng được một bộ máy nhà nước cách mạng, mạnh gọn, có hiệu lực để đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng vào cuộc sống. Sự lãnh đạo của Đảng bảo đảm cho Nhà nước ta xây dựng, phát triển theo đúng bản chất Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Nhà nước ta phải thực sự đại biểu cho quyền lợi của quốc gia - dân tộc, thực sự bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân chứ không phải thuộc về một số ít người trong bộ máy cầm quyền. Đó là một nhà nước trong sạch, thường xuyên loại trừ ra khỏi tổ chức và hoạt động của mình những tệ nạn rất xa lạ với bản chất của Nhà nước ta, như: Cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, hách dịch, đê nén, áp bức nhân dân... Đó còn là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có hiệu lực, từng bước hiện đại, được tổ chức theo luật, quản lý và điều hành đất nước theo luật, mọi công dân đều bình đẳng trước luật. Hệ thống pháp luật đó - Hiến pháp, các đạo luật, các văn bản dưới luật phải phản ánh lợi ích của nhân dân lao động, của dân tộc, bảo đảm cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Một nhà nước như vậy, theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã được Người chăm lo xây dựng ngay từ những ngày đầu thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và trong nhiều năm dài của kháng chiến, cần được tiếp tục phát triển trong công cuộc đổi mới hiện nay.

Đảng và Nhà nước ta, vì lợi ích của nhân dân lao động, của dân tộc, luôn luôn chăm lo, củng cố, phát triển khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết toàn dân tộc. Động viên thu hút mọi người Việt Nam yêu nước, yêu độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc và hoà bình vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay. Củng cố và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức quần chúng, khắc phục hiện tượng "hành chính hoá" các tổ chức này. Thực sự làm cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát triển rộng lớn, vững chắc, tiêu biểu cho sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh, ấm no, tự do, hoà bình và hạnh phúc.

Trong nửa thế kỷ tồn tại của mình, Nhà nước ta, trong khi buộc phải tập trung sức tiến hành chiến tranh thắng lợi suốt mấy thập kỷ liền, luôn luôn coi trọng nhiệm vụ xây dựng, khéo kết hợp xây dựng với chiến đấu, phù hợp với mỗi hoàn cảnh cụ thể vừa nhằm phục vụ cho chiến tranh, vừa từng bước đặt nền móng cho nhiệm vụ xây dựng đất sau chiến tranh và về lâu dài. Đó là vận dụng sáng tạo quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước của dân tộc ta, quy luật xây dựng kết hợp với bảo vệ của cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng và Nhà nước ta. Trong thực tế, xây dựng đã thực sự tạo ra sức mạnh cho các cuộc chiến tranh yêu nước giành thắng lợi, đồng thời từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân theo lời dạy của Bác Hồ: "Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"¹².

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, Nhà nước ta có điều kiện tập trung thực hiện chức năng cơ bản và chủ yếu của nhà nước cách mạng là tổ chức và xây dựng, kết hợp xây dựng đất nước với bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và thành quả cách mạng.

Một vấn đề quan trọng của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là, nêu cao hơn nữa tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ra sức củng cố, phát triển tình

hữu nghị và sự hợp tác với các quốc gia - dân tộc trên thế giới. Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường trước hết là phải dựa vào nhân dân, tin tưởng vững chắc vào sức mạnh, trí tuệ, khả năng của nhân dân lao động, của dân tộc ta. Điều quan trọng nhất là phải độc lập, tự chủ trong đường lối cách mạng, tự mình quyết định một cách đúng đắn, sáng tạo những vấn đề lớn của dân tộc mình, của đất nước mình. Thắng lợi trong sự nghiệp giành và giữ độc lập tự do vừa qua, của công cuộc đổi mới ở nước ta trong 10 năm lại đây, trong hoàn cảnh tình hình thế giới biến đổi cực kỳ phức tạp, chứng tỏ tinh thần độc lập tự chủ của Đảng và Nhà nước ta. Hơn nữa, còn khẳng định nhân dân ta là một dân tộc rất cách mạng, sẵn sàng vượt qua mọi thử thách hiểm nghèo để vươn lên tự mình làm chủ vận mệnh của mình. Mặt khác, cần tỉnh táo đề phòng và loại trừ những biểu hiện giáo điều, rập khuôn, ỷ lại, thiếu tự tin, tự hào và tự trọng dân tộc trong sự nghiệp đổi mới, trong quan hệ quốc tế ngày càng mở rộng.

Trên cơ sở độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, cần tăng cường và mở rộng tình hữu nghị và sự hợp tác với mọi quốc gia- dân tộc trong khu vực và trên thế giới, vì hoà bình, dân chủ và phát triển. Đó là tiếp tục vận dụng nhuần nhuyễn bài học kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong tình hình mới.

Năm mươi năm tồn tại và phát triển của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà trước đây và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay khẳng định chân lý sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định sự ra đời, tồn tại và phát triển của Nhà nước ta, quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khai sinh ra Nhà nước Việt Nam độc lập, đã trực tiếp xây dựng, tổ chức và lãnh đạo Nhà nước ta suốt năm thập kỷ qua. Nhờ vậy, Nhà nước ta đã giữ vững bản chất giai cấp công nhân, phát huy vai trò nhà nước của dân, do dân và vì dân, nhà nước của dân tộc,

nhà nước dân chủ, góp phần đưa cách mạng nước ta vượt qua mọi kẻ thù, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Ngày nay, càng phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, đối với cả hệ thống chính trị, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng, nhất là trong lúc nhiều lực lượng phản động đang ra sức tiến công vào sự lãnh đạo của Đảng hòng làm biến chất một bộ phận cán bộ đảng viên, chia rẽ và làm thoái hoá Đảng, biến chất Nhà nước ta và làm chệch hướng của cách mạng nước ta. Sự phát triển mới, toàn diện của đất nước, hình thái mới của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, sứ mạng mới của Đảng cầm quyền đòi hỏi Đảng ta phải tự chỉnh đốn, đổi mới, luôn luôn tự chỉnh đốn và đổi mới, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu lực lãnh đạo của Đảng đối với quốc gia - dân tộc trong thời kỳ mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc Việt Nam đã hồi sinh. Việt Nam đã lấy lại tên của mình trên bản đồ thế giới, qua thắng lợi của chiến tranh nhân dân chống chiến tranh xâm lược của những nước đế quốc lớn, và bắt đầu cả trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập vào cộng đồng thế giới với tư thế một nước Việt Nam độc lập, tự chủ và tự tin.

Năm mươi năm của nước Việt Nam độc lập và dân chủ thời đại Hồ Chí Minh chỉ là một quãng thời gian rất ngắn trong lịch sử mấy nghìn năm của dân tộc Việt Nam kể từ thời đại Vua Hùng.

Nhân dân Việt Nam, dân tộc Việt Nam hiểu rõ, và sẽ ngày càng hiểu rõ hơn những gì đang đặt ra cho mình trước bối cảnh toàn nhân loại đang chuẩn bị hành trang để bước sang thế kỷ XXI. Nhưng, từ kinh nghiệm của những thời đại trước và nửa thế kỷ vừa qua chúng ta có đầy đủ căn cứ để tin tưởng rằng, nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhất định sẽ tiến lên trong trào lưu chung của thế giới, xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh, xã hội

công bằng, văn minh, hội nhập vào dòng chảy chung của nhân loại mà vẫn giữ vững và phát triển bản sắc dân tộc của mình.

Hơn lúc nào hết, chúng ta tưởng nhớ đến triệu triệu đồng bào và chiến sĩ đã bỏ mình cho đất nước độc lập, tự do, nở hoa kết trái. Nhà nước ta ghi công và ghi ân tất cả đồng bào, đồng chí, anh em bè bạn gần xa đã góp phần xứng đáng của mình cho nước Việt Nam độc lập, đang tiến dần lên phồn vinh, ấm no và hạnh phúc.

Hơn lúc nào hết, chúng ta tưởng nhớ đến lãnh tụ Hồ Chí Minh vô cùng kính mến, đã khai sinh ra nước Việt Nam mới, dẫn dắt toàn dân đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác qua những năm dài chiến đấu, xây dựng gian khổ và khó khăn. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã đặt tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Đó là một thành tựu tư duy chiến lược xuất sắc của Đảng ta. Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh luôn luôn là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng, của Nhà nước, của toàn dân và toàn quân ta.

Nêu cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập và làm theo lời Bác dạy, phát triển và tiếp tục đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào cuộc sống, đó là bí quyết đưa dân tộc ta, đưa mỗi người chúng ta không ngừng tiến lên, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người "Xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn", đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vì lợi ích của nhân dân lao động, lợi ích của cả dân tộc, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", góp phần vào hoà bình và phát triển trên thế giới, cho tình hữu nghị giữa tất cả các dân tộc trên khắp hành tinh.

LỜI THỀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TẠI QUẦN ĐẢO TRƯỜNG SA

(Trích bài phát biểu tại đảo Trường Sa Lớn nhân lễ kỷ niệm ngày truyền thống của
Hải quân nhân dân Việt Nam, ngày 7-5-1988)

Hôm nay, cùng với các lực lượng, các đơn vị trong Quân chủng Hải quân, Bộ tư lệnh Quân chủng Hải quân tổ chức mít tinh Kỷ niệm lần thứ 33 ngày truyền thống quang vinh của Quân chủng (7-5-1955 – 7-5-1988) trên vùng quần đảo Trường Sa, mảnh đất thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam.

Thay mặt Bộ Quốc phòng tôi chuyển tới các đồng chí cán bộ, chiến sĩ hải quân lời chúc sức khỏe.

Hải quân ta ra đời trong hoàn cảnh khó khăn về nhiều mặt, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, bằng sức lao động, sự thông minh và sáng tạo, hải quân ta đã phát triển không ngừng, lập được nhiều thành tích trên các mặt chiến đấu, xây dựng lực lượng bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam và làm nhiệm vụ quốc tế.

Từ những ngày đầu của cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, Hải quân nhân dân ta đã nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, ý chí quyết đánh quyết thắng và đã lập lên nhiều chiến công oanh liệt. Ngoài nhiệm vụ bảo vệ vùng ven biển miền Bắc, Hải quân nhân dân ta còn có nhiệm vụ cấp thiết và quan trọng là đưa cán bộ, súng đạn vào miền Nam qua đường biển bằng loại tàu đi biển do Hải quân ta tự thiết kế. Loại tàu nhỏ bé này đã vượt biển khơi đi qua những vùng kiểm soát của không quân và hải quân thuộc Hạm đội 7 của Mỹ, của hạm đội tuần tiễu thuộc quân đội Sài Gòn.

Hải quân nhân dân ta vừa làm nhiệm vụ bảo vệ ven biển miền Bắc, chống mọi sự phong toả của địch, vừa vận chuyển được hàng vạn tấn hàng hoá, vũ khí đạn dược và hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ chi viện cho chiến trường miền Nam, góp phần xứng

đáng vào thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc ta.

Nhân kỷ niệm ngày truyền thống của Quân chủng, tôi nhắc lại điều đó để nói lên tinh thần dũng cảm, sự thông minh sáng tạo của cán bộ, chiến sĩ hải quân ta trong thời kỳ đánh Mỹ. Truyền thống đó cần được các thế hệ mai sau tiếp nối và nhân lên. Thông minh, dũng cảm là sức mạnh.

Niềm tin là sức mạnh, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế là sức mạnh.

Mở đầu thời kỳ đánh Mỹ để giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, trước một tên đầu sỏ hùng mạnh nhất của chủ nghĩa đế quốc, Đảng ta có một vũ khí cực mạnh, đó là niềm tin, niềm tin ở chính nghĩa độc lập tự do, niềm tin ở sức mạnh của nhân dân khi đã quyết tâm thì sẽ sáng tạo ra muôn vàn cách đấu tranh để giành lấy độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Chính niềm tin sắt đá đó đã động viên và đoàn kết toàn dân tộc nhất tề đứng dậy đấu tranh với tên đế quốc cực mạnh và đã từng bước thu hút sự chú ý và ủng hộ của loài người tiến bộ trên thế giới, kể cả của dân Mỹ. Sự ủng hộ của bạn bè trên thế giới đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Đoàn kết dân tộc, đoàn kết với bạn bè quốc tế, đó là sức mạnh, đó là đại nghĩa, đó là lẽ sống của cách mạng Việt Nam, của nhân dân Việt Nam.

Về mối quan hệ giữa ta và Trung Quốc: Trong những năm 50 và những năm 60 (của thế kỷ XX) quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc là quan hệ hữu nghị, tình sâu nghĩa nặng. Đặc biệt, sự giúp đỡ của Trung Quốc đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân ta từ năm 1965 đến 1970 là rất to lớn và hiệu quả. Nhân dân Việt Nam vô cùng biết ơn sự giúp đỡ to lớn đó của nhân dân Trung Quốc.

Mặt khác, thắng lợi của chúng ta cũng đã góp phần đáng kể phá vỡ sự bao vây của đế quốc Mỹ đối với nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.

Năm 1976, Đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước ta đi thăm và cảm ơn các nước và bầu bạn trên thế giới đã ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam đánh thắng đế quốc Mỹ. Tới Trung Quốc, các đồng chí lãnh đạo của Đảng ta đã cảm ơn sự giúp đỡ to lớn của Trung Quốc đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam thì người lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc lúc bấy giờ đã nói: "Trung Quốc phải cảm ơn Việt Nam, chính nhờ Việt Nam thắng Mỹ mà Tổng thống Mỹ phải thân hành đến Trung Quốc để cầu thân với Trung Quốc"...

Cả hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, chỉ nói từ thế kỷ XVII đến nay dưới các triều đại phong kiến Việt Nam, chế độ thực dân cũ và mới, và nay dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, các nhà nước Việt Nam liên tục và thực sự thực hiện quyền làm chủ của mình một cách hoà bình...

Chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là sự thật lịch sử, phù hợp với pháp lý quốc tế, với đạo lý quốc tế.

Từ xưa cho đến nay, dân tộc Việt Nam qua các thời đại, dù ở dưới những chế độ xã hội khác nhau, xu hướng chính trị khác nhau, tôn giáo khác nhau, đàn ông cũng như đàn bà, già cũng như trẻ đều một lòng một dạ kiên trì và kiên quyết bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Chúng ta tin tưởng rằng, trong tương lai, nhân dân và cán bộ Trung Quốc hiểu rõ sự thật,... không làm tổn thương đến tình hữu nghị giữa hai nhà nước và nhân dân hai nước Việt- Trung.

Chúng ta nhớ mãi không bao giờ quên tình sâu nghĩa nặng giữa nhân dân hai nước Việt - Trung, kiên trì phấn đấu để khôi phục tình hữu nghị giữa hai nước, đồng thời chúng ta nhất quyết bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc chúng ta.

Hôm nay, nhân kỷ niệm ngày thành lập Hải quân nhân dân Việt Nam trên đảo Trường Sa Lớn của quần đảo Trường Sa, có mặt đông đủ đại diện của các tổng cục, các quân chủng, đại biểu tỉnh Phú Khánh, chúng ta xin thề trước hương hồn của tổ tiên ta, trước hương hồn của các cán bộ chiến sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc, xin hứa với đồng bào cả nước, xin nhấn nhủ với các thế hệ mai sau: "Quyết tâm bảo vệ bằng được Tổ quốc thân yêu của chúng ta, bảo vệ bằng được quần đảo Trường Sa - một phần lãnh thổ và lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc thân yêu của chúng ta!".

DIỄN VĂN TẠI HỘI NGHỊ CẤP CAO LẦN THỨ 11 PHONG TRÀO KHÔNG LIÊN KẾT

(Cartagena - Colombia, ngày 19-10-1995)

Thưa ông Chủ tịch,

Thưa các vị lãnh đạo Nhà nước và Chính phủ,

Thưa các vị đại biểu,

Hội nghị cấp cao lần thứ 11 Phong trào Không liên kết họp vào thời điểm trọng đại của lịch sử. Năm nay toàn thế giới kỷ niệm lần thứ 50 ngày kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ hai với lòng biết ơn sâu sắc các dân tộc, các lực lượng đã chiến thắng chủ nghĩa phát xít để mở ra kỷ nguyên mới của nhân loại. Nửa thế kỷ qua, hơn 100 nước đã giành được độc lập và thế giới đã trải qua những thay đổi hết sức sâu rộng. Nhân loại đang đứng trước những sự lựa chọn rất căn bản, định hướng cho sự phát triển của mình trước thềm thế kỷ XXI.

Thay mặt đoàn đại biểu Việt Nam, tôi nhiệt liệt chúc mừng ngài Ernesto Samper, Tổng thống Cộng hoà Côlômbia, Chủ tịch Hội nghị cấp cao lần thứ 11, đánh giá

cao những nỗ lực to lớn của Chính phủ và nhân dân Côlômbia trong việc chuẩn bị cho Hội nghị, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Hội nghị thành công.

Chúng tôi xin bày tỏ sự ngưỡng mộ trước những đóng góp to lớn và quý báu của Tổng thống Xuhácô và Cộng hoà Indônêxia cho sự lớn mạnh và hoạt động có hiệu quả của Phong trào, đặc biệt là trong ba năm qua với cương vị Chủ tịch Phong trào.

Đoàn đại biểu Việt Nam nhiệt liệt hoan nghênh và xin gửi lời chào đoàn kết đến các nước thành viên mới của Phong trào.

Thưa ông Chủ tịch,

Diễn biến của tình hình thế giới ba năm qua khẳng định tính xác thực của những đánh giá của chúng ta tại Hội nghị cấp cao lần thứ 10 Giacácôta: Hoà bình thế giới cơ bản được giữ vững, hợp tác quốc tế được mở rộng; cách mạng khoa học kỹ thuật và thông tin đạt được những thành tựu to lớn; toàn cầu hoá, khu vực hoá và sự tuỳ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia lớn nhỏ làm cho các dân tộc xích lại gần nhau hơn trong các mối quan hệ đa dạng.

Thế nhưng, những nguyện vọng tha thiết và chính đáng của nhiều dân tộc đối với hoà bình, độc lập dân tộc, tự do và phát triển vẫn chưa được đáp ứng. Thế giới vẫn bị giằng xé bởi bạo lực, căng thẳng và mất ổn định.

Ngày nay, tuy mối đe doạ của cuộc chiến tranh huỷ diệt đã bị đẩy lùi, hoà bình và an ninh quốc tế được duy trì, hợp tác được tăng cường, song hệ thống quan hệ quốc tế vẫn mang nặng các yếu tố không bình đẳng. Những nỗ lực to lớn của chúng ta nhằm giảm bớt sự nghèo đói trên hành tinh tỏ ra ít hiệu quả. Hơn một phần năm nhân loại vẫn phải sống ở mức nghèo khổ.

Thách thức về phát triển là mối quan tâm chung của hầu hết các quốc gia trong Phong trào, đặc biệt là đối với các nước kém phát triển nhất. Để đưa các dân tộc chúng ta vượt qua nghèo nàn, lạc hậu, theo chúng tôi trước hết và quan trọng nhất,

phải nêu cao ý chí độc lập, tự cường và phát huy hơn nữa tinh thần đoàn kết hợp tác giữa chính chúng ta. Để thực hiện mục tiêu đó, chúng ta cần có hoà bình và ổn định. Tôi khẩn thiết kêu gọi Phong trào Không liên kết hãy làm hết sức mình để giúp đỡ các dân tộc anh em sớm chấm dứt chiến tranh, khôi phục hoà bình, phát triển đất nước.

Thưa ông Chủ tịch,

Trải qua trên ba thập kỷ phát triển, Phong trào không liên kết với những nguyên tắc và mục tiêu tiến bộ của mình đã có những đóng góp to lớn cho đời sống chính trị quốc tế, đấu tranh gìn giữ hoà bình, an ninh quốc tế và xoá bỏ chủ nghĩa thực dân.

Từ Hội nghị cấp cao lần thứ 10 (Giacáccta), trong tình hình quốc tế mới, Phong trào tiếp tục có nhiều cố gắng khẳng định vai trò thiết thực của mình, đặc biệt trong nỗ lực chung của cộng đồng thế giới xây dựng một trật tự thế giới mới trên cơ sở công bằng, bình đẳng, tôn trọng độc lập và chủ quyền quốc gia, không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế và không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước. Trước tình hình nguy cơ áp đặt và can thiệp từ bên ngoài vẫn tồn tại, Phong trào Không liên kết cần tiếp tục tăng cường đoàn kết nhằm cùng nhau bảo vệ các lợi ích chính đáng của mình.

Trên tinh thần đó, tôi xin bày tỏ sự đồng tình và ủng hộ mạnh mẽ của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đối với Chính phủ và nhân dân Cuba anh em trong cuộc đấu tranh chống lại các biện pháp cấm vận đơn phương của nước ngoài. Cùng với nhân dân các nước chúng tôi đòi chính sách thù địch và cấm vận chống Cuba phải được chấm dứt, chủ quyền quốc gia và quyền tự do lựa chọn con đường phát triển của nhân dân Cuba phải được tôn trọng.

Tăng cường và mở rộng hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật và quan hệ thương mại là ưu tiên chung của các nước đang phát triển. Trên tinh thần đó, Việt Nam hoàn

toàn ủng hộ Chương trình hành động về hợp tác quốc tế của Phong trào Không liên kết đã được thông qua tại Hội nghị cấp cao lần thứ 10, đặc biệt là các sáng kiến mở rộng hợp tác Nam - Nam cũng như các cố gắng của Ấn Độ nhằm thúc đẩy việc khôi phục đối thoại và hợp tác Nam- Bắc.

Tầm quan trọng và khả năng rộng lớn của hợp tác kinh tế Nam- Nam đã được Phong trào Không liên kết và Nhóm 77 khẳng định qua nhiều hội nghị cấp cao. Chúng tôi hy vọng rằng, Hội nghị lần này sẽ có nhiều sáng kiến thiết thực làm cho hợp tác Nam- Nam được mở rộng. Thỏa thuận về Trung tâm phương Nam và Chương trình vì phát triển do Hội nghị Ngoại trưởng Ủy ban phối hợp nhất trí thông qua tại Băngđung tháng 4-1995 là những sự kiện quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác Nam- Nam.

Cũng trong năm nay toàn thế giới sẽ long trọng kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Liên hợp quốc. Thế giới đã trải qua những thay đổi hết sức căn bản trong nửa thế kỷ qua và Liên hợp quốc đã phần nào phản ánh được những thay đổi đó. Mặc dù còn có những hạn chế nhất định, song vị trí và vai trò trung tâm của Liên hợp quốc trong quan hệ quốc tế ngày nay đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận. Chúng tôi vui mừng trước sự đóng góp năng động của Phong trào Không liên kết đối với hoạt động của tổ chức thế giới này nhằm nâng cao tính hiệu quả và xây dựng một trật tự thế giới mới công bằng và dân chủ.

Nhân dân thế giới mong đợi Liên hợp quốc cải tổ và đổi mới hơn nữa để làm tốt hơn sứ mệnh của mình đã được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc và đóng góp nhiều hơn, hiệu quả hơn cho việc giữ gìn hoà bình và thúc đẩy hợp tác quốc tế vì phát triển. Muốn vậy, điều cốt lõi là phải làm cho hoạt động của Liên hợp quốc thật sự dân chủ, cần chấm dứt tình trạng cường quyền áp đặt, nước này đơn phương trừng phạt nước khác... Đồng thời, cải tổ phải đáp ứng các mối quan tâm và quyền lợi của tất cả các nước thành viên, đặc biệt là các nước đang phát triển,

chiếm đa số thành viên Liên hợp quốc. Việc cải tổ và mở rộng Hội đồng Bảo an phải dựa trên các nguyên tắc tăng cường tính đại diện, bình đẳng, chủ quyền, công khai hoá và dân chủ hoá. Chúng tôi cho rằng những nước đang phát triển, không liên kết có vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế cần được tham gia Hội đồng Bảo an khi số thành viên thường trực được mở rộng.

Thưa ông Chủ tịch,

Mười năm qua, Việt Nam đã có những cố gắng vượt bậc trong công cuộc đổi mới sâu sắc và toàn diện đất nước. Nhờ có quyết tâm cao và được sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng quốc tế, đặc biệt là Phong trào Không liên kết, công cuộc đổi mới đã đem lại nhiều kết quả quan trọng, làm thay đổi bộ mặt đất nước, mở ra triển vọng tốt đẹp.

Việt Nam đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm năm 1991- 1995. Tổng sản phẩm trong nước bình quân hàng năm tăng 8%. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức phải vượt qua để bước sang giai đoạn phát triển mới nhằm công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Thưa ông Chủ tịch,

Đi đôi với những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam đã thực hiện có hiệu quả chính sách ngoại giao rộng mở, đa dạng hoá và đa phương hoá, tích cực hội nhập với khu vực và cộng đồng quốc tế. Việt Nam sẽ kiên trì theo đuổi chính sách đối ngoại đó trên cơ sở các nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, giải quyết hoà bình các cuộc tranh chấp.

Việt Nam coi trọng việc phát triển quan hệ hợp tác với các nước láng giềng và đã chính thức gia nhập ASEAN ngày 28 tháng 7 vừa qua. Là thành viên ASEAN, Việt

Nam sẽ tích cực cùng các nước trong hiệp hội đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp hoà bình, ổn định và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Đối với các tranh chấp chồng chéo về chủ quyền trên biển Đông hiện đang gây mối lo ngại về ổn định và an toàn trên biển cho nhiều nước, lập trường kiên định của Việt Nam là các bên cần thông qua thương lượng hoà bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế và Công ước Luật biển 1982 của Liên hợp quốc để đi đến một giải pháp cơ bản và lâu dài. Trong quá trình giải quyết, các bên cần tự kiềm chế, giữ nguyên trạng, không có bất cứ hành động nào làm phức tạp thêm tình hình, không dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực. Chúng tôi hài lòng ghi nhận rằng lập trường đúng đắn này của chúng tôi đã được sự đồng tình và ủng hộ của các nước không liên kết, kể cả ở Hội nghị cấp cao lần thứ 10 Giacácta.

Mở rộng và phát triển quan hệ chính trị, hợp tác kinh tế và thương mại với các nước không liên kết và đang phát triển là mục tiêu ưu tiên trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, vì công cuộc xây dựng đất nước của mình và sự nghiệp phát triển chung của các nước đang phát triển. Xuất phát từ lập trường đó, một lần nữa chúng tôi khẳng định sự cam kết mạnh mẽ của Việt Nam đối với Phong trào, nguyện tiếp tục đóng góp xứng đáng và thiết thực vào việc thực hiện các mục tiêu cao cả của Phong trào.

Thưa ông Chủ tịch,

Nhìn lại lịch sử thế giới 50 năm qua, chúng tôi vui mừng nhận thấy mặc dù phải trải qua nhiều phong ba bão tố, lịch sử vẫn tiến về phía trước. Trong những thành tích vĩ đại của nhân loại, Phong trào Không liên kết chúng ta đã có đóng góp hết sức tích cực.

Hướng tới thế kỷ XXI, chúng ta có cơ sở để lạc quan, tin tưởng vào tương lai của loài người và sứ mệnh cao cả của Phong trào. Trật tự thế giới mới chắc chắn sẽ tốt đẹp hơn và Phong trào Không liên kết với 112 thành viên chắc chắn sẽ không ngừng lớn mạnh. Nhân dân Việt Nam nguyện đem hết sức mình cùng nhân dân thế giới và Phong trào Không liên kết phấn đấu cho một thế kỷ XXI hoà bình, phồn vinh và thịnh vượng.

Xin cảm ơn ông Chủ tịch!

DIỄN VĂN TẠI LỄ ĐẶC BIỆT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG LIÊN HỢP QUỐC

KỶ NIỆM LẦN THỨ 50 NGÀY THÀNH LẬP LIÊN HỢP QUỐC

(New York, ngày 22 – 24-10-1995)

Thưa ngài Chủ tịch,

Thưa các vị lãnh đạo Nhà nước và Chính phủ,

Thưa các vị đại biểu,

Tôi rất vui mừng thay mặt Nhà nước và nhân dân Việt Nam dự lễ đặc biệt của Đại hội đồng Liên hợp quốc kỷ niệm trọng thể lần thứ 50 ngày thành lập Liên hợp quốc. Cùng với nhân dân thế giới, nhân dân Việt Nam đang hướng về lễ kỷ niệm trọng thể này với những niềm tin và hy vọng vào tương lai tốt đẹp của nhân loại và tổ chức quốc tế lớn nhất hành tinh của chúng ta.

Thưa ngài Chủ tịch,

Năm mươi năm qua, Liên hợp quốc đã không ngừng phát triển. Sự phát triển đó gắn liền với quá trình đấu tranh vì quyền tự quyết của các dân tộc, vì mục tiêu và

nguyên tắc cơ bản ghi trong Hiến chương của Liên hợp quốc là hoà bình và an ninh quốc tế; phát triển và phồn vinh cho mọi dân tộc; tự do, bình đẳng giữa các quốc gia lớn và nhỏ; chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và giải quyết hoà bình các cuộc tranh chấp. Các mục tiêu và nguyên tắc đó của Liên hợp quốc là giá trị chung của nhân loại; mọi quốc gia, dân tộc đều có trách nhiệm giữ gìn và phát huy. Ngày nay, khi các mối giao lưu quốc tế diễn ra với cường độ, quy mô và tính chất phức tạp ngày càng tăng thì việc tuân thủ những mục tiêu và nguyên tắc cơ bản nói trên càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Điều nghịch lý là khi con người có khả năng rút ngắn khoảng cách địa lý, thì khoảng cách giàu nghèo lại tăng lên đáng lo ngại. Chúng ta đang hàng ngày hàng giờ phải chứng kiến thảm cảnh của những người dân là nạn nhân của các cuộc chiến tranh, xung đột, cấm vận kinh tế, dịch bệnh... Là một dân tộc đã trải qua nạn đói khủng khiếp năm 1945, qua nhiều thập kỷ bị chiến tranh và cấm vận, nhân dân Việt Nam thấu hiểu nỗi đau của chiến tranh và cấm vận kinh tế, sự bất hạnh của đói nghèo, cảm thông sâu sắc với những mất mát, đau thương mà nhiều dân tộc đang phải gánh chịu. Từ diễn đàn trọng thể này, tôi khẩn thiết kêu gọi cộng đồng quốc tế hãy làm hết sức mình để mọi dân tộc trên thế giới được hưởng những quyền cơ bản của mình là quyền sống trong hoà bình, bình đẳng và phát triển; quyền giao lưu về kinh tế và tình cảm giữa các quốc gia, dân tộc.

Trong thế giới ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, hoà bình quốc tế không thể bền vững nếu hoà bình của từng khu vực và quốc gia không được bảo đảm; sự phồn vinh của một số nước cũng không thể trọn vẹn nếu không có sự phồn vinh chung của toàn nhân loại. Hoà bình phát triển là mối quan tâm hàng đầu của cộng đồng quốc tế và vì thế cũng phải là chuẩn mực cho hành động của Liên hợp quốc.

Những công việc cấp thiết là: Xoá đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm và hoà nhập xã hội - những nội dung cơ bản của Hội nghị thượng đỉnh Copenhaghen về

phát triển xã hội cần được tích cực triển khai thực hiện; quyền bình đẳng phụ nữ cần được tôn vinh; quyền được chăm sóc của trẻ em phải được thực hiện; quyền sơ đẳng của con người gắn liền với chủ quyền, an ninh và phát triển của mỗi quốc gia, dân tộc phải được tôn trọng.

Thưa ngài Chủ tịch,

Những việc Liên hợp quốc đã làm được trong nửa thế kỷ qua ở các lĩnh vực duy trì hoà bình và an ninh quốc tế, phi thực dân hoá, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác phát triển giữa các dân tộc, các hoạt động bảo vệ môi trường, văn hoá, giáo dục và nhân đạo... là rất to lớn. Song những khiếm khuyết của tổ chức chúng ta cũng không nhỏ. Để hoàn thành nhiệm vụ của mình, Liên hợp quốc cần tự đổi mới, trước hết phải là một tổ chức dân chủ, mối quan hệ giữa các quốc gia cũng như giữa Liên hợp quốc với từng quốc gia phải là mối quan hệ dân chủ và bình đẳng; Đại hội đồng phải là cơ quan quyền lực cao nhất của Liên hợp quốc, chịu trách nhiệm trước các thành viên về vấn đề hoà bình và an ninh quốc tế, về hợp tác phát triển và những vấn đề khác. Các tổ chức thuộc Liên hợp quốc cũng cần phải đổi mới, hoạt động năng động, công khai, có hiệu quả hơn trong khuôn khổ Hiến chương và các nghị quyết của Đại hội đồng.

Thưa ngài Chủ tịch,

Điều trùng hợp là năm 1995 cũng là năm kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, ngày nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Năm mươi năm qua nhân dân Việt Nam đã phát huy truyền thống đoàn kết, tự lực, tự cường, kiên trì vượt qua muôn vàn hy sinh gian khổ để bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc mình; từng bước xây dựng cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc cho nhân dân. Việt Nam chủ trương thi hành chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng với phương châm "Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong

cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển" và đã thu được nhiều thành tựu đáng phấn khởi.

Nhân dịp này, cho phép tôi chân thành cảm ơn các nước, các tổ chức quốc tế, ngài Tổng Thư ký Liên hợp quốc Boutros Ghali và các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc đã giành cho Việt Nam sự thiện cảm và giúp đỡ quý báu. Việt Nam cam kết làm hết sức mình để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cao cả của Liên hợp quốc vì hoà bình, phát triển, bình đẳng và công bằng, vì một thế giới tốt đẹp hơn như khẩu hiệu của Lễ kỷ niệm đặc biệt này: "Chúng ta, các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc hãy đoàn kết vì một thế giới tốt đẹp hơn!".

Xin cảm ơn!

ĐẤU TRANH ĐỀ LOẠI TRỪ CHỦ NGHĨA CÁ NHÂN, ĐẨY LÙI MỌI NGUY
CƠ,

HOÀN THÀNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

(Báo cáo tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khoá IX, ngày 2-4-1997)

Thưa Quốc hội,

Thưa các vị khách quý,

Nhiệm kỳ của Quốc hội đồng thời cũng là nhiệm kỳ của Nhà nước (1992-1997) sắp kết thúc. Trong nhiệm kỳ này, đất nước ta đã đứng trước nhiều thuận lợi mới rất cơ bản và cả những thử thách hiểm nghèo. Bên cạnh những thắng lợi to lớn đáng tự hào là những khuyết điểm nội tại có chiều hướng phát triển thành nguy cơ.

Những thuận lợi mới rất cơ bản đó là:

Công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến năm 1991 đã thu được những thành tựu quan trọng:

1. Nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa bước đầu hình thành đã giải phóng lực lượng sản xuất sau nhiều năm bị kìm hãm bởi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

Nền nông nghiệp đã khởi sắc với những thành quả đáng phấn khởi, lương thực đủ dùng, có gạo để xuất khẩu (hơn một triệu tấn năm 1991). Chân lý muôn thừa "Có thực mới vực được đạo" đã được thực hiện lần đầu tiên ở nước ta. Lạm phát bước đầu bị đẩy lùi từ 774,7% (năm 1986) xuống còn 67,5% (năm 1991).

2. Cuộc điều chỉnh chiến lược lớn về quân sự cơ bản đã hoàn thành. Thế trận quốc phòng - an ninh nhân dân trong cả nước bước đầu hình thành, sẵn sàng đánh thắng mọi loại chiến tranh xâm lược và phản loạn. Chi phí ngân sách cho quốc phòng giảm đáng kể để tập trung ngân sách và nhân lực vào xây dựng đất nước.

3. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đại hội Đảng lần thứ VII và Hiến pháp 1992 ra đời đã soi đường chỉ lối cho Đảng, Nhà nước, toàn dân, toàn quân ta vững bước tiến lên trong sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản nói trên, bước vào nhiệm kỳ 1992-1997, đất nước có những khó khăn to lớn:

1. Nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.
2. Sự tan rã của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đã tác động sâu sắc đến nước ta; đông đảo cán bộ và nhân dân lo lắng, một số người đã dao động.

Quan hệ kinh tế giữa nước ta với thị trường truyền thống bị đảo lộn, nguồn cung cấp trang thiết bị quân sự bị cắt đứt.

3. Trong khi đó Mỹ vẫn tiếp tục bao vây cấm vận, bọn phản động nhân cơ hội ngóc đầu dậy, một số đẩy mạnh hoạt động hòng gây mất ổn định chính trị để tiến tới chuyển hoá hoà bình hoặc bạo loạn lật đổ.

Đứng trước tình hình đó, Đảng, Nhà nước, quân và dân ta ra sức phát huy những thành tựu đã giành được, kiên quyết vượt qua những thử thách, và đã thu được những thắng lợi to lớn đáng tự hào trên tất cả các lĩnh vực:

1. Về kinh tế

Tăng trưởng khá và liên tục, năm sau cao hơn năm trước (nhịp độ tăng trưởng GDP từ 6% năm 1991 lên trên 9% năm 1996, bình quân từ 1992- 1996 là 8,8%).

Cơ cấu kinh tế chuyển dần sang hướng công nghiệp hoá: Tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ trên 23% năm 1991 tăng lên trên 30% năm 1996; khu vực dịch vụ từ trên 35% năm 1991 tăng lên trên 42% năm 1996. Trong khi đó sản lượng lương thực vẫn tăng đáng kể từ gần 22 triệu tấn năm 1991, lên trên 29 triệu tấn năm 1996.

Vốn đầu tư toàn xã hội tăng lên hàng năm, từ 12.707 tỷ đồng năm 1991 (bằng 16,76% GDP), đến năm 1996 lên gấp 5,5 lần là 72.000 tỷ đồng (bằng 27,84% GDP). Lạm phát bị đẩy lùi từ mức 67,5% năm 1991, giảm xuống còn dưới 10%. Giá cả ổn định.

2. Về mặt xã hội

Đời sống vật chất tinh thần của đại bộ phận nhân dân được cải thiện, khoảng 90% người dân đã có ăn, có mặc và biết chữ, được hưởng những thông tin, văn hoá tiên bộ. Giáo dục đào tạo sau nhiều năm trì trệ, đã được hồi phục và phát triển khá nhanh. Đến nay cả nước đã có khoảng 20 triệu học sinh, sinh viên, có khoảng ba

phần tư số xã trong cả nước đã phổ cập tiểu học. Đó là một dấu hiệu đáng mừng của đất nước. Báo chí, truyền thanh, truyền hình đã góp phần nâng cao dân trí, phê phán cái xấu, cái hủ bại, phổ biến kịp thời những cái hay, cái đẹp, cái mới cho toàn xã hội.

Khoa học công nghệ tuy còn non trẻ nhưng đã góp phần tích cực vào đời sống xã hội, vào thành công của sự nghiệp đổi mới, nhất là trong lĩnh vực y tế, nông nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng cơ bản, năng lượng, bưu chính viễn thông, dầu khí...

Những việc làm đền ơn đáp nghĩa, ngôi nhà tình nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc người có công với nước, trong những năm qua đã trở thành phong trào quần chúng, được đông đảo nhân dân hưởng ứng, làm ấm lòng các thế hệ, các gia đình có người thân đã trọn đời cống hiến cho Tổ quốc, làm tăng thêm tinh thần yêu nước và tình đoàn kết dân tộc.

Đảng, Nhà nước ta khuyến khích làm giàu chính đáng và phát động toàn dân thực hiện chính sách xoá đói giảm nghèo, với phương châm "dân giúp dân là chính", tạo điều kiện cho người nghèo vươn lên có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời chăm sóc trẻ em và người già có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đó là đạo lý, truyền thống "*Thương người như thể thương thân*" của người Việt Nam ta; đó cũng chính là bản chất tốt đẹp của Nhà nước, của chế độ ta, chính vì vậy đã được đông đảo nhân dân hoan nghênh và hưởng ứng. Nhân dịp này, thay mặt Nhà nước và nhân dân Việt Nam, tôi tỏ lời biết ơn đối với các cá nhân, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và Chính phủ các nước đã góp phần giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh, những người nghèo, vùng nghèo ở Việt Nam. Công ơn đó người Việt Nam chúng tôi xin ghi tạc mãi mãi trong lòng.

3. Về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh

Trong những năm qua, chúng ta đã làm thất bại những âm mưu và hành động phá hoại của các loại kẻ thù, giữ vững và nâng cao ổn định chính trị, tăng cường thêm khả năng phòng thủ đất nước. Trách nhiệm của đảng bộ, chính quyền và quân dân các tỉnh, thành đã được phân định rõ ràng là ngăn ngừa và đánh thắng mọi tình huống chiến tranh và phản loạn ở địa phương mình, xây dựng khu phòng thủ tỉnh, thành ngày thêm vững chắc; đồng thời đóng góp sức người, sức của để tăng cường sức mạnh của cả nước trong mọi thời kỳ, mọi tình huống. Quan điểm, tư tưởng và thể trận quốc phòng - an ninh đúng và vững chắc, bảo đảm giữ vững độc lập chủ quyền, an ninh chính trị và hoà bình, làm cho nhân dân có cuộc sống yên bình để chăm lo xây dựng đất nước, bạn bè yên tâm hợp tác làm ăn lâu dài với ta.

4. Về công tác đối ngoại

Cùng với các thành tựu trong các lĩnh vực nêu trên, với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hoá theo tinh thần "*Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập dân tộc và phát triển*" trong năm năm qua đã thu được những thành tựu đáng kể. Đến nay chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới, đã mở rộng quan hệ thương mại với trên 100 nước. Đầu tư trực tiếp của các công ty nước ngoài không ngừng tăng lên từ 1,3 tỷ đôla Mỹ năm 1991 đến 1996 đã tăng gấp trên năm lần. Đến nay số vốn đã thực hiện khoảng 7 tỷ đôla Mỹ.

Những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng- an ninh, đối ngoại đã đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Thưa Quốc hội,

Chúng ta đã tự khẳng định mình bằng những thành tựu đạt được trong năm năm qua - những năm đầy sóng gió, song chúng ta vẫn còn những khuyết điểm nội tại có chiều hướng gia tăng, nếu không ngăn chặn kịp thời sẽ trở thành nguy cơ.

Bốn nguy cơ của cách mạng nước ta đã được Đại hội Đảng giữa nhiệm kỳ khoá VII chỉ rõ, bao trùm lên trên bốn nguy cơ đó là *chủ nghĩa cá nhân*. Chủ nghĩa cá nhân đang có chiều hướng phát triển, biểu hiện muôn hình, muôn vẻ trong các doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước, làm tổn hại không nhỏ đến sự đoàn kết, đến tài sản của Nhà nước và kiềm chế sự phát triển của đất nước, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, làm nản lòng một số nhà đầu tư nước ngoài. Đảng, Nhà nước ta tôn trọng lợi ích cá nhân. Song lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích tập thể và kết hợp hài hoà với lợi ích của tập thể, của cộng đồng, của quốc gia dân tộc. Không cho phép vì lợi ích cá nhân ích kỷ mà làm tổn hại đến các lợi ích khác to lớn hơn.

Bác Hồ đã dạy: "*Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó*"¹³. Vì vậy chúng ta phải tìm mọi biện pháp đấu tranh để loại trừ chủ nghĩa cá nhân trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước, trong các doanh nghiệp nhà nước thì mới đẩy lùi được mọi nguy cơ, mới hoàn thành được sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, và mới đưa đất nước tiến lên đến mục tiêu đã định.

Thưa Quốc hội!

Tuy còn nhiều vấn đề tồn tại, nhưng nhìn tổng quát trong bối cảnh lịch sử đặc biệt, chúng ta đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1992- 1997 mà nhân dân giao phó.

Xin chúc các vị đại biểu dồi dào sức khoẻ và hạnh phúc.

PHÁT BIỂU TẠI KỶ HỢP THỨ NHẤT, QUỐC HỘI KHOÁ X

(Ngày 29-9-1997)

Thưa Quốc hội,

Thưa các vị khách quý,

Hôm nay chúng ta tự hào là người dân sống trong một nước có độc lập, tự do và phần đông nhân dân đã có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Đồng thời chúng ta không thể nào quên được những năm tháng lầm than mà dân tộc Việt Nam đã từng sống trong cảnh nô lệ, nước mất, nhà tan; đói rách, bệnh tật và hơn 90% dân ta mù chữ... Chính vì vậy, hơn ai hết, dân tộc ta trân trọng giá trị thiêng liêng của độc lập, tự do. Thành quả độc lập, tự do và cuộc sống như ngày hôm nay chính là bắt nguồn từ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu; là công lao và cũng là thắng lợi vĩ đại của sự đấu tranh bền bỉ và lao động cực nhọc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, của bao thế hệ người Việt Nam trên mọi miền đất nước và ở nước ngoài, trong đó có sự giúp đỡ và hợp tác thân tình của bạn bè quốc tế gần xa. Thành quả đó, chúng ta nguyện quyết tâm bảo vệ, gìn giữ, phát triển và nâng cao lên mãi.

Tại diễn đàn long trọng này, chúng tôi xúc động và biết ơn các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và bạn bè quốc tế đã tin nhiệm và giúp đỡ chúng tôi thực hiện nhiệm vụ trong những năm qua. Cảm ơn Quốc hội đã biểu dương và tuyên dương công lao đóng góp của chúng tôi đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc. Sự tuyên dương và biểu dương này là nguồn cổ vũ lớn lao cho mỗi chúng tôi, để tiếp tục

đem hết trí tuệ và sức lực của mình cống hiến tốt hơn nữa cho đất nước và nhân dân.

Song, chúng tôi xin được bày tỏ trước Quốc hội rằng, những gì chúng tôi đã đóng góp được cho đất nước và nhân dân vừa qua cũng chỉ như giọt nước trong biển cả công lao to lớn của cả dân tộc, của toàn Đảng ta. Điều chúng tôi còn băn khoăn là thời gian gần đây, trên cương vị công tác của mình, chưa đóng góp được nhiều cho việc đẩy lùi tệ nạn tham nhũng - lực cản chủ yếu cho sự phát triển của đất nước, làm hoen ố niềm tự hào của dân tộc.

Với truyền thống kiên cường, bất khuất của dân tộc, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, với khối đại đoàn kết vững mạnh của các dân tộc Việt Nam, chúng tôi tin tưởng sâu sắc rằng, nhiệm kỳ Quốc hội và Nhà nước khoá X sẽ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà nhân dân giao phó, sẽ giải quyết tốt tệ nạn tham nhũng, đưa đất nước ta vững bước tiến vào thế kỷ XXI, xây dựng xã hội công bằng, văn minh, hạnh phúc cho mọi nhà, mọi thôn xã, phố phường trong cả nước; xây dựng tình hữu nghị và hợp tác ngày càng tốt đẹp với nhân dân các dân tộc trên thế giới.

Thưa Quốc hội,

Thưa các vị khách quý,

Chúng tôi hứa với Quốc hội sẽ phấn đấu không ngừng để tiếp tục góp phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp cách mạng vẻ vang của đất nước, của dân tộc.

Chúc các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các vị đại biểu Quốc hội dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và hoàn thành mọi nhiệm vụ mà nhân dân giao phó.

Chúc sức khỏe các đồng chí và các bạn!

VIỆN BẢO TÀNG QUÂN ĐỘI THỰC SỰ TRỞ THÀNH MỘT TRONG
NHỮNG TRUNG TÂM GIÁO DỤC LỊCH SỬ,
TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, YÊU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CHO CÁC THẾ
HỆ HIỆN TẠI VÀ MAI SAU

(Phát biểu với cán bộ, viên chức Viện Bảo tàng Quân đội nhân dịp kỷ niệm 55 năm
ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam,

10 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân và 40 năm ngày thành lập Viện Bảo tàng
quân đội, Hà Nội, ngày 22-12-1999)

Những hiện vật và hình ảnh lưu giữ tại Viện Bảo tàng Quân đội đã tái tạo một cách
khách quan, giúp người xem hiểu được một cách khái quát quá trình hình thành,
xây dựng, trưởng thành, chiến đấu và chiến thắng của các lực lượng vũ trang, của
Quân đội nhân dân Việt Nam anh hùng do Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ
muôn vàn kính yêu tổ chức và lãnh đạo. Đó là kết quả tốt, đáng khen ngợi.

Qua các gian phòng, ngoài những hiện vật và hình ảnh đã trưng bày, tôi đề nghị
các đồng chí cần lưu ý thêm:

Phải thể hiện rõ hơn nữa mối quan hệ giữa sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ đối với
quân đội; sự đùm bọc, nuôi dưỡng của nhân dân đối với quân đội và quân đội với
Đảng, Bác Hồ, nhân dân. Làm cho người xem thấy được có Đảng, có Bác Hồ, có
nhân dân mới có quân đội nhân dân anh hùng. Trong trình bày phải thể hiện được
chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân đội ta. Đồng thời phải lưu giữ các tài liệu,
hiện vật về những anh hùng cụ thể.

Gian trưng bày "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" nội dung, bố cục tốt, gây xúc động
cho người xem. Song cũng cần nghiên cứu, thể hiện các vị anh hùng cách mạng

của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước qua các triều đại. Ví dụ, có thể đưa hình ảnh Bà Trưng, Bà Triệu, Bà Nguyễn Thị Định... vào gian trưng bày "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" để thể hiện chiều sâu vai trò và tinh thần yêu nước chống ngoại xâm của phụ nữ Việt Nam có truyền thống lịch sử từ hàng ngàn năm.

Gian trưng bày về chiến dịch Hồ Chí Minh cần thể hiện rõ vai trò của lực lượng vũ trang và quần chúng tại chỗ trong việc phối hợp với quân chủ lực để giành thắng lợi cuối cùng.

Đảng lãnh đạo quân đội cần được thể hiện tương đối tập trung: các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị của Đảng về quân sự, vai trò của các đồng chí tổng bí thư qua các thời kỳ phải được làm rõ và đậm nét hơn.

Phải nêu được những nét nổi bật và giữ cho được các tài liệu, hiện vật về các đồng chí Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, các đồng chí Tổng Tham mưu trưởng, các đồng chí Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, Kỹ thuật v.v. qua các thời kỳ, để giáo dục truyền thống và phục vụ cho công tác nghiên cứu sau này. Tôi xin nói một số ví dụ:

Về đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, các đồng chí thể hiện khá rõ; nhưng cần tập trung hơn để thấy được: là người trực tiếp thực hiện quyết định của Bác Hồ tổ chức thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân (22-12-1944), người chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954...

Đồng chí Tạ Quang Bửu là một trí thức, có tài năng và đức độ, đã từng làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng trong thời kỳ đầu kháng chiến chống Pháp, năm 1947 - 1948.

Đại tướng Hoàng Văn Thái, vị Tổng Tham mưu trưởng đầu tiên của quân đội ta (7-9-1945), là một trong những người chỉ huy Cứu quốc quân (1940) và Việt Nam

tuyên truyền giải phóng quân (12-1944). Đồng chí là một người chỉ huy tài năng và đức độ, đã đóng góp nhiều công lao trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc.

Đồng chí Trần Đăng Ninh được cử làm Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp (nay là Tổng cục Hậu cần) đầu tiên của quân đội ta. Đồng chí là nhà hoạt động cách mạng mẫu mực, là một trong những người lãnh đạo Cứu quốc quân. Cứu quốc quân tồn tại từ khởi nghĩa Bắc Sơn năm 1940 đến tháng 4-1945 đã cùng với Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân hình thành Việt Nam giải phóng quân.

Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị đã góp phần rất quan trọng xây dựng tư tưởng cách mạng tiến công cho quân đội. Với tư tưởng cách mạng tiến công, cán bộ chiến sĩ ta đã vượt qua muôn vàn thử thách, giành nhiều thắng lợi ngay từ những ngày đầu đối mặt với quân Mỹ xâm lược. Tư tưởng cách mạng tiến công đó đã thấm ra nhân dân. Chị Út Tịch ở Trà Vinh, là một trong hàng vạn phụ nữ tiêu biểu cho tinh thần cách mạng tiến công của nhân dân miền Nam lúc đó; chị vừa sản xuất, vừa nuôi dạy con, vừa đánh giặc và chị đã từng thể hiện ý chí cách mạng tiến công quân thù bằng những hành động rất dũng cảm và bằng câu nói rất dân dã: "Còn cái lai quần cũng đánh".

Đại tướng Văn Tiến Dũng, trong những năm chống Mỹ cứu nước, trên cương vị Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, đã xây dựng nhiều kế hoạch chiến lược đánh Mỹ ở miền Nam, bao gồm cả Kế hoạch bảo đảm (xây dựng đường Hồ Chí Minh dọc Trường Sơn, đường Hồ Chí Minh trên biển); chỉ đạo phá vỡ lực lượng địch ở vùng chiến lược Tây Nguyên và vùng ven biển miền Nam Trung Bộ. Đồng chí là người trực tiếp chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Đại tướng Chu Huy Mân, nguyên là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; đồng chí đã từng là Đội trưởng Tự vệ đỏ của phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh năm 1930. Thời kỳ

chống Mỹ, đồng chí là một trong những người chỉ huy giải phóng Đà Nẵng, đập tan căn cứ phòng ngự quan trọng của địch tại Vùng 2 chiến thuật.

Thượng tướng Song Hào, tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1934, từng bị tù đày trong các nhà tù của thực dân đế quốc. Nhiều năm làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, đồng chí đã cùng với đồng chí Nguyễn Chí Thanh chăm lo củng cố và xây dựng lập trường cách mạng cho quân đội, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, với dân tộc, xây dựng ý chí chiến đấu và tinh thần cách mạng tiến công cho quân đội ta, đặc biệt là trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Đại tướng Nguyễn Quyết, nguyên Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; trên cương vị Bí thư Thành ủy thành phố Hà Nội năm 1943 - 1945, đồng chí đã trực tiếp lãnh đạo Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại Hà Nội tháng 8-1945.

Giáo sư, viện sĩ Trần Đại Nghĩa là một trí thức yêu nước, được Bác Hồ giác ngộ; là một trong những cán bộ có công đầu xây dựng ngành Quân khí của quân đội ta; là người trực tiếp nghiên cứu, chế tạo thành công nhiều loại vũ khí cho quân đội trong thời kỳ đầu chống Pháp. Và còn nhiều cán bộ lãnh đạo, chỉ huy của quân đội có nhiều công lao mà tôi chưa được trực tiếp cùng sống và chiến đấu nên không thể kể hết ra đây. Những con người như vậy, đã cùng quân dân ta làm nên những chiến thắng vẻ vang, xây đắp nên truyền thống anh hùng, bách chiến bách thắng của quân đội ta. Tôi đề nghị phải sưu tầm, bổ sung cho đúng với lịch sử đã ghi nhận.

Viện Bảo tàng quân đội đã có 40 năm lịch sử, đó là điều đáng quý, nhưng 40 năm cũng chỉ là một khoảng ngắn so với lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam ta. Vì vậy, các đồng chí phải cố gắng phản ánh lịch sử cho thật **khách quan, trung thực, đầy đủ** để cho thế hệ mai sau hiểu đúng về lịch sử anh hùng của quân đội ta, nhân dân ta.

Nhân dịp 55 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 40 năm ngày thành lập Viện Bảo tàng quân đội, tôi mong các đồng chí luôn phát huy truyền thống vẻ vang của quân đội ta, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới; lập nhiều thành tích hơn nữa để thực sự trở thành một trong những trung tâm giáo dục truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc và khơi dậy lòng tự hào cho các thế hệ hiện tại và mai sau về Quân đội nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng của chúng ta.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và thắng lợi!

NẾU KHÔNG GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ THÌ KHÔNG KHÍCH LỆ ĐƯỢC LÒNG YÊU NƯỚC TRONG THANH NIÊN

(Lược ghi bài nói chuyện trong dịp đến thăm Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, ngày 18-5-1996)

Tôi tới thăm Viện Lịch sử quân sự Việt Nam trong dịp các đồng chí đang chuẩn bị kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Viện và ngành Lịch sử quân sự. Trong những năm qua, các đồng chí đã làm được một khối lượng lớn công việc, đã xuất bản được nhiều công trình khoa học có giá trị, như: "Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh"; "Lịch sử Quân đội nhân dân Việt Nam"; "Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp"; "Lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước"; "Lịch sử nghệ thuật chiến dịch Việt Nam"; "Kế sách giữ nước thời Lý- Trần"; "Phương pháp luận lịch sử quân sự"... và các công trình cấp Nhà nước: Một số vấn đề chỉ đạo chiến lược qua 30 năm chiến tranh giải phóng; Những kinh nghiệm về quốc phòng - an ninh trong lịch sử dân tộc... cùng gần 100 số Tạp chí Lịch sử quân

sự giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và gợi mở nội dung mới cho công tác nghiên cứu, góp phần giáo dục truyền thống cho lực lượng vũ trang.

Các đồng chí còn làm tốt công tác thu thập, hệ thống hoá, bảo quản tư liệu; đào tạo bồi dưỡng cán bộ chuyên ngành, giúp đỡ, hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổng kết chiến tranh và biên soạn lịch sử quân sự trong 30 năm chiến tranh giải phóng. Viện Lịch sử quân sự đã góp phần rất quan trọng vào việc viết lịch sử dân tộc. Thực tiễn trên đây đã khẳng định vai trò, vị trí của Viện Lịch sử quân sự và của ngành Lịch sử quân sự đối với xã hội. Các đồng chí đã có nhiều cố gắng, hoàn thành tốt nhiệm vụ vẻ vang được giao phó. Tôi nhiệt liệt biểu dương khen ngợi các đồng chí.

Lịch sử suốt mấy ngàn năm của dân tộc ta, nhất là trong 50 năm qua là lịch sử đấu tranh giành và giữ độc lập. Đây là kho báu được đổi bằng mồ hôi, xương máu và trí tuệ của biết bao thế hệ người Việt Nam ta để lại cho đời sau. Các đồng chí cần sưu tầm, ghi chép lại một cách đầy đủ, có hệ thống để trên cơ sở đó, các thế hệ ngày nay và mai sau rút ra những bài học bổ ích, không ngừng tăng cường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thân yêu của chúng ta.

Tuy nhiên, dù có cố gắng hết sức các đồng chí cũng chỉ có thể tổng kết biên soạn được một phần nhỏ so với chiều dài lịch sử mà thôi. Lịch sử diễn ra chỉ một lần nhưng viết lịch sử thường phải làm nhiều lần. Các thế hệ mai sau sẽ tiếp tục tổng kết nghiên cứu, phân tích... Muốn vậy, phải để lại những tư liệu phong phú, xác thực, có độ tin cậy cao. Nếu đời sau không có cứ liệu đầy đủ thì làm sao lý giải được tại sao chỉ trong một quãng thời gian ngắn Quang Trung- Nguyễn Huệ lại có thể hành quân thần tốc ra Thăng Long, quân số tăng gấp đôi, chất lượng vẫn tinh nhuệ và đánh thắng quân Thanh đông gấp nhiều lần.

Cần ghi lại từng chiến dịch, từng trận đánh, cả thành công và thất bại, làm nổi rõ nguyên nhân thành bại của từng trận đánh, và cái hay cái dở trong từng trận là gì?

Người cán bộ làm công tác nghiên cứu lịch sử quân sự phải có kiến thức về triết học để đánh giá phân tích cho đúng, có kiến thức lịch sử để viết cho trung thực và có kiến thức về văn học để viết cho truyền cảm. Phải thật sự say sưa yêu nghề, có thái độ lao động khoa học nghiêm túc, cẩn trọng, có tâm hồn trong sáng, luôn luôn có ý thức bồi bổ trau dồi kiến thức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Cần cải tiến cách viết sao cho ngắn và hấp dẫn, dễ đi vào lòng người, nhất là đối với thế hệ trẻ. Một bộ phận người viết và bạn đọc hôm nay đã trải qua binh lửa chiến tranh nên dễ dàng cảm nhận được lịch sử giai đoạn vừa qua, song làm sao để các thế hệ mai sau cảm nhận được cái hào khí của non sông, ý chí và sức mạnh của dân tộc và những hy sinh to lớn mà nhân dân ta đã trải qua trong những năm kháng chiến chống xâm lược để họ mãi mãi tự hào và kế thừa, phát huy mới là việc khó. Rõ ràng, chúng ta còn phải cố gắng rất nhiều mới đáp ứng được.

Tương lai đất nước thuộc về thế hệ trẻ. Quá khứ, hiện tại và tương lai cùng một dòng chảy. Muốn đổi mới thì phải kế thừa di sản quý báu của quá khứ. Nhân dân ta, đặc biệt là thanh niên rất say mê lịch sử, thích tìm hiểu quá khứ và luôn luôn hướng tới những đỉnh cao tốt đẹp: Những tấm gương yêu nước thương nòi, sẵn sàng hy sinh vì đại nghĩa của dân tộc, tài thao lược của cha ông và những tài năng trẻ tuổi trong lịch sử luôn luôn có sức hấp dẫn đối với họ. Lịch sử quả là một người thầy vĩ đại đối với mọi thế hệ. Tiếc rằng công tác giáo dục lịch sử nói riêng, khoa học xã hội và nhân văn nói chung đối với thanh niên học sinh chưa được chú trọng đúng mức. Bác Hồ đã từng viết trong cuốn *Lịch sử diễn ca*, mở đầu bằng hai câu:

Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

Là người dân của một nước nhất thiết phải hiểu rõ nguồn gốc, truyền thống và bản sắc của dân tộc mình để ngày càng gắn bó máu thịt với quê hương đất nước, với

đồng bào của mình, không ngừng kế thừa và phát huy tinh hoa tốt đẹp của quá khứ để bảo vệ và xây dựng đất nước.

Yêu nước, thương nòi, phụng sự đất nước phải là trách nhiệm hàng đầu của mỗi công dân đối với Tổ quốc. Ta đã từng đau nhói tim gan mỗi lần dở lại những trang sử nước mất nhà tan và cũng đầy tự hào phấn chấn trước những chiến công hiển hách của Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... Nếu giờ đây chúng ta chỉ đào tạo những cán bộ kỹ thuật đơn thuần, theo kiểu rập khuôn máy móc mà không trang bị cho họ những tri thức cần thiết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khoa học xã hội và nhân văn về lịch sử, thì chúng ta chỉ có thể đào tạo các nhà kỹ thuật giỏi, không có được lớp thanh niên đủ khả năng làm chủ tương lai của đất nước, những nhân tài về hoạt động chính trị, về tổ chức xã hội cho đất nước khó có thể xây dựng được một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Đây là vấn đề lớn có tính chất sống còn đang đặt ra mà chúng ta phải đặc biệt quan tâm.

Từ lâu rồi, người dân Việt Nam khi đi học đều rất thích học và mê lịch sử. Là người Việt Nam thì phải biết lịch sử nước nhà và lịch sử thế giới. Nhưng gần đây lại có hiện tượng trong lớp thanh niên không tha thiết đọc và nghiên cứu lịch sử. Vậy tại sao lại có hiện tượng này? Đây là một sự suy thoái về tư tưởng cần được làm rõ. Nguyên nhân của hiện tượng này chúng ta phải tìm hiểu và khắc phục cho bằng được, mà trước hết ngành Lịch sử phải tìm hiểu và chỉ ra.

Có nắm được toàn bộ tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc với tất cả thăng trầm của nó thì mới thấm thía giá trị đích thực của bài học độc lập, tự chủ. Nhờ có tinh thần độc lập tự chủ mà dân tộc ta trường tồn và giữ được bản sắc của mình, không bị nước lớn thôn tính. Giữ vững độc lập tự chủ, kiên quyết bảo vệ những lợi ích sống còn dài lâu của quốc gia dân tộc phải trở thành ý thức nhạy bén và thường xuyên của mỗi công dân và toàn thể cộng đồng. Hợp tác làm ăn với

nước ngoài để phát triển đất nước, nhất là trong thời cơ vận hội hiện nay là một điều cần thiết. Song, không thể vì lợi ích trước mắt mà bị lệ thuộc, làm phương hại đến lợi ích căn bản lâu dài của đất nước, để lại những hiểm họa khôn lường cho hậu thế. Với thái độ khoa học, khách quan, thực sự cầu thị, chúng ta không chỉ nghiên cứu các giai đoạn phát triển rục rờ, những chiến công oanh liệt mà cần tìm hiểu cả nguyên nhân, bài học dẫn đến sự suy thoái, thậm chí mất nước đã từng xảy ra trong lịch sử dân tộc.

Thực tiễn lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc đã để lại cho ta nhiều bài học quý báu. Để đánh bại các cuộc tiến công xâm lược từ bên ngoài, cần chủ động chuẩn bị cho đất nước trong thời bình về mọi mặt, cả về thế trận và lực lượng, sẵn sàng chiến đấu và đủ sức đánh lâu dài để làm thất bại mưu đồ đánh nhanh, thắng nhanh của địch. Điều bất lợi nhất đối với kẻ đi xâm lược là phải đối phó một cách lâu dài trên đất của đối phương. Đương nhiên, khi có điều kiện thuận lợi cần nhanh chóng chớp thời cơ nỗ lực xóc tới giành thắng lợi.

Lịch sử là tổng hoà của các mối quan hệ phức tạp, đan xen nhau, tác động lẫn nhau. Người viết sử phải biết vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, bằng các cứ liệu xác thực cần lý giải một cách khoa học và thoả đáng các mối quan hệ về nhân-quả, tất yếu - ngẫu nhiên, vai trò của quần chúng và cá nhân trong lịch sử..., góp phần làm sáng tỏ chân lý.

Mọi suy nghĩ và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn vì lợi ích của dân tộc, của nhân dân lao động, cho nên đã huy động được sức mạnh của dân tộc, của nhân dân lao động đánh bại những kẻ thù xâm lược lớn mạnh và hung bạo. Đó là bài học lịch sử vô cùng quý báu mà đời đời phải ghi nhớ và làm theo; không để cho vì một lý do nào đó mà xuyên tạc, bóp méo lịch sử. Nhất định chúng ta phải xây dựng được một bộ sử trung thực, phong phú, góp phần

xứng đáng vào sự nghiệp không ngừng tăng cường sức mạnh mọi mặt của Tổ quốc.

Chúc các đồng chí làm tốt hơn nữa trọng trách vẻ vang mà Đảng, Nhà nước và quân đội giao phó!

SÁU MƯƠI NĂM TẬN TRUNG VỚI ĐẢNG, TẬN HIẾU VỚI DÂN

(Phát biểu tại Lễ trao Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng, ngày 4-11-1998)

Kính thưa đồng chí Tổng Bí thư,

Kính thưa các đồng chí thân mến,

Sáu mươi năm qua, được vinh dự làm nhiệm vụ của một đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi đã chứng kiến biết bao sự kiện vinh nhục, buồn vui trên đất nước chúng ta.

Từ năm 1945 trở về trước, nhân dân ta sống dưới ách nô lệ của thực dân đế quốc, đã phải lao động cực nhọc và bị đối xử tồi tệ, không đủ cơm ăn, áo mặc, ốm đau không được chữa bệnh; trên 90% dân ta bị mù chữ, bị sỉ nhục bằng những ngôn từ xấu xa nhất; bị chết dần, chết mòn trong đói rét và bệnh tật (hai triệu đồng bào ta chết đói năm 1945).

Đến mùa Thu lịch sử năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta trên mọi miền đất nước nhất tề đứng dậy đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, xây dựng cuộc sống hoà bình, ấm no và hạnh phúc. Từ những ngày ấy, nếu các thế lực thực dân đế quốc để yên cho nhân dân ta xây dựng đất nước, thì đến nay cuộc sống của nhân dân chắc chắn đã

ấm no, vui tươi và hạnh phúc biết chừng nào. Song, chà đạp lên nguyện vọng chính đáng, đầy tình người đó của dân tộc ta, các thế lực đế quốc to và mạnh nhất thế giới đã tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo, suốt 30 năm ròng đã trút lên đầu nhân dân ta vô vàn bom đạn, chất độc hoá học và dùng mọi phương tiện, hòng khuất phục dân tộc ta, tước bỏ quyền *con người* của dân ta.

Nhưng với truyền thống yêu nước nồng nàn, quật cường chống giặc ngoại xâm, được hun đúc qua hàng nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, chúng ta quyết không khuất phục trước bất cứ kẻ thù nào. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói lên quyết tâm sắt đá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là: *"Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!"*¹⁴.

Với quyết tâm đó, nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân ta đã đấu tranh bền bỉ bằng nhiều hình thức phong phú, biến hoá khôn lường, không giống một mô hình đấu tranh nào có sẵn. Chính vì vậy, chúng ta đã làm cho đối phương mặc dầu có học thuyết quân sự và trang bị quân sự hiện đại vào loại bậc nhất thế giới phải chịu thua. Nhân dân ta và lực lượng vũ trang nhân dân đã giành được thắng lợi rực rỡ. Những ngôn từ xấu xa mà bọn thực dân đế quốc gán cho người Việt Nam ta biến mất. Xuất hiện những ngôn từ thân thương nhất mà nhân loại tiến bộ dành cho nhân dân ta, cho Tổ quốc thân yêu của chúng ta.

Sau thắng lợi năm 1975, nhân dân ta đã bắt tay vào xây dựng đất nước trong cảnh nghèo nàn, đổ nát, vết thương của những cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo còn thấm sâu vào lòng đất, vào từng gia đình, thôn bản; chiến sự diễn ra ở hai đầu biên giới của Tổ quốc; bị bao vây cấm vận ngặt nghèo, cùng với chiến lược phá hoại nhiều mặt và diễn biến hoà bình trong nội địa của các thế lực thù địch. Đồng thời, chỗ dựa và cũng là thị trường chủ yếu của ta là Liên Xô sụp đổ, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu thay đổi thể chế, những quan hệ truyền thống bị gián đoạn.

Thêm vào đó là những sai lầm mà chúng ta phạm phải trong cải tạo, xây dựng kinh tế với những quan điểm giáo điều, chủ quan, duy ý chí.

Tất cả những khó khăn đó dẫn đến khủng hoảng kinh tế, tài chính rất nghiêm trọng trên đất nước ta.

Một lần nữa, Đảng, Nhà nước, nhân dân ta và lực lượng vũ trang nhân dân đoàn kết, trên dưới một lòng, quyết tâm vượt qua mọi thử thách to lớn đó để bảo vệ vững chắc Tổ quốc và đưa đất nước thoát khỏi cảnh nghèo nàn, lạc hậu. Đến nay, sau hơn mười năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, chúng ta đã thu được những thành tựu đáng mừng.

Phá được thế bao vây cấm vận, kết thúc chiến tranh biên giới. Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội đã có những thay đổi lớn: Các cơ sở nghiên cứu và ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, mạng lưới đường, điện, thuỷ nông, thuỷ lợi, trường học, bệnh viện và các hệ thống bưu chính viễn thông, in ấn, phát thanh, truyền hình...được xây dựng trên mọi miền đất nước. Công nghiệp, nông nghiệp, văn hoá, giáo dục và dịch vụ có những bước phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước cải thiện; quan hệ quốc tế được mở rộng...

Đến nay, có thể nói, chúng ta đã thực hiện được một phần quan trọng khát vọng lúc sinh thời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: *"Ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"*¹⁵.

Có được những thành tựu hôm nay, nhìn lại quá khứ của hơn sáu mươi năm qua, chúng ta không khỏi bồi ngùi về những đau khổ, mất mát to lớn của cả dân tộc; đồng thời cũng vô cùng tự hào về chí khí kiên cường, năng lực chịu đựng gian khổ và tư chất anh hùng, sáng tạo của dân tộc ta.

Chúng ta cảm ơn Đảng Cộng sản Việt Nam, cảm ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu đã soi đường chỉ lối cho nhân dân ta đấu tranh thoát khỏi cảnh nô lệ để giành độc lập, tự do, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Chúng ta cảm ơn các anh hùng, liệt sĩ đã hiến dâng cả cuộc đời mình cho hạnh phúc muôn đời mai sau của dân tộc.

Chúng ta cảm ơn nhân dân Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới, trong đó có nhân dân tiến bộ Pháp, Mỹ đã giúp đỡ, ủng hộ Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước.

Từ thực tiễn của dân tộc ta xưa và nay, tôi tin tưởng các thế hệ mai sau, sẽ rút ra được những bài học bổ ích để phát huy cao độ những tinh hoa của dân tộc; tiếp thu tiến bộ khoa học, kỹ thuật của nhân loại; khắc phục những khó khăn, tiêu cực trong cuộc sống, vượt qua mọi thử thách, cạm bẫy, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, độc lập tự chủ, có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, các dân tộc, các tổ chức quốc tế; xây dựng một xã hội lành mạnh, công bằng, văn minh, có hạnh phúc ngày càng nhiều cho từng gia đình, thôn bản, buôn làng và phố phường trong cả nước.

Thưa các đồng chí,

Suốt 60 năm qua, tôi đem hết sức lực, trí tuệ để thực hiện nhiệm vụ của Đảng và nhân dân giao phó, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh là phải "*Tận trung với Đảng, tận hiếu với dân*". Tôi đã được Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và bạn bè quốc tế tặng thưởng nhiều huy hiệu, huy chương và huân chương cao quý, trong đó, tôi xúc động tận đáy lòng là năm 1953 được Bác Hồ trực tiếp trao tặng *Huy hiệu Hồ Chí Minh* và hôm nay vinh dự được Đảng trao tặng *Huy hiệu 60 năm tuổi Đảng*. Tôi vô cùng cảm ơn

Đảng, nhân dân đã dìu dắt, nuôi dưỡng tôi trưởng thành và hoàn thành nhiệm vụ của người đảng viên cộng sản trong 60 năm qua.

Xin cảm ơn tất cả các đồng chí thân mến.

ĐƯỜNG LỐI CHIẾN TRANH NHÂN DÂN ĐÁNH BẠI ÂM MƯU CHIẾN LƯỢC CỦA THỰC DÂN PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ¹⁶

(Bài viết nhân dịp kỷ niệm lần thứ 50 Chiến thắng Điện Biên Phủ 7-5-2004)

Cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương kết thúc bằng trận Điện Biên Phủ đã đi vào lịch sử; diễn tiến và những bài học của nó đã ghi đậm vào trang sử của hai quốc gia: Pháp và Việt Nam.

Tôi được biết, cuối tháng 11-2003 vừa qua, người Pháp đã mở đầu cuộc kỷ niệm 50 năm trận Điện Biên Phủ bằng việc tổ chức tại Thủ đô Pari một cuộc hội thảo khoa học lớn có nhan đề: "1954-2004: Trận Điện Biên Phủ, lịch sử và ký ức" do Trường Đại học Pari 1 Păngtêông, Xoócbon và Trung tâm nghiên cứu lịch sử quốc phòng, Bộ Quốc phòng Cộng hoà Pháp phối hợp tổ chức, có hơn 300 nhà khoa học, nghiên cứu lịch sử chiến tranh và các cựu chiến binh Pháp đã từng tham gia trận Điện Biên Phủ tới dự. Tại cuộc hội thảo khoa học này, nhiều người đã nói rằng, sở dĩ Pháp thua trận ở Đông Dương là do phía Pháp có ba sai lầm:

Một là, do tướng Nava kém.

Hai là, do nội bộ Chính phủ Pháp lúc đó lục đục.

Ba là, do Pháp phải phân tán lực lượng và tiền bạc - vừa phải cho chiến tranh lạnh, vừa phải cho chiến tranh nóng ở Đông Dương.

Chúng ta nên nhìn nhận những ý kiến này như thế nào?

Trước hết, kể từ khi quân Pháp nổ súng gây hấn ở Nam Bộ, mở đầu cuộc chiến tranh tái chiếm Việt Nam - 23-9-1945, đến khi kết thúc chiến tranh - tháng 7-1954, Chính phủ thực dân Pháp đã lần lượt cử bảy Cao uỷ và tám Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương¹⁷. Đây là những tướng lĩnh tài ba có tiếng của quân đội Pháp lúc bấy giờ. Đầu tháng 5-1953, Hăngri Nava - viên tướng tài năng đang giữ chức Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Lục quân Trung Âu thuộc khối Bắc Đại Tây Dương được Thủ tướng R. Mayo gọi từ Tây Đức trở về Pari để sang Đông Dương thay cho tướng Xalăng làm Tổng chỉ huy. Như vậy, không thể nói Nava là vị tướng "kém". Hơn nữa, trước khi thảo ra bản "Kế hoạch Nava", viên Tổng chỉ huy này đã bay sang Đông Dương thị sát rất kỹ tình hình mọi mặt của chiến trường. Sau khi lấy ý kiến của Hội đồng các Tham mưu trưởng và một số nhân vật quan trọng trong nội các, ngày 24-7-1953, Nava đã trình bày và thông qua bản kế hoạch trước Hội đồng Quốc phòng. Tham dự có: Thủ tướng Lanien, Phó Thủ tướng Rây nô, Bộ trưởng Quốc phòng Plêven, Ngoại trưởng Bidôn, Quốc vụ khanh phụ trách vấn đề thuộc địa M.Giắcê; các bộ trưởng: Tài chính, Tư pháp, Lục quân, Hải quân, Không quân; Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân và Tham mưu trưởng ba quân chủng. Đặc biệt, kế hoạch của Nava đã được Chính phủ Mỹ quan tâm và thông qua. Trong chiến tranh Đông Dương, Pháp đã lần lượt cho ra đời năm bản kế hoạch¹⁸, trong đó "Kế hoạch Nava" là bản thứ năm - bản cuối cùng. Như vậy, có thể nói đây là sản phẩm trí tuệ của cả bộ máy chiến tranh của Pháp và can thiệp Mỹ, chứ không còn là tác phẩm của riêng Nava nữa. Ngày 22-10-1953, trên diễn đàn Quốc hội Pháp, Thủ tướng Lanien nói: "Kế hoạch Nava chẳng những được Chính phủ Pháp mà cả những người bạn Mỹ cũng tán thành. Nó cho phép hy vọng đủ mọi điều". Lời nói này đã thú nhận điều đó.

Hai là, do nội bộ chính quyền Pháp lục đục, lý do này có phần đúng. "Có phần" thôi vì không phải từ chỗ nội bộ lục đục nên dẫn đến thua, mà ngược lại, vì sa lầy,

bế tắc, thất bại liên tiếp trên chiến trường Việt Nam và Đông Dương là một trong những yếu tố nặng cân dẫn đến sự lục đục, bất đồng trong chính giới Pháp. Đồng thời, bên chính quốc càng bất ổn thì càng ảnh hưởng xấu tới "chiến trường thuộc địa". Hai phía có quan hệ biện chứng, tác động, ảnh hưởng lẫn nhau là rất rõ. Trong chín năm tiến hành xâm lược Việt Nam và Đông Dương, Cộng hoà Pháp có tới 20 đời Thủ tướng bị đổ¹⁹.

Ngay tại "thời điểm khởi đầu của kế hoạch Nava": Ngày 7-5-1953, Nava nhậm chức Tổng chỉ huy quân viễn chinh ở Đông Dương. Ngày 18-5, Nava bay sang thị sát Đông Dương, thì ba hôm sau, ngày 21-5-1953, Mayơ từ chức Thủ tướng vì không sao chèo chống nổi cơn thuyền chính trị của đất nước khi mà mức thiếu hụt ngân sách lên tới 730 triệu phơrăng, lạm phát 2000 tỷ phơrăng và số người thất nghiệp trong nước là hơn 3 triệu. Nước Pháp lại lâm vào khủng hoảng nội các hơn một tháng. Liên tiếp bốn đại diện của các chính đảng tư sản là Rây nô (Đảng Độc lập), Măngđét Phơrăng (Đảng Cấp tiến), Biđôn (Đảng Cộng hoà bình dân) và Mari (Đảng Cấp tiến) đứng ra thành lập nội các mới, nhưng đều không một ai giành nổi đa số phiếu tán thành trong Quốc hội. Không thể kéo dài mãi tình trạng một đất nước không có chính phủ, tháng 6-1953, Quốc hội Pháp buộc phải chấp nhận để Lanien đứng ra lập nội các mới. Trong lễ nhậm chức, viên Thủ tướng thứ 19 này hứa sẽ cố gắng đi tới chấm dứt cuộc chiến tranh ở Đông Dương bằng giải pháp thương lượng theo những điều kiện phía Pháp có thể chấp nhận được và kêu gọi các "chính phủ quốc gia liên kết ở Đông Dương" hãy cùng Mỹ chia sẻ với Pháp gánh nặng chiến tranh.

Về lý do thứ ba họ nêu sở dĩ bị thua là do Pháp cùng lúc phải phân tán lực lượng và tiền bạc để thực hiện cả chiến tranh lạnh và chiến tranh nóng. Từ năm 1949, Pháp tham gia khối quân sự NATO do Mỹ điều khiển để chống phá phong trào giải phóng dân tộc và đối đầu với Liên Xô. Tuy Pháp phải phân tán lực lượng, nhưng từ

năm 1950, Pháp lại được đế quốc Mỹ trợ giúp trên 73% chi phí chiến tranh. (Chiến phí của 9 năm chiến tranh Đông Dương lên gần 3000 tỷ phorăng, trong đó Mỹ viện trợ chiếm 1200 tỷ phorăng, tương đương 2,7 tỷ đôla. Riêng 1954, viện trợ Mỹ chiếm 73,9% chiến phí). Mỹ không chỉ giúp Pháp về kinh phí mà còn giúp cả về mưu mô, trí tuệ. Nhiều chính giới, tướng lĩnh Mỹ, trong đó có cả Phó Tổng thống Nícxơn và Tổng Tham mưu trưởng liên quân đã trực tiếp tham gia ý kiến vào "Kế hoạch Nava" và những giải pháp để thực hiện nó, kể cả trong những ngày mà kế hoạch này sắp cáo chung, khi Điện Biên Phủ và Đông Dương đang "hấp hối"²⁰.

Như vậy, cả ba lý do trên vẫn chỉ là lý do để biện minh cho nguyên nhân thất bại của Pháp. Cho đến nay, người Pháp đã tốn khá nhiều giấy mực để viết về cuộc chiến tranh Đông Dương và trận Điện Biên Phủ. Nhưng chừng nào chưa nhận chân ra cái *nguyên nhân cốt lõi nhất, mang tính bản chất nhất* thì chừng ấy chưa thể lý giải được một cách đầy đủ vì sao xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ lại thua trận ở Đông Dương mà tâm điểm là Việt Nam.

Trong chúng ta, nhiều người cho rằng, sở dĩ Pháp thua thì có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là do Pháp cố tình duy trì chủ nghĩa thực dân cũ đã quá lỗi thời. (Năm 1944, Đờgôn, Tổng thống kiêm Thủ tướng Pháp tuyên bố tái chiếm Đông Dương, nhưng mãi đến năm 1954 Đờgôn mới chịu thú nhận sự lạc hậu trong tư duy chiến lược và trong tổ chức bộ máy cai trị thực dân cũ của Pháp). Lý do này có phần đúng nhưng chưa phải là tất cả, chưa phải là nguyên nhân cốt lõi. Bởi, nếu nói Pháp thua chỉ vì Pháp duy trì *chủ nghĩa thực dân cũ* đã lỗi thời, vậy thì tại sao sau đó, khi Mỹ hất cẳng Pháp và nhảy vào xâm lược Việt Nam và Đông Dương, Mỹ áp dụng *chủ nghĩa thực dân mới* nhưng rốt cuộc Mỹ vẫn thua, thậm chí còn thua đau, thua đậm hơn Pháp ?

Vậy thì, ta có thể khẳng định: Nguyên nhân bao trùm nhất, lý do mang tính bản chất nhất ở đây là - Từ mục tiêu chính trị hết sức sai lầm, tiến hành cuộc chiến

tranh xâm lược phi nghĩa nên Pháp không có tiềm lực về chính trị, tinh thần. Càng hung hăng rồi càng sa lầy vào cuộc chiến chinh phục, nội các Pháp càng lục đục đổ lên đổ xuống, nhân dân Pháp càng khó khăn, suy quần và oán hận, ý chí của quân đội Pháp càng sa sút. Từ sai lầm về chiến lược nên mới khó gỡ về chiến dịch và chiến thuật. Bộ máy lãnh đạo chiến tranh của Pháp luôn phải đối mặt với một mâu thuẫn gay gắt là: Muốn đánh nhanh thì lại phải đánh lâu dài. Muốn tập trung sức mạnh quân sự để đánh những đòn tiến công, giải quyết nhanh chiến cuộc nhưng lại phải quá phân tán, phần lớn số quân phải rải ra để chiếm đóng, quân chủ lực cơ động còn lại quá ít. Tình thế này thì tướng tài giỏi đến đâu cũng chịu bó tay.

Sau cuộc huy động tổng lực tiến công lên Việt Bắc Thu Đông năm 1947 thất bại, ý tưởng chiến lược "*Đánh nhanh, thắng nhanh*" bị phá sản, bộ máy chỉ đạo chiến tranh của Pháp tuy buộc phải chuyển sang ý tưởng chiến lược đánh lâu dài nhưng thực chất ý đồ bao trùm xuyên suốt của những kẻ đi chinh phục bao giờ cũng muốn "*giải quyết nhanh*", càng không bao giờ muốn rơi vào trạng thái sa lầy.

Từ mục tiêu chính trị sai lầm, sau cuộc "ra quân đầu tiên" thất bại, thực dân Pháp buộc phải chuyển sang kế hoạch đánh lâu dài, như vậy tư duy chiến lược phải thay đổi trong tình thế hoàn toàn bị động. Và, đứng trước thực trạng khó khăn về nhiều mặt: Quân đội vừa thiếu vừa phải phân tán, nội các lục đục bất ổn định, kinh tế - xã hội sa sút, lòng dân không đồng tình mà còn oán giận..., bộ máy chiến tranh của Pháp buộc phải đẻ ra và áp dụng tư tưởng chiến lược "*Dùng người Việt đánh người Việt - Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*". Đến đây có thể nói, mô hình của chủ nghĩa thực dân cũ đã có dấu hiệu cáo chung, vì thực chất tư tưởng "Dùng người Việt đánh người Việt..." đã mang màu sắc của chủ nghĩa thực dân mới. Những tư tưởng đó của bộ óc chiến tranh Pháp là sáng kiến được nảy nở ra trong lúc khó khăn quần bách, nào ngờ "tư tưởng chiến lược" này lại rơi đúng vào ý đồ của chủ nghĩa đế quốc Mỹ. Và Mỹ đã tận dụng triệt để cơ hội này.

Chính phủ Lanien vừa lên cầm quyền đã phải chấp nhận giảm chi phí ngân sách cho chiến tranh Đông Dương trước nạn thâm hụt ngân sách quốc gia và gia tăng lạm phát. Trước thực trạng này, không còn cách nào khác là ngoài việc kêu gọi Mỹ tăng viện trợ từ 200 tỷ phơ-răng (năm 1952) lên 270 tỷ (1953), chiếm 46% tổng chiến phí. Lợi dụng tình hình này, Mỹ đòi Pháp phải mở rộng quyền hạn cho chính phủ nguy quyền. Trước sức ép của Mỹ, Pháp phải giao chính phủ ở Việt Nam cho Bảo Đại. Đáp lại, ngày 15-7-1953, Quốc trưởng bù nhìn Bảo Đại đã ký sắc lệnh "Tổng động viên". Và, ngày 21 tháng 7, theo lời mời của Tổng thống Aixenhao, Thủ tướng bù nhìn Nguyễn Văn Tâm đã lên đường sang Mỹ.

Tư tưởng chiến lược của bọn đế quốc xâm lược ở Đông Dương thực sự đang chuyển dần từ chủ nghĩa thực dân cũ sang chủ nghĩa thực dân mới. Nói cách khác là Pháp buộc phải bầu vịu vào Mỹ, lấy Mỹ làm chỗ dựa duy nhất để tiến hành chiến tranh. Ngược lại, Mỹ đã tận dụng cơ hội này để chuyển dần cuộc chiến theo ý tưởng của mình, theo chiều hướng có lợi cho mình. Nhưng ! Cả Pháp, cả Mỹ và cả chính quyền bù nhìn tay sai người Việt đều bất ngờ khi vấp phải *chiến tranh nhân dân* của ta. Chính đường lối "Chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh" mà Đảng và Bác Hồ đã chỉ ra và lãnh đạo xuyên suốt cuộc kháng chiến đã tạo nên sức mạnh to lớn, cộng với phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân bị áp bức ở các nước thuộc địa, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân ngay trong lòng các nước tư bản đế quốc, đặc biệt là chúng ta được tiếp thêm sức mạnh từ Liên Xô và Trung Quốc (từ khi đã giải phóng). Tất cả, như đồng chí Lê Duẩn đã nói, sức mạnh của dân tộc đã hoà cùng sức mạnh của thời đại tạo thành sức mạnh tổng hợp tạo nên thế và lực vô biên của cách mạng Việt Nam, áp đảo, đè bẹp quân thù.

Hôm nay, sau 50 năm kể từ khi trận Điện Biên Phủ và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp toàn thắng, nhìn lại, chúng ta thấy có nhiều nguyên nhân to lớn,

nhiều bài học giá trị của thắng lợi của cách mạng Việt Nam, nhưng to lớn nhất, bao trùm nhất và xuyên suốt nhất vẫn là đường lối "Chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh". Nói một cách khác, *vạch ra đường lối chiến tranh nhân dân đúng đắn, sáng tạo; đồng thời phát động, tổ chức được toàn dân chống ngoại xâm là công lao lớn của Đảng ta và qua đó là yếu tố quyết định nhất đưa kháng chiến đến thắng lợi.*

Tư duy chiến lược của đường lối chiến tranh nhân dân bắt đầu xuất hiện từ lời kêu gọi của Bác Hồ trước cuộc cách mạng "long trời lở đất" Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 "*Lấy sức ta giải phóng cho ta*".

Hai tháng sau khi Pháp gây hấn ở Nam Bộ, ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị kháng chiến kiến quốc, vạch rõ hai nhiệm vụ chiến lược là chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng đất nước. Cùng dịp này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết văn kiện "*Công việc khẩn cấp bây giờ*", đề ra những công việc cần kíp cho toàn Đảng, toàn dân ta sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược đang tới gần. Những văn kiện trên cùng với "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*" của Hồ Chủ tịch (ngày 19-12-1946), *Chỉ thị toàn dân kháng chiến* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng (22-12-1946) và một loạt bài viết của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đã trở thành những quan điểm cơ bản về đường lối kháng chiến của Đảng ta - "*Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh*" - súc tích nhưng rất dễ hiểu ngay cả với những người dân bình thường. Nhờ đó, quân và dân ta trên khắp mọi miền đất nước, kể cả những chiến trường xa Trung ương, triệu người như một, bình tĩnh, kỷ luật, hành động nhất tề. Nhân dân ta tránh được những bước đi mò mẫm, quanh co, giảm được nhiều tình huống ấu trĩ, sai lầm, vấp vấp, sớm tạo được lòng tin vào tiền đồ tất thắng của kháng chiến. Cuộc chiến đấu trên cả nước ngay từ những màn đầu tiên diễn ra khá "bài bản", hướng toàn dân, toàn quân về một mục tiêu: Chiến đấu vì độc lập, tự do, giữ gìn độc lập vừa giành được qua

Tổng khởi nghĩa tháng Tám. Chính vì thế mà ngay từ những ngày nổ súng chiến đấu đầu tiên, mặc dù quân địch hơn hẳn ta về vũ khí, trang bị, nhưng chúng ta đã tạo được sức mạnh từ thế trận chiến tranh nhân dân. Cả ở Sài Gòn - Nam Bộ tháng 9-1945, cả ở Hà Nội mùa Đông 1946, đã thực hiện thắng lợi chủ trương vừa kìm giữ chân quân địch để tạo điều kiện cho cả nước chuẩn bị bước vào kháng chiến, vừa đánh bại bước đầu kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của đội quân xâm lược.

Để phát huy đến mức cao nhất sức mạnh của toàn dân đánh bại chiến tranh tổng lực của giặc Pháp, Đảng ta chủ trương *đánh địch trên mọi mặt trận, kháng chiến toàn diện* về chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, ngoại giao, binh vận... tức là đánh thắng bằng sức mạnh tổng hợp. Đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị. Tuy nhiên, trong chiến tranh thì Đảng ta coi quân sự là đòn chủ chốt, giương cao khẩu hiệu "*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng*" - Các mặt công tác chính trị, kinh tế, văn hoá đều nhằm mục đích làm cho quân sự thắng lợi.

Bị tiến công liên tục và bằng nhiều mũi, trên nhiều phương diện như vậy, quân địch không có cách gì chống đỡ nổi. Binh lực hao tổn, kinh tế kiệt quệ, bị cô lập về chính trị, cuối cùng phải chấp nhận thua cuộc bằng "đòn đấu tranh ngoại giao" kết thúc chiến tranh của chúng.

Suy cho cùng, thắng lợi của cuộc chiến tranh tùy thuộc thực lực. Cũng chính trên nền tảng của đường lối chiến tranh nhân dân mà suốt chín năm kháng chiến, Đảng đã xây dựng được lực lượng về mọi mặt, vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng chiến đấu, từ không đến có, từ thấp đến cao, từ nhỏ đến lớn; xây dựng tiềm lực quân sự mạnh trên cơ sở xây dựng lực lượng chính trị rộng khắp, vững chắc, vừa kháng chiến vừa xây dựng hậu phương căn cứ địa kháng chiến, coi trọng xây dựng chế độ mới, chế độ dân chủ nhân dân. Vì chăm lo xây dựng lực lượng mà càng

đánh giặc, thế ta càng vững, lực ta càng mạnh, để cuối cùng làm nên một Điện Biên Phủ chấn động dư luận thế giới.

Tôi còn nhớ ở Nam Bộ, những chiến khu, căn cứ như: An Phú Đông, Rừng Sác, Vườn Thom, Dương Minh Châu, chiến khu Đồng Tháp Mười, chiến khu Đ, rồi những vùng giải phóng của ta ở Khu 8, Khu 9, vừa lúa đồng bằng sông Cửu Long tới sát Sài Gòn, Khu 5, Khu 4 (chuyến đi ra Việt Bắc đầu tiên, tôi thấy chỉ có chỗ cực Nam Trung Bộ quân địch chiếm đóng và o ép, quân dân ta rất cơ cực, còn suốt dải đất Khu 6, Khu 5, rồi ra đến Khu 4 dải Thanh - Nghệ đều là vùng giải phóng của ta); rồi vùng Hạ Lào và đông Bắc Campuchia, rồi lên đến chiến khu Việt Bắc là nơi tổ chức, xây dựng lực lượng kháng chiến, nơi dưỡng quân để mở các chiến dịch tiến công của quân ta. Sức mạnh của đường lối chiến tranh nhân dân thần kỳ ở chỗ: Ta có những vùng giải phóng, vùng chiến khu mà thằng địch lại không thể và không bao giờ thực hiện được sự "phân tuyến" để phát huy được uy lực của phi pháo vốn là chỗ rất mạnh của chúng. Bởi vì chiến tranh nhân dân của ta còn được gây dựng và phát huy ngay trong vùng địch tạm chiếm với nhiều phương thức đấu tranh vô cùng phong phú, độc đáo và thiên biến vạn hoá. Chẳng hạn như tại vùng đô thị lớn Sài Gòn - Gia Định, phong trào diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ tuy ở từng thời điểm, từng nơi diễn ra ở mức độ khác nhau, nhưng nó đã diễn ra ngay trong lòng đô thị. Rồi có những cuộc biểu tình của hơn 30 vạn người chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ xâm lược và nghe luật sư Nguyễn Hữu Thọ diễn thuyết²¹ của nhân dân lao động, thợ thuyền, trí thức với những quy mô khác nhau mà điển hình là cuộc biểu tình nổ ra giữa Sài Gòn ngày 19-3-1950. Rồi có những trận đánh của tự vệ đã không chỉ diệt được ác ôn, binh lính địch, mà còn đánh vào cơ quan sinh lực cao cấp của Pháp. Lực lượng dân quân tự vệ này về sau phát triển thành các đơn vị biệt động thành với lối đánh ngày càng mưu mẹo, quả cảm, đạt hiệu suất cao. Rồi các trận đánh phá kho tàng của giặc Pháp mà điển hình là trận

đánh của Tiểu đoàn 306 Gia Ninh, phá huỷ kho bom đạn dự trữ chiến lược của địch ở Phú Thọ Hoà, tại nội đô Sài Gòn với hơn 1 triệu lít xăng dầu, một vạn tấn bom đạn, diệt 1 đại đội lính Âu phi, bức rút đồn Gò Luỹ tháng 6-1954²². Cũng cần nói thêm rằng, ở các khu căn cứ khi ta gặp nhiều khó khăn về đời sống, thì lúa gạo từ vùng đồng bằng sông Cửu Long trù phú đã được chuyển lên Sài Gòn - Gia Định. Rồi gạo, thuốc men, hàng nhu yếu phẩm từ Sài Gòn - Gia Định lại được chuyển ra các căn cứ kháng chiến. Ở miền Bắc cũng tương tự như vậy. Đây là một chủ trương rất sáng tạo, không xây dựng trên nền tảng của đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện thì không thể làm được như vậy. Và cũng chỉ có người dân cách mạng mới làm được như vậy. Sức mạnh của cách mạng, của chiến tranh nhân dân tiềm ẩn ở mọi nơi, bộc lộ và phát huy, phát triển ở mọi nơi.

Với chiến lược toàn dân kháng chiến, Đảng và Bác Hồ đã tổ chức cả nước thành một mặt trận. Với khẩu hiệu *"Mỗi quốc dân là một chiến sĩ, mỗi xóm làng là một pháo đài"*, người Việt Nam yêu nước nào cũng đánh giặc, địa phương nào cũng đánh giặc. Khắp Trung, Nam, Bắc, không chỉ có quân đội đánh giặc mà toàn dân đánh giặc. Không những vùng tự do đánh giặc mà vùng tạm chiếm cũng đánh giặc; đồng bào nông thôn đánh giặc, đồng bào đô thị cũng đánh giặc; miền xuôi đánh giặc, miền núi cũng đánh giặc. Đáp lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch, hầu hết nhân sĩ, trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ đều lên chiến khu, ra bưng biền tham gia kháng chiến. Và, chỉ sau ba tháng toàn quốc kháng chiến, Đảng ta nhận định: "Cuộc kháng chiến được toàn dân tham gia, đồng bào lao động hăng hái tác chiến, đồng bào tư sản, địa chủ hy sinh của cải không nề hà, nói chung đồng bào Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Hoà Hảo, quốc dân thiểu số và đa số đều chung sức đánh giặc"²³.

Nhờ sức mạnh tổng hợp của toàn dân đánh giặc, ta đã khắc phục được nhược điểm, khó khăn tưởng chừng như không thể nào khắc phục được. Nhờ toàn dân đánh

giặc, nền kinh tế tài chính kiệt quệ đã được xây dựng, bảo đảm đời sống cho các tầng lớp nhân dân trong chiến tranh không bị đảo lộn lớn, lại có khả năng cung cấp ngày càng nhiều cho tiền tuyến. Nhờ toàn dân kháng chiến, quân đội ta từ du kích, phân tán, trang bị thô sơ đã tiến lên tập trung, chính quy, có lực lượng cơ động chiến lược mạnh và lực lượng chiến đấu tại chỗ đông đảo. Nhờ toàn dân kháng chiến mà ta ở trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, đất nước bị chia cắt làm nhiều mảnh, nhưng chính quyền nhân dân vẫn đứng vững, ngày càng phát huy vai trò quản lý, điều hành mọi công việc kháng chiến, kiến quốc, xây dựng xã hội mới. *Toàn dân kháng chiến là yếu tố quyết định thắng lợi, là quy luật cơ bản của cuộc kháng chiến chống Pháp.* Thực tiễn đã chỉ rõ, nơi nào và lúc nào không nắm vững quy luật đó, sẽ gặp khó khăn tồn thất.

Trên thực tế, cuộc kháng chiến chống Pháp đã trải qua ba giai đoạn: Từ kháng chiến Nam Bộ (23-9-1945) đến chiến thắng Việt Bắc (Thu Đông 1947) là giai đoạn mà quân và dân ta giữ vững và phát triển lực lượng, kiềm chế và tiêu hao lực lượng địch, triển khai thế trận chiến tranh nhân dân trên phạm vi cả nước. Từ sau Thu Đông 1947 đến trước chiến dịch biên giới (Thu Đông 1950) là một giai đoạn cả nước phát triển mạnh mẽ chiến tranh du kích, từng bước đẩy vận động chiến tiến tới, chuẩn bị thế và lực để phản công. Từ chiến dịch biên giới, quân và dân ta bước vào giai đoạn phản công và tiến công.

Với chiến lược toàn dân kháng chiến, nhân dân ta đã tiến hành một kiểu chiến tranh không rõ đâu là tiền tuyến, đâu là hậu phương, một cuộc chiến tranh xen kẽ triệt để giữa ta và địch. Chiến tranh nhân dân rộng rãi của ta đã cột chặt đội quân viễn chinh Pháp vào những mâu thuẫn không thể nào gỡ nổi, đó là mâu thuẫn giữa phân tán và tập trung, giữa phòng ngự và tiến công, giữa đánh nhanh và đánh kéo dài, làm cho lực lượng vật chất của chúng càng bị hao mòn, ý chí xâm lược của

chúng càng sa sút, tinh thần binh lính hoang mang, mệt mỏi và chán nản, để cuối cùng ta đánh bại chúng.

Tư tưởng chiến lược "Dùng người Việt đánh người Việt" của thực dân Pháp ra đời trong tình thế bị động và khó khăn vì chúng không thể tăng quân đội Âu Phi được nữa; lính nguy Việt thì chỉ làm được chức năng chiếm đóng và càn quét; lính đánh thuê thì càng sa sút về tinh thần, mà ví dụ điển hình là sau khi ta đánh dứt điểm cứ điểm Him Lam, ta kêu gọi, quân lính ở cứ điểm Bản Kéo đã ra hàng hơn 200 tên.

Chính từ sức mạnh và hiệu quả của chiến tranh nhân dân của ta đã đẩy bộ máy chiến tranh xâm lược của Pháp rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan. Ở giai đoạn cuối, lực lượng của chúng quá mỏng, lại quá phân tán để giữ những vị trí đã chiếm đóng và các nơi đang bị uy hiếp²⁴. Sai lầm về quân sự của Pháp bắt nguồn từ sai lầm về chính trị. Khi đã mất gần hết địa bàn Tây Bắc thì không thể thực hiện việc tập trung lực lượng chủ lực cơ động để đánh đòn quyết định. Trên cả chiến trường Bắc Bộ Pháp có 44 tiểu đoàn thì phải đưa 21 tiểu đoàn lên Điện Biên Phủ. Ở đây, Pháp còn phạm một sai lầm chí tử nữa, đó là ý đồ giải quyết một trận quyết chiến chiến lược để kết thúc chiến tranh, mà trận quyết chiến này lại ở xa hậu phương. Na-va cũng ý thức được chữ "xa" khi quyết định xây dựng tập đoàn cứ điểm này, nhưng y lại cho rằng cả hai bên đều bị xa, trong đó, với phương tiện vận tải đường bộ và nhất là ưu thế đường không của mình, quân Pháp không có gì trở ngại; ngược lại, quân đội Việt Minh không thể nào cơ động lực lượng lớn, hậu cần bảo đảm, nhất là không thể mang được pháo lớn lên Điện Biên Phủ. Bởi vậy, Nava và cả bộ máy lãnh đạo chiến tranh của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ đều chủ quan và đặc ý cho rằng, nếu Việt Minh đưa quân lên thì Điện Biên Phủ sẽ là cái "cối xay thịt". Nava chỉ nhìn thấy ưu thế hơn hẳn của quân Pháp về máy bay và sức vận tải cho Điện Biên bằng đường không. Nhưng khi bị cao xạ của ta cắt đứt tuyến đường không thì quân Pháp ở lòng chảo Điện Biên rơi vào tình thế bị cô lập hoàn toàn.

Tại quyết chiến điểm Điện Biên Phủ, cả hai bên đều xa hậu phương, đều khó khăn về tiếp tế hậu cần; phía Pháp tự tin rằng họ có ưu thế để khắc phục hơn hẳn đối phương. Sai lầm nặng nhất ở đây là họ chỉ tính theo kiểu tuần tự, siêu hình, kinh nghiệm chủ quan vì họ không thể hiểu theo phép biện chứng của triết học mácxít. Cái bất ngờ lớn nhất của Pháp lại chính là ở sức mạnh của công tác tổ chức của chúng ta, sức mạnh của chiến tranh nhân dân. Họ chỉ nhắm nhắm nghĩ rằng vì Việt Minh không thể đưa nhiều quân lên, thì "con nhím Điện Biên Phủ" vừa là cánh cửa thép chặn đứng Việt Minh sang Thượng Lào, vừa là bàn đạp để họ đánh toả ra, chiếm lại vùng Tây Bắc đã mất; hỏa lực, nhất là phi pháo của quân đội Pháp đã thả sức biến vùng lòng chảo này thành cối xay thịt đối với quân đội Việt Minh. Cũng như ngày đầu quyết định tái xâm lược Đông Dương, bộ máy chiến tranh Pháp chủ quan nói rằng *"Đây chỉ là một cuộc dạo mát; chỉ 18 tháng là bình định hoàn tất!"*, vậy mà phải kéo dài đến chín năm, và cuối cùng là thất bại. Bộ chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương càng không thể ngờ được, với đường lối chiến tranh nhân dân siêu việt của Đảng ta, cả nước đã hướng về Điện Biên, dồn sức cho Điện Biên với nỗ lực cao nhất, nhưng đồng thời là tổ chức chỉ huy khoa học nhất, cả nước gồng lên nhưng uyển chuyển, nhịp nhàng đã tạo nên một sức mạnh phi thường cho trận quyết chiến chiến lược cuối cùng.

Trong tư tưởng chiến lược của mình, thực dân Pháp luôn nhằm vào hai mục tiêu: Một là tiêu diệt chủ lực của ta, hai là xây dựng nguy quân, nguy quyền vững mạnh để dùng người Việt đánh người Việt. Nhưng khi quyết định nhảy lên Điện Biên Phủ cả hai mục tiêu trên đều không thực hiện được. Vì lúc đầu, khi chúng mới nhảy dù lên thì chủ lực của ta không có ở đó. Về sau chủ lực ta lên thì không những quân Pháp không tiêu diệt được mà ngược lại, chúng lại tạo điều kiện thuận lợi cho ta tiêu diệt chúng, vì đánh địch trên địa bàn rừng núi vốn là sở trường của bộ đội ta. Về mục tiêu thứ hai, để xây dựng nguy quân nguy quyền thì cũng không

phải và không thực hiện được vì ở vùng Tây Bắc nhân tài vật lực không có bao nhiêu, kể cả ở Thượng Lào cũng vậy. Sai lầm của thực dân Pháp đã bộc lộ rõ khi quyết định "lên Điện Biên".

Chúng ta khát vọng tự do, thậm chí đã có lúc chúng ta công bố muốn vào khối Liên hiệp Pháp; nhưng chính phủ của chủ nghĩa thực dân Pháp cứ áp đặt chiến tranh, thì ta phát động, xây dựng và thực thi đường lối chiến tranh nhân dân, ta bắt bộ máy chiến tranh của Pháp phải từng bước thay đổi chiến lược, bắt quân viễn chinh Pháp phải đánh theo cách đánh của ta. Đúng như khi Bộ Chính trị họp bàn về quyết tâm chiến đấu tại chiến dịch Điện Biên Phủ, Hồ Chủ tịch đã dùng hình ảnh khi Người đưa bàn tay xoè ngửa ra rồi nắm lại. Đồng chí Võ Nguyên Giáp và Bộ Tư lệnh chiến dịch có sự giúp đỡ tận tình của Đoàn Cố vấn Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, đã thực hiện xuất sắc ý tưởng của Hồ Chủ tịch và Bộ Chính trị. Bởi vậy, từ chỗ chúng chủ động, ta bắt chúng đi đến bị động, lúng túng, sai lầm, quần bách và thất bại thảm hại.

Chúng ta chiến đấu vì độc lập, tự do, vì chính nghĩa, nên càng kháng chiến càng được bạn bè quốc tế đồng tình ủng hộ. Lính Âu Phi ta bắt được ở các mặt trận, nhất là ở Điện Biên Phủ: Người Maroc, Tuynidi, Angiêri... ta giáo dục họ, đối xử tử tế với họ rồi thả họ về nước đã có một tác động ghê gớm đến tinh thần và ý chí giải phóng dân tộc của nhân dân các nước đang là thuộc địa của tư bản - đế quốc. Điều này đã được nhiều người thừa nhận. Chẳng hạn, ông Maradây Câyta, trưởng đoàn đại biểu Chính phủ Mali sang thăm Việt Nam tháng 10-1961 cho biết, nhiều người Mali bị đưa sang Việt Nam "làm bia đỡ đạn" được tiếp xúc với các chiến sĩ Việt Nam đã hiểu rõ và giác ngộ về hoàn cảnh của mình. Số đông khi về nước đã đứng cạnh các đồng chí của mình trong công cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và đế quốc²⁵.

Chỉ trong sáu năm sau trận Điện Biên Phủ, trên thế giới đã có thêm 36 nước giành độc lập, riêng châu Phi (phần lớn là thuộc địa của Pháp) đã có 20 nước giành độc lập.

Như vậy, một mặt phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới đã hỗ trợ tích cực cuộc kháng chiến của ta; mặt khác, cuộc kháng chiến của ta đã tác động mạnh mẽ đến sự nghiệp giải phóng của nhân dân các nước thuộc địa. Chủ nghĩa thực dân cũ đến những năm 60 của thế kỷ XX trở đi đã bước vào giai đoạn bị thanh toán hoàn toàn. Đây là điều kiện cơ bản để năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc khoá XV thông qua nghị quyết về chống thực dân hoá, buộc các nước phương Tây phải trao trả độc lập cho các nước thuộc địa và phải thừa nhận quyền độc lập của các dân tộc này. Rõ ràng, cuộc chiến đấu oanh liệt của chúng ta không chỉ vì độc lập cho Tổ quốc ta, tự do cho nhân dân ta, mà còn vì cả phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các nước thuộc địa. Trận Điện Biên Phủ và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi mang một ý nghĩa thời đại, một tầm vóc to lớn. ***Đây là một trong những chiến thắng vĩ đại nhất của nhân loại tiến bộ trong thế kỷ XX.*** Diễn tiến và kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến thần thánh này đã khẳng định một chân lý: Sức mạnh kỳ diệu của *đường lối chiến lược chiến tranh nhân dân* của Đảng ta đã làm thất bại thảm hại tư tưởng chiến lược "*Dùng người Việt đánh người Việt - Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*" của thực dân Pháp xâm lược. Bài học quý giá từ đường lối và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh nhân dân đã được toàn Đảng, toàn dân ta vận dụng và phát triển phong phú hơn, sâu sắc hơn, tài tình hơn trong giai đoạn hai của cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại - giai đoạn chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam.

ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH LÀ NGUỒN GỐC CHIẾN THẮNG TRỌN VẸN

(Bài đăng trên báo Nhân dân, ngày 15-4-2005)

Tháng 4-1999, tại bang Texas, Hoa Kỳ đã diễn ra "*Cuộc Hội thảo khoa học lần thứ ba về chiến tranh Việt Nam*". Một trong hai quan chức về phía Mỹ ngồi ghế Chủ trì Hội thảo là ngài Elmore Zumwalt, nguyên là Đô đốc Tư lệnh Hải quân Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Chính ông ta đã ra lệnh rải chất độc hoá học xuống miền Nam Việt Nam để rồi con trai ông ta, một đại uý hải quân khi đi "tìm diệt Việt cộng" đã nhiễm chất độc điôxin. Từ đó ngài Đô đốc vẫn đau đầu về "sự quả báo" từ chất độc màu da cam. Bởi vậy, không chỉ cả nước Mỹ và ngay bản thân ông, nỗi ám ảnh về chiến tranh Việt Nam nó sâu đậm và vô cùng day dứt. Một cường quốc khổng lồ, giàu nhất thế giới mà chịu thua một dân tộc nhỏ bé, nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu cũng vào bậc nhất thế giới thì thật là khó hiểu. Người Mỹ đã, đang và sẽ tìm từ nhiều hướng, nhiều cách để cố lý giải sự thật chua cay đó, mà những cuộc hội thảo cởi mở như ở Texas là một trong nhiều phương cách đó.

Đối với riêng tôi, từ lâu tôi đã rất tâm huyết với công việc "*Tổng kết chiến tranh*", bởi vậy ở cuối nhiệm kỳ Đại hội Đảng VI, tôi đề nghị với Bộ Chính trị cho tôi nghỉ công tác quản lý để tập trung tâm sức cho việc tổng kết. Tôi cho rằng làm được việc này một cách đầy đủ, thấu đáo có ngọn có ngành thì có ý nghĩa rất to lớn. Trước hết nó sẽ lý giải được một cách thuyết phục là vì sao ta, một nước nhỏ, nghèo, nền kinh tế lạc hậu mà lại thắng được hai đế quốc to là thực dân Pháp và nhất là đế quốc Mỹ, quốc gia giàu mạnh nhất thế giới, ở thế kỷ XX nó mạnh quá, đến Liên Xô cũng ngại, còn Trung Quốc với một triệu Chí nguyện quân cùng với Triều Tiên cố gắng như vậy mà cũng chỉ được phần nửa đất nước. Nếu không lý giải được ngọn ngành thì các thế hệ sau này sẽ không tin chuyện ta đánh thắng Mỹ và cho đây là huyền thoại, thế hệ chúng ta là thần thánh

ma quỷ chứ không phải người bình thường, người bình thường thì không thể thắng được đế quốc Hoa Kỳ. Như vậy sẽ đánh mất lòng tự tin vào chính mình, dân tộc mình và sẽ luôn mang tư tưởng sợ Mỹ, đề cao Mỹ. Hai là, nếu ta tổng kết một cách khoa học và nghiêm túc thì sẽ có ích cho công cuộc giữ nước hôm nay và mai sau. Điều này cần lắm vì Việt Nam ta nằm ở một vị trí địa chiến lược rất quan trọng của khu vực Đông Nam Á.

Hôm nay, chúng ta trân trọng kỷ niệm 30 năm Đại thắng mùa Xuân 1975. Độ lùi lịch sử cho phép chúng ta nghiên cứu, phân tích, đánh giá cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại của dân tộc ta đủ hơn, khách quan và khoa học hơn.

Cuộc chiến tranh chống Mỹ có ba thời điểm quan trọng, đó là: Việc ra đời Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 khoá II; cuộc Tổng tiến công Mậu Thân 1968 và giai đoạn đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" tiến tới Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

Có thể nói, nỗi đau lớn nhất của cách mạng Việt Nam là ngay sau Hiệp định Giơnevơ 1954, đồng bào miền Nam thì tay không đấu tranh đòi thi hành hiệp định, còn đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm thì dùng bạo lực thực hiện một đại chiến dịch đàn áp dã man, kể cả những người muốn "Tổng tuyển cử" thì hành đúng hiệp định, bản hiệp định mà những nội dung quan trọng nhất đã có sự dàn xếp của các nước lớn. Chúng bắn giết và tìm mọi cách khuất phục những người yêu nước, chống xâm lược ngoại bang, quyết dìm cuộc đấu tranh chính nghĩa của đồng bào miền Nam trong bể máu²⁶. *Thực chất đây là cuộc chiến tranh xâm lược một phía nhằm chiếm miền Nam làm bàn đạp xâm lược cả nước ta. Quân chúng không còn con đường nào khác hơn là phải vùng lên, sống chết với Mỹ-Diệm. Tình thế cách mạng cho các cuộc khởi nghĩa từng phần đã chín muồi*²⁷.

Trong bối cảnh đó, "Đề cương cách mạng miền Nam" của Xứ ủy Nam Bộ đã ra đời. Tiếp đó, tháng 7-1959, Đảng ta ra Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (gọi tắt là Nghị quyết 15).

Nhưng chúng ta còn nhớ, khi chưa có Nghị quyết 15, ở trong nước thì ngay trong lãnh đạo Trung ương có những ý kiến chưa thật đồng nhất; còn quốc tế thì cả hai người “bạn lớn” của ta đều không muốn ta phát động đấu tranh vũ trang, vì vậy lúc đầu họ không giúp ta súng, pháo lớn và vũ khí tiến công thông thường cho miền Nam. Có thể nói, đây là một trong những thời kỳ phức tạp nhất về chính trị đối với việc hoạch định đường lối chỉ đạo cách mạng. Những lời khuyên, những ý kiến của Liên Xô, Trung Quốc và bè bạn gần xa dù ở khía cạnh, quan điểm nào, Đảng và Hồ Chủ tịch cũng đều phải suy nghĩ, nghiên cứu nghiêm túc, tính toán thận trọng khi xác định đường lối cách mạng của mình, vừa giữ vững độc lập tự chủ, vừa tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các nước anh em đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Nghị quyết 15 của Trung ương ra đời trong hoàn cảnh khó khăn và phức tạp như vậy chứng tỏ kinh nghiệm dày dặn và trưởng thành vượt bậc của Đảng ta cả về lý luận và thực tiễn, cả về đường lối và phương pháp cách mạng. Nó thể hiện rõ đường lối độc lập, tự chủ và sách lược mềm dẻo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với tình hình quốc tế và trong nội bộ lãnh đạo của ta lúc bấy giờ, đáp ứng được nguyện vọng bức thiết của cán bộ, đảng viên và quần đại quần chúng nhân dân ở miền Nam. Nghị quyết 15 thật sự là một nghị quyết về “chuyển chiến lược”, từ đấu tranh chính trị đơn thuần sang đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng tàn bạo của kẻ địch, vận dụng và phát huy phương pháp cách mạng của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 trong hoàn cảnh mới. Nghị quyết 15 đã cắm mốc lịch sử vô cùng quan trọng của cách mạng Việt Nam, nó phù hợp với tình hình thực tế nên đã tạo bước tiến nhảy vọt cho phong trào cách mạng miền Nam.

*"Nghị quyết 15 của Trung ương khoá II là sản phẩm trí tuệ của toàn Đảng, của tập thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị khoá II, xuất phát từ những định hướng chiến lược đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ tháng 7-1954 khi hoà bình vừa mới lập lại trên một nửa đất nước, có sự trực tiếp chỉ đạo công phu của đồng chí Lê Duẩn, Quyền Tổng Bí thư lúc bấy giờ, cùng một số đồng chí trong Bộ Chính trị và trong Trung ương. Nghị quyết phản ánh đúng nguyện vọng của đồng bào, đồng chí ở miền Nam nước ta lúc đó"*²⁸.

Ở miền Nam bắt đầu nổ ra các trận đánh đầu tiên, trong đó đặc biệt là trận đánh Tua Hai đêm 26-1-1960. Các cuộc nổi dậy phá ấp chiến lược, trở về quê cũ, nhất là cuộc khởi nghĩa Trà Bồng (Quảng Ngãi) tiến tới cuộc “Đồng khởi” của Bến Tre, rồi phong trào nhanh chóng phát triển khắp miền Nam. Ngay sau đó, lực lượng vũ trang ba thứ quân và lực lượng chính trị được xây dựng và phát triển rộng khắp trên cả ba vùng chiến lược của miền Nam, cùng lúc với sự chi viện sức người sức của từ hậu phương lớn miền Bắc đã nhanh chóng làm thay đổi cục diện của cuộc chiến tranh. Từ đấu lý đơn phương và bị động "chịu đòn", chúng ta chuyển sang chủ động tiến công. Các chiến dịch Bình Giã và Đồng Xoài của Nam Bộ, An Lão của Khu 5, Hoài Đức-Bắc Ruộng của Khu 6 và hàng loạt trận đánh nhỏ đồn bót, diệt ác trừ gian, phá ấp chiến lược, xây dựng làng xã chiến đấu kết hợp với phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân đô thị và vùng tạm chiếm đã làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

Đế quốc Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ” trong tình thế bị động đối phó, đưa quân viễn chinh Mỹ ồ ạt vào miền Nam Việt Nam, cùng với đội quân của một số nước chư hầu, lực lượng quân ngụy Sài Gòn và một khối lượng vũ khí và phương tiện chiến tranh chưa từng có với kỹ nghệ hiện đại tối tân; chúng quyết liệt và táo bạo mở liên tục các cuộc hành quân với hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” hòng giải quyết chiến tranh trong một thời gian ngắn.

Nhưng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chiến tranh nhân dân vô địch, quân và dân ta đã đánh bại cả hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967 của chúng ở miền Nam, đồng thời đánh bại một bước chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ trên miền Bắc.

Đến nửa cuối năm 1967, một mặt Mỹ tiếp tục tăng quân và phương tiện chiến tranh để toan tính một cuộc phản công lần thứ ba với số quân 120 vạn, trong đó có 50 vạn quân chiến đấu Mỹ, mặt khác chúng bắt đầu lộ rõ sự dao động và lúng túng. Giữa lúc đế quốc Mỹ đang ở thế ngập ngừng về chiến lược, giới cầm quyền Mỹ có dấu hiệu dao động rõ và đúng thời điểm rất nhạy cảm của năm bầu cử tổng thống Mỹ, lãnh đạo Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định giáng một đòn bất ngờ thật mạnh vào ý chí xâm lược của Mỹ, bằng cách chọn hướng chiến lược hiểm và dùng cách đánh mới, tạo ra một bước ngoặt lớn làm thay đổi cục diện chiến tranh. Quân và dân miền Nam đã nhằm đúng vào đêm giao thừa của Tết Nguyên đán Mậu Thân (1968) đồng loạt tiến công trên toàn miền, đánh vào hầu hết các đô thị, các bộ tư lệnh quân đoàn và sư đoàn địch, 30 sân bay và gần 100 cơ sở hậu cần của chúng. Trong đó có những trận đánh đã gây chấn động lớn trong giới cầm quyền Mỹ và có tiếng vang mạnh mẽ trên thế giới như trận đánh vào tòa Đại sứ Mỹ, vào Dinh Tổng thống ngụy, Bộ tổng Tham mưu, Đài phát thanh Sài Gòn, 25 ngày làm chủ thành phố Huế ... Chúng ta đã ra những đòn sấm sét ngay trong lúc mà lực lượng Mỹ - ngụy và chư hầu còn đông trên 1 triệu 20 vạn tên, nắm trong tay những phương tiện chiến tranh hiện đại và khổng lồ²⁹, đứng chân trong những căn cứ được phòng thủ chặt chẽ, chúng ta đã đánh vào tận hang ổ của chúng và đã giành thắng lợi chưa từng có. Đòn tiến công Mậu Thân - 1968 đã gây kinh hoàng cho cả nước Mỹ. Khắp các bang của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ rộ lên những cuộc biểu tình chống chiến tranh. Nhiều người trong chính giới Mỹ đòi xét lại chính

sách của Mỹ với cuộc chiến này. Nội bộ các cố vấn thân cận của Tổng thống Mỹ diễn ra sự chia rẽ gay gắt. Tướng Oétmolen, Tổng chỉ huy quân Mỹ ở Nam Việt Nam bị cách chức, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mắc Namara thôi việc. Ngày 25 và 26-3-1968, Tổng thống Giônxon và Bộ trưởng Quốc phòng Clíp-phót phải triệu tập một cuộc họp gọi là “những người am hiểu và khôn ngoan nhất”, mà thực chất là 14 quan chức cấp cao "điều hậu nhất trong phái điều hậu". Sau ba ngày tranh cãi, 10/14³⁰ vị đã tán đồng chấm dứt leo thang chiến tranh và có biện pháp rút lui ra khỏi cuộc chiến. Và, ngày 31-3-1968, Giônxon buộc phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 20 trở ra, chấp nhận ngồi vào bàn hội nghị đàm phán song phương với ta tại Paris và tuyên bố không ra tranh cử tổng thống nhiệm kỳ thứ hai. Đây là sự công khai thừa nhận chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ đã phá sản, ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ hiếu chiến đã thật sự bị lung lay. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Hoa Kỳ là chiến lược quan trọng nhất, có tính quyết định nhất trong toàn bộ cuộc chiến tranh đã thất bại và đi vào một bước ngoặt đi xuống. Tuy chúng ta có khuyết điểm là sau đợt hai đã chậm chuyển hướng tiến công về vùng nông thôn nên tổn thất; nhưng thất bại của đế quốc Mỹ trong chiến tranh cục bộ đã không thể nào cứu vãn được.

Với tầm nhìn xa trông rộng, từ lâu Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị đã nhận thấy rằng ta không đủ sức để đánh bại cùng một lúc cả Mỹ và ngụy để giành thắng lợi hoàn toàn, nên đã chủ trương đánh cho “Mỹ cút” rồi tiến tới đánh cho “ngụy nhào”, chứ cứ nói “đánh tiêu diệt” là không đúng ý của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Đảng, và cũng không thể thực hiện được. Và, cuộc Tổng tiến công đồng loạt Tết Mậu Thân cùng những cú “đánh bồi” (đợt 2...) tiếp theo đó, đã thật sự tạo nên một đòn đánh “đủ đô”, đủ sức nặng làm *nhụt ý chí* của đế quốc Mỹ, tạo ra bước ngoặt mới về chiến lược của cuộc chiến tranh, buộc chúng phải xuống thang, ngồi vào bàn đàm phán để dẫn tới ký kết Hiệp định Paris năm 1973, thừa nhận “Độc lập,

chủ quyền, và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam”, rút hết quân Mỹ và không điều kiện ra khỏi Nam Việt Nam.

Nhưng ngay sau Hiệp định Paris, Mỹ-ngụy đánh phá quyết liệt vào các vùng giải phóng. Nhiều nơi ta mất đất, mất dân. Từ tổ chức "tìm diệt và bình định", chúng chuyển sang "bình định" - chủ yếu là giành dân, xây dựng ngụy quân, ngụy quyền. Trước đó nó đã đánh, và nhất là sau khi ký Hiệp định, nó đánh mạnh và nó tưởng rằng nó đã thành công chiến lược Việt Nam hoá và quân ngụy dư sức đánh với ta. Do đó Mỹ ký rồi thì yên tâm mà rút. Thêm sự kiện trận Rạch Bắp (Bến Cát, Thủ Dầu Một) ta dùng một trung đoàn bộ binh chủ lực được tăng cường xe tăng và pháo để đánh một đại đội địch mà đánh không thành công, làm cho Mỹ-ngụy càng chủ quan.

Khi Bộ chỉ huy B2 chúng tôi có *kế hoạch quân sự mùa khô* rồi thì hai anh Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục và Trần Văn Trà, Tư lệnh B2 mới ra họp Trung ương. Trong khi ngoài đó đang họp thì trong này quân ta giải phóng Phước Long. Có thể nói, chiến thắng Đường 14 - Phước Long và núi Bà Đen đối với Mặt trận B2 đã tạo ra một địa bàn chiến lược quan trọng, uy hiếp trực tiếp hệ thống phòng thủ của địch trên hướng bắc Sài Gòn, làm thay đổi đáng kể tương quan về thế trận trên chiến trường Đông Nam Bộ có lợi cho ta. Đối với Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Trung ương Đảng thì chiến thắng Đồng Xoài - Đường 14- Phước Long có ý nghĩa là “Trận trinh sát chiến lược” thăm dò khả năng quân ngụy và sự can thiệp của Mỹ. Ta đánh thắng trận này trong một tình thế mới - tình thế quân ngụy thua đau mà quân Mỹ không dám quay trở lại. Và trận thắng Đồng Xoài- Phước Long đã thật sự trở thành cơ sở đáng tin cậy để Trung ương hạ quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976 khi thời cơ lớn đã thật sự mở ra.

Thực tế sau khi đánh được Phước Long, Bộ chỉ huy Miền chúng tôi đã làm *kế hoạch tiến công giải phóng Sài Gòn*. Cả Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền gần

như thống nhất là sẽ tiến công giải phóng Sài Gòn vào tháng 4 vì sang tháng 5 đã vào đầu mùa mưa, việc cơ động của ta, nhất là tăng, pháo và cơ giới sẽ khó khăn. Cùng với việc soạn thảo kế hoạch là xây dựng "Quyết tâm chiến đấu", sơ đồ đã phác ra năm hướng tiến công vào sào huyệt cuối cùng của quân thù. Bởi vậy khi hai anh Lê Đức Thọ và Văn Tiến Dũng được Bộ Chính trị cử vào, các anh xem và nói “Kế hoạch làm tốt, nhưng phải thêm quân”. Và các anh cũng thấy nơi khó nhất là hướng Tây-Tây Nam vì sinh lầy nhưng đây là một hướng tiến công rất quan trọng vì nhất định ta phải nhanh chóng chia cắt quân địch trên tuyến quốc lộ số 4 để quân địch ở Sài Gòn không thể co cụm xuống cố thủ ở Tây Đô (Cần Thơ); và ngược lại, nếu ta chia cắt lộ 4 thì Quân đoàn 4 và quân nguy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ không thể kéo về ứng cứu cho Sài Gòn. Anh Lê Văn Tưởng và tôi được đảm trách cánh quân tiến công trên hướng Tây-Tây Nam - Một trong năm hướng tiến công của trận quyết chiến cuối cùng, được mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Trên hướng Tây - Tây Nam mà chúng tôi được đảm nhiệm, sau khi đã chia cắt được lộ 4, mở tuyến sông Vàm Cỏ, đánh chiếm Hậu Nghĩa và các vị trí phòng thủ, một mũi tiến công ra Bộ tư lệnh Hải quân thì quân nguy cũng chạy hết rồi, dân ta đã vào đó, khi bộ đội Giải phóng tiến vào thì tiếp thu và quản lý. Đặc biệt là ở Biệt khu Thủ đô, Tổng nha Cảnh sát, Cảnh sát Đô thành và Khu lưu trữ ở bến Bạch Đằng, khi quân ta tiến vào, quân địch bỏ chạy và đầu hàng (trong số hàng có tướng Lâm Văn Phát, Tư lệnh Biệt khu Thủ đô), lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị tại chỗ đã cùng bộ đội chủ lực giải quyết sớm và quản lý được hết các kho tài liệu cơ mật, sau đó giao cho công an. Với các nước khác, khi thua trận, nó chạy thì nó hủy tài liệu. Còn ở ta nó không kịp hủy. Ưu điểm là ta thu được hết, nhưng thiếu sót là chưa tập trung khai thác được nhiều.

Cái gì đúng, hay thì ta nói đúng, hay; cái gì dở là thiếu sót, khuyết điểm. Những cái ta đã nói, đã viết cơ bản là đúng nhưng chưa đúng tuyệt đối như sự thật đã diễn ra, càng chưa đủ. Đã 30 năm, độ lùi lịch sử cho phép chúng ta phân tích kỹ càng hơn, nhìn nhận đánh giá thấu đáo hơn.

Chẳng hạn, khi ta có Phước Long thì đâu đâu và lúc nào cũng chỉ thấy nói đến Chiến thắng Phước Long là không đủ, mà phải thấy các trận đánh chiếm núi Bà Đen và thực hiện đánh nghi binh để kéo sư đoàn 25 nguy lên Tây Ninh, tạo điều kiện cho vùng ven đô và ven lộ 4 phát triển lực lượng, nói thế mới đủ. Cũng chính vì Sư đoàn 25 nguy đã bị căng kéo lo giữ Tây Ninh và Hậu Nghĩa nên hướng của Quân đoàn 3 tiến công giải quyết cứ điểm Đồng Dù cũng gặp thuận lợi. Tới sân bay Tân Sơn Nhất đặc công ta đã mở cửa, cùng lúc máy bay A37 của Phi đội Quyết thắng do Nguyễn Thành Trung dẫn đầu ném bom, sân bay tê liệt và quân địch hoảng loạn. Lúc đó Quân đoàn 1 tiến công từ hướng Lái Thiêu vào nội đô. Thực tế diễn ra ở những ngày tháng 4-1975 cho thấy, ở các hướng tiến công khác, quân địch cũng có chống cự nhưng không cản được quân ta. Các đơn vị của ta thực hành “đánh trong hành tiến”, còn quân địch hầu hết là hoang mang trong thế “vỡ trận và đầu hàng, tan rã”. Có thể nói chỗ rắn nhất và cũng là tuyến phòng thủ quan trọng nhất, nơi gay go, ác liệt nhất là Xuân Lộc - Long Khánh. Nhưng, thực tế cũng đã cho thấy, sau những ngày chiến đấu quyết liệt, dũng mãnh, hy sinh to lớn của bộ đội thuộc Quân đoàn 4 và Quân khu 7, Trung đoàn 95B và các lực lượng vũ trang địa phương Biên Hoà, Bà Rịa, Long Khánh, dưới sự chỉ huy và quyết tâm rất cao của hai anh Trần Văn Trà và Hoàng Cầm thì vị trí “Cánh cửa thép Xuân Lộc - Long Khánh” đã được giải quyết một cách cơ bản. Cán bộ, chiến sỹ Quân đoàn 2 từ xa đã nhanh chóng thọc sâu vào nội đô là một công lớn, nhưng phải thấy rõ là khi Quân đoàn 4 và các lực lượng ở Đồng Nai đã chiếm và làm chủ từ ngã ba Dầu Giây, đánh chiếm Sở chỉ huy Quân đoàn 3 nguy ở Biên Hoà và Tổng kho Long

Bình, đã đánh chiếm sân bay Biên Hoà, rồi mở được cầu Biên Hoà là đã hoàn thành cơ bản, đã mở rộng đường tiến vào Sài Gòn. Từ cầu Biên Hoà tiến vào nội đô Sài Gòn, lực lượng đặc công của quân đoàn và biệt động thành đã đánh chiếm và giữ các cây cầu quan trọng, sức đề kháng của quân địch rất yếu ớt. Cho nên mũi thọc sâu của Quân đoàn 2 đã xộc thẳng được vào tận Dinh Độc Lập. Bởi vậy, nếu nói tới *Chiến thắng 30 tháng 4* mà chỉ nói nhiều đến đơn vị xe tăng của Quân đoàn 2 tiến vào Dinh Độc Lập thôi thì không đủ; mà phải thấy rõ cả năm cánh quân từ năm hướng phối hợp với lực lượng vũ trang và chính trị trong nội đô, tiến công đồng loạt vào sào huyệt cuối cùng của quân địch với một quyết tâm và nỗ lực rất cao, trong đó kết quả tác chiến của đơn vị này đã mở ra điều kiện thuận lợi, thậm chí rất thuận lợi cho đơn vị kia.

Lại nữa, nếu nói tới *Chiến thắng 30-4-1975* mà chỉ nói về năm cánh quân năm hướng tiến công, tức là chỉ nói về các “quả đấm chủ lực” thì không đầy đủ. Phải thấy rõ đây thật sự là cuộc “*Tổng tiến công và nổi dậy*”, trong đó “quả đấm chủ lực” với những binh đoàn cơ động là lực lượng nòng cốt của đấu tranh quân sự, với những đòn điểm huyệt đã đánh trúng, đánh hay, đánh hiểm ở những trận then chốt và then chốt quyết định, chọc thủng và làm vỡ tuyến phòng thủ chiến lược của địch, khiến quân địch nhanh chóng lâm vào thế bị động, lúng túng rồi vỡ trận về quân sự, hoảng loạn về tinh thần. Nhưng để giải quyết đồng loạt, rộng khắp, kịp thời làm cho cả bộ máy nguy quyền và đội ngũ nguy quân 1,1 triệu tên với trang bị hiện đại, được viện trợ mạnh của đế quốc Mỹ tan rã, thì phải thấy rõ vai trò tiến công và nổi dậy của lực lượng tại chỗ, của lực lượng chính trị quần chúng, trong đó có cả lực lượng của những người bị bắt buộc đứng trong hàng ngũ của địch, cơ sở cách mạng trong hàng ngũ địch. “Quả đấm chủ lực” tạo điều kiện cho lực lượng quân sự, chính trị bên trong, và ngược lại, lực lượng bên trong đã tạo điều kiện cho các mũi tiến công của chủ lực cơ động. Phải thấy rõ vai trò lãnh đạo nhạy bén, kịp

thời, thống nhất của các Khu uỷ, Tỉnh uỷ và Đảng uỷ các cấp cơ sở trong những ngày Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Quân và dân tất cả các quân khu đã ở tư thế sẵn sàng, chuẩn bị đầy đủ nên đã chủ động tiến công và nổi dậy, thực hiện giải phóng hoàn toàn địa bàn của Quân khu, trong đó cần thấy rõ hai người giữ trọng trách hàng đầu là Bí thư Khu uỷ và Tư lệnh Quân khu: Khu 5-Bí thư là Võ Chí Công, Tư lệnh là Chu Huy Mân. Khu 6-Bí thư là Trần Lê, Tư lệnh là Nguyễn Trọng Xuyên. Khu 7- Bí thư là Năm Chử, Tư lệnh là Lê Văn Ngọc. Khu 8 - Bí thư là Huỳnh Châu Sỏ, Tư lệnh là Lê Quốc Sản. Khu 9 - Bí thư là Vũ Đình Liệu, Tư lệnh là Lê Ngọc Hưng; Bí thư Khu uỷ kiêm Tư lệnh Quân khu Trị Thiên là Lê Tự Đồng; Khu Sài Gòn - Gia Định Bí thư là Mai Chí Thọ, Tư lệnh là Trần Hải Phụng.

Toàn bộ cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 đã toát lên một điều là: *Đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấm sâu vào quần chúng, kể cả quần chúng bị bắt buộc vào trong hàng ngũ địch, khi có thời cơ là bộc lộ ra, vô cùng sinh động, mạnh mẽ và hiệu quả hơn bao giờ hết.*

Trong suốt hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, phong trào đấu tranh của quần chúng đã phát triển thành ba lực lượng: Lực lượng vũ trang cách mạng; lực lượng chính trị quần chúng; lực lượng quần chúng bị bắt buộc. Tôi thấy ở vùng tạm chiếm miền Nam, làng quê, khu phố, dòng họ nào cũng có ba lực lượng đó. Có thể nói cả ba lực lượng này thuần hoá với nhau, chuyển hoá vào từng con người một. Nhưng, chỉ có sự lãnh đạo tài tình sáng suốt và đầy tính nhân văn của Đảng ta, khi thời cơ cách mạng đến thì cả ba lực lượng này mới bộc lộ ra, phát huy sức mạnh, cộng hưởng, tạo nên cuộc *Tổng tiến công và nổi dậy* đúng cả nghĩa đen và nghĩa bóng của từ này, và đã làm đúng, làm có hiệu quả tinh thần chỉ đạo của Trung ương Cục là “Tỉnh giải phóng tỉnh, huyện giải phóng huyện, xã giải phóng xã...”. Tinh thần "*Thần tốc, táo bạo*" không những chỉ đối với các binh đoàn chủ lực từ xa đến, mà còn đối với cả các lực lượng tại chỗ- lực lượng chính trị, lực lượng binh

vận, kể cả lực lượng nằm trong hàng ngũ của địch cũng đã nhanh nhất, táo bạo nhất, phối hợp với lực lượng chủ lực cơ động từ xa tới. Giờ chúng ta phải hiểu chữ "*Thần tốc*" mà Bộ Chính trị chỉ đạo như thế mới đầy đủ.

Trong chiến tranh chống Mỹ, có hai đặc điểm nổi rõ - Một là ta tạo được thế xen kẽ giữa ta và địch ở cả ba vùng chiến lược: miền núi, đồng bằng và đô thị, nhất là sau Hiệp nghị Paris; chỉ trừ có vài nơi, còn phần lớn là làm được điều này. Đây là vấn đề rất quan trọng, nhiều nước khác không làm được nên cứ bị đối phương thực hiện phân tuyến. Hai là ta đã làm thường xuyên việc xây dựng lực lượng của ta ở nhiều mức độ khác nhau trong nội bộ nguy quân nguy quyền; mà những cơ sở này liên tục tác động vào tâm lý người lính nên họ đào ngũ thường xuyên, và khi thời cơ đến thì rã ngũ hàng loạt. Các cơ sở này đã phối hợp với lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị làm suy sụp tư tưởng của bọn ngoan cố. Hai điều này có ở Việt Nam, nhiều nước khác không có. Đây thật sự là hai bài học quý.

Một điểm nữa vô cùng quan trọng: Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ kiệt xuất của cách mạng Việt Nam rất coi trọng chữ "*Thời*". Người từng viết: "*Lạc nước hai xe đành bỏ phí. Gặp thời, một tốt cũng thành công*".

Sau khi bị quân và dân ta liên tiếp đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, đặc biệt là thất bại trong chiến dịch Gianxon Xiti, chiến lược chiến tranh cục bộ của Mỹ đang đứng trước nguy cơ phá sản, lúc này, thời cơ mới của cách mạng Việt Nam đã xuất hiện. Bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân-1968, chúng ta đã thực hiện được một nửa quyết tâm chiến lược "*Đánh cho Mỹ cút*" trong tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh "*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguy nhào*".

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, lãnh tụ của cách mạng Việt Nam là *lãnh tụ tập thể*, trong đó người chịu trọng trách lớn nhất là Bộ Chính trị, là đồng chí Bí thư thứ nhất

Lê Duẩn và Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng với vai trò là "Thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân" theo quy định của Hiến pháp³¹, tiếp tục ý tưởng về “*Thời cơ*” của

Chủ

tịch

Hồ Chí Minh. Quân đội giữ vai trò nòng cốt về quân sự, nhưng để thắng Mỹ, Đảng ta đã huy động sức mạnh tổng hợp của cả nước, mọi tầng lớp, mọi lực lượng: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá... Trong lực lượng vũ trang thì chủ lực cơ động là nòng cốt.

Trong hai dịp ra Bắc báo cáo năm 1969 và cuối năm 1973, tôi có dịp gặp anh Lê Duẩn. Lần đầu anh nói: "Ta đã đánh cho quân Mỹ cút rồi; nay phải kiên quyết đánh bại âm mưu "Việt Nam hoá chiến tranh", phá bằng được ý đồ giành dân để xây dựng nguy quân nguy quyền của chúng". Lần sau anh nói: "Mỹ tiếp tục đổ của vào miền Nam để thực hiện quyết liệt "Việt Nam hoá" dưới nhãn hiệu "Quốc gia dân tộc". Nhưng quân Mỹ phải rút làm quân nguy đang hoang mang. Ta quyết không để cho quân nguy nó lại hồn, phải chớp thời cơ giải phóng miền Nam sớm". Bởi vậy Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã chỉ rõ: Nhằm lúc Mỹ rút nhưng chưa rút xong và không thể quay lại, nguy ở lại thì chưa ổn định, đây là thời cơ tốt nhất để ta tổng tiến công và nổi dậy đánh trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Thời cơ là vô cùng quan trọng. Thời cơ là sức mạnh.

Có thể nói, sau khi ta đã có chiến thắng Phước Long, có chiến thắng Buôn Mê Thuật thì thời cơ đã hiện ra. Nếu lúc này mà vẫn nói “Lấy yếu đánh mạnh” là không lôgích; mà phải lấy mạnh đánh mạnh, thắng mạnh; không phải lấy ít địch nhiều mà phải lấy nhiều đánh nhiều. (Một trong những nguyên nhân mà ở Xuân Lộc - Long Khánh lúc đầu ta gặp khó khăn tổn thất chính vì ta quán triệt và thực hiện không đầy đủ tư tưởng này. Lẽ ra phải dành cho Quân đoàn 4 một lực lượng lớn hơn, một sức mạnh áp đảo hơn và có một lối đánh sáng tạo hơn). Trận quyết

chiến chiến lược cuối cùng, phải tập trung và phát huy cao nhất sức mạnh của toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh của thời đại để giành toàn thắng.

Những năm đầu của thập niên 1970, Liên Xô - Trung Quốc mâu thuẫn rất gay gắt, công khai. Nhưng cả hai đều đồng ý giúp ta đánh Mỹ, nhưng giúp với những quan niệm khác nhau và mức độ khác nhau. Song ta đã hiệp lực được cả hai phía giúp đỡ để chúng ta đủ sức đánh Mỹ. Với Trung Quốc, chúng ta phải biết ơn Chủ tịch Mao Trạch Đông, Trung ương Đảng Cộng sản và nhân dân Trung Quốc, từ thời kháng chiến chống thực dân Pháp đã giúp đỡ ta cả vũ khí, phương tiện vật chất, cả việc cử đoàn Cố vấn quân sự sang giúp quân đội ta cách thức tổ chức lực lượng và huấn luyện chiến thuật, nhất là cách đánh chiến dịch. Chúng ta rất cảm ơn các đồng chí Cố vấn quân sự Trung Quốc đã tận tình giúp đỡ, trao đổi kinh nghiệm tác chiến. Chính những điều tích lũy được từ thời chống Pháp, cộng với việc tự rèn luyện, tích lũy từ các đợt đi học tập ở Liên Xô và Trung Quốc và từ thực tế trong chiến tranh chống Mỹ đã đào tạo cho quân đội chúng ta có một đội ngũ tướng lĩnh và cán bộ chỉ huy tài giỏi, dưới sự lãnh đạo, rèn luyện của Đảng, đã thật sự trưởng thành, độc lập chỉ huy các đơn vị đánh thắng đội quân xâm lược hùng mạnh của đế quốc Mỹ và bẻ gãy tay sai từ những trận đánh đầu tiên, từ chiến dịch đầu tiên-Bình Giã cho đến chiến dịch Hồ Chí Minh-Xuân 1975 là chiến dịch cuối cùng. Chúng ta vô cùng biết ơn Đảng, Nhà nước và nhân dân Trung Quốc đã giúp đỡ súng đạn, gạo tiền và nhiều phương tiện rất có hiệu quả cho bộ đội và nhân dân miền Nam chiến đấu và chiến thắng đế quốc Mỹ. Chúng ta vô cùng biết ơn Đảng, Nhà nước và nhân dân Liên Xô đã tích cực giúp chúng ta vũ khí và phương tiện để chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại bằng Không quân và Hải quân của đế quốc Mỹ, giành thắng lợi vẻ vang mà đỉnh cao là trận đánh thắng B52 trên bầu trời Hà Nội-Hải Phòng tháng Chạp năm 1972. Sự giúp đỡ này là rất quan trọng. Điều này sử sách phải ghi cho đầy đủ để các thế hệ sau này thấy rõ sự sáng suốt tài tình của

Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác đối ngoại; thấy rõ cuộc đấu tranh chính nghĩa sáng ngời của nhân dân ta đã cảm hoá và có sức thuyết phục to lớn đối với bè bạn, thấy rõ sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Đảng-Nhà nước và nhân dân Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bè bạn khắp năm châu. Không có sự giúp đỡ này thì lúc bấy giờ chúng ta cũng không có đủ sức mạnh để chiến thắng một kẻ thù là cường quốc số 1 thế giới như đế quốc Mỹ. Đúng như Đảng đã nói *“Sức mạnh dân tộc đã kết hợp chặt chẽ với sức mạnh thời đại, tạo nên sức mạnh to lớn chiến thắng quân thù”*.

Sau 1954, trong nước cũng có ba khuynh hướng: Một khuynh hướng kiên quyết đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào, Nam - Bắc sum họp. Một khuynh hướng là-Mỹ nó mạnh quá, không thể đánh được. Và một khuynh hướng khác: Nếu đánh nó thì nguy cho cả miền Bắc! Nhưng, sau khi có Hiệp định Paris 1973 đến cuối 1974, trước thời điểm cuộc tổng tiến công 1975 thì ở trong nước và cả quốc tế đều thống nhất “Đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào”. Lúc này thật sự là “Đoàn kết trong Đảng, đoàn kết trong nước, đoàn kết quốc tế”, không ai còn có ý kiến gì khác. Đây là thời điểm vàng ngọc, nó thật sự đã tạo ra sức mạnh-sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế lớn vô cùng! Đây là sức mạnh tuyệt đối được hội tụ lại. Nếu để chậm thì chưa chắc đã còn sức mạnh như thế. Chậm một tháng là chậm một năm. Mà chậm một năm thì chưa biết sẽ thế nào!

Bộ chỉ huy tối cao lúc này là Ban Chấp hành Trung ương, đứng đầu là Bộ Chính trị, là Bí thư thứ nhất Lê Duẩn và Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng đã chọn đúng thời cơ và tổ chức thắng lợi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975. Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng đã đề xuất ý kiến và triển khai kế hoạch quân sự tới cấp ủy và chỉ huy các cấp trong quân đội đã nhanh nhạy trong việc nắm tình hình, đề xuất phương án và triển khai chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với các ngành của Chính phủ, của Mặt trận thực hiện xuất sắc quyết tâm của Đảng và Nhà nước- Giải phóng

nhANH MIỀN NAM. Chín năm kháng chiến trước đây, cả nước đã tập trung đánh bại thực dân Pháp để giải phóng miền Bắc; 21 năm này, cả nước lại dồn sức đánh bại đế quốc Mỹ để giải phóng miền Nam. Quả đấm chủ lực của ta đã thực hiện đòn mở đầu vào huyết hiểm Buôn Mê Thuột trong thế trận và sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc, đã làm thay đổi nhanh cục diện chiến trường; đã đẩy quân ngụy Sài Gòn lâm nhanh vào thế bị động lúng túng dẫn đến hoang mang dao động, vỡ trận và tan rã, sụp đổ trước sức mạnh như nước vỡ bờ của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân và dân ta trên khắp miền Nam. Ta tấn công đồng loạt, nổi dậy đồng loạt cả ba vùng chiến lược - miền núi, đồng bằng và đô thị nên địch đã không co cụm được. Thắng lợi của ta là thắng lợi trọn vẹn. Ngụy quyền Sài Gòn chính thức đầu hàng vô điều kiện ngày 30 tháng 4. Khi ta tiến vào giải phóng đô thị, cả đội quân đồ sộ của ngụy tan rã ngay tại chỗ, các đồng chí Trung ương Cục và đại diện Bộ Chính trị đã chỉ đạo rất sát sao công việc xử lý những ngày đầu giải phóng đối với binh lính và sỹ quan ngụy. Đồng thời ta đã quản lý tốt công tác an toàn xã hội, bảo đảm an toàn cả con người và tài sản của mọi tầng lớp nhân dân, không để xảy ra nạn cướp bóc, đập phá, nhất là trong các đô thị. Phải nói đây là một việc chưa từng có mà ta đã làm khá tốt, vì nó rất quan trọng cho sự ổn định về sau này.

Nay điểm lại 21 năm cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, chúng ta thấy rất rõ đế quốc Mỹ là tên đế quốc đầu sỏ, chúng không bao giờ chịu "thua non". Chỉ sau khi bị đòn tiến công Tết Mậu Thân-1968, Mỹ mới chịu tuyên bố rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, ngừng chiến tranh phá hoại miền Bắc và ngồi vào bàn đàm phán. Nhưng rút quân Mỹ thì đồng thời chúng lại thực hiện "Việt Nam hoá chiến tranh" để vẫn duy trì âm mưu xâm lược dưới một hình thức mới. Tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc nhưng lại tập trung đánh phá ác liệt từ vĩ tuyến 20 trở vào; ngay sau đó, đến thời Tổng thống điều hâu Nixon lại

đánh phá miền Bắc trở lại với thủ đoạn nham hiểm, tàn ác và quyết liệt hơn, bằng vũ khí, phương tiện tối tân hơn, kể cả bom điều khiển bằng lade, kể cả máy bay ném bom chiến lược B52. Còn ở bàn hội nghị hoà đàm Paris thì chúng liên tục dùng thủ đoạn cù nhầy, lật lọng và tráo trở. Chỉ đến khi trên chiến trường miền Nam, chiến trường Lào và Campuchia chúng liên tiếp bị chúng ta đánh cho thảm bại tại các chiến dịch: Quảng Trị, "Chen la 1", "Chen la 2", "Đường 9 Nam Lào"... và thảm bại trong 12 ngày đêm tại Hà Nội - Hải Phòng tháng Chạp 1972 thì chúng mới chịu ký kết văn bản Hiệp định Paris. Chúng ta càng thấy rõ, Mỹ ký Hiệp định nhưng đồng thời chúng rắp tâm phá hoại Hiệp định bằng chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh"; nhất là sau khi có "cuộc dàn xếp với các nước lớn năm 1972" thì chúng vừa chủ quan, vừa hy vọng, vừa ngoan cố. Điều này thể hiện rất rõ ở chỗ đến tận sáng 30-4-1975, khi năm cánh quân giải phóng chúng ta đã áp sát và đột kích vào Sài Gòn thì Đại sứ Ma-tin mới chịu xách va ly chạy lên sân thượng toà Đại sứ để "di tản khẩn cấp".

Sự ngoan cố và dã tâm của đế quốc Mỹ còn thể hiện ở chỗ: Ngày 23- 1-1973, Kítxinhgiơ ký tắt văn bản Hiệp định Paris với đồng chí Lê Đức Thọ; tháng 5-1975, khi thua trận hoàn toàn ở Việt Nam rồi, thì ngay sau đó, ngày 15-10-1975 đại diện Chính phủ Mỹ lại ký thoả thuận đánh phá ta từ hướng Tây Nam và bao vây các hướng khác với lời lẽ trịch thượng hiếu chiến: Phải thực hiện thoả thuận trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày ký. Và, sau 17 tháng, đúng ngày 30-4-1977, quân Pôn-Pốt đã đánh ta trên toàn tuyến biên giới Tây Nam. Một lần nữa, chúng ta lại buộc phải chống lại và đánh thắng sự đánh phá của chúng.

Thắng lợi trọn vẹn của chúng ta có nhiều nguyên nhân, tôi cho rằng nguyên nhân chủ đạo là tư tưởng "nhân ái". Tư tưởng "nhân nghĩa" bắt nguồn từ truyền thống văn hoá chí nhân chí nghĩa của dân tộc - "*Lấy chính nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo*" và đã kết tinh sáng chói nhất ở Tư tưởng Hồ Chí

Minh. Bác đã dạy chúng ta: "Đánh cho Mỹ rút, ngụy sụp đổ" chứ Bác không nói "Đánh tiêu diệt". Thể hiện tư tưởng này, sau Bác Hồ là các đồng chí lãnh đạo kế tục, và rồi tư tưởng đó đã chuyển hoá vào đa số chiến sĩ và đồng bào cả nước thể hiện ở chỗ trong chiến tranh, kể cả chống Pháp trước kia và chống Mỹ vừa qua, khi bắt được tù binh địch, kể cả ác ôn ngụy, lính và sỹ quan Mỹ, ta đã thả hết. Chính điều này đã thấm vào tâm can người dân nước đó, và họ thấy rằng chính phủ nước họ đem quân sang đánh Việt Nam là vô đạo lý, họ thông cảm và ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của Việt Nam. Đây là yếu tố hết sức quan trọng để chúng ta giành thắng lợi. Đối với quân đội ngụy khi đối mặt trên chiến trận thì buộc chúng ta phải chiến đấu để tự vệ và bảo vệ thành quả của cách mạng; nhưng chúng ta luôn tâm niệm họ cũng là người Việt Nam, mà ta vẫn muốn cùng là người Việt thì phải thương nhau, cùng nhau xây dựng đất nước. Bởi vậy chúng ta không có hận thù, trả thù gì cả. Hơn nữa đồng bào ta trong vùng địch tạm chiếm lâu nay đã đi theo Bác Hồ, theo cách mạng, nhất là từ khi có Mặt trận Giải phóng Miền Nam do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, nên khi họ bị bắt buộc đứng trong hàng ngũ của phía bên kia nhưng trong lòng họ vẫn là tinh thần dân tộc; bởi vậy khi có thời cơ là họ bỏ chạy hàng loạt. Chỉ tính riêng năm 1969, quân số đào ngũ của quân ngụy là 107.000 người. Tại địa bàn tác chiến của Trung đoàn 1 Quân khu 9 trong đợt chiến đấu ở Chương Thiện năm 1973, có ngày quân ngụy rã ngũ tới một tiểu đoàn. Trong quân đội ngụy lại có ba bộ phận: Phần đông là số bị bắt buộc thì đã đào ngũ một hoặc nhiều lần, số này khi có thời cơ thì liền bỏ ngũ trở về với gia đình, quê hương. Số lừng chừng, khi bị tiến công mãnh liệt thì chúng hoảng loạn, rã ngũ tại chỗ. Cũng có một số do Pháp trước kia và Mỹ sau này nhồi sọ nên trở thành ác ôn phản động. Nhưng khi lính ngụy bỏ ngũ hàng loạt, thì số này nhanh chóng trở thành bị cô lập; hoặc là bỏ chạy, đầu hàng, cá biệt tự sát; số không chạy được ta chỉ yêu cầu họ học tập cải tạo chứ không hề giết ai nên dân họ hiểu được chính nghĩa của ta.

Trong suốt cuộc trường chinh giúp bạn ở Campuchia, Quân tình nguyện và Đoàn chuyên gia Việt Nam cũng luôn thấm nhuần chỉ thị của Bộ Chính trị: "Không bắt người, không giết người", mặc dù quân Pôn Pốt đã bắt và giết hàng triệu người, đã và đang đẩy cả một dân tộc vào hoạ diệt chủng. Nhưng với ta, không hận thù và trả thù, mà chỉ làm binh vận để quân Pôn Pốt bỏ vũ, rã ngũ là chủ yếu. Suốt mười năm giúp bạn, nhân dân và quân đội Việt Nam đã không tiếc máu xương, công sức và của cải để cứu nguy dân tộc thoát khỏi hoạ diệt chủng và hồi sinh một đất nước từ đống nát tiêu điều. Nghĩa cử cao cả này không những được Quốc vương Xi-hanuc, được Vua Sãi Tép Vông, được ngài Hêng Xomrin, Chủ tịch Mặt trận Cứu nguy dân tộc Campuchia và nhân dân Campuchia quý trọng, đánh giá rất cao, nói rằng "Bộ đội tình nguyện Việt Nam là "Bộ đội Nhà Phật", mà nhân loại tiến bộ trên toàn thế giới cũng ghi nhận và đánh giá cao. Sự kiện này mang một ý nghĩa vô cùng lớn, không có giá trị nào tính được.

Chính vì không hề có cuộc trả thù “tắm máu” nào, đội quân nguy và bộ máy nguy quyền tan rã tại chỗ nên các đô thị của miền Nam hầu như nguyên vẹn, không bị tàn phá. Kết thúc chiến tranh có người thắng kẻ thua nhưng không hề có sự trả thù và phục thù gay gắt. Đây là yếu tố tiên quyết, là cơ sở nền tảng cho sự ổn định chính trị để đất nước đứng vững và phát triển đi lên.

Sau ngày 30-4-1975 chúng ta có ba việc lớn.

Một là giải quyết hậu quả chiến tranh trên phạm vi đất nước, xã hội và con người.

Hai là giúp nhân dân Campuchia làm cuộc cách mạng cứu nguy dân tộc và hồi sinh đất nước.

Ba là, phát triển kinh tế-xã hội để ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, củng cố an ninh, quốc phòng. Từ một đất nước nghèo lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, trong đó có trên 10% người tàn tật, đây là tỷ lệ lớn nhất thế giới, nhân dân ta đã nỗ

lực rất lớn cùng với sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh. Riêng hậu quả của chất độc da cam điôxin thì việc xét xử của Toà án là cần thiết, nhưng quan trọng hơn là trên tinh thần nhân đạo mà Chính phủ Mỹ và các tổ chức đã sản xuất ra các chất này mới đủ điều kiện về mặt khoa học để điều tra tác hại của nó trên cơ thể con người và môi trường, và giúp Việt Nam có biện pháp khắc phục hậu quả. Những năm sau chiến tranh vừa qua, Chính phủ Mỹ đã thừa nhận tinh thần nhân đạo và tích cực của phía Việt Nam trong giải quyết vấn đề người Mỹ mất tích trong chiến tranh (POM/MIA). Chính phủ Mỹ cần nhận thức ra việc giải quyết hậu quả của chất độc da cam điôxin là vấn đề khoa học và vấn đề tình người. Bài học về nhân ái của Việt Nam đang cần cho chính giới Mỹ.

Bởi vậy tôi cho rằng "nhân ái" là cái gốc, là nhân tố chủ yếu để thắng lợi. Trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại vừa qua thì thắng lợi là thắng lợi của toàn dân tộc, đã là *người Việt Nam* thì ai cũng được hưởng vinh quang của chiến thắng. Phát huy thắng lợi vẻ vang đó, người Việt Nam cả ở trong nước và ngoài nước, đoàn kết thương yêu nhau, cùng chung tay góp sức xây dựng kinh tế xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của các tầng lớp nhân dân, quốc phòng an ninh ổn định và vững mạnh, Tổ quốc Việt Nam ngày thêm sạch đẹp và giàu mạnh, đáp ứng lòng mong muốn của mọi người dân Việt Nam và bè bạn gần xa. Đại thắng Mùa Xuân 1975 đã chứng minh hùng hồn cụm từ "*Đoàn kết dân tộc, chiến thắng trọn vẹn*", một trong những sự tích vĩ đại nhất của nhân loại tiến bộ ở thế kỷ XX.

LỜI TỰA GIỚI THIỆU CUỐN SÁCH "THỪA THIÊN - HUẾ 30 NĂM THÀNH
TỰU VÀ PHÁT TRIỂN"

(Ngày 1-3-2005)

Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam khởi đầu từ Cách mạng tháng Tám 1945 và kết thúc bằng Đại thắng mùa Xuân 1975 đã trở thành một trong những sự kiện vĩ đại nhất của lịch sử nhân loại trong thế kỷ XX.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản anh minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, nhân dân ta đã nhất tề vùng lên phá tan gông xiềng của kiếp nô lệ, trở thành người dân tự do của nước Việt Nam mới; rồi đoàn kết một lòng vượt qua bao gian khổ, hy sinh, lần lượt đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, mở ra kỷ nguyên mới: Đất nước ta hoàn toàn độc lập, thống nhất, nhân dân ta hoàn toàn tự do, vững bước đi lên xây dựng xã hội mới trong hoà bình - xã hội xã hội chủ nghĩa.

Thừa Thiên-Huế là dải đất địa linh nhân kiệt, là nóm ruột của khúc ruột miền Trung. Con người Thừa Thiên-Huế kế thừa dòng máu và khí phách quật cường, bất khuất của các thế hệ cha ông, suốt mấy chục năm qua đã luôn anh dũng kiên cường trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm, can củ và sáng tạo trong lao động, nhất là trong chặng đường đầu tiên của *công cuộc đổi mới đất nước* vừa qua, Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên - Huế đã góp phần xứng đáng vào cuộc cách mạng vĩ đại của dân tộc trong thời đại Hồ Chí Minh quang vinh.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm cuộc *Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975*, lãnh đạo và chính quyền tỉnh Thừa Thiên-Huế chủ trương xuất bản cuốn sách "*Thừa Thiên - Huế 30 năm thành tựu và phát triển*" của nhiều tác giả. Đây là những hồi ức quý giá của các nhân chứng lịch sử, là những bài viết về quá trình lao động sáng tạo và phản ánh những thành tựu bước đầu trên nhiều mặt trong công cuộc đổi mới của Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên-Huế.

Cuốn sách vừa là ấn phẩm có ý nghĩa trong dịp kỷ niệm trọng đại này, vừa là một tài liệu lịch sử bổ ích để các thế hệ cán bộ, nhân dân, nhất là thế hệ trẻ của Thừa Thiên-Huế nghiên cứu học tập đóng góp phần xứng đáng của mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ và xây dựng quê hương Thừa Thiên-Huế ngày càng giàu đẹp, cuộc sống của người dân Thừa Thiên-Huế ngày càng hạnh phúc, ấm no.

Tôi hoan nghênh việc xuất bản tập sách này và xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

-

PHƯỚC LONG MÃNH ĐẤT THIÊN GẮN NHIỀU KỶ NIỆM

(Bài đăng trên Tạp chí Cao su Việt Nam - Cơ quan ngôn luận của Tổng Công ty Cao su Việt Nam, Xuân Ất Dậu, 2005)

Khi các đơn vị quân giải phóng náo nức hành quân ra trận để thực hiện kế hoạch tác chiến mùa khô, cũng là lúc anh Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục và anh Trần Văn Trà, Tư lệnh Bộ chỉ huy Miền lên đường ra Bắc họp. Trung ương Cục cử anh Võ Văn Kiệt ở nhà thường trực, còn anh Trà giao cho tôi chỉ huy thay anh trong những ngày anh đi vắng.

Theo "Kế hoạch tác chiến mùa khô 1974-1975" mà Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền đã duyệt, thì Chi khu Đồng Xoài sẽ là trận đánh mở màn. Nhưng khi bộ đội của Sư đoàn 7 do đồng chí Lê Nam Phong chỉ huy đang bí mật cắt gỡ hàng rào kẽm gai thì nhận được điện của Bộ tổng Tham mưu không cho đánh Đồng Xoài. Tôi nói anh em gỡ rồi thì cài lại, đánh dấu rồi lui ra tổ chức bao vây và chờ đó. Các đơn vị khác triển khai tiến công Chi khu Bù Đăng trước; đánh được Bù Đăng xong sẽ quay sang đánh Đồng Xoài.

Vị trí Bù Đăng đứng trên một địa hình rừng núi hiểm trở, gồm ba cụm mục tiêu chủ yếu: Chi khu quân sự, căn cứ Vĩnh Thiện, khu hành chính và Tiểu đoàn 362 bảo an cùng lực lượng dân vệ đóng giữ. Sáng 14-12-1974

lực lượng của

Sư đoàn 3 bắt đầu nổ súng tiến công. Trung đoàn 271 tiến công trên hướng chủ yếu, đánh vào chi khu quân sự, đến 8 giờ 40 phút đã chiếm được chi khu và khu hành chính. Trung đoàn 201 tiến công trên hướng thứ yếu, 8 giờ đã làm chủ căn cứ Vĩnh Thiện. Cùng lúc, lực lượng vũ trang địa phương tiến công quét sạch các đồn và chốt dân vệ ở xung quanh chi khu. Bộ đội ta thừa thắng truy kích tàn binh địch và lần lượt chiếm các vị trí của chúng ở ngã ba Km 10, Km 48 và cầu 38 trên đường 14.

Trên hướng thứ yếu Bù Na, ta tổ chức vây ép yếu khu này. Tiểu đoàn 363 bảo an đóng giữ ở đây thấy Đồng Xoài đang bị bao vây, Bù Đăng bị ta chiếm và lộ 14 bị ta cắt đứt ở Km 19 nên đã nhằm đêm ngày 15 tháng 12 rút chạy về Phú Riềng. Ta thu được 2 khẩu pháo 105 mm và rất nhiều đạn pháo. Quân ta truy kích, diệt và làm tan rã gần hết tiểu đoàn này, đồng thời diệt 7 đồn địch từ Bù Na đến Liễu Đức. Chốt địch ở cầu 11 bị Tiểu đoàn 9 của Trung đoàn 209 vây ép, ngày 16 tháng 12 cũng bỏ chạy về Đồng Xoài. Chúng tôi quyết định nhanh chóng chuyển cuộc tiến công sang đợt 2 - tiêu diệt hai chi khu Bù Đốp và Đồng Xoài.

Rạng sáng ngày 23 tháng 12, Trung đoàn 165 do Trung đoàn trưởng Trần Quang Triệu và Chính ủy Nguyễn Can chỉ huy, cùng lực lượng được tăng cường, nổ súng tiến công Chi khu Bù Đốp. Đánh đến chiều thì ta làm chủ Bù Đốp rồi phát triển về hướng tây, bức rút hai đồn ngã ba Phước Lộc và Phước Quả.

Trước nguy cơ Bù Đốp bị tiêu diệt, tiểu khu Phước Long bị uy hiếp, trưa ngày 23, Quân đoàn 3 nguy (của Dục Quốc Đống) dùng máy bay lên thẳng đổ một tiểu đoàn và 2 khẩu pháo 155 ly xuống Phước Bình. Lực lượng này lập tức hành quân theo lộ

311 đến phía tây Phước Quả để ngăn chặn ta. Như vậy, quân địch đã bị thu hút về hướng Bù Đốp đúng như ý định của chúng tôi. Bởi vậy, trên hướng chủ yếu quân ta lập tức triển khai lực lượng để tiêu diệt Đồng Xoài.

Đồng Xoài là một căn cứ khá lớn, có chiều dài 600 mét, rộng 300 mét. Lực lượng địch có khoảng 1300 tên. Xung quanh căn cứ có từ 11 đến 16 lớp rào kẽm gai và bãi mìn các loại. Trong căn cứ có hơn 500 lô cốt và ụ súng, 4 khẩu pháo lớn 155 ly và 105 ly.

Nhiệm vụ đánh chiếm Đồng Xoài vẫn giao cho Sư đoàn 7 của Lê Nam Phong. Hướng tiến công chủ yếu giao cho Trung đoàn 141 do đồng chí Lê Dương Liễu làm Trung đoàn Trưởng, Nguyễn Ngọc Doanh làm Chính ủy, được tăng cường 2 tiểu đoàn bộ binh, 3 khẩu cối 160 ly, 2 khẩu lựu 122, 1 khẩu cối 120, một pháo 105, 4 khẩu pháo 85 và hai tiểu đoàn súng phòng không. Giao cho Trung đoàn 201 chặn phía nam, Trung đoàn 209 chặn phía tây căn cứ, không cho viện binh địch từ Phước Vĩnh lên và Chơn Thành sang ứng cứu.

5 giờ sáng ngày 26 tháng 12, Trung đoàn 141 nổ súng tiến công chi khu Đồng Xoài. Đến 15 giờ cùng ngày thì đơn vị đánh chiếm xong mục tiêu cuối cùng là chốt cầu số 2.

Sư đoàn 3 cũng cho một mũi bao vây Bà Rá. Một mũi khác anh em thừa cơ tự vận động lên chiếm sân bay Phước Bình. Trước đó địch cho một đại đội biệt kích nhảy dù đổ bộ, bộ đội ta đánh mạnh nên chúng co lại. Khi anh em đánh chiếm Bà Rá vì chúng biết đã mất Đồng Xoài nên chống cự không đáng kể.

Như vậy sau bốn ngày chiến đấu, ta đã diệt hai chi khu, nhiều đồn bót, đánh tan hai tiểu đoàn bảo an, thu được nhiều vũ khí, giải phóng hoàn toàn lộ 14. Thấy quân địch không có phản ứng gì lớn, tôi hội ý trong Bộ Chỉ huy Miền, quyết định tiến công đợt 3, tiêu diệt khu vực phòng thủ cuối cùng, giải phóng Phước Long.

Địch ở Phước Long còn khá đông, khoảng hơn bốn tiểu đoàn và một chi đội xe M113, 4 trận địa pháo; bố trí liên hoàn chặt chẽ nhưng lúc này đang rơi vào thế bị cô lập, tinh thần binh lính hoang mang sau khi biết rõ Bà Rá, Đồng Xoài, Bù Đốp, Bù Đăng và hàng loạt đồn bót dọc lộ 14 đã mất.

Lúc này chúng tôi quyết định tăng cường một đại đội xe tăng, Tiểu đoàn lựu pháo 105 ly và Trung đoàn 16 bộ binh. Tôi nhớ rõ là địch đã mất Đồng Xoài và Bà Rá thì chúng tôi mới tăng cường Trung đoàn 16 đang đứng chân ở Củ Chi cơ động lên bao vây phía bắc và chuẩn bị đột phá từ hướng này, còn các hướng khác thì các đơn vị đã và đang chiến đấu tại đây hình thành thế bao vây rồi; chứ nói “ta có kế hoạch tiến công Phước Long từ trước” là không có, mà nó chỉ nảy ra khi đã đánh thắng, giải quyết dứt điểm Đồng Xoài.

Bộ Chỉ huy chúng tôi họp và phân công ba người: Lê Đức Anh, Hoàng Cầm, Năm Ngà, mỗi người chỉ huy một hướng tiến công giải phóng Phước Long. Tôi điều thêm một tiểu đoàn binh chủng gồm xe tăng và lựu pháo 105 ly vào tăng cường. Số đơn vị tăng cường (Trung đoàn 16, tiểu đoàn tăng-pháo) giao cho các anh Hai Tường và Bùi Cát Vũ chỉ huy.

Khi các đơn vị đã vào vị trí triển khai đội hình xong, sáng 31 tháng 12, ta phát lệnh nổ súng. Đến chiều ngày 6-1-1975, ta diệt mục tiêu cuối cùng là hầm ngầm ở trung tâm hành chính, làm chủ hoàn toàn thị xã Phước Long, kết thúc thắng lợi hoàn toàn chiến dịch.

Có một chuyện là khi ta đột kích vào, có lẽ vì đang ở trạng thái hoang mang tinh thần, nên Chi khu trưởng Phước Long đã đưa cổ vắn Mỹ bỏ chạy.

Sau 24 ngày chiến đấu tiến công, ta đã diệt và làm tan rã hoàn toàn quân địch ở Phước Long, thu toàn bộ vũ khí và phương tiện chiến tranh của chúng; giải phóng tỉnh Phước Long với hơn 50 vạn dân. Ta đã làm tan rã 4 tiểu đoàn bảo an, 1 tiểu

đoàn chủ lực, 2 đại đội biệt kích, 4 đại đội thám sát, 2 đại đội cảnh sát, 6 trung đội thám báo phượng hoàng, 10 trung đội pháo 105 và 155 ly, 60 trung đội dân vệ và 3000 phòng vệ dân sự; diệt 1 tiểu khu, 4 chi khu và 1 yếu khu. Ngay sau khi giải phóng Phước Long, anh Võ Văn Kiệt đã điều khoảng mấy chục công nhân lên tiếp thu và quản lý nhà máy chế biến mủ cao su ở đồn điền Phú Riềng.

Ở đây, tôi tự rút ra được mấy kinh nghiệm. *Một là*, về phía địch, khi ta chọn đúng và đánh đòn hiểm (chi khu Đồng Xoài) thì lập tức nó hoang mang, nao núng tinh thần. *Hai là*, phát động được tinh thần chủ động sáng tạo của bộ đội từ cơ sở trở lên thì không những ta khắc phục được những hạn chế vốn có (về vũ khí trang bị), để tìm ra cách đánh mới có hiệu quả, mà còn làm cho bộ đội, nhất là cán bộ chỉ huy các cấp luôn phát huy được tinh thần chủ động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm trong quá trình phát triển chiến đấu. *Ba là*, cấp trên khi ra lệnh, dù khi chưa hiểu rõ cấp dưới, thì cấp dưới vẫn phải nghiêm chỉnh chấp hành, nhưng khi tình hình diễn biến thì phải chủ động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm, có những quyết định cho đúng, quyết định kịp thời, quyết định tại chỗ, không chờ đợi cấp trên để bỏ lỡ thời cơ. Mạnh dạn quyết định dùng chủ lực và hỏa lực tăng cường để tiến công quyết liệt khi biết rõ quân địch đã dao động hoang mang, quân ta đang ở thế thượng phong thì phải dần tới giành chiến thắng cao nhất.

Từ trước đến nay, diệt địch hành quân dã ngoại, địch đi cứu viện...nghĩa là diệt địch ở bên ngoài cứ điểm là sở trường của ta. Nhưng khi ta đưa được pháo lớn vào đánh, bộ đội thì phấn khởi; khi ta đánh được quân địch trong căn cứ có công sự, lô cốt vững chắc thì quân địch lập tức hoang mang dao động. Kế hoạch lúc đầu xác định Đồng Xoài là trận then chốt, nhưng trên không cho đánh. Sau đó, khi ta đã đánh được liên tục Bù Đăng, Bù Na, Đồng Xoài, Bà Rá, nhất là giải quyết được Đồng Xoài thì quân địch dao động lớn; ta chớp thời cơ đánh chiếm Phước Long. Đây là thời cơ tại chỗ, không một người nào định trước cả. Nó phát sinh tại chỗ.

Khi anh em lấy được Bù Na, thu được hai khẩu pháo và rất nhiều đạn pháo; đánh Đồng Xoài không sai nguyên tắc, khi người chỉ huy thấy đã đánh được các vị trí kia rồi thì phát triển thêm. Được lệnh đánh liền sang Đồng Xoài thì anh em rất phấn khởi, hăng hái, còn quân địch thì hoang mang dao động. Có thể nói đây là thời cơ phát sinh tại chỗ cả về chiến dịch cả về chiến thuật. Đến lúc ta đưa tăng vào, đưa pháo vào, quân địch hoảng không chống cự mà bỏ chạy. Trung đoàn 16 còn đứng nguyên chưa phải đánh. Như vậy, khi ta đánh đòn phủ đầu mà trúng huyết hiểm thì địch rã. Nếu ta lừng chừng không chớp thời cơ này đánh tới, mà để chậm, địch đưa lên một liên đoàn biệt động tăng cường cho núi Bà Rá và thị xã Phước Long thì ta sẽ khó hơn rất nhiều. Đây không phải là chủ trương có trước của Bộ Chỉ huy Miền, mà tình hình cụ thể đặt ra yêu cầu phải xử lý. Nếu ta tách vòng ngoài xong rồi mới đột kích vào như cách đánh thông thường thì không thắng.

Có thể nói, chiến thắng Đường 14 - Phước Long và núi Bà Đen đối với Mặt trận B2 đã tạo ra một địa bàn chiến lược quan trọng, uy hiếp trực tiếp phía đông quốc lộ 13 và hệ thống phòng thủ của địch trên hướng bắc Sài Gòn, làm thay đổi đáng kể tương quan về thế trận trên chiến trường Đông Nam Bộ có lợi cho ta. Đối với Bộ Chính trị, Trung ương Đảng và Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu thì chiến thắng Đồng Xoài - Đường 14 - Phước Long có ý nghĩa là “Trận trình sát chiến lược” thăm dò khả năng quân nguy và sự can thiệp của Mỹ, làm sáng tỏ hơn những cơ sở để Bộ Chính trị hạ quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam. Lịch sử có nhiều cái tưởng như ngẫu nhiên nhưng lại mang tính quy luật. Với chiến thắng Đồng Xoài - Đường 14 - Phước Long lần đầu tiên ta giải phóng hoàn toàn một tỉnh, lại diễn ra đúng lúc Hội nghị Trung ương đang họp và tập trung bàn về quyết tâm chiến lược, thực hiện nốt nửa sau tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ “*Đánh cho nguy nhào*”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Như vậy, năm 1942, sau thời kỳ quân Pháp đàn áp đẫm máu cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, tôi bắt đầu liên lạc với tổ chức cộng sản và trở lại hoạt động, gây dựng lực lượng và phong trào cách mạng, tham gia lãnh đạo giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945 ở vùng đồn điền cao su Hớn Quản - Lộc Ninh. Hơn ba chục năm sau, tôi lại có vinh dự được chỉ huy bộ đội miền Đông trực tiếp chiến đấu và giải phóng "Vùng đất đỏ cao su" rộng lớn này. Bởi vậy với riêng tôi thì chiến thắng Đường 14- Phước Long còn là một kỷ niệm thiêng liêng vì vùng đất này đã có nhiều gắn bó thân thiết trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình.

Nhân dịp năm mới 2005, mùa Xuân mới Ất Dậu, tôi xin gửi tới toàn thể nhân dân các tỉnh miền Đông nói chung và cán bộ, công nhân ngành Cao su nói riêng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc; chúc năm 2005 ngành Cao su Việt Nam tiến bộ vượt bậc, thắng lợi vẻ vang!

TỔ CHỨC TUYỂN CHI VIỆN CHO MIỀN NAM - SỰ LÃNH ĐẠO TÀI TÌNH, SÁNG SUỐT CỦA ĐẢNG TA

(Bài viết trong kỷ yếu của Hội thảo khoa học "Bảo đảm giao thông vận tải - nét đặc sắc của chiến tranh nhân dân ở đồng bằng sông Cửu Long trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)", tháng 10-2006)³²

Nghị quyết Hội nghị 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khoá II) đã tạo một bước ngoặt lớn, vô cùng quan trọng đối với cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam và của cả nước.

Ngay sau khi có Nghị quyết 15, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng ta đã có những chỉ đạo thiết thực và kịp thời đối với việc tổ chức các tuyến vận tải chiến lược chi viện từ hậu phương lớn miền Bắc tới chiến trường lớn miền Nam.

Cuối năm 1957, đầu năm 1958, nghĩa là trước khi có Nghị quyết 15, đồng chí Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng và cơ quan Bộ tổng Tham mưu đã bắt đầu lo việc tổ chức tuyến vận tải chi viện miền Nam. Khi tôi làm Phó Cục trưởng Cục Tác chiến, tôi thấy anh Văn Tiến Dũng gặp và bàn bạc về vấn đề trên với các anh Nguyễn Bá Phát, phụ trách Hải quân, anh Trần Văn Trà, Tư lệnh Khu 7 thời chống Pháp, anh Nguyễn Văn Vịnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Quốc phòng kiêm Phó Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất Trung ương và anh Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất Trung ương. Thời đó ta chưa có tuyến đường mòn Trường Sơn. Anh Dũng đề xuất ý kiến "Phải sắm tàu biển để vận chuyển bí mật cán bộ và vũ khí cho miền Nam". Anh Phạm Hùng giới thiệu có một người là Ngô Năm ở Ba Son, đảng viên cộng sản, là kỹ thuật viên về tàu biển, có trình độ vừa sửa chữa vừa thiết kế được tàu. Anh Dũng đã chỉ đạo việc mời anh Ngô Năm vào quân đội. Sau đó giao nhiệm vụ tổ chức đóng tàu cho anh Nguyễn Bá Phát. Sang năm 1959, chúng ta thương lượng với Trung Quốc và mở cơ sở đóng tàu thủy ở một địa điểm ven biển tỉnh Quảng Đông. Cùng thời điểm này, ta tổ chức đội tàu nhỏ pha sông biển mang tên "Đội thuyền đánh cá Sông Gianh" ở Quảng Bình. Như vậy, chiếc tàu đầu tiên do đồng chí Năm thiết kế và "Đội thuyền Sông Gianh" đã mở đầu cho sự ra đời của "Đoàn tàu Không số" hoạt động hết sức bí mật trên tuyến "Đường Hồ Chí Minh trên biển Đông". Những chuyến tàu "Không số" đầu tiên đã cập các bến: Vũng Rô, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận, Quảng Ngãi, Bến Tre, Rạch Giá, Bà Rịa, Cà Mau v.v., chở cán bộ và vũ khí, phương tiện, tiếp sức rất kịp thời và hiệu quả cho cách mạng miền Nam ngay sau ngày Đồng khởi.

Chỉ tính riêng 10 năm đầu (1961-1971), Đoàn 125 đã đưa được 155 chuyến tàu vào bến, vượt trên 3.758.000 hải lý, chở được trên 6.600 tấn vũ khí và hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ vào Nam; vượt mức 43% so với nhiệm vụ được giao. Đoàn 371 dùng tàu gỗ trà trộn vào các đoàn tàu đánh cá của ngư dân, vận chuyển hợp pháp được 31 chuyến, trên 44.300 tấn, trong đó có 520 tấn cho Quân khu 9. Trong bối cảnh lúc đó cứ đưa được 100 tấn vũ khí vào tới nơi có thể trang bị cho một sư đoàn sử dụng trong nhiều tháng. Như vậy, con số mấy chục ngàn tấn kể trên đã có một ý nghĩa sinh tử với các lực lượng vũ trang cách mạng miền Nam.

Đời hoạt động cách mạng của tôi có hai lần đi trên tàu Không số: một lần vào cuối năm 1963, từ bến Đồ Sơn, Hải Phòng vào Cà Mau; một lần vào tháng 11-1973 đi từ Khu 9 ra Hải Phòng bằng thuyền gỗ gắn máy vì lúc này tàu vỏ sắt của ta đã bị lộ, địch phát hiện là đánh rất dữ. Trên tàu thường có sẵn lượng nổ để huỷ tàu, phi tang, không cho tàu rơi vào tay quân địch. Những chuyến đi rất bí mật và vô cùng mạo hiểm. Bởi vậy, các đồng chí trong Đoàn tàu Không số là những chiến sĩ cảm tử, trung thành tuyệt đối với cách mạng, dũng cảm vô song và hy sinh to lớn mà thầm lặng. Chúng tôi là "khách", xong chuyến đi thì lên bờ, còn các đồng chí lại tiếp tục ra khơi, lao vào nơi nguy hiểm nhất. Đến hôm nay, tên tuổi các đồng chí: Bông Văn Dĩa, Đặng Văn Thanh, Tư Mau, Võ Nhân Huân và hàng trăm cán bộ, chiến sĩ đã đi vào lịch sử của Hải quân nhân dân Việt Nam như những người anh hùng. Ngày 23-10-2003, tôi xuống Tuần Châu, Quảng Ninh tham dự cuộc gặp mặt truyền thống của các Đoàn tàu Không số lần đầu tiên được tổ chức, tôi mới biết rõ: có nhiều đồng chí bị địch đánh, tàu tan đã dũng cảm bơi vào bờ, bắt liên lạc với tổ chức cách mạng tại vùng bờ biển mà quân địch đang kìm kẹp, và rồi lại tìm cách trở lại đơn vị cảm tử của mình, tiếp tục làm nhiệm vụ trên tàu Không số. Nhiều đồng chí đến bây giờ trở về địa phương, ốm đau, bệnh tật nhưng không hề được

hưởng chính sách xã hội vì năm xưa trước khi đi làm nhiệm vụ phải thay tên đổi họ theo yêu cầu của tổ chức để đảm bảo tuyệt đối bí mật.

Bởi vậy tôi cho rằng, khi ta chưa mở được đường vận tải cơ giới xuyên dãy Trường Sơn thì "Đoàn tàu Không số" và "Đường Hồ Chí Minh trên biển Đông" là "một nét sáng chói, một kỳ tích có một không hai" trong trang sử về tuyến vận chuyển Bắc - Nam. Đây là "công đầu" của bộ đội Hải quân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại.

Đầu năm 1959, thừa lệnh của Bộ Chính trị, anh Nguyễn Văn Vịnh trực tiếp giao nhiệm vụ cho đồng chí Thượng tá Võ Bẩm, nguyên Cục phó Cục Nông trường, tổ chức "Đoàn công tác đặc biệt" làm nhiệm vụ bí mật soi đường, hình thành tuyến vận chuyển đường bộ xuyên dãy Trường Sơn. Cùng lúc đó, ở Nam Bộ, Anh Nguyễn Văn Linh, Bí thư Trung ương Cục cũng giao nhiệm vụ xoi đường từ Nam ra Bắc cho đồng chí Tư Thước, còn ở đoạn giữa thì giao cho đồng chí Trần Quang Sang đảm nhiệm. Những năm sau đó, khi các "Đoàn tàu Không số" và tuyến vận chuyển "Đường Hồ Chí Minh trên biển Đông" bị lộ, quân địch đánh phá ác liệt, thì tuyến đường Trường Sơn đã phát triển và phát huy tác dụng. "Đoàn công tác đặc biệt" là tổ chức tiền thân của Bộ tư lệnh 559- Bộ đội Trường Sơn- Đường Hồ Chí Minh, đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

Cùng với việc tổ chức hai tuyến vận chuyển chiến lược nói trên, Trung ương đã chỉ đạo, tổ chức có hiệu quả nhiều tuyến, nhiều cách vận chuyển khác, vô cùng tài tình và sáng tạo.

Trước hết, đó là việc sử dụng chính guồng máy kinh tế dân sự như hệ thống ngân hàng, hệ thống thương mại, hệ thống giao thông... ngay giữa những thành phố lớn như Sài Gòn-Chợ Lớn, Đà Nẵng, Huế, Cần Thơ, Phnom Penh, Băng Cốc, có nhiều nhà tư sản và nhân sĩ có cảm tình với cách mạng, thậm chí là cơ sở của lực lượng

giải phóng, đã đứng ra lo toan hàng loạt những nhiệm vụ kinh tế tài chính trọng yếu thời đó. Trong số các hoạt động này, có bốn lĩnh vực cực kỳ quan trọng:

Một là, chuyển đổi tiền Sài Gòn hoặc tiền riel của Campuchia để cung cấp cho giải phóng.

Hai là, cung ứng những vật tư, hàng hoá thiết yếu cho các lực lượng giải phóng như máy móc, điện đài, các dụng cụ kỹ thuật, dụng cụ y tế, xăng dầu, lương thực... Những mặt hàng này đã được mua ngay tại các thành phố và vận chuyển theo những con đường bí mật tới những địa chỉ cần thiết.

Ba là, trực tiếp tổ chức những cơ sở kinh doanh công khai, hợp pháp, trà trộn trên tất cả các lĩnh vực kinh tế ở miền Nam. Hình thức hoạt động này không chỉ quan trọng về phương diện kinh tế là tạo nguồn thu tài chính, mà còn tạo điều kiện cho các hoạt động khác như vận chuyển vũ khí, hàng hoá cho vùng giải phóng, đưa người ra vào hoạt động trong các thành phố, che giấu và hợp pháp hoá các cơ sở cách mạng ở ngay trong vùng địch kiểm soát, tạo điều kiện vật chất cho một loạt những hoạt động như in ấn, chuyển giao, giao thông liên lạc...

Bốn là, giải quyết những nhu cầu kỹ thuật phức tạp, thí dụ như những căn cước giả cho cán bộ đi hoạt động, sửa chữa một số máy móc thiết bị tối quan trọng, đưa những cán bộ bị đau yếu bệnh nặng vào tận các bệnh viện giữa thành phố để điều trị... Trong sự trà trộn này, có công lao của những nhân sĩ, trí thức và những nhà tư sản yêu nước người Việt, người Hoa ở các thành phố miền Nam, ở Phnôm Pênh, Băngcôc, Hồng Kông v.v..

Về phương thức vận chuyển thì thật tài tình và phong phú:

Tuyến thứ nhất: Vận chuyển qua cảng Sihanouk Ville.

Bước sang thập kỷ 60 (thế kỷ XX), nhu cầu chi viện vật tư hàng hoá và vũ khí cho miền Nam sau Đồng khởi tăng lên. Nhưng tuyến đường Hồ Chí Minh trên biển

Đông và tuyến đường 559 Trường Sơn địch tập trung đánh phá, ngăn chặn ác liệt. Do đó chúng ta phải tìm thêm một con đường khác, đó là đường thủy quốc tế để chở hàng viện trợ từ Trung Quốc, và hướng được lựa chọn là Campuchia. Khoảng năm 1966-1967, Thái tử Sihanouk đã tạo mọi thuận lợi cho Việt Nam trong việc cho tàu Trung Quốc vận chuyển vũ khí cập cảng Sihanúc Ville. Ông Sihanuk đồng ý giúp đỡ bằng cách "làm ngo", còn người thực hiện là Thủ tướng Lon Non. Như vậy ta đã mở ra con đường thủy để chuyên chở vũ khí thẳng từ Trung Quốc tới cảng Sihanouk Ville, rồi từ đó đưa về những kho đặt dọc biên giới. Từ đây ta vận chuyển về các địa điểm khác nhau trong vùng căn cứ.

Cùng với nguồn hàng viện trợ từ nước bạn, ta còn tổ chức mua gạo, súng đạn, hàng nhu yếu từ Campuchia và Thái Lan, vận chuyển trên trục lộ 19 về mặt trận Tây Nguyên. Người phụ trách chính công tác này tại Phnôm Pênh là ông Nguyễn Gia Đăng, tức Tư Cam, Ủy viên Ban Cán sự Việt kiều Campuchia.

Từ năm 1966 đến 1969, chiến trường Nam Bộ đã nhận được: trên 20.400 tấn vũ khí, gần 1.300 tấn quân trang, 731 tấn hàng quân y, 65.810 tấn gạo, 5.000 tấn muối từ tuyến vận chuyển này³³. Nhưng đường vận chuyển này chỉ tồn tại đến năm 1970. Sau đó, ngày 18-3-1970, Mỹ đã giúp nhóm Lon Non và Sirich Matác tiến hành đảo chính lật đổ Sihanouk, nhằm xóa bỏ chế độ trung lập của Campuchia và cắt đứt đường vận chuyển này của ta.

Tuyến thứ hai: Quá cảnh bằng đường hàng không

Hình thức vận tải hàng không phổ biến và công khai là tuyến vận tải hàng không dân dụng của Vương quốc Campuchia (Air Cambodia). Đây là con đường đi từ Phnôm Pênh tới Quảng Châu (Trung Quốc), rồi từ Quảng Châu theo đường sắt hoặc đường hàng không về Hà Nội. Con đường này rất an toàn, vì đối với máy bay của Vương quốc Campuchia, cả chính quyền Sài Gòn và Mỹ đều chưa đụng chạm tới. Máy bay này được quyền bay ngang lãnh thổ miền Nam Việt Nam. Vì chính

Thái tử Sihanuk đã từng tuyên bố nếu Mỹ đụng chạm đến chủ quyền của đất nước ông, ông sẽ lập tức yêu cầu các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là Trung Quốc can thiệp để bảo vệ Campuchia.

Đã có hàng nghìn cán bộ cao cấp vào Nam ra Bắc bằng con đường này, tức là bay qua không phận của miền Nam Việt Nam, mà chưa xảy ra một vụ nào rắc rối. Con đường này cũng đã đảm nhiệm vận chuyển những tài liệu, khí tài quan trọng như máy móc, điện đài, tiền đô la để chi viện cho miền Nam. Những gia đình và con em cán bộ miền Nam trong đó có cả hàng ngàn học sinh trường Nguyễn Văn Trỗi ra Bắc, cũng đi theo tuyến đường hàng không này. Những thương binh, bệnh binh, những người ốm nặng... cũng đã được đưa theo con đường này để kịp thời ra Bắc chạy chữa, an dưỡng... Tổ chức tuyến đường này cũng là một kỳ công của những cán bộ hoạt động tại Campuchia và những Việt kiều ở bên đó. Trong đó phải kể đến bàn tay tổ chức tinh vi của đồng chí Tư Cam và một cán bộ người Hoa là Lục Tác Huyền, người phụ trách khâu lễ hành của Air France ở Phnôm Pênh. Để mở đường này, các đồng chí đó phải giải quyết rất nhiều việc hóc búa. Giấy tờ lên máy bay tất nhiên không thể mang tên thật, để tránh mọi rủi ro, tất cả đều là giấy tờ mang tên giả, nhưng dấu và chữ ký của cảnh sát thì thật. Rồi phải bố trí người vào các đường dây của hàng không.

Ngoài con đường chính thức kể trên, Không quân Việt Nam đã thành lập riêng một đoàn vận tải đặc biệt mang tên Đoàn 919. Từ năm 1961 Đoàn 919 đã đảm đương vận chuyển một phần của tuyến đường Trường Sơn vừa rút ngắn bớt thời gian vận chuyển, vừa giảm bớt vất vả gian nan cho vận tải thô sơ và vận tải bằng cơ giới trên đường bộ. Đoàn 919 xuất phát từ những sân bay quân sự ở miền Bắc vận chuyển hàng vào sân bay Tà Khổng ở Nam Lào. Có những trường hợp phải đưa hàng tới những nơi không có sân bay thì máy bay phải thả bằng dù xuống Mường Phìn. Từ đó tạo "chân hàng" cho Đoàn 559 vận chuyển bằng cơ giới trên đường bộ

để đi tiếp. Bằng phương pháp đó, đã đỡ được một đoạn đường dài hàng nghìn kilômét từ miền Bắc vào miền Nam. Tính từ năm 1961 cho đến tháng 4-1975 kết thúc chiến tranh, Đoàn 919 đã vận chuyển vào miền Nam và xuống Nam Lào được 60.000 lượt bộ đội, 31.000 tấn vũ khí đạn dược, khí tài, lương thực, thuốc men và các hàng hoá quân sự³⁴.

Tuyến thứ ba: Tổ chức mạng lưới chuyển và chế biến tiền

Để tất cả các tổ chức và các mặt trận kể trên có thể triển khai và hoạt động được cần có tiền. Tiền để lo ăn, lo mặc cho bộ đội, cho các cơ quan đoàn thể. Tiền để lo mua sắm hàng hoá, phục vụ mọi nhu cầu vật chất, tinh thần cho bộ máy kháng chiến - từ cục pin cho điện đài tới những viên thuốc của bệnh xá, giấy cho việc ăn lót; từ chiếc xe gắn máy của anh giao liên tới những máy in báo, in giấy tờ và in cả những giấy "căn cước" cho những chiến sĩ hoạt động trong nội đô... Tiền để xây dựng các cơ sở bí mật khắp thành thị và nông thôn miền Nam. Tiền còn để mua những con đường an toàn và bí mật, để vận chuyển vũ khí đến các chiến trường. Nhiều khi tiền còn dùng để thuê cả những mảnh đất an toàn cho anh em cán bộ làm nhà tạm lánh bên nước bạn để tránh những trận càn quét, những trận dội bom.

Như vậy luôn luôn cần có một "binh chủng" rất quan trọng: *Binh chủng tiền*. Đó là một mặt trận gay go nguy hiểm không kém gì mặt trận quân sự. Đó cũng là nơi thể hiện sự thông minh, sáng tạo và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Nhiều chiến sĩ hoạt động thầm lặng cả ở ngoài Bắc và trong Nam, cả trong và ngoài nước, hoàn toàn như "một đơn vị đặc nhiệm".

Trong *Biên niên sử Tài chính Đảng* có ghi: Khi Xứ uỷ Nam Bộ từ căn cứ Bạc Liêu, Rạch Giá về hoạt động bí mật trong Sài Gòn, Ban Tài chính Xứ uỷ mang theo một số vàng, bán lấy tiền chi dùng vào việc mua nhà cửa, sắm xe hơi, mở xưởng cưa Dân Sanh ở khu vực ngoại ô Sài Gòn để làm bình phong cho cơ quan Thường vụ

Xứ uỷ làm việc. Ban Tài chính Xứ uỷ lập ra một số cơ sở kinh doanh hợp pháp như: cơ sở vận tải đường sông và đường bộ gồm một đoàn xe tải 40 chiếc chở hàng, kết hợp chở tiền cho Khu 6, hai tàu buôn làm đại lý chở hàng cho hãng bia BGI, kết hợp chở tiền cho Khu 5, hai tàu vận tải tuyến Sài Gòn- Đà Nẵng- Huế, đóng ghe xuống bán cho dân; lập nhà máy xay sát lúa, mở tiệm vàng ở chợ Phú Nhuận v.v..

Ban Tài chính Xứ uỷ Nam Bộ do đồng chí Tư Lầu, tức Phạm Văn Lầu làm Trưởng ban. Khi giao nhiệm vụ riêng cho từng người, anh Tư Lầu chỉ định một số đảng viên xây dựng cơ sở công khai tại Sài Gòn và Phnôm Pênh làm tài chính cho Đảng; đồng thời phổ biến kế hoạch thay đổi họ tên mỗi khi bị lộ phải đổi địa bàn đứng chân... Bình phong lúc đầu là một cửa hàng mua bán tạp phẩm tại đường Huỳnh Quang Tiên (nay là Hồ Hảo Hớn, quận 1) để che dấu điểm liên lạc nội bộ. Bình phong thứ hai là trại cưa máy Dân Sanh mà chủ là Lâm Đông Sơn. Lúc đầu do anh Mười Phi đảm nhiệm, sau anh Mười Phi giao lại cho Nguyễn Thanh Quang để mình chuyển vùng sang hoạt động tại Phnôm Pênh. Tổ chức này nằm trong ngành Ngoại thương, nối liên lạc với Hà Nội.

Đặc điểm của nền kinh tế vùng do chính quyền Sài Gòn kiểm soát là thị trường tự do, hàng hoá dồi dào, ta tận dụng đặc điểm này hoàn toàn có khả năng giải quyết hậu cần tại chỗ. Chỉ còn một vấn đề là: Có tiền, nhất là ngoại tệ để có thể chuyển đổi thành nội tệ. Muốn tăng cường chi viện cho miền Nam bằng ngoại tệ mạnh thì phải có nguồn thu. Nhưng các nguồn thu ngoại hối tại miền Bắc lúc đó còn rất eo hẹp. Cục Ngoại hối phải gánh trách nhiệm lo toan ngoại tệ cho miền Nam bằng cách vận động bạn bè quốc tế để có viện trợ bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi, rồi lấy tiền đó đổi ra tiền Sài Gòn. Trong sáu năm (1960-1965), Trung ương đã chi viện cho miền Nam 1.104 triệu đồng tiền Sài Gòn, tương đương với 18,4 triệu đô la, năm 1968 là 30 triệu đô la, gấp trên 128 lần năm 1960³⁵.

Từ thập kỷ 1960, Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân ở miền Bắc. Từ đây, việc đưa viện trợ vật chất vào miền Nam, cả bằng đường Trường Sơn và đường biển đều khó khăn hơn trước. Bộ Chính trị đã giao cho đồng chí Phạm Hùng phụ trách vấn đề chi viện miền Nam. Đến năm 1965, anh Phạm Hùng đã đề xuất với Bộ Chính trị một quyết định có ý nghĩa lịch sử: Lập riêng tại miền Bắc một "Quỹ Ngoại tệ đặc biệt", lấy từ các nguồn viện trợ quốc tế để trực tiếp chi viện miền Nam.

"Quỹ Ngoại tệ đặc biệt" - B.29: Để đảm bảo tuyệt đối bí mật và an toàn, quỹ này chịu sự chỉ đạo của đơn tuyến. Nét độc đáo trong cách tổ chức này là: Lấy cái công khai làm bình phong cho cái bí mật, mọi hoạt động của cái bí mật đều lấy danh nghĩa của cái công khai.

Biên chế của B.29 trong thời gian 10 năm (1965-1975) là trên 10 người. Người trực tiếp điều hành hoạt động của B.29 là đồng chí Mai Hữu Ich, tức Bảy Ich, lúc đó là Phó Cục trưởng Cục Ngoại hối, đồng thời là Ủy viên Ban Viện trợ miền Nam. B.29 vừa vận dụng những nghiệp vụ ngoại hối cổ điển của ngân hàng, vừa kết hợp với những kỹ thuật quân sự, tình báo mà xuyên suốt những hoạt động đó là ý chí cách mạng, là niềm tin và lòng trung thành tuyệt đối với Tổ quốc.

Đồng chí Bảy Ich có quan hệ với đồng chí Trang Thế Bình, sau này làm Tổng Giám đốc Ngân hàng Trung Quốc BOC ở Hồng Kông. Ông Bình đã giúp chúng ta mở L/C tại BOC và nhiều ngân hàng khác ở Hồng Kông. Lúc đầu chủ yếu phục vụ phát triển ngoại thương, giúp ta chuyển đổi đôla lấy tiền Sài Gòn và nhiều biệt tệ khác, gọi tắt là "chế biến" hoặc chuyển khoản đặc biệt vào miền Nam để phục vụ cho chiến trường...

Để phối hợp thật chính xác mọi tác nghiệp đổi tiền, chuyển tiền, nhận tiền, tại Bắc Kinh có một cán bộ đặc nhiệm, đó là anh Lê Văn Châu, sau này là Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Anh Châu làm đầu mối liên hệ giữa "Anh Bảo" ở

Hồng Kông, BOC ở Quảng Châu và B.29 ở Hà Nội. Để đảm bảo bí mật và thông suốt, những thông tin được chuyển bằng mật mã qua hệ thống cơ yếu của ngành Ngoại giao và Quốc phòng.

Như vậy, ngay từ đầu những năm 1960, không ít cán bộ ngân hàng đã được giao trọng trách tham gia hoạt động trên một trận tuyến thầm lặng: Tạo các "kênh tài chính" rất bí mật, xuyên qua nhiều nước, nhiều vùng, với đầy rủi ro và nguy hiểm, để cung cấp kịp thời khối lượng không nhỏ các loại tiền mà chiến trường cần phục vụ.

Thấy rằng việc chuyển tiền từ miền Bắc vào miền Nam bằng đường Trường Sơn gặp rất nhiều rủi ro vì máy bay địch đánh phá rất ác liệt; từ 1965, Trung ương Cục có chủ trương phát triển các cơ sở trong nội thành. Những cán bộ chủ chốt của Ban Tài chính đặc biệt đã được đưa vào nội thành để bám trụ. Chính trong thế đó đã nảy sinh những ý tưởng mới. Hai cán bộ là Mười Phi và Nguyễn Thanh Quang đã nảy ra ý định "chơi theo luật chơi", nghĩa là sử dụng chính hệ thống ngân hàng của thế giới và của chế độ Sài Gòn để chuyển tiền cho cách mạng. Phương pháp này có nhiều ưu việt hơn hẳn: Thứ nhất, nó có thể giải quyết một vụ chuyển tiền lớn chỉ trong một ngày, thay vì nhiều tháng hành trình đầy rủi ro của phương pháp cũ. Thứ hai, an toàn hơn, kín đáo hơn. Thứ ba, không bị thiệt thòi do vấn đề tỷ giá, mà có trường hợp còn sinh lợi nhờ hưởng lãi suất phát sinh tại các ngân hàng (khoản lãi suất này trong 10 năm, tính ra tới gần 25 triệu đô la)...Từ đây, vấn đề tiền cho các lực lượng của cách mạng miền Nam đã được giải quyết một cách cơ bản và vững chắc.

“Thực túc binh cường” là nguyên tắc sống còn và bảo đảm cho thắng lợi. Ngành Hậu cần của B2 đã có truyền thống và thuật “lót ổ sẵn”, chứ không để “nước đến chân mới nhảy”. Lót ổ hàng trăm, hàng ngàn tấn lương thực, vũ khí đạn dược từ trước ở các lổm du kích; các địa bàn mà bộ đội sẽ đến đó hoạt động khi cần; lót ổ

thuốc nổ, súng đạn ở vùng ven đô thị, sát sân bay, bến cảng, kho tàng của địch, cả trong nội thành gồm các mục tiêu quan trọng để cho lực lượng đặc công và biệt động của ta sử dụng theo kế hoạch nhiệm vụ của trên quy định. Không có quân chúng cách mạng tận tình giúp đỡ, không có lực lượng có tổ chức khéo léo tinh vi với những cán bộ có năng lực và đầy trách nhiệm phụ trách thì không thể nào làm nổi những công việc như vậy.

Để chuẩn bị cho mùa khô 1974-1975, ngay từ trong mùa mưa, Hậu cần của Miền đã chuyển đến cho các quân khu, kể cả Sài Gòn, trên 3.000 tấn vũ khí đạn dược, đã cấp phát đủ cho các đơn vị các cơ sở đạn và lương thực cần thiết cho chiến đấu và dự trữ thường xuyên. Đồng thời tích trữ tại các khu vực sẽ diễn ra chiến đấu mùa khô, chủ yếu ở miền Đông Nam Bộ, gần 3 vạn tấn vật chất, trong đó có gần 8.000 tấn đạn dược và 1.500 tấn xăng dầu. Điều đáng nói ở đây là Hậu cần B2 đã cố gắng tạo ra tại chỗ tất cả những gì có thể tạo ra được, chỉ yêu cầu trên cung cấp những gì không thể tạo ra tại chỗ. Thực hiện đúng mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy Miền, ngành Hậu cần đã bảo đảm lương dự trữ thường xuyên từ bốn đến sáu tháng lương thực, thuốc và dụng cụ quân y; ba đến sáu tháng xăng dầu, và bắt buộc phải có một năm vũ khí đạn dược. Làm được như vậy ở một chiến trường trọng điểm, xa Trung ương và hậu phương miền Bắc, một chiến trường vô cùng ác liệt là một chiến công rất lớn. Đó là công sức, trí tuệ của các anh: Tư Võ, Mười Thiện, Mười Bị, Sáu Thịnh, Hai Nhường, Bảy Lúa... Ngành Quân y thì có bác sĩ Nguyễn Thiện Thành và biết bao cán bộ, chiến sĩ ngành Hậu cần của chiến trường B2.

Trong suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ, hàng chục vạn con người mang tinh thần "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" đã phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng và mưu trí sáng tạo, ngày đêm đối chọi với lối đánh phá khốc liệt, nham hiểm của quân thù để mở đường thắng lợi. Tuyến vận chuyển bằng cơ giới Tây và Đông Trường Sơn phát triển không ngừng đã đáp ứng ngày càng to lớn và hiệu quả

yêu cầu của các mặt trận. Đến thời điểm chúng ta tiến công mùa mưa 1974 và chuẩn bị kế hoạch tiến công mùa khô 1974-1975 thì tuyến đường ô tô và đường ống vận xăng dầu đã mở vào đến bắc Lộc Ninh. Mặt trận B2 khẩn trương thực hiện mở tuyến hành lang đường 20 để nối thông, phát huy ưu thế tuyệt đối của dãy Trường Sơn. Kết quả là, các tuyến đường đã kịp thời đưa các binh đoàn, các loại vũ khí tiến công hạng nặng cho trận đánh cuối cùng - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển các tuyến vận chuyển hậu cần chiến lược là một minh chứng sinh động và hào hùng về sự tài tình, sáng suốt của Đảng ta trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc Việt Nam ở thế kỷ XX.

-

LÊ DUẨN - MỘT NHÀ LÃNH ĐẠO LỖI LẠC, MỘT TƯ DUY SÁNG TẠO LỚN CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM³⁶

(Bài viết nhân ngày giỗ lần thứ 20 cố Tổng Bí thư Lê Duẩn, ngày 10-7-2006)

Tôi không bao giờ quên cái ngày mà lớp lớp cán bộ miền Nam chúng tôi phải "dứt áo ra đi", lòng bịn rịn bước xuống tàu thủy để tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ 1954. Chia tay người đi kẻ ở, ai nấy đều thấp thỏm, giờ hai ngón tay hẹn nhau rằng hai năm sẽ đoàn tụ khi "Tổng tuyển cử" được thực hiện như trong văn bản của Hiệp định.

Về sau này tôi được biết, lúc đó có một người đã đề nghị với Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng cho mình ở lại miền Nam. Và trên chiếc xuồng bí mật quay trở lại Cà Mau, người đó đã khóc, lòng quặn đau nỗi cảm thông với đồng bào đồng chí, vì người đó đã nhìn thấy trước rằng: bà con mình, đồng chí mình giờ hai ngón tay hẹn nhau đầy lạc quan như vậy mà có biết đâu rằng cũng chỉ hai năm tới đây sẽ bị Mỹ -

nguy khủng bố dã man. Và sự thật đã diễn ra đúng như tiên liệu của Anh. Người đó là đồng chí Lê Duẩn, lúc đó là Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ.

Có thể nói, một trong những nỗi đau lớn của cách mạng Việt Nam là ngay sau Hiệp định Giơnevơ 1954, đồng bào miền Nam thì tay không đấu tranh đòi thi hành hiệp định, còn đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm thì dùng bạo lực thực hiện một đại chiến dịch đàn áp dã man những người kháng chiến cũ, những người dân muốn "Tổng tuyển cử", thi hành đúng Hiệp định Giơnevơ, bản hiệp định mà những nội dung quan trọng nhất đã có sự thoả thuận của các nước lớn. *Quần chúng không còn con đường nào khác hơn là phải vùng lên sống chết với Mỹ - Diệm. Tình thế cách mạng cho các cuộc khởi nghĩa từng phần đã chín muồi*³⁷.

Khí thế sục sôi cách mạng của quần chúng đòi hỏi có ngay một quyết sách của Đảng, và việc anh quyết định ở lại miền Nam là để góp phần đáp ứng kịp thời đòi hỏi đó. Trong bối cảnh đó, đồng chí Lê Duẩn đã khẳng định bản chất của Mỹ-ngụy, anh đã cùng Xứ uỷ Nam Bộ nhanh chóng nắm bắt tình hình, soạn thảo "Đề cương cách mạng miền Nam"³⁸.

Tiếp đó, tháng 1-1959, Đảng ta ra Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 (Khoá II) mà anh là người được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị giao cho việc chỉ đạo soạn thảo. Bản Nghị quyết được hình thành trên cơ sở định hướng năm 1954 của Hồ Chủ tịch và của "Đề cương cách mạng miền Nam"³⁹.

Mùa Hè 1957, Hồ Chủ tịch gọi đồng chí Lê Duẩn ra Hà Nội. Khi được gặp anh Lê Duẩn ở Bộ Quốc phòng, tôi đã sốt ruột hỏi anh là tại sao ta không đẩy nhanh, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang lên, thì anh nói rằng: "Ở trông (trong ấy), quân Mỹ-ngụy bắn giết, tàn sát dân mình quá thể. Sau một vài trận đầu ta đánh thử nghiệm có hiệu quả, chừ khắp miền Nam đang rậm rịch chuẩn bị và nóng lòng chờ lệnh cho hoạt động vũ trang. Nhưng từ hôm ra miền Bắc tới nay mới chỉ một vài tháng, mà tôi đã thấy tình hình quốc tế, tình hình trong nước nó phức tạp quá, và càng thấy rõ một

điều rằng, dù mình rất muốn nhưng không thể nôn nóng được. Làm cách mạng phải biết chờ đợi. Vì đây là việc quá lớn, phải là Bộ Chính trị và Trung ương Đảng quyết định nhiệm vụ của hai miền, của cả nước, thì mới làm được và làm mới có hiệu quả".

Là người lãnh đạo đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị Trung ương Đảng ngày đêm suy nghĩ để vạch ra chủ trương và phương pháp, bước đi cho cách mạng miền Nam sao cho giành thắng lợi mà ít tổn thất nhất, lại phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế. Đây là vấn đề cực kỳ khó khăn và phức tạp. Bởi vì, lúc này đường lối "Cùng tồn tại hoà bình", giữ cách mạng trong thế thủ đang thắng thế trong phong trào cộng sản quốc tế.

Chính vì trong một bối cảnh như thế cho nên Hội nghị Trung ương lần thứ 15 phải họp thành hai đợt trong bảy tháng trời⁴⁰, đề án phải sửa chữa, bổ sung, soạn thảo gần 30 lần, chưa kể thời gian chuẩn bị đề án đã mất hai năm ở miền Bắc và hơn ba năm ở miền Nam. Khi văn bản Nghị quyết 15 ra đời, nó là sản phẩm trí tuệ của tập thể Ban Chấp hành Trung ương.

Mùa Hè năm ngoái, khi anh Phạm Văn Xô bệnh nặng, tôi tới thăm anh tại Bệnh viện Thống Nhất, được anh cho biết: Anh và anh Phan Văn Đáng được thay mặt Xứ uỷ Nam Bộ ra dự Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (mở rộng). Tháng 8-1957, hai anh ra tới Hà Nội, chờ đợi hết năm 1958, đến tháng 1-1959 mới được dự họp "thảo luận ở tổ". Sau hội nghị đợt 1 không thấy kết quả, các anh xin trở về Nam. Trước khi về, đồng chí Lê Duẩn bố trí cho hai anh lên chào Bác Hồ, anh Duẩn như: "Cứ nói hết tình hình miền Nam với Bác". Và, Hồ Chủ tịch đã căn dặn các anh: "Miền Nam ở xa, Xứ uỷ Nam Bộ phải chịu trách nhiệm với Trung ương. Cách mạng phải sáng tạo. Kiên quyết không để cho Mỹ-Diệm tiêu diệt cách mạng miền Nam!". Các anh đã trao đổi hai ngày với anh Lê Duẩn trước khi về Nam. Anh Lê Duẩn bảo: "Bác nói thế rồi. Vậy các anh về báo cáo với Xứ uỷ cứ thế mà làm!".

Không khí cách mạng của cả miền Nam đang hùng hực như cánh đồng cỏ khô, chỉ chờ một mồi lửa là bùng cháy...

Nghị quyết 15 của Trung ương ra đời phù hợp với tình hình quốc tế và trong nội bộ lãnh đạo của ta lúc bấy giờ, đáp ứng được nguyện vọng bức thiết của cán bộ, đảng viên và quảng đại quần chúng nhân dân ở miền Nam. Nghị quyết 15 thật sự là một nghị quyết về “chuyển chiến lược” - từ đấu tranh chính trị đơn thuần chuyển sang đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng tàn bạo của kẻ địch, vận dụng và phát huy phương pháp cách mạng của cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 trong hoàn cảnh mới; cách mạng miền Nam chuyển từ thế thụ động sang thế chủ động tiến công. Nghị quyết 15 đã cắm mốc lịch sử vô cùng quan trọng của cách mạng Việt Nam, nó phù hợp với tình hình thực tế nên đã tạo bước tiến nhảy vọt cho phong trào cách mạng miền Nam.

Lịch sử cách mạng Việt Nam đã khẳng định: Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã rất tinh tường, sáng suốt khi giao cho anh trọng trách: Trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam kháng chiến chống thực dân Pháp sau Cách mạng tháng 8-1945; Bí thư Thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và Tổng Bí thư của Đảng sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bằng tư duy sáng tạo và phẩm chất lớn lao, anh đã hoàn thành vẻ vang sứ mệnh cao cả đó, anh đã thật sự xứng đáng với sự uỷ thác to lớn đó. Tự giác tôi luyện mình trong cuộc đấu tranh cách mạng vĩ đại của dân tộc, đồng chí Lê Duẩn đã trở thành nhà lãnh đạo lỗi lạc của cách mạng Việt Nam.

Trước kia tôi ở cương vị thấp nên không có điều kiện tiếp xúc nhiều với anh Lê Duẩn. Đến tháng 11-1973, sau khi được cùng anh Võ Văn Kiệt và Khu uỷ Khu 9 lãnh đạo, chỉ huy lực lượng cách mạng của Quân khu đánh bại kế hoạch "Trần

ngập lãnh thổ" của địch, làm phá sản chiến lược bình định lần chiếm sau Hiệp định Paris của chính quyền Sài Gòn, tôi được anh Lê Duẩn gọi ra Bắc báo cáo tình hình chiến trường. Anh nói rằng: "Mỹ tăng cố vấn và tăng viện trợ để thực hiện quyết liệt ý đồ “Quốc gia dân tộc”; nhưng bọn ngụy quyền vẫn tham nhũng và mâu thuẫn nhau nên chưa thực hiện được. Cả bộ máy quân sự khá đồ sộ, từ quân chủ lực tới quân địa phương, bảo an dân vệ, đến phòng vệ dân sự ... đông, đồ sộ nhưng không mạnh". Anh nói một cách rành rẽ và kiên quyết: “Quyết không để cho quân ngụy nó lại hồn, không để cho nó trấn tĩnh lại, phải chớp thời cơ càng nhanh càng tốt. Nếu một khi nó đã hết hoang mang, ổn định tinh thần rồi thì mình sẽ khó vô cùng. Nếu kế hoạch cơ bản về “Việt Nam hoá” của nó mà làm được 70% thì ta sẽ khó khăn. Lúc đó nếu còn chiến tranh thì sẽ trở thành “nội chiến”; mà đã như thế thì nó sẽ diễn ra như thế nào, không ai lường trước được”. Nghiên cứu tình hình thì thấy rất rõ là từ giữa năm 1973 đến đầu 1974, địch đã bắt đầu thí điểm thực hiện kế hoạch ở một số vùng ven đô. Bởi vậy Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn và Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta đã chỉ rõ: Nhằm lúc Mỹ rút nhưng chưa rút xong và không thể quay lại, ngụy ở lại thì chưa ổn định, đây là thời cơ tốt nhất để ta tổng tiến công và nổi dậy đánh trận quyết chiến chiến lược cuối cùng. Thời cơ là vô cùng quan trọng. Thời cơ là sức mạnh. Đây là một tư duy sáng suốt.

Nói rõ thêm về điểm này, tôi được biết, trong thiên hồi ức của mình, anh Phan Hàm, nguyên Phó Cục trưởng Cục Tác chiến đã ghi lại những ý kiến của đồng chí Lê Duẩn ngày 21 và 22-7-1974 tại Đồ Sơn, khi anh Hàm được cùng với các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn là hai Phó Tổng tham mưu trưởng và anh Võ Quang Hồ, Phó Cục trưởng Cục Tác chiến lên báo cáo tình hình với đồng chí Lê Duẩn và nhận chỉ thị chuẩn bị kế hoạch quân sự cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam. Những lời anh Lê Duẩn nói ngoài văn bản đã được anh Phan Hàm ghi lại một cách trung thực vì anh cho rằng "Nó có sức nặng

hơn cả mấy binh đoàn" vì đó là tư duy sáng giá của một bộ óc lỗi lạc tại thời điểm quyết định của cách mạng. Sau khi phân tích sâu sắc tình hình mọi mặt: Mỹ, các nước lớn, tình hình ta, chiến trường..., đồng chí Lê Duẩn nói: "Hiện nay các nước muốn làm chủ Đông Nam Á chưa ai sẵn sàng cả. Mỹ thì đang rút ra, chưa phải là lúc vào lại. Cho nên, mặc dù bọn Mỹ ở bên này có kêu gào đến mấy chẳng nữa, thì viện trợ cũng chỉ có chiều hướng giảm, không tăng; nguy thì đang xuống dốc, còn ta thì đang ở thế thắng và đang tiến lên nhanh. Vì vậy tôi nghĩ rằng, nay thời cơ thuận lợi nhất để kết thúc cuộc chiến tranh, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Nếu để chậm năm bảy năm nữa, họ mạnh lên thì sẽ phức tạp vô cùng cho ta. Từ tình hình trong nước và tình hình thế giới mà rút ra kết luận đó. Nhưng còn một vấn đề nữa là thắng như thế nào cho tốt? Để chậm thì không tốt đã đành; còn làm mà làm không tốt, trầy trật, cũng sẽ thêm phức tạp. Làm tốt là làm nhẹ nhàng, làm nhanh, làm gọn, làm triệt để, làm trong một vài tháng, thì có lợi hơn là làm dây dưa, kéo dài ngày. Có như thế mới đạt được bất ngờ để không ai kịp trở tay; chứ nếu kéo dài ra thì các nước lớn sẽ tìm cách này, cách nọ để tăng thêm lực lượng, tiền của, để họ đối phó được với ta. Có làm được như thế không? Tôi nghĩ rằng cần thiết và nhất định sẽ làm được..."⁴¹

Tôi cho rằng, ở vào thời khắc đó, chỉ có một con người "hơn hẳn người khác một cái đầu" thì mới có được những tư duy lỗi lạc như vậy!

Khi Cục Tác chiến và Bộ tổng Tham mưu dự kiến kế hoạch tiến công giải phóng trong bốn năm, đồng chí Lê Duẩn đã nói: "Ta quyết tâm trong hai năm 1975-1976, động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ở cả hai miền Nam-Bắc, đưa cuộc cách mạng của ta lên bước phát triển mới, cao nhất, bằng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã nguy quân, đánh đổ nguy quyền các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân...". Thế rồi, đồng chí Bí thư thứ nhất đã chỉ rõ: "Do tính chất của cuộc chiến tranh, đô thị là

nơi quyết định. Nó thua ở đâu, chứ nếu không dứt điểm được Sài Gòn thì chiến tranh sẽ còn tiếp tục. Cho nên nhất định Sài Gòn phải chuyển mạnh, nếu không thì mất thời cơ. Phải chủ động gây phong trào, chứ không phải ngồi chờ phong trào nổi lên. Khi ta đánh mạnh thì phong trào đô thị sẽ khác ngay. Phải có người dám làm, vào hẳn trong thành phố. Không xông vào thì xa rời quần chúng, xa phong trào. Phải xông vào mà nắm lấy chỗ yếu nhất của địch, để kịp thời và có biện pháp cụ thể lợi dụng, khoét sâu thêm.

Đánh vào Sài Gòn như thế nào? Tất nhiên là phải chuẩn bị cho kỹ về quân sự. Các anh phải làm cho thật tốt. Tôi chỉ nói đến một khía cạnh thôi. Đây là một thành phố có gần 4 triệu dân, có 10 vạn cảnh sát, ghê gớm lắm. Nhưng không phải chỉ đem lực lượng quân sự giữa hai bên ra mà so sánh, mà phải thấy lực lượng của quần chúng. Lực lượng này thì tiềm tàng, bây giờ ta phải ra sức phát triển, nhưng sức mạnh của nó thì không ai có thể lường hết được. Nó còn mạnh gấp năm gấp mười lần sức mạnh quân sự. Đến một lúc nào đó, tình thế xoay chuyển, thì chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng này có thể làm tê liệt tất cả: nhà máy sẽ không còn là pháo đài hay lô cốt của địch, mà sẽ trở thành những ổ đề kháng, nơi tập trung lực lượng của giai cấp công nhân; đường phố sẽ không còn là phòng tuyến của địch, mà trở thành những chiến lũy gang thép, thiên la địa võng của ta để bao vây quân địch, tiêu diệt quân thù. Mà chẳng phải chỉ có Sài Gòn mới làm được như thế đâu. Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Cần Thơ...nơi nào cũng làm được như thế cả..."

Thế rồi sự thật lịch sử cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, Đại thắng mùa Xuân 1975 đã diễn ra đúng như những ý kiến tiên liệu của anh.

Ngay như việc chọn mục tiêu đột phá mở màn chiến dịch, lúc đầu, sau khi đã phân tích tình hình mọi mặt, Cục Tác chiến và Bộ tổng Tham mưu đã chọn Đức Lập; cán bộ của Mặt trận Tây Nguyên cũng nhất trí như vậy vì nó "vừa sức của ta". Nhưng ý tưởng của anh Lê Duẩn là phải chọn một mục tiêu sao cho khi ta đánh sẽ

làm rung chuyển cả chiến trường. Và anh đã chỉ đạo đánh Buôn Mê Thuột. Đòn đánh Buôn Mê Thuột đã thôi động vô cùng. Thay vì quân nguy thực hiện lệnh của Nguyễn Văn Thiệu rút bỏ Tây Nguyên về phòng thủ miền duyên hải đã biến thành một cuộc tháo chạy trong hoảng loạn và vỡ trận. Thời cơ lớn đã thật sự oà đến. Quân và dân ta trên thế thượng phong, hoàn thành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng hoàn toàn miền Nam trong 55 ngày, đúng như ý tưởng chỉ đạo của anh và Bộ Chính trị.

Trong bài viết "Kỷ niệm khó quên về anh Ba Duẩn trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975", anh Lê Hữu Đức, Cục trưởng Cục Tác chiến cho biết: "...11 giờ đêm (29-4). Anh Văn (Võ Nguyên Giáp) nhắc tôi đọc bức điện của anh Lê Trọng Tấn cho anh Ba nghe. Sau khi anh Ba nghe xong bức điện, anh Văn nói với anh Ba: "Theo điện báo cáo của anh Tấn, đề nghị anh Ba cho đánh ". Anh Ba nói ngay: "Đánh! Đánh! Cứ đánh ngay anh ạ! Bây giờ không chờ nhau nữa. Lúc này, cánh quân nào thuận lợi thì cứ phát triển, càng thuận lợi cho toàn chiến dịch". Anh Văn hỏi thêm anh Ba: "Điện trả lời ký tên anh chứ?". Anh Ba nói: "Không, anh là chỉ huy quân đội, cứ ký tên anh thôi". Sau một thoáng, anh Ba nói thêm: "Nếu cần thì để cả tên tôi cũng được, hoặc nói rõ là đã trao đổi với anh Ba và anh Ba hoàn toàn nhất trí"...". Và tôi được biết, bức điện ngày 7-4-1975 đã đi vào lịch sử "Thần tốc, thần tốc hơn nữa! Táo bạo, táo bạo hơn nữa!.." cũng ra đời trong một bối cảnh tương tự. Đồng chí Bộ trưởng Quốc phòng đã thực hiện theo sự chỉ đạo trực tiếp của người đứng đầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thể hiện ý chí của Đảng và Nhà nước ta ở thời khắc lịch sử có một không hai đó.

Trong suốt cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta và Hồ Chủ tịch, anh là một trong những nhà lãnh đạo xuất sắc chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua sóng gió thác ghềnh cập bến vinh quang. Trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, anh Lê Duẩn đã có công rất lớn. Phẩm chất và di

sản của anh để lại, chúng ta còn phải nghiên cứu học hỏi để dần dần hiểu được hết anh.

Chúng ta hãy hình dung lại, sau ngày miền Nam giải phóng, nền kinh tế của ta nghèo nàn và lạc hậu như thế nào. Sau giải phóng 1975, tỷ lệ thương tật, chưa kể số nhiễm chất độc hoá học là trên 10%, đây là tỷ lệ cao nhất thế giới. Khói súng chiến tranh chưa tan hết, hậu quả nặng nề của hơn 30 năm chiến tranh chưa khắc phục được bao nhiêu. Chúng ta bị Mỹ và các nước thân Mỹ bao vây cấm vận, trong khi đó Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đang mắc sai lầm nghiêm trọng để rồi dẫn tới sụp đổ. Theo đó, khối SEV, nguồn viện trợ duy nhất của ta cạn dần rồi mất hẳn. Nước ta lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội, lạm phát tới 774%. Trong khi Liên Xô rơi vào khủng hoảng toàn diện, lạm phát còn nặng hơn ta nhiều. Trong hoàn cảnh nghiệt ngã như thế, tôi cho rằng, Đảng ta mà đứng đầu là Tổng Bí thư Lê Duẩn đã chèo chống như vậy, giữ cho không bị sụp đổ, tuy có gian nan vất vả nhưng vẫn trụ vững, dần ổn định và tìm cách đi lên là một kỳ tích đáng tự hào.

Tại Đại hội lần thứ V của Đảng (tháng 3-1982), trong Báo cáo chính trị do anh trình bày, đã nghiêm khắc phê bình hai loại nhận thức: Một là, "chủ quan nóng vội", đề ra một số chỉ tiêu quá lớn về quy mô và quá cao về tốc độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất,... đưa quy mô hợp tác xã nông nghiệp lên quá lớn ở một số địa phương. Hai là, "bảo thủ, trì trệ", "duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp, chậm thay đổi các chính sách, chế độ nên đã kìm hãm sản xuất". Đại hội quyết định "Đổi mới chế độ quản lý và kế hoạch hoá hiện hành. Xoá bỏ cơ chế quản lý hành chính, quan liêu, bao cấp; khắc phục bằng được tình trạng trì trệ, bảo thủ... Vừa nắm vững giá trị sử dụng, vừa rất coi trọng giá trị và quy luật giá trị". Như vậy, ngay từ Đại hội V, Ban Chấp hành Trung ương và đồng chí Tổng Bí thư Đảng ta đã nghiêm khắc chỉ ra mặt tiêu cực của cơ chế quan liêu bao cấp và

từng bước xoá bỏ cơ chế này. Hay nói một cách khác là "tư duy về đổi mới kinh tế, đổi mới đất nước" đã xuất hiện từ trước thềm Đại hội V.

Trao đổi với mọi người, anh Lê Duẩn vẫn thường nói một mệnh đề mà anh hằng tâm đắc: "Chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo; nên nhiều khi đường lối cách mạng phải trải qua rất nhiều thử nghiệm và sáng tạo mới đạt tới chân lý". Lịch sử về đổi mới nông nghiệp đã minh chứng: Bắt đầu từ tư duy "Khoán hộ" của anh Kim Ngọc, 15 năm sau thì xuất hiện "Khoán chui", "Khoán sản" của Hải Phòng đã làm cơ sở cho Chỉ thị 100 của Ban Bí thư tháng 1-1981 và Nghị quyết "Khoán 10" (tháng 4-1988) của Bộ Chính trị khoá VI. Lúc này, sức sản xuất thực sự được giải phóng, sản xuất bung ra, lương thực bung ra. Nếu như trước đó, khi anh Lê Duẩn đề ra chỉ tiêu 21 triệu tấn, nhiều người hoài nghi, thì đến đây chúng ta không những đã giải quyết được cơ bản về lương thực, bảo đảm an ninh lương thực, mà còn có gạo xuất khẩu - một sự kiện "như mơ giữa ban ngày".

Tôi còn nhớ, giai đoạn nhiệm kỳ Đại hội IV và V, khi anh Lê Duẩn và Bộ Chính trị chủ trương tập trung đầu tư cho một số công trình trọng điểm như: Thủy điện Hoà Bình, nhiệt điện Phả Lại, rồi xi măng Hoàng Thạch, thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long, v.v., thì có khá nhiều ý kiến chỉ trích: Đời sống nhân dân đang khó khăn thiếu thốn, hàng tiêu dùng đang khan hiếm nghiêm trọng, sao không đầu tư làm xà phòng, thuốc đánh răng cho dân dùng, vải cho dân mặc, mà lại dồn hết tiền của vào điện và xi măng?... Còn về dầu khí? Lúc đó, bị lôi kéo vào chiến dịch cấm vận, các công ty kinh doanh dầu khí của một số nước đang hợp tác với ta liền chịu bồi thường để huỷ bỏ hợp đồng và rút lui. Sau khi cân nhắc, cuối cùng Đảng và Nhà nước ta quyết định mời Liên Xô vào hợp tác liên doanh, mặc dù khả năng và kinh nghiệm thăm dò và khai thác dầu khí ngoài khơi của Liên Xô không bằng các nước khác. Để thực hiện việc này, anh Lê Duẩn đã dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta thăm chính thức Liên Xô. Kết quả là tại điện Kremli, dưới sự chứng

kiến của hai đồng chí Tổng Bí thư, Hiệp định về việc Liên Xô giúp Việt Nam thăm dò và khai thác dầu khí ở thềm lục địa Nam Việt Nam và thành lập Xí nghiệp Liên doanh Việt-Xô được ký kết. Hai đồng chí Nguyễn Lam và Baibacôp là Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch của hai chính phủ đã ký hiệp định. Và, Việt-Xô Pêtrô trở thành mốc son lịch sử ra đời của ngành Dầu khí Việt Nam. Như vậy, sự thật đã trả lời là anh đúng! Công cuộc đổi mới đất nước, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá hôm nay đã và đang thành công là nhờ có cơ sở nền tảng của những công trình mà thế hệ lãnh đạo của anh đã lo trước một bước.

Bởi vậy, tôi cho rằng, chúng ta thường nói Đại hội Đảng VI là mốc son của công cuộc đổi mới đất nước. Điều đó đúng. Nhưng không có nghĩa là đến Đại hội VI thì mới có đổi mới, mà ý tưởng này đã manh nha từ Đại hội IV, tới Đại hội V nó rõ dần ra, và tới trước thềm Đại hội VI thì tình thế, điều kiện về mọi mặt (nhận thức tư tưởng, kinh tế - xã hội...) đã chín muồi cho việc Đảng và Nhà nước ta quyết định công bố đường lối đổi mới toàn diện nền kinh tế đất nước.

Lần đầu tiên tôi được tiếp xúc với anh Lê Duẩn là tại Hội nghị Xứ uỷ Nam Bộ mở rộng đầu năm 1947 ở Đồng Tháp Mười. Anh chủ trì hội nghị, một hội nghị vô cùng quan trọng vì không những nó củng cố, khẳng định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, mà nó còn định hướng cho tổ chức đảng các cấp trong toàn Xứ uỷ để lãnh đạo kháng chiến chống Pháp trước tình hình cấp bách đang diễn ra. Từ hội nghị này, anh em Nam Bộ đặt cho anh cái biệt hiệu là "Ông 200 bougies"- ý nói tư duy mẫn tuệ sáng như ngọn đèn hai trăm bugi. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ, tôi có nhiều lần từ chiến trường được ra Bắc báo cáo tình hình với anh. Sau giải phóng 1975, tôi có điều kiện gặp anh nhiều hơn. Không phải ở anh cái gì tôi cũng tán thành 100%, nhưng có hai điểm thì tôi luôn luôn nhất trí:

Một là, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ngày đêm anh đau đầu suy nghĩ việc đó. Năm xưa anh hào hứng mang bản "*Đề cương cách mạng*

miền Nam" ra Bắc. Đó là một cơ sở để Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đề ra Nghị quyết 15, tạo nên bước tiến nhảy vọt cho cách mạng miền Nam. Năm 1972 diễn ra nhiều sự kiện gây khó khăn lớn đối với cách mạng Việt Nam. Một lần nữa, anh Lê Duẩn đã cùng Bộ Chính trị - bộ chỉ huy tối cao của cách mạng Việt Nam, tỉnh táo, sáng suốt tìm ra sách lược mới. Và quyết định giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, tiến tới giải phóng trước tháng 5-1975 khi thời cơ đã tới. Đây là một quyết định sáng suốt. Tôi cho rằng, quyết định này xuất phát từ trí tuệ chứ không chỉ từ tấm lòng.

Hai là, anh luôn luôn là một con người đôn hậu. Sự đôn hậu không chỉ thể hiện khi anh đưa ra những chủ trương, chính sách để cải thiện, mang lại cuộc sống cho người dân ngày càng tốt hơn, mà còn cả trong tiếp xúc, ứng xử đối với anh em, đồng chí, với bạn bè quốc tế.

Hôm nay, nhân kỷ niệm 20 năm ngày anh từ biệt chúng ta đi về cõi vĩnh hằng, chúng ta nhớ về anh, một nhà lãnh đạo lỗi lạc, một tư duy sáng tạo không ngừng của cách mạng Việt Nam, một người anh đôn hậu, đáng kính trọng và vô cùng biết ơn!

-

ANH LÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CUNG CẤP CỦA HAI TRẬN ĐÁNH QUYẾT ĐỊNH CUỐI CÙNG

(Bài đăng trên báo Nhân dân, ngày 1-3-2006)

Lịch sử cách mạng Việt Nam và lịch sử tổ chức Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa có một người làm Thủ tướng Chính phủ nhiều năm nhất, hơn nữa đó lại là những năm tháng hào hùng của cuộc chiến tranh giải phóng vĩ đại - Đó là đồng chí Phạm Văn Đồng.

Hôm nay, kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Anh, biết bao nhiêu điều muốn nói về Anh - Người chiến sĩ cộng sản ưu tú của Đảng ta, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, người con trung hiếu của dân tộc Việt Nam. Vì khuôn khổ nhỏ hẹp của một bài báo, mỗi chúng ta chỉ xin ôn lại, nhắc tới một đôi điều tâm đắc về Anh.

Tôi vốn là một người lính trận mạc, một cán bộ quân đội trực tiếp chỉ huy chiến đấu trên chiến trường, tôi không bao giờ quên một nét son đã ghi vào lịch sử: Ở hai chiến dịch cuối cùng, hai trận đánh quyết định, hai trận đọ sức ở đỉnh cao nhất để kết thúc hai cuộc chiến tranh, Đảng và Nhà nước ta đều giao cho Anh trọng trách "Chủ tịch Hội đồng Cung cấp" và Anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình. Đó là chiến dịch Điện Biên Phủ lẫy lừng, kết thúc chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và chiến dịch Hồ Chí Minh với Đại thắng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc vẻ vang 21 năm trường kỳ kháng chiến "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Đối với những người lính trận mạc chúng tôi, trước khi bước vào một trận đánh thường có hai nỗi lo lớn nhất: Một là lo điều nghiên nắm địch. "Biết địch, biết ta, trăm trận trăm thắng"- quy luật này đã trở thành nguyên lý. Nỗi lo đầu tiên này, người chỉ huy và bộ đội phải nỗ lực tự thân để giải quyết trước giờ nổ súng. Cái lo thứ hai là công tác đảm bảo hậu cần. Ở trận quyết chiến cuối cùng thì cái lo này đã vượt ra ngoài khả năng và trách nhiệm của người trực tiếp cầm súng. Nhưng, chính ở trận đánh quyết định này, khi mà tất cả các binh đoàn, các cánh quân cùng lực lượng vũ trang địa phương và lực lượng quần chúng tại chỗ tạo thành thế trận áp đảo quân thù với tinh thần "Lấy mạnh đánh mạnh và thắng mạnh". Chính lúc này, những người lính trận chúng tôi hoàn toàn tin tưởng, yên tâm, thật sự thấy âm lòng khi ở phía sau mình, ngay sát bước tiến công của mình luôn có mặt những đoàn

dân công hỏa tuyến, thanh niên xung phong, các đảng bộ, chính quyền, các tầng lớp nhân dân trên *các tuyến hậu cần* được tổ chức vô cùng chặt chẽ và hiệu quả, mà người thiết kế, người tổng chỉ huy chính là Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Tại chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử, khi Bộ Chính trị quyết định thay đổi phương châm từ "Đánh nhanh, thắng nhanh" chuyển sang "Đánh chắc, tiến chắc" thì công tác đảm bảo hậu cần nổi lên như một sự sống còn. Mặt trận xa hậu phương đến năm, sáu trăm kilômét, lại vận chuyển bằng gùi đi bộ và phương tiện thô sơ, đường vận tải gian nan trắc trở luôn bị địch đánh phá ác liệt. Vậy mà trước giờ nổ súng, tại mặt trận đã có được 1.774,5 tấn gạo (vượt mức 5 ngày và 174,5 tấn), 32 tấn đường (vượt mức 12,4 tấn), 81 tấn muối (vượt mức 1 tấn) v.v..

Tại chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, để đảm bảo chuyển 2 vạn tấn hàng từ miền Bắc, Tây Nguyên và Khu 5 vào cung cấp cho các cánh quân của chiến dịch và chiến lược, Hội đồng cung cấp đã huy động 1 vạn xe vận tải, mở thêm 2 tuyến vận tải mới vào Lộc Ninh và Long Khánh, mở thêm 6 tuyến vận tải chiến dịch xuống Mặt trận B2, kéo dài tuyến đường ống dẫn dầu từ Bù Đốp vào Lộc Ninh...

Những số liệu trên đã nói lên nỗ lực rất cao của công tác bảo đảm hậu cần chiến dịch. Nhưng điều đáng nói hơn, vừa có giá trị thực tiễn, vừa đúc kết thành lý luận quý giá, đã trở thành giá trị lịch sử chói ngời - ấy là nghệ thuật tổ chức lực lượng, tổ chức tuyến hậu cần, khai thác, vận chuyển và cung ứng để hàng vạn con người, hàng nghìn phương tiện từ các liên khu, quân khu, tỉnh, bộ, ban, ngành tới các thôn, xã, ấp - hoạt động tăng tốc, hối hả nhưng khoa học, nhịp nhàng, uyển chuyển như một guồng máy thống nhất, tạo nên một sức mạnh vô song, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phục vụ chiến đấu vô cùng khẩn trương, cấp bách và quyết liệt. Tại hai thời điểm lịch sử này, anh Phạm Văn Đồng là vị tổng chỉ huy tài ba và xuất chúng.

Một điều tâm đắc nữa tôi muốn nói ở đây là, với cương vị và trách nhiệm của một Thủ tướng Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng thừa quyền lực để làm việc này;

nhưng thực tiễn đã đặt ra cần phải có một tổ chức cấp nhà nước - "Hội đồng Cung cấp" và do đó cần một chức danh "Chủ tịch Hội đồng Cung cấp". Điều đó nói lên, không chỉ Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Bác Hồ, mà chính bản thân đồng chí Phạm Văn Đồng đã nhận rõ và đề cao công tác đảm bảo ở trận quyết chiến chiến lược cuối cùng này như thế nào. Đến bây giờ nó đã trở thành bài học sáng ngời, là sức mạnh thuyết phục minh chứng cho nguyên lý cách mạng và khoa học của thể chế chúng ta: *"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Chính phủ điều hành và triển khai tổ chức thực hiện"* - Một nguyên lý đã đưa sự nghiệp cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác. Sau khi có đường lối đúng đắn và sáng suốt của Đảng, Nghị quyết đó được thể chế hoá bằng các đạo luật, pháp lệnh của Quốc hội; được Chủ tịch nước ban hành với tư cách là "Thống lĩnh các lực lượng vũ trang nhân dân". Nhưng tất cả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chỉ trở thành hành động cách mạng của quần chúng, chuyển biến và phát triển tích cực của xã hội một khi có vai trò tổ chức thực hiện của Chính phủ. Đồng thời lúc đó, Mặt trận Tổ quốc đồng lòng, đoàn kết và huy động mọi tầng lớp nhân dân, mọi thành phần xã hội cả trong và ngoài nước, trở thành sức mạnh dõng mãnh lập biển. Song, công tác và hành động tổ chức của Chính phủ bao giờ cũng là nòng cốt nhất, cơ bản và quyết định nhất.

Ở hai trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, để kết thúc hai cuộc kháng chiến vĩ đại vừa qua, với cương vị Chủ tịch Hội đồng Cung cấp, đồng chí Phạm Văn Đồng đã hoàn thành xuất sắc vai trò, nhiệm vụ bằng tinh thần trách nhiệm rất cao, năng lực và phẩm chất tuyệt vời. Đồng chí đã huy động và tổ chức sức người, sức của của quân, dân, chính, đảng cả nước, tạo nên một sức mạnh to lớn bảo đảm cho chiến đấu thắng lợi vẻ vang, đúng như đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nói: "Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng bào và chiến sĩ cả nước đã tập trung sức lực để giải phóng miền Bắc. Đến cuộc kháng chiến chống đế quốc

Mỹ xâm lược, cả nước lại nhất tề dồn sức giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc". Trận tuyến bảo đảm hậu cần do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách đã trở thành một trong những bức tranh sinh động minh chứng sáng ngời cho câu nói đó.

Những chiến sĩ cảm súng chiến đấu trực tiếp tại chiến trường mãi mãi biết ơn hàng chục vạn dân công hoả tuyến, thanh niên xung phong, hàng triệu người dân cả nước đã không tiếc mồ hôi, xương máu, của cải, hướng ra tiền tuyến với nỗ lực cao nhất bảo đảm hậu cần, tiếp sức kịp thời và vô cùng hiệu quả cho bộ đội chiến đấu và chiến thắng. Mãi mãi biết ơn vị Tổng chỉ huy của trận tuyến hậu cần vĩ đại - Đồng chí Phạm Văn Đồng!

LÊ ĐỨC THỌ - NHÀ LÃNH ĐẠO CÁCH MẠNG KIÊN ĐỊNH MỤC TIÊU GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC

(Hà Nội, ngày 28-3-2002)

Đồng chí Lê Đức Thọ là một nhà cách mạng tài năng, đức độ, được Bác Hồ và Đảng tin cậy, giao nhiều nhiệm vụ quan trọng. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Lê Đức Thọ rất phong phú trên nhiều lĩnh vực; mặc dù chưa biết hết, nhưng tôi thấy rõ công lao to lớn của đồng chí trước hết là ở lĩnh vực xây dựng Đảng.

Trách nhiệm của đồng chí Lê Đức Thọ là phát hiện, bồi dưỡng, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng, chỉ đạo việc xây dựng Điều lệ Đảng và các văn kiện về xây dựng Đảng từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Cho đến nay, qua các kỳ đại hội, Điều lệ Đảng đã có những sửa đổi, bổ sung, nhưng những quan điểm cơ bản về xây dựng đảng cầm

quyền theo chủ nghĩa Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh do đồng chí Lê Đức Thọ chỉ đạo xây dựng lúc sinh thời vẫn được giữ vững.

Đảng mạnh và không nghiêng ngả là do thực hiện đúng Cương lĩnh và Điều lệ Đảng, chính vì vậy mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đã tổng kết: *xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng đảng là then chốt*.

Đồng chí Lê Đức Thọ luôn gắn công tác xây dựng Đảng với việc thực hiện mục tiêu chiến lược của cách mạng trong từng thời kỳ lịch sử. Tháng 9-1948 đồng chí được Bác Hồ và Thường vụ Trung ương cử vào Nam Bộ phổ biến đường lối kháng chiến cho Xứ ủy Nam Bộ, khi đó đồng chí Lê Duẩn là Bí thư Xứ ủy. Khoảng tháng 5-1949 đồng chí vào đến Đồng Tháp Mười. Trước khi phổ biến đường lối kháng chiến của Trung ương, đồng chí Lê Đức Thọ đã nghiên cứu kỹ tình hình ở một số địa phương để nắm vững những mặt mạnh, mặt yếu của phong trào. Khi đó tôi được dự Hội nghị do Xứ ủy tổ chức, đã chứng kiến sự thẳng thắn của đồng chí Lê Đức Thọ. Bên cạnh việc biểu dương những việc làm tốt của Xứ ủy Nam Bộ, đồng chí còn thẳng thắn phê bình những mặt còn thiếu sót hoặc chưa làm được của Xứ ủy, trong đó có vấn đề còn xem nhẹ phong trào dân quân, xem nhẹ hoặc chưa chú ý đúng mức đến phong trào đô thị... Đồng chí Lê Duẩn cùng một số đồng chí lãnh đạo khác của Xứ ủy đã thừa nhận, tiếp thu ý kiến phê bình chân thành của đồng chí Lê Đức Thọ và quyết tâm sửa chữa những thiếu sót, khuyết điểm. Sau hội nghị này, đồng chí Bí thư Xứ ủy Lê Duẩn kiêm luôn chức vụ Trưởng phòng Dân quân Nam Bộ; đồng chí Nguyễn Văn Linh (Mười Cúc) phụ trách thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, chỉ đạo xây dựng cơ sở, tăng cường đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, diệt ác ôn ngay trong nội thành...

Lúc đầu khi mới vào Nam Bộ, đồng chí Lê Đức Thọ là cấp trên (Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng), nhưng sau khi được đồng chí Lê Duẩn đề nghị và được Bác Hồ cùng Thường vụ Trung ương đồng ý, đồng chí Lê Đức Thọ ở lại Nam Bộ công

tác. Đồng chí đã nhanh chóng hoà mình, gắn kết với các đồng chí lãnh đạo Xứ ủy để lãnh đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Đảng Bộ Nam Bộ bị tổn thất khá nặng nề, nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp bị địch giết hoặc bắt bỏ tù đầy. Một tháng sau Cách mạng tháng Tám 1945, thực dân Pháp đã gây hấn ở Nam Bộ và nhân dân Nam Bộ lại phải "đi trước", phải ngay lập tức lao vào cuộc kháng chiến chống Pháp trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn gian khổ. Cán bộ thiếu, lực lượng thiếu, vũ khí thiếu, mọi thứ gần như đều phải tổ chức xây dựng lại từ đầu. Sau khi bị thất bại thảm hại tại Việt Bắc Thu - Đông 1947, thực dân Pháp đã điều chỉnh chiến lược, tăng cường lực lượng quân sự ở miền Nam nhằm xây dựng miền Nam thành căn cứ vững chắc để làm bàn đạp xâm chiếm cả Việt Nam và Đông Dương. Trong bối cảnh đó, công tác xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức đoàn thể, mặt trận đã trở thành một nhiệm vụ vô cùng quan trọng và có ý nghĩa quyết định đối với cuộc kháng chiến ở Nam Bộ.

Cùng với các đồng chí Lê Duẩn, Phạm Hùng, Nguyễn Văn Kinh..., đồng chí Lê Đức Thọ chăm lo tất cả các công việc của Xứ ủy (đồng chí đã kiêm cả chức Chính ủy Phân khu miền Tây), nhưng trọng tâm vẫn là công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng. Theo tinh thần đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Đức Thọ luôn gắn chặt công tác xây dựng Đảng với xây dựng các tổ chức đoàn thể quần chúng, tích cực vận động công nhân, nông dân, nhân sĩ trí thức, tiểu tư sản, các chức sắc tôn giáo... tham gia kháng chiến, kiến quốc. Chính vì vậy mà phong trào kháng chiến ở Nam Bộ đã thu hút được nhiều nhà trí thức ở trong thành ra và nhiều chức sắc trong các tôn giáo đã có những hành động ủng hộ cách mạng. Nhờ vậy mà Mặt trận kháng chiến Nam Bộ ngày càng lớn mạnh.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sức mạnh của hai lực lượng: lực lượng chính trị và lực lượng quân sự đã được phát huy, tạo nên sự kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự, làm cho phong trào cách mạng phát triển đều khắp toàn miền Nam.

Những thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến trường kỳ và anh dũng của quân dân Nam Bộ đã góp phần quan trọng cùng cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, còn miền Nam tuy "đi trước" nhưng phải "về sau".

Hiệp định Giơnevơ quy định ta phải chuẩn bị tập kết quân ra miền Bắc. Lúc đầu không ai muốn tập kết vì tình cảm sâu đậm, lưu luyến với quê hương, với đồng bào, đồng chí trong cuộc kháng chiến chín năm trường kỳ đầy gian khổ, hy sinh. Nhưng khi Bác Hồ gửi thư cho đồng bào và chiến sĩ Nam Bộ, trong thư Bác đã phân tích rõ tình hình, giải thích rõ tại sao ta ký Hiệp định Giơnevơ và nhắc nhở vì lợi ích lâu dài của dân tộc, thì mọi người mới thông suốt vấn đề tập kết. Nhưng ai đi, ai ở? Đồng chí Lê Đức Thọ được giao nhiệm vụ gánh vác trọng trách này. Đồng chí vừa phải làm công tác tư tưởng quán triệt cho cán bộ thông suốt về tính chất lâu dài của cách mạng miền Nam, vừa xây dựng kế hoạch bố trí cho cán bộ tập kết ra miền Bắc theo phương châm: một bộ phận cán bộ nòng cốt ở lại để tiếp tục lãnh đạo cuộc đấu tranh của cách mạng miền Nam; còn đa số cán bộ tập kết ra miền Bắc để tiếp tục học tập, bồi dưỡng; bộ đội ra Bắc huấn luyện cho giỏi để sau này sẽ trở về tiếp tục phục vụ cho cách mạng miền Nam. Một bộ phận lớn vũ khí tốt và công binh xưởng được để lại, cất giấu để sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ sau này.

Cùng với số cán bộ nòng cốt được Bác Hồ và Trung ương bố trí ở lại lãnh đạo cách mạng miền Nam, trong đó có các đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Đức Thuận, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt..., đồng chí Lê Đức Thọ đã đề xuất, được Hồ Chủ tịch và

Bộ Chính trị Trung ương Đảng đồng ý, kế hoạch đưa hàng vạn con em cán bộ miền Nam ra miền Bắc học tập để sau này trở lại miền Nam phục vụ cho cách mạng.

Sau khi tập kết ra miền Bắc, đồng chí Lê Đức Thọ đã nghiên cứu kỹ tình hình cả nước cùng những vấn đề của Đảng trong bối cảnh mới. Vào năm 1957 Bác Hồ và Thường vụ Trung ương điều đồng chí Lê Duẩn ra Bắc để cùng với Bác và Trung ương lo cho nhiệm vụ chung của cả nước; vì trong số các đồng chí lãnh đạo đương thời thì đồng chí Lê Duẩn là một trong những cán bộ gắn bó với cách mạng miền Nam và am hiểu tình hình cách mạng miền Nam, mà mục tiêu chiến lược của Đảng ta lúc ấy là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc cũng là để phục vụ cho mục tiêu chiến lược này.

Khi ra Bắc, đồng chí Lê Duẩn đã mang theo bản dự thảo "*Đề cương cách mạng miền Nam*" để báo cáo với Bác. Từ thực tiễn cách mạng ở miền Nam, đồng chí Lê Duẩn đã viết bản dự thảo Đề cương này và đưa ra cho nhiều cán bộ lãnh đạo thảo luận, đóng góp ý kiến để đồng chí Lê Duẩn tiếp tục bổ sung và hoàn thiện. Sau khi được nghe đồng chí Lê Duẩn trình bày bản dự thảo "*Đề cương cách mạng miền Nam*" các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Nguyễn Chí Thanh... vốn là những người đã nhiều năm gắn bó với cách mạng miền Nam và nắm rất rõ thực trạng tình hình miền Nam vô cùng phấn khởi. Bản dự thảo "*Đề cương cách mạng miền Nam*" là sự tổng kết thực tiễn bằng cả máu và nước mắt của hàng triệu đồng bào, chiến sĩ đang chiến đấu ở miền Nam và cũng chính là cơ sở để Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá II họp bàn, ra được Nghị quyết 15.

Nghị quyết 15 đã đáp ứng được nỗi khát vọng, sự trông chờ của đồng bào, chiến sĩ miền Nam. Đó là đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.

Đó là tư tưởng về ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn và đô thị liên kết, gắn bó, hỗ trợ lẫn nhau. Đó là tư tưởng về thế trận của ba mũi giáp công: đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị và công tác binh vận...

Ý Đảng gặp lòng dân, nên khi Nghị quyết 15 được quán triệt và triển khai thì phong trào cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ và rộng khắp, vùng giải phóng ngày càng rộng lớn và vùng tranh chấp (vùng lôm) ở Sài Gòn mới được mở ra. Thế và lực của cách mạng ngày càng được phát triển.

Việc lãnh đạo xây dựng miền Bắc và đấu tranh ở miền Nam đều nhằm vào mục tiêu chiến lược là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Có một vấn đề cần chú ý là chúng ta đã thực hiện nhiệm vụ này trong một bối cảnh quốc tế hết sức phức tạp. Bên cạnh những thuận lợi, cũng có rất nhiều khó khăn. Đế quốc Mỹ là một siêu cường, trong lịch sử chưa từng bị thua ai.

Các nước bạn bè trong phe xã hội chủ nghĩa tuy vẫn ủng hộ ta cả về tinh thần lẫn vật chất để kháng chiến, nhưng lo cho ta, không tin là ta có thể đánh thắng được đế quốc Mỹ xâm lược. Có người đã khuyên ta nên tập trung củng cố, xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nếu ta quyết tâm đánh Mỹ thì "một đốm lửa nhỏ có thể lan rộng thành đám cháy lớn...". Hoặc có người khuyên ta, nếu đánh chỉ đánh kiềm chế với quy mô cấp tiểu đội và dùng các loại vũ khí như súng trường sản xuất từ thời kỳ Nga Hoàng.

Trong tình hình như vậy, để khẳng định được ý chí của toàn Đảng và Bác Hồ là quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc bằng con đường bạo lực cách mạng như thực tế lịch sử đã diễn ra, là vô cùng khó khăn.

Công việc chỉ đạo cụ thể thời kỳ đó lại càng khó khăn hơn. Năm 1964 Đại tướng Nguyễn Chí Thanh được Bác và Trung ương cử vào tăng cường cho lực lượng lãnh đạo cách mạng miền Nam. Qua những kết quả thắng lợi bước đầu của quân và dân

miền Nam trên chiến trường, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã khẳng định quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân là hoàn toàn có cơ sở thực tiễn và phương châm là: "Bám lấy thất lưng địch mà đánh". Lời thơ kêu gọi của Bác: "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" là tư tưởng chiến lược rất sát với tương quan lực lượng ở miền Nam và đồng thời cũng thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cộng sản cao cả. Ta quyết đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào chứ không tiêu diệt ngụy quân, ngụy quyền vì họ vốn cũng là người Việt Nam, nhưng bị ép buộc, bị làm đường, lạc lối.

Đồng chí Lê Đức Thọ được Bác Hồ rất tin cậy giao cho nhiều trọng trách, cả về công tác tổ chức, quân sự và ngoại giao để thực hiện tư tưởng chủ đạo của Bác là "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Tháng 5-1968, Bác Hồ đã cử đồng chí Lê Đức Thọ trực tiếp sang chỉ đạo cuộc đấu tranh ngoại giao với Mỹ ở cuộc Hội đàm Pari. Với những kết quả thắng lợi của quân, dân ta trên chiến trường và sự chỉ đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị, năm năm đấu trí kiên cường trên bàn đàm phán ở Pari, đồng chí đã góp phần vào việc ký kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. Ta đã buộc "Mỹ cút" còn bộ đội từ miền Bắc vào vẫn ở lại miền Nam cùng toàn dân đấu tranh. Đây là tiền đề quyết định để thực hiện bước tiếp theo là "đánh cho ngụy nhào" nhằm mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Theo Hiệp định Pari, tù binh Mỹ đã được trao trả vô điều kiện cho phía Mỹ. Khi trở về Mỹ họ không phàn nàn gì vì trong thời gian bị giam, họ cũng đã được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng và Chính phủ Việt Nam, được hưởng tiêu chuẩn sinh hoạt khá cao trong khi đời sống của nhân dân và bộ đội ta còn vô cùng khó khăn, gian khổ. Ngụy quân, ngụy quyền bị bắt cũng được đối xử nhân đạo, được trả tự do. Tư tưởng nhân đạo cộng sản của Đảng thấm sâu trong toàn dân, toàn quân ta và cũng tác động mạnh mẽ tới hàng ngũ địch. Phong trào chống chiến

tranh xuất hiện ở miền Nam và lan rộng tới cả Mỹ. Tình trạng đào ngũ trong lính ngày càng tăng và phong trào chống chiến tranh ở Mỹ lan rộng, làm cho hàng ngũ địch thêm rệu rã.

Sau chiến dịch mùa khô năm 1974, ta đã giải phóng được nhiều vùng quan trọng ở đồng bằng, vùng ven, vùng rừng núi trong đó có tỉnh Phước Long. Trên cơ sở này, Bộ Chính trị đánh giá tình hình rõ hơn: Mỹ khó có khả năng can thiệp và ta giải phóng một tỉnh là khả năng hiện thực. Trên cơ sở này, đồng chí Lê Đức Thọ tán thành và nhất trí cao với phương án mà đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đề xuất: *"Giải phóng miền Nam sớm hơn"* (so với dự kiến ban đầu là hai năm).

Những thắng lợi có ý nghĩa quan trọng trong những ngày đầu Xuân 1975 càng củng cố thêm quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa 1975. Một lần nữa, đồng chí Lê Đức Thọ lại được cử vào miền Nam cùng với các đồng chí Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng... thay mặt Bộ Chính trị và Tổng Bí thư trực tiếp chỉ đạo và chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ta đã giải phóng hoàn toàn miền Nam trước ngày sinh của Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

Trong công tác xây dựng Đảng, đồng chí Lê Đức Thọ là người xây dựng và đấu tranh về quan điểm tư tưởng rất mạnh bạo và thẳng thắn. Từ năm 1948 đến mãi sau này ở miền Nam, đồng chí đã được anh em gọi bằng một cái tên thân mật là anh "Sáu Búa", đó là biểu thị một sự kính trọng đối với một chiến sĩ cộng sản thẳng thắn, kiên cường, hết lòng vì sự nghiệp xây dựng Đảng, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Là một đồng chí lãnh đạo có tài năng về nhiều mặt, đồng chí Lê Đức Thọ còn có công lao lớn trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Đảng và dân tộc. Đồng chí đã đóng góp xứng đáng trong việc giúp "Mặt trận đoàn kết cứu nguy dân tộc Campuchia", cứu dân tộc Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng.

Đồng chí Lê Đức Thọ là một nhà lãnh đạo có công lao to lớn đối với dân tộc, nhưng đồng chí ít nói về thành tích của mình, đó là một phẩm chất quý giá. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, đồng chí Lê Đức Thọ rất tán đồng với đồng chí Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ Lê Duẩn mỗi khi đồng chí Lê Duẩn phê phán kịch liệt chủ nghĩa cá nhân, đồng chí thường căn dặn cán bộ: *"Những người không tập trung lo việc chung, chỉ lo tạo danh vị và thu vén cá nhân thì suốt đời làm nô lệ cho bản thân mình"*. Các đồng chí Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Nguyễn Chí Thanh... có nét đặc biệt là tuy cá tính khác nhau nhưng đều thống nhất một mục tiêu là quyết tâm thực hiện bằng được mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc với phương châm "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào", nên đã luôn đoàn kết, kề vai sát cánh bên nhau lo cho sự nghiệp chung của dân tộc.

Tôi không biết được hết những trọng trách mà đồng chí Lê Đức Thọ đã làm, nhưng với những gì tôi được biết, được chứng kiến và với tư cách là một chứng nhân của lịch sử, tôi có thể khẳng định được rằng, trong những lúc đất nước có khó khăn, thì Bác Hồ và Trung ương lại giao nhiệm vụ cho đồng chí Lê Đức Thọ; với tinh thần trách nhiệm cao, quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm nên đồng chí đã hoàn thành xuất sắc, trong đó nổi bật là nhiệm vụ xây dựng Đảng và công tác cán bộ.

Nhân dịp sắp đến ngày kỷ niệm 12 năm ngày mất đồng chí Lê Đức Thọ, tôi viết những dòng này, cho dù là còn ngắn ngủi, để nhớ về đồng chí Lê Đức Thọ - một đồng chí lãnh đạo trung kiên của Đảng, luôn kiên định mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

ĐẠI TƯỚNG NGUYỄN CHÍ THANH: NHÀ CHÍNH TRỊ - QUÂN SỰ LỖI LẠC, HÌNH ẢNH TIÊU BIỂU BỘ ĐỘI CỤ HỒ

(Bài viết nhân kỷ niệm ngày truyền thống Quân đội nhân dân, ngày 22-12-2006)⁴²

Cuối năm 1963, tôi được vào chiến trường Nam Bộ bằng tàu Không số, đi trên "Đường Hồ Chí Minh trên biển Đông". Tháng 4-1964 vào tới Chiến khu Dương Minh Châu, tôi được giao làm Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Miền (B2). Đến tháng 9 năm đó, anh Nguyễn Chí Thanh được Bộ Chính trị cử vào trực tiếp cùng Trung ương Cục lãnh đạo kháng chiến của nhân dân và quân giải phóng miền Nam. Cùng vào với anh Thanh, còn có các cán bộ chỉ huy cao cấp của quân đội: Lê Trọng Tấn, Hoàng Cầm, Nguyễn Hoà, Trần Văn Phác. Kể từ đây, tôi được trực tiếp sống, chiến đấu và công tác cùng anh Nguyễn Chí Thanh.

Lúc này, đế quốc Mỹ đã đưa quân chiến đấu Mỹ và quân đội các nước chư hầu ồ ạt vào trực tiếp tham chiến, xâm lược miền Nam. Đây là thời điểm bước ngoặt của cuộc chiến tranh. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh và lãnh đạo Trung ương Cục đã nhận rõ: ở và giai đoạn cuối của "Chiến tranh đặc biệt", nếu ta chỉ phát triển chiến tranh du kích, chỉ đánh địch ở quy mô nhỏ thì không thể giành thắng lợi quyết định được. Bởi vậy, cùng với việc xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân, xây dựng lực lượng cách mạng của quần chúng, chúng ta phải coi trọng xây dựng các quả đấm chủ lực, và đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã cùng với Bộ Chỉ huy Miền chỉ đạo mở các chiến dịch Bình Giã, Ba Gia, Đồng Xoài và hàng loạt trận tiến công đánh bại từng chiến đoàn nguy, cùng với việc phá rã hàng ngàn "ấp chiến lược", làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ- nguy.

Quân đội Mỹ ồ ạt vào xâm lược miền Nam, cùng lúc đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh leo thang, dùng không quân và hải quân đánh phá ác liệt miền Bắc Việt Nam. Hành động phiêu lưu và dã man này khiến nhân loại trên toàn thế giới sửng sốt và lo ngại cho nhân dân Việt Nam. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là người phát hiện

sớm việc chuyển chiến lược của Mỹ. Phát kiến đó đã được Bộ Chính trị chấp nhận và đề ra quyết sách mới. Lúc đó, anh Thanh đã phân tích: Mỹ vào miền Nam trong thế thua, thế bị động về chiến lược; Mỹ có cả một kho vũ khí khổng lồ nhưng lại vấp phải một núi mâu thuẫn; Mỹ là tỷ phú về đôla, nhưng quân và dân ta lại là tỷ phú về chủ nghĩa anh hùng cách mạng; ta có đường lối chiến tranh cách mạng, có chiến thuật đúng, ta sẽ bắt quân Mỹ phải đánh theo cách đánh của ta, nên ta nhất định thắng.

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Chí Thanh cùng Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền chỉ đạo và tổ chức quân và dân miền Nam phát huy tư tưởng chiến lược tiến công trong tình hình nhiệm vụ mới, đánh thắng quân Mỹ ngay từ những trận đầu. Các trận thắng: Núi Thành, Vạn Tường, Bàu Bàng, Nhà đỏ - Bông Trắng, Plâyme và thung lũng Iađrăng, cuộc hành quân Attenborô và nhất là đánh bại cuộc hành quân tổng lực để "tìm diệt" mang tên Gianxon Xiti đã làm nức lòng nhân dân cả nước; đã trực tiếp xây dựng và củng cố niềm tin và quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ của toàn dân tộc. Và từ thực tế chiến đấu, sự sáng tạo của các đơn vị, các địa phương, đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã tổng kết thành phương châm chỉ đạo tác chiến, đồng thời cũng là khẩu hiệu hành động cách mạng nổi tiếng, nhanh chóng đi vào lòng người, lan toả thành cao trào cách mạng trên khắp chiến trường như "Nắm thắt lưng địch mà đánh", "Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt", lập các "Vành đai diệt Mỹ", thi đua phần đầu trở thành "Dũng sĩ diệt Mỹ", "Dũng sĩ diệt xe tăng" v.v.. Tựu trung nhất đó là tư tưởng chỉ đạo "ở gần và đánh gần". Thực hiện tư tưởng này, chúng ta đã thật sự chống được ý đồ "phân tuyến" của Mỹ- nguy, đã hạn chế đến mức tối đa (có trận đã vô hiệu hoá) hỏa lực phi pháo của địch. Ta thắng quân đội Mỹ, và sau này thắng quân nguy Sài Gòn ở giai đoạn "Việt Nam hoá chiến tranh" cũng từ cái tư tưởng "ở gần và đánh gần" này.

Luôn sâu sát thực tế, nắm bắt nhanh nhạy mọi vấn đề, đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã phân tích và khái quát rất sâu sắc cục diện cuộc chiến, nhất là sau chiến thắng lớn của ta đánh bại cuộc hành quân Gianxon Xiti của Mỹ ở miền Đông Nam Bộ. Bài viết *"Năm bài học phản công chiến lược mùa khô"* mang bút danh Trường Sơn của đồng chí đã ngay lập tức trở thành tác phẩm có giá trị. Nó là vũ khí tư tưởng cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân quyết đánh và quyết thắng quân Mỹ xâm lược. Nó gây ấn tượng mạnh mẽ và niềm tin cho bè bạn năm châu. Nó làm cho quân thù sững sốt và lúng túng, hoang mang. Và nó đã góp phần cùng Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương hạ quyết tâm chiến lược chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công Mậu Thân- 1968 để thực hiện tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Hồ Chủ tịch *"Đánh cho Mỹ cút"* một cách tin cậy.

Suy cho cùng, tư tưởng "ở gần, đánh gần" vừa là tư tưởng chiến thuật lại vừa là tư tưởng chiến lược. Đây là điểm thứ nhất nổi trội trong tư duy của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh. Điểm nổi trội thứ hai là chính anh đã đề ra biện pháp có hiệu quả để mở mặt trận Tây Nguyên (kể cả việc đề xuất làm sao có lương thực, một yếu tố vô cùng quan trọng, tiên quyết cho việc thực hiện chủ trương lớn này; kể cả việc anh đề xuất công tác cán bộ trước khi triển khai thực hiện chủ trương mở mặt trận Tây Nguyên). Tôi nhớ, suốt thời chống Pháp và những năm đầu chống Mỹ, rừng núi Tây Nguyên còn heo hút lắm, lực lượng của ta ở đây còn mỏng manh lắm. Cán bộ vô Nam hay ra Bắc đều phải hoặc là đi lặn theo ven biển, hoặc là leo đèo lội suối dọc dãy núi Trường Sơn; đạn và gạo chỉ có thể gửi trên vai thì cố gắng lắm cũng chỉ đủ ăn để đánh du kích. Thực tế cuộc chiến tranh chống Mỹ đã khẳng định một hiện thực mang tính quy luật và chân lý là : Chúng ta có mở được mặt trận Tây Nguyên thì mới mở được tuyến đường vận tải chiến lược bằng cơ giới, mới đưa được lực lượng lớn người và của vào miền Nam để thực hiện "Cả nước đánh giặc Mỹ, giải phóng miền Nam". Mặt trận Tây Nguyên mở được cũng đồng thời

thu hút được lực lượng để tạo điều kiện cho chiến trường Nam Bộ, một chiến trường "trọng điểm của trọng điểm" phát triển. Thực tế đã chứng minh tư tưởng chỉ đạo này là rất đúng đắn và sắc sảo.

Mùa Hè 1967, khi ra Hà Nội báo cáo Bộ Chính trị tình hình chiến trường và cùng với Bộ Chính trị, với Hồ Chủ tịch thiết kế và hoạch định cuộc Tổng tiến công Mậu Thân sắp tới, anh Nguyễn Chí Thanh đã đột ngột từ trần. Đây là một đau thương vô hạn, một tổn thất vô cùng lớn của cách mạng Việt Nam, của chiến sĩ và đồng bào cả nước. Đối với Trung ương Cục, Bộ Chỉ huy Miền và Quân giải phóng miền Nam thì đây là một tổn thất không gì bù đắp nổi. Anh đột ngột ra đi, nhưng phẩm chất cách mạng, tài năng thao lược và đạo đức lối sống của anh mãi mãi là tấm gương cao cả, sáng ngời, là nguồn cổ vũ lớn lao đối với tất cả chúng ta.

Tôi được biết, đồng chí Nguyễn Chí Thanh tham gia cách mạng từ năm 1934, vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1937. Từ 1937-1938, đồng chí làm Bí thư Tỉnh uỷ Thừa Thiên. Hội nghị toàn quốc lần thứ tám của Đảng ở Tân Trào, tháng 8-1945, đã cử đồng chí là Uỷ viên Trung ương chính thức và Trung ương chỉ định đồng chí làm Bí thư Xứ uỷ Trung Kỳ. Đồng chí đã bị đế quốc Pháp bắt ba lần, giam ở các nhà lao Huế, Lao Bảo, Buôn Mê Thuột. Bị giam cầm, tra tấn nhưng đồng chí luôn giữ vững khí tiết người cộng sản, tổ chức và lãnh đạo cuộc đấu tranh chống chế độ hà khắc của nhà tù đế quốc và tìm cách vượt ngục thắng lợi lại tiếp tục hoạt động, khơi dậy phong trào cách mạng. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh là người cộng sản kiên định, trung thành, gian khổ không sờn lòng, khó khăn không lùi bước. Đồng chí là người rất giỏi về tổ chức và vận động quần chúng thực hiện các chủ trương của Đảng. Nhận rõ và tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, đồng chí phát huy được ý chí cách mạng, tinh thần sáng tạo của quần chúng để tiến hành chiến tranh cách mạng, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân, phát triển kinh tế và văn hoá.

Ngày đầu kháng chiến, dải đất hẹp miền Trung nhanh chóng bị thực dân Pháp chiếm đóng. Quân và dân ta thiếu thốn mọi đường: Thiếu vũ khí, lương thực, thiếu căn cứ địa an toàn trong khi các đơn vị vũ trang còn non trẻ, nhiều bề nguy khốn. Lúc đó, đồng chí Nguyễn Chí Thanh đưa ra nhận định mới: Mất đất nhưng chưa mất nước; kiên quyết bám dân, xây dựng cơ sở, phát triển chiến tranh du kích trong vùng địch kiểm soát sẽ xoay chuyển được tình thế. Bình-Trị- Thiên trở thành một mặt trận sôi động và cực kỳ anh dũng, đã góp phần chặn đứng âm mưu chia cắt chiến lược và mở rộng chiến tranh ra Thanh-Nghệ-Tĩnh của thực dân Pháp. Thời đó, đồng bào và đồng chí ở vùng này đã nói: *"Anh Thanh là linh hồn của cuộc chiến đấu của Bình-Trị-Thiên khói lửa!"*

Năm 1950, đồng chí được Đảng điều vào quân đội và được giao nhiệm vụ làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị và Phó Bí thư Quân uỷ. Ngay lập tức và thường xuyên liên tục, đồng chí Nguyễn Chí Thanh giáo dục cho cán bộ chiến sĩ ta thấm nhuần chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh: Quân đội ta là quân đội nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ. Đồng chí đã tổ chức thực hiện sự lãnh đạo có hiệu lực của Đảng đối với quân đội, thực hiện đường lối quân sự của Đảng, tạo ra một bước phát triển mới về sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang nhân dân, đáp ứng yêu cầu của cuộc kháng chiến, liên tục mở các chiến dịch lớn, từ chiến dịch biên giới 1950 đến chiến dịch Điện Biên Phủ. Chấp hành chỉ thị của Hồ Chủ tịch và Bộ Chính trị, đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã tập trung vào tăng cường bản chất cách mạng của quân đội nhân dân; tập trung xây dựng chế độ lãnh đạo tập thể của Đảng trong các cấp, từ Tổng quân uỷ đến chi bộ đại đội, làm cho công tác tư tưởng vượt lên trên phạm vi của công tác động viên và tác động tâm lý thông thường của con người theo bản năng, phát triển thành công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, mục tiêu chiến đấu của quân đội. Với việc thiết lập và xây dựng hệ thống tổ chức công tác đảng- công tác

chính trị trong quân đội, đồng chí đã làm rõ các mối quan hệ giữa quân đội với Đảng, với Nhà nước, với nhân dân, với bầu bạn quốc tế, trong đó mối liên hệ giữa quân đội với Đảng là mối liên hệ bản chất chi phối các mối quan hệ khác. Chăm lo giáo dục chính trị, tư tưởng quân sự của Đảng thể hiện trong chiến lược, chiến dịch và chiến thuật; trong giải quyết mối quan hệ giữa chính trị và quân sự, giữa tiền tuyến và hậu phương, giữa con người và vũ khí, giữa lãnh đạo và chỉ huy, giữa đạo đức và tài năng của cán bộ... đã tạo ra bước ngoặt về xây dựng chính trị, làm cơ sở nâng cao sức mạnh chiến đấu của quân đội nhân dân.

Với trọng trách là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, đồng chí Nguyễn Chí Thanh đã chỉ đạo sát sao và trực tiếp chủ trì việc tổng kết công tác đảng - công tác chính trị, xác định rõ vị trí, chức năng, nguyên tắc tiến hành công tác chính trị; phê phán quan điểm hạ thấp và thu hẹp chức năng công tác này. Đồng chí Nguyễn Chí Thanh và người kế nhiệm là đồng chí Song Hào (sau nữa là đồng chí Lê Quang Đạo) đã góp phần quan trọng cùng với Quân uỷ Trung ương xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội ngày càng trưởng thành, làm nòng cốt trong hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, đứng vững trước mọi thử thách chính trị phức tạp. Thường xuyên chăm lo vun đắp phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ" - "Trung với nước, trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng" là bản chất và truyền thống tốt đẹp của quân đội ta do Đảng và Hồ Chủ tịch dày công giáo dục, rèn luyện. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là người không ngừng chăm lo tăng cường bản chất cách mạng của quân đội nhân dân và chính đồng chí là một vị tướng tiêu biểu cho bản chất và truyền thống tốt đẹp của quân đội ta.

Giai đoạn bước vào "Kế hoạch năm năm" xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, được Đảng phân công phụ trách mặt trận nông nghiệp, đồng chí đã xắn quần lội

ruộng xem xét việc canh tác, khảo sát những khó khăn, tìm hiểu những nơi sản xuất khá, lắng nghe ý kiến các nhà khoa học, xác định phương hướng phát triển sản xuất, phá "xiềng ba sào" cùng với việc thâm canh tăng năng suất, phát động phong trào thi đua với Đại Phong v.v.. Tuy chỉ mới một thời gian ngắn nhưng đồng chí đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý và những ấn tượng tốt đẹp cho cán bộ và đồng bào trên mặt trận kinh tế hàng đầu này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ sức mạnh của cách mạng là sức mạnh của toàn dân, trong đó công- nông là lực lượng cơ bản. Thấm nhuần tư tưởng đó, đồng chí Nguyễn Chí Thanh chăm lo tăng cường đoàn kết dân tộc. Là người hoạt động cách mạng khắp cả Bắc-Trung-Nam, đồng chí càng chăm lo xây dựng khối đoàn kết Bắc - Nam, đoàn kết quân dân, củng cố liên minh công - nông, mạnh dạn bồi dưỡng và đề bạt cán bộ xuất thân công nông và các dân tộc thiểu số, các địa phương, đồng thời coi trọng trí thức cách mạng. Sống ở đâu đồng chí cũng là hạt nhân, là trung tâm đoàn kết.

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch "Đạo đức là gốc; kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân", đồng chí Nguyễn Chí Thanh là người đầu tiên "nổ súng" và kiên trì đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân trong quân đội. Lời nói của đồng chí luôn có sức thuyết phục vì bản thân đồng chí sống trong sáng, giản dị, khiêm tốn, đoàn kết, chân thành. Phê bình và tự phê bình thoả đáng nhưng nghiêm túc, không "bé xé to", không "dĩ hoà vi quý". Đồng chí là một mẫu mực về lời nói đi đôi với việc làm, lý luận liên hệ với thực tiễn, đạo đức đi đôi với tài năng, chính trị và quân sự song toàn. Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí Đại tướng Nguyễn Chí Thanh kể từ buổi ban đầu đến khi ở những cương vị lãnh đạo cao nhất, lúc nào đồng chí cũng xông xáo thâm nhập vào cuộc sống của đồng bào và chiến sĩ, lăn lộn với phong trào, tìm ra quy luật phát triển tạo ra bước ngoặt mới cho cách mạng, tự rèn mình trong đấu tranh cách mạng, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã trở thành

nhà chính trị - quân sự lỗi lạc của Đảng, quân đội và dân tộc ta. Như cán bộ và bà con trên mặt trận nông nghiệp gọi anh là "*Đại tướng Nhân dân*". Anh Tố Hữu viết: "*Sáng trong như ngọc một con người*".

Cuộc đời hoạt động cách mạng, sống và làm việc theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, học và thực hành được nhiều lời dạy của Bác, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là hình ảnh tiêu biểu của "Anh bộ đội Cụ Hồ" với đầy đủ sự cao đẹp, tầm vóc và ý nghĩa sâu xa của danh hiệu cao quý đó. Anh là một trong những cán bộ lãnh đạo lỗi lạc của cách mạng Việt Nam, của Đảng ta, Nhà nước ta, của Quân đội ta; anh là người con ưu tú của dân tộc Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh quang vinh!

NGÀY ẤY, ANH ĐÃ LO VIỆC TỔ CHỨC CHI VIÊN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM⁴³

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương được ký kết, tôi cùng đơn vị tập kết ra Bắc. Những ngày đầu tôi được giao nhiệm vụ Sư đoàn trưởng Sư đoàn 330, đóng quân ở Thanh Hoá. Được khoảng nửa năm, cấp trên điều động tôi về nhận công tác tại cơ quan Bộ Tổng tham mưu, làm Cục phó Cục Tác chiến.

Những tháng ngày đầu tiên tôi dành thời gian để tìm hiểu về Cục Tác chiến và cơ quan Bộ Tổng tham mưu. Sau đó nghiên cứu kế hoạch phòng thủ bờ biển từ Quảng Ninh đến Quảng Bình. Người trực tiếp giao nhiệm vụ cho tôi là anh Văn Tiến Dũng, Tổng Tham mưu trưởng. Cán bộ của cục cũng có nhiều người mới về như tôi nhưng có điều kiện hiểu biết hơn tôi. Anh Trần Văn Quang là Cục trưởng Cục Tác chiến. Anh Văn Tiến Dũng vốn là cán bộ am hiểu tình hình, anh rất quan tâm

đến kế hoạch phòng thủ miền Bắc và chi viện cho miền Nam. Anh cử một đoàn cán bộ sang Trung Quốc nghiên cứu, học tập về công trình phòng thủ bờ biển và giao cho tôi làm trưởng đoàn...

Anh Văn Tiến Dũng là người nói ít, làm nhiều. Khi nhận lệnh cấp trên về là anh tổ chức thực hiện và kiểm tra đến nơi đến chốn. Tôi học tập được nhiều đức tính tốt của anh. Anh Hoàng Văn Thái làm Phó Tổng Tham mưu trưởng là người giản dị, rất dễ gần và rất thạo việc. Cơ quan Bộ tổng Tham mưu lúc đó ít người, Cục Tác chiến có 40 người, Cục Quân lực cũng chỉ xấp xỉ 50 người, Cục Tình báo cũng vậy. Ý thức tổ chức kỷ luật rất nghiêm, cấp trên nói là cấp dưới làm y lệnh; phê bình, khen chê nhau rất thực lòng, không bao giờ và không một ai nói khác sự thật, mọi người sống với nhau thân ái và thẳng thắn. Anh Văn Tiến Dũng vốn là người làm việc chặt chẽ, lại có anh Trần Sâm cũng rất tỉ mỉ, anh Hồng Long (phụ trách công tác cán bộ) rất khách quan, và các anh khác cũng phát huy nhiều ưu điểm. Bởi vậy, cơ quan Bộ tổng Tham mưu làm việc với nhau tuy ít người mà rất hiệu quả.

Khoảng những năm 1957-1958, anh Văn Tiến Dũng và cơ quan Bộ tổng Tham mưu bắt đầu lo việc tổ chức tuyển vận tải để chi viện sức người, sức của, vũ khí và phương tiện cho cách mạng miền Nam. Anh Dũng đã gặp đồng chí Tư lệnh Hải quân gặp anh Nguyễn Vịnh, Trung ương, Thủ trưởng Quốc phòng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất và anh Phạm Hùng Phó Thủ tướng, Chủ nhiệm Ủy ban Thống nhất. Anh Dũng nói về ý định sắm tàu biển để bí mật vận chuyển cán bộ và vũ khí cho miền Nam. Anh Phạm Hùng cho biết có một người tên là Ngô Năm, thường gọi là "anh Năm-Ba Son", là đảng viên cộng sản, kỹ thuật viên về tàu biển, có trình độ vừa sửa chữa vừa thiết kế được tàu. Anh Dũng đã chỉ đạo việc điều động anh Năm vào quân đội. Khoảng đầu năm 1959, chúng ta thương lượng với Trung Quốc và mở cơ sở đóng tàu biển ở tỉnh Quảng Đông. Chiếc tàu đầu tiên trọng tải 200 tấn

do anh Năm thiết kế đã mở đầu cho sự ra đời của đội tàu “Không số” hoạt động trên Đường Hồ Chí Minh trên biển, chi viện rất hiệu quả cho cách mạng miền Nam. Cũng thời gian này, Bộ Quốc phòng giao cho Thượng tá Võ Bẩm, nguyên Cục phó Cục Nông trường tổ chức “Đoàn công tác đặc biệt” làm nhiệm vụ soi đường từ miền Bắc vào; ở trong Nam, anh Nguyễn Văn Linh giao cho đồng chí Tư Thước soi đường từ phía Nam ra để tổ chức mở tuyến đường bộ xuyên dãy núi Trường Sơn nhằm vận chuyển hàng quân sự vào miền Nam, tổ chức đưa đón bộ đội, cán bộ; chuyển công văn tài liệu từ Bắc vào Nam và ngược lại.

Cuối năm 1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương cho mời anh Lê Duẩn ra Hà Nội. Anh ra Bắc khoảng ba tháng. Dịp này tôi có gặp anh ở Bộ Quốc phòng. Tôi hỏi anh tại sao ta không đẩy nhanh, đẩy mạnh đấu tranh vũ trang ở miền Nam? Anh Lê Duẩn nói rằng, Mỹ - ngụy bắn giết, tàn sát dân mình rất dã man. Sau một vài trận đầu ta đánh thử có hiệu quả, khắp miền Nam đang rậm rịch chuẩn bị và nóng lòng chờ lệnh cho hoạt động vũ trang. Dù mình rất muốn nhưng không thể nôn nóng được. Đây là việc quá lớn, phải Bộ Chính trị và Trung ương quyết định nhiệm vụ của hai miền, của cả nước thì mới làm được và làm mới có hiệu quả. Là người lãnh đạo đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí trong Trung ương Đảng ngày đêm suy nghĩ để vạch ra chủ trương và phương pháp, bước đi cho cách mạng miền Nam sao cho giành thắng lợi mà ít bị tổn thất nhất, phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế. Đây là vấn đề cực kỳ khó khăn và phức tạp. Bởi vì, lúc này đường lối đối ngoại “Cùng tồn tại hòa bình”, giữ cách mạng trong thế thủ đang thắng thế trong phong trào cộng sản quốc tế. Mâu thuẫn Xô-Trung phát sinh và ngày càng gay gắt.

Có thể nói, đây là một trong những thời kỳ phức tạp nhất về chính trị đối với việc hoạch định đường lối, chỉ đạo cách mạng. Trong tình hình thế giới có hai phe, sự giao lưu và thông tin quốc tế mở rộng, lợi ích của mỗi nước đều gắn chặt với lợi

ích của phe và cộng đồng quốc tế, nên những lời khuyên, những ý kiến gợi ý của Liên Xô, Trung Quốc và bè bạn gần xa dù ở khía cạnh, quan điểm nào, Đảng và Bác Hồ cũng đều phải suy nghĩ, nghiên cứu nghiêm túc, tính toán thận trọng khi xác định đường lối cách mạng nước ta, vừa giữ vững độc lập tự chủ, vừa tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ của các nước anh em đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Đến khi Trung ương Đảng có Nghị quyết 15, gặp tôi, anh Lê Duẩn rất phấn khởi nói: “Được rồi! Trung ương quyết định rồi!”.

Ở miền Nam bắt đầu nổ ra các trận đánh Phước Vĩnh, Đồng Tháp Mười, Dầu Tiếng, nhất là trận Tua Hai. Các cuộc nổi dậy phá ấp chiến lược, rào làng chiến đấu của nhân dân các huyện Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận), Tà Boóc (huyện 40 - Đắk Lắk), nhất là cuộc khởi nghĩa của nhân dân huyện Trà Bồng (Quảng Ngãi) là hậu quả tất yếu của chính sách cai trị tàn bạo, phản dân của Mỹ - Diệm; là cái nền dẫn đến những trận tiến công vũ trang đầu tiên này. Những trận đánh tuy mới ở quy mô và mức độ nhỏ nhưng đã làm nức lòng đồng bào cả nước, đặc biệt là trận đánh Tua Hai thuộc tỉnh Tây Ninh đêm 26-1-1960. Trong lúc trận đánh Tua Hai đã và đang sẵn sàng mở màn thì ngày 17-1-1960 phong trào “Đồng khởi” của Bến Tre đã nổ ra.

Nghị quyết 15 của Trung ương ra đời trong hoàn cảnh khó khăn và phức tạp như vậy chứng tỏ kinh nghiệm dày dặn và trưởng thành vượt bậc của Đảng ta cả về lý luận và thực tiễn, cả về đường lối và phương pháp cách mạng. Nó thể hiện rõ đường lối độc lập, tự chủ và sách lược mềm dẻo của Đảng và Bác Hồ, phù hợp với tình hình quốc tế và trong nước lúc bấy giờ, đáp ứng được nguyện vọng bức thiết của cán bộ, đảng viên đang lãnh đạo đấu tranh ở miền Nam và quảng đại quần chúng nhân dân.

Nghị quyết 15 thật sự là một nghị quyết về “Chuyển chiến lược”, từ đấu tranh bằng phương pháp hoà bình sang đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang. Nghị quyết 15 đã cắm mốc lịch sử vô cùng quan trọng của cách mạng Việt Nam, nó phù hợp với tình hình thực tế nên đã tạo bước tiến nhảy vọt cho phong trào cách mạng miền Nam. Nghị quyết 15 đã thật sự thổi bùng ngọn lửa cách mạng âm ỉ lâu nay thành những đám cháy lan tỏa khắp các vùng nông thôn, thành thị và miền núi. Khí thế đấu tranh của quần chúng sục sôi. Hoạt động vũ trang phát triển rộng khắp đã hỗ trợ tích cực cho phong trào đấu tranh chính trị, chấm dứt thời kỳ đấu lý đơn thuần, bị động trước sự khủng bố dã man của quân thù.

Sau khi có Nghị quyết 15, việc gì làm được thì anh Văn Tiến Dũng chỉ thị cho cơ quan chúng tôi làm cụ thể, từ việc chuẩn bị đoàn tàu không số và đường vận tải trên biển, đến việc tổ chức đón cán bộ miền Nam tập kết đang làm, việc trên các nông trường miền Bắc tập trung về cơ quan Bộ Quốc phòng để sẵn sàng trở về miền Nam chiến đấu.

Tháng 9-1963, tôi được giao nhiệm vụ Phó tổng Tham mưu trưởng cũng là lúc được cùng cơ quan Bộ tổng Tham mưu tổ chức cho anh em cán bộ miền Nam tập kết tiến hành tập huấn nhiệm vụ và rèn luyện hành quân đường dài có mang vác nặng để chuẩn bị vào Nam chiến đấu, lúc đó thường gọi là “đi B”.

Nhân có anh Hít (anh Hít thời kháng chiến chống Pháp làm Tỉnh đội trưởng tỉnh Long An) từ trong Nam ra báo cáo về tình hình phát triển của cách mạng miền Nam và tình hình Mỹ - ngụy đàn áp đồng bào ta ở trong đó, anh Dũng cho gọi tôi đến cùng nghe. Trước ngày tôi chia tay, tạm biệt miền Bắc, tạm biệt cơ quan Bộ Tổng Tham mưu để về Nam chiến đấu, anh Dũng dặn tôi: “Vào tới nơi, anh báo cáo với Trung ương Cục, với hai anh Nguyễn Văn Linh và Trần Văn Trà, bàn với các anh thực hiện Nghị quyết 15. Việc thứ nhất, ra sức xây dựng lực lượng quân sự tại chỗ. Thứ hai, miền Đông Nam Bộ nên mở rộng ra hướng biển Đông (lúc đó ta

mới đứng chân được ở địa bàn Thủ Dầu Một và Biên Hòa). Thứ ba, cố giành và khai thác nhân tài, vật lực để phát triển cách mạng”. Anh chỉ nói có bấy nhiêu thôi trước giờ chia tay, không nói gì thêm, nhưng những lời anh nói tôi nhớ mãi và càng thấy kính trọng anh. Kể đó, tôi sang gặp và chào anh Lê Duẩn tại số 6 Hoàng Diệu. Anh Lê Duẩn nói: "Ba ý kiến đó đúng. Nhưng còn một việc nữa rất quan trọng là hãy xây dựng phong trào cách mạng và phát triển lực lượng trong các đô thị và vùng ven đô"...

Vào đến chiến khu Dương Minh Châu, tôi báo cáo lại ý kiến của hai anh Lê Duẩn và Văn Tiến Dũng với Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền. Cả hai anh Nguyễn Văn Linh và Trần Văn Trà giao cho tôi việc làm kế hoạch. Lúc đó anh Nguyễn Văn Linh là Bí thư Trung ương Cục, anh Trần Văn Trà là Tư lệnh B2, còn tôi được Trung ương và Bộ Quốc phòng cử vào Bộ chỉ huy Miền đảm trách Tham mưu trưởng.

Khi bắt tay vào làm kế hoạch quân sự, đến phần xây dựng lực lượng ở vùng đô thị và ven đô, tôi đề nghị mời anh Võ Văn Kiệt, lúc đó làm Bí thư Sài Gòn - Chợ Lớn, cùng bàn bạc và làm kế hoạch. Bộ chỉ huy bàn về tổ chức xây dựng lực lượng trước, sau đó mới bàn kế hoạch mở địa bàn ra hướng Đông. Không khí làm việc thật hào hứng, sôi nổi. Anh Trà nêu ý kiến: “Cả một vệt phía bờ biển Bà Rịa - Vũng Tàu, ta chưa có gì, phải xây dựng lực lượng ở đó. Hiện ta có hai trung đoàn chủ lực nên đưa cả xuống đó, cả vùng Long Điền - Đất Đỏ dân cư đông đúc và giàu có nữa. Rồi mở vùng hoạt động ra Rừng Sát - sông Lòng Tàu thành một vệt, đồng thời xây dựng lực lượng tại chỗ để khi hai trung đoàn chủ lực rút đi thì bàn giao địa bàn và phong trào cho dân quân du kích và tự vệ”. Anh Trà còn hăng hái nêu thêm những ý kiến - chủ lực ta xuống đó sẽ tổ chức đánh và diệt quân địch bằng cách nào... Những ý kiến đề xuất rất nhiệt tình, có cơ sở khoa học của anh Trần Văn Trà được Bộ chỉ huy Miền đồng tình.

Các đơn vị bộ binh lúc đó hầu hết là xây dựng ở quy mô cấp tiểu đoàn. Ở quy mô cấp trung đoàn chủ lực của Miền, bên cạnh hai trung đoàn 761 và 762 vốn có, Bộ chỉ huy quyết định điều thêm Trung đoàn 3 ở Khu 9 lên, Khu 9 sẽ thành lập một trung đoàn mới thế chỗ cho Trung đoàn 3. Về bộ đội đặc công, ta đã xây dựng được một số đơn vị, anh em huấn luyện khá tốt. Chỉ còn lực lượng “Biệt động thành” thì Bộ chỉ huy thấy khó vì nhất thiết phải lấy người tại chỗ, tức là người trong đô thị và vùng ven đô, họ phải thông thạo địa hình, hiểu biết phong tục tập quán của địa phương và nắm chắc quy luật hoạt động của quân địch. Vậy mà anh Võ Văn Kiệt khẳng định là “được”, và rồi được thật, tuy lúc đầu mới chỉ là những đội tình báo nhỏ.

Về pháo binh, có Đoàn 80 gồm năm tiểu đoàn, đứng chân ở vùng căn cứ miền Đông Nam Bộ, được bổ sung quân số và trang bị tương đối khá, huấn luyện tập trung quy mô tiểu đoàn và trung đoàn. Các căn cứ hậu cần A, B, C, D đổi tên thành các Đoàn hậu cần: 81, 82, 83 và 84. Mỗi đoàn đều xây dựng kho dự trữ hàng, xưởng quân giới, bệnh xá, đội vận tải, các đội sản xuất, thu mua, tiếp nhận, phân đấu xây dựng theo hướng bảo đảm cho bộ đội tiến công trên một hướng của chiến dịch. Đầu mùa mưa 1964, để gấp rút chuẩn bị hậu cần, nhất là về vũ khí, đạn dược, Bộ chỉ huy Miền đã tăng cường cán bộ, bổ sung quân số cho các Đoàn 340B và 445B, thành lập Trung đoàn tiếp vận mang phiên hiệu Đoàn K10, đặt căn cứ ở Hắc Dịch (Bà Rịa) đã tiếp nhận (từ các đoàn tàu “Không số” ngoài Bắc đưa vào) và vận chuyển hàng chục tấn vũ khí để cung cấp cho các hoạt động quân sự trên toàn Miền.

Cùng với việc xây dựng các đơn vị chủ lực, Bộ chỉ huy Miền rất chú trọng xây dựng lực lượng dân quân du kích và tự vệ. Miền Đông Nam Bộ từng bước được xây dựng thành một chiến trường tiến công tiêu diệt địch. Khối chủ lực Miền đã hình thành. Khối dân quân, du kích, tự vệ và biệt động thành cũng được gây dựng

và đang trên đà phát triển sâu rộng. Đến cuối năm 1964, việc xây dựng lực lượng đã cơ bản hoàn thành. Nhiều “vùng trắng” trước đây quân nguy thả sức tung hoành, hành quân càn quét bắn giết đồng bào ta, nay cơ sở và lực lượng vũ trang cách mạng đã được xây dựng, đang phát triển và bắt đầu hoạt động có hiệu quả.

Có thể nói, lời căn dặn của anh Văn Tiến Dũng trước lúc tôi lên đường trở về miền Nam chiến đấu, đến lúc này đã trở thành hiện thực. Đến cuối năm 1964, Bộ chỉ huy Miền quyết định mở chiến dịch tiến công Bình Giả; và đến đợt hai của chiến dịch này, chúng tôi đã nhận được súng đạn từ hậu phương miền Bắc chuyển vào bằng những con tàu “Không số” của tuyến vận tải Đường mòn Hồ Chí Minh trên biển. Trong đáy lòng mình, tôi thâm biết ơn và rất mến phục tấm lòng của anh Văn Tiến Dũng và các đồng chí cơ quan Bộ tổng Tham mưu, các đồng chí bộ đội Hải quân đối với cuộc chiến đấu của đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nơi tuyến đầu Tổ quốc.

ANH HOÀNG VĂN THÁI VỚI YẾU TỐ CHÍNH TRỊ

(Bài viết trong những ngày tang lễ khi đồng chí Đại tướng Hoàng Văn Thái từ trần, tháng 7-1986)

Tôi cùng công tác với anh Hoàng Văn Thái qua nhiều thời kỳ, song thời gian trực tiếp làm việc với nhau thì không nhiều. Tuy vậy, giữa chúng tôi đã có bao điều tâm đắc, nhiều ấn tượng sâu sắc. Anh Hoàng Văn Thái là một nhà chỉ đạo, chỉ huy toàn diện, rất coi trọng nhân tố chính trị, yếu tố nhân dân và là một nhà tham mưu lão luyện, giỏi nghiệp vụ.

Cuối năm 1967, Anh Hoàng Văn Thái được Bộ Chính trị điều từ Quân khu 5 vào làm Tư lệnh B2 (gồm cả một số tỉnh cực Nam Trung Bộ). Trước đó, anh Trần Văn

Trà làm Tư lệnh, tôi làm Tham mưu trưởng. Khi anh Thái vào, anh Trà làm Phó Tư lệnh.

Anh Hoàng Văn Thái vào B2 là theo chỉ đạo của Bộ Chính trị nhằm tăng cường chỉ đạo, chỉ huy, chuẩn bị tiến hành cuộc Tổng tiến công Mậu Thân 1968. Vốn là người khiêm tốn, lúc đó cũng như cả sau này, anh không hề nói ra ý đồ đó của trên.

Vừa đến nơi là anh cùng chúng tôi khẩn trương bắt tay ngay vào công việc. Anh làm việc cẩn trọng, bao quát và tính toán toàn diện. Là tham mưu trưởng, tôi hiểu và nắm khá vững ý định và quan điểm của anh trong Mậu Thân. Trong quá trình chuẩn bị, điều làm chúng tôi băn khoăn, trăn trở nhất là dùng sức mạnh nào và đánh thắng Mỹ bằng cách nào? Anh Thái thường tâm sự với tôi: Mỹ là nước hùng mạnh về quân sự. Tương quan lực lượng giữa ta và địch trong khu vực Sài Gòn - Chợ Lớn như vậy thì không thể nào dùng sức mạnh quân sự, chỉ bằng quân sự thì không thể đánh được, dù ta hiện có mấy sư đoàn và trung đoàn chủ lực... Phải dựa vào yếu tố chính trị, dựa vào nhân dân, được nhân dân bao che, giúp đỡ thì mới có thể đánh vào các mục tiêu then chốt trong thành phố được. Tôi rất tâm đắc với anh Thái về điểm này. Và chúng tôi đã đi đến thống nhất là chỉ có thể đánh thắng Mỹ bằng sức mạnh tổng hợp, trong đó sức mạnh về chính trị, sức mạnh của quần chúng là cơ bản nhất. Các yếu tố nói trên phải được khởi động cả trong nước và ngoài nước, cả ở ngay trong chính nước Mỹ và cả thế giới.

Mậu Thân nổ ra, anh Thái là người cùng Trung ương Cục chỉ đạo điều hành toàn bộ cuộc tổng tiến công, trực tiếp là anh Phạm Hùng, Bí thư Trung ương Cục và anh Hoàng Văn Thái là Tư lệnh. Chúng tôi được phân công đi các hướng.

Nhờ được đồng bào giúp đỡ, bao che và phối hợp hành động nên ta đã tạo được bất ngờ lớn, đánh trúng các mục tiêu then chốt như Sứ quán Mỹ, Bộ tổng Tham mưu nguy, Đài Phát thanh...

Đánh vào Bộ tổng Tham mưu nguy, ta dùng một tiểu đoàn đặc công, biệt động là người tại chỗ, và một số bộ đội địa phương. Ta ém quân tại nhà dân, áp sát mục tiêu, được dân nuôi, dân bao che, chứ không phải vận động từ xa, nếu vận động từ xa đến thì không đánh được. Đặc biệt là trong nhà dân có nhiều gia đình có chồng con đang công tác trong Bộ tổng Tham mưu nguy, nhưng họ vẫn nuôi, vẫn giấu bộ đội ta, không lộ bí mật... Đánh vào Sứ quán Mỹ, Đài Phát thanh... cũng vậy. Chính nhờ vậy mà tất cả các mục tiêu then chốt đều bị đánh đúng giờ "G".

Khi rút ra, không xa, để chuẩn bị cho đợt hai, bộ đội ta cũng nằm tại nhà dân. Thương binh được gửi cho dân chạy chữa, nuôi dưỡng cho đến khi lành mới đưa ra vùng giải phóng. Có nhiều trường hợp thật bất ngờ, như trường hợp một đồng chí thương binh của ta được mẹ của một trung tá nguy đưa về chạy chữa. Bà giao cho viên trung tá lo chạy thuốc men để chữa cho lành vết thương rồi mới đưa ra vùng giải phóng. Một đồng chí khác của ta khi rút ra bị lạc vào nhà mẹ của viên trung úy thông tin nguy, được mẹ và vợ của viên trung úy ấy nuôi và che chở. Sau đó bà giao cho chính viên trung úy ấy chở đồng chí ta ra vùng giải phóng. Sự đồng tình ủng hộ và phối hợp hành động của nhân dân, kể cả các gia đình có liên quan đến nguy quân, nguy quyền, của người Việt và cả của người Hoa làm đủ nghề trong nội đô, là điều có ý nghĩa to lớn, làm cơ sở cho việc vạch ra các phương án chiến lược giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn với thương vong ít nhất.

Còn về đợt hai trong Mậu Thân, đó là ý muốn chủ quan. Địch đã chuẩn bị và tổ chức phòng thủ dày đặc. Yếu tố bất ngờ như trong đợt một không còn nữa. Tương quan lực lượng đã thay đổi. Điều này ở chiến trường đều thấy. Anh Thái và tôi cũng thấy rõ. Nhưng do yêu cầu phối hợp chiến trường, nhất là với Huế, nơi giành thắng lợi lớn nhất trong Mậu Thân, nên phải làm. Chúng tôi đều thống nhất, vì lợi

ích chung phải cố gắng làm, làm cho tốt và hạn chế tổn thất của ta đến mức thấp nhất. Ta chỉ dùng một tiểu đoàn địa phương phối hợp với biệt động đánh vào Chợ Lớn, chủ yếu là dựa vào sự giúp đỡ của người Hoa. Khi rút ra, anh em phải trèo lên nóc nhà, đi từ nhà này sang nhà kia...

Nhìn chung trong Mậu Thân các mục tiêu đều bị đánh, thương binh và liệt sĩ đều được đưa ra. Không một đơn vị nào bị bao vây tiêu diệt. Thương vong của ta chủ yếu là do địch bắn từ máy bay trực thăng vũ trang xuống khi ta rút ra vùng ven đô; lúc bấy giờ ta chưa có kinh nghiệm ứng phó với trực thăng vũ trang.

Cuộc Tổng tiến công Mậu Thân là bất ngờ lớn nhất đối với quân Mỹ, với cả nước Mỹ. Chúng tưởng đã chà xát dữ như vậy là đã diệt được ta. Mậu Thân đã làm cho Mỹ mở mắt ra, không những ta không bị tiêu diệt mà còn đủ sức đánh vào đầu não của chúng. Mỹ choáng váng buộc phải ngồi vào đàm phán ở Paris. Đó là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược lớn nhất trong Mậu Thân. Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược "Phi Mỹ hoá" cuộc chiến. Đây là chiến lược gượng gạo, vì quân Mỹ đông như vậy mà còn thua, giao cho quân nguy thì làm sao chống đỡ nổi. Đây là cách xuống thang trong danh dự theo kiểu Mỹ, nghĩa là nếu có thua thì người Việt (nguy) thua, chứ không phải Mỹ thua. Mục đích chính trị của ta là đánh cho Mỹ thua Mỹ cút, và thực tế chúng đã thua, tìm đường rút lui, chứ ta không phải tiêu diệt quân địch, giải phóng ngay miền Nam. Tất nhiên, khi xác định mục đích của Mậu Thân cũng đã có mong muốn đến giải phóng ngay miền Nam, nhưng đó không phải là tư tưởng chủ đạo.

Thắng lợi to lớn này là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng và Trung ương Cục. Anh Thái vào đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi chung đó. Anh đã kiên định thực hiện mục đích chính trị trong Mậu Thân bằng sức mạnh tổng hợp.

Theo tôi, việc anh Hoàng Văn Thái coi trọng nhân tố chính trị - tinh thần còn được quán xuyên trong mọi lĩnh vực hoạt động của anh. Trong xây dựng lực lượng vũ trang, anh rất coi trọng về chính trị tư tưởng và xây dựng đội ngũ cán bộ, coi xây dựng đội ngũ cán bộ là trung tâm, xây dựng về chính trị là số một. Tuy đặc biệt coi trọng chính trị và tinh thần, song anh Hoàng Văn Thái không bị xơ cứng, một chiều. Anh rất quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất, chế độ và chính sách cho bộ đội. Chính vì vậy nên sau giải phóng miền Nam, anh Thái được phân công phụ trách công tác cán bộ trong quân đội. Khi gặp nhau ở Sài Gòn, tôi nói với anh: Đảng phân công anh là đúng..., rồi hai chúng tôi cùng cười...

Anh Hoàng Văn Thái còn là một con người đức độ, một nhà chỉ đạo, chỉ huy mẫu mực. Anh đã cống hiến trọn cuộc đời cho Đảng, cho nhân dân và cho quân đội. Anh luôn toàn tâm, toàn ý và quên mình vì nhiệm vụ. Trong chiến đấu và công việc, anh nghiêm khắc và đòi hỏi mọi người phải nỗ lực hết mình. Còn trong cuộc sống đời thường, anh lại bình dị, nhân hậu và hoà nhập. Ở anh tình thương, tình đồng chí, đồng đội luôn sâu đậm, thấy có gì không phải là anh nói ngay, không để bụng, thẳng thắn, thoải mái và cởi mở... Anh có cách làm việc thật dân chủ, nhẹ nhàng nhưng sâu sắc, thường dùng cách trao đổi bàn bạc công việc với anh em theo kiểu mạn đàm trò chuyện thoải mái, nhất là về những vấn đề khúc mắc mà anh đang trăn trở. Nhờ đức tính quý báu đó mà anh dễ gần anh em và anh em cũng rất quý mến và dễ gần anh để giải bày tâm sự cũng như đề xuất ý kiến của mình.

Khi làm Tham mưu trưởng, tôi và anh Thái rất tâm đắc với nhau hầu như trên mọi lĩnh vực. Trong suy nghĩ cũng như trong công việc, giữa chúng tôi không có mâu thuẫn, trái nhau.

Tôi quý mến anh Hoàng Văn Thái không phải chỉ vì tài năng mà còn vì quan điểm chính trị và đức độ của anh.

Nhân đây, qua những dòng tưởng niệm này, tôi xin được đốt nén hương thành kính của lòng mình để mãi mãi tưởng nhớ đến anh - Anh Hoàng Văn Thái!

THƯ ĐẦU XUÂN GỬI CÁC CHÁU NGHIÊN CỨU SINH VIỆT NAM TẠI HOA KỲ

Hà Nội, ngày 24-1-2006

Thân mến gửi các cháu nghiên cứu sinh Việt Nam tại Hoa Kỳ,

Tôi vừa được anh Phạm Đức Trung Kiên, Giám đốc điều hành Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF) cho biết: Hầu hết trong số hơn 150 cháu nghiên cứu sinh cao học của Việt Nam tại Hoa Kỳ đều học giỏi và đều có nguyện vọng khi học xong được trở về nước nhà làm việc, tôi rất vui mừng.

Những năm vừa qua và hiện nay, người Việt ở nước ngoài, trong đó có rất nhiều người sinh sống ở Mỹ cũng đang hướng về Tổ quốc Việt Nam, muốn đóng góp trí tuệ, tài năng, công sức và tiền của về xây dựng quê hương đất nước. Đây là một hiện tượng đáng mừng, một điều quý giá. Nhưng trong số đó cũng có một số người còn có sự mặc cảm. Mặc cảm là điều dễ hiểu, vì một số người dân trong nước, kể cả cán bộ còn có hiện tượng hẹp hòi, kèn cựa. Đây cũng là chuyện thường tình. Chúng ta phải kiên trì và vượt qua để vươn lên, tích cực cống hiến thật nhiều cho đất nước.

Có ý kiến cho tôi là "một người bảo thủ". Tôi xin nói rằng ở *trong* tôi luôn kiên định tư tưởng "*Giữ vững độc lập, tự chủ của Tổ quốc ta, dân tộc Việt Nam ta*". Hay nói một cách khác là về giữ vững độc lập, chủ quyền của quốc gia thì tôi kiên quyết "bảo thủ".

Nhà nước ta đã quyết định khởi xướng và thực hiện công cuộc đổi mới đất nước. Trong đường lối đổi mới có một tư tưởng chủ đạo rất quan trọng là "*Việt Nam muốn là bạn của tất cả các quốc gia và các dân tộc trên thế giới*". Chúng ta tiến hành mở cửa, giao lưu, hợp tác hữu nghị với bè bạn quốc tế trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước. Trên cơ sở hợp tác hữu nghị, chúng ta đã có thêm vốn, có thêm các thiết bị và công nghệ hiện đại để kiến thiết đất nước. Chúng ta đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và đạt được những thành tựu bước đầu rất cơ bản và quan trọng trong công cuộc đổi mới đất nước.

Trước đây quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ là khó, thậm chí rất khó. Nhưng sau đó đã có sự phát triển theo chiều hướng tốt, bây giờ càng tốt hơn. Người Việt Nam muốn đi sang Mỹ học tập cũng dễ, mà người Việt định cư ở Mỹ muốn về nước cũng thuận lợi. Với các nước, các dân tộc khác chúng ta cũng có quan hệ tốt đẹp. Đây là cơ hội để Việt Nam phát triển đi lên. Chúng ta đã và đang tận dụng thời cơ để phát triển, nên Nhà nước ta đề ra mục tiêu *đến năm 2020 Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển* không phải là sự viển vông duy ý chí, mà là có cơ sở.

Tôi cho rằng những người Việt Nam ở bất cứ nước nào trên thế giới đang có một sứ mệnh "*Bảo vệ Tổ quốc từ xa*" và "*Xây dựng đất nước từ xa*". Người Việt chúng ta vốn siêng năng và thông minh. Chúng ta phải tận dụng và tranh thủ học tập từ bè bạn quốc tế. Về khoa học quản lý và khoa học kỹ thuật thì chưa ai hơn Mỹ. Bởi vậy các cháu hãy tập trung hết tinh lực để học tập thật tốt để tiếp thu những kiến thức và khoa học của các nước tiên tiến, những tri thức của nhân loại để mai đây về xây dựng đất nước; hãy biến tình thân yêu nước và tự cường dân tộc thành sức mạnh nội lực trong học tập, nghiên cứu đạt kết quả cao.

Nhân dịp năm mới 2006 và Xuân mới Bính Tuất, bác chúc các cháu mạnh khỏe, đoàn kết, nghị lực và thành công!

Từ quê nhà, bác gửi tới các cháu lời chào thân ái!

ƯỚC VỌNG VÀ TRẦN TRỞ SAU 30 NĂM

(Trả lời phỏng vấn báo VietNamNet nhân kỷ niệm 30 năm đại thắng mùa Xuân, ngày 30-4-1975 – 30-4-2005)

**Mong muốn đẩy lùi nạn tham nhũng là ước vọng nóng bỏng nhất của ông!
Ông bộc lộ sự sẻ chia tâm tư của lớp trẻ và niềm tin vào họ...**

"Để đẩy lùi tham nhũng, người có trách nhiệm phải kiên quyết, dứt khoát!"

Phóng viên:

- Thưa ông, cách đây tám năm, khi chuyển giao vị trí Chủ tịch nước, ông có bộc bạch một tâm sự: "Điều ân hận của tôi trong thời gian làm Chủ tịch nước là không đẩy lùi được tệ tham nhũng..." . Còn bây giờ, điều này có còn là mối quan tâm của ông?

Trả lời:

- Tham nhũng, sau đó và hiện tại đã trở thành tệ nạn. Điều đáng lo ngại là nó đang trở thành hiện tượng phổ biến, khó giải quyết. Muốn giải quyết được thì phải củng cố và xây dựng Đảng, các chi bộ phải đấu tranh để loại bỏ bằng được tham nhũng trong Đảng thì mới mong chống được tham nhũng trong xã hội. Bộ Chính trị và Trung ương có quyết tâm nhưng chưa đủ, chưa có biện pháp tổng thể và hiệu quả.

Tham nhũng gắn liền với lãng phí. Lãng phí còn trầm trọng hơn tham nhũng. Nếu giảm được lãng phí và tham nhũng thì đời sống dân ta sẽ khá hơn nhiều. Đối với tôi bây giờ, làm sao đẩy lùi được nạn tham nhũng vẫn là ước vọng nóng bỏng. Đối với các đồng chí đương chức, đó là công việc khó khăn. Họ cũng muốn làm nhưng biện pháp chưa đồng bộ. Một khi biện pháp chưa đồng bộ thì dù quyết tâm bao nhiêu cũng không có hiệu quả. Muốn chống tham nhũng có hiệu quả, người có trách nhiệm phải dứt khoát, kiên quyết thì mới được. Đặc biệt những người đứng đầu các cơ quan, tổ chức phải kiên quyết, phải tự nghiêm khắc với bản thân mình, phải làm gương thì mới có kết quả. Đặc biệt chú trọng vai trò của chi bộ Đảng trong quản lý, giáo dục và rèn luyện đảng viên, nhất là trong đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí. Chú trọng vai trò của chi bộ Đảng trong bộ máy quản lý kinh tế sẽ làm cho bộ máy quản lý kinh tế - xã hội chặt chẽ và có hiệu quả hơn, nhất là ở cấp Trung ương. Người đứng đầu bộ máy quản lý phải kiên trì và kiên quyết. Công việc quản lý là một việc khó và lớn. Đi theo khuynh hướng độc tài cũng không được, mà ngược lại, cứ nói dân chủ chung chung rồi nể nang né tránh thì cũng hỏng. Bởi vậy chọn người đứng đầu ở cấp Trung ương là vô cùng quan trọng. Không những phải là con người trong sáng mà còn phải là người biết quản lý và kiên quyết, cái đó khó lắm. Khó nhưng nhất định phải làm cho được.

Thực hiện được công bằng mà không cào bằng, mới khó!

Phóng viên:

- Với Đại hội Đảng lần thứ X sắp tới, ông có định gửi tới tâm nguyện gì không?

Trả lời:

- Bây giờ cũng chưa thể nói được gì. Tôi ý thức rằng, mọi việc đã có Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương.

Phóng viên:

- Nhưng với tư cách một đảng viên, ông muốn chuyển tới Đảng những ý kiến xây dựng, những mong muốn như thế nào?

Trả lời:

- Mong muốn thì nhiều nhưng tựu trung lại cũng chỉ là mong muốn ngăn chặn được nạn tham nhũng, lãng phí để đất nước ta giàu mạnh, nhân dân ta hạnh phúc, giữ gìn ổn định, hoà bình, để Việt Nam trở thành một đất nước như Bác Hồ mong muốn: "Đất nước ta được độc lập, nhân dân ta được tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành" và như Đảng đã đề ra mục tiêu: "Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Dân giàu thì làm được, dân chủ có thể thực hiện được, nhưng công bằng là khó. Ý tôi nói công bằng không phải là cào bằng, là đối xử người giỏi cũng như người kém; người làm nhiều cũng như người làm ít.

Thực hiện sự công bằng theo nghĩa tốt đẹp là việc ta có thể làm mà không cần... viện trợ.

Thêm một mong muốn nữa là đảng viên chúng ta phải ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ: "Người cán bộ, đảng viên trước hết phải cần kiệm liêm chính, chí công vô tư".

Vô tư là lo cho gia đình, bản thân và xã hội một cách hài hoà. Bây giờ có người ích kỷ chỉ vì lo cho bản thân và gia đình quá mà sinh ra làm hại cho Tổ quốc. Thực hiện được lời dạy của Bác là việc khó nhưng vẫn nằm trong tầm tay của Đảng và Nhà nước ta, cũng không cần... viện trợ.

Lòng bao dung của đất mẹ Việt Nam là nội lực của đại đoàn kết toàn dân

Phóng viên:

- Thưa ông, hiện vẫn còn có những người Việt Nam quay lưng lại với đất nước, điều đó đi ngược lại với tâm nguyện của Đảng: Đại đoàn kết toàn dân..?

Trả lời:

- Trước đây ta chỉ có 31 triệu dân đã đoàn kết đánh thắng đế quốc Mỹ. Nay ta có trên 80 triệu dân, tôi thấy bất kỳ người Việt Nam đang mang quốc tịch nào cũng nên hướng về Tổ quốc, cùng chăm lo xây dựng đất nước giàu mạnh để Việt Nam sớm sánh ngang hàng với các nước tiên tiến trên thế giới. Còn với một số ít người không chỉ ở ngoài nước mà ngay cả trong nước đang quay lưng lại với toàn dân, thì ta coi như những người con của Bà mẹ Việt Nam có một ít người con hờn dỗi, vùng vằng quậy phá thì người mẹ không bao giờ ruồng bỏ con của mình mà chỉ khuyên bảo ân tình. Và tôi tin rằng với đức tính bao dung vốn có của người mẹ thì những đứa con này sẽ không nỡ lòng từ bỏ người mẹ của mình.

Phóng viên:

- Về quan hệ đối ngoại, ông có băn khoăn gì không?

Trả lời:

- Chúng ta phải thực hiện đường lối xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam: "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các quốc gia và các dân tộc trên thế giới".

Dân tộc Việt Nam là dân tộc trọng tình nghĩa, mà thể hiện tiêu biểu nhất, rõ nhất là ở Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trước đây và hiện nay, ta luôn coi tất cả các nước, các dân tộc là bạn. Trước hết là hợp tác hữu nghị với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, các nước thuộc Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây. Nếu chỉ chú tâm vào quan hệ với các nước giàu là không nên.

Lớp trẻ: Không bồi rồi, không khoan nhượng nhưng không nôn nóng!

Phóng viên:

- Là một trong những người hoạt động xuất sắc của thế hệ trước, ông có kỳ vọng, sẻ chia và lời khuyên nào với thế hệ trẻ hôm nay?

Trả lời:

- Lớp trẻ của chúng ta bây giờ học hành nhiều kiến thức rộng hơn lớp trước. Lớp trẻ sẽ làm giỏi hơn lớp già. Nhưng tôi cũng hiểu là họ đang gặp phải một số khó khăn. Khó khăn ngoại lai thì lớp trẻ sẽ vượt qua được một cách không khó lắm, vấn đề còn lại là khó khăn nội tại. Lớp trẻ đang bối rối. Tôi hiểu điều đó.

Tôi chỉ mong lớp trẻ đừng bối rối mà hãy noi gương những người tốt của lớp trước mà tiêu biểu nhất trong đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Phải như thế mới đối mặt được với tham nhũng, lãng phí và tiêu diệt được chủ nghĩa cá nhân.

Lời khuyên của tôi đối với thế hệ trẻ là: Không bối rối, không khoan nhượng nhưng không nôn nóng. Phải kiên trì đấu tranh để khắc phục khó khăn nội tại. Tôi tin rằng lớp trẻ sẽ tiến được để đưa đất nước đến một tầm cao mới.

Phóng viên:

- Thưa ông, có nhiều bạn trẻ thấy rằng hình ảnh Việt Nam trước đây 30 năm rất chói sáng trên thế giới. Ngày nay hình ảnh đó có phần mờ nhạt dần đối với thế hệ trẻ trên thế giới. Ông thấy thế nào?

Trả lời:

- Sau năm 1975, ta vừa khắc phục hậu quả chiến tranh nặng nề, vừa giúp nước bạn thoát khỏi họa diệt chủng, phải đối phó với nhiều việc lớn, trong khi Liên Xô - Đông Âu đổ vỡ mà được như ngày hôm nay, là sự vĩ đại. Nếu như thế giới người ta chưa nhận ra những thành công đó là do chúng ta chưa biết cách "nói" (ý của ông là truyền thông - PV) cho người ta biết và hiểu. Ngay cả trong nước, vẫn có nhiều bạn trẻ chưa nhận thức hết những thành công, nỗ lực của chúng ta, đó là do cách giáo dục.

Ba mươi năm - niềm vui nhân lên nhiều lần

Phóng viên:

- Hôm nay kỷ niệm 30 năm Đại thắng mùa Xuân 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, là một người góp phần quan trọng trong chiến dịch "Đại thắng mùa Xuân 1975", ông có cảm giác như thế nào ở thời khắc lịch sử cách đây 30 năm và hiện tại?

Trả lời:

- Tôi vui mừng tột độ không tả được khi được chứng kiến thời khắc thiêng liêng của lịch sử: Đất nước sạch bóng ngoại xâm, non sông liền một dải.

Sau 30 năm, niềm vui nhân lên khi nước ta từ nghèo nàn lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, nay có sự phát triển về kinh tế, xã hội, đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân được nâng cao. Vị thế của Việt Nam ngày càng được nâng lên trên trường quốc tế. Sự vui sướng và tự hào về Đảng quang vinh và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại càng thấm sâu trong con người tôi. Trong giờ phút này tôi càng tưởng nhớ tới biết bao đồng bào và chiến sĩ đã hy sinh mới có được ngày nay. Nhưng tôi cũng băn khoăn khi đời sống của nhân dân ta ở nhiều nơi, như đồng bằng sông Cửu Long (nơi xuất khẩu nhiều gạo) vẫn còn nghèo, thậm chí có nơi còn rất nghèo.

Nhìn chung, nước ta có bước phát triển đáng mừng, nhưng vẫn là một nước nghèo. Tôi mong ước sao để nước ta ngày càng giàu mạnh lên.

Phóng viên:

- Trong kháng chiến chống Mỹ, ông rất gắn bó với vùng Đông Nam Bộ, sau này có dịp trở lại chiến trường xưa, ông thấy thế nào?

- Tôi vô cùng phấn khởi vì nhân dân Đông Nam Bộ trước đây đã chiến đấu kiên cường, dũng cảm, hy sinh tận mình để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, thống nhất đất nước, ngày nay trong công cuộc đổi mới lại lao động cần cù, thông minh,

sáng tạo, thu được những thành tựu rất đáng ghi nhận. Tỉnh nào cũng tiến bộ vượt bậc, trong đó nổi bật nhất là Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tháng 7-2003, tôi có dịp thăm lại tỉnh Bình Dương. Tôi rất vui mừng thấy rằng một tỉnh nhỏ mà kết quả của sản xuất công nghiệp gấp sáu lần Hải Phòng, phát triển toàn diện ở tất cả các huyện, không có hiện tượng nặng ở trung tâm tỉnh lỵ, còn vùng sâu vùng xa thì bị lãng quên.

Từ kết quả kinh tế, tỉnh đã làm rất tốt công tác xã hội, là tỉnh đầu tiên làm hoàn tất đối với các đối tượng chính sách, từ năm 2000 đến 2001 đã chuyển sang xây "nhà tình thương" cho các hộ nghèo - khiến mức nghèo chỉ còn 1,5 lần so với chuẩn quốc gia, là tỉnh đầu tiên được công nhận phổ cập trung học cơ sở, tỉnh đầu tiên có bệnh viện dành cho người nghèo, và trẻ em dưới 6 tuổi được khám chữa bệnh miễn phí.

Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai cũng tiến rất nhanh. Từ một tỉnh thuần nông, đến nay, sản xuất công nghiệp của Đồng Nai đã chiếm 75%, dịch vụ 27%; tổng thu nhập quốc dân tăng gấp 15 lần so với năm 1976. Hạ tầng cơ sở phát triển vững chắc và cơ bản, bộ mặt đô thị và nông thôn đều đổi mới và khang trang. Đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của người dân được nâng lên rất rõ. Người dân phấn khởi và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số của miền Đông tuy có khó khăn hơn, nhưng so với trước cũng đã tiến bộ và được cải thiện rất nhiều.

Năm trước tôi có đi dự lễ khánh thành khu dân cư do Bộ Tư lệnh Quân khu 7 xây dựng tặng đồng bào ở Tà Thiết, vùng căn cứ của Bộ Chỉ huy Miền thời đánh Mỹ. Người dân rất phấn khởi. Vùng dân tộc đã có điện lưới, nhiều gia đình có tivi và xe gắn máy. Nhưng giữa hai vùng còn có chênh lệch lớn. Tôi mong sao các tỉnh phần

đấu để xoá được sự chênh lệch này, quan tâm đến đời sống của đồng bào vùng sâu, vùng xa một cách thiết thực và có hiệu quả hơn, vài năm nữa cả nước ta có được 50% số tỉnh đạt được như Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đặc biệt là các tỉnh miền Đông, những năm vừa qua ngành Cao su Việt Nam đã phát triển và tiến bộ vượt bậc. Thương hiệu Cao su Việt Nam hiện nay được bạn bè quốc tế rất ưa chuộng, có uy tín lớn. Ngành Cao su Việt Nam đã đầu tư phát triển bằng vốn tự có, trang bị mới về kỹ thuật công nghệ và có công tác quản lý khoa học tiếp cận được cách quản lý tiên tiến của thế giới nên đạt hiệu quả rất tốt, là một trong ba ngành dẫn đầu cả nước.

- Xin cảm ơn ông!

NHÂN KỶ NIỆM 10 NĂM QUAN HỆ BÌNH THƯỜNG VIỆT NAM - HOA KỲ

(Trả lời phỏng vấn Báo Việt Nam Net, tháng 7-2005)

- Khi bác sang Mỹ lần đầu, có ai nhận ra Đại tướng đã từng lãnh đạo Quân đội Nhân dân Việt Nam chống Mỹ không?

- Có thể có một số người biết, nhưng không ai hỏi tôi cả. Phần lớn Việt kiều mà tôi gặp là những người của chính quyền Sài Gòn cũ, nhưng không thấy ai nói gì về chuyện đó. Thật ra, khi tôi sang đó, bà con Việt kiều và những người bạn Mỹ rất muốn tôi đi thăm nhiều tiểu bang, nhiều thành phố. Nhưng vì thời gian có hạn, tôi lại bận họp (Đại tướng Lê Đức Anh sang Mỹ dự Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Đại hội đồng Liên Hợp quốc) nên tôi không thể.

- Cảm xúc của bác về nước Mỹ trong chuyến đi đó?

- Thật khó nói chính xác cảm xúc. Đó là sự vui buồn lẫn lộn. Buồn vì tôi nhớ lại những đau thương mà chiến tranh để lại cho dân tộc Việt Nam còn quá lớn. Nhưng vui vì đất nước đã hoà bình, thống nhất, sạch bóng quân xâm lược; Việt Nam đã đứng ngang hàng với thế giới.

- *Đối với các thành tựu về kinh tế của Mỹ, bác có suy nghĩ gì không?*

- Thật ra tôi đã tìm hiểu và biết về kinh tế Mỹ trước khi sang đó. Nếu xét về công nghệ, khoa học kỹ thuật và khoa học quản lý thì Mỹ thật sự phát triển và ta còn phải học họ nhiều.

Tôi đặc biệt ấn tượng về sự hiệu quả trong công việc của người Mỹ. Người ta không lãng phí dù chỉ một phút, luôn làm việc rất nghiêm túc.

Khi Tổng thống Mỹ Bill Clinton mời tôi và các nguyên thủ quốc gia khác ăn tối tại một nhà hàng, tôi đến và đội bảo vệ chưa ra. Có hai cậu thanh niên vừa tốt nghiệp đại học mang bánh mỳ ra mời tôi. Khi tôi ngạc nhiên hỏi tại sao họ làm việc này, họ bảo tranh thủ lúc chưa có công việc thì đi bán bánh kiếm tiền. Khi nhân viên bảo vệ tới thì hai thanh niên mới đi.

Người Mỹ giỏi, thông minh đồng thời tác phong rất công nghiệp, chặt chẽ, rất trân trọng tài năng. Anh Bích con rể của Giáo sư Nguyễn Huy Phan, anh là tiến sĩ kỹ thuật ngành máy bay, Chính phủ Mỹ biết anh là con của "Việt cộng" nên không bố trí vào làm việc những vị trí bí mật. Nhưng khi nhận biết được năng lực của anh, họ đã mời. Anh đã nhận làm việc cho họ. Khi anh nói muốn mang kiến thức của mình về phục vụ đất nước, tôi đã khuyên anh trước mắt hãy "bám trụ" bên đó, tranh thủ học tập nắm vững về công nghệ máy bay để sau này khi nước nhà có công nghiệp làm máy bay thì về nước phục vụ.

Chiều hôm qua, cháu tôi ở Mỹ về thăm. Nó cũng đã học được nhiều công nghệ của Mỹ, mở trường tư thục bên đó, và cho biết là trong các giáo viên có nhiều người Việt Nam sang Mỹ học, có người rất giỏi về toán.

- *Hôm qua, bác có dặn người cháu điều gì cần học, điều gì cần tránh khi sống lâu ở Mỹ không?*

- Tôi dặn nên tìm hiểu, học họ về khoa học công nghệ, khoa học quản lý là điều quan trọng nhất. Nhưng không bao giờ được quên truyền thống, lịch sử, văn hoá của Việt Nam. Tuy ở xa đất nước quê hương mà vẫn không mất gốc. Tôi có một người cháu vừa biết đọc tiếng Việt, nó tìm sách Việt Nam đọc hết từ ca dao tục ngữ đến các truyện của tác giả Việt Nam.

- *Giữa ông Bill Clinton và ông John Kerry, hai người đều có ấn tượng tốt về Việt Nam, bác có ấn tượng với ai hơn?*

- Tôi nghĩ là Bill Clinton. Vì ông ta là người muốn hoà bình, không muốn chiến tranh. Gần cuối nhiệm kỳ Tổng thống của mình, ông ta đã sang thăm hữu nghị chính thức Việt Nam và có cuộc gặp với Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Khi gặp Tổng thống Bill Clinton ở Mỹ, bác có mời ông ấy sang thăm Việt Nam không?*

- Không, tôi không mời vì mời hay không mời, và mời thì mời vào lúc nào phải có chủ trương của tập thể Bộ Chính trị Trung ương Đảng. Vì ý Đảng là lòng dân. Tôi không thể mời theo sự tuỳ hứng của mình.

- *Còn với ông John Kerry thì sao?*

- Tôi cũng rất có ấn tượng về Thượng nghị sĩ John Kerry. Dịp ông ấy sang Việt Nam để bàn giải quyết vấn đề người Mỹ mất tích trong chiến tranh (POM/MIA), khi ông ta đề nghị, tôi đã mời ông vào thăm doanh trại của Bộ Quốc phòng trong

Thành cổ Hà Nội và khu hầm ngầm tại khu vực Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh; ông ta đã tỏ ra rất xúc động.

- *Cháu được biết anh Hà con bác học ở Harvard. Đó là trước hay sau khi bác sang Mỹ?*

- Sau khi tôi sang Mỹ.

- *Vậy có phải bác thấy Mỹ phát triển cao và đáng học hỏi nên bác cho anh Hà sang học bên đó?*

- Không phải. Bản thân con tôi thích, cơ quan lại đề xuất nên tôi đồng ý, chứ tôi không gợi ý trước. Tôi thấy học ở Mỹ rất tốt vì họ hơn ta cả về công nghệ, về quản lý, nên ta phải học họ để về phục vụ đất nước. Học được là rất tốt. Chúng ta đã và đang thực hiện đường lối đối ngoại "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các quốc gia và các dân tộc trên thế giới". Vậy thì không chỉ là Mỹ, mà với tất cả các quốc gia, ta phải tìm ở họ những cái hay, cái tốt để học.

- *Anh Hà đi học về, bác và con trai có tranh luận điều gì về Mỹ và Việt Nam không?*

- Không, con trai tôi đã lớn và là người độc lập.

- *Sau 30 năm hoà bình, ấn tượng của bác về quan hệ Việt - Mỹ như thế nào?*

- Một câu hỏi khó đấy. Tôi có thể nói thế này. Người Mỹ họ cũng muốn phát triển quan hệ với Việt Nam. Nhưng họ hơi tự đắc trong suy nghĩ rằng họ là số 1, hơn tất cả các dân tộc khác trên thế giới. Trên thực tế, họ có hơn về công nghệ, khoa học kỹ thuật và khoa học quản lý. Nhưng lợi dụng điều này để nói rằng họ hơn tất cả và đòi ngòi "chiếu trên" thống trị cả thế giới thì... không công bằng và không nên.

Vì thế, trong quan hệ với Mỹ, ta cần làm cho họ - cũng như các nước khác - thấy được thiện chí của ta. Nhưng ta cũng không để cho Mỹ kiêu căng như vậy. Ngầm

lại chính Việt Nam, sau khi thắng Pháp và Mỹ thì ta cũng có cái kiêu, mà thói đòi kiêu là hỏng.

- Qua báo chí, bác có quan tâm đến chuyến thăm Mỹ sắp tới của Thủ tướng Phan Văn Khải không?

- Tôi chỉ muốn qua chuyến thăm này, nước Mỹ - người Mỹ sẽ hiểu ta, hiểu đúng những gì đất nước và con người Việt Nam đang có, không phải là những hình ảnh của chiến tranh, cũng không phải những hình ảnh một đất nước còn "kém phát triển". Họ phải hiểu cả hai mặt: Những tiến bộ trong 30 năm qua, và những tồn tại sau chiến tranh. Đó là sự tồn tại của cả hai nước chứ không riêng Việt Nam. Như thế sẽ hạn chế cái kiêu của Mỹ.

Phải khẳng định, ta sang thăm họ để họ hiểu ta, biết những tiến bộ, vươn lên của ta, chứ không phải ta sang xin họ.

- *Xin cảm ơn bác!*

Chú thích:

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.4, tr.473, 480.

3. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.4, tr.251.

4,5,6. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.12, tr.516; t.4, tr.217; t.12, tr.IX.

7. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.12, tr.353.

8. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.6, tr.432.

9. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.3, tr.507.

10. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.11, tr.350.

11. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.4, tr.4.
12. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.4, tr.VIII.
13. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.9, tr.292.
14. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.4, tr.XI.
15. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.4, tr.VIII.
16. Đăng báo *Nhân Dân*, ngày 2-5-2004.
17. Bảy Cao uỷ gồm:
 - Th. D' Argenlieu (từ tháng 8-1945)
 - E. Bollaert (từ tháng 3-1947)
 - L. Prignon (từ tháng 9-1948)
 - J. Delattre De Tassigny (từ tháng 12-1950)
 - J. Letourneau (từ tháng 12-1951)
 - M. De Jean (từ tháng 6-1953)
 - P. E'ly (từ tháng 6-1964)
 - Tám Tổng chỉ huy gồm:
 - Ph. Leclerc (từ tháng 8-1945)
 - E. Valluy (từ tháng 7-1946)
 - H. Blaizot (từ 5.1948)
 - M. Carpentier (từ tháng 9-1949)
 - J. Delattre De Tassigny (từ tháng 12-1950)
 - R. Salan (từ tháng 12-1951)

- H. Navarre (từ tháng 5-1953)

- P. E'Ly (từ tháng 6-1954)

Trong đó có hai Cao uỷ kiêm Tổng chỉ huy là:

- Jean Delattre De Tassigny: 1950

- Paul E'Ly : 1954.

18. Năm bản kế hoạch gồm: 1- Kế hoạch D' Argenlieu (8-1945). 2- Kế hoạch Leclerc có "Kế hoạch 1 (8-1945) - chung toàn Đông Dương" và "Kế hoạch 2 (9-1945) - Riêng với Nam Kỳ". 3- Kế hoạch Revers (7-1949). 4- Kế hoạch Delattre De Tassigny (1951) và 5- Kế hoạch Navarre (7-1953).

19. Hai mươi đời Thủ tướng Pháp lần lượt đổ và thay thế nhau là:

Charlé De Gaulle (8-1944 - 1-1946). Felix Gouin (1-1946 - 6-1946). Georgs Bidoult (6-1946 - 11-1946). Leon Blum (12-1946 - 1-1947). Paul Ramadier (1-1947 - 11-1947). Maurice Schuman (11-1947 - 7-1948). André Marie (7-1948 - 8-1948). Maurice Schuman (8-1948 -1-1949). Henri Queuille (1-1949 - 10-1949). Jules Moch (5-10-1949 -17-10-1949). René Mayer (17-10-1949 - 24-10-1949). Georges Bidoult (10-1949 - 6-1950). René Oleven (6-1950 - 2-1951). Henri Queuille (2-1951 - 7-1951). René Pleven (8-1951 - 2-1952). Felix Faure (7-2-1952 - 27-2-1952). Antoine Pinay (3-1952 - 5-1953). René Mayer (5-1953 - 6-1953). Joseph Laniel (6-1953 - 6-1954). Mandès France (6-1954 - 2-1955).

20. Từ năm 1947, Mỹ thi hành "chiến lược ngăn chặn" với mục tiêu "chặn đứng sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản", bao vây Liên Xô, chống lại phong trào giải phóng dân tộc mà Mỹ cho rằng do "chủ nghĩa cộng sản quốc tế xúi giục và điều khiển". Chiến lược này dựa trên độc quyền vũ khí nguyên tử của Mỹ và đặt trọng tâm là Tây Âu, nơi mà Pháp có vị trí rất quan trọng. Vì vậy Mỹ cố gắng tranh thủ Pháp. Đây là nhân tố quyết định chính sách của Mỹ đối với cuộc chiến tranh xâm

lược của Pháp ở Đông Dương chuyển từ chỗ lúc đầu không ủng hộ đến chỗ ra tay giúp Pháp bằng viện trợ kinh tế và quân sự.

Xem: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945-1975 - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.80.

... Từ sau ngày ký kết hiệp định đình chiến ở Triều Tiên, đế quốc Mỹ càng can thiệp mạnh vào Đông Dương, tăng cường viện trợ cho Pháp nhằm kéo dài và mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược trên bán đảo này. Tháng 8-1953, Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ xác định: "Trong điều kiện hiện nay, mọi giải pháp thương lượng đều có nghĩa là cuối cùng không những để mất Đông Dương vào tay cộng sản, mà còn để mất Đông Nam Á. Mất Đông Dương sẽ nguy kịch cho nền an ninh Mỹ". Trong chuyến sang Đông Dương thị sát tại chỗ ngày 23-11-1953, Phó Tổng thống Mỹ Níc-xơn tuyên bố với các sĩ quan Pháp và bù nhìn rằng, trong bất cứ trường hợp nào cũng không thể tiến hành đàm phán với Việt Minh.

... Vào cuối tháng 3, đầu tháng 4-1954, phái "điều hâu" trong Nhà Trắng và Lầu Năm Góc Mỹ đưa ra phương án cứu nguy cho quân đội Pháp tại mặt trận Điện Biên Phủ bằng một kế hoạch phiêu lưu: Không quân Mỹ ném bom vào các trận địa bao vây và tiến công của chủ lực đối phương quanh tập đoàn cứ điểm, lôi kéo Anh cùng một số nước thân Mỹ ở Đông Nam Á thực hiện quốc tế hoá cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Tuy nhiên...

Xem *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.445, 451.

21. *Lịch sử Đảng bộ Miền Đông Nam Bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.148.

22. *Lịch sử Đảng bộ Miền Đông Nam Bộ*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.148.

23. *Văn kiện Đảng về kháng chiến chống thực dân Pháp*, tập 1 (1945-1950), Nxb. Sự thật, Hà Nội 1986, tr.98.

24. Đến nửa đầu năm 1953, tổng số binh lực của Pháp và nguy ở Đông Dương là 47 vạn trong đó 36,5 vạn quân chính quy và 10,5 vạn phụ lực quân; được biên chế thành 176 tiểu đoàn bộ binh và lính dù, gồm 85 tiểu đoàn Âu Phi và 91 tiểu đoàn nguy. Lực lượng tuy đông nhưng hầu hết bị phân tán làm nhiệm vụ chiếm đóng, bị chôn chân trong các vị trí trên khắp các chiến trường. Trong 176 tiểu đoàn chỉ có 29 tiểu đoàn cơ động chiến lược (7 binh đoàn cơ động và 8 tiểu đoàn dù), 25 tiểu đoàn cơ động chiến thuật, còn lại 122 tiểu đoàn chiếm đóng. Trong số 29 tiểu đoàn cơ động chiến lược thì có tới 18 tiểu đoàn bị chôn chân chốt giữ một số vị trí ở Tây Bắc và Thượng Lào...

25. *Mấy vấn đề về chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1985 - tr.245.

26. Chỉ tính riêng hai tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng trong ba năm từ 1957 đến 1959 gần một vạn cán bộ đảng viên bị giết, tù đầy. Ở Bến Tre 17.000 người bị bắt, tù đầy và đánh đập đến tàn phế, 100 cán bộ bị thủ tiêu bí mật. Có nhiều xã không còn chi bộ đảng, nhiều xã chỉ còn một vài đảng viên. Tại trại giam Phú Lợi ở Thủ Dầu Một có 6.000 người, chúng đầu độc làm cho 1.000 người chết ngay, 4.000 người bị trúng độc nặng... Hầu hết các tỉnh, thành đều diễn ra thảm trạng như vậy.

27. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.2, tr.98.

28. Văn bản Cục Lưu trữ Ban Chấp hành Trung ương, số 83-TB/TW ngày 24-7-1997: *Thông báo về các kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII*.

29. Gồm: 492.000 quân chiến đấu Mỹ, 61.000 quân Nam Triều Tiên, Thái Lan và các nước chư hầu khác, 342.000 quân đội thường trực của ngụy Sài Gòn và 284.000 quân địa phương và phòng vệ dân sự. Mỹ đã huy động 2.600 máy bay chiến đấu và vận tải, 3.000 máy bay lên thẳng và 3.500 xe tăng - thiết giáp.

30. 14 vị thuộc phái điều hâu đến họp gồm: Acheson, Goldberg, George Ball, Megxorge Bundy, Henry Cabot Lodge, Abe Fortas, Douglas Dillion, John J.Me Cloy, Robert Murphy, Maxwell Taylor, Omar Pnadly, Mathew Ridway, Rusk, Rostows; tất nhiên còn có Johnson, Wheeler và Clifford. Chỉ trừ có Bradley Murphy, Fortas và Taylor còn lại tất cả đều muốn rút ra khỏi cuộc chiến tranh Việt Nam. (Tổng thuật qua tài liệu của Mỹ của Thiếu tướng tình báo Nguyễn Đôn Tự; và sách “Tết” của Obócđoiphơ, trang 257)

31. Cụ Tôn Đức Thắng là một người mẫu mực về đạo đức, lối sống, vô cùng khiêm tốn và kiên định lập trường đánh Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam. Từ một người thợ, Cụ là người Việt Nam tham gia cách mạng sớm nhất, là người kéo cờ Búa Liềm trên Hạm đội Hắc Hải để ủng hộ Cách mạng tháng Mười Nga, chống lại sự can thiệp của 14 nước đế quốc, nhưng Cụ không nói với ai mà sau này có nguồn tài liệu chúng ta mới biết. Sau Cách mạng tháng 8-1945, khi Xứ ủy Nam Bộ có chủ trương giải quyết việc hợp nhất giữa hai phái cộng sản "Tiền phong" và "Giải phóng" thì Cụ là một trong những người đầu tiên tán thành. Cụ đã tham gia lãnh đạo đấu tranh tại nhà tù Côn Đảo và vượt ngục thắng lợi tiếp tục về hoạt động cách mạng. Đảng ta là "Đội tiền phong của giai cấp công nhân" thì Cụ là người tiên phong xuất sắc của giai cấp công nhân Việt Nam.

32. Sách do Tỉnh ủy Cà Mau, Bộ Tư lệnh Quân khu 9, Nhà xuất bản Phương Đông ấn hành, tháng 10 - 2006.

33. *Báo cáo tổng kết công tác ngoại tệ*, Lưu trữ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

34. *Lịch sử Giao thông vận tải*, Nxb. Giao thông - Vận tải, Hà Nội, 1998.
35. *Lịch sử Tài chính Việt Nam*, Hà Nội, 1995, t.2, tr.330-331.
36. Bài đăng báo *Nhân dân*, ngày 10-7-2006.
37. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, tập 2, Hà Nội, 1995, tr.98.
38. Bắt đầu soạn thảo cuối năm 1955 ở Bến Tre, hoàn thành tháng 8-1956 ở Sài Gòn. Đề cương đã được các Hội nghị Bí thư Tỉnh uỷ miền Tây góp ý kiến, sau đó đã thảo luận kỹ trong cuộc Hội nghị Xứ uỷ mở rộng cuối năm 1956 đầu 1957 ở Phnôm Pênh.
39. Văn bản Cục Lưu trữ Ban Chấp hành Trung ương số 83-TB/TW ngày 24-7-1997: "Thông báo về các kết luận Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII" (*Về Nghị quyết 15 Ban Chấp hành Trung ương Khoá II và về một số điểm trong Di chúc của Hồ Chủ tịch*).
40. Đợt 1: Từ ngày 12 đến 22-1-1959. Đợt 2: Từ ngày 10 đến 15-7-1959 (Tài liệu "Nghị quyết hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II được hình thành như thế nào" - Tài liệu tổng hợp từ các văn kiện và nhân chứng lịch sử - Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng).
41. Trích trong tập Hồi ký *Xuân giải phóng* của đồng chí Phan Hàm, trang 82 (bản thảo đánh máy do chính tác giả gửi tặng).
42. Đăng trên báo *Quân đội nhân dân*, ngày 20-12-2006 và các báo: *Nhân dân, Tiền Phong, Thanh niên, Việt Nam Nét*, ngày 22-12-2006.
43. Bài in trong sách *"Nhớ mãi Đại tướng Văn Tiến Dũng"*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.

PHẦN THỨ HAI

HỒI ỨC CỦA CÁC NHÂN CHỨNG

ANH LÊ ĐỨC ANH LÀ NHÀ CHÍNH TRỊ TẦM CỖ, NHÀ QUÂN SỰ LỚN
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA

ĐỔ MƯỜI¹

Tôi gặp anh Lê Đức Anh lần đầu tiên tại Campuchia năm 1979. Lúc bấy giờ tôi là Phó Thủ tướng được Trung ương cử sang giúp bạn về kinh tế. Anh Lê Đức Anh là Phó tổng Tham mưu trưởng phụ trách Quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia. Nhiệm vụ rất nặng nề, đời sống của Quân tình nguyện cực kỳ gian khổ. Anh Lê Đức Anh đã lăn lộn và chịu đựng ở chiến trường này gần mười năm.

Đến nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, sau khi anh Phạm Hùng mất, tôi thay anh Phạm Hùng làm Thủ tướng Chính phủ. Anh Lê Đức Anh giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng. Từ đây giữa tôi và anh Lê Đức Anh có điều kiện làm việc gần nhau.

Tình hình đất nước lúc đó hết sức khó khăn:

- Cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ đối với nước ta tuy đã chấm dứt nhưng còn để lại hậu quả nghiêm trọng, tuy toàn Đảng, toàn dân ta đã cố gắng rất cao cùng với sự giúp đỡ của bạn bè các nước và các tổ chức nhân đạo quốc tế, nhưng việc giải quyết hậu quả chiến tranh vẫn còn hết sức nặng nề, vì ta vốn là nước nghèo, lại bị chiến tranh tàn phá suốt mấy chục năm.

- Chiến tranh biên giới Tây Nam tuy cũng đã kết thúc, ta đã giúp bạn và cùng bạn làm tan rã đội quân diệt chủng của bọn Pôn Pốt, nhưng nhiệm vụ quốc tế giúp nước bạn Campuchia làm cuộc cách mạng “Hồi sinh đất nước” vẫn còn phải tiếp tục một thời gian nữa.

- Cuộc xung đột vũ trang trên tuyến biên giới Trung-Việt (từ tháng 2-1979), tuy đã có dấu hiệu chững lại nhưng vẫn dai dẳng chưa chấm dứt; tình hình thế giới và trong nước đòi hỏi hai Đảng, hai Nhà nước phải nỗ lực để tiến tới chấm dứt xung đột và lập lại quan hệ hữu nghị bình thường.

- Về nhiệm vụ công tác quốc phòng và quân sự có những việc lớn cần phải giải quyết: hoàn tất việc rút Quân tình nguyện và Đoàn chuyên gia Việt Nam tại Campuchia về nước sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ. Anh Lê Đức Anh đã trao đổi với tôi kế hoạch điều chỉnh chiến lược bố trí phòng thủ đất nước trong tình hình mới, phù hợp với hoàn cảnh kinh tế của đất nước mà vẫn bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Kế hoạch đó đã được Bộ Chính trị thông qua, từ đó thế trận phòng thủ đất nước được bố trí lại chặt chẽ, hiệu quả hơn. Thế trận "chiến tranh nhân dân" và sức mạnh của "nền quốc phòng toàn dân" được phát huy cao độ, nhất là ở các vùng biên giới, hải đảo của Tổ quốc. Ta đã thực hiện xây dựng đường biên giới hòa bình hữu nghị với các nước bạn; lực lượng phòng thủ trên biển, trên đảo xa được tăng cường. Với thế bố trí chiến lược mới, một lực lượng quân đội được đưa trở lại địa bàn Tây Nguyên, kịp thời đẩy lùi mọi hoạt động của lực lượng phản động, tạo môi trường xã hội ổn định cho Tây Nguyên phát triển kinh tế, xây dựng quốc phòng - an ninh trong thời kỳ mới. Quân số thường trực giảm nhiều, đỡ được gánh nặng về kinh phí quốc phòng cho đất nước đang trong thời kỳ vừa phải tập trung mọi nguồn lực hàn gắn vết thương chiến tranh, vừa phải đẩy mạnh xây dựng nền kinh tế theo đường lối đổi mới để sớm thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Mặt khác, tôi và anh Lê Đức Anh đã đề nghị và được Bộ Chính trị đồng ý chủ trương là khó gì thì khó nhưng vẫn phải quan tâm đến trang bị cho quân đội, xây dựng công nghiệp quốc phòng và chăm lo cải thiện đời sống của lực lượng vũ trang.

Nhiều vấn đề quốc phòng có liên quan đến Nhà nước như ngân sách quốc phòng, công nghiệp quốc phòng, v.v., anh Lê Đức Anh thường xuyên trao đổi với tôi trước khi trình Quân ủy Trung ương và báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư để quyết định.

Đến nhiệm kỳ Đại hội Đảng lần thứ VII, tôi được Đại hội bầu làm Tổng Bí thư, anh Lê Đức Anh làm Chủ tịch nước, anh Võ Văn Kiệt làm Thủ tướng Chính phủ, anh Nông Đức Mạnh làm Chủ tịch Quốc hội.

Đầu nhiệm kỳ này (1991-1992), đất nước đang đứng trước những khó khăn, thử thách hết sức gay gắt. Tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp. Lạm phát còn ở mức cao. Sản xuất công nghiệp chưa ổn định, hiệu quả thấp; tích lũy của nền kinh tế còn rất nhỏ bé. Số người không có việc làm nhiều, đời sống bộ đội và nhân dân lao động rất khó khăn, v.v..

Sự tan vỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu làm cho các hiệp định về kinh tế bị mất hiệu lực, gây nhiều khó khăn cho hoạt động xuất nhập khẩu của ta.

Cục diện mới ở Campuchia đặt đất nước ta trước những vấn đề phức tạp mới trong quan hệ với Campuchia và trong việc bảo vệ an ninh - quốc phòng.

Chính phủ Mỹ vẫn duy trì chính sách cấm vận, ngăn cản các nước và các tổ chức quốc tế quan hệ kinh tế với Việt Nam. Các thế lực phản động thì đang ra sức chống phá ta...

Trong bối cảnh đầy thử thách của nhiệm kỳ Đại hội này, việc giữ vững ổn định về chính trị và bảo đảm cho nền kinh tế không bị xáo trộn lớn có ý nghĩa rất quan trọng.

Để góp phần ổn định và phát triển kinh tế, vai trò Chủ tịch nước của anh Lê Đức Anh lúc này rất quan trọng. Anh đã dành nhiều thời gian để cùng Trung ương

Đảng, Quốc hội xây dựng hệ thống luật pháp, bổ sung sửa đổi Hiến pháp cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới của cách mạng, của đất nước. Anh đã đi thăm một số nước trên thế giới để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế cho Việt Nam về chính trị và kinh tế, như: Trung Quốc, Lào, Campuchia, Ấn Độ, Philippin; các nước châu Âu, châu Phi, Mỹ Latinh, đặc biệt là chuyến thăm Cộng hòa Pháp và dự Lễ kỷ niệm 50 năm Chiến thắng phát xít và sang Mỹ dự Lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Liên hợp quốc.

Ngoài việc chăm lo củng cố hệ thống chính trị, xây dựng chương trình pháp luật, anh cũng chăm lo xây dựng quốc phòng, tăng cường quan hệ đối ngoại.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ - ba chúng tôi về quan điểm, đường lối đối nội, đối ngoại trên các lĩnh vực nói chung đều nhất trí với nhau, có việc gì chưa thật thống nhất thì đưa ra tập thể Bộ Chính trị bàn để đi đến thống nhất. Anh Lê Đức Anh vốn là cán bộ chỉ huy quân đội, đã trải qua thực tế chiến đấu gian khổ của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược và mười năm làm nhiệm vụ quốc tế giúp nước bạn ở Campuchia nên ở anh quan điểm giai cấp rất vững vàng và rõ ràng. Anh nắm chắc tình hình trong, ngoài nước và tình hình quân đội nên giải quyết chắc chắn. Sinh hoạt và lối sống thì giản dị, mẫu mực. Tôi cho rằng anh Lê Đức Anh là một trong những nhà chính trị tầm cỡ, nhà quân sự lớn của Đảng và Nhà nước ta.

NHỮNG KỶ NIỆM NHỎ VỀ ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC ANH

VÕ VĂN KIỆT²

Tôi và anh Lê Đức Anh biết nhau có thể kể tới ba thời kỳ: chống Mỹ, sau giải phóng miền Nam và ra công tác ở Trung ương. Thời chống Pháp tôi ít biết vì anh Lê Đức Anh ở miền Đông, tôi ở miền Tây. Sau này chỉ được nghe nói lại về Anh.

Thời gian chống Mỹ, tôi được biết nhiều về anh Lê Đức Anh tức Sáu Nam và có thời gian chúng tôi cùng phụ trách trong một chiến trường (Quân khu 9).

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, tôi được giao phụ trách công việc ở thành phố Hồ Chí Minh, còn anh Sáu Nam công tác ở Bộ tư lệnh Quân khu 7. Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V (1982), Trung ương rút tôi ra đảm nhận Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, chúng tôi cùng được phân công giữ những trọng trách của đất nước: anh Lê Đức Anh giữ cương vị Chủ tịch nước cùng khoá với anh Đỗ Mười làm Tổng Bí thư, còn tôi là Thủ tướng Chính phủ, anh Lê Quang Đạo, sau là anh Nông Đức Mạnh làm Chủ tịch Quốc hội.

Hết nhiệm kỳ, chúng tôi không tái cử vào Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII vì tuổi tác. Anh Đỗ Mười, anh Lê Đức Anh và tôi được Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu làm Cố vấn cho đến hết khoá VIII.

Tôi muốn nói rõ hơn về con người và sự nghiệp của đồng chí Lê Đức Anh qua các thời kỳ chúng tôi biết, cùng công tác với nhau.

1. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ

Gặp nhau ở Trung ương Cục

Thời chống Mỹ, các anh Trần Văn Trà, Lê Đức Anh lần lượt về miền Nam và cùng các anh Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn được tăng cường vào Bộ chỉ huy Miền. Lần đầu tiên khi chúng tôi gặp nhau là sau khi anh Sáu ở miền Bắc về Bộ chỉ huy Miền. Chúng tôi chỉ gặp nhau trong các cuộc họp (thường là họp Trung ương Cục mở rộng) có những đồng chí của Bộ chỉ huy Miền. Qua đánh giá và bàn chủ trương, có dịp trao đổi ý kiến về các vấn đề có liên quan tới Quân khu Sài Gòn - Gia Định (T4), tôi thấy anh Anh là người chịu lắng nghe và có ý kiến cân nhắc, cẩn trọng (đúng là một cán bộ tham mưu có tầm).

Giai đoạn ở chiến trường Quân khu 9

Sau Tết Mậu Thân 1968, trước khi anh Sáu Nam và anh Ba Bường xuống Quân khu 9, trong khi quân địch ráo riết bình định, lấn chiếm, kiểm soát đất, kìm kẹp dân, thì trong một số vấn đề lớn về chủ trương không thống nhất trong Thường vụ Khu uỷ (tập trung giữa ý kiến của đồng chí Bí thư Khu uỷ và đồng chí Tư lệnh Quân khu). Anh Sáu Nam và anh Ba Bường đã được Trung ương Cục điều động xuống thay cho đồng chí Đồng Văn Cống và đồng chí Mười Thơ. Việc thay đổi này vừa do yêu cầu của tình hình chiến trường và cũng có vấn đề nội bộ. Lúc đó tôi đang công tác ở trên Sài Gòn.

Đến cuối năm 1970, đầu 1971, Trung ương Cục điều tôi xuống thay đồng chí Ba Bường (Bí thư Khu uỷ). Tình hình lúc này đang rất căng thẳng, địch đang tập trung bình định, tái chiếm lại nhiều vùng ta đã mở rộng sau Mậu Thân. Toàn quân khu đang gặp khó khăn. Vùng căn cứ U Minh Thượng, U Minh Hạ và khu căn cứ Rừng Đước (Năm Căn, Ngọc Hiển), không nơi nào ngoài tầm pháo của địch. Tôi nhớ mãi lần đầu tiên dự họp Thường vụ Khu uỷ ở U Minh Hạ: năm ngày họp phải di chuyển địa điểm ba lần.

Viết đến đây, tôi nhớ lại trước khi rời Trung ương Cục, đồng chí Phạm Hùng cho tôi xem các báo cáo gần nhất của Khu uỷ và Quân khu về tình hình Khu 9, trong đó có bức điện của anh Sáu Nam gửi Bí thư Trung ương Cục Phạm Hùng, cuối bức điện có hai câu thơ:

"Ngón ngang như mối tơ vò,

Chúng tôi cố gắng lần mò tiến lên".

Tình hình cả miền Nam nói chung, Quân khu 9 nói riêng đúng là rất khó khăn. Tại Khu 9, tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968, chúng ta đã mở rộng vùng giải phóng và tranh chấp mạnh khoảng 800.000 dân, đến cuối năm 1970 đầu năm 1971, chỉ

còn trên 200.000 dân. Trong cán bộ, đảng viên và trong các lực lượng vũ trang lúc đó có hiện tượng dao động, khá phổ biến như: tình trạng uống rượu, say rượu, không chỉ ở cán bộ, chiến sĩ cấp huyện, từ tiểu đoàn, mà cả cấp Khu, tỉnh, ở cả cấp trung đoàn...Đã có những tổn thất của một số đơn vị bám trụ trong dân đánh địch do say rượu. Trang phục của quân chủ lực của Khu và quân tập trung của tỉnh thì đủ thứ quần áo như du kích xã. Hoạt động văn hoá thì giải tán bớt các đội văn công và hạn chế hoạt động, không khí trong dân trầm lắng và căng thẳng...

Điểm thuận lợi và cũng là cái còn lại lớn nhất trong Khu uỷ và Quân khu lúc đó là đoàn kết, thống nhất các chủ trương ngăn chặn và đẩy lùi kế hoạch bình định của địch, ổn định tình hình chính trị tư tưởng trong Đảng bộ, đề ra chủ trương cấm uống rượu trong cán bộ các cấp và trong quân đội. Đó là sự góp phần có ý nghĩa nhất từ khi anh Ba Bường và anh Sáu Nam xuống Khu 9.

Khi xuống thay anh Ba Bường, tôi và anh Sáu Nam cùng Khu uỷ tiếp tục củng cố thuận lợi này, nắm vững tư tưởng tiến công địch, mở rộng đất, giành lại dân là tư tưởng nhất quán, xuyên suốt trong toàn Đảng bộ nhằm đánh bại kế hoạch bình định đặc biệt của địch - cốt lõi của "*Việt Nam hoá chiến tranh*" của Mỹ - Thiệu ở đồng bằng sông Cửu Long.

Điều đáng mừng nhất là quyết tâm chính trị của Khu uỷ và Quân khu luôn vững vàng. Lòng tin của các cấp uỷ đảng và trong các đơn vị quân đội đối với Khu uỷ và Quân khu cũng rất cao. Nhân tố có ý nghĩa quyết định là ở đây, gỡ "mối tơ vò" cũng là ở đây. Tôi và anh Sáu Nam sát cánh cùng Thường vụ Khu uỷ gắn bó với nhau trong mọi việc. Khó khăn tuy nhiều nhưng chúng tôi đã nhìn thấy sự thành công trong tương lai của Quân khu Tây Nam Bộ.

Nhân đây nhắc lại một chi tiết: Anh Sáu Nam về quân khu trước nên đặt bí danh là "Chín Hoà" (đến nay, tôi cũng chưa rõ là tại sao anh lại đặt tên là Hoà); tôi xuống sau đổi tên là "Tám Thuận", vì thời đánh Pháp, tôi ở miền Tây quen gọi thứ Tám

(Tám Kiệt), nay trở lại chiến trường cũ tôi đặt tên lại cũng thứ Tám, nhưng là Tám Thuận. Khi ráp lại tên mới của anh Sáu Nam là Hoà, tên mới của tôi là Thuận, thành một cặp "Hoà - Thuận" - một sự trùng hợp ngẫu nhiên, rất hên, như có lương duyên.

Từ đây, mỗi khi có chủ trương trong Thường vụ Khu uỷ, anh Sáu Nam cùng các đồng chí trong Thường vụ và Khu uỷ viên trong Đảng uỷ Quân khu tổ chức triển khai thực hiện. Thường vụ Khu uỷ đặt trọn niềm tin vào Quân khu uỷ, Tư lệnh Quân khu là đồng chí Chín Hoà (Lê Đức Anh).

Từ cuối năm 1971 đến hết năm 1972, tình hình Quân khu 9 đã có phần sáng sủa rõ nét, trong các cấp uỷ đảng và quân dân Tây Nam Bộ đã giảm bớt căng thẳng và phục hồi dần không khí chiến thắng của Mậu Thân. Hướng tiến lên, đẩy lùi bình định, mở rộng vùng đã có cơ sở khá vững, không còn "làn mò" nữa. Chỗ đứng của Quân khu và Khu uỷ ổn định hơn.

Có một sự việc, một chủ trương của Khu uỷ và Quân khu tôi rất nhớ trước khi xuống Khu 9, đó là chủ trương vận động trong toàn quân khu cấm uống rượu (tình hình như nêu ở trên). Đó là một chủ trương rất đúng, nhưng khi thực hiện lại không thành công; cán bộ chiến sĩ trong các đơn vị, thậm chí ngay cả các đồng chí trong cấp uỷ viên vẫn còn lén lút uống rượu. Hơn một tháng sau khi xuống Khu 9, được Thường vụ Khu uỷ đồng ý, trong một chuyến đi công tác các tỉnh và đến thăm, làm việc với đơn vị quân đội phía nam sông Hậu, tôi đã trao đổi với các đồng chí Thường vụ Tỉnh uỷ và các đồng chí chỉ huy trung đoàn về chủ trương cấm rượu. Một số đồng chí tâm sự với tôi: Khu uỷ cấm, nhưng cán bộ cấp Khu vẫn còn uống. Nếu cấp Khu chấp hành nghiêm, dứt khoát không uống rượu thì chúng tôi cam kết sẽ chấp hành nghiêm. Tôi về báo cáo với Hội nghị Khu uỷ (có cả Quân khu), chúng tôi đặt ra bàn, có hai cách để chọn:

- Một là, nếu chúng ta thấy cấp Khu và kể cả Khu uỷ, Quân khu không chấm dứt uống rượu được thì chúng ta rút chủ trương cấm rượu (coi như không có chủ trương đó).

- Hai là, từ cấp Khu trở xuống, ai đã uống rượu thì nhận khuyết điểm và sửa chữa. Toàn Khu kiên quyết giữ chủ trương cấm rượu, không miễn trừ ai.

Khu uỷ nhất trí chọn lựa cách thứ hai, thông báo các cấp Đảng và toàn Quân khu về quyết tâm của Khu uỷ và Quân khu từ trong Đảng, cán bộ, chiến sĩ Quân khu 9 chấm dứt uống rượu, từ cuối năm 1971 đến sau ngày 30-4-1975.

Sự kiện này nói lên rằng một khi sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất cao và được cán bộ Khu uỷ và Quân khu gương mẫu chấp hành chính quyết định của mình đưa ra thì bên dưới tự giác hay chưa đủ tự giác cũng phải chấp hành như một *mệnh lệnh*. Ở đó, vai trò của người đứng đầu Khu uỷ, người đứng đầu Quân khu và tập thể Khu uỷ có ý nghĩa quyết định trong chiến tranh máu lửa. Tôi thiết nghĩ, bài học đó vẫn mang tính thời sự trong giai đoạn hoà bình xây dựng đất nước hiện nay.

Trong lúc này (1972), một kỷ niệm khó quên có phần riêng tư giữa tôi và anh Sáu Nam, đó là lúc động viên thanh niên vào quân chủ lực của Khu (đang lúc rất thiếu quân số), huy động cả thanh niên trong các cơ quan cấp Khu (trong vùng kiểm soát của ta gần như không còn thanh niên). Võ Dũng, con trai lớn của tôi, từ miền Bắc xin được về cùng tôi xuống Khu 9. Dũng đang công tác trong lực lượng bảo vệ, cũng hưởng ứng và tha thiết xin ra chủ lực Khu, tôi chấp thuận. Sau đó, anh Sáu Nam được tin, anh ra lệnh hoãn tốc cho Trung đoàn đưa cháu về ngay Quân khu bộ (ý định cho Võ Dũng học pháo binh). Nhưng lệnh đến đơn vị thì cháu Dũng đã hy sinh trong một trận chiến đấu. Anh gửi thư chia buồn và trách tôi không cho anh biết trước.

Cuối năm 1972, đầu 1973, Quân khu 9 nhận được chủ trương của Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền chuẩn bị giành thắng lợi lớn ngay sau khi Hiệp định Paris được ký. Phát huy lực lượng chính trị, binh vận cao độ, lực lượng võ trang thì tích cực yểm trợ tranh thủ nhanh chóng mở rộng vùng, kêu gọi các đồn địch còn chiếm đóng bỏ vũ trở về với dân; không chủ động đánh địch, thi hành nghiêm Hiệp định Paris (hai bên ngừng bắn).

Trong thế trận mới, chấp hành đúng chủ trương trên, Quân khu 9 cụ thể hoá trong chỉ đạo và chỉ huy phù hợp với tình hình chiến trường, vừa đề cao cảnh giác vừa tạo thế chủ động phản công và tiến công địch. Chúng tôi bố trí lực lượng địa phương huyện và du kích yểm trợ trực tiếp cho lực lượng chính trị, binh vận, chủ lực Quân khu và lực lượng tập trung của tỉnh bố trí lại thế trận. Nếu địch ngoan cố lấn chiếm, chúng ta tập trung gỡ dần, những nơi địch yếu thì gỡ trước để mở rộng vùng, nơi địch phòng thủ còn cứng thì đánh sau. Sẵn sàng phản công và tiến công khi tình thế thuận lợi sau Hiệp định Paris.

Đầu năm 1973, một bộ phận cơ quan chỉ đạo của Thường vụ Khu uỷ và Bộ chỉ huy Quân khu chuyển hẳn lên giữa các huyện tiếp giáp Long Mỹ. Nguyễn Văn Thiệu ngoan cố không thi hành Hiệp định Paris, lệnh cho Quân đoàn 4 nguy tiếp tục bình định lấn chiếm (không ngoài dự kiến của Bộ chỉ huy Quân khu), Tư lệnh Sáu Nam kiên quyết chỉ huy các đơn vị đánh trả, giữ thế trận có lợi hơn cho chiến trường... Quân đoàn 4 của địch lợi dụng bối cảnh các khu khác không "chia lửa" cùng Quân khu 9, địch tập trung nhiều tiểu đoàn quyết giữ Chương Thiện, làm bàn đạp để mở rộng, tái bình định các vùng đã mất. Về phía ta, anh Sáu Nam - Tư lệnh Quân khu quyết ghìm địch và tiêu diệt chúng ở Chương Thiện, tạo điều kiện để các tỉnh mở rộng vùng, đó là bản lĩnh của người chỉ huy nắm chắc tình hình và quyết thắng địch.

Lúc này, Quân khu 9 đứng trước hai khó khăn lớn phải cân nhắc, xử lý và chịu trách nhiệm với cấp trên và trách nhiệm trước quân dân Tây Nam Bộ, đó là:

- Ghìm địch lại trong khu vực (Chương Thiện), hay thả lỏng ra để chúng mở rộng địa bàn bình định?

- Chỉ đạo của Thường vụ Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền: Lệnh cho Quân khu giảm bớt căng thẳng với địch, rút một trung đoàn ngăn chặn tuyến trước về phía sau, và các lệnh (từ điện 03, 04, 07) không chỉ cho Quân khu mà trực tiếp xuống các tỉnh đội và tỉnh uỷ.

Trước tình hình khó khăn nổi cộm phải xử lý, với tất cả trách nhiệm, Tư lệnh Quân khu Lê Đức Anh, một mặt quyết đánh ghìm giữ địch ở Chương Thiện, không rút trung đoàn ở tuyến trước về. Đồng thời, chúng tôi cho triệu tập ngay cán bộ lãnh đạo và chỉ huy các tỉnh đội từ phía nam sông Hậu, thông báo và lệnh cho các tỉnh tiếp tục thực hiện chủ trương của Khu uỷ và Quân khu, chờ lệnh mới. Tôi cùng anh Sáu Nam chủ trì phiên họp khẩn cấp với các tỉnh (họp tại xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ) thông báo qua tình hình, nêu rõ chủ trương của Thường vụ Khu uỷ và Quân khu. Kết quả là tất cả đều nhất trí cao như chỉ đạo, quyết giữ đất, giữ dân... Không đầy một buổi làm việc, Hội nghị đã kết thúc với hai yêu cầu về trách nhiệm:

Một là, mệnh lệnh trên hết lúc này trong toàn Quân khu là kiên quyết phá bằng được âm mưu phá hoại Hiệp định Paris của Mỹ - Thiệu, không được để mất đất, mất dân, không có bất cứ mệnh lệnh nào cao hơn.

Hai là, Khu uỷ và Quân khu chịu trách nhiệm trước cấp trên, các tỉnh phải chấp hành nghiêm mệnh lệnh của Quân khu, của Tư lệnh chiến trường.

Tôi rất xúc động, chưa thấy một hội nghị nào trong tình thế nước sôi lửa bỏng mà ý kiến trên dưới lại thống nhất cao và nhanh như vậy. Điều đó chứng tỏ là những cán bộ phụ trách của các địa phương sâu sát với hơi thở cuộc sống của quân và dân ở

chiến trường, đặc biệt là ý chí và lòng tin của họ đối với Quân khu và người Tư lệnh cương nghị của mình.

Nhờ vậy, Quân khu 9 đã vượt qua thử thách lớn và được đánh giá công bằng từ Trung ương Cục, Quân uỷ Miền và Trung ương Đảng, Khu uỷ, vai trò anh Sáu Nam và lực lượng vũ trang Quân khu 9 đã góp phần xứng đáng, kể từ sau Hiệp định Paris.

Cuối 1973, tôi được rút về Trung ương Cục và sau đó, anh Sáu Nam cũng được rút về Bộ chỉ huy Miền, chúng tôi cùng tham gia chuẩn bị Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, với Chiến thắng 30-4-1975, giải phóng miền Nam.

2. Sau giải phóng miền Nam

Kết thúc giai đoạn Quân quản, tôi được phân công làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cách mạng thành phố Hồ Chí Minh, anh Sáu Nam phụ trách Tư lệnh Quân khu 7. Giai đoạn này, chúng tôi cùng hợp tác với nhau rất tốt. Bộ tư lệnh Quân khu 7 đóng tại Sài Gòn và Sài Gòn thuộc địa bàn Quân khu 7. Trong giải quyết các vấn đề về an ninh và bảo vệ Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh và chiến tranh biên giới Tây Nam, có sự hợp tác chặt chẽ giữa Thành uỷ, Thành đội với Quân khu 7.

3. Thời gian công tác ở Trung ương

Trong suốt hai nhiệm kỳ anh Sáu Nam và tôi cùng trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và một nhiệm kỳ (khoá VIII) làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, chúng tôi cùng tham gia và chứng kiến sự lãnh đạo của Đảng đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân bước đầu được cải thiện về nhiều mặt, quan hệ quốc tế không ngừng được mở rộng, vị thế quốc tế của Việt Nam được nâng cao, an ninh quốc gia về chính trị và quốc phòng được giữ vững và củng cố. Với vai trò của Bộ trưởng Quốc phòng, rồi Chủ tịch nước, đồng chí Lê Đức Anh cùng với tập thể lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đã có những đóng góp

quan trọng. Anh là người có tầm nhìn sâu và rộng trong các vấn đề chiến lược của đất nước; tham gia giải quyết các vấn đề lớn thuộc thẩm quyền Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, nghiêng về phía "chắc", "cứng" trong chủ trương và giải pháp.

Trong quan hệ giữa anh Sáu Nam và tôi, chúng tôi hiểu nhau khá sâu từ thời chống Mỹ và xây dựng đất nước trong hoà bình, có lúc (anh Sáu Nam làm Chủ tịch nước, tôi làm Thủ tướng Chính phủ, nhiệm kỳ Ban Chấp hành Trung ương khoá VII) thông tin nước ngoài bình luận anh Lê Đức Anh và tôi như "*cặp bài trùng*".

Ngần ấy thời gian biết anh Sáu Nam - Lê Đức Anh, có lúc cùng chiến trường, có lúc cùng ở cấp lãnh đạo đất nước, anh là một cán bộ tham mưu tầm cỡ, một vị tướng chỉ huy cương nghị, bản lĩnh và dám chịu trách nhiệm; một Bộ trưởng Quốc phòng trong thời bình xây dựng có nhiều đổi mới trong tổ chức và bố trí lực lượng quân đội, lực lượng vũ trang nhân dân; một trong những người lãnh đạo quốc gia tầm cỡ trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là mọi việc đều hoàn hảo (và cũng không có ai được như vậy). Song nhìn vào chung nhất, hơn 60 năm từ Cách mạng tháng Tám 1945 cho đến nay, anh đã đi suốt cuộc đời từ trong kháng chiến (chống Pháp, chống Mỹ hơn 30 năm chiến tranh trên chiến trường miền Nam) và giúp bạn đánh bại bọn diệt chủng Pôn Pốt ở Campuchia (gần mười năm). Công bằng mà đánh giá, cũng không có nhiều tướng lĩnh như anh Lê Đức Anh. Với ngần ấy công sức, tâm lực, cống hiến cho đất nước và dân tộc, anh xứng đáng được trân trọng.

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC ANH - MỘT TƯỚNG LĨNH KIÊN CƯỜNG, MỘT ĐỒNG
CHÍ LÃNH ĐẠO KHIÊM TỐN VÀ NGHIÊM MINH

NGUYỄN THỊ BÌNH³

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, tôi chủ yếu hoạt động ở vùng tạm chiếm, ở thành phố Hồ Chí Minh (lúc đó là Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn). Ông cụ thân sinh của tôi thì ở Chiến khu miền Đông Nam Bộ. Do chuyên môn của ông cụ, nên từ đầu kháng chiến, cụ được phân công vào ngành Công binh - lúc đầu là Trưởng ban Công binh miền Đông, sau là Trưởng ban Công binh Nam Bộ.

Ông cụ, một trí thức yêu nước, tính tình điềm đạm, hiền hậu, được đồng sự và anh em cùng công tác quý mến. Nhưng cụ không nghĩ mình có thể phấn đấu vào Đảng, lúc đó tôi đã vào Đảng Cộng sản rồi. Mấy năm sau, cụ vui mừng báo cho tôi là cụ đã được kết nạp vào Đảng. Hỏi anh em cùng công tác với cụ, tôi được biết việc này là nhờ đồng chí Lê Đức Anh, lúc đó là Tham mưu phó Bộ tư lệnh Nam Bộ, người trực tiếp phụ trách ông cụ tôi, đánh giá được phẩm chất và sự cống hiến của cụ và đã thuyết phục được cụ gia nhập Đảng Cộng sản. Đồng chí Lê Đức Anh là một trong hai người giới thiệu cụ Nguyễn Đồng Hội (tức Bính, cha tôi) vào Đảng Cộng sản. Qua việc này, tôi có suy nghĩ tốt về đồng chí Lê Đức Anh. Tôi cho rằng một đồng chí lãnh đạo Đảng phải có cách nhìn người thực chất như vậy thì mới có thể thu hút vào Đảng những người tốt, có năng lực, làm cho Đảng vững mạnh được.

Đến năm 1974, tôi mới gặp và trực tiếp nói chuyện với đồng chí Lê Đức Anh lần đầu tiên. Sau khi ký Hiệp định Paris, trở về nước, tôi vượt Trường Sơn về căn cứ Trung ương Cục miền Nam để chào và báo cáo công tác với các đồng chí lãnh đạo Trung ương Cục và Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam. Thời điểm đó chúng ta đang ráo riết chuẩn bị cho chiến dịch mùa Xuân 1975. Sau khi gặp, làm việc với một số đồng chí lãnh đạo, tôi đến chào đồng chí Lê Đức Anh từ Khu 9 được điều về phụ trách Mặt trận miền Đông áp sát với Sài Gòn, là mặt trận nóng bỏng nhất lúc bấy giờ.

Đề đi lại trong vùng chiến khu, phương tiện tốt nhất là xe Honda. Tôi được một đồng chí thanh niên “đèo” ngồi sau, một xe thứ hai đi sau bảo vệ.

Anh em cho biết đồng chí Lê Đức Anh đang ở một điểm chỉ huy gần núi Bà Đen. Tôi yêu cầu đến tận nơi, dù lúc đó quân địch từ núi Bà Đen bắn đạn ra không ngớt. Và tất nhiên lực lượng của ta đang bao vây núi Bà Đen cũng từng lúc nã pháo dữ dội.

Tôi rất xúc động khi đồng chí bảo vệ đưa tôi ra một ruộng trồng sắn trên triền đồi thoải thoải, nhìn thấy đồng chí Lê Đức Anh đang ngồi trên chiếc ghế đầu thấp, ông nhòm ngấm về nơi chiến sự. Khi biết tôi đến, đồng chí Lê Đức Anh đứng lên niềm nở bắt tay tôi, thái độ bình thản và tươi cười như một nông dân đang làm vườn ra đón khách.

Cuộc nói chuyện không lâu vì mục đích khi đó của tôi là đến chào xã giao đồng chí và chúc mừng thành tích chiến đấu của quân dân ta trong những tháng trước. Cuộc gặp đó gây cho tôi những ấn tượng tốt đẹp về đồng chí Lê Đức Anh. Đồng chí là hình ảnh của một tướng lĩnh vững vàng, quả cảm, tạo cho người ta lòng tin ở chiến thắng.

Được nghe về thành tích của đồng chí Lê Đức Anh ở Nam Bộ, rồi ở Khu 9 và sau này ở Campuchia, tôi nghĩ cả cuộc đời của đồng chí là trên trận mạc, đồng chí đã từng ở những điểm nóng nhất của cuộc chiến đấu. Đồng chí được tôi rèn trong môi trường đó và đã có những công hiến xứng đáng cho đất nước.

Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, tôi không có dịp gặp lại đồng chí. Đến năm 1992, khi tôi được bầu làm Phó Chủ tịch nước, mà Chủ tịch nước lại là đồng chí Lê Đức Anh, tôi mới có dịp hiểu thêm về đồng chí. Năm năm công tác bên cạnh đồng chí đã để lại cho tôi những kỷ niệm tốt đẹp và những bài học quý báu.

Đồng chí Lê Đức Anh, một con người điềm đạm, ít nói nhưng suy nghĩ nhiều, sâu và có tính quyết đoán. Trong công việc, đồng chí luôn luôn giữ vững nguyên tắc.

Khi nhận nhiệm vụ Chủ tịch nước, đồng chí nói với chúng tôi: “Đảng lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối. Vì vậy, mọi việc hệ trọng của Đảng và Nhà nước, tôi sẽ bàn bạc và đề xuất với Bộ Chính trị và tôi sẽ thực hiện các quyết định do tập thể Bộ Chính trị thông qua”. Trên thực tế đồng chí đã làm như vậy.

Khi đi xuống địa phương, đồng chí chịu khó lắng nghe, góp ý để các đồng chí lãnh đạo địa phương suy nghĩ, nghiên cứu. Đồng chí chỉ phát biểu chỉ đạo những vấn đề thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

Tôi nhớ một số mẫu chuyện anh em cùng đi công tác ở Tây Nguyên với đồng chí nói lại. Đồng chí Lê Đức Anh đã lưu ý các đồng chí lãnh đạo địa phương về tình hình đất đai với bà con các dân tộc thiểu số: “Không nên để tình hình vì khó khăn hay vì không biết làm ăn mà bán đất đi, vì như vậy cuộc sống của họ lại càng khó khăn hơn, không đúng với chính sách của Đảng. Từ những vấn đề về kinh tế có thể dẫn đến vấn đề chính trị - xã hội”. Từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long trở về, đồng chí cũng tỏ băn khoăn về việc một số nông dân không còn đất, nơi làm ra nhiều lúa gạo cho đất nước mà cuộc sống của bà con lại nghèo, trình độ dân trí thấp. Cần phải sớm giải quyết vấn đề đất đai, hỗ trợ cho nông dân nghèo.

Lúc đó đồng chí phụ trách công tác quốc phòng, an ninh. Ở nhiều nơi, đồng chí có sự chỉ đạo rõ ràng, dứt khoát, không thể chỉ nghĩ đến kinh tế mà xem nhẹ an ninh đất nước. Nhưng trong suốt thời gian làm Chủ tịch nước, rồi làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, vấn đề đồng chí quan tâm, day dứt là tệ tham nhũng trong bộ máy của Đảng và Nhà nước. Trước một số sự việc tiêu cực mà đồng chí nắm được thông tin khá đầy đủ, đồng chí không những có ý kiến trực tiếp đến cơ quan, đơn vị liên quan, mà đôi khi còn công khai phê phán trên báo. Kết thúc nhiệm kỳ Chủ tịch nước, trong bài phát biểu trước Quốc hội, đồng chí nhấn mạnh đến chủ nghĩa cá nhân là nguyên nhân của các tiêu cực, tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, xa rời

quần chúng. Về cán bộ, đồng chí thường nói với chúng tôi là phải đánh giá trên hành động thực tế của từng người.

Trong những năm công tác với đồng chí Lê Đức Anh, tôi cảm thấy thoải mái. Đồng chí đã quan tâm đến những ý kiến đề xuất của tôi như là một cộng sự, do đó tôi nghĩ tôi đã phát huy được phần nào sở trường và kinh nghiệm của mình. Tôi được giao một số công tác về đối ngoại, đại diện cho Nhà nước, theo dõi đóng góp ý kiến cho công tác giáo dục và tham gia một số hoạt động xã hội.

Đến năm 1996, đồng chí Lê Đức Anh ốm nặng trong một thời gian tương đối dài, mọi người đều lo lắng. Nhưng rất may, đồng chí hồi phục lại được. Người thì cho là nhờ thuốc, nhờ thầy... Theo tôi, chị Lê, vợ đồng chí Lê Đức Anh, đã có nhiều công chữa chạy và chăm sóc, nhưng còn một nguyên nhân rất quan trọng nữa là ý chí kiên cường đấu tranh chống lại bệnh tật. Tinh thần đó đã giúp đồng chí vượt qua thử thách. Sau này, có lúc nói chuyện với chúng tôi, đồng chí cũng nói ý đó: đấu tranh chống lại bệnh tật cũng như đấu tranh chống kẻ thù xâm lược.

Trong nội bộ, thái độ của đồng chí Lê Đức Anh cũng rõ ràng, dứt khoát. Tôi nghĩ đồng chí vẫn giữ tác phong của người tướng lĩnh trên chiến trường, việc này không đơn giản vì có đụng chạm đến đồng chí này, đồng chí khác, nhưng khi đồng chí thấy cần làm, vẫn kiên quyết làm.

Trong cuộc sống riêng tư, đồng chí vô cùng giản dị. Có lẽ đến nay đồng chí và gia đình vẫn sống “cuộc đời người lính”.

Đối với tôi, anh Lê Đức Anh là một đồng chí xứng đáng với sự kính trọng của chúng ta, một tấm gương cần phải học tập.

CUỘC GẶP GỠ MÙA XUÂN

TRƯƠNG MỸ HOA⁴

Một sớm mùa xuân Giáp Thân - 2004, theo thông lệ và phong tục đẹp của người Việt Nam, tôi cùng đoàn cán bộ của Văn phòng Chủ tịch nước, trong đó có các anh Nguyễn Cảnh Dinh, Nguyễn Văn Chiền, Nguyễn Văn Bích, Nguyễn Hữu Lục...⁵ đến thăm và chúc Tết các đồng chí lãnh đạo tiền nhiệm, người đầu tiên chúng tôi đến là Đại tướng Lê Đức Anh, nguyên Chủ tịch nước. Tôi đã được nghe nhiều anh chị kể những ấn tượng đẹp về vị thủ trưởng nghiêm khắc nhưng giàu tình cảm và gần gũi với cán bộ này. Thời kỳ giữ trọng trách Chủ tịch nước, đồng chí Lê Đức Anh vẫn luôn thể hiện sự quan tâm sát sao tới từng cán bộ giúp việc ở các bộ phận khác nhau.

Cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước gian khổ và ác liệt, địa bàn hoạt động chính của đồng chí Lê Đức Anh là chiến trường vùng rừng núi miền Đông và nông thôn Nam Bộ. Còn tôi, tuổi tác vào cỡ con cháu lớp sau, địa bàn hoạt động chính ở vùng thành phố. Khi tôi bị địch bắt và giam cầm, thì địa bàn hoạt động của tôi là ở trong những trại tù của Mỹ - ngụy. Hồi ấy đồng chí Lê Đức Anh là Tư lệnh Quân khu 9, bà con cô bác và anh em cán bộ đều gọi đồng chí bằng cái tên thân mật là Sáu Nam. Cũng vào thời kỳ đó, đồng chí Võ Văn Kiệt là Bí thư Khu ủy kiêm Chính ủy Quân khu 9, được gọi bằng cái tên giản dị là Sáu Dân. Hai cái tên Sáu Nam, Sáu Dân này gợi lên những ấn tượng tình cảm rất đặc trưng Nam Bộ, tôi được nghe nhiều cán bộ, chiến sĩ, trong đó có nhiều người là cán bộ cao cấp kể nhiều chuyện về chú Sáu Nam với tất cả sự tự hào, sung sướng và một tình cảm trân trọng, quý mến đặc biệt. Ngay trong dịp chuẩn bị đón xuân Giáp Thân vừa qua, tôi có về làm việc ở hai tỉnh Cần Thơ và Hậu Giang, đến thăm tỉnh mới Hậu Giang - “khu trù mật” khét tiếng ác ôn hồi Mỹ - Diệm mang tên Chương Thiện. Các đồng chí và bà con kể cho tôi nghe chuyện Tư lệnh Sáu Nam đã cùng Khu ủy lãnh đạo và chỉ huy

bộ đội và nhân dân chiến đấu chống lại âm mưu bình định lấn chiếm, kế hoạch "tràn ngập lãnh thổ" của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu và quân đội Sài Gòn sau Hiệp định Paris năm 1973.

Hình ảnh đồng chí Sáu Nam, một vị Tư lệnh, một vị tướng tài ba, vừa rất cương nghị, vừa hết sức gần gũi, tình cảm với cán bộ, nhân dân vẫn được nhắc đến trong những câu chuyện của ngày hôm nay.

Tôi trực tiếp gặp đồng chí Lê Đức Anh vào năm 1986. Khi đó tôi được Đại hội lần thứ VI của Đảng tín nhiệm bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Đến Đại hội VII, tôi được bầu vào Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trong những dịp họp hành, tôi hay được đồng chí Lê Đức Anh hỏi han quan tâm, từ chuyện hoàn cảnh gia đình cho đến việc học hành của các cháu. Một lần đi cùng chuyến máy bay vào công tác phía Nam với đồng chí, đồng chí lại hỏi thăm chuyện này và ái ngại việc cháu phải xa mẹ, rồi gợi ý tôi nên nghĩ tới phương án hợp lý hóa gia đình, cho các cháu ra ngoài Hà Nội học tập một thời gian để được gần gũi, được hưởng sự chăm sóc của mẹ cho khỏi thiệt thòi. Tôi thấy lòng mình thực sự xúc động bởi sự quan tâm rất thiết thực, cụ thể của một đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đối với một cán bộ cấp dưới như tôi.

Thời kỳ đồng chí đang phải đảm đương trọng trách lớn của Đảng, Nhà nước, có đến thăm đồng chí cũng không có nhiều thời gian ngồi lâu. Bây giờ, khi đồng chí vào tuổi nghỉ ngơi thư thái, mỗi khi cùng mọi người đến thăm đồng chí, tôi đều muốn ngồi lâu hơn bên đồng chí để lắng nghe đồng chí chuyện trò tâm sự. Dịp đến thăm này cũng vậy...

Đại tướng năm nay đã vào tuổi 85. Thời gian vừa qua, đồng chí bị một cơn bệnh hiểm nghèo, nhưng đồng chí đã vượt qua được, đã bình phục sức khỏe, lại nhanh nhẹn, nhiệt tình đón tiếp các cán bộ cũ đã có thời làm việc trực tiếp với mình... Tết Giáp Thân năm nay, trời bỗng nhiên đổ lạnh tê tái. Nhưng trong nhà đồng chí thì

thật là ấm áp. Bác gái mang đĩa mứt ra mời chúng tôi. Vừa mời mọi người uống nước, ăn mứt, hỏi thăm sức khỏe, việc thăm Tết, chuẩn bị đón Tết của cơ quan, đồng chí vừa hào hứng kể chuyện mới đi thăm đền thờ Hai Bà Trưng ở Mê Linh, Vĩnh Phúc:

- Tôi thấy cây đa cô trồng lưu niệm ở trên đó đã khá lớn, vươn tán, trở nhiều rễ phụ đẹp lắm. Đại tướng nói, rồi hỏi tôi - Cô trồng cây đa ấy lâu chưa?

- Dạ, thưa Bác, cháu trồng đã được khoảng 10 năm rồi đấy ạ. Tôi đáp.

Theo các đồng chí lãnh đạo địa phương kể lại, chỗ cây đa tôi trồng ngày trước là cây xoài do đồng chí Trường Chinh trồng từ hồi còn hoạt động bí mật trước tháng 8-1945 và lấy đó làm hộp thư liên lạc. Năm tháng qua đi, cây xoài đã thành cổ thụ. Không biết vì lý do sâu bệnh hay sao, mà trong một trận bão, cây xoài đã bị đổ xuống. Rất may là nó không đổ vào phía trong nên không làm hư hại ngôi đền. Người dân ở đây nói rằng có lẽ do linh hồn Hai Bà thiêng lắm nên đã hướng cây xoài đổ ra phía ngoài để bảo vệ ngôi đền nguyên vẹn. Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ VII năm 1992, tôi được bầu làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Năm 1994, tôi được các cụ chủ trì lễ hội đền Hai Bà Trưng và các đồng chí lãnh đạo huyện Mê Linh mời làm Chủ tịch danh dự của Lễ hội, và tôi được trồng cây đa vào chỗ cây xoài bị đổ từ đó. Tôi coi đó là một vinh dự lớn. Việc làm này sẽ mang một ý nghĩa là thế hệ chúng tôi kế tiếp thế hệ tiền bối chăm lo cho sự nghiệp giải phóng và nâng cao vị thế của người phụ nữ. Hai Bà Trưng là biểu tượng, là niềm tự hào của cả dân tộc và cũng là của phụ nữ Việt Nam. Nên từ đó đến nay, mừng 6 Tết năm nào tôi cũng lên dự Lễ hội đền Hai Bà Trưng. Khi tôi không còn đảm nhiệm công tác phụ vận nữa, chuyển sang làm Phó Chủ tịch Quốc hội khóa X, có lần tôi đã đề nghị các cụ, các đồng chí cho tôi thôi làm Chủ tịch danh dự Lễ hội nhưng các cụ không cho. Các cụ bảo, dù làm công tác gì thì tôi cũng nên chú trọng quan tâm đến phụ nữ và như thế thì đảm nhiệm chức Chủ tịch vẫn là phải lẽ. Nghe

vậy, tôi lại không dám từ chối nhiệm vụ ấy nữa, mà càng thấy trách nhiệm của mình nặng hơn. Nhân dân vùng này vẫn rất quý, rất thương tôi. Tôi nhận ra điều này khi mỗi năm mình lại có dịp về thăm và làm nhiệm vụ mà các cụ tín nhiệm giao cho.

Từ chuyện cây đa của tôi trông, như muốn bày tỏ những suy nghĩ đã lâu nay làm mình phải trăn trở, Đại tướng tiếp tục nói bằng giọng bức xúc:

- Tôi thấy ngôi đền thờ Hai Bà Trưng đang xuống cấp lắm. - Đại tướng dừng lại ngẫm nghĩ một lúc rồi nói tiếp. - Ngôi đền cần phải được tu bổ, tôn tạo kịp thời cho tương xứng với tầm vóc Hai Bà Trưng, vì Hai Bà là niềm tự hào của dân tộc ta. Hai Bà Trưng đã có những công lao đặc biệt to lớn đối với lịch sử, với đất nước.

Đại tướng còn phân tích thêm rằng, ngôi đền thờ này so với nhiều ngôi đền thờ những vị anh hùng dân tộc khác thì không có quy mô và trang trọng bằng. Trong khi đó thì vị thế của Hai Bà Trưng chính là vị thế của những người anh hùng cứu nước đầu tiên của lịch sử dân tộc Việt Nam chúng ta. Rồi đồng chí tiếp tục hỏi tôi:

- Thế cô đã đến thăm đền thờ Bà Triệu ở Thanh Hoá chưa? - Không đợi tôi trả lời, Đại tướng nói tiếp: "Ngôi đền thờ Bà Triệu cũng xuống cấp và xập xệ lắm. Có phải vì các Bà là nữ anh hùng nên không được chú trọng như nam anh hùng không?" Đồng chí cho rằng, ở đây có biểu hiện chưa công bằng trong việc ghi ơn của những bậc ái quốc. Đồng chí mong muốn là phải làm sao cho những công trình này có tầm vóc tương xứng với những công lao mà Hai Bà Trưng và Bà Triệu đã đóng góp cho lịch sử đất nước và xứng với niềm tự hào của dân tộc ta về các Bà. Những công trình đó chính là nơi để gìn giữ, giáo dục truyền thống cho các thế hệ con cháu noi theo gương Hai Bà Trưng, Bà Triệu để lập nên những kỳ tích mới, phát triển đất nước hiện nay.

Đồng chí rất vui khi nghe tôi báo cáo là từ năm ngoái, đã có một đề án tôn tạo nhằm xây dựng ngôi đền Hai Bà Trưng thành một khu di tích có quy mô lớn hơn. Nhân kỷ niệm 1963 năm ngày khởi nghĩa Hai Bà Trưng, chúng tôi đã kêu gọi sự đóng góp của nhân dân để góp phần tôn tạo đền thờ Hai Bà. Hưởng ứng lời kêu gọi đó, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã phát động một cuộc vận động trong phụ nữ cả nước đóng góp vào việc tôn tạo và xây dựng khu đền Hai Bà Trưng. Số tiền cuộc vận động thu được đến nay đã lên đến 10 tỷ đồng, không chỉ là của chị em phụ nữ trong nước đóng góp mà còn có những đồng chí nam giới cũng tham gia. Tôi có nhận được bức thư của một đồng chí nam giới bày tỏ băn khoăn là tại sao việc đóng góp trên lại chỉ phát động phụ nữ tham gia mà không cho nam giới đóng góp. Tôi đã trả lời đồng chí đó là: Hai Bà Trưng là niềm tự hào chung của cả dân tộc ta, bất cứ ai hưởng ứng tham gia việc này, chúng tôi đều nhiệt liệt hoan nghênh. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là tổ chức đại diện cho giới nữ nên sốt sắng, nhiệt tình, tích cực hưởng ứng, nhưng điều đó không có nghĩa là chỉ dành riêng cho phụ nữ đóng góp. Rồi tôi báo cáo với Đại tướng là sắp tới, tôi sẽ trực tiếp lên để kiểm tra tiến độ triển khai việc tôn tạo và xây dựng công trình này, rồi về tôi sẽ thưa lại với Đại tướng. Đại tướng phản khởi hẳn lên.

Từ câu chuyện về ngôi đền Hai Bà Trưng và đền thờ Bà Triệu mà Đại tướng đề cập, tôi cảm nhận những lời chân tình của đồng chí xuất phát từ sự đồng cảm, khâm phục sâu sắc công lao của Hai Bà Trưng, Bà Triệu. Và không chỉ thế, điều ấy còn bắt nguồn từ mối quan tâm của đồng chí về công tác vận động phụ nữ, nêu cao vai trò của người phụ nữ trong thời kỳ đổi mới đất nước. Trong chiến tranh, tất cả phải hy sinh quên mình vì mục tiêu độc lập, tự do của Tổ quốc. Trong hoà bình, dựng xây, chúng ta phải chú trọng chăm lo đời sống mọi mặt và hạnh phúc dưới mỗi mái nhà của từng người dân. Quan tâm tới việc đề ra những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước nhằm giải phóng và nêu cao vai trò của

người phụ nữ sẽ tác động thiết thực tới việc thực hiện các mục tiêu trên. Đây cũng là đường lối nhất quán của Đảng ta ngay từ khi ra đời năm 1930 đến nay. Khi đó, Đảng đã đặt mục tiêu thực hiện nam nữ bình quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của phụ nữ trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Đảng tiếp tục khẳng định động lực và vai trò to lớn của phụ nữ trong việc thúc đẩy xã hội tiến lên. Ngày nay, xã hội đã quan tâm nhiều hơn đến vấn đề gia đình và trẻ em chính là bắt nguồn từ nhận thức trong đường lối của Đảng, nhất là từ những văn kiện được hình thành và xây dựng vào giữa những năm 90 thế kỷ XX. Hồi đó, đồng chí Lê Đức Anh là Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước, đã cùng các đồng chí trong Bộ Chính trị đặt vấn đề, tạo điều kiện và có vai trò chỉ đạo hết sức quan trọng để hình thành nên Nghị quyết 40 của Bộ Chính trị (1993) mang tiêu đề *"Đổi mới và tăng cường công tác phụ nữ trong tình hình mới"*. Nghị quyết đã đề cập vấn đề gia đình và vai trò của phụ nữ. Đây là lần đầu tiên sau khi kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng ta có một nghị quyết riêng về vấn đề phụ nữ. Hồi đó, tôi là Bí thư Đảng Đoàn phụ nữ Trung ương, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Chủ tịch Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ, nên được Ban Bí thư phân công chuẩn bị dự thảo văn kiện này. Trong phiên họp của Bộ Chính trị, đồng chí Lê Đức Anh là một trong những người chủ trì, đã phát biểu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ra đời nghị quyết phụ nữ với những quan điểm rõ ràng để định hướng phát triển cho phong trào phụ nữ trong tình hình mới, để tương xứng vị thế của hơn một nửa dân số nước ta. Nghị quyết đã được Bộ Chính trị nhất trí thông qua. Nghị quyết này đã xác định chức năng cụ thể của người phụ nữ là: công dân, người lao động, người mẹ và là người thầy đầu tiên của con người. Điều đó đã khẳng định sự bình đẳng của phụ nữ dưới nhiều khía cạnh từ xã hội, pháp luật, đóng góp xây dựng và cũng đề cao thiên chức của người phụ nữ. Xác định phụ nữ là người thầy đầu tiên của con người là vấn đề rất khoa học, mới mẻ và tiến bộ. Từ

Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị đến văn kiện Đại hội lần thứ VII của Hội phụ nữ nêu lên một số vấn đề chuẩn bị cho phụ nữ vững bước tiến vào thế kỷ XXI với những phẩm chất cần thiết như: phải có sức khỏe, trí tuệ, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính đáng, biết quan tâm tới lợi ích xã hội và cộng đồng; bốn chuẩn mực cơ bản về xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới cũng đã được đặt ra, đó là: *no ám, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc*. Những chuẩn mực này sẽ tạo nên sự bền vững của gia đình Việt Nam, tế bào của xã hội. Từ đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng, vấn đề phụ nữ gắn với gia đình và trẻ em đã từng bước được thể hiện hoàn thiện hơn trong Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi). Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định chọn ngày 28 tháng 6 hàng năm là "Ngày gia đình Việt Nam". Tháng 8-2002, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá XI đã quyết định thành lập Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, một cơ quan ngang bộ, quản lý nhà nước về vấn đề này...

Rõ ràng là cùng với thời gian, tình hình thế giới và trong nước ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực đan xen những thách thức khó khăn, hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị, Đảng, Nhà nước và nhân dân càng nhận thức sâu sắc, đúng đắn về vai trò, vị trí của người phụ nữ, đặc biệt người phụ nữ Việt Nam ý thức hơn về trách nhiệm đối với gia đình và xã hội trong thời kỳ mới. Đạt được kết quả nêu trên phải kể đến những đóng góp to lớn, quan trọng của Đại tướng - nguyên Chủ tịch nước Lê Đức Anh.

Được tiếp xúc, làm việc, nhất là cuộc gặp gỡ đầu xuân Giáp Thân mới đây với đồng chí Lê Đức Anh, tôi càng nhận thấy tư duy sáng suốt và tình cảm đậm sâu của đồng chí - một vị tướng thời chiến tranh, một nhà lãnh đạo chính trị trong thời kỳ đất nước hoà bình, đổi mới - cần tập trung mọi nguồn lực để xây dựng và phát triển đất nước, đặc biệt quan tâm tăng cường nguồn nhân lực là phụ nữ, lực lượng chiếm hơn nửa bầu trời của Tổ quốc Việt Nam.

MỘT NHIỆM KỲ ĐÃ GHI VÀO LỊCH SỬ

NGUYỄN VIỆT DŨNG⁶

Tôi rất vinh dự đã được cùng với tập thể anh chị em làm việc ở Văn phòng Chủ tịch nước phục vụ công việc nhà nước của Chủ tịch nước Lê Đức Anh.

Tôi cảm nhận sâu sắc rằng: Trong nhiệm kỳ của mình từ năm 1992 đến 1997, đồng chí Lê Đức Anh trên cương vị là uỷ viên Bộ Chính trị và Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đã đem hết tâm trí cùng với các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước có những đóng góp to lớn vào việc đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước.

Những thành tựu quan trọng mà nhân dân ta đã đạt được trong thời gian 5 năm này đã đưa nước ta thoát khỏi những khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang thời kỳ mới, ổn định và phát triển, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bộ mặt của đất nước và cuộc sống của nhân dân đã có sự thay đổi, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội được củng cố vững chắc, vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao.

Để đánh giá đầy đủ sự cống hiến to lớn của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc trong thời gian nói trên, tôi thiết nghĩ cần nhắc lại rằng bước vào cuối thế kỷ XX, đất nước ta còn đầy sóng gió, khó khăn lớn: nước ta chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã có tác động không nhỏ, làm mọi người lo lắng, một số người đã dao động, trong khi đó nước ta vẫn tiếp tục bị bao vây cấm vận.

Đến nay, sau 15 năm đổi mới, nhân dân ta đã thu được những thắng lợi to lớn, rất đáng tự hào trên tất cả các lĩnh vực và đang vững bước đi lên. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IX đã khẳng định: Trước mắt nhân dân ta có cả cơ hội lớn và thách thức lớn. Bốn nguy cơ mà Đảng đã từng chỉ rõ, không thể xem nhẹ nguy cơ nào. Đảng và Nhà nước đã nhấn mạnh: Tình hình tham nhũng, quan liêu và sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong bối cảnh tình hình đất nước như hiện nay, tôi rất tâm đắc nhớ lại: Trong bài phát biểu ngày 2-4-1997, tại kỳ họp lần thứ 11 Quốc hội khóa IX khi kết thúc nhiệm kỳ, Chủ tịch Lê Đức Anh đã cảnh báo: Tình hình chủ nghĩa cá nhân đang có chiều hướng phát triển, biểu hiện muôn hình muôn vẻ trong các doanh nghiệp, trong các cơ quan nhà nước, làm tổn hại không nhỏ đến sự đoàn kết, đến tài sản nhà nước và kiềm chế sự phát triển của đất nước, làm giảm niềm tin với Đảng và Nhà nước. Đồng chí Lê Đức Anh khi ấy đã nhắc lại lời dạy của Bác Hồ kính yêu: “Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó”. Đồng chí đã kêu gọi chúng ta phải tìm mọi biện pháp để đẩy lùi và loại trừ chủ nghĩa cá nhân trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước thì mới đẩy lùi được mọi nguy cơ, mới hoàn thành được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong tâm trí của nhiều người, một trong nhiều sự kiện đáng ghi nhớ trong nhiệm kỳ của Chủ tịch nước Lê Đức Anh là việc Đảng và Nhà nước ta quyết định phong tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Bản thân tôi còn khắc sâu kỷ niệm khó quên về buổi lễ trọng thể và ấm áp lòng người ngày 19-12-1994 tại Phủ Chủ tịch. Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta đã ân cần đón tiếp và trân trọng trao tặng Bằng và Huy chương Bà mẹ Việt Nam anh hùng lần đầu tiên cho 60 bà mẹ tiêu biểu cho mọi miền đất nước. Trong buổi lễ này, mọi người tham dự

đã không cảm được xúc động, nước mắt lưng tròng, khi chứng kiến Chủ tịch Lê Đức Anh trao tặng từng Bà mẹ tấm Bằng và Huy chương cao quý đó.

Những hình ảnh về thành tích vẻ vang của các Bà mẹ Việt Nam anh hùng mãi mãi nói lên tinh thần đấu tranh anh dũng, bất khuất cũng như tư tưởng và đạo lý cao cả của dân tộc Việt Nam là *uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây*.

NHỮNG DẤU ẤN SÂU ĐẬM VỀ ANH

Thượng tướng NGUYỄN TRỌNG XUYÊN⁷

Đầu năm 1964, tôi làm Tham mưu trưởng Khu 6 (Cực Nam Trung Bộ), được Bộ Tư lệnh Miền và Quân khu cho ra Bắc chữa bệnh, kết hợp báo cáo tình hình và xin bổ sung lực lượng, vũ khí trang bị...

Sau đó tôi làm việc với anh Văn Tiến Dũng, Tổng tham mưu trưởng. Anh đã giải quyết các yêu cầu cho Khu 6, đồng thời cho phép tôi trở về miền Nam theo Đường Hồ Chí Minh trên biển, trên con tàu Không số chở vũ khí chi viện cho đồng bào và chiến sĩ miền Nam.

Sau những ngày lênh đênh trên sóng nước, tàu cập bến huyện Thạnh Phú tỉnh Bến Tre, chúng tôi theo đường giao liên qua tỉnh Mỹ Tho, qua cánh đồng "Chó ngáp" đến trạm liên lạc của Miền (B2). Nghe tin tôi đến trạm giao liên, anh Lê Đức Anh (anh Sáu Nam) cử người ra đón tôi vào thẳng chỗ anh làm việc, đồng thời cũng là nơi ăn ở của anh. Lúc này, anh Lê Đức Anh là Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền. Tuy chưa hề quen biết nhau nhưng anh tiếp tôi với thái độ thân tình, niềm nở, tạo không khí hoà nhập ngay từ đầu. Anh bảo, hãy tranh thủ nghỉ ngơi cho lại sức rồi ta sẽ làm việc; rồi anh quay sang đồng chí cần vụ và bảo: "Bố trí anh Xuyên nghỉ chung cùng lán với tôi và hàng ngày cùng ăn cơm với tôi để tranh thủ trao đổi công

việc". Tôi rất xúc động về sự chăm sóc ân cần của đồng chí Tham mưu trưởng Bộ Tư lệnh Miền với tôi là một Tham mưu trưởng của Quân khu. Anh bố trí để tôi báo cáo tình hình khi nhận nhiệm vụ ở miền Bắc. Anh nghe rất chăm chú, nhất là những ý kiến của đồng chí Lê Duẩn và các đồng chí lãnh đạo Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ đối với Khu 6 trong thời gian sắp tới. Về nhiều nội dung anh rất tâm đắc, anh hỏi rất cặn kẽ như để hiểu cho rõ, nắm cho chắc. Cách làm việc của anh thật nhẹ nhàng, thoải mái. Đó là cách làm việc không phải bằng các cuộc họp hành mà chính là bằng các cuộc trao đổi tâm tình thân thiết như anh em xa nhau lâu ngày mới gặp lại. Những cuộc trao đổi như vậy diễn ra trong mọi lúc, mọi nơi, kể cả trong các bữa ăn. Anh còn hỏi thăm sức khỏe của tôi và thời gian điều trị ở miền Bắc. Khi tôi nói về gia cảnh vợ và hai con tôi hiện đang sống ở miền Nam trong sự o ép đủ bề của bè lũ Mỹ - ngụy, con thứ hai của tôi từ khi sinh ra đến giờ vẫn chưa thấy mặt cha, vợ tôi thì bị bắt đi tù vì hoạt động cách mạng và có chồng đi tập kết, nghe đến đây, với giọng đầy thương cảm và xúc động, anh an ủi và động viên là tôi còn may mắn, còn liên lạc được với gia đình và có người vợ kiên gan và thủy chung như vậy.

Những ngày ở Bộ Tham mưu Miền, tôi đều được anh cho đi dự các buổi giao ban và các buổi làm việc của cơ quan, giúp tôi hiểu thêm tình hình và những kinh nghiệm thực tiễn phong phú và sinh động của các mặt trận trong toàn miền. Tôi nhớ mãi trong một cuộc họp có đồng chí cán bộ đề xuất là ta cần phải tập trung sức lo cho phong trào đồng bằng và đô thị. Nghe vậy, anh đã có ý kiến chấn chỉnh; anh nhắc nhở mọi người là cần phải nắm vững phương châm "ba vùng", không được xem nhẹ vùng rừng núi, xây dựng các mặt ở vùng rừng núi vững mạnh, có "làm chủ núi rừng" mới tạo thành bàn đạp cho các cuộc tấn công cũng như bảo vệ hành lang Nam - Bắc. Nghe anh nói, tôi cảm nhận sâu sắc là anh đã nắm vững, kiên định và quyết tâm thực hiện cho bằng được phương châm, đường lối chiến tranh nhân

dân của Đảng, kịp thời uốn nắn những nhận thức chưa hoàn chỉnh, bồi dưỡng những vấn đề cơ bản cho cấp dưới ngay trong hoạt động thực tiễn sinh động. Thời gian ở Bộ Tham mưu không lâu, nhưng tôi đã học tập được ở anh nhiều điều bổ ích. Và qua đó, tôi thấy anh là một cấp lãnh đạo có phương pháp bồi dưỡng cán bộ rất thực tế, nhẹ nhàng mà thấm thía.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, với tinh thần chiến đấu kiên cường và dũng cảm vô song của quân và dân hai miền, ngày càng thu được những thắng lợi to lớn, dồn đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ngày càng lâm vào thế bị động, thế thua, buộc chúng phải ngồi vào bàn hội nghị, phải ký Hiệp định Paris về Việt Nam. Theo Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam: Đây là thắng lợi to lớn, thắng lợi vĩ đại, thắng lợi lịch sử, thắng lợi chưa từng có truyền khắp trong nước và thế giới.

Trong lúc ấy, đã diễn ra một cuộc họp ở Miền rút kinh nghiệm của một số nơi về thi hành Hiệp định. Anh Lê Đức Anh, lúc đó là Phó tư lệnh Miền kiêm Tư lệnh Quân khu 9, đã phát triển đại ý: "Kinh nghiệm ở Quân khu 9, có Hiệp định đó là cơ sở pháp lý tốt, ta phải tận dụng cho hết giá trị của nó để tiến hành các mặt đấu tranh buộc địch phải thi hành Hiệp định. Nhưng không được mơ hồ ảo tưởng, tin vào thiện chí của kẻ thù, ta có kinh nghiệm xương máu trong đấu tranh thi hành Hiệp định Giơnevơ 1954. Phải thấy cho hết những âm mưu và thủ đoạn thâm độc, ngoan cố và lật lọng của đế quốc Mỹ và tay sai. Do đó, cuộc đấu tranh này còn rất gay go quyết liệt trên các mặt, kể cả đấu tranh vũ trang. Chính vì vậy, không được chống súng ngồi chờ kẻ thù tự giác thi hành Hiệp định, mà phải kiên quyết đấu tranh bằng tất cả mọi phương thức, với mọi phương tiện, tạo thành sức mạnh tổng hợp mới có thể buộc địch phải thi hành Hiệp định. Phải tranh thủ chớp thời cơ, tận dụng thời gian, chủ động tấn công tiêu diệt đồn bốt địch, phá áp chiến lược, giành dân, giải phóng đất đai, tạo thế mới, lực mới cho cách mạng. Nhờ làm được như

vậy nên chiến trường Quân khu 9 không những vẫn giữ vững được vùng giải phóng mà còn tấn công tiêu diệt địch, mở rộng thêm vùng giải phóng, tạo được thế mới lực mới cho cuộc tấn công tiếp theo." Anh nói ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, dứt khoát, đầy tự tin, có sức thuyết phục và truyền cảm mạnh mẽ đối với chúng tôi là những người ngồi nghe. Điều đó càng làm cho mọi người cảm nhận sâu sắc rằng anh Lê Đức Anh là một nhà lãnh đạo, chỉ huy có tầm nhìn chiến lược, nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng, quán triệt đường lối, phương châm và phương pháp đấu tranh cách mạng ở miền Nam. Ở anh thể hiện khá rõ tính kiên định cách mạng, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, từ đó anh mới có được sự nhạy bén, linh hoạt và sáng tạo trong việc đấu tranh buộc quân địch thi hành Hiệp định, đưa đến những thành công như vậy. Trong khi đó có nơi do còn lưỡng lự nên để kẻ địch lấn chiếm, còn ta thì lâm vào bị động. Bài học kinh nghiệm thực tiễn của Quân khu 9 đã giúp cho Khu 6 chúng tôi rất nhiều. Chúng tôi mạnh dạn hơn, tự tin hơn và kiên quyết đánh trả, đập tan những cuộc hành quân của địch, giữ vững vùng giải phóng. Trên địa bàn Khu 6, chúng tôi cũng mạnh mẽ và kiên quyết tấn công tiêu diệt địch, phá áp chiến lược, giành dân, mở rộng vùng giải phóng, tạo được thế mới và lực mới, nhờ đó đã phối hợp với bộ đội chủ lực của Bộ và của Miền thực hiện giải phóng Khu 6 vào đầu năm 1975.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi hoàn toàn. Quân và dân Việt Nam đã thực hiện trọn vẹn lời dạy của Bác Hồ vĩ đại "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào". Đất nước ta đã sạch bóng quân xâm lược. Tổ quốc được thống nhất, giang sơn liền một dải. Chính trong hoà bình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tôi mới may mắn có điều kiện công tác dưới sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của anh Lê Đức Anh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Lúc này tôi làm Tư lệnh Quân khu 3. Anh rất quan tâm đến tình hình chiến sự ở biên giới. Tôi nhớ mãi trong chuyến anh xuống kiểm tra tình hình sẵn sàng chiến đấu của Quân khu 3.

Tôi đưa anh đi kiểm tra một số đơn vị và báo cáo tình hình Quân khu, nhất là tuyến biên giới Quảng Ninh. Anh đã nghiên cứu cách bố trí lực lượng, khả năng và sức chiến đấu của bộ đội trên toàn tuyến.

Khi về làm việc với Đảng ủy và Bộ tư lệnh Quân khu, anh chỉ thị về chấp hành chủ trương mới của Bộ Chính trị. Với cách nói ngắn gọn, rõ ràng và dứt khoát, anh ra lệnh phải nhanh chóng chuẩn bị các vị trí để đưa các sư đoàn bộ binh và các lữ đoàn binh chủng đang bố trí sát biên giới về phía sau, các binh chủng hỏa lực cũng chỉ để lại một số đơn vị trực chiến, còn đại bộ phận cũng lui về phía sau. Trên mỗi huyện ở biên giới, trước mắt để lại một trung đoàn, đây chỉ là "liều thuốc an thần", chứ sau này trên mỗi huyện chỉ để lại một tiểu đoàn là đủ. Phải chăm lo xây dựng dân quân du kích và tự vệ trên toàn tuyến biên giới cho thật mạnh. Các đơn vị về phía sau cần phải tranh thủ huấn luyện, bồi dưỡng các mặt, bảo đảm sức chiến đấu và sẵn sàng cơ động. Anh truyền thụ lòng tin vững chắc cho cấp dưới trong thi hành. Chủ trương rút phần lớn lực lượng trên tuyến biên giới về phía sau là chính xác, đã giảm bớt cho ta biết bao khó khăn trong việc giải quyết đời sống, bảo đảm sức khoẻ cho bộ đội, góp phần quan trọng cải thiện thể chiến lược trong toàn quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, cải thiện thể trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Năm 1988, tôi được điều về làm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, đến năm 1993 được giao Thứ trưởng thường trực.

Cho đến thời điểm này, cuộc sống của bộ đội, nhất là bộ đội ở các tuyến đảo và biên giới còn muôn vàn khó khăn. Anh chỉ đạo việc tổ chức các đơn vị sản xuất ở các cấp; quân đội phải tự lo một phần về bảo đảm vật chất, không được chỉ ngồi chờ cấp trên phát xuống. Anh chỉ thị cho tôi, bằng mọi biện pháp bảo đảm cải thiện đời sống của bộ đội ở Trường Sa, trước mắt bảo đảm rau xanh và thịt, cá tươi. Đây là vấn đề rất khó vì rau vận chuyển từ đất liền ra bằng tàu thủy thì bị nhiễm mùi

hôi của xăng dầu không thể nào ăn được, còn ở các đảo thì toàn là đá và cát sỏi. Chấp hành chỉ thị của anh, tôi đã bàn với cơ quan Tổng cục Hậu cần làm hàng trăm cái khay bằng gỗ và đưa đất từ Khánh Hoà ra để trồng rau tại đảo, giải quyết thành công vấn đề rau xanh. Cho đến nay, bộ đội ở cả đảo nổi và đảo chìm, mùa nào loại rau đó, có rau ăn hàng ngày và rau ăn cả năm. Nhưng còn một việc anh giao mà chúng tôi chưa làm được, đó là nuôi cá lồng ở các đảo, vì lúc đó chưa khắc phục được một số vấn đề về kỹ thuật.

Quân đội ta kể từ khi mới thành lập đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh trong điều kiện khó khăn ác liệt. Do vậy, công tác bảo đảm hậu cần vẫn theo phương thức cấp phát bằng hiện vật, Tổng cục Hậu cần nhận từ các nguồn của Nhà nước rồi đem về cấp phát cho các đơn vị trong toàn quân. Phương thức này thuận lợi trong điều kiện chiến tranh, còn trong hoà bình xây dựng theo cơ chế thị trường thì rõ ràng có hạn chế. Tôi báo cáo với anh Lê Đức Anh và đề xuất xin bảo đảm hậu cần theo phương thức mới, tức là được nhận thẳng ngân sách của Nhà nước. Anh nghe tôi báo cáo rất chăm chú, hỏi một số điều, tôi đã báo cáo kỹ trở lại. Sau khi suy nghĩ cân nhắc, anh nhất trí cho làm sau khi đã báo cáo và được Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ đồng ý. Kể từ đó, quân đội ta đã thực hiện tiền tệ hoá công tác bảo đảm hậu cần, nghĩa là Nhà nước chỉ cấp tiền, còn việc mua sắm vật chất thì do Tổng cục Hậu cần và Cục Tài chính chịu trách nhiệm quản lý thực hiện. Từ khi thực hiện phương thức mới này, công tác bảo đảm hậu cần được chủ động hơn, chất lượng vật chất tốt hơn, mà vẫn bảo đảm đủ tiêu chuẩn chế độ cho bộ đội và có dự trữ cho sẵn sàng chiến đấu. Qua việc này, tôi học được ở anh Lê Đức Anh tính nhạy bén với cái mới do thực tiễn đặt ra, đồng thời cũng rất cân trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi đưa ra quyết định.

Để thực hiện Nghị quyết 47 của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương về chủ trương giảm quân số, có nhiều vấn đề phải giải quyết, nhất là những vấn đề nhạy

cảm xung quanh việc chăm lo đời sống và hậu phương quân đội, vấn đề nhà ở cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và công nhân quốc phòng. Nhờ có Nghị quyết 47 nên hàng vạn gia đình cán bộ đã có chỗ ở đoàn tụ, ổn định cuộc sống gia đình, bước vào cuộc sống đời thường, giảm quân số đúng theo kế hoạch mà không xảy ra sai sót lớn. Anh chị em đều nói lên lòng biết ơn của mình đối với Đảng và Quân đội, trong đó ghi nhận vai trò của đồng chí Bộ trưởng Lê Đức Anh.

Với bài viết này, tôi muốn nói lên những điều học tập ở anh và những dấu ấn sâu đậm về anh Lê Đức Anh - anh Sáu Nam kính mến!

ANH SÁU LÀ MỘT CÁN BỘ: HÀNH ĐỘNG THÌ SÂU SÁT, THỰC TẾ, NHƯNG TƯ DUY THÌ Ở TẦM CHIẾN LƯỢC

Trung tướng NGUYỄN THỚI BỪNG⁸

Tổng khởi nghĩa tháng Tám, tôi còn nhỏ nhưng đã nghe: bên này (Sài Gòn - Gia Định) có Hoàng Tế Thế, Tô Ký, bên Thủ Dầu Một có anh Năm Thi, anh Lê Đức Anh tức Sáu Nam. Anh Sáu hoạt động từ các đồn điền cao su Xa Cam, Xa Cát. Tìm mọi cách đấu tranh cả hợp pháp và bất hợp pháp. Nhiều cách chèo lái để vượt qua được những ngày tháng khó khăn nhất sau cuộc khủng bố đẫm máu của giặc Pháp ở những năm "hậu khởi nghĩa Nam Kỳ" không thành công.

Anh là một người có công xây dựng lực lượng vũ trang miền Đông. Tôi cũng biết được mối quan hệ rất chặt giữa lãnh đạo hai tỉnh cách nhau con sông Sài Gòn. Bên kia Thủ Dầu Một, bên này Sài Gòn - Gia Định, nên đã giúp nhau xây dựng lực lượng ngay từ những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

Khi thành lập khu Sài Gòn - Gia Định, anh được bổ nhiệm làm Tham mưu trưởng Khu. Tôi càng biết anh thêm. Anh quan hệ, đối xử với các anh Phan Trọng Tuệ, Tô

Ký, Trần Văn Trà... rất đúng mực. Góp sức nhau xây dựng lực lượng vũ trang. Khi tập kết, anh ở cục Tác chiến, rồi Quân lực, tôi ở bên Tác chiến. Anh cũng góp nhiều công sức trong xây dựng đường lối quân sự của Đảng ta. Trong những chuyến đi nước ngoài, nhất là đi Trung Quốc, anh có nhiều luận điểm rất độc lập, bởi cách tiến hành chiến tranh cách mạng của Trung Quốc khác với ta.

Khi anh đang đảm nhiệm chức Tham mưu trưởng Miền, sau chiến dịch Bình Giã, lần đầu tiên tôi được anh gọi lên giao nhiệm vụ. Lúc đầu chủ lực của B2 chỉ có hai trung đoàn (1 và 2), sau đó đưa từ miền Tây Nam Bộ lên miền Đông hai trung đoàn là Trung đoàn 3 và Trung đoàn 5, tôi làm Trung đoàn trưởng Trung đoàn 5. Tôi thấy anh Sáu Nam là cán bộ cấp cao nhưng giao nhiệm vụ cho cấp dưới rất sâu sát. Bộ đội của Trung đoàn miền Tây vốn quen sống ở vùng đồng bằng sông nước nên họ không hiểu miền Đông, nhất là cách chăm lo xây dựng về chính trị. Những câu nói ban đầu của anh làm cho tôi nhận thức rõ: phải chăm lo cho bộ đội, đặc biệt về chính trị tư tưởng. Điểm thứ hai là, một trung đoàn sinh ra, cuộc sống và chiến đấu của bộ đội đều do dân nuôi dưỡng.

Dấu ấn đầu tiên về anh tại căn cứ Dương Minh Châu, bắc Tây Ninh tháng 5-1965 trong tôi là như vậy.

Trong Tổng tiến công Mậu Thân 1968, có hai vấn đề tôi không thể quên được:

Một là, sát ngày giờ nổ súng, anh Sáu thay mặt Bộ chỉ huy Miền đi giao nhiệm vụ cho các đơn vị ở Biên Hoà. Lúc đó, tôi làm Phó Sư đoàn trưởng Sư đoàn 9. Tôi cùng anh đi xuống vùng An Phú Xã, nay là Trung An thuộc huyện Củ Chi, là vùng ven thành phố Sài Gòn. Dịch càn, trực thăng bay rầm trời, chúng tôi phải nhanh chóng thoát ra khỏi vùng trắng này. Anh đã rất bình tĩnh cùng anh em thoát ra được. Sau đó, anh cùng chúng tôi bám trụ cho tới khi diễn ra cuộc tổng tiến công Mậu Thân. Nói đến kỷ niệm này để nhớ đến nhiều lần sau này, nhất là khi chiến trường Campuchia ác liệt, tôi càng quý mến, kính trọng anh.

Qua đợt hai Mậu Thân, tôi theo sát hai trung đoàn 1 và 3 tiến công vào trung tâm thành phố. Một đợt chiến đấu rất căng ở khu vực Cầu Tre, đường Sư Vạn Hạnh, Vườn Lài. Cuộc tiến công từ Vườn Thơm - Bà Vụ (thuộc huyện Đức Hoà - Bình Chánh bây giờ) ở phía tây thành phố rất ác liệt. Giữa lúc đợt hai đang nhùng nhằng thì chúng tôi nhận được bức điện của anh Sáu. Tôi tự hiểu là ta đang gặp khó khăn. Từ linh cảm gì đó, anh ra lệnh đưa tôi ra khi đồng chí cần vụ của tôi hy sinh. Anh Hai Tường nói lại với tôi là anh Sáu đã bàn với anh Hai Tường đưa tôi ra để giữ cán bộ. Tôi có suy nghĩ - ta quyết tâm rất cao để giành thắng lợi thì phải biết hy sinh, nhưng không vì thế mà không giữ cán bộ nòng cốt cho quân đội. Hẳn đây là ý định của anh. Lúc đó anh ở bên sông Vàm Cỏ Đông, trực thăng bay dạt cây cỏ, ta lộ ra là chết liền, nên anh ở vành đai cũng rất ác liệt. Anh thường nói với anh em: "Bom đạn đầy trời thế này, chết là chuyện bình thường, sống thì mới kỳ!". Lúc đó anh làm Tư lệnh cánh quân Tây Nam, thấy cần thì anh có cách bảo vệ cán bộ cấp dưới của mình.

Trong chiến tranh biên giới Tây Nam (1977) khi Pôn Pốt đánh sang biên giới ta rồi, anh Sáu là Tư lệnh kiêm Chính uỷ Quân khu 7. Anh được phân công phụ trách Tiền phương của Bộ ở phía Tây Ninh, giáp hai tỉnh Svâyriêng và Côngpông Chàm - Campuchia. Anh lên tận nơi để động viên bộ đội đánh bại quân địch lần chiếm phía bắc Tây Ninh. Khi đơn vị chúng tôi vừa đánh bật địch qua khỏi biên giới, trực thăng của anh đã đáp xuống trận địa Mimôt của chúng tôi. Lúc đó tôi làm Phó Tư lệnh Quân khu 7, khi nổ ra chiến tranh biên giới, tôi được giao nhiệm vụ chỉ huy tiền phương của quân khu.

Về nhiệm vụ quốc tế, sau năm 1979 khi Pôn Pốt đã sụp đổ hoàn toàn; năm đầu tiên tiến hành công tác "Hồi sinh dân tộc" thì cứu đói cho nhân dân bạn là nhiệm vụ trọng tâm. Lực lượng Pôn Pốt tan rã nhưng tàn quân còn nhiều, tản ra biên giới, ra dân và tản ra rừng. Sau khi anh Lê Đức Thọ về nước, Bộ Chính trị giao cho anh

Sáu Nam phụ trách nhiệm vụ giúp bạn Campuchia. Quân đội ta chưa quen làm nhiệm vụ quốc tế, nhất là bộ đội Nam Bộ. Đối với tôi cũng rất mới mẻ. Tàn quân Pôn Pốt chống quyết liệt vì phía sau có người đỡ đầu. Nên ta chống lực lượng này là phải chống từ phía xa.

Trong nước có nhiều người nói là "cuộc chiến tranh", nhưng anh không bao giờ cho đây là cuộc chiến tranh mà là cuộc "hồi sinh dân tộc" - cuộc xây dựng mới, để tiêu diệt tận gốc chế độ cũ thì ý nghĩa nhiệm vụ còn to lớn và nặng nề hơn một cuộc chiến tranh. Nên ta phải giúp bạn xây dựng Campuchia từ con số không. Tôi thấy đây là suy nghĩ rất sâu. Nó đặt ra cho quân tình nguyện một trách nhiệm rất to lớn và cũng rất vẻ vang. Tôi nhận thức được sâu sắc tư tưởng "Xây dựng cho bạn là cho chính mình"; ta và bạn hy sinh không nhỏ nhưng không phải là cuộc chiến tranh, mà là công cuộc xây dựng lại cho đất nước hồi sinh. Ý tưởng sâu sắc này làm cho quân tình nguyện nhận rõ mình sang đây để làm gì. Từ đó mới hình thành ba mục tiêu:

- Quét sạch tàn quân Pôn Pốt
- Đẩy mạnh sản xuất xây dựng đời sống mới.
- Xây dựng cơ sở chính trị, xây dựng chế độ mới ở Campuchia.

Tôi nghĩ anh đặt vấn đề ban đầu rất sâu. Tư tưởng này là cơ sở để xây dựng quan điểm chính trị đúng đắn "Giúp bạn là cho chính mình", không phải là "không công". Do đó từ đầu đến cuối phải tránh cho được tư tưởng nước lớn, cứu độ, ban ơn, để toàn quân tình nguyện học tập, quán triệt sâu sắc quan điểm này thì mới hoàn thành nhiệm vụ.

Một vài kỷ niệm về anh

Một là, giai đoạn 1979 - 1980, tôi làm Tư lệnh 979, anh Mười Thi, sau là anh Phiêu làm Phó Tư lệnh phụ trách chính trị. Tôi chưa quen việc quốc tế, rất mới mẻ.

Đơn vị chúng tôi phụ trách vùng Tây Nam (Côngpông Xom, Tàkeo, Campôt, Côngpông Xpur...) là nơi sản sinh ra quân chủ lực của Pôn Pốt, cũng chính là nơi xuất phát các mũi đột kích xâm lược biên giới nước ta. Ở đây, lực lượng Pôn Pốt tan rã hàng ngàn quân trong núi. Anh Sáu giao nhiệm vụ rõ: muốn hoàn thành phải tiến hành cứu đói cho dân, làm binh vận và xây dựng cơ sở chính trị ban đầu rồi truy quét địch trong núi. Anh dặn muốn đánh được phải kết hợp chặt chẽ giữa binh vận và vũ trang, nhưng phải nhận rõ đây là vùng có 97% gia đình có người làm lính Pôn Pốt. Tôi ý thức được rằng hoàn thành nhiệm vụ ở đây không đơn giản chút nào; nhưng thấy rõ tầm nhìn của anh vừa rất chiến lược, rất khách quan mà vừa rất cụ thể, không bao giờ chung chung. Chẳng lẽ ta dàn quân đi càn, đi đánh, trong khi nhiệm vụ chính trị là giúp cho bạn hồi sinh đất nước là chính. Bởi vậy, thành công đầu tiên ở mũi tiến công này là đã đánh bại Pôn Pốt tại vùng sào huyệt của nó - bốn tỉnh vùng chủ lực, trong bốn năm. Tới đầu năm 1982 đã căn bản hoàn thành.

Làm công tác vận động quần chúng mà quân đội tình nguyện không biết tiếng Campuchia. Rừng rậm, núi non hiểm trở. Nhưng cũng may ta biết cách vận động và tổ chức người Campuchia nói với người Campuchia, cụ thể là dùng gia đình vào rừng vận động, dụ con em họ đi ra. Đồng thời có mức động viên khen thưởng (dùng kho vải chiến lợi phẩm hàng triệu mét để làm phần thưởng). Rồi cứu đói, cứu rách cho dân (mỗi suất từ 5 đến 10 mét vải, sẻ gạo cho đồng bào). Đồng thời kết hợp với lực lượng vũ trang của bạn tiến sâu vào trong rừng truy quét, chứ chỉ vận động không thôi thì không thành công. Ta tổ chức lực lượng tạo thành những mũi sắc bén đánh vào sào huyệt địch, để nó không còn chỗ đứng chân. Trong hai năm chúng tôi đã thu về hàng ngàn quân Pôn Pốt, hàng ngàn vũ khí. Sau đó, hàng ngàn người từ chỗ thù hận nhau đã trở về cùng đội ngũ một cách rất chân thành.

Năm 1980 người dân tham gia bầu chọn anh hùng rất sôi nổi, trong khi chỉ một năm trước đó, năm 1979, cả đất nước là một màu đen thảm khốc.

Những năm tháng đó, Đảng và Nhà nước ta đã cử lực lượng chuyên gia sang bố trí tại các tỉnh của bạn, kết hợp với quân tình nguyện, ráo riết làm cuộc vận động cách mạng, đã thật sự làm cho người dân hiểu, đồng tình và hưởng ứng đường lối thiện chí của ta với ba phương châm:

- Cứu đói, xây dựng cuộc sống.
- Truy quét làm tan rã, vô hiệu hoá quân Pôn Pốt.
- Xây dựng lực lượng chính trị, hệ thống chính trị, trong đó có lực lượng vũ trang cách mạng ngày càng vững mạnh.

Cách làm của ta rất đơn giản, không cầu kỳ. Từ chỗ làm giúp, làm thay, dần dần bồi dưỡng cho bạn để bạn tự làm. Mà phải rõ ràng quan điểm này, chứ nếu không, khi ta rút về thì bạn hẫng hụt.

Tôi sang Campuchia buổi ban đầu dù rất bỡ ngỡ nhưng đã tiến hành ngay cuộc vận động chính trị. Tôi hiểu sâu sắc và càng thấy chúng ta nên đánh giá cho đúng vai trò của anh Sáu Nam ở những năm đầu tiên này.

Hai là, mùa khô 1985, ta mở ra đến 16 điểm làm căn cứ sát biên giới Campuchia - Thái Lan. Ngày 4-3-1985 (lúc đó tôi làm Phó tư lệnh Tham mưu trưởng Quân khu 9, không ở tiền phương nữa), tôi dẫn đầu đoàn cán bộ các phòng ban sang Campuchia để chỉ đạo bộ đội xây dựng, triển khai mùa huấn luyện. Lên tới nơi, tôi nghe anh em nói là anh định mở chiến dịch, chờ ý kiến Bộ để chỉ định tôi làm Tư lệnh chiến dịch (cụm từ "chiến dịch" từ đây về sau được gọi là "đợt hoạt động" theo ý của anh Sáu). Ngày 5 tháng 3, anh trực tiếp giao nhiệm vụ nhưng quy định 25 tháng 3 phải nổ súng. Tôi hiểu anh có cách giao nhiệm vụ mà cấp dưới sẽ làm được. Tôi thấy rất vinh dự nhưng cũng rất hồi hộp vì chưa được nghiên cứu kỹ

chiến trường. Ta đã đánh Tà Sanh, Xăm Lốt, thủ phủ của Pôn Pốt, bây giờ là Pây Lin. Đánh Tà Sanh, Xăm Lốt hai, ba lần không thành công. Đây là vùng trù phú, có mỏ kim cương, cần phải giữ cho bạn, không để quân địch tàn phá. Khi tôi nhận nhiệm vụ, các trung đoàn đang phân tán để cùng lực lượng bạn giữ địa bàn, xây dựng cơ sở. Giờ tổ chức đánh thì lấy lực lượng ở đâu, ai bảo đảm? Vấn đề thật hóc búa. Anh giao nhiệm vụ, tin và hiểu cấp dưới của mình. Tôi đề xuất xin một sư đoàn. Cuối cùng tôi được một sư đoàn thiếu và thêm một trung đoàn nữa. Tôi đi tiếp xúc với tù binh ta bắt được để hỏi. Có cái đúng có cái sai; nhưng cuối cùng thấy được địch tổ chức tác chiến theo kiểu du kích, trận địa phòng thủ không có lô cốt, chiến hào kiên cố. Quân địch không đông nhưng tổ chức thành từng nhóm ẩn hiện bất thần để đối phó với ta. Tôi cho một đại đội đánh mở màn vào một điểm. Thấy có khoảng một ngàn quân. Tôi huy động sao đây? Tư tưởng anh em bắt đầu thấy lo. Rút quân hay đánh? Lúc đó người thì ủng hộ, người không ủng hộ. Nhưng tôi ra lệnh và anh em chấp hành. Đồng thời lệnh cho xe kéo pháo lên. Ngày 26 tháng 3, thành công trận đầu. Tôi đề nghị cho thêm lực lượng để đánh vào sào huyệt. Anh Sáu cho một sư đoàn nữa. Vậy là trong tay tôi có gần ba sư đoàn bộ binh cùng với lực lượng pháo tăng cường. Trong mười ngày, từ cuối tháng 3 đến đầu tháng 4, chúng tôi tiến công và dứt điểm. Vào đó mới thấy căn cứ này được xây dựng như thành phố, mỗi chiều 40 km, đường ngang dọc, có cây cầu được đặt tên là "Chiến thắng". Đây là căn cứ của phái Xêđêca; tuy đường là đường đất nhưng rộng và thẳng như là xa lộ, hai bên có mương thoát nước rất quy củ. Qua chiến dịch này nói lên một điều, khi giao nhiệm vụ cho cấp dưới, anh đã tin và lường được công việc. Hồi đó anh Đoàn Khuê nói: "Chỉ có những người đã đánh Mỹ rồi thì mới đánh được cái này". Hai là khi anh Sáu nhận thấy cần thì anh cho lực lượng đủ sức để giải quyết mục tiêu. Ở đây, người chấp hành và thủ trưởng cấp trên trùng nhau một điểm nhận thức. Đây là kết quả của quá trình chiến đấu lâu dài đã cho chúng tôi sự hiểu biết lẫn nhau.

Cũng kể từ đó, chủ lực ta tập trung lại, không còn dàn trải phân tán các nơi nữa; phối hợp với các mặt trận khác xoá diệt được 16 cứ điểm cuối cùng của Pôn Pốt. Sau đó ta rút để bạn tự lực, phát huy được tinh thần chủ động của bạn ở các địa phương. Về sau lực lượng 979 còn giải quyết thành công ở Kô Kông. Từ chuyện này thấy được anh Sáu Nam rất táo bạo và sáng suốt trong sử dụng cán bộ.

Điểm nữa, anh không thích dùng từ "chiến dịch" mà là "đợt hoạt động"; từ này cũng như chiến dịch nhưng còn hơn chiến dịch, vì "đợt hoạt động" bao hàm cả tiến công quân sự, trong đó làm binh vận để quân Pôn Pốt rã ngũ là chính, cả tổ chức xây dựng lực lượng cho bạn, gồm lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị, các tổ chức quần chúng cách mạng và phát triển kinh tế xã hội, xây dựng đời sống mới. Ý nghĩa của cụm từ đó sâu sắc như vậy nên đã định hướng cho cán bộ, chiến sĩ rất đúng.

Đến năm 1986-1987, một việc lớn là anh chủ trương rút lực lượng quân sự và chuyên gia về nước. Nhiều người không nhất trí vì sợ bạn không đứng được. Anh gọi tôi lên, giao trước hết là sẽ thực hiện rút quân trên địa bàn mà Quân khu 9 đang đảm nhiệm: Tàkeo, Cam Pốt, Côngpông Xpư, Buócsát, Bắttambang, Côngpông Chonăng, Kô Kông. Tôi bảo, anh cho tôi hai tháng đi khảo sát. Sau đó ba tháng tôi làm kế hoạch rút quân năm tỉnh liền, và nói rõ sự tai hại nếu ta không rút khi lực lượng và cơ sở chính trị của bạn đã có đủ. Lúc đó, anh Lượng (Bí thư) nói: "Báo cáo của thủ trưởng rất trúng ý của ông Sáu". Để nói rằng, đến lúc ta nên rút thì rút. Và thấy tư duy của anh Sáu là rất chính xác.

Đi bằng trực thăng từ Phnôm Pênh lên biên giới giáp Thái Lan không phải dễ. Có những vùng phải bay ở độ cao trên 1,5 km trên rừng và núi non, bay thấp địch bắn rơi rất dễ dàng; vậy mà anh Sáu đi hết. Chỗ nào khó khăn anh tới. Tác phong sâu sát thực tế của anh rất có sức hút với cấp dưới.

Một điều nữa không thể không nói trong sự nghiệp của anh là: Anh đã đề nghị với Bộ Chính trị cho bộ đội tình nguyện ở Campuchia vẫn duy trì cơ chế Đảng uỷ. Hồi đó tôi ở bên Campuchia thì thấy Đảng uỷ vẫn phát huy tính ưu việt và sức mạnh vốn có của nó; nhưng mỗi khi tôi về nước lại họp "Hội đồng chính trị" thấy rất cực. Từ xưa anh từng phản đối Bí thư kiêm Chủ tịch. Anh bảo: Đảng là Đảng, chính quyền là chính quyền. Tôi rất quý ý thức và đồng tình với tư duy xây dựng Đảng của anh.

HAI LẦN TÔI ĐƯỢC SÁT CÁNH CÙNG ANH SÁU NAM CHỈ HUY CHIẾN ĐẤU Ở HAI THỜI ĐIỂM THEN CHÓT CỦA CUỘC CHIẾN TRANH

Trung tướng LÊ VĂN TƯỜNG⁹

Tôi vào Nam từ đầu năm 1961. Khi anh Trần Văn Trà vào mới chuyển từ Ban Quân sự lên thành Bộ chỉ huy quân sự Miền.

Đầu năm 1964, Anh Sáu (Lê Đức Anh) đang trên cương vị Phó tổng Tham mưu trưởng cơ quan Tham mưu Miền, làm Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền nên cũng thuận lợi. Lúc đó cơ quan Tham mưu mới chuyển lên thành Cục Tham mưu Miền. Cơ quan Tham mưu có nhiều bộ phận, anh Sáu là người có công xây dựng Cục Tham mưu. Đa phần anh em cán bộ của Cục Tham mưu là anh em tập kết về, tinh thần quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ rất cao. Anh Sáu là người rất có uy tín.

Trận Gianxơn Xity: Lúc đó tôi làm Chính uỷ và anh Hoàng Cầm làm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 9. Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền đều rời sang bên kia biên giới, ngoài tầm pháo của địch. Trên có ý định điều anh Hoàng Cầm lên thay anh Sáu làm Tham mưu trưởng để anh Sáu lên làm Phó tư lệnh Bộ chỉ huy Miền. Anh Cầm vừa lên cơ quan Bộ chỉ huy Miền, đang nằm chờ thì quân Mỹ đánh vô. Tôi

nghe anh Sáu nói với anh Hoàng Cầm: "Giờ mình làm Tỉnh đội trưởng, chỉ huy đánh, mở kho súng phát cho anh em".

Sáu ngày đầu địch đi đến đâu bị đánh tới đó. Anh em bảo chỉ có ông Sáu Nam từ Tham mưu trưởng đóng vai Tỉnh đội trưởng mới tổ chức cho anh em đánh tốt như thế. Nếu không có 6-7 ngày các anh đánh trước, nổ súng kìm chân quân địch lại, thì nó còn hung hăng lắm. Cuộc phản công đó anh em đánh rất tốt, đến đội chiếu phim cũng được thưởng Huân chương. Đồng chí Hữu được tuyên dương Anh hùng Quân đội, bác sĩ Nguyễn Thiện Thành được thưởng Huân chương Chiến công hạng 3, sau này làm Giám đốc Bệnh viện Thống nhất¹⁰.

Do các anh đánh tốt, đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, nên Sư đoàn 9 đã không gặp nhiều khó khăn khi chúng tôi triển khai tiến công đánh địch. Nhưng trận đầu chúng tôi đánh không dứt điểm và đã tổ chức kiểm điểm vì không nắm chắc địch. Lúc đó quân Mỹ dùng pháo 150 ly bắn dọc đường đá đỏ từ Bàu Cỏ Bắc lên ngang suối Tha La (ranh giới Dương Minh Châu và chiến khu D) nên ta không đánh được. Tôi cho họp kiểm điểm - kiểm điểm để đánh được. Lúc đó anh Sáu Khâm làm Tham mưu trưởng tạm thay vị trí chỉ huy của anh Hoàng Cầm. Đồng chí Sáu Tòng đang làm Chính uỷ Trung đoàn 1 về làm Sư đoàn phó. Đồng chí Sáu Thượng, Phó chính uỷ lên làm Chính uỷ Trung đoàn 1. Lúc đó tôi đích thân điện đề nghị với Bộ chỉ huy Miền là đừng để anh Hoàng Cầm đi làm "Phái viên chỉ đạo" nữa, mà điều trở lại làm Chỉ huy trưởng Sư đoàn 9. (Ý của trên rút anh Hoàng Cầm về làm Tham mưu trưởng, tôi lên làm Chính uỷ kiêm Chủ nhiệm Chính trị, để anh Sáu Nam đi Quân khu 9). Sau khi đề nghị của tôi được chấp thuận thì đơn vị mới đánh thắng trận Đồng Rùm. Khi địch đổ quân xuống Bàu Tròn bị Trung đoàn 1 của Sư đoàn 9 chúng tôi diệt, tàn quân địch phải rút về. Khi tôi về Cục Chính trị thì anh Sáu Tòng lên thay tôi làm Chính uỷ Sư đoàn 9. Anh Hoàng Cầm là người tốt, anh ngoài Bắc vô, tôi người Nam nhưng chúng tôi rất đoàn kết.

Theo tôi, nếu Bộ chỉ huy Miền rút hết về bên kia lộ 17 (biên giới Campuchia) mà không tổ chức các cơ quan thành "huyện đội, xã đội" thì không thể đánh và thắng địch như vậy. Bộ chỉ huy Miền di chuyển khỏi vòng hoả lực của cuộc càn. Anh Sáu Nam, Tư lệnh phó, Tham mưu trưởng trực tiếp tổ chức và chỉ huy đánh giặc, sở chỉ huy tiền phương của anh cơ động giữa địa bàn đang xảy ra tác chiến...

Về chiến đấu đợt 2 Mậu Thân 1968: Anh Sáu được chỉ định làm Tư lệnh, tôi là Chính uỷ, cánh quân chúng tôi từ phía tây (Long An) đánh lên Sài Gòn. Tôi tinh mắt đi cùng anh em trên bờ (bờ ruộng rất trơn), còn anh vì mắt kém nên cứ lội dưới ruộng rất cực nhưng không hề kêu ca. Xuống đến Sở chỉ huy lúc đó rừng lá còn dày rậm. Anh em chôn hai cái lu xuống đất, bảo tôi và anh Sáu xuống đó - Đó là Sở chỉ huy!

Anh chỉ huy quân sự, dùng bộ đàm để theo dõi các hướng. Tôi ngồi xuống được nên đi xuống chợ Rেম để theo dõi cánh quân đánh vô Phú Lâm. Đồng chí Trung đoàn trưởng tên là Hoà, trước đây chỉ huy trận Ấp Bắc.

Đợt 2 nếu ta đánh ở vùng ven thì địch sẽ thiệt hại lớn hơn, ta thắng to hơn. Nhưng lúc đó mọi người cứ nói theo chỉ thị của cấp trên là "Đợt sau cao hơn đợt trước!". Riêng cá nhân tôi thấy rằng đánh sâu vô không được, thương vong nhiều và không còn thời cơ nữa. Lúc đầu không dám nói ra mà chỉ bàn nhau, bổ sung quân để tiếp tục đánh. Khi nổ súng thì cũng đánh được. Sư đoàn 9 mấy mũi đánh vô tới ngã tư Bảy Hiền; một tiểu đoàn của Long An do đồng chí Hai Hoàng chỉ huy đánh vô Quận 5, khi rút ra thì đồng bào Hoa kiều đục thủng các bức tường để mở đường cho anh em Giải phóng rút lui bí mật, chỗ nào không đục được thì anh em vận động trên các mái nhà. Còn Trung đoàn 3 đánh vô Phú Lâm, trong khi đơn vị pháo binh bắn vào sân bay Tân Sơn Nhất. Nhưng sau đó quân địch tập trung phản công, ta thương vong quá nhiều, chúng tôi mới kéo xuống Phân khu 6 và kết thúc đợt 2. Cuối năm 1968 đầu 1969 ta mới lui quân sang Campuchia để củng cố. Bên Tham

mưu đi xin tân binh từ miền Bắc bổ sung, còn bên Chính trị chúng tôi tổ chức học tập chính trị để củng cố quyết tâm chiến đấu.

Khi anh Sáu được điều xuống làm Tư lệnh Quân khu 9, tôi có tham gia tổ chức đường dây để anh đi, chuyển đi rất khó khăn vì nhiều vùng trước đây ta tổ chức giải phóng, phá ấp chiến lược, nay địch đã lần chiếm lại và thực hiện bình định. Tôi có nói với anh Huỳnh Minh là trợ lý của anh Sáu hãy chuẩn bị tốt nhất cho anh Sáu: "Phải mang tiền đi, vì Khu 9 khó khăn lắm đó!"

Khi anh Lê Đức Anh xuống Quân khu 9, anh không những đã chỉ huy nhỏ cờ lần chiếm của quân địch mà còn đánh bằng đòn bót.

Giải phóng Phước Long: Bộ chỉ huy Miền có hai người thường trực là anh Lê Đức Anh và tôi, vì hai anh Phạm Hùng và Trần Văn Trà ra Bắc họp Trung ương. B2 làm dự thảo kế hoạch hoạt động mùa khô 1974-1975, anh Trà và anh Hùng ra báo cáo kế hoạch, anh Hai Xô cũng ở ngoài đó.

Ngoài Bắc chưa cho đánh Đồng Xoài. Lúc đó anh Lê Đức Anh suy nghĩ ghê lắm. Tôi thì luôn ủng hộ anh, chỉ góp ý là người chỉ huy vừa đánh vừa thăm dò xem Mỹ phản ứng như thế nào. Anh cho quân báo, tình báo đi điều tra xem xét, thấy Mỹ không phản ứng gì (không đưa quân tổng dự bị lên). Cuối cùng anh quyết định đánh Bù Đăng trước, giải quyết xong Bù Đăng thì tiến đánh Đồng Xoài. Và lần đầu tiên ta đã giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long mà quân Mỹ - nguy không dám phản công phản kích gì.

Chiến dịch Hồ Chí Minh - Xuân 1975: Anh Sáu Nam và tôi nghe phổ biến tình hình. Tôi là người Tân An vẫn ao ước được về hướng đó. Đến khi nghe anh Văn Tiến Dũng và anh Phạm Hùng nói: cánh Tây Nam do anh Lê Đức Anh và anh Hai Tường phụ trách, tôi mừng quá.

Trước đó, anh Nguyễn Minh Châu đã dẫn Đoàn 232 đi để đánh Mộc Hoá mở đường cho cánh này. Nhận nhiệm vụ xong, tôi đi tắt, về nói với anh Châu không đánh Mộc Hoá mà đi vòng xuống. Ngày 13-4-1975 tôi rời Bộ chỉ huy Miền, ngày hôm sau, 14 tháng 4 tôi đã về tới nơi. Anh Lê Đức Anh ở lại họp Bộ chỉ huy Chiến dịch Hồ Chí Minh, đến ngày 17 họp xong thì anh đi xuống cầm quân chỉ huy cánh Tây - Tây Nam. Lúc này, cấp trên đã rút hai anh Năm Ngà (tức Nguyễn Minh Châu) và anh Trần Văn Phác về Miền. Như vậy thực chất bộ chỉ huy của Đoàn 232 không còn, mà đã hình thành một lực lượng mới là cánh quân Tây - Tây Nam, là một trong năm cánh quân của chiến dịch mang tên Bác; cánh quân do anh Anh và tôi phụ trách lúc này tương đương một quân đoàn tăng cường.

Lúc đó, tôi không biết anh Sáu Nam có được phổ biến gì thêm hay không. Lệnh lúc đầu là cánh Tây Nam cắt và giữ cho được vùng lộ 4, không cho địch co cụm xuống Quân đoàn 4 (Cần Thơ), nên bố trí hai sư đoàn bộ binh từ Mỹ Tho đến Tân An, đánh được Tân An rồi Sư đoàn 5 đánh Bến Lức. Còn Sư đoàn 9 đánh chiếm Tổng nha Cảnh sát, Cảnh sát Đô thành và Biệt khu Thủ đô, một mũi khác do hai trung đoàn của Long An và Khu 8 đánh kho xăng Nhà Bè do Huỳnh Công Thân và Nam Thắng chỉ huy...

Với anh Sáu Nam, có một chuyện tôi không bao giờ quên. Sở chỉ huy cánh Tây - Tây Nam của chúng tôi đặt ngay bên bờ sông Vàm Cỏ thuộc đất Long An. Tôi đặt vị trí của mình tại chiếc nhà hầm nửa chìm nửa nổi vốn là nơi hội họp của cán bộ địa phương. Còn anh Sáu Nam thì đặt vị trí của mình tại cái chòi sát mép sông Vàm Cỏ. Sáng sớm ngày 28-4-1975, khi anh Sáu vô ăn cơm, tôi nói anh hãy nằm xuống chiếc võng của tôi mà nghỉ cho thư giãn một chút rồi hãy ra đó. Anh đã nghe tôi. Anh vừa nằm xuống cánh võng được chừng dăm phút thì phía ngoài bờ sông một quả bom của máy bay địch ném xuống trúng vị trí của anh. Cái chòi chỉ

huy của anh bay mất tiêu; cậu lái xe của anh hy sinh, cậu Thái bảo vệ của anh bị thương...

ANH SÁU NAM LÀ NGƯỜI QUYẾT ĐOÁN VÀ CÓ NHIỀU ĐỀ XUẤT QUAN TRỌNG

Đại tá NGUYỄN VĂN TÔNG¹¹

Hoà bình lập lại sau 1975, Quân khu 8 và Quân khu 9 sát nhập thành Quân khu 9. Anh Sáu Nam làm Tư lệnh, anh Hai Tường làm Chính uỷ, tôi làm Phó Chính uỷ, Chủ nhiệm Chính trị. Sau đó anh Lê Khả Phiêu vô làm Phó chủ nhiệm rồi Chủ nhiệm; anh Hồ Bá Phúc làm Phó Chính uỷ, anh Nguyễn Văn Sỹ làm Phó Tư lệnh Tham mưu trưởng, anh Phạm Ngọc Hưng làm Phó Tư lệnh, anh Lê Quốc Sản, Tư lệnh Khu 8 cũ làm Phó Tư lệnh, anh Nguyễn Hữu Xuyên làm Phó Tư lệnh, là người trụ lại B, chỉ huy sắc sảo.

Tháng 10-1975, bắt đầu làm việc. Trong Bộ Tư lệnh thì tôi là người trẻ nhất (sinh năm 1929, anh Sỹ hơn tôi 5 tuổi).

Điểm tôi nhớ nhất ở anh Sáu là rất sáng về quân sự, giao ban hàng tuần, anh phân tích tình hình nghe rất thích. Tôi thường bảo anh em cơ quan Chính trị đến nghe. Nghe anh nói, các vấn đề đều sáng ra.

Lúc đó, có vấn đề là không để thực binh cấp sư đoàn mà chỉ để khung theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng. Anh Sáu nêu ý kiến để thực binh một sư đoàn, không phải xa xôi, mà phải đối phó với Pôn Pốt. Khi Bộ Quốc phòng còn đang lưỡng lự thì Pôn Pốt đã đánh sang rồi.

Người ta hỏi tôi về anh Lê Đức Anh. Tôi nghĩ có những cái anh Sáu rất nổi như: Một là trong trận Gianxon Xity, anh tổ chức cơ quan thực hiện chiến tranh nhân

dân đánh thắng. Chỉ đạo là Bộ chỉ huy Miền, nhưng người đề xuất và tổ chức thực hiện là Tham mưu trưởng Sáu Nam. Bộ đội và cán bộ, nhân viên cơ quan Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền lúc đó là những con người đã qua thử thách, khi được giao vũ khí đều đánh rất tốt. Xe tăng và bọc thép của quân địch đi đâu cũng bị đạn B40 của quân ta.

Hai là chuyện ở Quân khu 9 sông rạch chằng chịt, địa bàn trống trơn, vậy mà anh tổ chức đi đầu đánh bại kế hoạch "Tràn ngập lãnh thổ" của Nguyễn Văn Thiệu sau Hiệp định Paris.

Ba là trận Phước Long. Lúc đó anh Trần Văn Trà đang họp ở ngoài Bắc. Ở nhà chủ trì là anh Lê Đức Anh. Khi đánh, Bộ Tổng tư lệnh rất lo: Liệu quân đội Mỹ có trở lại? Đồng Xoài - Đường 14 - Phước Long là đòn trinh sát chiến lược có giá trị. Sau đó Trung ương gọi ra báo cáo tình hình. Có chiến thắng Đường 14 - Phước Long và núi Bà Đen rồi thì Trung ương mới có quyết định đánh Buôn Mê Thuật. Lúc đó tôi là Chính uỷ Mặt trận Núi Bà Đen nên nhớ rất rõ việc này.

Sau năm 1975, Quân khu 9 để lại Sư đoàn 330, Sư đoàn 8 cũng chưa giải quyết ra quân nên Quân khu 9 còn hai sư đoàn: Sư đoàn 8 ở Mộc Hoá, Sư đoàn 330 ở Châu Đốc nên mới đánh được trận Bảy Núi. Pôn Pôt đưa quân sang, ta đánh tan tác chúng; bắt 17 tù binh trong đó có năm đồng bào Khome là người Tri Tôn. Chúng tôi hỏi sao người Tri Tôn lại đi theo Pôn Pôt, thì họ trả lời: "Pôn Pôt nó nói ung cái bụng hơn" (tức là phù hợp người dân tộc).

Anh Sáu chỉ thị tôi đi tìm hiểu xem tại sao có năm người Tri Tôn đi theo Pôn Pôt? Khi tìm hiểu mới thấy ở đó người dân vẫn đi làm thuê, chưa được giải phóng, chưa được giác ngộ. Rồi anh chỉ đạo làm việc với tỉnh để giải quyết...

Giao ban, Quân khu 9 kết luận Pôn Pôt là phản động, phản bội. Chính tôi được giao làm truyền đơn. Anh Thường, Cục phó Cục Địch vận, là phái viên của Tổng

cục Chính trị nói khoan hãy phát truyền đơn, để xin ý kiến Tổng cục đã. Một tháng sau Trung ương và Tổng cục Chính trị cũng kết luận như Quân khu 9...

ANH LÀ NGƯỜI PHÁT CỜ BÚA LIỀM, LÃNH ĐẠO CÔNG NHÂN CAO SU THAM GIA KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN

LÊ PHƯỚC ANH¹²

Tôi biết anh Sáu Nam (Lê Đức Anh) từ Cách mạng tháng Tám 1945. Lúc bấy giờ tôi làm cu ly ở Sở cao su Quản Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Thủ Dầu Một, với chức ban đầu là chạy giấy (loong toong) tại sở sóc gòn, sau họ điều về văn phòng Sở làm chân gác điện thoại, rồi phó thư ký, thư ký làm sổ phát tiền lương cho công nhân và thợ, thầy... Vì tôi là cầu thủ bóng đá có tiếng nên Sở sử dụng tôi vào đội đá banh. Cuối năm 1944, đầu 1945 tại Sở có phong trào bình dân học vụ để xoá mù chữ cho công nhân do các anh đảng viên cộng sản mà tôi được biết như: Khương, Phì, Hồ, Bồn phụ trách. Đó là tổ chức biến tướng, nguy trang che mắt địch để chờ thời cơ giành chính quyền ở Sở. Tôi là phần tử tích cực tham gia vào tổ chức ấy nên khi giành được chính quyền ở sở cao su, được các anh chỉ định là Ủy viên quân sự, phụ trách phá hoại Sở. Mấy ngày sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, anh Lê Đức Anh từ sở Lộc Ninh qua sở Quản Lợi nói chuyện. Hôm đó, chúng tôi được phổ biến là có cấp trên về nói chuyện thăm bà con và mừng cách mạng thành công. Tôi còn nhớ như in lúc ấy trên sân khấu Nhà hát Quản Lợi, anh Lê Đức Anh, tay phải cầm cờ đỏ sao vàng lớn, nghiêm chỉnh nói rất đồng dục:

"Thưa bà con, anh chị em công nhân!

Hôm nay tôi được thay mặt cho Nhà nước Cách mạng đến thăm và chúc mừng sở đã giành được chánh quyền. Bà con, anh chị em công nhân nay phải thật sự đoàn

kết lại để chiến đấu bảo vệ chánh quyền vừa giành được. Giặc Pháp hiện nay mạnh, ta còn non yếu, nhưng rồi ta phần đấu sẽ mạnh lên cả về người và vũ khí. Ta đánh với Pháp bằng cách nào? Bằng chiến tranh du kích! Ta sẽ phá cầu, phá đường, chặt cây để ngăn cản giao thông địch, quyết không hợp tác với chúng. Mọi người đều đồng lòng đoàn kết diệt giặc, ta sẽ thắng, địch sẽ thua... "

Sau đó, tôi được đi dự lớp học Quân chính Hồ Chí Minh lần thứ nhất ở An Sơn, Thủ Dầu Một, do các anh Xuân Diệu, Mạnh Liên, Quang Phục phụ trách. Khi học tới bài "Chiến tranh du kích" thì tôi thấy bài học không khác mấy so với những lời mà anh Lê Đức Anh đã nói tại Nhà hát sở cao su hôm trước. Bởi vậy, tôi nghĩ rằng đồng chí Lê Đức Anh phải là cán bộ lãnh đạo của Đảng thì mới có những nhận thức như vậy để diễn đạt cho đồng bào và công nhân trong buổi đầu cách mạng thành công. Gần đây khi tôi được đọc cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Dương* thì mới vui mừng thấy rằng những ý nghĩ, nhận định từ lâu của tôi đã được minh chứng là hoàn toàn là đúng. Tại trang 98, dòng thứ 8 từ dưới lên có ghi: "Đầu năm 1944, Tỉnh uỷ Thủ Dầu Một tổ chức hội nghị công tác. Tham gia hội nghị có các đồng chí Nguyễn Văn Thi, Nguyễn Văn Trung, và một Tỉnh uỷ viên mới bổ sung là Lê Đức Anh. Chủ trì hội nghị là đồng chí Văn Công Khai, Bí thư Tỉnh uỷ. Hội nghị bàn các biện pháp thực hiện Nghị quyết Xứ uỷ và tổ chức Hội Cứu quốc trong nông dân, thanh niên, phụ nữ." Tại trang 99, 3 dòng đầu có ghi: "Tháng 2-1944 ở Lộc Ninh, đồng chí Lê Đức Anh lập nhóm quần chúng trung kiên trong công nhân, giáo viên, đồng bào dân tộc, có khoảng tám người làm nòng cốt..."

Sau khi ra trường, tôi về công tác và chiến đấu trong đội hình của Chi đội 1 do các anh Huỳnh Kim Trương làm Chi đội trưởng, Lê Đức Anh làm Chính trị viên, Nguyễn Văn Thi làm Chi đội phó. Lúc này khoảng năm 1946-1947, chính anh Lê Đức Anh cũng góp sức cùng với anh Nguyễn Văn Thi chỉ đạo tổ chức trận đánh

diệt một đơn vị lính nguy tại khu Bình Quới Tây mà ta gọi là "chiến khu ma" do Thủ tướng bù nhìn Lê Văn Hoạch dựng lên. Trận này ta đã gài cả gần 100 cán bộ chiến sĩ của ta vào trong lòng địch để thực hiện "nội công, ngoại kích". Những ngày ở Chi đội 1, tôi nhận ra anh Lê Đức Anh là người kiên quyết, thẳng thắn và trung thực, làm việc chí công vô tư, không bênh ai, bỏ ai. Với tinh thần ấy, anh đã góp phần lớn vào chiến thắng của Chi đội trong các trận đánh chống quân địch càn quét và các trận đánh giao thông trên đường 13.

Khi tập kết ra Bắc, tôi với anh ở xa nhau nên ít có dịp gặp anh. Tôi ở tận Nông Cống, Thanh Hoá, còn anh ở Bộ tổng Tham mưu, ngoài Hà Nội.

Đến tháng 5-1961, tôi đi trong đoàn cán bộ vào miền Nam. Vào tới nơi tôi được Ban quân sự miền Đông giao nhiệm vụ làm Tỉnh đội trưởng Phước Thành (gồm một phần Biên Hoà, một phần Thủ Dầu Một) từ năm 1961 cho đến 1966.

Sau đó anh Sáu Nam vào làm Tham mưu trưởng Miền. Tôi có dịp gặp và làm việc thường xuyên với anh. Anh dặn tôi nhiều về nhiệm vụ công tác quân sự địa phương, cả về đoàn kết nữa. Anh bảo, nếu khó anh cũng cứ làm nhé! Tôi bảo tôi rất sẵn sàng. Bữa đó tôi định ăn cơm với anh Minh. Anh Sáu cho người xuống gọi và nói: "Bữa ni anh là khách của tôi, chứ có phải của anh Minh đâu"; bữa cơm hôm đó có cả anh Hoàng Cầm, Chỉ huy trưởng Sư đoàn 9. Tuy cơm canh cũng chỉ có bí bầu, nhưng thấy tình cảm chân thật của anh, của cấp trên với cán bộ cấp dưới vừa từ chiến trường về.

Cuối năm 1966, tôi được gọi về Bộ chỉ huy Miền gặp anh Lê Đức Anh. Lần này anh giao nhiệm vụ mới cho tôi: "Anh sẽ về làm Tỉnh đội trưởng Long Khánh, vì trước đây anh làm tốt công tác ở Tỉnh đội Phước Thành, nay Miền bổ nhiệm anh về đó." Anh căn dặn: "Phải đoàn kết nội bộ quân, dân, chính, đảng. Về nhiệm vụ, anh nhớ phải giữ cho được con lộ 15 huyết mạch." Anh còn nhắc đi nhắc lại nhiều lần là "Miền giao cho anh nhiệm vụ làm Tỉnh đội trưởng Long Khánh, nhưng khi

về đến địa phương, vì lý do nào đó, cấp uỷ địa phương yêu cầu anh giữ chức phó thì cũng vui vẻ nhận nhé!" Tôi vui vẻ lên đường, không mảy may tính toán thiệt hơn.

Hơn 50 năm rồi nhưng tôi vẫn nhớ. Khoảng một tuần sau, khi vừa về tới căn cứ lại có lệnh gọi lên Bộ chỉ huy Miền. Lúc đó tôi đang bị tiêu chảy, rất mệt. Khi lên, tôi gặp anh Trần Độ, Phó chánh uỷ Miền. Anh Độ bảo: "Giờ anh thôi không về Long Khánh nữa mà nhận chức mới là Chính uỷ Trung đoàn tên lửa nhẹ DKB 724 mà Liên Xô mới giúp ta. Nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị binh chủng này là liên tục tổ chức đánh phá vào sân bay quân sự Biên Hoà. Anh làm Tỉnh đội trưởng nhiều năm ở Phước Thành, chiến khu Đ, nên anh quen địa phương, rất thuận lợi cho hoạt động của trung đoàn". Các anh đưa tôi về làm Chính uỷ, anh Ba Tô làm Trung đoàn trưởng, chúng tôi đã lãnh đạo và chỉ huy trung đoàn lập nhiều thành tích xuất sắc trong hai năm 1967-1968. Tôi làm hai năm, đến năm 1968 tôi bị đau nặng, các anh đưa tôi về bệnh viện Miền, gọi là K71A, nằm điều trị cả tháng trời. Sau khi tôi lành bệnh, cấp trên quyết định tôi ở lại làm Chính uỷ của bệnh viện, hồi đó Giáo sư bác sĩ Nguyễn Thiện Thành, tức anh Ba Nhân làm Viện trưởng. Tháng 5 và 6-1970, Mỹ-ngụy mở chiến dịch đánh sang Campuchia. Bệnh viện bị bao vây gần 60 ngày đêm. Cán bộ và chiến sĩ chúng tôi đã cầm súng chiến đấu quyết liệt với quân thù, bảo vệ an toàn và trọn vẹn cả một ngàn thương bệnh binh và hàng trăm bà mẹ, trẻ em. Bệnh viện đã được Bộ Quốc phòng và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam khen thưởng. Tôi nhớ, ngày đó khi tới thăm bệnh viện, anh Lê Đức Anh đã nói vui: "Nè, các anh nhớ nhiệm vụ chủ yếu của bệnh viện là điều trị và nuôi dưỡng thương bệnh binh, chớ đừng quá hăng say đánh giặc mà lơl việc chính đấy nhé!" Chúng tôi cũng vui vẻ đáp lại: "Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh! Chúng tôi kiên quyết sống chết với quân thù, chiến đấu để bảo vệ thương bệnh binh đó!"

Giai đoạn tôi được đứng trong Quân tình nguyện Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn ở Campuchia, tôi thấy rõ một điều là những lúc khó khăn nhất thì anh Lê Đức Anh luôn đi sát cơ sở, bất chấp hiểm nguy; anh thường xuống tận các phum, sóc, làng, bản gặp gỡ người dân để hỏi han tình hình cuộc sống và an ủi động viên, vực dậy tinh thần cách mạng của nhân dân Campuchia đứng lên cùng bộ đội Việt Nam làm tan rã quân Khmer Đỏ, chặn đứng và đập tan âm mưu diệt chủng của chúng, tích cực xây dựng cuộc sống mới. Sau đó tôi về làm Tham mưu trưởng Mặt trận 479. Ngồi cùng anh trên máy bay trực thăng từ Xiêm Riệp về thành phố Hồ Chí Minh, anh luôn nhắc nhở những lúc khó khăn như thế này thì cán bộ phải chịu đi xuống sâu sát với dân. Đi sát và nghe người ta nói mới biết tình hình ta ra sao, địch ra sao; tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của những người dân Khmer hiện đang gặp muôn vàn khó khăn, gian khổ.

Suốt từ kháng chiến chống Pháp đến nay, tôi chưa nghe tai tiếng gì về đức cần kiệm liêm chính của anh.

Buổi anh ở Quân khu 7 chuẩn bị lên Bộ Chính trị, Đảng chủ trương các cán bộ chủ trì tự phê bình và phê bình. Hôm đó tôi phát biểu đầu tiên. Tôi xác định công lao thành tích của anh trước đó và khẳng định anh còn phát triển tiến bộ dài dài về phía trước; nhưng trong đó nói về khuyết nhược điểm của anh là chỉ đạo đơn vị chưa thật toàn diện, cần phải đi sâu nghiên cứu thêm về kinh tế; về cá tính đôi lúc còn nóng nảy nên anh em ít dám gần anh. Cùng với một số ý kiến phê bình của các đồng chí khác, anh tiếp thu với thái độ chân thành và vui vẻ, anh nhận thiếu sót và hứa phấn đấu sửa chữa nghiêm túc.

Năm 1982, tôi cùng với Lưu Phước Hải (tức Lộc), con trai cả của tôi có đến thăm anh. Chúng tôi nhắc lại chuyện năm 1973-1974, lúc quân của ngụy quyền Nguyễn Văn Thiệu "ráo riết" lấn đất, chiếm dân trên địa bàn Quân khu 9; anh đã cùng Chính uỷ Võ Văn Kiệt lãnh đạo và chỉ huy đánh trả quyết liệt bọn lấn chiếm, bình

định, phá hoại Hiệp định Paris. Khi có lệnh trên bảo anh phải kiểm điểm, anh nói: "Để tôi đánh xong thì kiểm điểm luôn một thể. Trước hết phải giữ đất, giữ dân đã!". Sau đó cả chiến trường, cả Trung ương đều thấy anh đánh trả bọn lật lọng tráo trở, đánh để giữ đất giữ dân, bảo vệ và thi hành Hiệp định là đúng.

Tôi là người được sống, công tác và chiến đấu cùng anh trong một thời gian khá dài - suốt từ giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945, qua kháng chiến chống thực dân Pháp, qua kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, đến chiến tranh biên giới Tây-Nam và làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Campuchia nên tôi hiểu biết về anh Sáu Nam khá rõ. Có thể nói ở anh Lê Đức Anh - Sáu Nam, tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư luôn đặt lên hàng đầu. Khiêm tốn, giản dị, ngoan cường và dũng cảm trong xử lý chỉ huy các tình huống phức tạp, anh luôn lo nhiều cho mọi người hơn cho mình. Chúng tôi học ở anh nhiều lắm, nhưng làm được như anh không phải là dễ.

ĐÁNH THẮNG 75 TIÊU ĐOÀN BÌNH ĐỊNH LẤN CHIẾM CHƯƠNG THIỆN VŨ ĐÌNH LIỆU¹³

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, hình như đã thành quy luật, mỗi khi cách mạng chuyển giai đoạn, trong chỉ đạo thường có "lượng sừng". Sau Hiệp định Paris cũng vậy. Địch lợi dụng Hiệp định tập trung lực lượng tràn ngập lãnh thổ, bình định lấn chiếm, giành đất giành dân, giành thế mạnh với ta. Nhiều nơi, sợ vi phạm Hiệp định, chân chừ do dự, không dám trừng trị địch nên mất đất, mất dân.

Ở Tây Nam Bộ, quân và dân ta, dưới sự lãnh đạo của Khu uỷ, trước những vi phạm của địch, đã gương cao pháp lý Hiệp định Paris, đẩy mạnh phản công và tiến công bằng sức mạnh chính trị, quân sự, binh vận và pháp lý, đánh bại kế hoạch tràn ngập

lãnh thổ, cấm cò giành đất, kìm dân, bình định lần chiếm của địch. Địch tập trung lực lượng rất lớn bình định lần chiếm Tây Nam Bộ - vùng đông người, nhiều của mà trọng điểm là Chương Thiện, lúc đầu có 30 tiểu đoàn, lúc cao nhất là 75 tiểu đoàn (tháng 8-1973).

Nguyễn Văn Thiệu và đồng bọn thấy tuy Mỹ phải rút quân, nhưng chúng có 1,1 triệu quân với 13 sư đoàn chủ lực, lại được Mỹ viện trợ tối đa về quân sự và kinh tế nên vẫn nuôi ảo vọng sẽ thắng ta.

Từ ngày 27-1-1973, các đồng chí trong Thường vụ Khu uỷ đi kiểm tra nắm tình hình ta, địch ở các địa phương. Anh Sáu Dân (đồng chí Võ Văn Kiệt), Bí thư Khu uỷ, ngày 28-1-1973 làm việc với Thành uỷ Cần Thơ tại Hoà Lưu và đến một trung đoàn chủ lực đóng ven thành phố Cần Thơ, chỉ thị cho đơn vị "đứng" hảnh trong dân, bảo vệ dân, trừng trị quân địch vi phạm Hiệp định.

Ngày 2-2-1973, Thường vụ Khu uỷ họp mở rộng có Quân khu uỷ và một số bí thư tỉnh uỷ tham dự... Thường vụ Khu uỷ chủ trương: "Phát huy thắng lợi của Hiệp định Paris, không mơ hồ ảo tưởng, nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công bằng sức mạnh của quân sự, chính trị, binh vận, pháp lý, trừng trị địch vi phạm Hiệp định để giành đất giành dân, giành quyền làm chủ, đánh bại bình định lần chiếm của địch, tiêu diệt và làm tan rã thật nhiều sinh lực địch, phát triển lực lượng ta về mọi mặt. Kiên quyết giữ vững thành quả cách mạng đã giành được, đưa phong trào tiến công và nổi dậy của nhân dân ngày càng phát triển mạnh mẽ và vững chắc hơn".

Sau khi hội nghị nhất trí tán thành, Thường vụ Khu uỷ một mặt báo cáo lên Trung ương Cục và Trung ương Đảng, mặt khác, triển khai cho các cấp trong Khu. Triển khai tới đâu sinh khí phấn khởi tới đó, gỡ được tình hình "lượng sự" những ngày đầu. Phong trào và khí thế cách mạng phát triển rất tốt...

Địch chia kế hoạch bình định lần chiếm Chương Thiện làm hai bước. Bước 1 từ đầu tháng 2-1973 đến cuối tháng 5-1973 với yêu cầu là: trở lại tình hình trước khi có Hiệp định Paris. Bước này địch tập trung 30 tiểu đoàn vào các trọng điểm gồm 12 xã (Gò Quao 4 xã, Giồng Riềng 4 xã, Long Mỹ 4 xã). Đối phó với địch, ta bố trí lực lượng võ trang làm nòng cốt, gồm Trung đoàn 1 chủ lực của Quân khu, một tiểu đoàn địa phương của Cần Thơ ở cánh Long Mỹ, Phụng Hiệp; Trung đoàn 2 ở cánh Ba Hồ và du kích của 12 xã nói trên, cùng chủ lực đấu tranh chính trị, binh vận của đông đảo quần chúng. Ta với địch quần nhau ác liệt cả bốn tháng trời, địch bị tiêu diệt, tiêu hao nhiều lực lượng, đã không đóng thêm được nhiều đồn bót, không kèm được dân, mà còn bị mất thêm đồn bót, dân kèm bị giảm.

Nguyễn Văn Thiệu đến Cần Thơ sơ kết bước 1, đã phải nhận xét: "Tình hình chiến sự không phấn khởi lắm, vì chưa bình định được Chương Thiện, chưa đẩy Việt Cộng ra khỏi địa bàn này".

Về phía ta, Khu uỷ và Quân khu uỷ sơ kết đánh giá: Ta đã đánh bại một bước âm mưu bình định lần chiếm của địch, giành thắng lợi. Tuy nhiên địch vẫn quyết tâm bình định, lần chiếm Chương Thiện, chúng còn khả năng tăng thêm lực lượng, phương tiện. Trên cơ sở nhận định ấy, Khu uỷ và Bộ tư lệnh Quân khu hạ quyết tâm rất cao: Đánh bại bình định của địch ở Chương Thiện.

Từ tháng 1 đến tháng 7-1973, Khu uỷ và Quân khu tiếp tục đưa phong trào phản công và tiến công trừng trị địch vi phạm Hiệp định lên, một mặt báo cáo xin ý kiến Trung ương Cục và Trung ương Đảng, về quân sự thì xin ý kiến Bộ chỉ huy Miền.

Ngày 19-1-1973, Trung ương Cục có chỉ thị 02 đề ra phương châm: "Kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị, võ trang và pháp lý, lấy đấu tranh chính trị làm cơ sở, đấu tranh võ trang làm hậu thuẫn đắc lực..."; rút phần lớn lực lượng võ trang về căn cứ để chỉnh huấn. Trung ương Cục còn hai lần điện yêu cầu T3 phải thấy tình hình mới, phải có biện pháp mới (điện số 05 và 07), Bộ chỉ huy Miền điện phê bình T3

không thi hành chủ trương của Trung ương Cục và thông báo toàn miền. Dư luận chung cho là Tây Nam Bộ "xé Hiệp định Paris".

Cuối tháng 5-1973, đoàn cán bộ tổng kết công tác đấu tranh chính trị và binh vận của Trung ương, Trung ương Cục đã phê phán Khu 9 làm sai đường lối của trên và nhắc các nơi phải thực hiện 5 cấm (cấm bao vây đồn bót, cấm gỡ đồn bót, cấm đánh địch bung ra, cấm pháo kích và cấm xây dựng ấp, xã chiến đấu). Cùng thời gian đó, đoàn đại biểu binh vận và thanh niên của T3 đi R dự hội nghị, tiếp thu chủ trương của trên, Trung ương Cục cho phép về thẳng cơ sở phổ biến không cần thông qua Thường vụ Khu uỷ, cho rằng: hiện nay lấy đấu tranh chính trị, binh vận làm gốc, nơi nào tiến công quân sự là sai lầm...

Khu uỷ Tây Nam Bộ còn một số vấn đề lớn chưa thông suốt như: đánh giá tình hình miền Nam sau khi có Hiệp định Paris là vừa có hoà bình vừa có chiến tranh; phương hướng nhiệm vụ đánh địch vi phạm Hiệp định, buộc thi hành Hiệp định, chỉ cảnh giác địch gây lại chiến tranh lớn; phương châm: chính trị là cơ sở, võ trang là hậu thuẫn đắc lực; phương thức là phải khéo léo, yên, ổn, êm, v.v..

Vì vậy, cuối tháng 6-1973, Thường vụ Khu uỷ cử anh Mười Kỷ, Uỷ viên Thường vụ về báo cáo xin ý kiến Trung ương Cục. Gần cuối năm, Bộ Chính trị gọi lần lượt hai anh Sáu Dân, Bí thư và Sáu Nam, Tư lệnh Quân khu ra Hà Nội báo cáo...

Ngày 18-7-1973, các anh Phạm Hùng, Phan Văn Đáng và Nguyễn Văn Sô làm việc với anh Mười Kỷ. Các anh nhất trí với chủ trương và kế hoạch của T3, có góp một số ý kiến để làm tốt hơn. Được tin này, tập thể Khu uỷ và Bộ tư lệnh Quân khu rất phấn khởi.

Quân địch tiến hành bước 2 lần chiếm Chương Thiện. Chúng cay cú tập trung lực lượng trên 75 tiểu đoàn, với cách đánh: dùng bom pháo đánh ác liệt để dọn bãi cho

trục thẳng đổ quân, cày ủi địa hình, kèm giữ dân, tiến hành đóng đồn bót, kết hợp với các điểm dã ngoại từ đó đánh loang ra...

Nhưng bị tiêu hao, tiêu diệt nặng mà không đạt được kết quả, tháng 10-1973, địch buộc phải rút khỏi Chương Thiện. Lực lượng địch bị xoá sổ 10 tiểu đoàn và nhiều phương tiện chiến tranh. Phía ta hy sinh 3.000 người, gồm cả lực lượng võ trang và chính trị. Ta đã gỡ được 633 điểm, diệt 284 điểm, trong đó địa phương tỉnh và huyện gỡ 175 điểm, bức hàng 4 điểm, bức rút 349 điểm, giải phóng thêm 390.000 dân, v.v..

Nhìn tổng quát sau một năm có Hiệp định Paris, thế và lực ta đang phát triển đi lên, thế và lực địch đang đi xuống, khả năng bổ sung quân của địch rất khó.

Tháng 7-1973, Ban chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ 21, đề ra nghị quyết "Về thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới". Đây là nghị quyết rất quan trọng có ý nghĩa lịch sử. Nghị quyết hạ quyết tâm lớn của Đảng ta: hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Riêng đối với Tây Nam Bộ, Nghị quyết 21 đã hoàn toàn giải toả mọi băn khoăn, mắc mứu, nên được tiếp thu hết sức phấn khởi.

Qua sáu tháng gần như "độc lập chiến đấu", chúng ta rút ra được một số kinh nghiệm tốt:

Một là, chấp hành chỉ thị nghị quyết của cấp trên phải nghiêm chỉnh, triệt để, với tinh thần trách nhiệm cao. Nhưng khi có những vấn đề chưa thông suốt, chưa nhất trí phải báo cáo xin ý kiến. Đặc biệt khi có những vấn đề mà tập thể đã cân nhắc kỹ, nếu chấp hành chủ trương của trên sẽ đem lại thiệt hại ngay cho cơ sở và phong trào cách mạng thì một mặt xin ý kiến, mặt khác phải dám chịu trách nhiệm thi hành chủ trương mà tập thể cấp mình thấy phù hợp.

Hai là, đánh giá đúng tình hình địch - ta là yếu tố quyết định việc đề ra chủ trương đường lối phù hợp... Kinh nghiệm xương máu khi thi hành Hiệp nghị Giơnevơ 1954, Mỹ - Diệm đã tuyên bố dứt khoát không thừa nhận Hiệp định, đã dùng súng đạn đàn áp phong trào cách mạng, tàn sát dã man những người cách mạng. Nhưng ta vẫn đấu tranh chính trị, tay không đòi thi hành Hiệp định, tình hình này kéo dài suốt sáu năm trời. Vì vậy, lần này Khu uỷ Tây Nam Bộ chủ trương phát huy thắng lợi của Hiệp định Paris, nhưng phải kiên quyết tiến công, dùng sức mạnh chính trị, quân sự, pháp lý để trừng trị địch vi phạm Hiệp định. Nếu chúng ngoan cố không thi hành thì phải tiêu diệt chúng, để giải phóng hoàn toàn địa bàn Quân khu.

Ba là, phải nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, cầm chắc bạo lực cách mạng. Mơ hồ, hữu khuynh là thất bại. Phải dùng bạo lực trừng trị khi chúng vi phạm Hiệp định; nếu chúng ngoan cố phải kiên quyết đánh bại chúng từng bước, đi đến đánh bại chúng hoàn toàn.

Đồng chí Lê Duẩn, trong bức điện ngày 10-10-1973 gửi đồng chí Phạm Hùng có câu: "...ở Khu 9, tỷ lệ ta - địch là 1/8, nhưng do nắm chắc chỗ mạnh của ta, chỗ yếu của địch, đã biết chủ động tiến công thì vẫn giành được thắng lợi. Ngược lại, ở Trị Thiên, tỷ lệ ta - địch là 1/2, nhưng do đánh giá quá cao chỗ mạnh của địch, không thấy chỗ mạnh của ta, nên các đồng chí địa phương thiên về phòng ngự, cố thủ, đã làm ta bị thất thế, địch lấn tới...".

Ba bài học kinh nghiệm rút ra từ cuộc đánh bại bình định lần chiếm của địch ở Tây Nam Bộ nói chung và Chương Thiện nói riêng sau Hiệp định Paris không chỉ có giá trị rất lớn cho chỉ đạo phong trào lúc bấy giờ, mà nó vẫn còn nguyên giá trị cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau.

Ý NGHĨA THẮNG LỢI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

(Lược trích)

Trung tướng LÊ NGỌC HÙNG¹⁴

Trong hơn 10 tháng chiến đấu quyết liệt của các lực lượng vũ trang nhân dân Quân khu 9 phản công và tiến công đánh bại kế hoạch "Tràn ngập lãnh thổ", lấn chiếm bình định của hơn 75 tiểu đoàn quân nguy Sài Gòn, Sở chỉ huy Quân khu ở tây nam Long Mỹ (tại các xã Lương Tâm, Vĩnh Viễn, Xà Phiên) sát đồn bốt địch. Đồng chí Chín Hoà tức Lê Đức Anh, Tư lệnh Quân khu, đồng chí Tám Thuận tức Võ Văn Kiệt, Bí thư Khu uỷ trực tiếp chỉ huy, chỉ đạo các đơn vị ở vùng trọng điểm.

Ban Binh vận khu do đồng chí Năm Trung, Thường vụ Khu uỷ phụ trách, từ căn cứ U Minh chuyển lên tuyến Nước Trong, Nước Đục để trực tiếp chỉ đạo tiến công binh vận, hình thành bộ máy chỉ đạo ở cơ sở. Về hậu cần, Quân khu chỉ đạo bổ sung đạn dược, lương thực đủ số lượng cần thiết và có dự trữ ở các cấp; điều chỉnh bố trí hệ thống quân y tuyến trước, tăng cường kỹ thuật cấp cứu, v.v., sẵn sàng bảo đảm cho các đơn vị trên các hướng, các đơn vị trước khi bước vào chiến dịch...

Cuộc chiến ở Chương Thiện, Long Mỹ năm 1973 là một chiến dịch lớn, kéo dài cả năm 1973. Ta đánh trong hoàn cảnh bị động về chiến dịch và còn bị ràng buộc bởi nhiều chỉ thị của cấp trên không phù hợp với thực tiễn Quân khu 9 lúc bấy giờ. Nhưng ta thắng được là nhờ có sự lãnh đạo của Khu uỷ và Quân khu uỷ rất sáng suốt; ta rất cảnh giác với địch; quyết tâm của lực lượng vũ trang ba thứ quân và lực lượng chính trị, binh vận rất cao; quán triệt được cách đánh trong điều kiện có Hiệp định; hiệp đồng ba thứ quân, ba mũi tiến công rất ăn khớp và sáng tạo. Ta có phương châm, phương thức tác chiến đúng, biết cách giành chủ động trong tiến công và phản công quân địch dù hoàn cảnh bị động về chiến dịch.

Chúng ta có thể rút ra những bài học tốt:

Một là, có lập trường vững vàng, có tư tưởng cách mạng tiến công và ý thức cảnh giác cao; từ đó đã có kế hoạch chuẩn bị về tư tưởng cho ba thứ quân và các cấp uỷ địa phương. Ta không mơ hồ ảo tưởng về địch.

Hai là, đánh giá địch - ta đúng, nắm được ý đồ, kế hoạch của địch từng lúc, nên có kế hoạch bố trí lực lượng, bố trí chỉ huy và lãnh đạo đúng. Chuẩn bị hậu cần chu đáo, tạo thế lót ổ sẵn trên các tuyến, các hướng. Xử trí kịp thời, linh hoạt khi gặp khó khăn. bảo đảm chiến đấu và chiến thắng liên tục.

Ba là, phương châm, phương thức đánh địch của ta đúng. Địch tập trung quân lớn hòng tiêu diệt ta, nhưng ta buộc chúng đánh theo ý đồ của ta là kéo địch ra tiêu diệt rộng, căng kềm, tiêu hao, tiêu diệt địch liên tục. Kết hợp binh vận làm rã ngũ, làm binh biến và đánh trúng vào tinh thần binh lính địch là muốn hoà bình.

Trong chiến dịch này, ta phát huy được sức mạnh của quần chúng rất tốt, điển hình nhất là ở khu vực Lái Hiếu (Phụng Hiệp), Trung đoàn 1 đã bám trụ sáu tháng và hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

Bốn là, bài học về chấp hành mệnh lệnh, chỉ thị của trên có vận dụng linh hoạt vào thực tiễn tình hình địa phương lúc đó. Trên ra lệnh rút chủ lực về phía sau củng cố, ta đề nghị cho ở lại một thời gian, thực chất là kế hoãn binh. Trên bảo ngừng bắn nhưng cho đánh bọn lán chiếm, ta chỉ đánh bọn đi càn quét và đóng thêm đồn mới. Trên cấm bao vây đồn bốt bằng ba mũi giáp công thì ta cho du kích giữ phần đất ngoài dây thép gai và cho dân vào đồn địch thăm chòng con là binh lính để tuyên truyền Hiệp định. Ta diệt tàu, xe M113 đi càn trong vùng ta kiểm soát. Ta pháo kích các trận địa pháo vi phạm lệnh ngừng bắn.

Mỗi tháng Quân khu uỷ họp một lần kiểm điểm về việc thi hành chỉ thị của trên. Kết luận là ta có thi hành nghiêm túc, sáng tạo và có trách nhiệm. Có gửi nghị quyết về Miền và về Trung ương Đảng để báo cáo.

Âm mưu, ý đồ của Mỹ - Thiệu trong năm 1973 rất lớn; chúng chọn địa bàn chiến dịch là Chương Thiện, Long Mỹ cũng đúng và quyết tập trung lớn lực lượng vào đây hòng giành thắng lợi.

Mặc dù bị động về chiến dịch và bị trói buộc bởi nhiều chỉ thị của trên, ta vẫn thắng lợi to. Thắng lợi năm 1973 của Quân khu 9 có nhiều ý nghĩa như Nghị quyết 21 của Trung ương Đảng đã nói rõ: Ta thắng được là nhờ sự sáng suốt của Khu uỷ và Quân khu uỷ, nhờ quyết tâm và tinh thần của các lực lượng vũ trang ba thứ quân rất cao, nhờ vận dụng và tổ chức tốt lực lượng tổng hợp của địa phương, đúng như đường lối chiến tranh nhân dân mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ dụ.

KIÊN CƯỜNG BẮM TRỤ ĐÁNH BẠI ĐỊCH BÌNH ĐỊNH LẦN CHIÊM CHƯƠNG THIỆN

(Lược trích)

Đại tướng PHẠM VĂN TRÀ¹⁵

... Khi địch đổ quân xuống khu vực Phương Bình, Hoà An, ngay ngày đầu đã diễn ra các trận đánh giữa ta và địch rất ác liệt. Lúc này Tỉnh uỷ chủ trương: cơ quan di chuyển nhưng đội bảo vệ của Tỉnh uỷ phải kết hợp với Trung đoàn 1 giữ cho được vùng giải phóng và căn cứ của Tỉnh uỷ ở Phương Bình bằng bất cứ giá nào.

Trong ba tháng, trung đoàn đã cùng với lực lượng địa phương quần nhau với địch trong phạm vi 20 cây số. Các trận đánh diễn ra rất ác liệt, giành giật nhau từng khu vực, từng đoạn sông để giữ cho được vùng căn cứ.

Sau hơn ba tháng địch lần chiếm, Trung đoàn 1 và lực lượng địa phương tiêu diệt được 2 tiểu đoàn địch, đánh thiệt hại nặng 1 tiểu đoàn và 6 đại đội. Diệt Tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 16 (ngày 25 tháng 6) ngay tại căn cứ của Tỉnh uỷ (Cái Cao), diệt tại chỗ 52 tên, bắt 18 tên. Trận này ta chiến thắng giòn giã, Trung đoàn 16 của địch bắt đầu sa sút, chúng phải thay bằng Trung đoàn 14. Ta tiêu diệt Trung đoàn lính bảo an và 15 đồn bót ở Cái Sơn, giải phóng được Cái Sơn; phục kích diệt phần lớn Tiểu đoàn 2 (Trung đoàn 14), bắt được tên tiểu đoàn phó.

Kết quả: Từ ngày 4 tháng 5, địch ồ ạt đổ quân xuống Long Bình, Phương Bình, Hoà An, Long Trì, cho đến hết tháng 8 địch cơ bản vẫn bám được các đồn mà trước đây ta đã chiếm như Quang Phong, Cái Dừa, Cái Sơn, Vàm Kinh, Nhà Nước, Vàm Cái Cao, Vàm Kinh Xáng, Lái Hiếu, nhưng chúng không đánh bật được lực lượng của Trung đoàn 1 và lực lượng bảo vệ Tỉnh uỷ. Ta với địch xen kẽ nhau trong phạm vi 1 km.

Có thể kể ra đây những trận đánh hay nhất:

Trận thứ nhất: Diệt Tiểu đoàn 3 thuộc Trung đoàn 16. Ngày 25 tháng 6, từ trên ngọn Cái Cao, ba tiểu đoàn nguy hành quân chỉ cách sở chỉ huy của trung đoàn khoảng 1 km. Chúng tôi quyết tâm diệt cho được một tiểu đoàn. Nhưng đang loay hoay chưa tìm ra cơ hội thuận lợi, tình cờ chúng tôi gặp một đồng chí bảo vệ của Tỉnh uỷ trở ra vì đồng chí này để quên tài liệu. Đồng chí cho biết tuy hai tiểu đoàn địch đang lần chiếm ở phía trong, nhưng ngọn Cái Cao tức chỗ đứng của Tỉnh uỷ chúng không chiếm. Đồng chí khuyên rằng, tốt nhất nên đưa một bộ phận ém ở đó. Đến chiều bộ phận đó sẽ đánh từ sau lưng, bộ phận của Trung đoàn 1 đánh vỗ mặt thì nhất định thắng. Phương châm của chúng tôi là: Lực lượng đi đánh địch chỉ tổ chức khoảng 160 người. Chọn 32 đồng chí có kinh nghiệm chiến đấu đến ém sẵn trước căn cứ Tỉnh uỷ, do đại đội trưởng trình sát chỉ huy. Còn 120 đồng chí tổ chức thành ba trung đội chia thành hai hướng đánh địch. Một hướng gồm 80 đồng chí,

từ Vàm Cái Cao đánh lên. Hướng thứ hai đánh ngoài đồng. 16 giờ 30, nhận được điện các nơi báo cáo đã đến địa điểm quy định. Trinh sát báo đã nhìn thấy ban chỉ huy địch đang co cụm ở khu vực này, đề nghị cho nổ súng vì địch đã ở quá gần, nếu không chủ động nổ súng thì ta sẽ bị lộ. Được lệnh, 30 chiến sĩ trinh sát đã đánh thẳng vào ban chỉ huy tiểu đoàn địch, nhanh chóng tiêu diệt ban chỉ huy và thu được 10 máy bộ đàm. Một bộ phận địch chạy ra ngoài đồng liền bị quân ta bố trí ở đó đánh hất trở lại, ta tiêu diệt gần hết, chỉ một ít tên chạy thoát. Như vậy, trong vòng 40 phút, ta đã diệt tiểu đoàn này. Ngay sau đó, Tiểu đoàn 428 địch chạy luôn. Cuối cùng chúng phải đưa Tiểu đoàn 2 vào thay Tiểu đoàn 3. Trận này ta chỉ hy sinh 1, bị thương 3 đồng chí.

Trận thứ 2: Tiêu diệt Tiểu đoàn 2 của Trung đoàn 14. Chúng tôi đang bao vây đồn Cái Dứa, quân địch không ra được nên chúng tôi nghi binh giả bộ rút nhưng lại tổ chức phục kích, bố trí hai bên, mỗi bên một tiểu đoàn. Trung đoàn 2 của địch tiến vào chi viện và giải vây cho đồn Cái Dứa. Đến 2 giờ chúng ra, định chạy về đồn Kinh Cái Nước. Chúng tôi liền đưa một bộ phận ra chặn đầu. Đến khoảng 3 giờ 30 phút, ta diệt gọn, chỉ trừ tên tiểu đoàn trưởng và Đại đội 3 còn trong đồn chưa ra. Ta bắt tên tiểu đoàn phó, diệt hơn 100 tên địch.

Trận thứ 3: chúng tôi được lệnh chuyển sang địa bàn Phụng Hiệp, từ Búng Tàu đi Trà Lồng. Đánh đồn gần nhà thờ Bô Na. Địch ở đồn này có 40 tên nhưng là những tên ác ôn nhất. Biết rằng ta diệt được đồn này thì địch ở các đồn khác sẽ bỏ chạy. Sáng, chúng tôi đưa lực lượng của trung đoàn ra bao vây để chiều sẽ đánh.

Lúc đó, đồng chí Sáu Bé, trước là Bí thư xã Phương Phú, giờ là Tiểu đoàn trưởng 307, nên đồng bào Công giáo ở đây đều biết đồng chí. Chúng tôi bàn khoảng 10 giờ đồng chí Sáu Bé sẽ vào gặp Linh mục Nhâm vận động quân địch ra hàng. Khi gặp, Linh mục nói với đồng chí Sáu Bé là ông nên vô vận động đồng bào để họ vào đồn vận động con em họ bỏ đồn trở về. Khi đồng chí Sáu Bé vô nói thì khoảng 40-

50 bà con kéo vào trong đồn. Tên đồn trưởng bảo: "Việt Cộng chỉ nói dóc, không bao giờ dám đánh ban ngày" và đuổi bà con về. Khoảng 12 giờ, anh Bé và chừng 30 chị vợ lính vào vận động một lần nữa. Tên đồn trưởng bắn súng dọa và không cho vào đồn, phải trở ra. Anh Sáu nói: "Cách mạng đã có chính sách nhân đạo với binh lính là con em của đồng bào. Nhưng kêu gọi đã nhiều lần mà vẫn ngoan cố, buộc chúng tôi phải nổ súng". 16 giờ, chúng tôi diệt đồn, chỉ có sáu tên chạy thoát. Linh mục Nhâm cho biết, đồng bào Công giáo không thắc mắc, phản ứng gì với đơn vị giải phóng cả.

Quả nhiên, sau khi diệt đồn này thì địch ở mấy đồn khác liền bỏ chạy hết.

QUÂN KHU 9 GHI NHỚ VÀ BIẾT ƠN SÂU SẮC TÌNH CẢM VÀ NHỮNG LỜI CĂN DẶN CỦA ÔNG - NGUYỄN TƯ LỆNH, ĐẠI TƯỚNG LÊ ĐỨC ANH

Thiếu tướng NGUYỄN VIỆT QUÂN¹⁶

Đã từ lâu, Đảng bộ, nhân dân và các lực lượng vũ trang miền Tây Nam Bộ luôn dành sự kính trọng đặc biệt đối với Đại tướng Lê Đức Anh, bởi phần nhiều cuộc đời hoạt động cách mạng của ông, nhất là hai cuộc kháng chiến vĩ đại vừa qua, ông đã gắn bó máu thịt với mảnh đất và con người của vùng đồng bằng sông Cửu Long thân thương và rất đỗi anh hùng này. Đặc biệt, từ sau cuộc Tổng tiến công Mậu Thân 1968 và giai đoạn chiến đấu đánh bại kế hoạch "Tràn ngập lãnh thổ" - lấn chiếm, bình định của chính quyền và quân đội Sài Gòn sau Hiệp định Paris 1973, thì ông đã trở thành niềm tự hào của quân và dân Quân khu 9 anh hùng.

Đáp lại, dù sau này ông đảm trách những cương vị cao mà Đảng và Nhà nước giao phó, nhưng ở trong ông vẫn luôn dành cho Nam Bộ nói chung và miền Tây nói riêng những tình cảm trĩu nặng, sự quan tâm thấu đáo và chân tình. Bởi vậy, mỗi

khi có dịp trở lại mảnh đất miền Tây (dù rằng do công việc, sức khoẻ và tuổi tác, những chuyến du hành của ông có thưa hơn trước), thì không chỉ ở trong ông, mà trong tất cả cán bộ, chiến sĩ và đồng bào Khu 9 chúng tôi đều cảm nhận rõ là ông về với Khu 9 như về với quê mình, về với người thân trong nhà.

Tôi thuộc thế hệ hậu sinh nên không có vinh dự được sống và chiến đấu cùng chiến hào với ông như các bậc đàn anh đi trước. Nhưng tôi không thể nào quên người Tư lệnh chiến trường Tây Nam Bộ (từ năm 1969 đến tháng 11-1973), dày dạn về bản lĩnh chính trị, mưu lược về lãnh đạo, chỉ huy, cương nghị với kẻ thù, hoà thuận với đảng bộ, quân và dân vùng Đồng bằng Chín Ròng. Đánh bại chiến lược bình định cấp tốc "Tràn ngập lãnh thổ, nhỏ cỏ U Minh" của Mỹ - nguy, tạo thế và lực mới cho quân và dân đồng bằng sông Cửu Long tiến lên cùng với cả miền Nam phản công, tiến công và nổi dậy lật đổ chế độ Sài Gòn, giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Để lại cho các lực lượng vũ trang Quân khu 9 truyền thống: *"Quân dân đoàn kết, kiên cường bám trụ, tự lực tự cường, anh dũng chiến đấu"...*

Mấy năm gần đây có đôi lần được cùng anh em Quân khu đón ông về thăm miền Tây, tuy quỹ thời gian rất ngắn ngủi nhưng đã để lại trong lòng mỗi chúng tôi những ấn tượng vô cùng sâu sắc.

Mùa Hè 2003, lúc đó tôi đang làm Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự thành phố và tỉnh Cần Thơ; ông từ thành phố Hồ Chí Minh xuống thăm Bộ Tư lệnh Quân khu 9 và Thành uỷ Cần Thơ. Tôi được Bộ Tư lệnh Quân khu giao việc "tháp tùng Thủ trưởng" tới thăm vùng đất Long Mỹ - nơi ông đã từng cùng bộ đội và nhân dân địa phương chiến đấu quyết liệt và oai hùng để giữ vững từng dải đất, từng nhánh sông giai đoạn 1969 - 1973 lịch sử. Tới thăm Bảo tàng Chiến thắng 75 tiểu đoàn "Tràn ngập lãnh thổ" của Mỹ - Thiệu, ông xúc động khi nhìn lại những hiện vật và những tấm hình được lưu giữ nơi đây. Ông căn dặn: Dù điều kiện kinh tế của địa phương

còn nhiều khó khăn cũng cố gắng giữ gìn và tôn tạo, bổ sung thêm những hiện vật cho Bảo tàng, vì đây là những bằng chứng vô cùng chân thực và sinh động để nói rõ, để tái hiện cuộc sống và chiến đấu anh dũng ngoan cường của bộ đội và nhân dân Khu 9 trong giai đoạn độ sức, đấu trí quyết liệt trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại vừa qua. Những bằng chứng được lưu giữ có sức thuyết phục, sức truyền cảm rất mạnh mẽ đối với các thế hệ trẻ hôm nay và mai sau, để họ có quyền tự hào, có quyền làm điểm tựa vững chắc để phát huy tinh thần và sức lực, trí tuệ và tài năng của mình trong sự nghiệp giữ nước và xây dựng non sông đất nước ngày càng phồn vinh, tươi đẹp...

Những năm gần đây, cùng với việc phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm, Bộ Tư lệnh Quân khu và đảng bộ, nhân dân địa phương đã rất chú trọng thực hiện lời căn dặn của ông trong việc giữ gìn và tôn tạo các tài liệu, hiện vật và các di tích lịch sử gắn với các đợt học tập, sinh hoạt chính trị của các đảng bộ và các đơn vị lực lượng vũ trang.

Tôi còn nhớ, hôm đó, khi rời nhà Bảo tàng Chiến thắng, chúng tôi định đưa ông vào Hội trường của Huyện Long Mỹ, thì Đại tá Khuất Biên Hoà, Thư ký giúp việc của ông nói rằng: "Bác muốn vào thăm nhà ông Tám Hoà ở ấp 8, anh Việt Quân à!". Một tình huống thật là đột xuất. Từ Cần Thơ xuống tới vị trí Bảo tàng này là hết đường ô tô. Từ đây vô ấp 8 còn khá xa, mà phương tiện duy nhất chỉ có thể là xuồng máy đi đường thủy, trong khi quỹ thời gian thì không còn nhiều mà "chương trình" thì còn rất nhiều việc. Tính sao đây?

Và rồi bản lĩnh của người chỉ huy quân sự đã giúp tôi tìm ra giải pháp. Một chiếc xuồng Bobo chạy đệm không khí của anh em cảnh sát và hai chiếc xuồng máy được đưa tới. Đại tướng, nguyên Chủ tịch nước Lê Đức Anh và Phu nhân ngồi trên xuồng Bobo, còn chúng tôi ngồi trên hai xuồng máy khác để tháp tùng. Mặc dù đồng chí cảnh sát cầm lái chiếc Bobo

đã điều khiển vận tốc nhỏ nhất nhưng chiếc xuồng vẫn lao như bay trên mặt sông mênh mông làm chúng tôi không sao đuổi kịp. Hình ảnh hai ông bà Chủ tịch tuổi đã 85, tóc bạc trắng như tiên, ngồi trên chiếc xuồng sơn trắng xé nước lướt trên mặt sông thật là lãng mạn và cũng thật là hiện thực sinh động.

Từ xuồng Bobo bước lên, chúng tôi thận trọng dìu Chủ tịch và Phu nhân bước qua mảnh sân rêu trơn (vì mới mưa dầm nhiều ngày) để vào căn nhà lá. Chủ tịch ân cần thăm hỏi hai má con ông Tám Hoà, người đã cho mình mượn khu vườn cây phía sau nhà để đặt sở chỉ huy tiền phương của Quân khu trong những năm tháng chiến đấu ác liệt đánh bại nhiều đợt tiến công "tràn ngập lãnh thổ" của 75 tiểu đoàn quân đội Sài Gòn ở vùng đất Chương Thiện - Long Mỹ - Vị Thanh - Hoà Lự - Cần Thơ lịch sử này. Nâng trên tay chiếc tivi và túi quà của Chủ tịch trao tặng, cả hai má con ông Tám Hoà (bà má đã 91 tuổi, ông Tám cũng đã trên 70 tuổi) rung rung xúc động, tay run run, nước mắt tuôn trào...

Hôm sau, ông tới thăm Bộ Tư lệnh Quân khu 9. Đồng chí Ba Tiền Phong, Tư lệnh và đồng chí Năm Lượng, Phó Tư lệnh về chính trị Quân khu 9 đã báo cáo với Đại tướng Lê Đức Anh tình hình hoạt động và thành tựu đã đạt được trong những năm vừa qua; trong đó nhấn mạnh một điều là nhờ thực hiện tốt lời căn dặn năm xưa khi Đại tướng Lê Đức Anh trên cương vị Chủ tịch nước đã xuống kiểm tra, phát hiện và nhắc nhở việc khắc phục hiện tượng nhiều người dân vì rơi vào cảnh nghèo mà phải cầm cố ruộng đất canh tác dẫn đến mất ruộng đất, mất phương tiện sinh sống. Chính vì nhớ và thực hiện lời chỉ giáo của Chủ tịch mà riêng ở Quân khu 9 không để xảy ra hiện tượng cán bộ lợi dụng cơ hội tranh thủ mua ruộng đất để một số người dân mất ruộng đất do phải bán đi và trở thành người làm thuê. Đại tướng biểu dương những cố gắng của Đảng bộ và các lực lượng vũ trang nhân dân Khu 9, đồng thời căn dặn: Bộ đội và nhân dân Khu 9 trước đây đã cùng cả nước không tiếc sức người, sức của làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Campuchia. Ngày nay, cần

phát huy hơn nữa. Giúp bạn là tự giúp mình. Bạn có ổn thì mình mới êm. Cố gắng làm mọi cách để xây dựng đường biên giới hoà bình hữu nghị với bạn, mà trước mắt là tổ chức tỉnh kết nghĩa với tỉnh, huyện kết nghĩa với huyện, cùng bàn bạc hợp tác giúp nhau để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng ngày càng vững mạnh...

Đến đầu tháng 12-2005 vừa qua, Quân khu 9 lại vui mừng được đón ông về thăm và dự Lễ kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống của các lực lượng vũ trang Quân khu. Dịp này, tôi mới được cấp trên bổ nhiệm làm Phó Tư lệnh về chính trị (nay là Chính uỷ quân khu). Chiều muộn ngày 8 tháng 12, Đại tướng và Phu nhân mới tới Nhà khách của Quân khu. Sáng hôm sau, theo hẹn với anh Hoà, Thư ký của Đại tướng, tôi ra Nhà khách để đón ông bà tới thăm gia đình ông Dương Tử, nguyên Trung đoàn trưởng Trung đoàn 1 anh hùng thời kỳ đánh địch bình định lần chiếm năm 1973, nguyên Phó tư lệnh Tham mưu trưởng Mặt trận 979 Quân khu 9 (thời kỳ làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Campuchia). Nhưng thật bất ngờ và rất vinh dự cho tôi, Đại tướng đã giành cả hơn hai giờ của buổi sáng để trao đổi và căn dặn những điều mà với tôi và Ban lãnh đạo Quân khu là vô cùng bổ ích và quý giá.

Tôi còn nhớ như in những lời căn dặn chí tình của ông:

"Vừa qua, được tin Quân khu 9 tổ chức Đại hội đại biểu Đảng bộ thành công tốt đẹp, tôi vui mừng. Nguyễn Việt Quân giờ nhận trách nhiệm Bí thư Đảng uỷ Quân khu, tôi chúc mừng!

Quân khu 9 là một địa bàn chiến lược rất quan trọng. Đảng uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu phải thường xuyên quan hệ, làm việc chặt chẽ với các tỉnh mà trước hết là với các đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, các đồng chí này đều là Uỷ viên Đảng uỷ Quân khu. Bây giờ bàn chuyện huấn luyện cũng cần thiết, nhưng ít thôi, vì huấn luyện là công việc thường xuyên của lực lượng vũ trang mà kế hoạch đã có từ đầu năm, nên cứ thế mà làm. Bởi vậy, cần tập trung bàn cho được cái *quy hoạch tổng thể* về kinh tế

- xã hội, an ninh - quốc phòng, gắn liền với việc bảo vệ và tôn tạo cảnh quan tươi đẹp, môi trường trong sạch của Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhân đó, tôi khoe với ông hai việc. Một là, Quân khu đã thực hiện lời căn dặn của ông (mùa Hè 2003) về việc xây dựng đường biên giới hoà bình và hợp tác hữu nghị với nước bạn Campuchia. Hôm nay, Bộ Tư lệnh quân khu vừa vui mừng đón đoàn cán bộ chủ trì các tỉnh kết nghĩa của bạn sang dự Lễ kỷ niệm ngày truyền thống của Quân khu 9. Hai là, sáng nay được tin sắp tới đồng chí Bộ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải sẽ vô bàn về quy hoạch giao thông của vùng đồng bằng sông Cửu Long để thực hiện chỉ đạo chiến lược của Trung ương và cũng là ý tưởng của Bác Sáu (Lê Đức Anh). Tôi báo cáo xong, ông liền nói:

"Theo tôi, nên bàn trong nội bộ Quân khu, nội bộ các tỉnh, thành của đồng bằng sông Cửu Long trước. Có quy hoạch rồi mới mời Bộ Giao thông và đại diện Chính phủ vào, rồi thống nhất quy hoạch tổng thể. Quy hoạch đúng thì kinh tế - xã hội phát triển tốt, quy hoạch không đúng thì sẽ gây lãng phí ghê gớm. Tôi quê tỉnh Thừa Thiên - Huế. Năm gần đây khi nghe tin tỉnh nhà định làm ba cây cầu lớn vượt phá Tam Giang, dân Thừa Thiên - Huế mừng lắm. Tôi cũng mừng nhưng tôi chê vì tôi nghĩ rằng trước mắt chỉ nên làm một cây cầu cho dân đi đò cực. Còn tiền nên đầu tư vào việc khác sẽ có lời gấp trăm lần. Chứ cùng một lúc mà tập trung vốn để bắc ba cây cầu lớn sẽ lãng phí vô cùng vì cầu xây xong dân không có hàng hoá chở đi bán. Còn hàng hoá của Chính phủ chở vô thì dân tiêu thụ không đáng bao nhiêu; như vậy sẽ rất lãng phí.

Hiện nay, trong xu thế hội nhập quốc tế, với sự phát triển của khoa học công nghệ nên tốc độ rất khẩn trương, nếu chúng ta không tích cực thì sẽ tụt hậu rất nghiêm trọng. Bởi vậy, vùng đồng bằng sông Cửu Long giờ phải tiến hành khẩn trương việc quy hoạch tổng thể về kinh tế - xã hội, trước hết là quy hoạch về giao thông:

- Về đường không: Phải có sân bay quốc tế, mà là quốc tế thật sự chứ không phải dán tem mác cho oai. Tức là quan hệ với các nước trên thế giới để lập đường hàng không trực tiếp, rồi ngay sau đó phải có hàng hoá để trao đổi; phải có người - tức là đưa, đón khách quốc tế.

- Về đường thủy: Phải có kế hoạch đồng bộ để các cửa biển, cửa sông được nạo vét thường xuyên, tàu lớn ra vào cập cảng thuận tiện.

- Về đường bộ: Phải khẩn trương mở rộng các tuyến đường đã có sẵn, đồng thời làm mới ít nhất một tuyến Quốc lộ 1 nữa.

Lãnh đạo Quân khu và các tỉnh nên bàn bạc kỹ rồi cùng với Bộ Giao thông - Vận tải và đại diện của Chính phủ bàn rồi quyết định và triển khai thực hiện một cách tích cực.

Hiện nay xu thế hội nhập và nền kỹ nghệ của quốc tế phát triển rất cao; nếu chúng ta không khẩn trương thì không theo kịp.

Nhân dân, bộ đội, cán bộ của miền Tây Nam Bộ rất tốt, rất trung thành với lý tưởng cách mạng, kiên cường trong chiến đấu giải phóng Tổ quốc trước đây, can đảm và sáng tạo trong lao động, đã làm nên nhiều thành tựu trong 20 năm đổi mới vừa qua. Nhưng tôi đề nghị bây giờ hãy bớt nhậu đi, tập trung vào công việc.

Hiện nay, việc hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn là điều tất yếu. Không làm là sai. Làm thì nhiều việc lắm. Nói thì đủ thứ nhưng trước hết là yếu tố con người - đồng bằng sông Cửu Long phải học, phải chịu khó lao vào học tập.

Từ đất và nước mà làm ra lúa gạo. Nhưng gạo phải chế biến thành hàng hoá. Trồng ra cây mía, nhưng mía phải chế biến thành đường; rồi đường phải chế biến ra sản phẩm hàng hoá thì mới thu được lời cao. Muốn vậy phải học. Mà ai sẽ làm việc nói trên? - Nông dân! Vậy thì phải tổ chức cho người dân đồng bằng sông Cửu Long học tập. Mà theo quy luật, khi sản xuất nông nghiệp từ thô sơ đơn giản tiến lên

công nghiệp hoá thì một bộ phận lớn trong nông dân sẽ đi vào sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Còn một bộ phận trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp thì phải sử dụng công cụ, máy móc hiện đại. Theo quy luật phát triển của nền kinh tế thì phải như vậy. Lãnh đạo Quân khu phải nắm vững quy luật này để có quy hoạch về chiến lược con người, chiến lược về lao động. Theo lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng và triển khai cụ thể bằng chủ trương đường lối của các kỳ Đại hội Đảng vừa qua thì tiến lên công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn là một việc dứt khoát phải làm. Chúng ta phải bảo vệ và khai thác thật tốt lực lượng lao động trong nông dân và bồi dưỡng cho lực lượng này không ngừng tăng lên. Mà lực lượng này không đâu bằng ở đồng bằng sông Cửu Long. Bởi vậy Quân khu phải coi đây là một việc lớn.

Việc này đã bàn chưa? Ai bàn? - Ở Trung ương tôi chưa thấy bàn, hay nói đúng hơn có bàn nhưng còn chung chung lắm, chứ nói riêng cho từng vùng thì chưa thấy bàn.

Ví dụ: Cá cơm là một sản phẩm rất quý của biển. Cho đến nay mới chỉ có Phú Quốc là có "Kế hoạch về cá cơm". Tôi đã từng ra đó. Người dân Phú Quốc đóng những thùng gỗ rất to để ướp cá làm mắm. Đến chử thương hiệu "Nước mắm Phú Quốc" đã đi khắp thế giới và được bạn bè năm châu công nhận. Còn trong đất liền, từng vùng quy hoạch cái gì thì chưa thấy có. Nói cái này để thấy rằng, làm quy hoạch không chỉ dừng lại ở tầm vĩ mô, mà phải đi vô từng vùng, từng vấn đề cụ thể sau khi đã có quy hoạch tổng thể, có quy hoạch vĩ mô rồi, để ta có quy hoạch chi tiết, như thế mới đồng bộ, mới khoa học.

Ta cứ nói dân dùng xung điện, thuốc nổ để đánh cá, rồi bắt bớ, phạt. Không phải hiện tượng này giờ mới có, mà nó có mấy chục năm nay rồi. Ngoài Hà Nội vẫn cứ họp, cứ nói; còn người dân thì vì cuộc sống thường nhật nên họ vẫn cứ làm, mặc dù biết rằng làm là sai. Bởi vậy ta không chỉ dừng lại ở họp để kiểm điểm cán bộ,

rồi dùng cảnh sát tuần tra. Mà vấn đề là chính quyền phải có kế hoạch đồng bộ và dứt khoát, phải dựa vào dân để thực hiện kế hoạch. Các kế hoạch phải liên quan chặt chẽ với nhau, làm phải đạt được hiệu quả.

Tôi xin nhắc lại về vị trí chiến lược của Quân khu 9 đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh Quân khu nên nhớ phải thường xuyên liên hệ, làm việc chặt chẽ với các tỉnh trong nhiệm vụ kinh tế - xã hội cũng như an ninh - quốc phòng. Kẻ thù của chủ nghĩa xã hội không bao giờ thay đổi âm mưu, không thay đổi mục tiêu, mà nó chỉ thay đổi sách lược. Giờ nhìn ra thì chúng ta thấy "êm". Nhưng phải thấy bên trong cái "êm" đó, đằng sau cái êm đó là cái gì. Phải luôn nhớ rằng lúc này, phải hơn lúc nào hết, tranh thủ để phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các quốc gia và các dân tộc trên thế giới", nhưng phải luôn luôn cảnh giác, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của các thế lực thù địch.

Hai cuộc chiến tranh giải phóng trước đây, tôi đã được đi hết vùng đất đồng bằng sông Cửu Long. Người dân miền Tây Nam Bộ có tinh thần độc lập tự chủ rất cao. Chính tinh thần độc lập tự chủ này, dưới sự lãnh đạo của Khu uỷ và các tỉnh uỷ nên các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long đã giải phóng địa bàn của mình cùng thời điểm với việc giải phóng Sài Gòn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 lịch sử. Giờ đây lãnh đạo Quân khu hãy phát huy tinh thần ấy trong công cuộc đổi mới đất nước.

Nhân dịp ngày vui lớn này, tôi xin chúc Đảng bộ, các lực lượng vũ trang và nhân dân Quân khu 9 lập nhiều chiến công mới, thành tựu mới trong công cuộc đổi mới đất nước vĩ đại ngày hôm nay!"

Chỉ với trên dưới hai giờ của buổi sáng hôm đó, mà Đại tướng, nguyên Chủ tịch nước Lê Đức Anh đã truyền thụ cho tôi, người Bí thư của Đảng bộ Quân khu những nội dung vô cùng trọng đại, vô cùng quý giá mà cũng vô cùng dễ hiểu, vì nó

vừa sát với thực tế vừa cấp thiết, vừa là chiến lược lâu dài vừa hiện hữu trước mắt. Tới tuổi 85 mà Đại tướng vẫn dành cho Ban lãnh đạo Quân khu chúng tôi những tư duy mẫn tuệ như vậy, thật quý giá biết nhường nào!

Đến hôm nay, sau vừa tròn một năm công tác kể từ ngày đó, chúng tôi có thể vui mừng báo cáo với Đại tướng rằng: một năm qua, Đảng bộ, các lực lượng vũ trang và nhân dân đồng bằng sông Cửu Long đã đoàn kết phấn đấu với nỗ lực và tinh thần đổi mới rất cao, những lời chỉ giáo quý báu của Đại tướng đã và đang trở thành kết quả hiện thực khả quan. Vùng đất và con người miền Tây Nam Bộ đang phát triển bền vững và đổi thay hằng ngày theo hướng tích cực của mục tiêu mà Đảng đã vạch ra: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Và trong tâm khảm của mỗi cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và nhân dân Tây Nam Bộ luôn có hình ảnh gần gũi thân thương và rất đỗi kính yêu của vị Tư lệnh chiến trường oai hùng năm xưa, của Đại tướng - Chủ tịch nước Lê Đức Anh thời kỳ đổi mới - Bác Sáu Nam!

ĐÔI ĐIỀU CẢM NGHĨ VỀ ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC ANH - TƯ LỆNH QUÂN KHU

9

Thiếu tướng TRẦN VĂN NIÊN¹⁷

Anh Sáu Nam! Đó là cách gọi thường ngày của tôi đối với đồng chí Lê Đức Anh, Tư lệnh Quân khu 9 trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1969 đến tháng 11-1973).

Đây là giai đoạn khó khăn nhất đối với Quân khu 9. Nhưng chính tại thời điểm khó khăn đó, Trung ương Cục miền Nam đã sáng suốt và kịp thời có quyết định điều đồng chí Võ Văn Kiệt xuống Khu 9 thay đồng chí Nguyễn Thành Thơ làm Bí thư

Khu uỷ và đồng chí Lê Đức Anh thay đồng chí Đồng Văn Cống làm Tư lệnh Quân khu.

Những ngày đầu đồng chí Lê Đức Anh mới xuống, tôi chưa quen biết, chẳng hiểu tính tình. Nhưng qua các cuộc họp quân chính toàn Quân khu, tôi cảm nhận đồng chí là một con người đầy nghị lực, ý chí cách mạng kiên cường, tư tưởng cách mạng tiến công không ngừng, mưu trí sáng tạo, tính quyết đoán rất cao, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm cá nhân trước dân, trước Đảng.

Một điều rất bình thường nhưng rất có ý nghĩa: khi xuống Khu 9 làm Bí thư Khu uỷ, đồng chí Võ Văn Kiệt lấy bí danh là Tám Thuận, còn đồng chí Lê Đức Anh đặt bí danh là Chín Hoà. Cặp song trùng này đã tạo bầu không khí đoàn kết, phấn khởi, gây được niềm tin tưởng của quần chúng vào sự lãnh đạo, chỉ huy của hai đồng chí - Hạt nhân đoàn kết đã nhanh chóng trở thành nòng cốt cho sự đoàn kết thống nhất giữa Khu uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu, giữa Đảng - lực lượng vũ trang - Mặt trận Giải phóng và đoàn thể cách mạng cùng nhân dân toàn Khu 9 thành một khối vững chắc, tạo nên sức mạnh tổng hợp để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai.

Điều quan trọng nhất là từ khi hai đồng chí xuống Khu 9 đã tháo gỡ được khó khăn vướng mắc về cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo giữa Khu uỷ với Bộ Tư lệnh Quân khu vốn đã có từ nhiều năm trước đó. Việc xác lập rõ ràng cơ chế lãnh đạo - chỉ huy, đổi mới phong cách lãnh đạo - chỉ huy từ cấp Khu xuống cơ sở đã thật sự tạo một sinh khí mới, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng được nâng cao; sức chiến đấu của khối đoàn kết Đảng - quân - dân Khu 9 không ngừng được củng cố và phát triển...

Điều mà đến bây giờ tôi còn nhớ như in là: năm 1970, tình hình Khu 9 hết sức khó khăn, ác liệt, địch tập trung binh hoả lực, tập trung các phương tiện chiến tranh như xe lội nước, tàu chiến và cả máy bay ném bom chiến lược B52 đánh phá dồn dập và tiến công vào căn cứ U Minh, khu rừng tràm 390, nơi Sở chỉ huy của Quân khu đứng chân. Trước tình hình đó, trong Khu uỷ đã có ý kiến khuyên Quân khu nên

chuyển cơ quan về nam Cà Mau để bảo đảm an toàn. Sau khi phân tích tình hình, cân nhắc mọi mặt, Tư lệnh Quân khu đã quyết định bám trụ ở U Minh Thượng, đồng thời triển khai Sở chỉ huy tiền phương của Quân khu tại Long Mỹ (Cần Thơ), sát đồn Tô Ma của địch, và đồng chí Lê Đức Anh đã thường xuyên có mặt ở đó. Sự việc và hình ảnh này đã có sức mạnh cổ vũ, động viên tinh thần chiến đấu dũng cảm, kiên cường đối với các lực lượng vũ trang và các đảng bộ, nhân dân địa phương.

Thời điểm giữa năm 1971, về cơ bản địch đã lấn chiếm U Minh Thượng, sau đó chúng nhằm nhe mở rộng lấn chiếm nam Cà Mau... Nắm được ý đồ của địch, quyết tâm bẻ gãy ý đồ đó, Tư lệnh Quân khu Sáu Nam đã quyết định mở đợt phản công lớn vào mùa mưa 1971 ở U Minh, tập trung trong vùng bình định trọng điểm của địch; đồng thời phát động phong trào đánh địch rộng khắp trên các chiến trường bằng lực lượng tại chỗ...

Cuộc phản công mùa mưa kết thúc thắng lợi, buộc địch phải huỷ bỏ kế hoạch "Tô dày lấp kín U Minh" và phải rút bỏ một số đồn bót ở U Minh. Phát huy thắng lợi, Tư lệnh Quân khu ra lệnh tiếp tục tiến công bẻ gãy kế hoạch bình định của địch. Đến cuối năm 1971, chúng không thực hiện được kế hoạch vì hầu hết lực lượng quân chủ lực địch bị ta đánh thiệt hại nặng, nhất là Sư đoàn 21 nguy. Từ đó tình hình Quân khu 9 được cải thiện rõ rệt, đã có tác động cổ vũ quân và dân Khu 9, củng cố niềm tin vào thắng lợi của cách mạng miền Nam.

Năm 1972, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền, Quân khu 9 tích cực chuẩn bị lực lượng và mở nhiều đợt tiến công địch. Sau sáu đợt cao điểm tiến công, đến tháng 9-1972, Quân khu 9 đã giành được thắng lợi lớn, làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho ta, góp phần đánh bại chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ...

Hiệp định Paris được ký kết. Theo các điều khoản của Hiệp định, đúng 7 giờ ngày 28-1-1973, hai bên tham chiến sẽ ngừng bắn tại chỗ. Thế nhưng, trên vùng đất đồng bằng sông Cửu Long vẫn không có ngừng bắn, chiến tranh vẫn tiếp diễn, quân nguy Sài Gòn vẫn tiếp tục tiến công lấn chiếm, nhiều nơi chiến tranh còn ác liệt hơn trước...

Sau khi phân tích tình hình, Khu uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu thống nhất đề nghị lên Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền giữ thế tiến công, kiên quyết đánh trả địch lấn chiếm bình định; đồng thời đẩy mạnh đấu tranh chính trị và binh vận phù hợp với nội dung Hiệp định.

Ngày 6-2-1973, Hội nghị Quân chính toàn Quân khu phổ biến nghị quyết của Thường vụ Khu uỷ, xác định nhiệm vụ của lực lượng vũ trang "Kiên quyết trừng trị địch vi phạm Hiệp định, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, hỗ trợ nhân dân đấu tranh đòi hoà bình dân chủ, đòi thi hành Hiệp định...". Tư lệnh Quân khu quy định cho các trung đoàn chủ lực vẫn giữ vững đội hình đã bố trí, đánh địch vi phạm lấn chiếm vùng kiểm soát của ta, làm nòng cốt cho các lực lượng khác bám giữ địa bàn, bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng.

Lúc đó, Bộ chỉ huy Miền ra lệnh cho Quân khu 9 rút hai trong bốn trung đoàn chủ lực về phía sau để thay phiên nhau huấn luyện và củng cố lực lượng. Sau khi cân nhắc kỹ, Bộ Tư lệnh Quân khu đã gửi kiến nghị về Miền xin cho tiếp tục duy trì thế bố trí hiện tại, vì thấy rằng nếu rút lực lượng thì lập tức quân địch sẽ lấn chiếm. Đây là một quyết đoán hết sức đúng đắn của Bộ Tư lệnh Quân khu, mà người đề xuất là Tư lệnh Lê Đức Anh.

Tháng 2-1973, hầu hết cán bộ trung cao cấp trong quân khu đều được học tập quán triệt Nghị quyết của Trung ương Cục, Nghị quyết của Khu uỷ và Quân khu uỷ. Trong đó, Nghị quyết của Trung ương Cục có câu: "Đấu tranh chính trị là chính, lực lượng vũ trang hỗ trợ". Cán bộ chúng tôi đều không thông tinh thần này vì cho

rằng bản chất của địch là rất ngoan cố, ra sức đánh phá ta và lấn chiếm bình định, vậy mà lực lượng vũ trang chỉ hỗ trợ thì làm sao giữ vững được vùng giải phóng và phát huy thành quả cách mạng?... Trong tình hình đó, chúng tôi là những người trực tiếp chỉ huy đơn vị chiến đấu, vẫn chấp hành nghiêm mệnh lệnh của Tư lệnh Quân khu "Lực lượng vũ trang các cấp phải kiên cường bám trụ tại địa bàn được phân công, tích cực đánh địch bình định lấn chiếm, phát động phong trào quần chúng đấu tranh chính trị, buộc địch phải thi hành Hiệp định và đẩy mạnh công tác binh vận...". Đây là một mệnh lệnh mang đầy đủ tinh thần cảnh giác cách mạng, không mơ hồ ảo tưởng, thể hiện tinh thần cách mạng tiến công không khoan nhượng đối với kẻ thù.

Đúng như nhận định đánh giá của Khu uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu là "Địch không thi hành Hiệp định, vẫn thực hiện kế hoạch bình định lấn chiếm...". Đầu năm 1973, Bộ Tư lệnh Quân khu xác định nhiệm vụ trọng tâm của Quân khu là "Phá kế hoạch bình định, lấn chiếm của địch; buộc chúng thi hành Hiệp định bằng cách thực hiện tiến công liên tục trên phạm vi toàn quân khu, có thời gian cao điểm, nhưng phương thức tiến công không gây tiếng vang lớn". Lại một lần nữa, Bộ Tư lệnh Quân khu xác định nhiệm vụ của lực lượng vũ trang Quân khu rất sát đúng, mang ý nghĩa chiến lược, thắng địch trong điều kiện có Hiệp định ràng buộc cả hai phía tham chiến.

Tháng 9-1973, Tư lệnh Quân khu có một báo cáo quan trọng gửi Trung ương Cục, Bộ chỉ huy Miền và Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tình hình Khu 9 trong tám tháng kể từ sau khi có Hiệp định. Báo cáo nêu rõ: "Ở Quân khu 9 hay đồng bằng sông Cửu Long nói chung và có thể ở cả miền Nam hoàn toàn không phải là xung đột vũ trang từng vụ, từng nơi, mà địch đã thực sự duy trì chiến tranh, thực hiện chương trình bình định trong điều kiện có hiệp định hoà bình". Từ đó, Tư lệnh Quân khu có những đề nghị và đề xuất lên trên nhiều vấn đề hết sức quan trọng, có

ý nghĩa quyết sách chiến lược như: Đánh giá tình hình, phương châm hành động hàng ngày, phương hướng tiến công, phương thức tiến công, đối tượng tiến công, công tác binh vận, về lực lượng chính trị - đấu tranh chính trị phối hợp với lực lượng vũ trang đấu tranh để giành và giữ quyền làm chủ, chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang và tiến hành vũ trang khởi nghĩa...

Những đề nghị, đề xuất trên đây cũng là nội dung chỉ đạo của Quân khu 9 trên phạm vi địa phương mình từ sau ngày 28-1-1973. Nhờ chủ trương đúng đắn của Khu uỷ, sự chỉ huy nhạy bén và sáng tạo của Bộ Tư lệnh Quân khu, mà trực tiếp là đồng chí Tư lệnh Lê Đức Anh, nên Quân khu 9 đã liên tục tiến công bẻ gãy nhiều cuộc hành quân bình định lấn chiếm của địch; đồng thời chuẩn bị tích cực để chuyển sang kế hoạch tiến công mùa khô tới.

Sang năm 1973, tình hình Quân khu 9 sáng sủa hẳn lên, nhất là cuối năm. Đến ngày 14-11-1973, hai đồng chí Võ Văn Kiệt và Lê Đức Anh được cấp trên gọi ra Bắc báo cáo và ngay sau đó được rút về Miền để chuẩn bị cho nhiệm vụ mới - Tổng tiến công và nổi dậy giải phóng Sài Gòn và giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Hơn bốn năm trên cương vị lãnh đạo và chỉ huy Quân khu 9, hai anh Võ Văn Kiệt và Lê Đức Anh cùng với tập thể Đảng uỷ Quân khu đã đưa Quân khu 9 vượt qua những ngày tháng hiểm nghèo, từng bước đưa phong trào cách mạng của Đảng bộ, quân và dân Khu 9 vươn lên mạnh mẽ, đánh bại âm mưu, kế hoạch bình định lấn chiếm của địch; khơi dậy tinh thần đoàn kết, tự lực tự cường, tự tưởng cách mạng tiến công, quyết đánh và quyết thắng địch; vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh cách mạng của Đảng vào thực tiễn, góp phần quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Nhớ đến anh Sáu Nam - đồng chí Lê Đức Anh là tôi nhớ đến một người anh thân thương, người đồng chí mẫu mực và người chỉ huy mưu lược tài giỏi. Trong những

năm gần gũi với đồng chí Lê Đức Anh, tôi đã học tập được rất nhiều điều và tôi được trưởng thành cũng là nhờ tấm gương sáng của đồng chí.

NƠI NÀO KHÓ KHĂN THÌ ANH ĐẾN

Thiếu tướng PHÙNG ĐÌNH ÁM¹⁸

Trước ngày tập kết ra Bắc, tôi hoạt động ở bên Miên (Campuchia) về, tuy là dân Khu 5 nhưng lại tập kết cùng bộ đội Nam Bộ. Anh Sáu Nam là chỉ huy trưởng, anh Đồng Văn Cống là phó.

Thời kỳ đánh Mỹ, khi tôi về Miền thì anh Sáu xuống Khu 9, nên thời gian ở cùng anh Sáu chủ yếu là ở Campuchia.

Về việc giúp bạn Campuchia, trước hết tôi nói rằng, ý chỉ đạo giúp bạn đầu tiên ở Quân khu 7 là đồng chí Thượng tướng Trần Văn Trà. Lúc đó anh Trà là Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng uỷ Quân khu 7. Thễ theo yêu cầu của nhóm cán bộ Campuchia ly khai chế độ Pôn Pốt, anh Trà giao cho tôi làm Phó phòng K, nhưng thực tế không có trưởng phòng, để giúp đồng chí Hun Xen xây dựng lực lượng, bắt đầu từ tháng 4-1978. Ban đầu mở lớp huấn luyện một đại đội làm nòng cốt rồi nhân lên, mở rộng ra, đến tháng 6-1978 xây dựng cấp tốc được bốn tiểu đoàn. Đến tháng 9-1978 thì tôi gặp anh Sáu về thay anh Trà làm Tư lệnh Quân khu 7. Lúc đó Quân khu 7 quyết định thành lập Đoàn 778 để giúp bạn xây dựng lực lượng. Tôi làm Chính uỷ, anh Tư Chu làm Đoàn trưởng, anh Tư Bản làm Phó đoàn trưởng, Ba Ban và Hai Lộ làm Phó chính uỷ.

Lần đầu gặp anh Sáu Nam, cũng là lúc Quân khu quyết định triển khai giúp đỡ đồng chí Hun Xen xây dựng 12 tiểu đoàn, tôi bảo lấy đâu ra cán bộ? Anh bảo -

"Cậu về nghiên cứu kỹ, chọn rồi báo cáo Bộ Tư lệnh Quân khu". Lúc đó tôi nói ta chỉ là "so đũa rút cờ", chứ biết ai tốt, ai xấu. Trong hơn bốn vạn người Campuchia chạy lánh nạn diệt chủng sang ta thì có đủ loại người. Cứ dựa vào lý lịch tự khai rồi bố trí. Rồi quá trình sẽ chọn lựa đào thải. Anh Sáu nhất trí với tôi. Như vậy thấy anh cũng là người chịu nghe.

Nơi tập kết quân và huấn luyện cho bạn lúc đầu tập trung ở khu vực gần trường bắn Thủ Đức, nơi Quân khu xây dựng nhà để cấp cho gia đình cán bộ, giờ làm nơi tập kết và huấn luyện cho quân đội bạn Campuchia. Về sau lực lượng mở rộng chuyển về Long Giao. Quá trình phát triển từng bước, đơn vị đầu tiên thành lập tháng 9-1977. Quân khu tổ chức một bộ phận gọi là Đoàn 977 để đón tiếp cán bộ Campuchia ly khai tỵ nạn sang Việt Nam (trong số ly khai có đồng chí Hun Xen). Tháng 4-1978, Phòng K được thành lập phụ trách luôn 977, do tôi phụ trách chung và một số cán bộ giúp bạn trên các mặt: Về chính trị là đồng chí Thiếu tá Châu Ba, về tham mưu quân sự có đồng chí Thiếu tá Ba Hêng, nói tiếng Khmer rất giỏi, và hai cán bộ huấn luyện kỹ - chiến thuật là Đại úy Xích Hồng và Thượng úy Quách Đức Hưng. Về hậu cần cử đồng chí Thiếu tá Mười Phiên, nguyên đoàn trưởng 977, phụ trách; và Cục Hậu cần Quân khu cử cán bộ không chuyên trách ra giúp.

Trong huấn luyện, về kỹ - chiến thuật thì có bài vở sẵn để giảng dạy rồi. Chính trị thì lúc đầu tài liệu không có, ta phải dựa vào bài: "Tổ quốc ta giàu đẹp, nhân dân ta anh hùng và cần cù sáng tạo trong lao động... nhưng vì sao khổ?" là bài của ta trong chỉnh huấn cải cách ruộng đất trước đây, vận dụng vào tình hình thực tế Campuchia dưới ách thống trị của Pôn Pốt lúc bấy giờ để soạn ra đề cương, giúp bạn viết ra bài học. Đồng chí Hun Xen trực tiếp biên soạn giáo án giảng bài. Về tổ chức, Hun Xen phụ trách Trưởng đoàn kiêm Chính uỷ. Nútthon là Phó chính uỷ. Hem Xà Minh là Phó trưởng đoàn. Ungphon làm Chủ nhiệm Chính trị, Ngô Minh phụ trách Tham mưu, Pên Pách phụ trách Hậu cần (ngoài Ngô Minh là cán bộ

người Campuchia chiến đấu trong hàng ngũ quân đội ta, còn những người khác là cán bộ của Pôn Pốt ly khai).

Ngày 12-5-1978 mở khoá đầu tiên. Quân khu phân công anh Đặng Quang Long, Đại tá, Phó chủ nhiệm Chính trị Quân khu theo dõi chỉ đạo, còn trực tiếp là tôi. Từ Thủ Đức chuyển xuống Long Giao, tiếp tục xây dựng đến tháng 12-1978 được 21 tiểu đoàn bộ binh, trong đó có một tiểu đoàn nữ và 98 đội công tác. Hai mươi tiểu đoàn xây dựng trước thì có sự lựa chọn, còn một tiểu đoàn thứ 21 xây dựng vét nên về sau khi trở về Campuchia thì có một số hư hỏng.

Đồng chí Lê Duẩn vào nghe báo cáo đã có 21 tiểu đoàn lực lượng vũ trang bạn do Quân khu 7 giúp xây dựng, đồng chí phấn khởi nói: "Thế là thắng rồi!".

Mùa khô năm 1981

Hôm đó tôi đại diện Mặt trận 779 về Phnôm Pênh họp chuyên gia. Trước đó, tôi xuống huyện Rômihét thấy có một nhóm phản động chạy ra rừng lập đảng "Voi trắng ngà xanh" chống lại cách mạng. Anh Hà Mẫu, Đoàn trưởng 7703 (giúp bạn ở Soài Riêng) mở cuộc tiến công lực lượng phản động ẩn náu ở huyện này. Tôi vô thấy dân nói: Bộ đội tới, nó chạy; bộ đội đi, nó lúp lại. Nếu bộ đội Việt Nam cho họ một tiểu đoàn, họ sẽ nuôi bộ đội ở đó để du kích dựa vào bộ đội mà truy quét, thì cứ vài tháng địch nó sẽ hết hơi và sẽ đầu hàng.

Tôi lên báo cáo trong cuộc họp sự việc này. Dân đề đạt, nguyện vọng có một tiểu đoàn, thiếu đủ gì cũng được. Hội nghị kết luận: sẽ thành lập "Tiểu đoàn địa bàn" ở mỗi huyện. Có huyện (như Ôrahau) chỉ có một trung đội nhưng cũng gọi là tiểu đoàn. Danh từ "Tiểu đoàn địa bàn" có từ đây.

Qua đó thấy rằng, anh Sáu là người nhạy bén và biết nghe cấp dưới những ý kiến đúng, từ đó có chủ trương đúng để đối phó với địch, và cũng từ đó cơ sở của ta vững vàng hơn hẳn. Khi họp không ai phát biểu cái đó, chỉ có tôi nói.

Về việc xử lý vụ Xiêm Riệp

Anh em 719 định làm tiếp ở Côngpôngthom, vì ở đó cũng báo cáo là có "địch hai mặt". Lúc đó anh Sáu đang đi chữa mắt ở Liên Xô được Bộ Chính trị gọi về, anh liền điện cho tôi, đề nghị tôi báo cáo tình hình Côngpôngthom. Tôi bàn với anh Sáu Hưng (thay chỉ huy trưởng đang đi họp) và trực tiếp đi nắm tình hình về báo cáo anh. Sau đó anh hỏi tôi: "Cậu báo cáo tình hình dựa vào nguồn tin nào?". Tôi trả lời là dựa vào ba nguồn tin:

- Ở dưới báo cáo lên qua giao ban hàng ngày.
- Tôi dựa vào đoàn cán bộ của Mặt trận cử xuống.
- Tôi trực tiếp làm việc với Huyện uỷ Ba Rày (Côngpôngthom).

Anh hỏi: "Đoàn gồm những ai?". Tôi trả lời: "Tham mưu có: Tác chiến, Quân báo; Chính trị có Bảo vệ, Vận động quần chúng và Phòng K; Hậu cần không có". Anh bảo: "Chấp thuận! Nếu cậu chỉ cử mỗi Quân báo không thôi thì... cậu về!". Lúc đó tôi nghĩ, thật là may vì mình có rút kinh nghiệm, nên không bị anh đuổi về. Và tôi báo cáo với anh là chỉ có hai tên xâm nhập vào chính quyền, giờ ta bắt hai tên đó là yên ả. Anh bảo "Ý kiến cậu đúng! Một huyện như huyện Ba Rày không thể có nhiều địch hoạt động ngầm được". Chỉ thị 53 do anh Lê Hai soạn thảo. Chỉ thị này tôi cho Quân khu 7 in thành sổ tay; huyện Ba Rày tổ chức học đã "chấm cơm" nên dân không sót một người nào. Tôi nói với anh Sáu là một huyện như thế thì địch không thể chui vào nhiều mà hoạt động ngầm được. Anh Sáu thường nói có ba tỉnh vững vàng là Côngpôngthom, Soài Riêng và Brâyveng thì Campuchia vững (lúc đó Campuchia đã 1,6 triệu dân). Đó là ấn tượng thứ hai, tôi thấy anh Sáu là người rất thận trọng (từ cái chỉ thị đích danh).

Với công tác chiến đấu, tôi có cảm nhận đặc biệt là: nơi nào khó khăn anh đều đến tận nơi.

Mặt trận 479 đánh Tà Tum hai ngày không mở được. Anh Năm Ngà, Tư lệnh Quân khu lên trực tiếp theo dõi. Anh Sáu quan tâm chỉ đạo đánh cho dứt điểm, đã đi trực thăng lên tiền phương trao đổi với anh Năm Ngà, chính hình ảnh này đã tăng thêm tin tưởng cho anh em.

Sau này khi Quân tình nguyện Việt Nam rút về nước, anh Sáu Nam và anh Đoàn Khuê ở ngoài Bộ quyết định tôi làm phái viên giúp bạn để đấu tranh lập chính quyền. Ta rút hết, chỉ để lại đoàn K88, gồm: anh Ba Trân, anh Trần Khuê - Phó Tư lệnh chính trị Quân khu 5, Lưu Dương - Phó chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật lo cả công tác hậu cần, Hồ Văn Thức - Cục phó cục Tổ chức, Phó chính trị Phùng Lộc phụ trách phát động quần chúng.

Bộ Chính trị giao cho anh Sáu đặc trách nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Campuchia, ngụ tại Phnôm Pênh. Tôi chính thức là đặc phái viên (kiêm phiên dịch) của anh Lê Đức Anh bên cạnh Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia.

Hai bên thoả thuận quy ước: Về mặt Nhà nước, ngoại giao thì qua Đại sứ Ngô Diên. Về chính trị, quân sự thì qua tôi. Hồi đó khi ở bên Campuchia anh Sáu với tôi ngủ cùng phòng, ăn cùng mâm. Tôi xin không làm đoàn trưởng, nhưng anh Sáu bảo là bạn tin anh, anh cứ làm. Tôi bảo nên để anh Ba Trân vì anh có cương vị cao hơn, lại nhiều tuổi hơn tôi, anh Sáu không đồng ý.

Anh Sáu chỉ đạo ở Campuchia có nhiều cái phù hợp, sáng suốt. Riêng việc anh giữ cơ chế Đảng uỷ là rất đúng. Hồi đó Chỉ thị 27 của Tổng cục Chính trị bỏ cơ chế Đảng uỷ các cấp, anh Sáu đề nghị chỉ áp dụng đối với các đơn vị trong nước, còn quân tình nguyện đang chiến đấu ở Mặt trận 719 vẫn cho giữ nguyên như cũ, do đó đã giữ vững và phát huy sức mạnh lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, còn bộ đội thì vững tin và rất hoan nghênh.

Khi anh Sáu đã làm Chủ tịch nước, hai lần anh cử anh Sơn, trợ lý của anh mang quà đến nhà tặng tôi. Anh là người rất tình nghĩa, thủy chung, kể cả với cấp dưới của mình.

ĐẠI TƯỚNG LÊ ĐỨC ANH THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Trung tướng HOÀNG NGHĨA KHÁNH¹⁹

Trong cuốn “*Ghi nhớ*” thời gian công tác ở Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu, tôi đã học tập được một số kinh nghiệm của các đồng chí lãnh đạo Cục, các đồng nghiệp trong cơ quan.

Tài năng, đức tính tốt đẹp và tác phong công tác của các đồng chí lãnh đạo Bộ là điều tôi quan tâm học tập, rèn luyện. Nhưng không thể ghi lại tất cả kinh nghiệm, bài học mà các đồng chí lãnh đạo Bộ qua các thời kỳ để lại cho mình. Tôi càng không dám đánh giá từng đồng chí; và lại tôi chỉ được biết một thời gian mà *không biết được toàn bộ cuộc đời hoạt động của các đồng chí*. Bởi vậy tôi chỉ xin nêu lên những điểm nổi bật mà tôi đã học tập được, không thể nêu hết ưu điểm của từng đồng chí; còn *khuyết điểm và nhược điểm thì không ai có thể tránh được*, như Bác Hồ đã nói.

Trong các đồng chí lãnh đạo Bộ mà tôi đã được sự chỉ đạo, có đồng chí Lê Đức Anh.

Năm 1954, sau thắng lợi chống thực dân Pháp xâm lược, miền Bắc nước ta được giải phóng, Bộ Tổng tham mưu về đóng quân trong “thành cổ” ở Hà Nội. Cục Tác chiến ở trong “khu A”, thủ trưởng Cục ở trên “Lầu công chúa”. Lúc đó tôi là cán bộ, lần đầu tiên gặp và làm việc với đồng chí Lê Đức Anh, một chỉ huy quân sự ở miền Nam ra đảm đương Phó cục trưởng Cục Tác chiến.

Thời gian đầu, tôi đã được đồng chí hướng dẫn về tổ chức đón tiếp các đơn vị bộ đội ở miền Nam ra tập kết ở miền Bắc. Là người hoạt động lâu năm ở Nam Bộ, biết rõ tính chất, đặc điểm của các đơn vị, của cán bộ chiến sĩ Nam Bộ, nên đồng chí đã chỉ đạo rất chu đáo, tỉ mỉ trong việc tổ chức đón tiếp, bố trí đóng quân, bảo đảm ăn, ở của anh em Nam Bộ ra miền Bắc, phù hợp với đặc điểm tình hình từng đơn vị và lối sống của anh em.

Sau một thời gian ngắn, tôi được đi học ở Học viện quân sự Trung Quốc. Năm 1960 tôi lại trở về công tác ở Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu. Đồng chí Lê Đức Anh đã chuyển sang làm Cục trưởng Cục Quân lực, rồi Phó tổng Tham mưu trưởng. Đồng chí trở lại chiến trường miền Nam trên con tàu Không số, làm Tham mưu trưởng, Phó chỉ huy Quân giải phóng Miền Nam. Từ đó, tôi không được cùng làm việc với đồng chí Lê Đức Anh. Cuối năm 1973, đồng chí Lê Đức Anh, khi đó là Tư lệnh Quân khu 9, bí mật ra miền Bắc bằng đường biển trên một con tàu đánh cá của ta, để báo cáo với Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương về việc đấu tranh thi hành hiệp định Paris. *Quân khu 9 dưới sự lãnh đạo của Khu uỷ, mà đồng chí Lê Đức Anh là Tư lệnh đã kiên quyết thực hiện chủ trương đúng đắn: Phản công và tiếp tục tiến công địch, đánh bại “chiến lược bình định cấp tốc, lấn đất, cắm cò” của chúng vào vùng giải phóng của ta. Ta vẫn giữ vững, củng cố và mở rộng vùng giải phóng.*

Khi đồng chí Lê Đức Anh trở lại miền Nam, làm Phó tư lệnh Quân giải phóng miền Nam, tôi được Bộ phái vào công tác ở Bộ Tham mưu Miền, và tôi được giao nhiệm vụ bảo vệ, liên hệ các binh trạm dẫn đường đưa đồng chí vào theo đường Trường Sơn (559).

Trước cuộc Tổng tiến công giải phóng hoàn toàn miền Nam, tôi được đảm trách Tham mưu trưởng Quân đoàn 4, có điều kiện ở gần và công tác dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Đức Anh và Bộ chỉ huy Miền.

Trong chiến tranh biên giới Tây Nam và giúp bạn giải phóng đất nước, thoát khỏi nạn diệt chủng của bọn Pôn Pốt, giúp bạn hồi sinh đất nước, đồng chí là Tư lệnh Quân khu 7, tôi làm Tham mưu trưởng Quân khu 7. Sau đó đồng chí là Tư lệnh Quân tình nguyện (Bộ Tư lệnh 719) ở Campuchia, tôi làm Cục trưởng Cục Tác chiến Bộ Tổng tham mưu; từng thời kỳ tôi vào công tác, báo cáo với đồng chí về tình hình chung và kế hoạch tác chiến.

Thời gian tôi được làm việc dài nhất với đồng chí là từ cuối năm 1986 đến năm 1992, khi đồng chí làm Tổng Tham mưu trưởng, rồi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Đồng chí Lê Đức Anh là một trong những cán bộ cấp cao có nhiều kinh nghiệm chỉ đạo chiến tranh trên chiến trường Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; quán triệt tư tưởng chiến lược tiến công trong đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị với địch, nhất là trong giai đoạn thi hành Hiệp định Paris.

Đồng chí Lê Đức Anh là một vị chỉ huy luôn đi sâu sát các đơn vị cơ sở, trên các điểm nóng ở chiến trường Campuchia; lên tận các chốt ở biên giới phía Bắc để nghiên cứu tình hình; ra các đảo của quần đảo Trường Sa động viên cán bộ chiến sĩ và chỉ đạo việc củng cố phòng thủ bảo vệ chủ quyền hải đảo và vùng biển của Tổ quốc.

Đồng chí là một cán bộ lãnh đạo cấp cao của Quân đội và Nhà nước, nhưng cuộc sống, sinh hoạt rất giản dị. Trong đấu tranh chống tham nhũng thì rất kiên quyết. Khi làm việc thì biết lắng nghe ý kiến cấp dưới, nhưng có tính quyết đoán và có những chủ trương táo bạo, chính xác.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, tôi là Cục trưởng Cục Tác chiến nên thường xuyên được làm việc với đồng chí Lê Đức Anh. Giai đoạn này toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nỗ lực thực hiện đường lối “đổi mới”. Có lần tôi hỏi đồng

chí nội dung “đổi mới về quân sự”, chỉ mấy câu ngắn gọn, đồng chí đã giúp tôi có nhận thức và quan điểm đúng về vấn đề còn quá mới mẻ. Đồng chí nói:

“Cái gì trước đây làm đúng, thì nay cứ tiếp tục làm.

Cái gì trước đây làm sai, thì nay phải sửa lại.

Cái gì trước đây chưa làm, nay thấy cần phải làm thì bổ sung thêm.

Cái gì trước đây làm theo tình hình lúc đó, nay thấy cần thì thay đổi cho phù hợp với tình hình mới”.

Từ quan điểm “đổi mới về quân sự” theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, đồng chí đã đề xuất về “một cuộc điều chuyển chiến lược” phù hợp với tình hình mới. Đây không phải là “thay đổi chiến lược” mà là “điều chỉnh bố trí chiến lược”.

Chủ trương rút các đơn vị áp sát biên giới dẫn về phía sau, giao cho các lực lượng vũ trang địa phương tự bảo vệ các tỉnh biên giới, tập trung các đơn vị chủ lực làm lực lượng cơ động, từ đó có thể tiến hành giảm quân số một phần bộ đội chủ lực.

Chủ trương của đồng chí Lê Đức Anh “Xây dựng các tỉnh (thành phố) thành các khu vực phòng thủ vững chắc” là một vấn đề chiến lược quan trọng. Nó thể hiện quan điểm chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện trong mỗi khu vực tỉnh (thành phố). “Phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ, các lực lượng vũ trang của địa phương, của các ngành dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Đảng ủy quân sự tỉnh (thành) do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy (Thành ủy) làm Bí thư Đảng ủy. Cơ quan quân sự và công an tỉnh (thành) làm tham mưu. Chỉ huy trưởng quân sự tỉnh (thành) thống nhất chỉ huy các lực lượng vũ trang địa phương, để tự lực bảo vệ địa phương mình”. Mỗi tỉnh (thành phố) là một khu vực phòng thủ vững chắc, là một “mắt xích” quan trọng trong thế trận phòng thủ chung của cả nước. Tự lực, độc lập phòng thủ bảo vệ địa phương mình, nhưng không phải là cô lập, đơn độc. Khi địch tiến công hay gây bạo loạn vũ trang ở một khu vực phòng thủ nào, thì lực lượng

của các khu vực phòng thủ kế cận cần chi viện cho khu vực phòng thủ bị tiến công. Khi địch tiến công qua khu vực phòng thủ phía trước, tiến vào các khu vực phòng thủ khác, thì lực lượng vũ trang khu vực phòng thủ mà địch đã vượt qua sẽ là mũi phối hợp quan trọng đánh vào sau lưng hay hai bên sườn quân địch.

Tôi cho rằng trong thời bình ta tiếp tục xây dựng các tỉnh (thành) thành khu phòng thủ vững chắc thì không những có tác dụng đề phòng chiến tranh lớn xảy ra sau này, mà còn có thể đối phó với mọi tình huống phức tạp trong thời bình.

Đồng chí Lê Đức Anh đã đề ra chủ trương phát huy sức mạnh của các lực lượng vũ trang địa phương để tự lực bảo vệ địa phương mình, rút các đơn vị chủ lực về làm lực lượng cơ động của Bộ. Từ đó có thể giảm được một bộ phận chủ lực và tiến hành giảm được hơn một nửa tổng quân số lúc cao nhất.

Nhờ việc giảm được tỷ lệ rất đáng kể số quân thường trực, nên đã giảm được ngân sách Nhà nước chi cho quốc phòng, đồng thời cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho bộ đội. Giảm số lượng để nâng cao chất lượng bộ đội.

Đồng chí Lê Đức Anh còn chủ trương để lại một số khu vực đất đai quốc phòng cần thiết làm doanh trại, trường bắn, kho xưởng, v.v., giao phần lớn đất đai quốc phòng cho Nhà nước, giữ lại những khu vực nhỏ ở từng vùng, từng đơn vị cấp cho cán bộ tự xây dựng nhà ở, tạo điều kiện cho cán bộ qua thời gian dài chiến tranh được đoàn tụ gia đình. Tuy cá biệt có đơn vị, cá nhân sử dụng đất đai chưa hợp lý, chưa tiết kiệm, nhưng nói chung đời sống cán bộ được nâng cao, phù hợp với chính sách ưu đãi của Đảng đối với người có công với cách mạng, với quân đội.

Thực hiện cuộc “điều chuyển chiến lược”, đồng chí Lê Đức Anh đã đề ra một chủ trương mà trước đây tôi phụ trách làm kế hoạch chưa suy nghĩ tới, là điều một bộ phận dự bị chiến lược từ phía Bắc vào phía Nam. Những đơn vị từ cấp trung đoàn đến cấp quân đoàn vừa mới xây dựng được cơ sở doanh trại khá khang trang, cán

bộ chiến sĩ hầu hết là người miền Bắc, nay điều động vào Tây Nguyên. Một cuộc hành quân đường dài, cơ động bằng cơ giới, vào nơi ở mới lại bắt tay từ đầu xây dựng cơ sở đóng quân ở vùng rừng núi đã gặp nhiều khó khăn phức tạp. Mặt khác, cán bộ chiến sĩ qua chiến tranh lâu dài không được gần vợ con, nay mới được gần nhà trong một thời gian rất ngắn, lại phải đi xa, nên việc lãnh đạo tư tưởng và công tác chính trị cũng không đơn giản.

Ngoài ra còn thực hiện điều chỉnh lại địa bàn đứng chân và hoạt động của các đơn vị của Quân chủng Phòng không, Không quân; cụ thể là điều động một số đơn vị từ miền Bắc vào miền Trung và miền Nam, với phương tiện kỹ thuật hiện đại và cơ sở bảo đảm hậu cần kỹ thuật rất phức tạp. Bố trí lại lực lượng khu vực quần đảo Trường Sa để tăng cường phòng thủ bảo vệ quần đảo và vùng biển của Tổ quốc. Trước khi thực hiện cuộc điều chỉnh lực lượng từ biên giới phía Bắc dẫn về sau, đồng chí Lê Đức Anh đã lên tận các chốt biên giới Thanh Thủy, Vị Xuyên (Hà Giang), chỉ thị các chốt ta ngừng đánh trả địch mà tiến hành địch vận là chính. Từ đó, ta chủ động rút bỏ một số chốt tiếp cận đối phương về phía sau, cho nên đối phương cũng phải dần dần đình chỉ bắn pháo sang đất ta, và cũng rút dần các chốt cắm trên đất ta. Vừa tiến hành gọi loa địch vận, vừa có những cuộc tiếp xúc ở các cấp, tạo không khí hoà hoãn dần là dấu hiệu khởi đầu cho sự bình thường hoá giữa hai nước.

Việc điều chỉnh các đơn vị chiến đấu áp sát biên giới dẫn ra phía sau; đặc biệt điều động một bộ phận dự bị chiến lược về đứng chân trên địa bàn Tây Nguyên, đề phòng những sự cố có thể xảy ra trong vùng chiến lược xung yếu này và sẵn sàng cơ động xuống vùng bờ biển miền Trung là một chủ trương rất quan trọng, vừa có ý nghĩa về chiến lược quân sự, vừa có ý nghĩa về chính trị, ngoại giao; tạo điều kiện để bình thường hoá quan hệ và tiếp tục củng cố, tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt - Trung.

Đồng thời, ta bàn thống nhất với các đồng chí lãnh đạo ở hai nước bạn Lào và Campuchia để rút hết quân tình nguyện Việt Nam về nước vào cuối năm 1989.

Trước khi thực hiện chủ trương trên, đồng chí Lê Đức Anh rất thận trọng, cân nhắc kỹ, giao cho tôi báo cáo với các đồng chí Văn Tiến Dũng, Chu Huy Mân và một số đồng chí trong Bộ Chính trị. Được sự nhất trí hoàn toàn, mới hạ quyết tâm thực hiện cuộc điều chỉnh chiến lược đó.

Đây là một thành công lớn trong việc thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng về quân sự, xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thể trận an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, như đã đề ra trong Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

CHÚNG TÔI CẦN HỌC TẬP Ở ÔNG NHIỀU ĐIỀU, NHƯNG HỌC ĐƯỢC ÔNG CŨNG THẬT LÀ KHÓ

Trung tướng LÊ NAM PHONG²⁰

Nhớ một lần tôi đi theo ông xuống thăm một đơn vị. Hôm đó anh em nấu nướng cơm canh thế nào mà mặn quá. Vậy mà khi ăn, không thấy ông kêu mặn. Đến lúc lên máy bay tôi hỏi: Thế nào anh Sáu, hôm nay cơm canh tôi nghĩ hơi mặn? Ông nói: Ừ, mình cũng thấy hơi mặn! Biết là mặn nhưng không bao giờ ông nói, ngại anh em phục vụ suy nghĩ lo lắng. Cho nên với các bậc lão thành này, mình học khó lắm!

Khi ăn uống, sinh hoạt đời thường, ông giản dị và rất bao dung đối với cấp dưới. Nhưng khi làm việc thì ông tỉnh lắm, nghiêm lắm.

Một lần chuẩn bị cho ông đi làm việc với Hun Xen, tôi phải sang nói trước với ông Hun Xen. Hun Xen biết tính ông Sáu rồi; tức là ông sẽ bồi dưỡng tại chức về đường lối, cách đánh như thế nào. Cơ bản là ông rất tôn trọng bạn nên phải tôi sang nói trước với ông Hun Xen. Trước đó, khi chuẩn bị, ông đóng cửa một tuần. Khi sang, hai ông nói chuyện với nhau nhìn rất thân tình. Khi trở về ông bảo Hun Xen trẻ mà thông minh lắm.

Ông là một con người rất mẫn tuệ và kín đáo. Đối với tôi, làm lính của ông từ hồi đánh Mỹ tới thời gian 5 năm ở Campuchia, tôi học hỏi được nhiều. Sau này, khi về làm Hiệu trưởng Trường sĩ quan Lục quân 2, tôi đã vận dụng những cái mình học được ở ông và thấy rất bổ ích.

Sau Đại hội Đảng VI, ông nạt tôi: Cậu phải đi học! Tôi đọc được ý định của ông muốn bồi dưỡng mình; nhưng tôi bảo tôi không muốn đi vì giờ tôi có tuổi rồi; với lại lúc đó điểm mặt trên cơ quan Bộ Quốc phòng, tôi thấy còn nhiều nhân tài lắm, với tuổi mình, tôi ý thức được mình, nên xin ông bố trí một vị trí nào đó phù hợp. Cuối cùng ông điều tôi về gần nhà, cho làm Hiệu trưởng Trường sĩ quan Lục quân 2. Trước khi tôi đi, ông dặn: Về đó chú ý dạy và luyện tập cho anh em học viên trẻ nắm chắc và vận dụng tốt các nội dung chiến thuật, điều này rất quan trọng đối với người chỉ huy cấp cơ sở. Mấy năm sau, khi ông vào thăm nhà trường, tôi rất tự tin khi báo cáo với ông rằng tôi đã thực hiện tốt những lời chỉ bảo của ông.

Việc cấp đất, cấp nhà để ổn định hậu phương quân đội một cách cơ bản, cải thiện một cách rất đáng kể - có thể nói là chưa từng có - đối với những người hưởng lương trong quân đội là do ông Lê Đức Anh đề xuất, được Bộ Chính trị và Trung ương nhất trí, đồng tình ủng hộ. Ông bảo mỗi đơn vị được trích một phần quỹ đất quốc phòng trong khuôn khổ cho phép; từ người hưởng lương thấp nhất đến anh to nhất, cứ chiều theo tiêu chuẩn quy định mà cấp. Bây giờ có hàng vạn người biết ơn ông lắm!

Thời ông làm Tư lệnh đi kiểm tra các mặt trận. Ông nói là có thể mình về sớm cũng có khả năng về muộn. Trước khi về, ông nhắc nhở phải tiết kiệm đạn dược. Ba nhược điểm của phân đội là tiêu thụ đạn nhiều, ít hiệu quả, hy sinh nhiều.

Vấn đề học thuật, cần phải nói những điểm mình thấy hay. Ví dụ như ông Lê Đức Anh rất táo bạo khi cho quân rút xuống, giao lại việc bảo vệ đường biên giới phía Bắc cho bộ đội Biên phòng; đó là sự táo bạo. Nhưng cũng có cái không táo bạo là ông đưa dân lùi xuống, thực tế lúc đó mình chưa nghĩ đến; bây giờ phía bên Trung Quốc họ đưa dân lên lập làng, xây đô thị sát đường biên, mình cần ứng phó thì không có "hàng rào chính trị" đó.

Đến bây giờ vẫn có những người có ý kiến về "Công trình phòng thủ biên giới", mật danh lúc đó là K5. Họ vẫn phê phán ông Lê Đức Anh về cái K5. Lúc đó tôi là Trưởng ban K5. Tôi bảo lúc đó không làm K5 bọn Pôn Pốt nó tràn sang thì ta rất khó khăn; còn bạn lúc đó chưa củng cố được quân chủ lực. Bạn cũng đề nghị phải ngăn chặn các cửa khẩu mà quân Pôn Pốt vẫn qua lại. Mình cũng chiếm các cao điểm có giá trị chiến thuật, không chế được...

Tôi là phái viên đặc biệt để theo dõi cánh Khu 5 đánh Ba Biên, đánh trận quyết định xong thì ông Đoàn Khuê và ông Anh đi Liên Xô chữa mắt về, ông lên kiểm tra và thông qua "Quyết tâm chiến đấu" cuối cùng của Quân khu 5. Trận Ba Biên ta thắng lợi giòn giã, đơn vị đã bắt nhiều tù binh, thu nhiều vũ khí nhất kể từ trước tới nay.

Về chiến lược, chiến thuật ông đều giỏi, ngoại giao ông cũng giỏi. Chỗ nào mà nói sơ hờ là ông biết liền.

Trận Phước Long, ông giao cho tôi phải đánh Đồng Xoài mới đánh Phước Long. Ông bảo bây giờ cậu phải thông cảm, tôi còn chờ ý kiến Bộ, chứ không có quyền quyết định. Ông nói đây là lệnh của Bộ, phải đánh Bù Đăng, Bà Rá trước, được rồi

mới đánh Đồng Xoài lên Phước Long. Lúc đánh Phước Long, ông Trà ra ngoài Bắc họp, ông Anh ở nhà chỉ huy. Lúc đầu đồng chí Lê Duẩn không cho dùng xe tăng và pháo lớn để đánh Đồng Xoài và Phước Long, vì sợ sẽ giống như trận đánh Rạch Bắp, Thủ Dầu Một; hơn nữa ông Duẩn muốn giữ gìn xe tăng và pháo lớn để đánh tổng tiến công vào Sài Gòn. Nhưng rồi ông Anh đã chỉ huy dùng pháo, đặc công kết hợp với xung lực của bộ binh đánh chi khu Bù Đăng. Giải quyết xong Bù Đăng rồi tiến công Đồng Xoài. Sau đó, đồng chí Lê Duẩn đồng ý cho sử dụng xe tăng và pháo 130 ly để giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long. Điều này nói lên là không chỉ có nghệ thuật chiến dịch, mà cả kỹ thuật, chiến thuật ông Lê Đức Anh cũng rất giỏi.

Đánh xong ở Campuchia, năm 1979, tôi được điều ngay ra biên giới phía Bắc ngoài đó. Yên ổn rồi lại nhận nhiệm vụ xây dựng bộ binh cơ giới năm năm nữa. Xong việc, tôi mới về lên gặp ông Anh. Ông đề xuất tôi làm Tham mưu phó 1. Tôi mới hỏi làm Tham mưu phó 1 là gì hả anh Sáu? Ông ấy bảo, Tham mưu phó 1 là Tham mưu phó 1! Tôi mới nói rằng, tôi 60 tuổi rồi anh còn đưa tôi ra làm Tổng tham mưu phó nữa thì tôi ra được vài ngày không làm gì được đâu. Ông ấy hỏi cậu muốn về đâu, tôi trả lời về đâu tùy ở anh. Sau đó ông bảo, nhân dịp Vĩnh nó ra Bắc, cậu về làm Hiệu trưởng trường Lục quân 2. Nói xong tôi bắt tay ngay và xin chào anh Sáu vì tôi sợ ông đổi ý. Nhưng khi tôi còn đang xuống cầu thang, ở trên ông nói vọng xuống - Đây là tạm thời thôi nhá, không phải chính thức đâu nhá! Tôi biết còn điều nữa, ông định đưa tôi ra làm Tư lệnh Quân khu 2...

Ở với ông, chuyện lai rai tôi ghi hết làm kỷ niệm. Vị chỉ huy của mình ở trong này rất được lính yêu mến vì ông là con người rất thẳng thắn. Trước khi về trường Lục quân, tôi hỏi ông, giờ anh cho tôi về phụ trách trường Lục quân, anh có dặn gì không? Ông bảo có mấy việc. Việc thứ nhất phải chọn đầu vào. Thứ hai, cậu đã thừa biết, đánh ở Campuchia có mấy vấn đề: Thương vong cao nhất, hiệu suất

chiến đấu thấp nhất, tiêu thụ đạn dược nhiều nhất; mà điều đó có trong túi cậu rồi đó, cậu về vận dụng. Chất lượng chiến đấu thấp là do ai - là do phân đội. Mà lâu nay mình không chú ý đến phân đội, mình cứ luôn miệng "chính quy" rồi "đánh hợp đồng binh chủng". Đánh gì thì đánh, phân đội không làm được thì cũng thua. Ai xung phong vào đồn, ai thu vũ khí, ai bắt tù binh? Đó, chỉ có phân đội vào. Cái đó ông nói mình rút ra từ hai cuộc kháng chiến. Cái thứ hai ông nói - Phải chú ý chiến thuật. Bây giờ cậu phải làm cái đồn ở dưới Lam Sơn. Có cái đồn rồi, thì cho bắn thí điểm xem sập được bao nhiêu, lúc đó chưa có đối tượng là địch mà chỉ có quân xanh, nhưng quân xanh bắn lết đệt ăn thua gì.

... Ở với ông rất thích, học tập được ông nhiều. Có lúc ông nóng lên, ông nạt thì tôi nghe. Sau lần ông xuống thăm nhà trường thì có cái ảnh in trong cuốn lịch sử truyền thống của trường, ảnh ông chụp chung với Ban giám hiệu. Hồi đó duy nhất phòng của tôi - phòng của Hiệu trưởng - có máy lạnh, nên mời ông vào đó nghỉ; hết giờ nghỉ trưa thì ông bảo cái phòng này nóng quá. Tôi ngó lên tường mới biết tôi đã bật nhầm nút điều khiển sang nấc nóng; vì hàng ngày bật hay tắt cho cậu công vụ quen làm, tôi có bật bao giờ đâu. Lúc đó tôi đành bảo: "Xin lỗi anh! Lần sau anh đến là mát"...

NHỚ LỜI ÔNG: CÁN BỘ THAM MUÙ PHẢI CHÍNH XÁC

Trung tướng KHIẾU ANH LÂN²¹

Cuối năm 1980 đầu 1981, tôi được điều vào trong Nam. Buổi đầu tiên gặp ông Lê Đức Anh là buổi giao ban trong này. Tôi phải báo cáo tình hình địch. Tôi mới vào, chưa nắm kỹ nên báo cáo hơi lẫn giữa các lực lượng địch. Tôi thấy hơi run vì biết

ông là người nghiêm khắc. Nhưng ông không phê phán tôi mà lại động viên "Mới vào mà báo cáo được như thế là khá".

Tôi công tác ở 719 được bốn năm, từ 1981 đến 1984.

Lần thứ hai là tôi được giao làm kế hoạch K5. Tức là thực hiện chủ trương đánh xong trụ lại, huy động nhân dân lên đào hầm hào, rào chắn và trồng tre làm thành chiến lũy ngăn chặn địch. Đúng ra là 5 triệu mét khối, tôi nói nhầm là 50 triệu mét khối. Ông bảo: "Lên, dừng lại! Làm ăn cho chính xác! Mình là cán bộ tham mưu phải tính toán cho cụ thể, chính xác". Anh em tròn mắt toát mồ hôi.

Từ sự việc này, tôi nghĩ lần xuống báo cáo hội nghị chuyên gia ở thành phố Hồ Chí Minh do anh Sáu Thọ phụ trách, tôi không được đi nữa. Nhưng ông Anh bảo: "Thôi, chỉnh trang số liệu cho chuẩn xác rồi đi báo cáo".

Lần thứ ba, tôi là Tham mưu phó Mặt trận 479 thực hiện kế hoạch K5. Đánh xong Sở chỉ huy của quân Xêrêka rồi, giờ 479 đánh vào Tà Tum. Từ ngày 8 đến 12 tháng 3 chưa giải quyết xong vì ta xác định sở chỉ huy địch chưa rõ; nó rất rộng, ta mới đánh vòng ngoài. Lúc 8 giờ tối, có lệnh dừng đánh Tà Tum. Sở chỉ huy đánh địch (anh Sáu Hưng và anh Tám Hoàng) cách 40 km từ Xiêm Riệp lên biên giới. Làm sao báo kịp? Người nhận điện từ 7 giờ mà đến 8 giờ mới báo cáo tôi. Tôi thấy dừng lại thì địch sẽ phản kích, mà không dừng là không thi hành lệnh. Nhỡ mai thương vong thì sao? Tôi báo cáo ông Nguyễn Minh Châu, ông cũng thấy khó.

Gọi điện lên Tà Tum, họ đề nghị cứ đánh; có vấn đề gì thì cùng chịu trách nhiệm. Tư Vũ, Tám Hoà, Sáu Hưng... cả đêm thức trắng chờ điện. Đến 3 giờ, anh Lôi, Tham mưu phó Tà Tum báo về là đã giải phóng Tà Tum. Hôm sau tôi ra sân bay Xiêm Riệp báo cáo ông vì ông mới lên khi Tà Tum vừa giải phóng xong. Ông không nói gì, chỉ bắt tay tôi.

Từ kỷ niệm thứ ba này, tôi thấy ông là người rất nghiêm khắc trong công việc nhưng đối với anh em lại rất tình nghĩa. Bốn năm ở 479, tôi đi công tác liên tục với ông.

Ghi chú:

Bộ tư lệnh Mặt trận 479 gồm: Sáu Hưng - Tư lệnh; Nguyễn Văn Hoà - Phó tư lệnh Chính trị, Bí thư Đảng uỷ; Khiếu Anh Lâm, Phó tư lệnh Tham mưu trưởng; Nguyễn Minh Châu là Tư lệnh Quân khu 7, Mặt trận 479 trực thuộc Quân khu.

CÓ MỘT NGƯỜI CHỈ HUY NHƯ VẬY, TÔI RẤT TỰ HÀO

Thiếu tướng NGUYỄN PHÚ CHÚT²²

Tôi có may mắn cùng làm việc với anh Lê Đức Anh ở chiến trường, nếu làm cùng với nhau thì có bốn năm, nhưng sau này về Trung ương Đảng là tám năm. Trước hết, tôi cho anh Lê Đức Anh là một vị tướng giỏi, một nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước có trách nhiệm cao, có tư duy chiến lược sâu sắc, sáng tạo. Anh có phương pháp đúng đắn, phát huy được trí tuệ, năng lực của người lãnh đạo. Ấn tượng sâu sắc nhất của tôi đối với vị chỉ huy, vị tướng lĩnh, một nhà lãnh đạo là tôi vừa thích thú vừa mừng cho Đảng có những đồng chí lãnh đạo cấp cao luôn tự mình suy nghĩ những vấn đề chiến lược lớn cũng như những vấn đề chiến thuật để thể hiện ý đồ chiến lược đó bằng đầu óc của mình; rồi lấy ý kiến, lắng nghe ý kiến của anh em trong cơ quan có liên quan, tự mình ghi vào sổ tay; có thể nói là tất cả công việc ở chiến trường cũng như ở Bộ Chính trị, anh đều ghi vào sổ tay và phát biểu dựa trên những nội dung ở sổ tay ghi chép, chứ tôi chưa bao giờ thấy đọc những cái người ta viết sẵn. Tôi rất mong muốn Đảng ta, Quân đội ta, Nhà nước ta có những người lãnh đạo chỉ huy như vậy, tự mình tư duy chiến lược rồi dùng biện pháp chiến

thuật, kỹ thuật để thực hiện ý định, kiên trì làm bằng được. Đây là điều tôi thấy đặc biệt. Tôi quý mến và học tập được rất nhiều ở các vị tướng lĩnh như Lê Trọng Tấn, Hoàng Minh Thảo, Hoàng Văn Thái, v.v., những anh mà tôi được trực tiếp làm việc thì đều có ưu điểm cả.

Bây giờ tôi xin nói sâu về hai giai đoạn, một là thời kỳ anh ở cương vị Tư lệnh Quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia, thứ hai là tôi được làm thư ký ở phiên họp của Bộ Chính trị về quốc phòng và an ninh.

Thời gian tôi làm chuyên viên của Bộ Quốc phòng được cử sang Ban Bí thư Trung ương để giúp theo dõi về tình hình quân sự. Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, tôi ở lại thêm một năm nữa làm kế hoạch chiến lược. Sau đó Bộ Chính trị đề xuất cử một cán bộ thường trực để làm liên lạc cho Quân uỷ và Bộ Chính trị thường xuyên nắm được tình hình. Tôi sang làm và làm lâu nhất, tám năm. Mà đặc biệt thời kỳ tôi sang Campuchia (không kể thời gian trước đó), đúng dịp quân ta bắt đầu tấn công trên toàn tuyến Campuchia (1984). Thời điểm đó anh Đoàn Khuê là Tham mưu trưởng sang Liên Xô để chữa mắt, cho nên tôi được làm việc trực tiếp với anh Lê Đức Anh. Tôi là Tham mưu phó phụ trách tác chiến, anh Nam Phong là huấn luyện, sau đó anh Trân sang làm cái K5 - xây dựng biên giới. Lúc đó tôi đang làm cục phó Cục Tác chiến, vào thay cho anh Khiếu Anh Lân lên làm Chỉ huy Mặt trận 479. Còn các phó tư lệnh binh chủng thì sang làm đầu ngành binh chủng như: pháo binh là anh Thuận, công binh là anh Liệu, cơ yếu là anh Ngoạn. Như vậy, anh Lê Đức Anh không chỉ chỉ huy về mặt quân sự, mà còn chỉ đạo cả công tác chuyên gia giúp bạn. Uy tín của anh với Bộ chính trị bạn là rất lớn. Tác phong và cách làm việc thể hiện hết lòng đối với người ta, cho nên người ta tin tưởng, bạn tỏ ra hết sức kính trọng anh. Trong quá trình giúp Bạn, anh còn hiểu cán bộ hơn là các anh chuyên gia về cán bộ của Đảng mình ở bên ấy.

Việc giúp bạn thì phải nói anh Anh giúp toàn diện, kể cả mặt tổ chức Đảng từ Trung ương cho đến cơ sở, các tỉnh, anh đều góp ý kiến trực tiếp. Thứ hai là anh rất quan tâm đến vấn đề xây dựng kinh tế, bởi vì chuyên gia của Đảng và Nhà nước chỉ bố trí đến cấp tỉnh thôi, nhưng muốn đẩy nền kinh tế của người dân Campuchia lên thì phải ở xã, mà ở xã thì chỉ có quân đội tình nguyện mình mới giúp được; cho nên anh thành lập các tổ đoàn kết sản xuất để khắc phục mặt hạn chế của chuyên gia; rồi chỉ đạo hỗ trợ người dân đổi công, vắn công... Tôi biết những chuyện này vì thời gian tôi đi cùng anh xuống thăm các xã cũng không ít hơn so với thời gian anh thăm các chốt, các sư đoàn có thể thấy anh Lê Đức Anh rất quan tâm tới việc xây dựng đội ngũ cán bộ của bạn, và quyết tâm vực nền kinh tế bạn dậy, lấy nông nghiệp là chủ yếu, làm cho dân có cơm ăn trước. Anh cũng bỏ ra nhiều công sức về vấn đề này. Anh đã chỉ đạo toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội và chính trị nội bộ. Còn mặt trận ngoại giao, đây là một cuộc chiến tranh nằm trong một bối cảnh rất gai góc, trong tình hình quốc tế không thuận lợi (...) nên Bộ Chính trị giao cho anh đảm trách về công việc này. Tôi nhớ năm 1986 tôi ra ngoài Bắc báo cáo, một báo cáo rất toàn diện về hai cuộc tiến công năm 1984 và 1985. Hôm đó có cán bộ từ cấp cục, các anh bảo lần đầu tiên được nghe báo cáo tỉ mỉ về cuộc chiến tranh của ta ở Campuchia. Chúng ta chỉ có rất ít chính sách đối với các anh em đi làm nhiệm vụ ở Campuchia. Chưa bao giờ đánh giặc khó như thế này. Chỉ tiến ra phía trước 50 mét là có súng nổ và anh có thể chết; nếu anh lui 50 mét ra phía sau là có ngay kẹo, bia, rượu...có chơi bời ăn uống - một cuộc chiến tranh rất lạ. Anh em ở biên giới thì luôn cực khổ, đói và rét, nhất là mùa mưa thì không nói hết được. Nhưng ngay anh em ở Bộ Tư lệnh 479 hoặc ở Phnôm Pênh thì đời sống lại chẳng khác gì ở Hà Nội. Thế nhưng chỉ một giờ bay qua biên giới lại hoàn toàn khác hẳn - anh có thể cụt chân, anh có thể sốt rét, có thể bị đủ các thứ nguy hiểm và rủi ro. Vậy mà nơi hậu phương của anh em thì không hề có một chính sách gì cả. Bởi vậy, đôi lúc anh em "nói đùa" đây là một cuộc chiến tranh "chui". Cho

nên càng thấy thông cảm với anh Lê Đức Anh là người "đứng mũi chịu sào", "trên đe dưới búa". Đã nhiều lần tôi đi dự một cuộc họp, tổng kết đợt hoạt động, thấy cán bộ phát biểu, anh em phát biểu rất ghê, cứ thắc mắc là đi đánh giặc mà không có hậu phương, không có ai biết, không có chính sách gì cả... Tôi ngồi dưới nghe thấy rất sốt ruột, không hiểu anh Lê Đức Anh sẽ xử trí như thế nào? Nhưng rồi anh rất chân thành, anh nói "*Giúp bạn tức là giúp mình*", tức là nếu mà mình không đánh giúp bạn để giải phóng Campuchia, mình không giúp bạn xây dựng vững mạnh lên, bạn không hồi sinh đất nước thật sự, thì nước ngoài sẽ lại viện trợ cho quân Pôn Pốt quay trở lại tàn sát dân bạn, quay trở lại đánh sang đất ta, tàn sát nhân dân ta. Bạn không yên thì ta cũng không ổn định để xây dựng đất nước sau mấy chục năm chiến tranh tàn khốc. Quả thật, cán bộ mình cũng có nhiều anh không hiểu hết ý nghĩa to lớn này, vì từ cửa khẩu Mộc Bài tỉnh Tây Ninh đi ô tô hơn một tiếng đồng hồ là đến Phnôm Pênh. Vì vậy tôi rất muốn cuộc chiến đấu này được tổng kết, bởi đặc điểm của nó rất phức tạp. Trong đánh Mỹ có nguy rõ ràng, nguy tay sai, nhưng ở đây ban ngày dân theo mình, ban đêm thì làm theo Pôn Pốt, không thì nó giết. Thật sự là một nhiệm vụ rất gian nan và căng thẳng. Rồi việc xây dựng lực lượng vũ trang chính quy của bạn, trong khi có hai ý kiến, cuối cùng thì vận dụng kinh nghiệm từ Quân khu 9 vào tình hình cụ thể của bạn rồi đưa ra mô hình "Tiểu đoàn địa bàn" vừa phù hợp vừa rất hiệu quả. Triển khai trên phạm vi cả nước những việc như vậy tỉ mỉ, không đơn giản, mất rất nhiều công sức và xương máu. Trong quá trình ở bên ấy, lại có chỉ thị phổ biến và quán triệt chủ trương của trên là sẽ bỏ chế độ Đảng uỷ, bỏ Chính uỷ và Chính trị viên trong quân đội. Đảng uỷ không còn, mà từ cấp sư đoàn trở xuống gọi là "Hội đồng quân sự". Vai trò lãnh đạo của Đảng lập tức bị lu mờ. Lúc đó anh Lê Đức Anh là người đứng mũi chịu sào, đứng ra để bảo vệ quan điểm kiên quyết duy trì chế độ Đảng uỷ. Chúng tôi rất mừng là trong cái hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, một nhiệm vụ có tính đặc thù đặc biệt như vậy, hậu phương thì như vậy, mà không có sự lãnh đạo của Đảng một

cách chắc tay thì nguy hiểm vô cùng. Mười năm trời, Quân tình nguyện và Đoàn chuyên gia Việt Nam đã vượt qua bao khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trước hết là do giữ vững được sự lãnh đạo của Đảng uỷ các cấp. Chúng tôi cũng rất mừng là sau đó một thời gian, ở nước nhà, toàn quân cũng trở lại cơ chế Đảng uỷ đến bây giờ...

Có thể nói đi cùng anh mới thấy anh là một vị Tư lệnh chiến trường luôn rất gọn nhẹ; anh chỉ muốn tác chiến độ mười người, mà đã mười người cho ra mười người, binh chủng vài ba người ra vài ba người giỏi thật sự, làm việc có hiệu quả, giúp bạn có hiệu quả, thiết thực. Mà ở bên đó ta tổ chức thành bốn Mặt trận quan trọng là 779, 579, 479, 979, như thế là một năm anh Lê Đức Anh và chúng tôi phải đi độ vài chục lần ra biên giới.

Khi cấp dưới báo cáo, anh lắng nghe nhưng ở anh có một đặc điểm, tôi cho đây là một phong cách cũng đáng học tập - anh thường nói: Trước hết anh cho tôi nghe cái tình hình! Thì mình chỉ nói tình hình thôi, chứ nếu đại mà xen vào nhận xét là anh nói ngay - Không, tôi chỉ yêu cầu anh nói về tình hình thôi; còn anh mới nói tình hình anh đã nhận xét Bạn thế này, ta thế kia, tôi có yêu cầu anh nhận xét đâu. Còn khi nghe tình hình xong mà tôi có nhận xét, chỗ nào đồng ý, chỗ nào không đồng ý thì lúc đó anh có quyền nói. Tôi phục anh cái đức tính như thế, đáng phải học tập, chứ có nhiều đồng chí tốt thì tốt thật, nhưng mà thường nghe anh em nói tình hình xong, anh em nhận xét thế nào thì dùng luôn ý kiến nhận xét của cấp dưới thành nhận xét của mình, trong khi thật sự chẳng nắm được bản chất của sự việc.

Còn một điểm nữa, anh muốn gặp trợ lý nào chuyên sâu về vấn đề gì thì anh gặp người ấy, cho nên có lần thấy có một vài anh cấp vụ đi theo, anh hỏi - Thế hôm nay ai báo cáo? Họ bảo đồng chí trợ lý báo cáo. Anh bảo: Thế thì mời các đồng chí về làm việc, tôi chỉ nghe người nào báo cáo nội dung thôi. Tôi rất thích cách làm việc này, cần làm việc với ai thì chỉ làm với người đó...

Còn có chuyện thêm lục địa, hải đảo, anh rất quan tâm và anh thúc rất nhiều, nhưng các ngành có trách nhiệm liên quan vẫn chậm chân nên mất mấy đảo. Nhưng tôi thấy anh có sáng kiến mạnh dạn là thành lập các đặc khu để trấn giữ các bãi san hô chìm, các bãi mình đã đóng là nửa nổi nửa chìm, còn các bãi này là chìm luôn nhưng chỉ cách đó mấy thước thôi; lúc bấy giờ anh đã thuyết phục làm được hệ thống đặc khu rất quan trọng.

Rồi chuyện anh đã mạnh dạn nêu quan điểm của quốc phòng để bảo đảm đời sống ăn mặc, trang bị của bộ đội một cách cơ bản, lâu dài. Vì vậy, đây là mẫu người mà tôi cho là xứng đáng để thay mặt cho Bộ Quốc phòng, làm tham mưu cho Bộ Chính trị về mặt quốc phòng. Khi cả nước đã chuyển việc quản lý từ cơ chế hành chính quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường, anh đã chỉ đạo ngành Hậu cần quân đội chuyển sang cơ chế tính số lượng cần thiết rồi đưa tiền cho quản lý đơn vị ra mua tại thị trường, vừa rẻ vừa ngon; lúc bấy giờ anh đã thôi làm Bộ trưởng Quốc phòng, lên Chủ tịch nước rồi mà vẫn quan tâm như thế. Tôi vinh dự được làm việc cùng anh tám năm, tôi rất mừng, rất tự hào là có người chỉ huy như vậy.

Ở ANH, TÔI THẤY RÕ NHIỀU ĐIỀU ĐÁNG QUÝ VÀ ĐÁNG KÍNH

Đại tá NGUYỄN BẠCH VÂN²³

Đầu năm 1963, khi được lên đường vào Nam chiến đấu (lúc đó gọi là đi B), tôi là cán bộ nghiên cứu của Cục Nghiên cứu Bộ tổng Tham mưu. Đoàn đi xuất phát từ Xuân Mai (Hòa Bình) rạng sáng ngày 18-2-1963; đến cuối tháng 6-1963 mới vào đến Nam Bộ (B2).

Đây là thời kỳ đầu thành lập Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền (thay thế cho Ban Quân sự miền Nam trước đó). Anh Nguyễn Văn Linh là Bí thư Trung ương Cục, anh Trần Văn Trà là Tư lệnh B2, anh Lê Đức Anh (đi cuối năm 1963, đầu 1964 vào tới B2) làm Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Miền. Tôi được giao làm cán bộ nghiên cứu về địch, Phòng 2, Cục Tham mưu Miền nên được biết và tiếp xúc với anh Lê Đức Anh (tức Sáu Nam) từ ngày ấy.

Chỉ ngoại trừ hơn một năm (từ tháng 1-1973 đến tháng 4-1974) công tác trong Ban Liên hợp quân sự bốn bên ở Trại Đavít, Sài Gòn, còn suốt cả thời kỳ chống Mỹ từ năm 1963 đến 1975, tôi công tác tại Phòng 2, Bộ Tham mưu B2. Sau giải phóng miền Nam 1975, khi chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, tôi làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia từ cuối năm 1978 đến 1988 với cương vị Trưởng Phòng Quân báo tiền phương Quân khu 7 rồi Mặt trận 479; lúc này anh Sáu Nam là Tư lệnh Quân tình nguyện Việt Nam tại Campuchia (mật danh là 719). Từ năm 1990 tôi được điều về Tổng cục II để chuẩn bị rồi đi làm Tùy viên quân sự Đại sứ quán Việt Nam tại Vương quốc Thái Lan. Lúc đó anh Sáu Nam là Bộ trưởng Quốc phòng, sau đó làm Chủ tịch nước. Qua quá trình tiếp xúc, làm việc gần anh, tôi có ba vấn đề sâu sắc nhất:

Một là, việc anh tổ chức chiến đấu đánh bại cuộc hành quân Gianxon Xity, một cuộc hành quân trên bộ lớn nhất của quân đội đế quốc Mỹ trên chiến trường miền Nam

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", từ giữa năm 1965, Mỹ buộc phải chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" với nội dung chủ yếu là:

- Triển khai nhanh quân chiến đấu Mỹ ở miền Nam, bố trí ở các địa bàn trọng yếu, ngăn chặn quân giải phóng, ổn định và xây dựng quân ngụy Sài Gòn.

- Mở các cuộc hành quân, phản công chiến lược nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến và chủ lực của ta và giành quyền kiểm soát nông thôn.

- Tiếp tục hành quân "tìm diệt" chủ lực ta, hỗ trợ cho quân ngụy "bình định" để tiến tới có thể rút dần quân Mỹ.

Từ khi đổ bộ ồ ạt vào miền Nam nước ta, quân Mỹ cùng với quân các nước chư hầu đã tiến hành hai cuộc phản công chiến lược vào hai mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, trong đó Đông Nam Bộ được coi là một trong hai hướng tiến công chủ yếu của chúng.

Cuộc phản công lần thứ nhất, mùa khô 1965-1966, chúng đánh vào vùng Hồ Bò, An Nhơn Tây thuộc Củ Chi. Sau đó chúng đánh lên sát biên giới Việt Nam-Campuchia nhưng bị thất bại, không đạt được ý đồ diệt hoặc đánh bật chủ lực ta và đầu não Quân khu Sài Gòn - Gia Định.

Cuộc phản công chiến lược lần thứ hai, mùa khô 1966-1967, mà đỉnh cao là cuộc hành quân Gianxơn Xity. Đây là cuộc hành quân then chốt trong cuộc phản công mùa khô lần thứ hai, một cố gắng trên bộ lớn nhất của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam do Bộ tư lệnh dã chiến II của Mỹ trực tiếp vạch kế hoạch và chỉ đạo nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của Nam Bộ, đồng thời "đánh gãy xương sống Việt Cộng", tức là nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng nhất của chủ lực B2; xoá căn cứ kháng chiến bắc Tây Ninh để giành thắng lợi, tạo ra bước ngoặt của cuộc chiến tranh. Địch đã huy động đến 45.000 quân, gồm: 22 tiểu đoàn Mỹ (thuộc các sư đoàn bộ binh số 1 và 25, Lữ dù 173, Lữ 1 sư đoàn 9 và Lữ 3 Sư đoàn 4); ba tiểu đoàn quân ngụy Sài Gòn; 1.200 xe tăng và thiết giáp; 256 cỗ pháo các loại; 300 máy bay lên thẳng, 3 phi đoàn máy bay vận tải ... do tướng ba sao Giôn-nathan Sim-an, Tư lệnh dã chiến II trực tiếp chỉ huy. Thời gian của cuộc chiến kéo dài 53 ngày, từ 22 tháng 2 đến 15-4-1967.

Trên cơ sở đánh giá toàn diện tình hình địch, ta, Bộ Chỉ huy Miền thấy ta có khả năng bám trụ và chiến đấu tự vệ vùng căn cứ nên đã quyết định mở chiến dịch phản công nhằm đánh bại cuộc hành quân Gianxon Xity của Mỹ, bảo vệ căn cứ kháng chiến, bẻ gãy gọng kìm "tìm diệt" để hỗ trợ cho bộ đội địa phương, dân quân du kích và quần chúng yêu nước phá, làm thất bại gọng kìm "bình định", tạo thời cơ và điều kiện mới cho cuộc kháng chiến giành thắng lợi cho giai đoạn mới tiếp sau.

Về tổ chức lực lượng: Phương châm được xác định là phòng thủ để chiến đấu tại chỗ, tạo thế trận chiến tranh nhân dân trên một vùng địa bàn không có dân, bằng cách dùng lực lượng của các cơ quan của Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền (trừ một số ít thật cần thiết đã di chuyển lên vùng an toàn, ngoài tầm pháo của địch) để tổ chức ra các "xã đội", "huyện đội" và "ấp chiến đấu"; cán bộ chỉ huy các "huyện đội" do Bộ chỉ huy Miền chỉ định, hầu hết là các đồng chí đầu ngành, đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của một cơ quan chỉ huy quân sự gọi là "Tỉnh đội" do Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền Lê Đức Anh làm Chỉ huy trưởng. Lực lượng chung khoảng 5.000 "du kích cơ quan"; nếu tính cả chủ lực và "bộ đội địa phương" thì tổng quân số chiến đấu tại chỗ khoảng 10.000 người.

Về trang bị: Để vừa bảo vệ được kho tàng, phương tiện, vừa phát huy được hiệu lực của vũ khí, thay vì phải chuyển dịch kho, Bộ chỉ huy Miền đã chấp nhận phương án phân tán kho bằng cách phân phát vũ khí cho các đơn vị dưới danh nghĩa "cho mượn" và sẽ thu lại sau khi kết thúc chiến dịch. Lúc đó anh Sáu Nam đã lệnh cho Quân lực mở kho, phát cho các cơ quan súng tiểu liên AK, súng chống tăng B40 và súng máy bắn máy bay. Do đó anh em rất phấn khởi và tin tưởng vào sự thắng lợi của chiến dịch.

Tư tưởng chỉ đạo là: Bám trụ vững chắc, thực hành tiến công kiên quyết, phản công mạnh mẽ, kết hợp ba thứ quân tiến hành đánh nhỏ, đánh vừa và tạo điều kiện

để đánh lớn; bảo đảm đánh dài ngày, mạnh bạo nhưng chắc thắng, tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, bảo vệ được cơ quan, kho tàng và căn cứ kháng chiến.

Phân công nhiệm vụ tác chiến: Chủ lực làm nhiệm vụ cơ động đánh địch; "du kích cơ quan, bộ đội địa phương" và "bộ đội bảo vệ căn cứ" bám đánh địch tại chỗ, dựa vào thế trận của "xã - ấp chiến đấu", nơi địch không đến thì bung ra tìm địch mà diệt, vừa chiến đấu vừa bảo đảm công tác phục vụ chiến đấu, bảo vệ an toàn cơ quan, căn cứ, kho tàng, duy trì hoạt động công tác chuyên môn bình thường trong căn cứ, đánh liên tục và dài ngày.

Phòng Quân báo Miền của tôi cũng như các cơ quan khác phải vừa làm việc chuyên môn vừa sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên theo dõi chiến đấu, mọi tin tức của địch trên chiến trường B2 nói chung và quân địch cụ thể trong cuộc hành quân Gianxon Xity nói riêng.

Cuộc hành quân càn quét của chúng bắt đầu ngày 22-2-1967, nhưng trước đó 21 ngày chúng đã có những hoạt động thăm dò, nghi binh, dọn bãi đổ quân rất ác liệt bằng 15 phi vụ ném bom chiến lược bằng máy bay B52 (từ 45 đến 60 lần/chiếc), 30 phi vụ đánh bom chiến thuật bằng máy bay phản lực cường kích (90 lần/chiếc), 50 phi vụ máy bay rải chất độc hoá học.

Cuộc hành quân của chúng chia thành hai giai đoạn. Giai đoạn 1 từ ngày 22 tháng 2 đến 15-3-1967, chúng đánh vào hướng tây bắc tỉnh Tây Ninh, đông và tây đường số 22 thuộc các huyện Tà Đạt, Sóc Ky nhằm vào cơ quan Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền. Ngay trong ngày đầu, các lực lượng tại chỗ của ta đã đánh trả quyết liệt, vừa diệt địch (19 tên, 16 xe tăng, 16 máy bay...) vừa chặn đứng các mũi đột kích, làm thất bại phương án "hợp điểm" của quân địch tại huyện Tà Đạt. Những ngày sau, khí thế hùng hổ của quân địch đã giảm hẳn, tốc độ hành quân chậm lại, chúng vừa tiến vừa thăm dò. Thất bại trong tám ngày đầu tiên buộc quân địch phải co lại giữ chốt, bảo vệ hành lang vận chuyển, tạo thế cho bước kế tiếp. Sau bốn

ngày Bộ chỉ huy quân Mỹ đã thừa nhận thất bại (ta thu được qua sóng điện đài). Tướng ba sao trực tiếp chỉ huy cuộc hành quân nói "Không lường được Lầu Năm góc của Việt Cộng", còn tướng Oétmolen, Tổng chỉ huy quân Mỹ ở Nam Việt Nam thì thốt lên "Không thấy bóng dáng của Việt Cộng mà đến đâu cũng bị đánh". Kết thúc giai đoạn 1, phía ta vẫn chưa phải sử dụng chủ lực, còn phía Mỹ đã cách chức tướng chỉ huy cuộc hành binh Giônathan Siman.

Giai đoạn 2 từ ngày 18 tháng 3 đến 13-4-1967: Quân địch tiến công đánh vào khu đông bắc của căn cứ kháng chiến, từ đông đường số 4 lên Ka Tum; thủ đoạn chiến thuật của chúng là kết hợp giữa các mũi đột kích của bộ binh với việc dùng máy bay trực thăng chở quân đổ bộ tập kích bất ngờ vào bên sườn và phía sau đội hình bố trí của ta để nhằm chụp bắt lực lượng ta. Lúc này Bộ Chỉ huy chủ trương tung chủ lực vào thực hành đánh lớn, mục tiêu là tiêu diệt chiến đoàn trở lên, trong khi các lực lượng vũ trang địa phương vẫn giữ vững quyền chủ động, phản công đánh địch ngay từ đầu và suốt đợt chiến đấu. Trong giai đoạn này địch tổ chức một số chốt dã chiến tương đương cấp chiến đoàn, có xe tăng, thiết giáp, pháo binh và lô cốt bê tông đúc sẵn. Ta đã sử dụng Trung đoàn 2 và Trung đoàn 16 bộ binh chủ lực, thực hiện xuất sắc trận quyết chiến Đồng Rùm, đồng thời phát triển thế tiến công, phối hợp du kích bao vây quân địch ở cụm Sóc Con Trăng với việc bung ra đánh địch tăng viện và tạo bước ngoặt cho toàn chiến trường. Trong giai đoạn này, lực lượng tại chỗ tiếp tục phát huy được vai trò của mình, lực lượng chủ lực về cơ bản đã thực hiện được ý định của Bộ chỉ huy chiến dịch.

Ngày 13-4-1967, bộ phận quân địch cuối cùng của cuộc hành quân Gianxon Xity rút khỏi địa bàn tác chiến, kết thúc cuộc chiến một cách thảm bại. Sau 53 ngày đêm, chúng đã không thực hiện được mục tiêu đề ra; đồng thời bị ta loại ra khỏi vòng chiến gần 1/4 quân số trực tiếp tham chiến; bị bắn cháy, hỏng, loại mất 2/3 số xe tăng-thiết giáp, gần một nửa số máy bay trực thăng và pháo. Riêng lực lượng tại

chỗ (nói chung) diệt 6.600 tên địch, 685 xe tăng-thiết giáp, 118 máy bay và một số pháo. Tướng Oétmolen phải thừa nhận: "Cuộc tiến công đã bị cộng sản phản kích nhiều lần. Không phá được căn cứ của Việt Cộng mà chỉ bắc được một cây cầu qua sông, làm một sân bay dã chiến cho máy bay C130 để tạo điều kiện sau này khi phải hành quân trở lại..."

Về phía ta, dưới sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Miền mà trực tiếp điều hành là Bộ Tham mưu Miền do anh Sáu Nam làm Tham mưu trưởng, đã đánh bại cuộc hành quân trên bộ lớn nhất của quân đội Mỹ ở Việt Nam. Bài học rút ra từ đây là quán triệt tư tưởng tiến công, thể hiện quyết tâm và phương châm tác chiến là tạo được thế trận chiến tranh nhân dân trên một vùng không có dân bằng cách sử dụng lực lượng các cơ quan, hình thành xã, ấp chiến đấu và lực lượng tại chỗ kết hợp với một bộ phận chủ lực, vừa kiên quyết bám trụ tại chỗ, vừa thực hành liên tục phản công và tiến công. Nói đến thắng lợi đánh bại cuộc hành quân Gianxon Xity không thể không nói đến vai trò và tài năng của anh Sáu Nam.

Anh đã chỉ đạo lực lượng vũ trang Quân khu 9 có biện pháp đối phó thích hợp với địch sau Hiệp định Paris 1973

Từ cuối năm 1972, Bộ Tổng tham mưu ngụy đã có "Kế hoạch Hùng Vương 2 và 18" nhằm chủ động triển khai các hoạt động quân sự và chính trị bất chấp thời điểm Hiệp định Paris được ký kết, để giành lợi thế chiến trường từ đầu. Chúng đề ra kế hoạch "Tràn ngập lãnh thổ".

Đầu tháng 1-1973, Bộ Chỉ huy Miền xây dựng kế hoạch đáp lại quân ngụy, gọi là kế hoạch "Thời cơ". Đây là kế hoạch tiến công đồng loạt của lực lượng vũ trang ba thứ quân trên khắp chiến trường B2 nhằm tranh thủ trước khi Hiệp định Paris có hiệu lực, giải phóng thêm nhiều địa bàn quan trọng, vừa ngăn chặn kế hoạch "Tràn ngập lãnh thổ" của quân ngụy, vừa cải thiện thêm một bước thế trận.

Hiệp định Paris được ký kết là một thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam. Đây là một bước ngoặt trong tính toán chiến lược có tính chủ động, thể hiện đường lối độc lập tự chủ của Đảng ta. Nghị quyết của Quân ủy Trung ương ngày 9-1-1973 xác định chủ trương "Ra sức củng cố hòa bình, nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Paris, lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu, sử dụng lực lượng quân sự làm hậu thuẫn, triệt để phát huy tác dụng của pháp lý để buộc địch cũng phải thi hành nghiêm chỉnh Hiệp định". Mặc dầu nghị quyết của Trung ương Đảng, Trung ương Cục, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, của Bộ Tư lệnh Miền đều nêu rõ "Nhất thiết lực lượng vũ trang ta phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu. Bất kể trong tình huống nào nếu địch gây hấn trở lại, nhất định sẽ bị giáng trả đích đáng và ta sẽ giành được thắng lợi hoàn toàn". Song bên cạnh đó, sự chỉ đạo "Lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu, sử dụng lực lượng quân sự làm hậu thuẫn" của Trung ương Đảng đã khiến các địa phương, đơn vị rất lúng túng khi cụ thể hoá nghiệp vụ quân sự. Vào thời điểm phải ngừng bắn, quân nguy dốc toàn lực ào ạt lấn chiếm bất chấp tính chính trị, ngoại giao và pháp lý của Hiệp định. Một số địa phương và đơn vị của ta nhận thức đấu tranh thi hành Hiệp định một cách cứng nhắc, không sâu sắc vận dụng tư tưởng tiến công và bạo lực cách mạng nên lực lượng vũ trang chống đỡ thụ động, lúng túng, để địch nhanh chóng chiếm lại nhiều vùng giải phóng.

Đến cuối tháng 3-1973, quân nguy không chỉ chiếm lại hầu hết những vùng đất ta giải phóng được trong đợt tiến công "Thời cơ" trước ngày 28-1-1973, mà bắt đầu lấn sâu vào các vùng giải phóng toàn B2. Tại Khu 6 và Khu 7, địch đã lấn chiếm 309 ấp với 290.000 dân. Tại Khu 8, chỉ trong hai tháng riêng bốn tỉnh Mỹ Tho, Bến Tre, Gò Công, Kiên Tường địch đã đóng thêm 287 đồn bót, lấn chiếm 129 ấp thuộc 24 xã.

Trong bối cảnh chung đó, tình hình Quân khu 9 lúc này do anh Lê Đức Anh làm Tư lệnh và anh Võ Văn Kiệt làm Chính ủy lại diễn ra theo chiều hướng khác. Do

sớm đề ra các chủ trương cụ thể về phương hướng tấn công, đối tượng tác chiến, phương thức hoạt động với từng vùng, từng loại đồn bót, đường giao thông, kho tàng, đồng thời đề đạt lên Bộ Chỉ huy Miền không rút chủ lực vào sâu trong căn cứ U Minh, giữ nguyên thế bố trí của bốn trung đoàn chủ lực Miền và Quân khu để hỗ trợ các địa phương chống bình định lấn chiếm. Do vậy Quân khu 9 đã đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, quân ngụy không lấn chiếm được vùng nào quan trọng.

Từ sự chỉ đạo bổ sung của Trung ương Cục, tình hình chung sau hai tháng thi hành Hiệp định và thắng lợi bước đầu của Quân khu 9, Bộ Chỉ huy Miền đã đúc rút một số kinh nghiệm chống bình định lấn chiếm và phổ biến cho các quân khu học tập vận dụng. Trong thông báo ngày 27-3-1973 của Bộ Chỉ huy Miền đã chỉ rõ: "Quân khu 9 đã đánh giá đúng âm mưu ngoan cố phá hoại Hiệp định, phá hoại hoà bình của địch, dự kiến được những thủ đoạn xảo quyệt của chúng nên đã chỉ đạo các lực lượng vũ trang có biện pháp đối phó thích hợp, kịp thời uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, suy nghĩ đơn giản, ảo tưởng hoà bình, thiếu cảnh giác, trông chờ Ủy ban Quốc tế và Ban Liên hợp quân sự đi kiểm tra. Khu ủy đã đánh giá đúng những mặt yếu mới của địch, nhất là tinh thần sa sút, nên đã có kế hoạch tấn công quân sự, kết hợp tấn công chính trị, binh vận ở cơ sở tương đối tốt. Phong trào bao bố đồn bót địch phát triển, những cuộc hành quân của địch tuy liên tục nhưng kết quả rất hạn chế".

Giữa năm 1973, lực lượng vũ trang B2 đã có tiến bộ hơn trong hoạt động chống phá hoạt động lấn chiếm của địch. Trong tháng 5-1973, lực lượng vũ trang hai Quân khu 8 và 9, diệt và bức rút 122 đồn tua, địch chỉ lấn chiếm và tái chiếm được 30 đồn. Riêng Quân khu 9, lực lượng vũ trang chẳng những bước đầu đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của quân ngụy, mà còn đẩy lui địch, giải phóng thêm 30 ấp và 35.000 dân.

Hồi đó tất cả các tin tức tình báo, nhất là kế hoạch "Tràn ngập lãnh thổ", cơ quan chúng tôi đã nắm tình hình địch, cung cấp đầy đủ và kịp thời cho anh Lê Đức Anh. Anh đã nói: "Rất cảm ơn các đồng chí đã cung cấp tin tức!".

Một vài kỷ niệm trong quá trình làm việc gần anh Sáu và sự quan tâm của anh với ngành Tình báo quốc phòng:

Một là: Tác phong tỉ mỉ, lắng nghe ý kiến cấp dưới.

Đầu năm 1964, để chuẩn bị cho chủ lực Miền đánh tập trung nhằm tiêu diệt lớn quân địch, Phòng Quân báo phải nghiên cứu tình hình địch và chuẩn bị chiến trường theo yêu cầu của Bộ Chỉ huy. Ngoài hướng Bà Rịa, còn phải nghiên cứu một số hướng khác. Anh Sáu Nam lúc đó là Tham mưu trưởng yêu cầu Phòng Quân báo báo cáo tình hình cơ bản của địch ở Bình Long. Tôi được phân công chuẩn bị để báo cáo. Rất lo vì tôi từ miền Bắc mới vào chiến trường khoảng nửa năm, chưa nắm được tình hình và tâm lý chiến trường, ngay cả những địa danh chính còn chưa thuộc, nay phải báo cáo tình hình cơ bản về địch của một số tỉnh, không lo sao được. Tôi tập trung ba ngày đêm thu thập tài liệu nghiên cứu, lên bản đồ, thống kê số liệu, phân tích đánh giá tình hình để thông qua phòng trước khi báo cáo. Hôm đó có anh Lê Quang Vũ, Trưởng phòng Quân báo Miền cùng đi, nên tôi cũng yên tâm. Tôi báo cáo có hệ thống, tương đối trôi chảy từ đặc điểm về địa hình, dân tình, địch tình đến đánh giá mạnh yếu. Anh Sáu Nam yêu cầu báo cáo sâu về địch bao gồm âm mưu, ý đồ, quy luật hoạt động, nhất là về lực lượng. Tôi trả lời cụ thể từ lực lượng tổng trừ bị của địch đến chủ lực, bảo an, dân vệ và hệ thống áp chiến lược. Tưởng đã đầy đủ, đến lúc anh hỏi phía địch có bao nhiêu thanh niên chiến đấu, tỷ lệ được trang bị súng ống là bao nhiêu? Phân bổ thanh niên chiến đấu ở các ấp chiến lược như thế nào? Tôi liếc nhìn anh Vũ để cầu cứu, song anh lắc đầu. Tôi báo cáo chưa nắm được. Anh hỏi ngay: Thế quân báo không đánh thanh niên chiến đấu à? Tôi nín thinh. Anh Vũ nói đỡ là tôi mới vào nên chưa

nắm hết tình hình. Anh hỏi: - Vào được bao lâu? Tôi trả lời mới được 6 tháng. Anh nói: "Nếu là tôi thì trong 6 tháng phải am hiểu hết tình hình". Tôi thầm nghĩ nếu trình độ tôi như anh thì đã khác. Sau đó anh chỉ bản đồ giảng giải, đánh giá, phân tích mạnh yếu của địch, rồi hỏi: - Nếu đánh thì chọn điểm nào, và ta phải chuẩn bị cho bộ đội cách đánh nào? Tôi chần chừ chưa dám trả lời, anh liền nói: - Đồng chí cứ nói, tôi muốn nghe ý kiến của các đồng chí, còn quyết định là quyền của tôi...

Bước đầu tiếp xúc làm việc với anh, tôi thấy mình còn nhiều thiếu sót, song đã cho tôi một bài học về nghiên cứu đánh giá tình hình phải toàn diện, cụ thể, không thể chung chung được; ngoài ra là tác phong tỉ mỉ, lắng nghe ý kiến cấp dưới. Bài học đầu tiên này giúp tôi làm quen và làm tốt hơn trong những buổi làm việc sau này.

Hai là: Anh nghiêm khắc, song không định kiến, đánh giá cán bộ trên hiệu quả công việc.

Trong cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất vào mùa khô 1965-1966 của Mỹ, sau đợt một đánh vào "vùng trung gian" bắc-tây bắc Sài Gòn thất bại, chúng mở đợt hai đánh lên sát vùng biên giới vào các khu trung tâm căn cứ của ta trong đó có cuộc hành quân Bócmínham quy mô cấp sư đoàn tăng cường.

Hôm đó anh Khương, một cán bộ nghiên cứu, trực ban. Khoảng 10 giờ đêm nhận được một báo cáo của tình báo từ Sài Gòn gửi ra về cuộc hành quân Bócmínham. Lên bản đồ xong, thấy địch có kế hoạch đánh vào căn cứ. Định báo cáo cho Tham mưu trưởng thì có điện reo bên kia đầu máy là đồng chí Lê Trọng Tấn (tức Ba Long), lúc đó là Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Miền hỏi tình hình có gì không? Anh Khương báo mới nhận được một tin quan trọng, song chưa báo cáo Tham mưu trưởng; đồng chí Ba Long nói liền: "Đồng chí không biết nguyên tắc là cấp dưới có thể báo cáo lên cấp trên vượt cấp?" Anh Khương báo cáo đầy đủ tin tức mới nhận được từ ý đồ, kế hoạch, lực lượng, khu vực hành quân và thời gian cho đồng chí Ba Long, xong quay điện thoại ngay để báo cáo anh Sáu thì đầu máy bên kia bận và

bạn liên tục vì đó là lúc anh Ba Long trao đổi với anh Sáu Nam về tình hình và cách xử lý. Không biết cách nào để chen vào báo cáo được.

Sáng hôm sau anh Khương và tôi đi giao ban ở Bộ Tham mưu. Từ xa tôi thấy anh Sáu cứ mang kính lên lại bỏ xuống; tôi thầm nhủ "không ổn rồi". Vừa tới nơi anh nói ngay với anh Khương: "Giao ban xong đồng chí mang balô vào ở luôn trong Bộ Chỉ huy Miền vì tôi là Tham mưu trưởng mà không nắm được gì khi đồng chí Phó Tư lệnh hỏi".

Tương quan hệ sẽ căng thẳng, song những ngày sau đồng chí Khương vẫn làm việc và đi giao ban bình thường. Đến khi anh Sáu đi làm Tư lệnh Quân khu 9 thì chính anh đã chọn anh Khương làm thư ký riêng để cùng đi Quân khu 9, song vì công việc nên không đi được.

Ba là: Anh tin và mạnh dạn giao việc cho cán bộ.

Cuối năm 1990 tôi được điều về Tổng cục II. Anh Sáu Nam lúc đó là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký quyết định tôi đi làm Tùy viên quân sự tại Thái Lan vào tháng 7-1991. Vì là Tùy viên quân sự đầu tiên nên phía Thái Lan nghiên cứu và trả lời chậm. Khoảng tháng 8-1992, vào một buổi tối, đồng chí Ngọc là thư ký của anh Sáu Nam gọi điện cho tôi báo: "Anh chuẩn bị đi làm Đại sứ Việt Nam ở Campuchia thay anh Ngô Điền". Tôi liền nói: "Không được đâu!", "Ý ông Sáu Nam đó, chuẩn bị đi, ngày mai trao đổi" - Anh Ngọc nói rồi cúp máy. Tôi bàng hoàng vì một quyết định đến quá đột ngột.

Hôm sau, tôi báo cáo là công việc quan trọng lại quá mới mẻ và quá sức tôi không làm được. Anh giải thích là chỉ cần ba yếu tố: nắm vững chủ trương đường lối của ta và của bạn, thông thạo tình hình Campuchia - điểm này thì cậu nắm được vì mười năm ở chiến trường - và có tinh thần trách nhiệm và quyết tâm cao.

Mấy đêm không ngủ và trao đổi với một số bạn bè thân thiết bên Bộ Ngoại giao, tôi thấy mặc dầu được cấp trên tin tưởng song phải cân nhắc, đánh giá đúng khả năng, từ lĩnh vực quân sự sang ngoại giao không thể một sớm một chiều mà làm được. Tôi đề đạt ý kiến nhiều lần là nên cử người của Bộ Ngoại giao. Cuối cùng cấp trên đã thay đổi ý định và cử anh Trần Huy Chương đi làm Đại sứ tại Campuchia. Tôi thở phào nhẹ nhõm và cuối năm đó lên đường đi làm Tùy viên quân sự Việt Nam tại Vương quốc Thái Lan.

Bốn là: Anh rất quan tâm đến công tác nắm địch.

Thời gian anh Sáu Nam làm Tư lệnh Quân khu 7, anh biết rõ Phòng Quân báo Quân khu 7 tiền thân của nó là Phòng Quân báo Miền nên phạm vi và khả năng nắm địch rộng, cơ sở nhiều và phát huy tác dụng tốt. Song về biên chế thì cũng như các quân khu khác theo biểu biên chế của Cục Quân lực đề ra, kinh phí cũng có hạn. Nếu thực hiện theo đúng biên chế và kinh phí được cấp sẽ phải cắt, giảm rất nhiều cơ sở và sẽ ảnh hưởng đến công tác nắm địch. Trên nguyên tắc bảo đảm tổng quân số của cấp trên cho, Quân khu điều chỉnh quân số của các đơn vị cho phù hợp, anh Sáu cho Phòng Quân báo thành lập một "Tiểu đoàn quân báo nhân dân", quân số khoảng 100 người để bảo đảm cho các cơ sở hoạt động. Nhờ vậy duy trì được mạng lưới nắm địch ở cơ sở trong mọi tình huống.

Qua nhiều đời tư lệnh Quân khu, chúng tôi - chỉ huy Phòng Quân báo - vẫn phải giữ chữ ký phê chuẩn của anh Sáu Nam cho thành lập Tiểu đoàn Quân báo nhân dân như bảo bối để xin biên chế.

Quan điểm của anh về ta, địch rất rõ ràng. Trước mọi biến chuyển tình hình anh đều nhắc nhở cơ quan nắm địch phải nhận rõ âm mưu cơ bản của địch để đánh giá đối tượng, đừng nhìn hiện tượng bề ngoài mà chủ quan đơn giản.

Là lãnh đạo cao cấp, anh luôn là người quan tâm đến tình hình địch; bồi dưỡng giúp đỡ cấp dưới trong phân tích, nhìn nhận, đánh giá và xử lý các vấn đề đang đặt ra phải giải quyết.

TÔI COI ÔNG NHƯ MỘT NGƯỜI ANH CỦA MÌNH

Trung tướng ĐỖ ĐỨC*

Tôi coi ông Lê Đức Anh như một người anh. Ông có nhiều công lao xuất sắc. Sau năm 1954 ông tập kết ra Bắc, làm Cục phó Cục Tác chiến. Khoảng 1958-1959 làm Cục phó rồi Cục trưởng Cục Quân lực, thay ông Trần Sâm (sang Tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần). Tôi làm Trưởng phòng dưới quyền ông. Ông là người có tầm nhìn chiến lược, nắm các vấn đề rất nhanh nhạy, từ đó trong công tác, các ý kiến của ông đưa ra rất sắc sảo. Ông có tác phong rất quyết đoán, các vấn đề ông thường suy nghĩ kỹ rồi mới đi đến quyết định. Đã quyết là làm bằng được. Tác phong làm việc của ông rất cụ thể, tỉ mỉ, thái độ với anh em thân mật, cởi mở, gần gũi, ai làm việc với ông cũng thấy dễ gần.

Giai đoạn đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ của ta, cả Liên Xô và Trung Quốc không tán thành; nhưng sau họ hiểu ra và khi thấy quyết tâm đánh Mỹ và thấy rõ khó khăn của ta thì họ giúp đỡ tích cực và hiệu quả.

Năm 1960 tôi được cử đi học ở Lạng Sơn, năm 1961 đi học ở Liên Xô, 1964 tôi mới về.

Tháng 8-1964 tôi có quyết định vào Nam, nhưng chờ tin tức đến cuối tháng 11 mới đi được, cuối năm 1964 mới vào đến Bộ Chỉ huy Miền (R).

Ông Lê Đức Anh lúc đó làm Tham mưu trưởng Miền, tôi làm Trưởng phòng Quân lực Miền; sau này ông Lê Đức Anh làm Phó tư lệnh Miền, tôi làm Phó Tham mưu trưởng Miền. Rồi ông đi làm Tư lệnh Quân khu 9. Đến Chiến dịch Hồ Chí Minh, cấp trên lại rút ông lên Bộ chỉ huy Miền làm Phó Tư lệnh chiến dịch. Năm 1976 giải thể Bộ Chỉ huy Miền, tôi ra Bắc làm Cục trưởng Cục Quân lực, đến 1982 tôi làm Phó Tổng Tham mưu trưởng. Năm 1986 ông Lê Trọng Tấn mất, ông Lê Đức Anh ra làm Tổng Tham mưu trưởng, sau đó làm Bộ trưởng Quốc phòng. Do đó có thể nói, cả trong Nam ngoài Bắc, tôi đã có nhiều dịp làm việc trực tiếp với ông.

Ở Miền Nam, tôi thấy ông Lê Đức Anh là người có tầm nhìn chiến lược, các vấn đề ông suy nghĩ cân nhắc rất sâu, sắc sảo. Kèm thêm tác phong rất quyết đoán, mạnh bạo dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Ví dụ: Ông nắm quan điểm chiến tranh nhân dân rất chắc, nhận thức vấn đề đó rất rõ. Cho nên trong chỉ đạo tác chiến ông thể hiện là một người chỉ huy luôn quan tâm đến xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân và nền quốc phòng toàn dân.

Ở miền Nam, việc động viên nhân dân và đưa lực lượng quân đội xuống sát dân để vừa tác chiến vừa xây dựng lực lượng cách mạng, xây dựng phong trào rất được chú trọng.

Như ở Long An, ta có hai tiểu đoàn chủ lực của tỉnh, Mỹ dồn quân về các tỉnh, huyện vùng ven Sài Gòn, chà đi xát lại, hai tiểu đoàn đó bị thương vong phần lớn, Trung ương Cục thấy phải làm sao khôi phục lại (vì nhiều chi bộ xã của tỉnh Long An đã bị lộ xác mấy chục lần), để làm việc đó phải có hành động của lực lượng vũ trang làm nòng cốt khôi phục lại phong trào cho địa phương. Tôi còn nhớ, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Lê Đức Anh, chúng tôi đã trực tiếp tổ chức lực lượng, cùng với các đơn vị chiến đấu từ miền Bắc đưa vào chi viện, khi một tiểu đoàn, khi hai tiểu đoàn cho Long An, phối kết hợp với số cán bộ chiến sĩ còn lại của hai tiểu đoàn của tỉnh, tổ chức, củng cố lại để Long An luôn có được hai tiểu đoàn chủ lực

hoạt động, do đó đã thật sự trở thành nòng cốt cho phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân. Tổng cộng lại, trong suốt cuộc chiến tranh đã đưa tất cả lần lượt 21 tiểu đoàn bộ binh tăng viện cho Long An.

Cuộc chiến đấu phản công đánh bại cuộc hành quân Gianxon Xity của quân địch, bảo vệ an toàn căn cứ Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền:

Ông Anh đề nghị với Trung ương Cục: Tất cả các cơ quan của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền thành lập "tỉnh đội, huyện đội và xã đội" (nghĩ được việc đánh địch tại chỗ trên một địa bàn không có dân, phải là người có nhiều kinh nghiệm tổ chức).

Những cơ quan lớn thành một xã, cơ quan nhỏ thành một thôn, cơ động chi viện cho nhau. Quân ta tiến hành "cò cây", tức là chặt một phần thân cây bẻ gập xuống để gây trở ngại, quân địch không đi được, chỉ để lại một đường bí mật để quân ta cơ động. Thực hiện diệt chó, còn gà thì buộc dây không cho gáy để giữ bí mật. Tiến hành gài lựu đạn, đào hố chông mìn dọc đường đi vào các căn cứ đóng quân. Đào giao thông hào, chiến hào trong và xung quanh cơ quan để du kích của cơ quan cơ động chiến đấu bảo vệ cơ quan.

Cơ quan mấy ngàn người tổ chức thành mạng lưới chiến tranh nhân dân. Nghe được tin tình báo quân Mỹ sắp càn tới, là ta chuẩn bị ngay. Lúc đó tôi phụ trách Quân lực, ông Anh bảo tôi ra lệnh xuất kho B40, B41, AK để trang bị rộng rãi cho du kích cơ quan, đánh xong sẽ thu lại trả về kho.

Chính vì vậy cuộc càn Gianxon Xity, địch đi đâu cũng bị ta đánh và bị đánh rất mạnh. Chủ lực của Miền lúc đó có Sư đoàn 9 nhưng đã được giao nhiệm vụ tác chiến diệt địch ở nơi khác, chỉ có Trung đoàn 2 cơ động về đánh vòng ngoài để bảo vệ căn cứ.

Chỉ huy, chỉ đạo thì có tập thể Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền, nhưng trong đó vai trò của đồng chí Lê Đức Anh là rất rõ.

Địch dùng máy bay B52 ném bom rải thảm, phi pháo, máy bay Cá rô (UH1) trinh sát, Cá lẹp bay xung quanh phóng rốc két xuống, phá nhiều khu trong căn cứ tan hoang.

Ta đào chiến hào và hầm ẩn náu kiên cố, chính vì vậy mà ta trụ lại được. Nhiều đơn vị diệt được địch. Quân địch huy động quân và vũ khí, phương tiện càn lớn như vậy nhưng không tìm và diệt được cơ quan đầu não của ta. Một hôm nó càn vào cách chỗ chúng tôi đang họp với đồng chí Lê Đức Anh chỉ khoảng 200 mét, nghe rõ cả tiếng xe bọc thép M113 đang tiến vào nghiêng đổ cây rừng rào rào. Lúc đó có lệnh, một đồng chí từ trong nhà xách súng B41 ra bắn cháy hai xe. Số xe địch còn lại tháo lui.

Trung đoàn 2 của Sư đoàn 9 có trận ở trảng Mỹ Hạnh, đơn vị đánh vận động tập kích rất giỏi.

Tôi đó quân địch đổ bộ trảng Mỹ Hạnh có hơn 100 xe tăng và thiết giáp quây vòng tròn, bộ binh ở trong. Ta tổ chức trung đoàn trưởng cùng các chỉ huy trưởng tiểu đoàn và đại đội đi trước vừa trinh sát địch vừa vạch kế hoạch tác chiến luôn, rồi quay về đón bộ đội do các cấp phó chỉ huy hành quân liền theo sau, tôi đó tập kích liền. Riêng trận đó Trung đoàn 2 diệt hơn 90 xe tăng và xe thiết giáp.

Chiến trường Đông Nam Bộ có các trục giao thông lớn, quân địch đông, chúng thường đóng quân chiếm giữ các trục giao thông và tuần tra canh gác, nên quân ta ở các khu vực khi tiếp cận vận động trên các trục giao thông thường gặp khó khăn. Bộ chỉ huy Miền và ông Lê Đức Anh đã có những sáng tạo trong tổ chức các đoàn hậu cần khu vực. Có móc nối với cơ sở trong thành phố để bảo đảm thu mua lương thực, thực phẩm, thuốc men. Rồi tổ chức các đơn vị tăng gia sản xuất, tại miền

Đông Nam Bộ có các đoàn 81-82-83-84-85-86, mỗi đoàn đứng chân trên một vùng để bảo đảm hậu cần cho các trung đoàn và sư đoàn khi các đơn vị này cơ động đến vùng của mình triển khai và thực hành nhiệm vụ chiến đấu. Các đoàn hậu cần có nhiều khi thu mua được cả đạn dược, xăng dầu. Quân nguy đưa cả xe M113 ra các lô cao su bán cho ta. Phải có những người dân cơ sở rất giỏi và trung thành, rồi móc nối với lính nguy. Bởi vậy đời sống của bộ đội B2 đỡ hơn nhiều so với B3 và Khu 5. Hệ thống các kho vũ khí, đạn dược, trạm sửa chữa, trạm quân y được tổ chức khoa học.

Nam Bộ lúc đó có một đơn vị chủ lực cơ động cấp sư đoàn là Sư 9, đi đâu cũng có kho hậu cần, trạm quân y phục vụ. Quan điểm "hậu cần tại chỗ" (vừa tự sản xuất vừa tìm nguồn mua) đã phát huy tác dụng rất to lớn, nên các đơn vị chủ lực khi ở phía đông, khi phía tây, nhưng ở đâu cũng được bảo đảm mọi mặt để sinh hoạt và chiến đấu.

Khu 9: Hồi đó giữa Khu uỷ và Bộ Tư lệnh có vấn đề không nhất trí. Nhiều chủ trương của trên chấp hành chưa tốt, hiểu về quan điểm chiến tranh nhân dân lệch, coi nhẹ chủ lực, mà lại kéo dài, nên hoạt động quân sự không lên được. Khi trên điều đồng chí Lê Đức Anh xuống làm Tư lệnh, đồng chí Võ Văn Kiệt làm Chính uỷ Quân khu và Bí thư Khu uỷ, hai đồng chí đã đấu tranh kiên quyết và kiên quyết làm.

Năm 1973, sau Hiệp định Paris, Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Miền chỉ đạo chấp hành nghiêm hiệp định. Mỹ rục rịch rút nhưng nó thúc thẳng nguy lấn chiếm và cấm cò phá Hiệp định. Khu 9 là điển hình của tinh thần cách mạng tiến công, trong khi các khu khác có lạng lạng. Sau một thời gian thì Khu 6, rồi Khu 7 học tập Khu 9 cũng đánh tới, mới khôi phục được tình thế, làm phá sản âm mưu "Việt Nam hoá chiến tranh" và kế hoạch "Tràn ngập lãnh thổ" của Mỹ-nguy. Lúc bấy giờ có sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Miền đưa chủ lực của quân khu vào U Minh củng cố, nhưng

ông Lê Đức Anh đã báo cáo đề nghị với Quân uỷ và Bộ Chỉ huy Miền cho các đơn vị tiếp tục bám chắc địa bàn và tích cực đánh địch, không đưa chủ lực vào U Minh củng cố. Vừa đánh vừa cho các lực lượng đơn vị thay nhau củng cố tại chỗ. Nói về tầm nhìn và bản lĩnh của người cán bộ lãnh đạo và chỉ huy chỗ này rất đáng khâm phục.

Đánh địch vi phạm Hiệp định thì Khu 9 là thành công nhất. Sau đó Trung ương đã chỉ đạo các đơn vị đánh mạnh, làm cho chúng không thực hiện được "Việt Nam hoá".

Thời kỳ ông làm Tổng Tham mưu trưởng và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và sau đó làm Chủ tịch nước.

Nhà máy xi măng Chinh Fong, Hải Phòng. Đồng chí An, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hải Phòng lên đề nghị nhiều lần, Chính phủ có công văn nhiều lần yêu cầu Bộ Quốc phòng cho di dời trận địa pháo ở Lục Đầu Giang. Đây là trận địa pháo có thể bắn ra ngã ba sông, mà phía trước đó có núi che đỡ rất tốt. Trước đây, đồng chí Vương Thừa Vũ, nguyên Phó Tổng Tham mưu trưởng đã cùng cán bộ tham mưu cất công lặn lội đi nghiên cứu nhiều tháng trời mới chọn được một trận địa tốt như vậy. Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu lúc đó cũng đã đi kiểm tra nhiều lần, cũng cân nhắc mãi, song do Chính phủ nhiều lần có công văn nhắc nhở, nên Bộ Tổng Tham mưu đã ra lệnh cho di dời trận địa pháo. Khi nhà máy xi măng Chinh Fong được xây dựng xong, thì đường cơ động cho pháo của ta bị khó khăn. Khi được tin, ông Lê Đức Anh lúc đó làm Chủ tịch nước rất bức mình, ông nói: "Tôi còn đây, nếu khó các anh phải đề đạt. Nếu không cân nhắc thật kỹ, cứ để bị lấn sẽ ảnh hưởng đến sự nghiệp quốc phòng - an ninh của đất nước". Cũng tinh thần này ông đã chỉ đạo cụ thể việc giữ gìn, tôn tạo và phát huy hiệu quả của khu vực quân cảng Cam Ranh.

Nhà máy điện Sao Đỏ ở đầu sân bay nước mặn ở Đà Nẵng, định làm cột khói cao, như vậy không bảo đảm an toàn khi máy bay lượn vòng, Bộ Quốc phòng đã đề nghị xê dịch nhà máy đến một địa điểm gần đó để bảo đảm an toàn...

Nhiều việc khác nữa thể hiện ông Lê Đức Anh dứt khoát, rất có trách nhiệm.

ANH LÀ NGƯỜI ANH CẢ, NGƯỜI THẦY CỦA TÔI

ĐỖ QUANG MINH²⁵

Tôi là Đỗ Quang Minh (tức Đỗ Văn Bỏ), sinh ngày 11-10-1932 tại xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhập ngũ ngày 5-2-1947 tại Chi đội 1 - Thủ Dầu Một.

Anh Sáu Nam là người tôi rất kính mến. Lần đầu tiên gặp anh khoảng tháng 6-1947. Lúc đó tôi mới nhập ngũ vài tháng, làm liên lạc viên Ban liên lạc Chi đội 1 Thủ Dầu Một. Tôi công tác tại Trạm Giồng Sao, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Sài Gòn. Kỳ đó, anh Sáu trên đường công tác qua trạm, anh bị ốm, không ăn cơm được, tôi đi tìm mua xoài chín cho anh và anh rất mến tôi. Từ đó, anh có ý với Ban liên lạc Chi đội 1 xin tôi về đi công tác gần anh và làm liên lạc cho anh. Anh Nguyễn Quang Sanh, Phó Ban liên lạc là đảng viên Đảng Cộng sản, khuyên tôi: "Em nên về công tác với anh Sáu, anh sẽ dìu dắt, giáo dục em tiến bộ, anh Sáu là đảng viên Cộng sản, nay ảnh lên chi đội làm Chánh trị viên". Tôi đồng ý và cuối năm 1947 tôi về Văn phòng Chi đội 1 gặp anh. Sau một thời gian, khoảng tháng 3-1948, anh gọi tôi đi học lớp cán bộ dân quân tỉnh khoá Lê Danh Các; đến tháng 6-1948 mãn khoá tôi thi đạt điểm cao nhất, anh rất mừng. Được ít hôm anh lại gọi tôi ra Bà Rịa học Trường Quân chính Khu 7, khoá Phan Châu

Trình, nhưng tôi mới 16 tuổi nên không được học mà ở lại công tác và làm Thiếu sinh quân của nhà trường. Đến tháng 10-1948, tôi mới được về đi công tác với anh, lúc này anh là Tham mưu trưởng Khu 7, ở chiến khu Đ. Tôi làm liên lạc cho anh, thường xuyên mang thư của anh đưa tận tay Khu trưởng Huỳnh Văn Nghệ, Chánh uỷ Nguyễn Văn Trí, hoặc các cán bộ lãnh đạo các phòng, ban trong khu, các anh ở cấp uỷ, Uỷ ban của hai tỉnh Biên Hoà, Thủ Dầu Một và các anh trong ban chỉ huy các trung đoàn 301-310... Anh đi công tác ở đâu tôi cũng được đi với anh, làm liên lạc, còn bảo vệ thì có anh Đức, anh Vị, anh Xòn là những chiến sĩ rất quý mến anh; các anh này, gốc là phu cao su, rất hiền lành, chịu khó và rất gan dạ - anh Sáu rất thương. Những lần đi công tác, nghiên cứu chiến trường hoặc đi hội họp với cán bộ cao cấp, tôi mang cây cácbin ba xếp, vừa bảo vệ vừa làm liên lạc đưa thư cho anh. Có những lần đi xa như từ chiến khu Đ xuống sông Lòng Tàu, Bà Rịa nghiên cứu đánh tàu, hay đi lên bắc Bến Cát nghiên cứu đánh xe lửa đoạn Bàu Bàng - Trà Nốt. Và thường xuyên đi công tác ở các tỉnh miền Đông, vượt qua nhiều quốc lộ, tỉnh lộ, nhiều vùng địch tạm chiếm, có lần đụng địch rất nguy hiểm... Đi sát đồn bất giác giữa ban ngày, có những lúc chịu đói, chịu khát, làm bộ đội thời đó rất gian khổ.

Tôi còn nhớ về chuyện đôi guốc... Thời đó phần lớn là đi chân không, ai may mắn là có đôi guốc, đôi bata hoặc đôi dép dạ nhưng đi vài lần lội nước, băng rừng rồi cũng hỏng. Dép lớp xe (dép râu) hồi đó chưa có. Lần vượt tỉnh lộ 16, gần thị trấn Tân Uyên, đêm đó sắp qua đường thì phát hiện có địch phục kích, bám đường theo trình sát thì chỗ nào cũng đụng địch. Trong đoàn đi trên 10 người có anh Nguyễn Văn Trí, Chánh uỷ Khu và anh Sáu, trong tụi tôi có anh Mai Chương cán bộ quân sự rất trẻ, xông xáo (bây giờ là thiếu tướng), trình sát cắt đường. Trời tối đen như mực, ven đường là khu rừng chồi và có những khoảng trống. Phía trước có nhiều tiếng động, thỉnh thoảng có ánh đèn pin, đúng là địch, không vượt qua đường

được, chúng cách độ 100m nên chúng tôi phải nằm ém lại cho chúng rút mới qua đường. Đến khuya, có anh mệt quá nằm ngủ thiếp dưới gốc cây. Tôi hồi hộp không sao ngủ được, bỗng nghe tiếng chân giẫm lên lá khô ngày càng gần, nghe kỹ là tiếng giày của địch. Tôi bò lại lay anh Sáu và nói nhỏ: "Địch đến!". Anh Sáu bình tĩnh ngồi dậy hỏi ở đâu? Và nhanh chóng tay thu vội đôi guốc, xắn cốt thì đã mang sẵn trong mình, anh lùi lại vài chục mét. Còn bọn chúng thì rẽ hướng khác và rồi có lẽ là chúng gom lại ra đường để rút về bót. Anh Mai Chương nghe ngóng nhưng cũng phải đợi trời sáng leo lên cây quan sát bên kia đường và bốn phía kỹ rồi mới vượt lộ, tiếp tục hành quân. Về đến Vĩnh Lợi quá 10 giờ, bụng ai cũng đói và cổ khát khô, nói không ra tiếng nhưng tiếng guốc anh Sáu Tham mưu trưởng vẫn lết xết trên đường dưới trời nắng trưa...

Cũng vẫn là chuyện đôi guốc, đêm hôm ấy từ An Điền, Bến Cát qua sông Thị Tính, về Vĩnh Tân, đến Hố Le, gần Quốc lộ 13 thì đụng địch; hai bên nổ súng rào rào, địch ít, ta đông hơn, chúng vừa bắn vừa chạy, tôi và anh Sáu vượt qua bụi tre gai nằm nép dưới đường rãnh xe bò tránh đạn. Anh Ba Lò Rèn chỉ huy đoàn xông lên, chỉ huy tiếng la vang vang... Khi củng cố lại đội hình không ai sao cả, nhưng anh Ba thì vướng cây vướng rớt khẩu roulette (súng lục) phải hoay hoay tìm, còn anh Sáu thì tay vẫn xách đôi guốc, vì nếu để mất nó thì không chịu nổi gai mắc cổ và sỏi com trên đất này...

Hồi anh Năm Thi làm Trung đoàn trưởng 301, anh Sáu là Chánh trị viên, hai anh thường mặc bộ bà ba đen, đội nón cối, cổ quàng khăn rằn xanh và chân mang guốc. Anh Năm Thi thì có lúc thêm cây ba ton. Đến khi về làm Tham mưu trưởng Khu, anh Sáu vẫn ăn mặc và đi guốc như thế, đi công tác khắp miền Đông, quần áo của anh chỉ bộ nghiêm bộ nghĩ, có lúc giặt trước phơi ở bờ suối, tắm xong chờ quần áo khô, một chiếc áo len cũ dài tay màu nâu và một chiếc xắn cốt da đựng tài liệu. Cuộc sống thiếu thốn, giản dị như anh em, cũng com rau khoai sắn, nhưng cường

độ làm việc và học tập của anh thật đặc biệt, hoàn cảnh nào cũng thấy anh đọc sách, nghiên cứu tài liệu, làm việc và học tập, anh rất tiết kiệm thời gian, ở chiến khu anh chong đèn đọc sách, tôi ngủ một giấc giật mình thức dậy thấy anh vẫn còn ngồi bên ngọn đèn dầu; có lúc anh bị ốm nằm dưỡng bệnh nhưng bên cạnh cũng có sách và tài liệu. Khi làm việc và học tập, anh rất chăm chú tập trung, chúng tôi làm gì cũng nhè nhẹ không dám làm khua động, ảnh hưởng tới anh.

Giữa năm 1949, anh được điều về làm Tham mưu trưởng Khu 8 và anh cho tôi vào học Trường thiếu sinh quân, Trung đoàn 312. Đến cuối năm 1949, anh lại trở về làm Tham mưu trưởng Khu Sài Gòn - Chợ Lớn, tôi cũng được trở về công tác tại Ban Văn thư Phòng Tham mưu, lại được gần gũi anh. Khi cần tôi làm liên lạc mang thư cho anh, đưa tận tay anh Trần Văn Trà, anh Tô Ký, anh Năm Thi bên Thủ Biên và các anh lãnh đạo các cơ quan trong khu. Thời gian này tôi đã 18 tuổi, được kết nạp vào Đảng Cộng sản và anh cũng là đại biểu đảng cấp trên chất vấn tôi hai câu trong lễ kết nạp hồi đó. Một câu hỏi về động cơ tôi vào Đảng, một câu về sự trung thành và hy sinh chiến đấu suốt đời vì Đảng mà tôi còn nhớ mãi tới bây giờ.

Tôi sớm được giác ngộ vào Đảng cũng do bản thân lớn lên trên quê hương của Nam Kỳ khởi nghĩa, có truyền thống cách mạng, thoát ly gia đình vào bộ đội, may mắn lại được gần anh Sáu bồi dưỡng, giáo dục từ tuổi niên thiếu. Anh thường xuyên kể cho tôi nghe những gương người tốt, hiếu học, dạy bảo tôi điều hay lẽ phải, nhất là về rèn luyện phẩm chất đạo đức, tinh thần ý chí cách mạng, sức khỏe. Thực tế anh tạo điều kiện cho tôi học tập và rất quan tâm đến sự tiến bộ của tôi. Năm 1950, khoảng tháng 6, anh gọi tôi đi học Trường Trung học kháng chiến ở Cà Mau, sau đó tôi học lớp vô tuyến điện. Năm 1951, trở về gặp lại anh, lúc đó anh là Tham mưu phó Nam Bộ. Năm 1954, đình chiến anh lại vào Nam với nhiệm vụ trong Đoàn sĩ quan Liên hợp quân sự, anh em lại gặp nhau. Tôi phụ trách đài vô

tuyển điện cho đoàn sĩ quan Liên hợp quân sự, phục vụ cho chuyển quân về khu tập kết tạm thời đóng tại Bào Trai - Đức Hoà và cùng anh trong nhóm di chuyển cuối cùng của quân ta vượt qua sông Vàm Cỏ Đông vì gần đến 12 giờ đêm phải đến Vàm Cỏ Tây theo quy định. Tôi còn nhớ đêm đó, hai anh em nằm ngủ chung, mừng cá nhân chỉ có một chiếc mà muỗi ở Vàm Cỏ Tây thì nhiều, kêu như sáo thổi, nó cắn hai bên không tài nào ngủ được. Anh bảo thôi chú ngủ, mình đi. Anh đi ra sân, đi tới đi lui cho muỗi khỏi cắn. Sau đó một lúc, tôi lại ra thay anh đi tới đi lui cho anh vào mừng nằm nghỉ, cứ như thế thay phiên nhau cho tới sáng.

Sau đó, quân ta lần lượt hành quân về kênh Nguyễn Văn Tiếp (Đồng Tháp Mười). Đóng quân dọc theo bờ kênh giữa Mỹ An và Ba Sao. Lúc đó bà con ở Sài Gòn và các tỉnh vào thăm anh em bộ đội, và từng gia đình thăm con cháu đông vui, nhộn nhịp. Chị Sáu và cháu Bé Ba cũng về đây sum họp, ở nhờ nhà dân trên bờ kênh, tôi thường ngày tới chơi như người trong nhà. Ra Bắc, thỉnh thoảng tôi có ra Hà Nội, học tập, công tác hoặc nghỉ phép, tôi đều đến thăm anh ở Cửa Đông (lúc đó tôi ở Sư đoàn 330, Thanh Hoá). Năm 1961, tôi về Nam ở Quân khu miền Đông làm công tác thông tin. Khi có dịp về Miền hợp, tôi cũng đến thăm anh Sáu khi điều kiện cho phép. Cũng như sau này, khi hoà bình lập lại, mỗi lần anh Sáu về Đồng Nai công tác, tôi đều đến thăm. Mỗi lần gặp anh là anh dặn dò khuyên bảo, học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để phục vụ Đảng, nhân dân tốt hơn. Trong chiến đấu cũng như trong hoà bình, anh rất bận nhưng mỗi lần tôi gửi thơ thăm anh thì anh đều gửi thơ trả lời.

Tình cảm đối với anh Sáu, tôi coi anh như người anh cả trong gia đình ruột thịt, tôi rất kính mến anh, những lời dạy bảo của anh, công ơn dìu dắt của anh, hình ảnh vui vẻ hiền hậu và những kỷ niệm trong thời gian được gần anh, tôi không bao giờ quên được! Anh là người anh cả, người thầy, người đồng chí của tôi!

TÔI CÓ BỐN KỶ NIỆM SÂU SẮC VỚI THỦ TRƯỞNG SÁU NAM

Đại tá NGUYỄN NGỌC LÂN²⁶

Những năm 1964-1967, khi công tác ở Bộ Tổng Tham mưu tôi làm Trưởng Ban miền Nam, Phòng 70 - Cục II. Cuối năm 1967 tôi có quyết định đi B, vào tăng cường cho Phòng 2 - Bộ Tham mưu Miền để kịp phục vụ Tổng tiến công Xuân Mậu Thân 1968. Từ năm 1968 đến ngày 30-4-1975, tôi là Trưởng ban Nghiên cứu và Phó trưởng Phòng 2, Bộ Tham mưu Miền. Sau ngày miền Nam giải phóng, tôi chuyển sang làm Phó trưởng Phòng rồi Trưởng Phòng 2, Bộ Tham mưu Quân khu 7 cho đến năm 1980. Lúc này anh Sáu là Tư lệnh Quân khu 7. Những năm 1982-1987, sau khi đi học ở Học viện Chính trị và quân sự cấp cao về, tôi có quyết định chuyển sang phụ trách Trưởng phòng Khoa học quân sự Quân khu 7, thường xuyên đi công tác ở chiến trường K với tư cách cán bộ nghiên cứu hoặc phái viên của Tư lệnh Quân khu (đồng chí Năm Ngà). Lúc này anh Sáu đã là Tư lệnh Quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia.

Tôi có bốn kỷ niệm sâu sắc với Thủ trưởng Sáu Nam khi ở chiến trường B2 và trong chiến tranh Tây Nam.

Thứ nhất: Sau đợt 1 Mậu Thân 1968, ở Sài Gòn - Gia Định và các đô thị trên chiến trường B2 ta giành thắng lợi lớn cả về quân sự và chính trị. Nhưng tổn thất cũng rất nặng nề. Không kịp bổ sung, chấn chỉnh. Nhiều đơn vị cấp trung đoàn, tiểu đoàn không còn sức chiến đấu. Có đại đội mới được bổ sung buổi sáng, đến cuối chiều tối đã hy sinh 2/3, cán bộ trung đội, đại đội chưa thuộc hết tên chiến sĩ đã hy sinh. Lực lượng biệt động Sài Gòn - Gia Định gần như tê liệt. Địch lúc đầu bị đánh bất ngờ, hoang mang, hỗn loạn. Nhưng lực lượng chủ lực của Mỹ-ngụy chưa bị

thiệt hại nặng, còn sức gượng lại và tổ chức phản kích quyết liệt trên các địa bàn ven đô thị và khu trung tuyến. Hệ thống chỉ huy của ta từ Miền xuống các địa phương, đơn vị rất khó khăn, nhiều nơi gần như không có báo cáo.

Chấp hành nghị quyết của Trung ương Cục và Quân ủy - Bộ Chỉ huy Miền, ta vẫn chủ trương tiếp tục tiến công đợt 2 vào đô thị theo tinh thần "Tổng công kích, tổng khởi nghĩa là một quá trình..."

Theo tôi biết, trong lãnh đạo chỉ huy các cấp lúc bấy giờ đã có những ý kiến khác nhau, nhất là các cấp dưới tuy trong tư tưởng chưa thật thông nhưng không dám công khai phát biểu. Cá biệt đã có cán bộ cấp cao dao động, đầu hàng địch.

Vào đợt 2, ta cũng đánh được vào nhiều nơi trong nội đô, có gây tiếng vang nhưng tiếp tục bị tổn thất lớn hơn, khó khăn thêm. Trong đợt này, anh Sáu Nam - Phó Tư lệnh Miền được cử chỉ huy trực tiếp cánh Tây-Nam, xuống đến vùng ven Bình Chánh. Tham gia chiến đấu trên hướng này có Sư đoàn 9 do anh Sáu Khâm làm Sư trưởng, anh vẫn còn trên biên giới. Theo đồng chí Mười Mẫn, cán bộ trinh sát Phòng 2 Miền đi phục vụ trực tiếp anh Sáu kể lại: Do sốt ruột chưa nắm được tình hình các đơn vị thuộc quyền, thủ trưởng Sáu Nam đã điện cho anh Sáu Khâm: "Tôi đang ở đây (Bình Chánh), anh còn ở trên biên giới làm gì? Anh hay là tôi chỉ huy?" Anh Sáu Khâm điện trả lời: "Tôi đang chỉ huy Sư đoàn triển khai lực lượng nên chưa xuống kịp". Việc này chứng tỏ thủ trưởng Sáu Nam rất sâu sát, dũng cảm và nghiêm khắc với cấp dưới trong chấp hành mệnh lệnh.

Sau đợt 2, chuẩn bị đánh tiếp đợt 3 vào đô thị. Nhưng tư tưởng và ý kiến của cán bộ, chiến sĩ càng phân tán. Tôi được biết chính thủ trưởng Sáu Nam là một trong số ít người đầu tiên đề xuất ý kiến tạm thời ngừng tấn công vào đô thị vì không còn yếu tố bí mật bất ngờ, không còn thời cơ và không đủ lực. Lúc bấy giờ nhiều người trong chúng tôi cũng nghĩ như vậy nhưng không dám nói ra vì sợ bị quy chụp là "dao động, không chấp hành nghị quyết". Là một cán bộ chủ trì Phòng Quân báo

Bộ Chỉ huy Miền trực tiếp phụ trách công tác nghiên cứu địch, tôi tự thấy cũng chưa làm hết trách nhiệm giúp người chỉ huy kịp thời đánh giá đúng tương quan địch ta trong một tình huống đặc biệt quan trọng sau đợt 1 Mậu Thân.

Thứ hai: Khi thủ trưởng Sáu Nam chuẩn bị lên đường nhận nhiệm vụ làm Tư lệnh Quân khu 9, tôi được phân công trực tiếp báo cáo toàn diện tình hình địch cho thủ trưởng nắm và trả lời các câu hỏi nhận xét đánh giá về địch ở địa bàn đồng bằng sông Cửu Long. Trong cuộc họp này có đồng chí Trần Văn Danh (Ba Trần), nguyên Phó Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Miền - Bí thư Đảng ủy Bộ Tham mưu và đồng chí Trần Viết Tá, cán bộ Phòng Tuyên huấn Cục chính trị cùng nghe.

Tôi báo cáo khá chi tiết tình hình mọi mặt về địch, nhất là việc đẩy mạnh xây dựng phát triển địa phương quân, dân quân tự vệ và kế hoạch bình định ở các trọng điểm... Tôi cũng là một cán bộ dám nghĩ, dám nói kể cả phản biện với ý kiến cấp trên. Trong phần đánh giá tình hình, tôi có nêu các nhận xét: Địch tuy có một số mặt khó khăn về tinh thần và sức chiến đấu, nhưng đã tranh thủ phát triển nhanh lực lượng địa phương quân và phòng vệ dân sự ở các vùng chúng kiểm soát. Nhìn chung địa phương quân và lực lượng phòng vệ dân sự của địch mạnh hơn bộ đội địa phương và dân quân tự vệ của ta cả về số lượng và vũ khí trang bị. Do đó, chúng đã phát huy được tác dụng trong hỗ trợ thực hiện kế hoạch bình định ở các vùng trọng điểm. Về mặt này ta đánh giá chưa đúng mức kết quả bình định của địch ở các trọng điểm.

Nghe tôi nói như vậy, đồng chí Trần Văn Danh hỏi ngay: - Đồng chí nói có chắc không? Tôi trả lời: "Bảo đảm chắc chắn!". Anh Sáu ngồi nghe rất chú tâm và bình tĩnh. Rồi anh nói: "Đồng chí cho tôi dẫn chứng cụ thể?". Tôi trình bày cụ thể số liệu ở một số tỉnh và huyện ở Cần Thơ, Trà Vinh, Vĩnh Long, Chương Thiện..., kể cả phiên hiệu các đại đội, liên đoàn địa phương quân kèm theo quân số và trang bị. Nghe xong anh làm thỉnh và gật đầu chấp nhận.

Nói như vậy để thấy anh Sáu là người chỉ huy chịu lắng nghe cấp dưới nói lên sự thật mà thường cấp dưới thấy khó nói - nhất là trước khi đi nhận một nhiệm vụ mới sẽ còn nhiều khó khăn ở chiến trường Khu 9 lúc bấy giờ.

Thứ ba: Trong thời gian thủ trưởng Sáu Nam đang chỉ huy tại chiến trường Quân khu 9, Phòng 2 - Bộ Tham mưu Miền hằng ngày vẫn báo cáo tình hình địch về mọi mặt với đồng chí như những ngày trước đây đồng chí là Phó tư lệnh Bộ chỉ huy Miền.

Sau ký kết Hiệp định Paris (tháng 1-1973), có một đoàn cán bộ của Trung ương từ miền Bắc vào do đồng chí Tố Hữu làm Trưởng đoàn. Đoàn có phổ biến tinh thần chỉ đạo của trên phải thực hiện "5 không" với phương châm không làm cho tình hình căng thẳng có thể dẫn đến "chiến tranh tiếp diễn". Lúc bấy giờ trong lãnh đạo, chỉ huy các cấp có hai luồng tư tưởng khác nhau. Một luồng đồng tình, muốn tranh thủ hoà hoãn để xả hơi nghỉ ngơi, củng cố lực lượng. Một luồng khác thấy địch tỏ ra rất ngoan cố, trắng trợn không thi hành nhiều điều khoản quan trọng trong hiệp định, nếu không kiên quyết chủ động đối phó thì kẻ địch sẽ càng lấn tới (như thời kỳ sau Hiệp định Giơnevơ 1954).

Trong một báo cáo tình hình địch trong sáu tháng đầu năm 1973 của Phòng 2 - Bộ Tham mưu Miền cho Quân ủy và Bộ chỉ huy Miền, do tôi trực tiếp trình bày có ý kiến kết luận rất quan trọng được hội nghị chấp nhận là:

- Âm mưu địch rõ ràng không thi hành hiệp định đã ký kết, nhất là các vấn đề về hai vùng, hai quân đội, hình thái đa báo cài răng lược và việc thành lập Chính phủ liên hiệp ba thành phần ... Thực chất là Mỹ-ngụy muốn tiếp tục kéo dài chiến tranh bằng chiến lược "Việt Nam hoá" trong điều kiện có Hiệp định.

- Do đó, hình thái đấu tranh cơ bản diễn ra giữa ta và địch trên chiến trường không kém phần quyết liệt là: Địch bình định ta chống bình định, địch lấn chiếm ta chống lấn chiếm ...

Trong thời gian này ở Khu 9 cũng có vấn đề tương tự. Một hôm, đồng chí trực ban tin tức Ban Nghiên cứu Phòng II Miền đưa lên tôi bức điện của Bộ Tham mưu Khu 9 hỏi trực tiếp Phòng II: "Yêu cầu cho biết trên chiến trường Khu 9 những nơi nào là ổn định và làm thế nào để tranh thủ được thế ổn định?" Dưới ký tên Sáu Nam. Đọc xong điện tôi cứ nghĩ mãi ý thủ trưởng định hỏi gì? Sau khi trao đổi với đồng chí Năm Bích, Trưởng phòng, tôi trực tiếp viết điện trả lời cho thủ trưởng Sáu Nam theo tinh thần đã báo cáo với Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền. Cụ thể: "Trên chiến trường B2 nói chung và Khu 9 nói riêng không thể có hình thái hoàn toàn ổn định. Chỉ có hình thái ổn định tương đối có lợi cho ta hoặc có lợi cho địch. Chỗ nào ta mạnh hơn địch thì ổn định có lợi cho ta, nơi nào ta yếu hoặc có thủ hữu khuynh để địch lấn chiếm, bình định có kết quả thì ổn định có lợi cho địch - Ký tên Ngọc Lâm"

Sau này nghe anh em Ban 2 của Khu 9 nói lại nội dung bức điện trả lời đã được thủ trưởng Sáu Nam chấp nhận. Sự chỉ đạo và lãnh đạo đúng đắn, kiên quyết của Khu ủy và Bộ Tư lệnh Khu 9 do hai đồng chí Sáu Nam và Sáu Dân (Võ Văn Kiệt) đứng đầu, đã góp phần tích cực cùng với Quân ủy và Bộ Chỉ huy Miền làm sáng tỏ nhiều vấn đề, giúp Trung ương kịp thời ra Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 sau đó. Sự sáng tạo và công lao của Khu 9, trong đó có vai trò quan trọng của thủ trưởng Sáu Nam trong giai đoạn khó khăn, phức tạp này đã đi vào lịch sử.

Thứ tư: Trong chiến tranh biên giới Tây Nam tôi phụ trách Trưởng Phòng 2 tiền phương Quân khu kiêm Phó Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu, cùng một số đồng chí khác như: Trần Minh Tâm, Nguyễn Văn Răng, Đoàn Thanh Long (thời kỳ

1967-1968). Lúc này thủ trưởng Sáu Nam đã về làm Tư lệnh Quân khu 7, thay đồng chí Trần Văn Trà ra Bộ Quốc phòng.

Một buổi sáng tôi đang làm việc ở Phòng 2, Sở Chỉ huy cơ bản thì được đồng chí Cụm phó cụm Quân báo biên giới Lộc Ninh chạy về báo cáo: Thiếu tướng Đồng Văn Cống, Phó tư lệnh Quân khu vừa đến thăm đơn vị và thay mặt Tư lệnh Quân khu giao nhiệm vụ cho cụm: Cử ngay một tổ trinh sát thông thạo địa hình, có người biết tiếng Khơme, bí mật vượt biên giới, luồn sâu vào bắc đường 7, khu vực bắc Mimôt, thăm dò tình hình địch và tìm bắt liên lạc với lực lượng ly khai Campuchia của Quân khu Đông để điều tra tình hình địch và phối hợp tác chiến... Báo cáo xong đồng chí kêu khó quá, riêng cụm quân báo Lộc Ninh không thể thực hiện được vì chưa có kinh nghiệm hoạt động luồn sâu, không nắm được dân và lực lượng ly khai ở đâu. Đề nghị sử dụng lực lượng của Phòng do Thủ trưởng Phòng trực tiếp chỉ đạo.

Tôi hiểu ngay đây là một nhiệm vụ quan trọng, phải bằng mọi giá thực hiện bằng được. Nhưng yêu cầu nhiệm vụ đã vượt ra ngoài khả năng của cụm Lộc Ninh nên anh em thấy khó là tất yếu. Cuối năm 1977 và đầu 1978, qua tin trinh sát kỹ thuật, chúng tôi đã phát hiện có các bộ phận ly khai của Quân khu Đông chạy ra rừng hoạt động chống lại tập đoàn Pôn Pôt - Iêng Xary, nhưng cụ thể bao nhiêu và ở đâu thì chưa rõ. Tập thể Thủ trưởng và Thường vụ Đảng ủy phòng họp thống nhất xác định đây là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng do Quân khu giao. Nhiệm vụ rất khó khăn, còn nhiều điểm chưa rõ, phải có thời gian nghiên cứu và làm công tác tổ chức chu đáo mới có thể thực hiện được, với điều kiện phải huy động lực lượng toàn phòng và được sự hỗ trợ nhiều mặt của Quân khu.

Sau khi trực tiếp tìm hiểu nhiệm vụ của trên, tôi đề nghị với Bộ Tư lệnh Quân khu 7: cho thời gian chuẩn bị từ 20 ngày đến một tháng; được bổ sung một số cán bộ, chiến sĩ gốc Campuchia hoặc Việt kiều biết tiếng và thông thạo địa hình các tỉnh

Quân khu Đông; được ưu tiên bổ sung trang bị vũ khí để có thể hoạt động độc lập dài ngày sau lưng địch.

Nghe xong các đồng chí trong Thường vụ và Bộ Tư lệnh Quân khu, nhất là hai thủ trưởng Sáu Nam và Bảy Cống hoàn toàn nhất trí và đã trực tiếp chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan phải hết sức giúp đỡ, hỗ trợ một cách khẩn trương, tích cực. Đồng chí Lê Đức Thọ, người đại diện Bộ Chính trị vào phía Nam trực tiếp chỉ đạo nhiệm vụ quốc tế giúp bạn đã nhiều lần gặp tôi trực tiếp động viên, giải thích, có lần ông ngồi nói hàng giờ liền.

Chúng tôi đã tổ chức sáu đội trinh sát đặc nhiệm hỗn hợp hoạt động trên năm hướng suốt từ cuối tháng 4 đến cuối tháng 8-1978 mới hoàn thành nhiệm vụ được giao: bắt liên lạc thành công với lực lượng ly khai vùng 21 - Quân khu Đông, tiếp theo các vùng 22, 23 và đã đưa được hơn 2.000 dân Campuchia vượt biên giới lánh nạn sang Việt Nam an toàn. Với thành công này, lực lượng trinh sát Phòng 2 của Quân khu 7 đã góp phần tích cực giúp bạn xây dựng lực lượng cách mạng của nhân dân Campuchia đấu tranh làm tan rã chế độ diệt chủng Pôn Pốt - Iêng Xary ...

Trong cuộc họp tổng kết công tác cuối năm 1978, thủ trưởng Sáu Nam nhiều lần nhận xét Phòng Quân báo Bộ Tham mưu Quân khu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đồng chí Lê Đức Thọ nói với tôi: "Các đồng chí là bộ đội trinh sát nhưng đã phục vụ cho Trung ương Đảng một nhiệm vụ chính trị quan trọng"...

Về nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Campuchia, tôi muốn phát biểu thêm một số ý kiến về sự lãnh đạo của Trung ương, trong đó có vai trò rất quyết định của hai đồng chí Sáu Thọ và Sáu Nam.

Rõ ràng Đảng, Quân đội và nhân dân ta đã có công lớn đối với cách mạng và nhân dân Campuchia. Về mặt quân sự, thủ trưởng Sáu Nam và các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân tình nguyện có công lao rất lớn, nhất là đối với hai hướng Mặt trận 479

và 779 do Quân khu 7 đảm nhiệm. Thủ trưởng Sáu Nam luôn là người Tư lệnh chiến trường sắc sảo, nhạy bén, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn và rất quyết đoán trong chỉ đạo chống lại kiểu chiến tranh du kích rất nham hiểm và khó chịu của tập đoàn Pôn Pốt...

NGÀY ĐẦU ĐÁNH PHÁP Ở CAO SU MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

Đại tá THÁI QUANG SA27

Ngày 9-3-1945 Nhật đảo chính Pháp. Nó lùng bắt Tây, công nhân nghe nói đi bắt Tây là thích lắm nên tìm bắt Tây về nộp cho Nhật. Nhưng công nhân cao su chúng tôi không có ai trả lương nên đói quá. Nhật cũng không phát lương. Công nhân tự quản nên tự phá kho chia cho nhau.

Ngày 23 tháng 5, anh Lê Đức Anh xuống gặp anh Khương ở Quán Lợi. Còn bên này Xa Cam, Xa Cát, Xa Trạnh (Quận lỵ là Hớn Quản) có anh Trung lên. Tập hợp lại đi biểu tình, kéo nhau rầm rộ đi bắt, nhốt Tây. Lúc đó tôi còn nhỏ thì chỉ chạy theo.

Cũng trong ngày, anh Trung đến tuyên bố cách mạng và thành lập Giải phóng quân. Anh Trung chia hai lực lượng: Cầm tử quân thì đi đánh giặc, số còn lại giữ địa phương. Dân cũng hăng hái tham gia gọi là *Việt Nam mới*.

Ba giờ chiều nay (25-3-2003) tôi xin đến thăm anh Lê Đức Anh. Tôi báo tin: tôi đã tìm được cháu anh Nhuận và làm việc với Tỉnh uỷ Bình Phước để làm thủ tục truy tặng liệt sĩ cho anh Nhuận. Tôi là người được anh Anh giác ngộ và dìu dắt. Sau khi tôi được kết nạp Đảng, anh Anh chỉ đạo tôi hoạt động trong phong trào công nhân cao su; anh Nhuận là người mà tôi vận động, giới thiệu với tổ chức, anh chiến đấu dũng cảm, hy sinh đã lâu nhưng bây giờ mới làm xong các giấy tờ xác minh cần

thiết để đề nghị truy tặng liệt sĩ. Vừa rồi tôi lên tỉnh Bình Phước làm việc này. Lên đó tôi dự đám giỗ anh Ty hy sinh ở trận đánh cầu Béc Súc.

Cũng tại Bình Phước, tôi đã tìm được bốn, năm anh em người dân tộc Stiêng hồi đó xung vào đơn vị *Việt Nam mới* do anh Lê Đức Anh tổ chức và chỉ huy. Gặp được anh Khang, phân đội phó, anh Tư Nhíp (hồi kháng chiến chống Pháp anh Nhíp ở ga Xa Cát lo gạo, kho tàng về cho mình), gặp chị Út Đỏ từng vào Xa Cát vận động bà con thu gom; anh Mỹ và anh Ngân (công an). Hồi đó phải ăn cơm khô vì nó không cho nấu cơm, mà lấy cơm về hấp lại. Đồng đội chiến đấu cũ gặp nhau, ngồi bồi hồi nhớ lại chị Nhi vợ anh Nhu (cả hai người đã hy sinh, chị hy sinh ở chiến khu Đ). Trên Bình Phước hiện còn Sáu Sang, Ba Phước; còn Lê Văn Bốn em ruột của anh Ty thì hiện ở Lộc Ninh.

Chúng tôi nhớ rằng đánh Hớn Quản, Xa Cam, Xa Cát, xong về mới thành lập chi đội. Buổi làm mít tinh anh em đắp một mộ đất tại Tân Khai. Hôm làm lễ thành lập, anh Lê Đức Anh mặc bà ba, có quạt giấy tròn ở túi quần, anh cứ đi tới lui suy nghĩ để lên phát biểu.

Sau khi bị ta đánh Xa Cát, quân Pháp mới quay lại đánh và đốt Tân Khai. Chúng bắt được và chặt đầu anh Chín Thu. Gạo nó đổ xuống giếng, mấy hôm sau ta quay về vớt lên đã thối nhưng phải phơi để nấu ăn, không ăn thì chết đói. Lúc đó tôi và anh Sáu nằm ở ngoài chòi.

Còn chuyện ta cử người đi đón số anh em ở Thái Lan về. Một bộ phận đi lạc đường nên chỉ đón được ít người, do anh Duyệt phụ trách (anh Duyệt là đảng viên hoạt động ở Thái Lan), anh có mang theo hai, ba khẩu súng cacbin về.

Giai đoạn anh Sáu Nam ở Lộc Ninh, anh kết nạp Đảng ông Cứng (lái xe), ông già Ty, ông Ba Đền, ông Phước, ông Lộc (người làm thợ nguội, người bưu điện).

Trong Chi bộ Đảng cao su đã nói truyền miệng: nước Nam ta có một người rất giỏi, không phải là Bảo Đại mà người đó đang đi khắp thế giới để vận động các nước giúp chúng ta. Đó là ông Nguyễn Ái Quốc.

Tôi không thể quên hồi đó, đôi giày bát kết của anh Anh đi mãi rách ra rồi. Đi trong rừng vấp vào cây chảy máu, băng lại, đi lại vấp vào đá lại chảy máu. Anh bảo - Thôi cứ đi kéo không kịp hợp. Có lần đói quá, mua được quả trứng và một cái bánh trắng. Về đến suối lược trứng cắt đôi, hai người cuốn nửa quả trứng vào bánh trắng, ăn xong ngủ lấy sức mai đi. Có những anh em hy sinh vì bom đạn địch, có những anh em chết vì sốt rét; chôn ở rừng cao su, về sau cũng không tìm được. Nhiều anh em hy sinh về sau không tìm được thân nhân vì hồi đó anh em từ các miền quê đến, thấy quân Pháp xâm lược, bắn giết thì cứ tình nguyện sung vào đơn vị võ trang gần nhất, rồi cùng nhau xông ra đánh giặc. Có chị tên Liên chết, vì giặc cần tới, anh em chưa kịp chôn, tạm để chị bên bờ suối nơi bãi trồng rau rồi lao ra đánh giặc đã, khi trở về thì hỏ tha mất xác. Trung đội của Bảy Quỳ có mấy người Nhật tự nguyện đầu quân, về sau cũng hy sinh hết. Trong đó có anh Xa Cai lấy được chị Quỳ có con, giờ chị Quỳ còn sống, anh ấy sau cũng hy sinh.

Tổ liên lạc của chi đội có bốn người tên là Bê, Quê, Hơ, Ron, có thư từ gì thì tổ này chuyển giữa anh Anh và anh Năm Thi. Về sau bốn anh này cũng hy sinh, những năm vừa qua anh em đi tìm hoài nhưng không thấy hài cốt.

Hôm rồi tôi còn gặp được anh Nguyễn Đình Kính, anh Kính của Bến Cát, chứ không phải Kính bị ông Nguyễn Bình "xử" đâu. Rồi gặp được cả các anh: Khiêm, Chủ, Nại đều là các thành viên của Chi đội 1 năm xưa. Tôi còn sưu tầm được tấm ảnh anh Lê Danh Cát đánh đoàn xe lửa được thưởng Huy chương do anh Bảy Cọp trao...

ANH LÀ VỊ TƯỚNG Ở TẦM CHIẾN LƯỢC

Đại tá VŨ BA (TRẦN ĐÔNG HƯNG)²⁸

Đợt 2 Mậu Thân: Anh Sáu Nam phụ trách hướng Tây Nam. Tôi và anh Lê Trọng Tấn phụ trách hướng Bắc đánh vào Sài Gòn. Anh Sáu không phát biểu ý kiến, nhưng anh thấy tôi ngại không báo cáo nên anh bảo: - Chúng ta là người được Đảng giao cho một khu vực chiến trường. Tình hình ta phải nắm cho được và báo cáo thật đúng. Bám chiến trường thì chết cũng phải bám.

Tôi học anh ở điểm tôn trọng sự thật; một con người có suy nghĩ độc lập, dám chịu trách nhiệm, và có tính sáng tạo. Hồi ở Miền, anh Nguyễn Chí Thanh nói: "Ở đây có hai ông tướng chiến lược là Hoàng Văn Thái và Lê Đức Anh, còn tướng giỏi đánh chiến dịch là Trần Văn Trà, Hoàng Cầm".

Tháng 3-1964, khi vào chiến trường Nam Bộ, anh bảo tôi: "Cậu làm sao tập hợp tình hình Sài Gòn - Chợ Lớn báo cáo mình nghe". Như vậy, ngay từ những ngày đầu đặt chân, anh đã nghĩ tới chiến trường trọng điểm. Từ Bình Giã chiến thắng trở về, anh đã chỉ đạo công tác chuẩn bị đánh Sài Gòn - Chợ Lớn. Lúc đó ta và địch đang trong Chiến tranh đặc biệt.

Gianxơn Xity: Anh chỉ huy đánh tiêu hao lực lượng Mỹ bằng lực lượng phân tán chứ không phải tập trung; bằng chiến thuật du kích, nhưng có sử dụng một lực lượng chủ lực cơ động để đánh tiêu diệt khi quân địch tạm dừng trong hành quân dã ngoại.

Đợt 1 Mậu Thân, anh phụ trách cánh quân từ hướng Tây Nam đánh vào Bình Chánh tới ngã tư Bảy Hiền trong nội đô Sài Gòn. Tới Chiến dịch Hồ Chí Minh anh lại được giao phụ trách hướng Tây Nam, cắt đứt quân địch ở lộ 4 rồi từ vùng đồng nước Long An đánh vào nội đô. Rõ ràng ở chiến trường gian khổ, đến thời điểm

quyết định, thấy cần hy sinh thì anh và đồng đội sẵn sàng hy sinh tính mạng cho sự nghiệp.

Đó là khi tôi ở gần anh. Còn khi ở xa là giai đoạn anh xuống Khu 9. Khi ký kết Hiệp định Paris, Trung ương có cử cán bộ vào nói có Hiệp định là ta có cơ sở pháp lý, nay đấu tranh chính trị để thi hành... Còn ở Khu 9 anh đã cùng anh Võ Văn Kiệt và Đảng uỷ Quân khu kiên quyết tổ chức đánh trả hơn 75 tiểu đoàn cùng kế hoạch "Tràn ngập lãnh thổ" của địch, giữ và giải phóng cả một vùng rộng lớn Chương Thiện - Cần Thơ. Điều đó thể hiện anh Sáu luôn xuất phát từ thực tế chiến trường.

Tôi thấy ở anh Sáu có những ưu điểm rất cơ bản của người lãnh đạo cách mạng. Còn đôi chuyện người ta đồn thổi là những chuyện nhỏ nhặt, râu ria không đáng kể. Những phẩm chất cần thiết của một cán bộ lãnh đạo cách mạng thì ở anh có đủ.

Giải phóng Phước Long, công là công chung nhưng người trực tiếp chỉ huy chiến dịch là anh Lê Đức Anh, vì thời điểm đó hai đồng chí Phạm Hùng và Trần Văn Trà đang ra họp Trung ương. Còn ở chiến dịch Bình Giã, anh vào đến Bộ chỉ huy Miền là tháng 4, đến tháng 11-1964 nổ ra trận Bình Giã. Lúc đó anh có ý kiến thế nào thì tôi không nắm được. Lúc tôi đi chuẩn bị Bình Giã, ở nhà đã hình thành các tiểu đoàn mũi nhọn và kế hoạch huấn luyện các tiểu đoàn mũi nhọn. Phương châm là "Mũi thật nhọn, đuôi thật dài". Trước đó đã tổ chức lại chiến trường thành năm phân khu; bố trí lại lực lượng; huấn luyện bộ đội theo tình hình mới. Trong đó anh Sáu có vai trò lớn - vì từ hồi chống Pháp anh Trà làm Tư lệnh, anh Sáu làm Tham mưu trưởng. Hai anh thuộc địa hình Nam Bộ như thuộc lòng bàn tay mình.

Mậu Thân 1968 ta hy sinh nhiều. Có những nơi ém quân bị lộ, trực thăng nó quàn và thả lựu đạn, bộ đội hy sinh rất nhiều. Năm tiểu đoàn mũi nhọn huấn luyện xong đưa vào phân tán nằm sát vùng ven. Riêng Trung đoàn 16 ém sát sân bay Biên Hoà (đồng chí Lực, Trung đoàn trưởng được phong Anh hùng) đã bị lộ nên hy sinh

nhiều lắm. Vũ khí đưa dần vào bằng ghe thuyền, xe đò (chuyện này hỏi đồng chí Tư Chu rất rành) và lợi dụng đám người Hoa buôn bán.

Năm 1967, tôi bị bệnh nặng. Các anh định chở máy bay ra Hà Nội. Anh Sáu bảo: "Cậu ra Hà Nội gặp anh Song Hào nói kỹ chuyện của mình (chuyện vợ con) cho anh Song Hào nghe". Phải tin lắm anh mới nói vậy.

Một lần, 5 giờ sáng hôm đó, tôi lên giao ban, anh đang tập thể dục, hỏi tôi tình hình có gì đặc biệt? Tôi bảo có cái báo cáo của Lê Xuân Lộc đề nghị kỷ luật Trần Minh Tâm vì quan hệ bất chính. Anh hỏi - Ý kiến của Tác chiến? Tôi lự xự. Anh hỏi thằng này đánh giặc được không? Tôi bảo - Được! Anh liền nói - Thế thì ta cần người đánh giặc chứ không cần thầy chùa. Cậu điện xuống là lần này tha, lần sau còn vi phạm thì kỷ luật nặng.

Năm 1975: Hướng Tây Nam là Đoàn 232. Đầu tiên Tư lệnh là Năm Ngà, Chính uỷ là Trần Văn Phác, tôi làm Tham mưu trưởng. Khi hình thành Chiến dịch Hồ Chí Minh thì cấp trên rút anh Năm Ngà và anh Trần Văn Phác về Miền, anh Sáu Nam được giao chỉ huy hướng này. Lúc này lực lượng tương đương quân đoàn tăng cường. Nếu không phải là thế đánh của Tổng tiến công thì ta bị tiêu diệt vì đội hình phơi hết trên địa hình trống trải. Máy bay địch lúc đó chỉ còn lo chạy, nếu không thì ta khó khăn lắm. Xong chiến dịch, lên tập trung tổng kết ở Đà Lạt do ông Lê Đức Thọ và anh Văn Tiến Dũng chủ trì. Tôi bảo, lần đầu tiên chúng tôi có pháo, tăng và cao xạ triển khai ở đồng bằng. Nếu không phải là thời cơ này thì không thể thực hiện và tồn tại được. Bỗng nhiên tôi thấy mình dốt quá vì chưa hề nghiên cứu cách triển khai lực lượng chiến đấu ở vùng đồng bằng sông rạch...

ANH LÀ NGƯỜI SỐNG CÓ TRƯỚC CÓ SAU

NGUYỄN VĂN HỘI²⁹

Tôi đã viết khoảng vài trăm trang xung quanh anh Lê Đức Anh. Đây là chưa kể những chuyện liên quan tới đại đội của chúng tôi được thành lập từ hôm đầu, rồi đến Chi đội 1, đến Trung đoàn 303 và 301. Cái khúc đó là năm 1945. Tôi ở ba năm với anh ấy! Nhưng đến giải phóng 1975 hai anh em gặp nhau luôn. Chúng tôi cũng thường xuyên trao đổi thư từ rất thân thiết.

Anh Lê Đức Anh là người sống có trước có sau, trên tình cảm bạn chiến đấu. Nói tóm lại là anh rất chịu khó nghe, và khi thấy đúng thì anh biến thành nhận thức của mình.

Lúc đó, giữa năm 1947, anh làm Chính trị viên chi đội. Trước khi về đại đội, chúng tôi là bộ đội khung của Khu 7 mà anh Lê Đức Anh là người có công trong việc xây dựng thành lập, đại đội mà nòng cốt là công nhân cao su, vào khoảng 1942-1943 kết hợp với bên Thuận Lợi, Phú Riềng. Tôi lúc đó chỉ là chỉ huy trung đội, sau nhập vào đơn vị của Thuận Lợi rồi Hớn Quản, Xa Cam, Xa Cát của anh Lê Đức Anh.

Đến ít ngày sau, vào khoảng 20-12-1945, địch đánh vào chiến khu Thuận Lợi, mà sau này là chiến khu Đ. Có thể nói tiền thân của chiến khu Đ là chiến khu Thuận Lợi của ông Vũ Đức, ông có rất nhiều công xây dựng chiến khu này.

Địch tấn công từ nhiều phía - từ Bà Rá tấn sang, từ Khổng Lợi vượt sông Bé đánh tới. Rồi, đặc biệt có một cánh quân từ Buôn Ma Thuột xuống. Bọn tôi lúc đó được lệnh của ông Bình là rút từ Thuận Lợi về giữ chiến khu Tân Uyên, tức là Khu 7 Tân Uyên, chiến khu của ông Nguyễn Bình. Chúng tôi mới họp nhau lại, trong đó có tăng cường một số bộ đội của Chi đội 1, lúc bấy giờ của Huỳnh Kim Trương có khoảng một trung đội, có một trung đội của Chi đội 10 của Huỳnh Văn Nghệ tập hợp lại, và chúng tôi có một đại đội khoảng 500 người, trong đó lực lượng của anh

Lê Đức Anh có 3 cây súng lớn, 1 khẩu 13,2 ly, 1 khẩu 12,7 ly và 7 - 8 khẩu trung liên Bren hay Fm gì đó... Phải nói rằng với những cán bộ cũ anh Lê Đức Anh nhớ lâu lắm, anh ra ngoài Hà Nội xin cho anh Nghiệp tiếp tục được công tác không nghỉ hưu, anh Anh là người rất tình nghĩa. Chẳng hạn chuyện tìm mộ anh Lê Danh Các, Đại đội trưởng đầu tiên của Chi đội 1 cũng vậy; anh nhắc tôi bao lần đi tìm, cuối cùng cũng tìm được.

Đầu tháng 12-1945, đánh trận phục kích quân địch cơ động từ Buôn Ma Thuột đến chiến khu Thuận Lợi. Chúng tôi tập hợp tất cả khoảng 800 người. Đây là trận đánh phục kích quân Pháp đầu tiên của Nam Bộ. Khi đó địch đổ bộ vào Nha Trang rồi chiếm Buôn Ma Thuột, cả binh đoàn Lơcléc xuống đánh chiến khu Thuận Lợi, cho nên có thể nói đây là một trận đánh rất thành công. Cho nên người ta cứ đồn thổi là ông Nguyễn Bình định bắt ông Lê Đức Anh vì bỏ Thuận Lợi, nhưng thực chất là không phải, mà tôi biết chắc chắn rằng trận Thuận Lợi địch thiệt hại rất lớn. Chúng tôi đánh từ sáng đến chiều. Anh em dũng cảm lắm, có những anh trèo lên cây ném lựu đạn xuống; cuối cùng địch hùng hổ như vậy phải rút chạy về phía sau, ba ngày sau mới dám tiến công trở lại, còn ta ba ngày có điều kiện cơ động lực lượng: cánh quân Nam Tiến của ông Minh thì hành quân ra hướng Nha Trang; cánh ông Vũ Đức thì rút về Khu 8, còn đơn vị chúng tôi thì kéo quân về để bảo vệ tổng hành dinh của ông Nguyễn Bình.

Chúng tôi về Tân Uyên tức Bình Mỹ, có nhiều lực lượng lắm, chúng tôi chỉ là một lực lượng bảo vệ khung gọi là Bình Mỹ phía Suối Cầu, chặn địch từ đường 13 vào, đi Bến Cát rẽ bên phải rồi đi chỗ Phú Hoà vào. Chúng tôi chỉ bảo vệ một mặt phía bắc. Còn phía Tân Uyên từ Đồng Nai, rồi Thủ Dầu Một vào, hai ba phía kia mà. Lúc đó là sau Tết, vào tháng 1-1946.

Rồi sau đó, địch dùng cả hải, lục, không quân để đánh Tân Uyên. Mình chưa kịp xây dựng thành trận địa, mà địch đánh từ sáng đến chiều, một cánh quân địch từ

Thủ Dầu Một đánh quặp từ phía sau lưng chúng tôi. Khi chúng tôi về Làng An thì quân địch biết được lực lượng này là Quân khu bộ nên binh đoàn Mũ đỏ cứ bám theo đánh suốt. Đánh xong Tân Uyên, một tháng sau nó đánh Làng An, cách Tân Uyên dọc theo sông Đồng Nai khoảng 10 km. Khi địch đánh Làng An, chúng tôi lại rút lên 10 km nữa, đến Thường Lang địch lại đánh. Hành quân cả đêm tới sáng sớm hôm đó, đói quá, tôi và anh Anh mua được hai bát phở, chưa kịp ăn thì quân chúng đã tới, tiếng súng nổ rất rất. Hai chúng tôi chạy ra tổ chức đánh chặn chỗ cầu ông Cộ để Quân khu bộ của ông Bình rút về An Thành, bên kia sông Sài Gòn được an toàn. Sau trận đó ông Nguyễn Bình thưởng cho anh Lê Đức Anh năm trăm đồng tiền Đông Dương.

Lúc đó chuyện này xảy ra: Ông Bình chủ trương thương lượng với Pháp trên một chiều tàu của Pháp trên sông Đồng Nai. Ông Bình cũng không trực tiếp đi thương lượng mà giao cho ông Phạm Thiều (người Diễn Châu, lúc đó là Chủ nhiệm Chính trị, sau này là Giáo sư, Chủ tịch Chợ Lớn) làm Trưởng đoàn, Huỳnh Văn Nghệ làm Phó đoàn. Có hai người là anh Anh và Trần Xuân Độ (là Chính uỷ Khu 7) không đồng ý với ông Bình: mình là địa phương không được tự ý thương lượng với Pháp, cấp chính phủ mới có quyền thương lượng. Nay mình tự ý, bọn xấu nó sẽ loan tin Việt Minh có hai chính phủ.

Ông Bình lại dùng Võ Bá Nhạ, nguyên chủ cao su làm Chánh Văn phòng. Vì anh Lê Đức Anh biết rõ người này ở Thủ Dầu Một là tư sản, cơ hội lắm. Nó cũng rất biết là có anh Anh ở đây thì nó không làm ăn gì được. Nó mới xúi ông Bình trị anh Anh. Nhưng Lâm Thái Hoà làm Tham mưu trưởng cho ông Bình thì thân tôi, phi ngựa ra nói: - Tao thấy ông Bình ký giấy bắt Lê Đức Anh rồi đấy. Tôi hỏi "Vậy à, lý do gì?". " Tao không biết - nhưng mà ký rồi". Lập tức tôi tới gặp Lê Đức Anh, lúc đó đã 6 giờ chiều rồi, mới bảo: - Nay ông, chuyện gì để ông Bình bắt. Ký lệnh rồi đấy, tay Hoà nói với tôi là ông Bình ký rồi đấy. Anh Anh đứng suy nghĩ, cuối

cùng anh mới mượn được cái xe bò của một ông già có hai con bò, từ chỗ chúng tôi đến khu bộ chỗ ông Bình chừng hơn 5 cây số đường rừng. Anh đi từ 7 giờ đến 9 giờ thì về, và anh nói với tôi: - Ông Bình bảo là: "Đúng! Tôi có lệnh bắt anh thật, nhưng bây giờ đã lên đây thì về làm việc, tôi không bắt nữa". Thế mới thấy là lúc bấy giờ anh Anh chỉ hơn tôi 5 tuổi, anh 25 còn tôi 20; vậy mà anh nắm được đặc tính của Nguyễn Bình là "Giang hồ lãng tử, anh hùng cá nhân". Nhưng anh Anh có một cái tốt là anh im lặng, coi như chuyện đã qua.

Tôi thấy anh Anh hơn người ở chỗ hai lần tôi nói như thế, mà anh lại nói: "Ừ ! Hai lần anh ấy định bắt tôi như thế, nhưng tôi chẳng thù hận gì anh ấy cả, mà tôi cứu anh ấy ba lần". Trường hợp nào nữa thì các anh tìm hiểu thêm, nhưng tôi kể ở trên cũng đủ ba lần anh ấy đánh giải vây cho ông Bình rồi.

Thời đó ăn ở cực khổ, lúc rảnh chúng tôi vẫn ngồi bắt con ghê cho nhau, ghê kèn ghê càn. Lúc ngồi bắt cái ghê, anh nói với tôi: "Tôi đang học năm thứ tư ở Huế thì được kết nạp Đảng, tôi là học trò". Tức là năm 1937 anh ấy được giác ngộ, năm 1938 kết nạp Đảng. Lúc ngồi bắt ghê cho nhau, anh ấy nói chuyện chơi thế thôi, chứ có phải nói để làm Chủ tịch nước như bây giờ đâu. Nên giờ tôi nhớ thì nói lại để bảo vệ cái đúng cho anh ấy.

Tôi biết anh từ tháng 12-1945, cho tới tháng 6-1946, lúc đó đã có chỉ thị giải tán Đảng rút vào hoạt động bí mật. Ở trong Nam từ tháng 12-1945 đến tháng 6-1946, phải đến nửa năm không hoạt động gì. Tôi lúc đó cũng chưa là đảng viên, nhưng tôi được biết anh Lê Đức Anh là Tỉnh uỷ viên của Thủ Dầu Một. Còn tôi mãi sau này mới được anh Lê Đức Anh chuẩn y kết nạp vào Đảng, rồi rèn luyện phân đấu là Huyện uỷ viên của hai huyện Hớn Quản và Lộc Ninh, tức là Bình Long và Long Định. Giờ Bình Long thuộc Thủ Dầu Một, còn Long Định lại thuộc Bình Phước...

Tôi nghĩ, Đảng ta đào tạo được một người mà từ cán bộ đại đội, không vượt qua cấp nào, cứ tuần tự từng bậc mà lên, lăn lộn suốt cả ba cuộc trường chinh: đánh

Pháp, đánh Mỹ, đánh Pôn Pốt, rồi được tín nhiệm bầu lên cương vị cao nhất như anh Lê Đức Anh là hiếm.

NHỮNG Ý KIẾN ĐÓNG GÓP QUÝ BÁU CỦA ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC ANH TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Thiếu tướng TRẦN ĐỨC VIỆT³⁰

Trong quá trình đổi mới của đất nước và quân đội, ngành Công nghiệp quốc phòng đã nhận được nhiều ý kiến chỉ đạo quý báu của đồng chí Lê Đức Anh.

Giai đoạn đầu công cuộc đổi mới, quân đội nói chung và công nghiệp quốc phòng nói riêng phải giảm biên chế nhiều. Ngân sách cho sản xuất quốc phòng cắt giảm lớn, chỉ đủ mua khoảng 1/10 sản lượng trung bình của các nhà máy quốc phòng. Các nguồn vật tư cho sản xuất quốc phòng ngày càng hạn hẹp, nguồn cung cấp trước đây từ các nước xã hội chủ nghĩa bị cắt giảm, không bảo đảm cho nhu cầu sản xuất.

Nền kinh tế thị trường cạnh tranh quyết liệt, trong khi đó các nhà máy quốc phòng thường ở vùng đồi núi, không thuận lợi về giao thông; việc tận dụng năng lực dư thừa của các nhà máy quốc phòng để sản xuất hàng hoá dân sinh gặp nhiều khó khăn vì hiệu quả không cao. Các nhà máy quốc phòng của ta phần lớn đều xây dựng từ những năm 1960, 1970 rất lạc hậu về công nghệ, thiết bị, trong khi nhu cầu về sản phẩm quốc phòng tuy không cao nhưng đa dạng và thay đổi liên tục.

Từ thực tế trên, đồng chí Lê Đức Anh đã có rất nhiều ý kiến chỉ đạo để tháo gỡ khó khăn:

- Phải gắn sản xuất quốc phòng với sản xuất kinh tế dân sinh, gắn công nghiệp quốc phòng với nền công nghiệp của Nhà nước

Từ chỗ sản xuất quốc phòng hàng năm chỉ được đặt hàng bằng 1/10 doanh thu, các nhà máy đã tìm kiếm, tận dụng năng lực dư thừa để làm mặt hàng kinh tế chiếm 9/10 kế hoạch; doanh thu hàng năm tạm nuôi sống đội ngũ công nhân để sản xuất hàng quốc phòng.

- Với tư tưởng chỉ đạo phải nuôi sống các nhà máy quốc phòng, Bộ Quốc phòng được các bộ, trước hết là Bộ Kế hoạch - Đầu tư, ủng hộ các dự án đầu tư chiều sâu để thay đổi về cơ bản các thiết bị chủ yếu, đã cũ hoặc quá lạc hậu bằng các thiết bị mới để duy trì tiềm năng của các nhà máy quốc phòng nhằm tăng năng suất, giảm giá thành, tăng chất lượng các mặt hàng quốc phòng, tăng thêm khả năng sản xuất, kể cả hàng kinh tế dân sinh. Tổng số có 14 nhà máy đã được đầu tư chiều sâu. Việc này đã đem lại một tiềm năng mới, một sức mạnh mới cho các nhà máy quốc phòng và các doanh nghiệp trong toàn quân.

- Song song với việc đẩy mạnh sản xuất hàng kinh tế của ngành công nghiệp quốc phòng, đồng chí Lê Đức Anh luôn luôn nhắc nhở chúng tôi phải duy trì đội ngũ cán bộ, công nhân quốc phòng gắn bó với nhà máy quân đội. Thực hiện điều này, nhiều tổng cục đã đề nghị và Bộ đã duyệt các kế hoạch đào tạo ngành nghề nòng cốt, bảo đảm có đủ trình độ chuyên môn chỉ huy các ngành đặc trưng như thuốc nổ, thuốc phóng, sản xuất vũ khí... và Bộ cũng trực tiếp giúp chúng tôi giải quyết khó khăn về đời sống của công nhân.

- Trong điều kiện phe xã hội chủ nghĩa không còn nữa, việc đầu tư xây dựng mới các nhà máy quốc phòng gặp rất nhiều khó khăn. Nước ta nằm trong số các quốc

gia bị hạn chế nhập thiết bị quân sự, vì thời điểm đó ta còn bị Mỹ bao vây cấm vận - Đồng chí Lê Đức Anh chỉ đạo việc xoá bỏ cơ chế bao cấp cứng nhắc đã lỗi thời, cho phép xúc tiến hợp tác đa phương hoá, đa dạng hoá trong đầu tư quốc phòng; do đó đã tạo điều kiện cho công nghiệp quốc phòng xây dựng được những nhà máy với công nghệ tiên tiến.

- Đồng chí đã quan tâm ưu tiên cho các dự án đầu tư sớm có thể khai thác được. Thí dụ: cho đầu tư vào một khâu cuối cùng của dây chuyền sản xuất để khai thác ngay, còn các khâu khác (ban đầu và trung gian) thì sẽ đầu tư sau để hoàn tất, nếu cứ đi từng bước một, từ A đến Z thì một dây chuyền hoàn chỉnh phải mất hàng chục năm. Như vậy ta sớm khai thác hiệu quả đầu tư và đỡ tốn kém vì phải trả vốn.

Ngày nay, sau khi thực hiện cơ bản Nghị quyết 05 của Bộ Chính trị, điểm lại tình hình, chúng tôi nhận thấy những ý kiến quý báu của đồng chí Lê Đức Anh như đã nêu trên cần tiếp tục được vận dụng trong thời gian tới để các dự án đầu tư cho công nghiệp quốc phòng có hiệu quả to lớn hơn, góp phần vào sự nghiệp hiện đại hoá và công nghiệp hoá đất nước.

LÊ ĐỨC ANH - NGƯỜI ANH, NGƯỜI LÃNH ĐẠO GẦN GŨI VÀ SÂU SÁT

PHẠM VĂN HY³¹

Hồi kháng chiến chống đế quốc Mỹ, có những lần về dự hội nghị, đồng chí Lê Đức Anh thay mặt Bộ Chỉ huy Miền chỉ đạo, qua đó tôi biết đồng chí rất quan tâm và am hiểu chiến trường Bà Rịa - Vũng Tàu.

Cuối năm 1967, chuẩn bị bước vào chiến dịch tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, tại căn cứ U1 - Tỉnh uỷ Biên Hoà, đồng chí Lê Đức Anh đã nhấn mạnh

vị trí chiến lược của chiến trường Bà Rịa - Vũng Tàu, là địa bàn quan trọng, vùng cửa ngõ đông bắc áp sát Sài Gòn. Mỹ - nguy đã tập trung ở đây một số lượng lớn quân viễn chinh Mỹ, quân chư hầu (quân đội Hoàng gia Ôxtrâylia, Thái Lan, pháo binh Niu Dilân) và quân chủ lực nguy để bình định địa bàn này. Đối với ta, đây cũng là địa bàn để xây dựng căn cứ, bàn đạp áp sát Sài Gòn đánh vào nội đô, hậu cứ, thủ phủ của địch. Chiến trường Bà Rịa - Vũng Tàu còn là cửa ngõ đường biển tiếp nhận vũ khí chi viện từ miền Bắc vào miền Đông Nam Bộ. Vì vậy, cùng với việc xây dựng phương án đánh vào nội đô, hậu cứ của địch, cần hết sức chú ý xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân, kết hợp ba mũi giáp công đánh địch, chống lấn chiếm, bảo vệ vùng căn cứ, tạo địa bàn đứng chân cho bộ đội chủ lực, tạo thế và lực để tiến công vào sào huyệt cuối cùng của địch.

Mùa khô năm 1972, tại hội nghị triển khai nghị quyết của Trung ương Cục và chủ trương của Bộ Tư lệnh Miền "Chôm lên - chiếm lĩnh, tạo thế lực trước khi ta ký kết Hiệp định Paris", đồng chí Lê Đức Anh một lần nữa khẳng định lại tầm quan trọng của chiến trường Bà Rịa - Vũng Tàu, là “chân thang” của cuộc chiến tranh xâm lược. Đây là nơi để quốc Mỹ đổ quân leo thang chiến tranh, đồng thời cũng là hành lang quan trọng, là “chân thang” để chúng rút quân. Vì thế, vừa phải chú trọng đánh sâu vào trung tâm đầu não của địch, vừa phải chú trọng chống phá bình định, tích cực đánh địch không cho chúng mở rộng thế làm chủ ở vùng nông thôn; ta phải mở rộng vùng giải phóng và đánh địch khi Hiệp định Paris được ký kết.

Những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Lê Đức Anh đã giúp Tỉnh uỷ Bà Rịa - Long Khánh nhận thức rõ hơn về vị trí chiến lược và nhiệm vụ của quân và dân toàn tỉnh trong kháng chiến chống Mỹ. Có thể nói, đồng chí Lê Đức Anh là vị tướng sâu sát thực tế chiến trường.

Sau ngày giải phóng, tôi làm Bí thư kiêm Chủ tịch Uỷ ban quân quản thành phố Vũng Tàu. Những ngày sau chiến thắng 30-4-1975, đồng chí Lê Đức Anh về làm

việc với Thành uỷ - Uỷ ban quân quản thành phố Vũng Tàu. Khi đó, mọi việc còn ngổn ngang, bẽ bộn. Đồng chí Lê Đức Anh đã kiểm tra tình hình quân quản các mặt của thành phố và có nhiều ý kiến chỉ đạo. Đồng chí quán triệt nhiệm vụ quan trọng, trước mắt là truy quét tàn quân địch, bảo vệ chính quyền cách mạng, đồng thời phải ổn định đời sống cho đồng bào, tổ chức sản xuất và cứu đói cho nhân dân, tạo niềm tin cho nhân dân vào chế độ mới.

Đồng chí đặc biệt quan tâm chỉ đạo việc củng cố bộ máy chính quyền và xây dựng đội ngũ cán bộ sau chiến tranh, chú trọng xây dựng nhận thức, quan điểm chính trị và tổ chức vững mạnh. Về công tác cán bộ, bên cạnh việc bố trí cho những cán bộ đã có nhiều cống hiến trong chiến tranh, cần phải chú ý sử dụng các cơ sở tại chỗ, phát huy tinh thần cách mạng và sự đóng góp của các cơ sở trong giai đoạn mới của cách mạng.

Được biết có sự chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Miền, tỉnh đã tổ chức đưa cán bộ và lực lượng ra giải phóng và tiếp quản Côn Đảo, đồng chí rất mừng và chỉ đạo phải phối hợp với bộ đội Hải quân tổ chức tốt việc đón tù chính trị Côn Đảo trở về. Đồng chí đề nghị thành phố Vũng Tàu phải thay mặt cho Đảng, Chính phủ và nhân dân cả nước đón tiếp và chăm sóc chu đáo anh chị em tù chính trị Côn Đảo, thông báo cho các tỉnh đến đón anh chị em về địa phương. Trong trường hợp các tỉnh chưa có điều kiện đưa đón thì Vũng Tàu cần chủ động tổ chức xe đưa anh chị em về bàn giao cho địa phương. Đây là những cán bộ cốt cán, gạo cội của Đảng đã được trui rèn, thử thách. Anh chị em đã bị địch tra tấn, tù đầy trong hoàn cảnh nghiệt ngã, cần phải được chăm sóc thật chu đáo để sớm phục hồi sức khoẻ, để trở về địa phương, gia đình, tiếp tục đóng góp cho Đảng trên những lĩnh vực công tác mới.

Chúng tôi rất tâm đắc những ý kiến chỉ đạo của đồng chí. Ngay từ những ngày đầu giải phóng, một vị tướng lĩnh đã có những ý kiến chỉ đạo rất toàn diện về khắc phục hậu quả chiến tranh, về những vấn đề kinh tế, xã hội bức xúc và công tác tổ

chức cán bộ sau chiến tranh. Thực hiện sự chỉ đạo của đồng chí, Thành uỷ và Uỷ ban quân quản thành phố Vũng Tàu đã tập trung chỉ đạo đón anh chị em tù chính trị Côn Đảo trở về. Từ ngày 5-5-1975 đến 18-5-1975, đã phối hợp với lực lượng Hải quân tổ chức hơn 4.000 đồng chí. Các đồng chí mang bệnh nan y đón về trong chuyến đầu tiên (ngày 5 tháng 5) được đưa ngay đến bệnh viện, được chăm sóc trong những điều kiện tốt nhất. Các đồng chí về trong những chuyến tiếp theo được đưa đến nhà nghỉ và chúng tôi đã tập trung mọi điều kiện vật chất để chăm lo phục hồi sức khỏe. Qua trao đổi với các tỉnh và sự chỉ đạo của trên, Uỷ ban quân quản thành phố Sài Gòn và các tỉnh đã lần lượt phối hợp với chúng tôi tổ chức đưa đón anh chị em về địa phương. Thành uỷ, Uỷ ban quân quản thành phố Vũng Tàu đã tổ chức xe đưa anh chị em về một số tỉnh miền Trung và miền Tây Nam Bộ mà địa phương chưa kịp đưa xe đến đón, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của anh chị em sớm được trở về quê hương và tham gia công tác. Trong những dịp tiếp xúc với anh chị em tù chính trị, chúng tôi đã truyền đạt lại sự quan tâm của Đảng, Chính phủ cùng những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Lê Đức Anh, động viên anh chị em yên tâm điều dưỡng và chờ sự phân công của Đảng. Trong những dịp trở lại thăm Vũng Tàu, Côn Đảo, anh chị em tù chính trị Côn Đảo còn bày tỏ niềm xúc động về sự quan tâm của Đảng, sự chăm lo tận tình của Đảng bộ và nhân dân thành phố Vũng Tàu trong những ngày đầu tiên đặt chân lên đất liền, giữa không khí hân hoan mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng, non sông thu về một mối.

Trong các kỳ ra họp Hội nghị Trung ương, Đại tướng Lê Đức Anh thường gặp gỡ chúng tôi, ân cần hỏi thăm tình hình Bà Rịa - Vũng Tàu; rất vui mừng về sự phát triển mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng. Đại tướng động viên và nhắc nhở không nên chủ quan, thoả mãn với thành tích, mà phải biết phát huy thế mạnh của tỉnh, xây dựng Đảng bộ vững mạnh, đoàn kết nội bộ là nhân tố quyết định thắng lợi.

Năm 1994, trên cương vị Chủ tịch nước, đồng chí về thăm tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vẫn gần gũi và thân thương như một người anh cả, vẫn trầm tĩnh và sâu sát với thực tiễn như vị tướng chiến trường xưa, Chủ tịch đã lắng nghe các đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh và các ban ngành báo cáo tình hình. Chủ tịch căn dặn phải rất chú ý đến vị trí quan trọng của tỉnh trong khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam: Thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bình Dương - Bà Rịa - Vũng Tàu, trong đó Bà Rịa - Vũng Tàu có ngành kinh tế mũi nhọn của cả nước là dịch vụ khai thác dầu khí, có thế mạnh về kinh tế biển. Để phát huy thế mạnh, Bà Rịa - Vũng Tàu cần phát triển mạnh các ngành dịch vụ, du lịch, đánh bắt và chế biến hải sản, xây dựng hệ thống cảng dịch vụ, du lịch, đóng - sửa tàu thuyền. Khi được biết các cơ sở sửa chữa tàu thuyền của tỉnh còn nhỏ yếu, mới phục vụ được một mức độ của ngành đánh bắt hải sản, còn toàn bộ các tàu dịch vụ dầu khí đều phải đi sửa chữa định kỳ tại Xingapo, Chủ tịch Lê Đức Anh đã chỉ đạo địa phương phải hết sức quan tâm, có kế hoạch cụ thể trình Chính phủ để phát triển ngành đóng sửa tàu, vừa phục vụ khai thác dầu khí, đáp ứng dịch vụ tu sửa tàu, không phải đưa đi Xingapo, tiết kiệm ngoại tệ và tiết kiệm thời gian hoạt động cho tàu dịch vụ.

Về phương diện này, đúng là trong nhiều năm, từ thời là Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo đã có một xí nghiệp sửa chữa tàu thuyền, nhưng do thiếu sự đầu tư và chỉ đạo nên hoạt động không hiệu quả. Ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Lê Đức Anh đã được Tỉnh uỷ nghiêm túc tiếp thu và sớm triển khai thực hiện. Với nhiều nguồn vốn huy động, một công ty đóng tàu và dịch vụ dầu khí (VUNGTAU SHIPYARD) đã ra đời và hoạt động có hiệu quả. Công ty đã xây dựng được ụ tàu 3.000 tấn, phục vụ tốt việc sửa chữa định kỳ cho số tàu dịch vụ dầu khí, tiết kiệm được nhiều thời gian và ngoại tệ cho ngành dầu khí so với trước đây phải đưa đi Xingapo sửa chữa.

Với tư duy của một vị tướng gần trọn đời gắn bó với chiến trường, Chủ tịch Lê Đức Anh đặc biệt quan tâm đến công tác phòng thủ, bảo vệ khu công nghiệp dầu khí và bảo vệ chủ quyền an ninh quốc gia trên biển. Trong lịch sử chiến tranh, Bà Rịa - Vũng Tàu là địa bàn mà thực dân Pháp, phát xít Nhật và đế quốc Mỹ sử dụng làm đầu cầu đổ quân, tiến hành chiến tranh xâm lược. Vì thế, cần phải xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, thường xuyên diễn tập sẵn sàng chiến đấu, chống bạo động, xây dựng các công trình phòng thủ vững chắc từ nội địa, bảo đảm sẵn sàng đánh địch trong mọi tình huống, đồng thời phải xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên biển trong các đội tàu đánh cá, kết hợp với lực lượng công an và bộ đội biên phòng tham gia chống vượt biển và chống xâm nhập. Đối với Côn Đảo - một quần đảo có vị trí tiền tiêu về quân sự, phải chú trọng xây dựng các công trình phòng thủ, bảo đảm đánh địch trong mọi tình huống, đồng thời liên kết các đội tàu đánh cá trên vùng biển, tổ chức lực lượng vũ trang nhân dân, kết hợp giữa đánh bắt với tuần tra, bảo vệ. Tại đây phải xây dựng được một cơ cấu dân cư hợp lý. Dân không nhất thiết đông, nhưng phải bảo đảm ngành nghề hợp lý, bảo đảm phát huy tiềm năng kinh tế biển, chú trọng các ngành du lịch, phát triển cảng và dịch vụ hải sản, khai thác và chế biến, xuất khẩu.

Thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch, Tỉnh đã kết hợp với Quân khu xây dựng các công trình phòng thủ, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên biển, tổ chức diễn tập hàng năm đạt kết quả tốt, bảo đảm sẵn sàng đánh địch trong mọi tình huống. Đội tàu của Xí nghiệp đánh cá và xuất nhập khẩu Côn Đảo là một trong những đơn vị hoạt động có hiệu quả và có phong trào dân quân tự vệ mạnh, kết hợp giữa sản xuất với tuần tra phòng thủ vùng biển Côn Đảo.

Trong chuyến thăm và làm việc lần này, Chủ tịch Lê Đức Anh rất quan tâm chỉ đạo công tác xây dựng Đảng. Để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá, cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ tại chỗ có kiến thức, có trình độ quản lý kinh tế - kỹ

thuật, có khả năng sử dụng và phát huy được nguồn vốn và kỹ thuật từ bên ngoài, đồng thời giải quyết lao động tại chỗ. Đặc biệt là phải chú trọng xây dựng khối đoàn kết, từ Đảng bộ đến chính quyền và các đoàn thể nhân dân, nhất là đoàn kết nội bộ. Với lợi thế về địa lý, về tiềm năng của khu vực kinh tế trọng điểm, Bà Rịa - Vũng Tàu thu hút được nguồn cán bộ và lao động có kỹ thuật trong cả nước, tăng cường tiềm lực trên địa bàn, song điều đó sẽ tạo ra những phức tạp mới. Vì thế, phải thường xuyên chú trọng công tác xây dựng Đảng, kiên quyết đấu tranh chống lại các biểu hiện cục bộ, bè phái, chia rẽ, mất đoàn kết. Có như vậy mới phát huy được các thế mạnh của địa phương.

Trong xu thế mở cửa và hội nhập, cần phải hết sức quan tâm bảo vệ an ninh trật tự, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Phải chú trọng xây dựng đoàn kết dân tộc và đoàn kết tôn giáo, cảnh giác với những âm mưu chia rẽ và kích động của các thế lực thù địch. Thực hiện đoàn kết phải phân biệt rõ những người tu hành chân chính với những kẻ phản động đội lốt tôn giáo để có đối sách thích hợp. Trên địa bàn khá phức tạp về dân cư và tôn giáo, cần phải có kế hoạch bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ an ninh kinh tế và bảo vệ các chuyên gia dầu khí.

Trong lần làm việc lần này, Chủ tịch Lê Đức Anh đã chỉ đạo toàn diện các lĩnh vực kinh tế, xã hội cũng như đối với an ninh quốc phòng và công tác xây dựng Đảng. Những ý kiến của Chủ tịch đã mở rộng tầm nhìn, gợi mở hướng đi cho địa phương. Với tôi, qua những lần gần gũi, trực tiếp làm việc với đồng chí Lê Đức Anh đều để lại những ấn tượng sâu sắc. Khi là vị tướng, đồng chí luôn thể hiện sự quan tâm và nắm vững thực tế chiến trường. Không đơn thuần chỉ đạo về quân sự mà Đại tướng rất quan tâm chỉ đạo các mặt chính trị, công tác xây dựng Đảng, công tác cán bộ. Khi là Chủ tịch nước, đồng chí nắm bắt rất nhanh những vấn đề kinh tế - xã hội tại địa phương, đồng thời chỉ đạo rất chính xác công tác an ninh quốc phòng, kết hợp giữa phát triển kinh tế với phòng thủ đất nước. Nhưng ấn tượng sâu hơn cả chính là

thái độ sâu sát, biết lắng nghe và gọi mở như một người anh cả rất gần gũi và thân thương. Chúng tôi cảm nhận được sự gần gũi, thương yêu và trách nhiệm của một đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước ta đối với anh em cán bộ, với một chiến trường, một địa phương.

ĐỒNG CHÍ LÊ ĐỨC ANH VỚI CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

Trung tướng VŨ XUÂN VINH³²

Đại tướng Lê Đức Anh đảm nhiệm các chức vụ quan trọng trong thời kỳ đổi mới: là một Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sau Đại hội VI (1986) là Đại hội Đảng khởi xướng công cuộc đổi mới và là Chủ tịch nước sau Đại hội VII (1991) là Đại hội tiếp tục công cuộc đổi mới, đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế, chuẩn bị để Đại hội sau đi lên xây dựng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Thời kỳ đồng chí Lê Đức Anh đảm nhiệm các chức vụ trên là thời kỳ khó khăn nhất của Đảng và Nhà nước ta về công tác đối ngoại, ảnh hưởng nhất định đến công tác xây dựng đất nước.

Từ vấn đề ta giúp đỡ cách mạng Campuchia cũng là để bảo vệ nhân dân và lãnh thổ của ta, đưa quân sang giúp nhân dân Campuchia đánh đổ bọn diệt chủng Pôn Pốt, xây dựng chính quyền cách mạng nhân dân, ta bị một số nước trong khu vực, phương Tây và Mỹ cấm vận kinh tế, cô lập về ngoại giao và tình hình biên giới hai nước Việt - Trung trở nên rất căng thẳng, ảnh hưởng đến xây dựng đất nước sau khi được thống nhất.

Từ tình hình trên, tại Đại hội VI, Đảng ta đã có chuyển biến đổi mới tư duy từng bước, nhất là về kinh tế và đối ngoại. Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết Trung ương 13 (tháng 5-1988) kịp thời điều chỉnh chiến lược đối ngoại với tư tưởng "Hạn chế đối đầu, tăng cường đối tác", "Hoàn thành nhiệm vụ quốc tế giúp bạn ở Lào và Campuchia, rút quân tình nguyện về nước để bạn đủ sức tự lo về quốc phòng - an ninh", "Củng cố tăng cường quan hệ với bạn bè". Tất cả với mục đích: “Chuyển cuộc đấu tranh từ đối đầu sang đối thoại, hợp tác cùng tồn tại hoà bình”, làm thất bại cuộc bao vây cấm vận và cô lập Việt Nam về kinh tế, chính trị và ngoại giao, làm cho Việt Nam chủ động hoà hợp vào cộng đồng thế giới. Kiên trì mục tiêu "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các quốc gia và các dân tộc trên thế giới".

Để thực hiện các chủ trương tại Nghị quyết Trung ương 13 của Bộ Chính trị, ta đã có những bước đi hợp lý, mạnh mẽ từ năm 1987-1988:

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ quốc tế giúp bạn, ta tuyên bố các đợt rút quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia về nước. Cụ thể: ta rút quân tình nguyện khỏi Lào năm 1988. Sau các đợt rút quân khỏi Campuchia bắt đầu từ năm 1982, đến năm 1989 thì rút xong toàn bộ quân tình nguyện và đoàn chuyên gia Việt Nam. Đồng thời ta thực hiện giảm lớn quân số thường trực...

Nắm bắt và phân tích kỹ tình hình quốc tế, đồng chí Lê Đức Anh, với tư duy lý luận và thực tiễn sắc sảo đã có công đóng góp ý kiến vào việc điều chỉnh chiến lược quân sự và điều chỉnh chiến lược đối ngoại, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 13 (Đại hội VI) của Bộ Chính trị đạt kết quả; nhất là việc bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc và Thái Lan.

Đồng chí Lê Đức Anh đã nói với tôi, Cục trưởng Đối ngoại: Trung Quốc là một nước lớn, láng giềng gần gũi với ta; nếu hai nước luôn ở tình trạng đối đầu căng thẳng thì không xây dựng được đất nước mà còn bị phương Tây lợi dụng. Trung Quốc lại có nhiều điểm tương đồng với ta, nhất là điểm đồng cơ bản là còn tính

chất xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình quốc tế phức tạp hiện tại, ta cần chủ động sớm mở ra quan hệ bình thường với Trung Quốc. Vì lợi ích dân tộc ta, ông cha ta xưa kia cũng có truyền thống chủ động quan hệ với Trung Quốc những lúc hai bên gay cấn, nhưng vẫn không mất độc lập, chủ quyền mà còn có điều kiện đấu tranh với mặt tiêu cực, không phù hợp của họ. Đồng chí có nhiệm vụ và có điều kiện quan hệ với Đại sứ quán Trung Quốc, tác động vào việc bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, nhưng phải giữ bí mật vì ở trong ta đang còn những quan điểm khác nhau.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Lê Đức Anh, Cục trưởng Đối ngoại đã tổ chức bốn cuộc gặp với Đại sứ Trung Quốc là Trương Đức Duy vào cuối tháng 5 đầu tháng 6-1990.

- *Cuộc gặp thứ nhất*: Với danh nghĩa cá nhân Cục trưởng Đối ngoại, để thăm dò việc mở ra quan hệ bình thường giữa hai nước.

- *Cuộc gặp thứ hai*: Tôi gặp Đại sứ Trung Quốc Trương Đức Duy, theo sự chỉ đạo của đồng chí Lê Đức Anh. Tôi nói Việt Nam và Trung Quốc cần tác động đến hai bên đối địch ở Campuchia làm cho họ liên hiệp với nhau, sẽ chấm dứt được xung đột, đem lại hoà bình, có lợi cho ổn định hoà bình ở Campuchia. Đại sứ Trung Quốc Trương Đức Duy không phản ứng gì, chỉ nói ghi nhận và sẽ báo cáo lên trên, nhưng nét mặt tỏ ra hoan hỉ.

- *Cuộc gặp thứ ba*: Giữa đồng chí Lê Đức Anh với Đại sứ Trung Quốc.

- *Cuộc gặp thứ tư*: Giữa Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Đại sứ Trung Quốc Trương Đức Duy lúc 20 giờ ngày 6-6-1990. Cả hai cuộc gặp này đều diễn ra tại nhà khách Bộ Quốc phòng, số 28 Cửa Đông.

Sau các cuộc gặp đó, Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng đánh tiếng "Sẵn sàng bình thường hoá quan hệ với Việt Nam" khi ông đi thăm Xingapo (tháng 7-1990), Thủ

tướng Đỗ Mười tỏ lời hoan nghênh. Ngày 19-8-1990, Đại sứ Trung Quốc gửi thư của lãnh đạo Trung Quốc mời Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Thủ tướng Đỗ Mười và Cố vấn Phạm Văn Đồng sang thăm chính thức Trung Quốc, để gặp lãnh đạo Trung Quốc tại Thành Đô ngày 3 và 4-9-1990, trao đổi ý kiến về bình thường hoá quan hệ giữa hai nước, vấn đề Campuchia và một số vấn đề khác.

Đến tháng 3-1991, Thủ tướng Lý Bằng tuyên bố “Quan hệ Việt-Trung đã tan băng!”. Tháng 8-1991, đồng chí Lê Đức Anh với cương vị là "Đặc phái viên của Bộ Chính trị" sang thăm Trung Quốc để bàn những nội dung cụ thể về việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước.

Tối 23-10-1991, Hiệp định Paris về Campuchia đã được ký kết, thoả mãn được quyền lợi các bên có liên quan; Việt Nam và Trung Quốc đã đóng góp đáng kể vào thành công của Hiệp định.

Đến tháng 11-1991, Tổng Bí thư Đỗ Mười và Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã sang thăm hữu nghị chính thức Trung Quốc. Hai bên ra Thông cáo chung và ký kết Hiệp định chính thức quan hệ bình thường hai nước trên cơ sở năm nguyên tắc hoà bình và ký cả quan hệ bình thường giữa hai Đảng.

Năm 1993, đồng chí Lê Đức Anh với cương vị Chủ tịch nước đã sang thăm chính thức Trung Quốc, mở ra giai đoạn bình thường hoá quan hệ giữa hai nước sau 15 năm căng thẳng, tạo điều kiện cho Việt Nam gia nhập ASEAN và bình thường hoá quan hệ với Mỹ vào năm 1995, đi vào hội nhập với cộng đồng khu vực và thế giới, phục vụ cho chủ trương xây dựng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mở ra quan hệ với Thái Lan

Thái Lan là một nước trong ASEAN rất căng thẳng với ta, khi quân tình nguyện Việt Nam vào giúp nhân dân Campuchia đánh bại bọn diệt chủng Pôn Pốt, Thái

Lan đã giúp vũ khí, vật chất cho Pôn Pốt, làm bàn đạp đánh quân đội Campuchia và phá hoại phương Campuchia; thường xuyên công kích ta trước dư luận quốc tế.

Năm 1989, ta rút quân khỏi Campuchia, khiến Thái Lan hết lo ngại. Năm 1990, với tuyên bố của Thủ tướng Thái Lan Chatchai Chuhavan muốn biến “Đồng Dương từ chiến trường thành thị trường”, quan hệ giữa hai nước Việt Nam và Thái Lan đã có động thái chuyển biến tích cực hơn.

Đồng chí Lê Đức Anh chỉ đạo cuộc tiếp xúc giữa Thứ trưởng Trần Văn Quang với Bộ trưởng Quốc phòng kiêm Tổng Tư lệnh quân đội Thái Lan lúc đó tại Viên Chăn (Lào), chủ động bàn về nói lại quan hệ ngoại giao giữa hai quân đội và hai nước; nhấn mạnh điểm đồng về lịch sử, nhân dân Thái Lan giúp đỡ Chủ tịch Hồ Chí Minh và giúp Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp, nhấn mạnh về điểm đồng của nhân dân hai nước là đều theo Đạo Phật, mà tín đồ Đạo Phật chỉ làm điều thiện, không hận thù, không gây đổ máu. Bộ trưởng Quốc phòng Đông Chai Dut rất cảm kích khi được mời sang thăm Việt Nam; sau đó góp phần nói lại quan hệ hữu nghị, bình thường giữa hai nước vào năm 1990, trước khi bình thường hoá với Trung Quốc. Việc đó đã có tác động đến quan hệ của ta với ASEAN, phương Tây và quan hệ với Trung Quốc.

Đồng chí Lê Đức Anh với công tác chuyên gia quân sự Liên Xô

Sau Hiệp định hợp tác hữu nghị Việt - Xô ký năm 1978, theo Hiệp định, ta cho Liên Xô sử dụng cảng quân sự Cam Ranh cho đến năm 2004, còn Liên Xô đã cung cấp cho ta một số lượng vũ khí, khí tài, phương tiện bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu khi cần thiết.

Khi làm Bộ trưởng Quốc phòng, thời kỳ đổi mới, đồng chí Lê Đức Anh rất quan tâm đến công tác chuyên gia quân sự. Trong tác phong và quan điểm công tác đối ngoại, không những với chuyên gia mà cả với tùy viên quân sự, đồng chí có tư duy

hết sức tiết kiệm tài lực, nhân lực, không ưa những nghi thức lễ tân, hình thức rườm rà, mà phải đi vào hiệu quả thiết thực, quán triệt tinh thần tiết kiệm. Ngoài ra, đối với cán bộ có quan hệ với chuyên gia Liên Xô, đồng chí luôn quán triệt tinh thần tận dụng, khai thác triệt để hiểu biết và kinh nghiệm của chuyên gia Liên Xô, không được lãng phí thời gian và tài sản viện trợ, để cho bạn nhiều thời gian nhàn rỗi. Việc này cũng phù hợp với tác phong lao động của bạn; nhưng cũng cần phải vận dụng điều bạn giúp ta về huấn luyện, kể cả cách đánh trong điều kiện thực tế và truyền thống của ta, không máy móc, rập khuôn. Cần làm cho bạn hiểu về đất nước, con người, suy nghĩ, truyền thống của ta, thực tế của Việt Nam để bạn giúp ta cho phù hợp, hiệu quả hơn.

Trước tình hình biên giới phía Bắc dần dần ổn định, Việt Nam chuẩn bị hoà nhập khu vực và thế giới, ta mở các cuộc thảo luận với Liên Xô để rút dần các chuyên gia quân sự, Liên Xô cũng nhất trí. Đến năm 1988, đã rút được 50% chức danh và cho đến tháng 5-1992, sau khi Liên Xô tan rã, toàn bộ chuyên gia, cố vấn đã rút về nước. Chỉ còn vấn đề Cam Ranh, bạn có quyền ở đến năm 2004. Đồng chí Lê Đức Anh đã trực tiếp chỉ đạo việc trao đổi, hội đàm Việt - Nga. Bước một là đấu tranh có lý có tình để họ không đưa tên lửa mang đầu đạn H vào cảng Cam Ranh. Bước tiếp theo là thu hồi toàn bộ quân cảng Cam Ranh trước thời hạn của Hiệp định. Khi ngài Putin lên cầm quyền, có điều chỉnh chiến lược, bạn đã cho rút quân khỏi Cam Ranh trước thời hạn, vào năm 2002.

Trong các bước làm việc với Bộ Quốc phòng Liên Xô và Nga sau này, đồng chí Lê Đức Anh đã chỉ đạo sát sao, hợp tình hợp lý, nên vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹp, truyền thông với nhân dân và Chính phủ Nga, giữ được tính độc lập, chủ quyền của Việt Nam.

NHỮNG NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH MÃI MÃI BIẾT ƠN ĐỒNG CHÍ

Thiếu tướng NGUYỄN THẾ KỶ³³

Những năm sau chiến tranh, việc giải quyết chỗ ở cho gia đình bộ đội là một vấn đề hết sức nan giải. Nghị quyết 47 của Bộ Quốc phòng ra năm 1986, theo đó, cán bộ khi về nghỉ hưu được cấp một số vật liệu như sắt, thép, xi măng để về quê làm nhà, phần nào giảm bớt khó khăn lúc bấy giờ. Nhưng việc quy định phải có hộ khẩu thành phố thì mới được cấp nhà, cấp đất dẫn tới những bức xúc trong cán bộ, sĩ quan. Rất nhiều sĩ quan đã từng lăn lộn chiến trường, nơi biên ải, có lúc họ phải đổ máu nhưng đến lúc về chẳng giúp gì được cho gia đình. Rất nhiều đồng chí xung quanh tôi công tác hàng chục năm ở Bộ tổng Tham mưu - cơ quan Bộ Quốc phòng, nhưng vợ con vẫn ở quê nhà dù chiến tranh lúc đó đã lùi xa. Rõ ràng việc quy định “Phải có hộ khẩu thành phố mới được cấp đất cấp nhà” đã làm cho một thời gian dài các đơn vị không giải quyết được chính sách về nhà ở cho gia đình cán bộ. Điều này chính Đại tướng Lê Đức Anh cũng rất quan tâm.

Khi tôi được quyết định làm Cục trưởng Cục Quản lý hành chính, nhiều lần được Bộ trưởng nhắc nhở tìm ra giải pháp tháo gỡ vấn đề trên. Là người đã từng lăn lộn qua các chiến trường, Đại tướng rất trăn trở làm sao giải quyết được nhà ở cho gia đình sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, viên chức quốc phòng để họ yên tâm công tác cũng như giải quyết bớt khó khăn cho cán bộ sau khi ra quân.

Sau nhiều lần họp bàn giữa các cơ quan hữu quan của Bộ tổng Tham mưu và Bộ Quốc phòng, Chỉ thị số 48 ngày 16-2-1990 do Đại tướng Bộ trưởng Lê Đức Anh ký đã ra đời. Chương 6 của Chỉ

thị với tiêu đề: “Về chăm sóc sĩ quan và hậu phương gia đình sĩ quan”, thực sự là hành lang pháp lý cho chúng tôi, Hội đồng Chính sách - Đời sống, thực hiện việc lo đất nhà cho cán bộ quân đội.

Tôi nhớ như in các điều quy định trong đó: “... Đơn vị ở cấp trung đoàn độc lập, sư đoàn và tương đương trở lên, đóng ở địa phương nào có trách nhiệm bàn bạc với chính quyền địa phương về quy hoạch xây dựng khu gia đình quân nhân, xin đất làm nhà, làm kinh tế gia đình và giúp đỡ cho sĩ quan đưa gia đình đến địa bàn gần đơn vị đóng quân hoặc địa bàn phù hợp với hoàn cảnh của sĩ quan, tạo việc làm cho người lao động và học hành cho con cái, bảo đảm quyền công dân của sĩ quan cư trú tại địa phương theo luật pháp quy định”. “Đối với cán bộ xa gia đình quá lâu, hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn thì tổ chức cần tạo điều kiện chuyển vùng công tác để có điều kiện chăm sóc hậu phương, nuôi dạy con cái...”

Từ Chỉ thị 48, chúng tôi đã vận dụng giải quyết chính sách cho cán bộ. Ban quy hoạch xây dựng và nhà đất tiến hành xây dựng các khu nhà mới, sửa chữa các nhà cũ, quy hoạch đất đai không thuộc phạm vi doanh trại để cấp cho cán bộ. Ở Thành phố Hồ Chí Minh lúc đó, đường Cộng Hoà cắt sân bay quân sự trả lại cho thành phố, còn phần đất hai bên đường trước là doanh trại nguy nay không sử dụng đến, chúng tôi xin thành phố quy hoạch cho các cán bộ tiền phương Bộ Tổng Tham mưu, các đơn vị đóng trong khu vực sân bay và đặc biệt khu Hoàng Hoa Thám giải quyết cho lực lượng sĩ quan ở chiến trường K về. Thành phố hoàn toàn ủng hộ và còn tạo điều kiện cho các gia đình được cấp đất nhập khẩu.

Việc xét cấp đất nhà trong cơ quan Bộ Tổng Tham mưu làm tích cực, gần 2.000 hộ gia đình được cấp nhà đất. Trong Bộ Tổng Tham mưu thành lập Hội đồng Chính sách - Đời sống, căn cứ vào điểm số để phân đất, cấp nhà cho các đối tượng. Cách thức cho điểm thì dựa trên quân hàm, chức vị, thâm niên, mức độ công hiến ở

chiến trường, thương binh, gia đình liệt sĩ và anh hùng quân đội... Tất cả đều công khai dân chủ.

Nhớ một hôm, tôi cùng Trung tướng Nguyễn Thế Bôn vào thăm Thượng tướng Vũ Lập - Tư lệnh Quân khu 2. Anh mắc bệnh hiểm nghèo, khó qua được, chị và các cháu thì ở Yên Bái. Anh chị có nguyện vọng xin một căn nhà ở Hà Nội để tạo điều kiện cho các cháu ăn học. Chúng tôi về bàn bạc và báo cáo với Đại tướng Lê Đức Anh. Ngay sau đó tôi cảm quyết định cấp nhà đến bệnh viện trao cho anh Vũ Lập, anh cảm tay nắm chặt rơm rớm nước mắt cảm ơn Đảng và quân đội. Hai ngày sau anh đi xa...

Đồng chí Nguyễn Nhân, Đại tá Cục trưởng Cục Khoa học quân sự, người từng lăn lộn chiến trường, bị nhiễm chất độc màu da cam phải về, sống với vợ con ở Đông Anh. Gia đình anh rất nghèo khó, vì lo chữa bệnh cho anh phải bán cả nhà đi để lấy tiền chăm sóc. Lúc này anh đã nghỉ hưu, hưởng chế độ theo Nghị quyết 47, nhưng lãnh đạo Cục Khoa học quân sự có đề nghị với Hội đồng Chính sách - Đời sống xem xét. Về lý thì đơn vị đã giải quyết chính sách cho đồng chí Nhân rồi, nhưng về tình cảnh đồng chí Nhân quả thật rất cần sự giúp đỡ của đồng đội. Chúng tôi đã họp bàn và đề nghị trên tạo điều kiện cho đồng chí một miếng đất khu sân bay Bạch Mai. Cảm quyết định trong tay, đồng chí Nhân đã khóc và nói: “Cảm ơn Bộ Quốc phòng đã cứu vợ con tôi!..”.

Ở Bộ Tổng Tham mưu có một số đồng chí nữ tuổi đã cao, phục vụ trong quân đội nhiều năm, không chồng mà có con, hoặc tuổi cao mà quê hương không còn nơi nương tựa... khi bàn bạc giải quyết cấp nhà cho các đối tượng này, rất nhiều ý kiến khác nhau. Nhưng chúng tôi cho rằng họ là những người đã chịu sự thiệt thòi vì không có gia đình đảng hoàng như bao gia đình khác, tuổi xuân cống hiến cho quân đội, nay có điều kiện thì cũng nên tạo cho họ một mái nhà. Từ quan điểm ấy,

được trên nhất trí, chúng tôi đã có quyết định cấp nhà, cấp đất cho một số đồng chí ở phía Bắc và phía Nam...

Chính sách nhà đất cho cán bộ quân đội không chỉ là vấn đề của quá khứ mà còn là vấn đề của hiện tại và tương lai. Việc chăm sóc cho cán bộ, quân nhân chuyên nghiệp và viên chức quốc phòng về hậu phương gia đình là nhiệm vụ hết sức cần thiết, bảo đảm cho cán bộ yên tâm gắn bó với cơ quan, đơn vị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta. Có thể khẳng định: ý tưởng tốt đẹp và đúng đắn này đã được thực hiện trong phạm vi toàn quân, trên địa bàn toàn quốc một cách cơ bản trong suốt nhiều năm qua mà xuất phát từ suy nghĩ, quan điểm và quyết định mang đậm tính nhân văn của đồng chí Đại tướng Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

TRONG LỬA KHÓI CHIẾN TRANH

Đại tá TƯ DIỆP³⁴

Chiến dịch Gianxon Xity:

Anh Sáu Nam là người trực tiếp giao nhiệm vụ cho Phòng Thông tin việc xây dựng xã ấp chiến đấu bằng bộ đội cơ quan. Những cuộc càn “tìm diệt” của quân Mỹ trước đó, ta thường chạy di tản để bảo toàn lực lượng. Lần này chúng tập trung lực lượng lớn, nhưng ta lại chủ trương “Bám trụ và bung ra đánh, không chạy”. Lúc đó anh Sáu Nam nói: “Giờ cứ để quân địch lên tổng mình đi, chúng cứ càn quét, thì mình không biết đi đâu. Nó càn tới mà ta cứ di tản tránh né hoài thì ta lấy đâu chỗ làm việc?”. Anh Sáu bảo, giờ muốn bám trụ thì phải tổ chức bộ đội thành các “huyện căn cứ” vì không có dân. Chủ trương này thống nhất từ Trung ương Cục chứ không phải chỉ có Bộ chỉ huy Miền.

Bộ phận thông tin chúng tôi lúc đó ở khu vực Tà Đạt, chúng tôi được tổ chức thành “Huyện đội Tà Đạt”. Đây được coi là huyện đứng ở vị trí đầu sóng ngọn gió để bảo vệ Bộ chỉ huy Miền. Chúng tôi có lực lượng ba tiểu đoàn thông tin và được tăng cường Đại đội 3 bộ binh. Giáp bên đường số 4 là huyện Đồng Rùm, nơi cơ quan pháo binh Miền đứng chân. Tây đường 4 là Tà Đạt, tây nam là huyện Sóc Kì của Phòng Công binh Miền. Ở bên Trung ương Cục cũng tổ chức “huyện đội”. Nói chung các căn cứ đều thành lập “huyện”, mỗi huyện chừng 300 đến 500 tay súng chiến đấu.

Huyện Tà Đạt của chúng tôi do anh Lê Văn Sai, Trưởng phòng Thông tin làm Huyện đội trưởng; anh Thăng làm Chính trị viên. Anh Đặng Quân Thụy, Trưởng phòng Hoá học làm phó, anh Trần Thắng Minh, Trưởng phòng Giao bưu quân sự là phó, tôi Phó trưởng phòng Thông tin làm Tham mưu trưởng. Đây là chủ trương của Bộ Tư lệnh mà anh Sáu là người trực tiếp triển khai. Trước đó cuộc càn của quân Mỹ mang tên Áttenborơ chủ yếu dùng tăng-thiết giáp; nó càn quét ta không có gì để đánh. Duy nhất có tiểu đoàn 4 Thông tin vô tuyến điện diệt được một xe thiết giáp bằng một quả pháo dù, nên Bộ Tư lệnh thường điều chủ lực đến đánh. Còn cơ quan thì rút, tránh né để bảo toàn lực lượng.

Chúng tôi tổ chức lực lượng thành các “xã đội” chiến đấu và phát động phong trào làm mìn chống tăng tự tạo; mỗi xã đã có từ 100 đến 200 quả, cưa bom lấy thuốc nổ, tìm bom bi làm đầu nổ. Trước khi cuộc càn Gianxon Xity của địch bắt đầu, trong Ban chỉ huy “Huyện đội” anh Thăng, anh Đặng Quân Thụy rút về Miền, anh Tám Thanh và anh Huỳnh Minh được gọi đi học. Ngày 21 tháng 2, anh Tám Sai cũng được gọi lên Miền.

Chúng tôi đánh từ ngày 22 tháng 2 đến 15 tháng 3 thì quân Mỹ rút. Chúng tôi bám trụ và đánh du kích liên tục. Tôi nghe lúc đó chỉ có anh Lê Đức Anh, Huỳnh Minh

và Bảy Hùng ở lại, còn cơ quan Miền đã chuyển lên vị trí dự bị. Anh Bảy Hùng là Trưởng ban trang bị, ở chung với anh Sáu ở Sở Chỉ huy tiền phương.

Lúc đó từ ngoài Bắc đã chuyển vào tiếp tế cho B2 súng đạn bộ binh - tiểu liên AK, súng trường bán tự động CKC, súng RBD và cả súng chống tăng B40, B41 và DKB còn đang để trong kho chuẩn bị cho nhiệm vụ chiến lược sắp tới, sau này mới biết là cho Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968. Các anh cân nhắc thấy rằng nếu để trong kho mà chúng cần tới thì để ở chỗ nào chúng cũng thấy được. Nên lúc đó có chủ trương “Người còn thì súng đạn còn, để kho khi giặc tới thì súng đạn sẽ mất”. Nên các anh chỉ chôn dấu DKB, còn lại phát cho anh em chiến đấu gồm AK, trung liên, B40. Trước đây chỉ có súng trường K44. Chủ trương xuất kho súng trang bị cho du kích cơ quan khiến anh em rất phấn khởi, quyết tâm diệt địch rất cao.

Huyện đội chỉ đạo phát động một tháng làm mìn chống tăng. Chỗ tôi là nơi địch trút bom thừa, là chỗ đầu tiên nó thả bom bi rền trời rền đất. Mà ở đây là rừng rậm ba tán lá nên có nhiều bom không nổ hết. Chúng tôi đi tháo bom, cưa bom. Có anh Quang (ở Phòng Thông tin) anh em gọi là “Anh Hai đầu bom”, chuyên mở đầu nổ, cưa bom, rồi mang nấu thuốc nổ đóng thành bánh. Khoét lỗ ở giữa, lấy quả bom bi đã rút chốt an toàn đặt lên trên. Cách làm này do công binh hướng dẫn. Mỗi trái mìn công binh bảo làm 4 ký, anh em muốn xe của địch phải “bay sạch” bánh xích mới yên tâm nên thường làm 7 đến 8 ký. Quân Mỹ định ninh vùng này không có dân nên sẽ không có kiểu đánh du kích mà địch vốn rất sợ. Bởi vậy chúng đã bị bất ngờ khi vấp phải “du kích cơ quan” chúng tôi đánh chúng. Ngày nào chúng cũng bị đánh, ngày nào cũng bị thương vong. Xe tăng bị cháy lúc đầu chúng còn cầu tại chỗ mang xác về, nhưng sau bị nhiều, cầu không xuể nên không cầu nữa.

Hồi đó Bộ Chỉ huy Miền phát động phong trào “Dũng sĩ diệt Mỹ”. Có một lần anh chị em dùng mìn DH10 diệt được chục tên lính Pắc Chunghy. Diệt được rồi báo

cáo lên trên và hỏi cách tính ra sao. Trên bảo “Cứ 3 thằng Pắc thì tính bằng 1 thằng Mỹ”.

Có Trường Thông tin, quân số chừng một tiểu đoàn, huấn luyện báo vụ, tiểu đội trưởng và trung đội trưởng thông tin, đơn vị đã diệt xe tăng và bộ binh đầu tiên của trận càn này: “Báo cáo anh Tư ! Hôm nay đánh, diệt 2 tăng, 1 trực thăng và ... thằng địch!” Từ Sở Chỉ huy tôi báo cáo Trưởng Ban Tác chiến của Miền thì đồng chí đó hỏi lại: "B40 sao bắn được trực thăng?" Tôi bảo: “Mày nói tao khủng sao? Anh em bắn cháy một xe, trực thăng nó đáp xuống, anh em diệt luôn!”. Những ngày ấy, anh Sáu thường “hỏi cho tới gốc” luôn! Anh luôn nhắc các nơi không được vì thành tích mà cứ báo cáo nóng lên, phải thật chính xác. Có thể nói việc xây dựng ấp, xã chiến đấu của cơ quan để bám trụ đánh địch thật sôi nổi, thật cụ thể tỉ mỉ, công phu lắm; lúc rảnh thì đào công sự, làm giao thông hào, làm mìn, tinh thần sẵn sàng chiến đấu rất cao. Cán bộ chiến sĩ rất hăng hái diệt địch, nhất là khi được trang bị súng đạn tốt, khí thế quyết tâm diệt địch, lập công rất mạnh. Dựa vào thế của núi rừng quen thuộc, cứ bám trụ, luôn lách bám sát địch mà đánh, không ngày nào không có xe tăng, xe thiết giáp của chúng bị mìn, bị diệt bằng đạn B40.

Về Mậu Thân đợt 2:

Đợt 1, tôi phụ trách thông tin, đánh từ phía bắc Sài Gòn. Xong đợt 1 thì rút từ Bưng Còng (sát cầu Rạch Bắp, Bến Cát, Thủ Dầu Một) về Danh Tám (Dầu Tiếng) thì quân địch đeo bám theo. Anh Trần Văn Trà chỉ thị cho anh Tám Sai, Trưởng Phòng Thông tin và anh Ba Trần (Tham mưu phó) tại Sở Chỉ huy tiền phương (lúc đó các trưởng phòng của Bộ Tham mưu Miền đi với anh Trà). Khi rút về tới Danh Tám, anh Trà kêu anh Tám Sai và anh Ba Trần vô gặp anh Trà. Tôi về sau, anh Tám nói: - Anh Tư ơi! Anh Trà quyết định anh Tư đưa lực lượng sở chỉ huy nhẹ đi qua sông Vàm Cỏ, đi xuống eo Ba Thu gặp anh Lê Đức Anh. Nhưng phải cắt ngang đường số 1 qua Gia Bình, Gia Lộc, qua Phước Chỉ, không được đi vòng

phía trên kéo không kịp nhiệm vụ (đợt 2). Việc này chỉ tôi biết, cấp phó đoàn không được biết.

Cánh rừng Bời Lời trước đây rất rậm, ta thường dùng làm chỗ đóng quân, vậy mà khi tôi đến đó, rừng đã nát tan hoang. Vượt qua được sông, đến rừng Bời Lời, bố trí ém đội hình thật kín đáo để trụ lại đây mấy ngày; trên đầu máy bay địch lượn đi đảo lại, không ngớt quan sát. Tôi biết ơn các anh. Anh Hai Bình, Trưởng ban giao bưu T4 nói: - Tôi có hai thằng nhỏ chăn trâu làm giao liên, chừ cho nó đưa các anh đi tìm cho được cái chốt ở Bời Lời. Đến Bời Lời, chỗ mình đang ém lại chính là đường đi của quân địch. Độ 8 giờ sáng, có một cậu bé trườn từ hầm lên và sau đó đồng chí Trưởng trạm cũng ngoi từ hầm lên. Tôi mừng như mở cờ, dù chưa biết ngày hôm nay sẽ đánh nhau cỡ nào. Tôi lo nhiều vì lực lượng tôi đem đi là bộ phận phục vụ cho Sở Chỉ huy tiền phương Miền đợt 2 đánh vào Sài Gòn, nếu đụng địch mà phải nổ súng thì sẽ không đủ lực lượng phục vụ cho chỉ huy nên phải bảo đảm thật an toàn và đầy đủ.

Sau hai đêm vượt đường 1, vượt sông Vàm Cỏ, chúng tôi đến Ba Thu an toàn, gặp các anh Sáu Nam, Hai Tường và Hai Nghiêm. Tất cả nhanh chóng sắp xếp Sở Chỉ huy nhẹ tiền phương của Miền, bước vào chiến đấu đợt 2 Mậu Thân.

Trước giờ "G" ngày "N", đêm đầu tôi đi, các đêm tiếp theo anh Hai Nghiêm và anh Sáu Nam đi. Sở Chỉ huy đi xuống vùng ven, lúc đầu ở Quang Hữu, sau đi xuống gần Tân Bửu, Long An. Càng xuống sâu bom đạn càng ác liệt. Anh Sáu Nam, anh Hai Tường lúc nào cũng ở dưới rừng tràm cây chỉ cao khoảng 1,5 mét nên khi đi lại cứ phải khom người xuống. Anh Hai Nghiêm, Tham mưu phó Miền, đến ngày thứ ba đã bị thương. Sở Chỉ huy tuy trong tình thế xen kẽ với địch, rất quyết liệt, nhưng vẫn duy trì được liên tục việc nắm tình hình các đơn vị phía trước, thực hiện chỉ đạo chỉ huy liên tục Sư đoàn 9, Phân khu 2, Phân khu 6 và các đơn vị cánh Nam tiến vào nội đô Sài Gòn đánh địch.

Đến lúc phải quyết định kết thúc đợt 2, sau khi đánh giá tình hình, anh Sáu Nam và anh Hai Tường ra lệnh lui quân. Tôi và anh Bảy Sơn, Tham mưu Phân khu 6 thường nhắc lại với nhau rằng đây là một sự quyết đoán của người chỉ huy rất sáng suốt, kịp thời và rất cương quyết. Đó là những "Kỷ niệm chiến trường" mà tôi không bao giờ quên.

CÁI GÌ ĐÚNG LÀ ÔNG QUYẾT LIỀN

Đại tá VÕ THANH HÙNG³⁵

Tôi cùng Chi đội 1 với ông Lê Đức Anh thời chống Pháp, hồi đó gọi là “ Chi đội Cò Trương ”. Ông Anh chỉ thị cho Thái Quang Sa qua làm phong trào phụ nữ. Năm 1948, ông Anh dẫn bộ đội về đánh bót Ba Trợn (ở xã Thuận Giao, giờ là Thuận An).

Tập kết ra Bắc tôi gặp ông đạp xe Vĩnh Cửu ở phố Hàng Bông. Lúc đó ông làm Phó cục trưởng Cục Tác chiến. Ông là đảng viên trước Cách mạng Tháng Tám 1945. Lấy Trần Ngọc làm Tham mưu trưởng của Liên trung đoàn 301-310, người theo Đạo Cao Đài, rất tốt.

Năm 1964, tuy hai người đi hai đoàn khác nhau nhưng cùng vào chiến đấu trong miền Nam. Khi vô tôi làm quân lực. Ông Anh đi cùng Năm Tâm, Ba Bính, Mười Ngọ (Trưởng Phòng Quân nhu). Hồi đó tôi phụ trách tàu bè đường mòn trên biển, vì mình "mã" lại với cơ yếu. Suốt thời đó không hề bị lộ, tôi rất tự hào.

Lãnh đạo giao cho ông Anh nghiên cứu chuyện vô Sài Gòn. Ở Trảng Chiên ông nghiên cứu bản đồ, và ngay lúc đó ông đã phác ra “năm cánh quân”.

Năm 1965, tôi và ông đạp xe từ Trảng Chiên xuống Trạm 40. Tôi luộc khoai lang và hột gà (trứng). Ở đâu ra? Tự chăn nuôi! Tới Suối Dây, Bến Thới, Tha La (ngã ba

Đồng Pan), đi đến trạm có năm tay chạy ra kêu trở về vì nó không cho đi. Hôm sau tôi bảo kiểm năm xe đạp cho năm ông về, còn tôi và ông Anh ở lại. Cốt để gặp được bà Bảy Anh. Nhưng không gặp được.

Ông Ba Trà đến đón nhỏ Hồng. Đi ngang qua không báo, mà dẫn đi luôn. Hôm sau mới vào báo ông Anh. Ông Anh bảo: “Ông này lạ! Con mình đi qua mà ông không cho gặp”.

Năm 1966, địch mở cuộc càn Áttenborơ. Ông và ông Thanh họp ở Trung ương Cục. Ông điện về: “Cậu chuẩn bị 200 khẩu AK!”. Tôi nói: “Đâu có!”. Ông bỏ máy liền. Khi về ông bảo: “Tôi giao cho anh quản lý trang bị khi tôi đi ra Bắc họp. AK giờ đâu? Kiểm tra và báo cáo tôi”. Trời ơi! Trên tôi còn bao người chỉ huy: Ba Trà, Ba Trần, Ba Định..., lệnh thì tôi phải xuất. Tôi đưa cho ông khẩu AK, ông đưa lại, bảo: “Mày đưa cái này xuống Củ Chi! ”.

Đến cuộc Gianxơn Xity, ở lại chỉ có sáu người: ông, tôi, Bình Minh và ba lính bảo vệ (Minh tức Huỳnh Ngọc Đẩu tức Hai Đẩu).

Ngồi ăn cơm tôi nói: Anh em giờ tản cư hết, tôi theo anh như đi an dưỡng, thì khoẻ. Ông nói: “Ừ, an dưỡng! Chờ rồi chạy. ” Và bàn hai việc:

Chiều nay tôi thay mặt Bộ Chỉ huy Miền thông qua Quyết tâm chiến đấu của Sư đoàn 9. Nó yêu cầu thì cậu làm công tác bảo đảm. Theo ý cậu điều Sư nào bảo vệ kho đạn ở biên giới Tây Ninh?

- Không Sư nào chịu nổi, bỏ chạy mà đạn nổ thì không sử dụng được. Tôi trả lời.

- Cậu nói sao?

- Chừ quân Mỹ nó tự dẫn xác ra đây cho ta đánh. Giờ nên phân phát kho vũ khí đưa về các “huyện” có hầm hào rồi, cho anh em dùng, còn thì bảo vệ. Nhiều lúc ta phải lần mò vô sào huyệt của chúng để đánh. Giờ nó tự ra cho ta đánh thì phát súng cho anh em.

- Sợ thất thoát.

- Cứ phát. Đánh xong còn bao nhiêu thì thu lại.

Và sau đó tôi báo cáo người phụ trách quân lực của Miền là ông Đỗ Đức, có văn bản của ông Đức trình, ông liền ký tên Sáu Nam.

Đoàn tiếp nhận hồi đó do ông Bùi Phùng làm Đoàn trưởng, Chính uỷ là ông Năm Thái (sau này làm Cục trưởng Bảo vệ). Lúc đó ông Thái nói là “ Không được! ”. Tôi đưa giấy ra. Ông bảo tôi: “Sao nãy không đưa?”. Và ông chấp hành. Tôi ra đón anh em vận chuyển, nói lấy gạo ít thôi, vô đây lãnh súng. Anh em mừng lắm. Tôi phát mỗi người một AK và súng B40, ba quả đạn. Hồi đó không phải cán bộ nào cũng muốn đánh đâu. Ông Sáu dặn: “Sur đoàn yêu cầu gì thì cậu đáp ứng”. Sur 9 lúc đó Năm Thanh là Sur trưởng, Tạ Minh Khâm là Tham mưu trưởng, mấy ông yêu cầu ba triệu đạn 12,8 ly. Tôi nói - Đâu có! Ông Sáu liền giật áo tôi, nói khê: “Nó nói thế có nghĩa không thể có để đánh”. Tôi nói - Ừ ! Thôi bảo đảm! Nó xin hai khẩu cối 120 ly để trang bị cho trung đoàn của Ba Hàm, trong khi nó có hai khẩu rồi. Súng thì có nhưng người đâu? Ra gặp Sáu Hoá, tôi bảo - Cậu xem có thằng nào là lính cối thì đưa tới. Cuối cùng cũng có cho nó phối thuộc. Thực ra chỉ để pháo kích vào Sóc Con Trăng, xong cho về. Đạn 12,8 ly chỉ có 8 vạn viên, anh phải giữ mà đánh - Tôi nói vậy. Khi chia tay Ba Hồng nói: - Thôi thôi! Thế này sao được, anh phải cho tôi cái giấy. Lúc đó Ba Hồng là Chỉ huy trưởng Trung đoàn 3 Sur đoàn 9. Hồi đó anh nào trụ lại để quyết chiến đấu thì dùng gì cho nấy, còn anh nào chạy thì lính ta gọi là “Sọc dưa”. Thực ra số vũ khí dự trữ này là để chuẩn bị cho Tổng tiến công Mậu Thân. Khi nó tổ chức cuộc hành quân tổng lực Gianxon Xity để “tìm diệt cơ quan đầu não và chủ lực”, để “bẻ gãy xương sống” của Việt Cộng, thì các ông rút hết lên phía giáp biên giới Campuchia, nghĩa là ra ngoài tầm pháo. Sở Chỉ huy chỉ còn nhóm của ông Lê Đức Anh, tức là ông và mấy chúng tôi. Dưới Tà Đạt có anh Tư Diệp. Cơ quan Trung ương Cục và Bộ Tư lệnh Miền đều

dời lên phía bắc lộ 7. Số ở lại cũng không nhiều lắm nhưng chất lượng rất cao vì toàn là lính chiến. Sở Chỉ huy tiền phương của chúng tôi cơ động linh hoạt giữa Sóc Ôm, Móc Câu, Cầu Bà Chiêm.

Tôi thấy ông Lê Đức Anh có nhiều cái kiên quyết. Đợt 2 ông ở Mỹ Hạnh. Ông chỉ huy mà lại xuống tận Ba Thu. Ông Sáu Nam thì chuyên mặc quần đùi, áo thun và thường phải bò vì ông cao quá, đi thẳng thì lộ dễ bị địch bắn.

Tôi đi đợt 3 với ông Trần Văn Trà. Ông bảo tôi hỏi còn bao nhiêu? Ông Sáu trả lời: “Theo Nghị quyết Quân uỷ dành ĐKB và DH 12 để đánh đô thị. Giờ có thay đổi gì không?”. Ông Trà nói: Thôi! Tôi viết điện trả lời.

Ngày 8-3-1970, ở Campuchia, Lon Non được Mỹ giạt dây làm đảo chính lật Xiha-núc. Ông Sáu (lúc đó đang ở Quân khu 9) điện về góp ý và đề nghị là “Lật cánh”. Ở biên giới ta có một trạm thu mua hàng, trên này cũng đang bàn trúng ý của ông là “Lật cánh”. Nhưng rồi không thấy cấp trên quyết định nên thời cơ bị bỏ lỡ.

Thời gian chiến đấu ở Campuchia:

Bữa đó họp Thường vụ, đặt vấn đề vì sao chất lượng bộ đội kém? Tôi bảo: - Chất lượng bộ đội đi đôi với cấp bậc, chức vụ tương xứng. Nếu cử 10 đồng chí thượng sĩ ra cuộc đất thì không bằng giao cho 10 binh nhất có một trung sĩ phụ trách. Ông liền tôi hỏi: - Tại sao?. Tôi trả lời: - Hiện nay có rất nhiều đồng chí cùng đeo hàm thượng sĩ nhưng làm cả cán bộ phụ trách từ tiểu đội đến đại đội. Nói cụ thể hơn là tiểu đội trưởng mang hàm thượng sĩ, trung đội trưởng, rồi đại đội trưởng cũng đều là thượng sĩ. Trên giao chức vụ cho người ta mà không giao “sao” tương ứng. Bữa đó có mặt cả Mười Huy, Trưởng Phòng Cán bộ; anh Huy nói rằng đây là sự không chế của Bộ Quốc phòng điều vô. Ông hỏi: - Bây giờ tôi làm báo cáo, thì anh báo ai? Ông Huy bảo: - Trợ lý hồ sơ!. Ông bảo: -Tôi Thứ trưởng mà báo cáo Trợ lý hồ

sơ, sao vậy?. “Vì có gặp được ai biết kỹ hơn ngoài Trờ lý hồ sơ”. Ông nói đưa giấy cho ông. Chúng tôi đưa, ông bảo: - Giờ tôi ký Quyết định sẵn. Các anh lên đó (ông giao cho tôi và Năm Tầm tức Dương Cự Tầm), lên các mặt trận hỏi ý kiến tập thể, ai làm được thì điền tên vô giao quân hàm thiếu úy cho họ. Sáu tháng sau kiểm tra, họ làm được thì phong trung úy. Đợt đó giải quyết được hơn 2.800 anh em. Đây chỉ là một trong nhiều ví dụ để nói lên ông là người rất quyết đoán nhưng cũng chịu lắng nghe cấp dưới. Khi nào thấy việc cần thiết thì ông quyết luôn.

Tôi và ông đi trực thăng lên Côngpong Thom. Khuya nghe đài thấy xảy ra chiến sự ở biên giới phía Bắc. Tôi vô giật võng ông, ông hỏi: - Cái gì? Tôi nói: - Anh bảo Sáu Ngọc kêu trực thăng để về. Ông bảo: - Đi năm ngày kia mà, sao lại về? Tôi nói: - Xảy ra chiến sự ở biên giới phía Bắc rồi. Anh là Tư lệnh phải về. -Thật không? - Dạ, thật! Và rồi chúng tôi trở về, ăn sáng xong vừa lúc có máy bay trực thăng lên là về liền. Qua đó thấy rằng mỗi khi ông thấy cái đúng là ông nghe liền.

Tôi sống bên ông cũng học được khá nhiều. Nếu gọi là điểm yếu, thì nhân vô thập toàn, bên cạnh cái mạnh, cái hay là cơ bản thì người ta ai chả có điểm yếu. Vậy cái yếu của ông Sáu Nam là ở chỗ ông chăm lo cho cấp dưới người nhiều người ít.

Ở Tổng tiến công Mậu Thân

Khi tôi đi kiểm tra thấy đạn một đường, súng một đường mà lại để xa nhau cách một ngày đường. Tôi bàn với anh Tư Anh, Trạm trưởng biên giới, mời vị Tỉnh trưởng Karachê là con rể Việt Nam cho mượn xe để chở đạn vô. Ông ta đáp ứng và còn chiêu đãi.

Khi về, ông Tấn hỏi: - Cậu có biết đạn bị lạc không? Tôi bảo - Có, nhưng tôi giải quyết rồi. Còn anh Năm Thái thì cự tôi: - Đường đó là của Quân ủy Miền, sao anh dám mở làm vận chuyển? Hồi đó con đường đó chỉ có bảo vệ mới được biết. Thì

anh Tấn nói luôn: - Lẽ ra phải tốn năm triệu, nay mất có năm ngàn Riên, lại vận chuyển kịp thời, còn nói gì!

Khi đạn tới Xihanúcvin, tôi tới Phnôm Pênh nắm tình hình và làm kế hoạch phân phối, tổ chức các đơn vị tiếp nhận. Sự thật như vậy mà sách viết chưa đúng.

Năm 1961 tôi vô, lúc này Bộ Tư lệnh Miền đang củng cố chiến trường có sẵn, tập huấn cho cán bộ các nơi nên ông Trần Văn Quang lệnh không được chống càn vì sợ mất cán bộ của địa phương. Trong sử sách viết hai đơn vị bắn trực thăng là không đúng. Vì “Nhà trường không được chống càn”.

Ông Sáu Nam vô rất đúng lúc. Ông nhảy bén và quyết đoán. Ông với ông Trà là cặp bài trùng.

Khi ông đi chữa mắt ở Liên Xô về, nằm ở Tân Sơn Nhất. Tôi vô và nói với ông: “Anh bảo, đánh thắng Mỹ thì đui cũng được. Giờ đánh xong rồi, anh lại sáng mắt, mắt lại đẹp như mắt đêm. Anh đưa tôi coi ”. Ông biểu: - Đỡ lắm! Và cười. Ông giản dị vậy đó.

Đi đánh Bình Giã là hai trung đoàn. Trang bị súng cácbin, trường Mát (của Pháp cũ). Đạn rất ít nên làm kế hoạch xin trên. Đến hết đợt một thì có một tàu Không số chở vô được 70 tấn. Lúc này nhờ thế đã thay đổi được vũ khí trang bị: Mỗi tiểu đoàn có 60 khẩu tiểu liên AK, sáu khẩu B40, ba khẩu B41, và trung liên, đại liên. Mỗi trung đội được hai khẩu trung liên, nên bộ đội đánh sướng lắm.

Năm 1970, sau Mậu Thân. Tụi tôi bảo lột xác vì mất hết rồi. Lúc đó yêu cầu miền Bắc cho mỗi tiểu đoàn năm đại đội và có cả cán bộ khung; trước đây giao quân xong là khung trở ra. Vậy mà cũng được đáp ứng. Qua chuyện này tôi ngẫm chân lý “Miền Bắc là hậu phương lớn của chiến trường miền Nam” rất rõ. Không có miền Bắc thì không thắng được đâu.

Khi ông Anh nhận nhiệm vụ về Khu 9, biết rằng dưới đó có ba trung đoàn: 3, 10 và 20 và mười mấy tiểu đoàn, ông bảo chúng tôi: “Các cậu nhớ phân phối cho tứ đảng hoàng”. Tiễn nhau đi mà nước mắt cứ chảy vì biết rằng dưới đó đang rất ác liệt, đi xuống đó là sẵn sàng hy sinh.

Một chuyện nữa: Chỉ thị số 53 về “Người Hoa và người Việt gốc Hoa”. Thấy Ba Tường, tôi bảo nó đi bộ đội từ hồi còn nhỏ, giờ sao bảo người Hoa? Ông Anh bảo: - Đâu? Đem vô! Và ông quyết định để Ba Tường trở lại công tác bình thường, ông nói: “Tôi sẽ chịu trách nhiệm”. Ba Tường lúc đó là Phó Phòng Quân lực. Còn Hoàng Đình Quý, Chủ nhiệm Thông tin, đang ở mặt trận thì họ gọi về nghỉ! Rồi Hà Văn Đông, Trưởng Phòng Quân nhu, về sau này lên đến Đại tá, Cục trưởng Hậu cần Quân khu 7, v.v.. Ông đã quyết giữ lại rất nhiều cán bộ tốt.

MỘT QUYẾT ĐỊNH ĐÚNG VÀ KỊP THỜI

Thiếu tướng TRẦN XUÂN THU³⁶

Trung tâm của chúng tôi tồn tại được đến tận bây giờ phải nói trước hết là do anh Lê Đức Anh. Tôi hoạt động cách mạng đầu năm 1945, vào Đảng năm 1950, nhập ngũ tháng 5-1950. Bây giờ tôi xin nói về đồng chí Lê Đức Anh giai đoạn đầu ở Cục Tác chiến. Thời gian tôi ở đây không nhiều nhưng lại vào thời điểm có ý nghĩa lịch sử. Lúc đó ta đang chuẩn bị cho nhiệm vụ chiến lược mới đối với cách mạng cả nước, nhất là với cách mạng miền Nam. Thời điểm có Nghị quyết Trung ương 15, nhiều việc chuẩn bị cho miền Nam được giao cho Cục Tác chiến. Bởi vậy khi anh Lê Đức Anh về cơ quan Bộ tổng Tham mưu ở thời điểm đó là rất quan trọng và anh có sự đóng góp rất to lớn. Thời điểm thứ hai mà anh về là thời kỳ sửa sai cải

cách ruộng đất, mà sửa sai sau cải cách ruộng đất bao trùm lên nhiều vấn đề. Lúc đó anh Lê Đức Anh là Cục phó Cục Tác chiến, tham gia các vấn đề chung và về tác chiến của quân đội, đồng thời anh lại phụ trách công tác nội bộ của Cục Tác chiến. Những ý kiến chỉ đạo của anh Lê Đức Anh rất có lý có tình. Tôi phải nói con người anh Lê Đức Anh nhìn bên ngoài thì chưa thể hiện được nội tâm. Về nội tâm, anh là một con người rất dễ gần, tiếp xúc với cán bộ với một tinh thần giản dị, dễ hiểu nên anh em rất mến. Có lẽ vì thế mà thủ trưởng cục giao cho anh làm công tác nội bộ, bên cạnh công tác chung. Sau đó, anh Trần Văn Quang, Cục trưởng và anh Lê Đức Anh, Phó Cục trưởng cử tôi đi học ở Liên Xô.

Tôi đang làm Phó tư lệnh Binh chủng Hoá học thì có quyết định về làm lãnh đạo Trung tâm Nhiệt đới Việt - Xô. Trung tâm này là của Nhà nước nhưng lại giao cho Bộ Quốc phòng làm chủ quản. Bởi vậy Bộ Quốc phòng điều hành Trung tâm với sự đầu tư của Nhà nước chứ không phải lấy ngân sách quốc phòng. Thủ tướng có ủy quyền cho Đại tướng Lê Đức Anh quyết định về tổ chức và nhân sự. Tôi còn nhớ vào tháng 12 - 1987, Đại tướng Lê Đức Anh đã ra một quyết định về thành lập Phân ban Việt Nam và các nhân sự của Phân ban Việt Nam gồm có Bộ Quốc phòng, Đảng ủy quân sự Trung ương. Đồng thời cử Thiếu tướng Phan Thu, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kỹ thuật quân sự làm Chủ tịch Phân ban, và đưa một số cán bộ của Bộ Quốc phòng tham gia, trong đó có tôi. Tôi được giao làm Ủy viên thường trực của Phân ban Việt Nam, mời anh Lê Quý Hai là Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học kỹ thuật nhà nước tham gia làm Phó Chủ tịch, Bộ Y tế có Thứ trưởng Hoàng Đình Cầu, anh Quý làm Phó Chủ tịch, giáo sư Nguyễn Văn Cường làm ủy viên. Như vậy, tổ chức theo quyết định của Đảng ủy Quân sự Trung ương mà anh Lê Đức Anh trực tiếp phụ trách. Sau này còn có anh Nguyễn Trần Luận là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, anh Hồ Sĩ Thoảng Phó Giám đốc Viện Khoa học Việt Nam. Nói đúng ra thành viên hầu

như tất cả là các thứ trưởng ở các Bộ. Sau này có thêm Bộ Thủy sản. Như vậy, quyết định của Đảng ủy quân sự Trung ương mà trực tiếp là Đại tướng Lê Đức Anh ký thể hiện sự tập hợp một lực lượng rất đáng kể cán bộ lãnh đạo và các nhà khoa học của nhiều ngành theo Hiệp định giữa hai bên (được ký ngày 8-7-1987). Người chỉ đạo Trung tâm ký Hiệp định này gồm có các đồng chí: Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Phó thủ tướng Võ Nguyên Giáp, Phó thủ tướng Đỗ Mười và Đại tướng Lê Đức Anh. Bên Liên Xô có Chủ tịch Viện Hàn lâm khoa học. Khoảng tháng 2-1988, Đại tướng Lê Đức Anh quyết định tôi về làm Tổng Giám đốc, từ đó tôi tiếp nhận được rất nhiều ý kiến chỉ đạo của anh Lê Đức Anh.

Khi tiếp xúc với Đại sứ Liên Xô, tôi thấy có mấy điểm thế này. Lúc đó Việt Nam và Liên Xô là anh em, hợp tác và giúp đỡ nhau trên tinh thần quốc tế vô sản. Liên Xô là một cường quốc về khoa học quân sự quốc phòng, vì vậy về mặt tổ chức, bên bạn là Viện Hàn lâm, nhưng bên ta thì Trung tâm lại là một tổ chức trong biên chế của Bộ Quốc phòng. Bằng quyết định này, mình đã tranh thủ được những mặt mạnh của bạn là cường quốc về khoa học kỹ thuật và cường quốc về quốc phòng. Về mặt khoa học thì mình tranh thủ được Viện Hàn lâm. Về mặt quốc phòng, trang bị kỹ thuật của quân đội ta lúc đó hầu hết là do Liên Xô sản xuất. Vậy thì làm sao tận dụng chất xám của bạn vào việc khai thác sử dụng, bảo quản trang thiết bị của bạn trong điều kiện của mình. Điều này rất quan trọng bởi vì có một phần trang bị chúng ta chưa nắm hết được tính năng kỹ thuật. Có một thực tế là khi chưa có Hiệp định này, ta không được vào những viện nghiên cứu rất bí mật của Nga. Ví dụ, các đồng chí Không quân của ta chưa bao giờ vào được Viện Không quân của Nga. Lần đầu tiên sau khi đã ký Hiệp định, khi chúng tôi đến cùng với anh Trương Khánh Châu lúc đó là Phó tư lệnh Quân chủng Không quân, phía bạn nói là các anh là những người ngoại quốc đầu tiên đến Viện này. Như vậy, từ đó chúng ta đã thiết lập được những quan hệ rất sâu sắc. Chẳng hạn, sau này tôi cùng đồng chí

Phó tư lệnh Hoá học của Nga ký một văn bản hợp tác nghiên cứu về công nghệ cao, bạn nói là vũ khí chính xác cao. Có thể thấy ý định tranh thủ khoa học kỹ thuật của bạn thể hiện rất rõ ở Đại tướng Lê Đức Anh.

Hai là, tháng 8-1991, khi Liên Xô tan rã, ý kiến của anh Lê Đức Anh đã giúp cho Trung tâm thoát khỏi cái bước gọi là "thử thách sống còn". Lúc đó tuy Nga đã thay thế Liên Xô, nhưng vì nước Nga đang lâm vào khủng hoảng, rất khó khăn nên từ 200 cán bộ đang làm việc ở Trung tâm phía Nam (Thành phố Hồ Chí Minh) buộc phải rút xuống chỉ còn 13 người, chủ yếu là để giữ cơ sở vật chất kỹ thuật, và chờ đợi quyết định của Chính phủ Nga xem có tiếp tục duy trì không. Điều thứ hai là ở nước ta. Lúc đó có nhiều cơ quan, trong đó có cả cấp tướng của ta nói rằng Liên Xô tan rã, nên họ bảo không còn hợp tác, giải tán cái Trung tâm này đi! Khi anh em chúng tôi làm kế hoạch tài chính để xin kinh phí thì người ta bảo Trung tâm có còn không mà cấp cho anh tiền? Xin đất cũng vậy, họ bảo tuy tâm của có còn không để mà cấp đất xây dựng cơ quan?

Trong tình hình đó, Ban Giám đốc Trung tâm chúng tôi trực tiếp được Đại tướng Lê Đức Anh chỉ đạo rất sáng suốt như thế này: Trước sau thì nước Nga vẫn là một cường quốc, hơn nữa nhân dân Nga không dễ xoá đi tình cảm anh em giữa Việt Nam và Liên Xô trước đây. Vì thế chúng ta kiên quyết phải duy trì Hiệp định này, mặc dù trước mắt chúng ta có khó khăn nhưng phải chờ đợi bạn, chỉ đề nghị bạn thực hiện, chúng ta vẫn tiếp tục hoạt động, duy trì Hiệp định. Trong khi đó, cơ quan chính phủ đã rà soát lại toàn bộ các hiệp định, trong đó có hiệp định về Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga rồi điện sang Bộ Quốc phòng hỏi chúng ta có còn giữ hay không? Sau khi có ý kiến của Đại tướng Lê Đức Anh, rồi ý kiến của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đều nói rằng chúng ta phải duy trì, Bộ Quốc phòng đề nghị với Chính phủ là giữ và Chính phủ ta cũng ra quyết định là giữ Hiệp định này, trong khi có khá nhiều hiệp định phải chấm dứt. Ngay sau đó chúng tôi làm việc với bạn

để chính thức hóa trách nhiệm của Nga thay thế trách nhiệm của Liên Xô. Trong các cơ sở liên doanh với Nga, nhất là các cơ sở nghiên cứu khoa học thì coi như giải tán gần hết, còn duy nhất Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga. Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh sau khi thay Đại tướng Võ Nguyên Giáp phụ trách về khoa học có phát biểu: "Các anh phải rút kinh nghiệm, tại sao cũng trong tình hình như thế mà Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga vẫn tồn tại được trong lúc sóng gió?"

Nguyên nhân mà chúng tôi nhận thức được là: Thứ nhất, Trung tâm đặt tại Bộ Quốc phòng, nếu như đặt tại Bộ khác thì lúc bấy giờ đều chao đảo và bỏ cả. Như vậy là ta đã nhìn thấy nhu cầu hợp tác là vấn đề chiến lược quan trọng giữa ta và Liên bang Nga trong lúc tình hình diễn biến phức tạp. Điều thứ hai, nước Nga và ta có quan hệ truyền thống lâu đời, trong khi đường lối của Đảng ta đã chỉ rõ là kiên trì mục tiêu "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các quốc gia và các dân tộc trên thế giới" thì dù thế nào chúng ta vẫn phải giữ quan hệ hữu nghị và hợp tác với Nga. Tôi thấy ý kiến chỉ đạo này rất đúng với tình hình thực tiễn và nhìn trước được sự phát triển hợp tác giữa hai bên. Trong nhiệm kỳ Đại tướng làm Chủ tịch thì ngày Tết, ngày lễ chúng tôi đến thăm, cũng là để báo cáo tình hình và xin những ý kiến chỉ đạo sát sao của Đại tướng.

Bạn Nga nói quyết định của Đại tướng là rất sáng suốt, đúng đắn. Năm 1991, Đại tướng ra quyết định chuyển Trung tâm từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội ngay giữa thời điểm Liên Xô tan rã. Đại tướng đã đến thăm Trung tâm tại chi nhánh phía Bắc. Tôi có nói với Đại tướng là hôm nay Đại tướng đến thăm Trung tâm cơ sở phía Bắc, hôm sau muốn mời Đại tướng đến thăm trụ sở chính của Trung tâm ở phía Nam. Đại tướng nói là: "Không, tôi đến đây là thăm Trung tâm nhiệt đới Việt-Nga chứ không phải chi nhánh phía Bắc và tôi quyết định là cơ sở chính sẽ chuyển từ phía Nam ra đây!". Quyết định này ngay bạn Nga cũng ngỡ ngàng vì trong lúc "nước sôi lửa bỏng" như thế này, nhiều người còn muốn giải tán, mình lại là cơ

quan trực thuộc Nhà nước mà lại nằm trong Thành phố Hồ Chí Minh thì cực khó. Đúng thời điểm này Đại tướng có quyết định và từ đó chúng tôi mới tiếp cận được với các cơ quan các bộ: Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường, Bộ Tài chính để duy trì hoạt động và phát triển.

Ngày đầu chuyển ra, chúng tôi phải mượn một phần doanh trại của Đoàn 871 bên Gia Lâm làm nơi tạm trú. Sau đó xin Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho khu tập thể, chúng tôi xin được 15 tỷ đồng và được một vài hécta đất. Việc này nếu ở trong Thành phố Hồ Chí Minh là không thể làm được. Vấn đề quan trọng nhất là chúng tôi đề nghị Đảng ủy Quân sự Trung ương ra được nghị quyết về Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga. Anh Lê Đức Anh có ý kiến, rồi Đại tướng Võ Nguyên Giáp cũng có ý kiến là phải có Nghị quyết của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương thì mới xây dựng Trung tâm này được. Trong cuộc họp tôi cũng báo cáo với Thường trực Đảng ủy Quân sự Trung ương là tôi đang chỉ huy một đơn vị trong tình trạng quân vay tướng mượn. Quân vay vì lực lượng của mình mỏng quá. Tướng mượn là nói về chủ các dự án, rất nhiều chủ nhiệm đề tài phải lấy ở các bộ bên ngoài vì quân của mình trong Bộ Quốc phòng không mạnh nên không đủ sức. Nga thì họ toàn là những giáo sư, viện sĩ trong khi đó anh em ta vừa mới vào nghề, nhiều người còn không biết tiếng Nga nữa. Quân vay tướng mượn mà lại phải ở nhờ Đoàn 871, cơ sở ở Nha Trang cũng phải ở nhờ đất của Quân khu 5, đến độ quân mình ra vào cổng qua trạm gác cũng gặp khó khăn. Sau đó Đảng ủy Quân sự Trung ương đã ra một nghị quyết rất quan trọng. Thứ nhất là duy trì và phát triển Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga. Quyết định thứ hai là tăng cường đầu tư cho Trung tâm phía Việt Nam để có đủ sức làm việc với bạn. Và từ quyết định đó mình mới ký kết lại được với bạn để bạn có công hàm, nói đúng hơn để Bộ chúng ta làm thành viên phía Việt Nam báo cho thành viên phía Nga là chúng tôi quyết định chuyển trụ sở chính ra phía Bắc, yêu cầu

Liên bang Nga thực hiện quan điểm của mình về Trung tâm này và bên Nga họ cũng hoàn toàn nhất trí. Họ nói là sẽ tiến hành ký lại nghị định thư là nước Nga sẽ thay thế Liên Xô và sau đó họ chủ động tiến hành. Nhưng chúng ta cũng không thể chờ đợi bạn vì bạn đang khó khăn, ta cứ quyết định đầu tư để xây dựng Trung tâm. Như vậy, ý tưởng của Đại tướng Lê Đức Anh, của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được chính thức hóa bằng Nghị quyết của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương. Nghị quyết này đã đưa Trung tâm qua được giai đoạn khủng hoảng và ta đã ký được với Nga cùng nhau nghiên cứu khắc phục hậu quả chiến tranh và các đề tài khoa học khác; và như vậy Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga vẫn tồn tại và phát triển.

NGƯỜI ANH THÂN THIẾT VÀ RẤT KÍNH TRỌNG CỦA TÔI

TRẦN CÔNG AN³⁷

Năm 1950, tôi làm Huyện đội phó kiêm Đại đội trưởng bộ đội địa phương mang tên "Đại đội Nguyễn Văn Nghĩa". Lúc đó mới chỉ được biết gián tiếp đồng chí Lê Đức Anh trong Ban Chỉ huy chiến dịch Bến Cát qua chữ ký tên đồng chí trong Giấy khen mà đơn vị tôi và cá nhân tôi được tặng thưởng. Đây là chiến dịch tiến công đầu tiên của miền Đông Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp kể từ khi chúng thực hiện dã tâm tái xâm lược Việt Nam (23-9-1945). Tại chiến dịch này, đơn vị tôi và tôi lần đầu tiên (của cả chiến trường) diệt được bốn tháp canh trên lộ 4 và lộ 7, mà quân Pháp gọi là "Chiến thuật đồn bốt tháp canh Đòlatua". Cách đánh mà chúng tôi nghĩ ra, cùng với phương pháp làm bay hết hơi người để chống lại bầy chó dữ, bí mật đột nhập vào đồn địch của anh Nguyễn Văn Rỡ, chiến

sĩ Tiểu đoàn 302 đã được đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ uỷ Nam Bộ khen ngợi trong buổi lễ tổng kết chiến dịch là đã mở ra một cách đánh mới, một chiến thuật mới, đó là cách đánh đặc công và chiến thuật đặc công. Ngoài chữ ký trên Giấy khen, đồng chí Lê Đức Anh còn ký tên trong giấy thu nhận một khẩu trung liên và 23 khẩu súng khác là chiến lợi phẩm của chiến dịch, anh đã ký cho phép đơn vị được sử dụng; và ký vào giấy cho chúng tôi được trở về đơn vị, về địa bàn của mình sau khi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến đấu của chiến dịch Bến Cát.

Cuối năm 1952, tôi được là thành viên trong đoàn cán bộ của bộ đội Nam Bộ ra miền Bắc học tập. Chúng tôi hành quân bộ xuyên dãy Trường Sơn; ra đến Trạm 66 Bộ Tổng Tham mưu (lúc đó đóng ở chiến khu Việt Bắc) ngày 31-12-1952. Sáng 3-1-1953, chúng tôi được đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí của Ban Cán bộ đến thăm. Đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc trực tiếp với đồng chí Anh. Đồng chí Lê Đức Anh đã thay mặt đoàn Nam Bộ phân bổ chúng tôi đi học các lớp do cấp trên tổ chức. Thấy anh em đề đạt nguyện vọng muốn đi học bên Trung Quốc, đồng chí Lê Đức Anh đã có những lời phân tích vừa chắc nịch, có sức thuyết phục, vừa tình cảm, tất cả mọi người đều nhất trí và vui vẻ học tập các lớp tại chiến khu. Ngay từ những ngày đầu tiên đó tôi đã thấy kính nể đồng chí cán bộ cấp tham mưu Liên khu miền Đông.

Khi chúng tôi chuẩn bị lên đường trở về miền Nam, tôi được giao làm tổ trưởng trong tổ ba người, gồm tôi, đồng chí Tám Dọn (tức Tám Liên Thanh, quê ở Gia Định, sau này là Trung tướng Phó Tư lệnh bộ đội Biên phòng) và đồng chí Nguyễn Văn Được, quê ở Bà Rịa. Tổ chúng tôi có nhiệm vụ đi bảo vệ đồng chí Lê Đức Anh trên tuyến đường vô Nam. Anh phân công cho mỗi người ngoài gạo ăn đường ra còn mang tài liệu mật, vàng và tiền Đông Dương, mỗi người khoảng 1 kg. Tháng 1-1953 thì vào đến huyện Dương Hoà, Thừa Thiên - Huế. Đồng chí Anh đã xin phép tổ cho đi thăm cô em gái (tức o Xoan bây giờ) mà anh xa cách đã 21 năm

vì khi cô ra đời thì anh đã phải bí mật di tản vào Nam Bộ theo chỉ thị của tổ chức Đảng. Chính cử chỉ "xin phép" của anh đã giáo dục chúng tôi về nếp sống kỷ luật, dù anh là cấp trên nhưng vẫn tôn trọng tổ chức dù rằng "tổ chức" lúc đó chỉ có bốn người. Đi một tháng nữa thì vào tới Quảng Ngãi. Dọc đường đi anh đã giáo dục chúng tôi một số bài học về quan điểm quần chúng. Vì bữa đó là 28 Tết nên người đi chợ sắm tết rất đông, chúng tôi chờ hoài mà dòng người không dứt. Tôi liền ra đứng chặn đầu cầu để cho anh qua. Tối hôm đó anh đã nhẹ nhàng phê bình tôi: "Lần sau không nên như vậy. Mình có vội gì đâu. Đồng chí lẫn người ta rủ bánh kẹo của dân rớt xuống sông thì lấy tiền đâu mà đền. Dù nhường dân đi, mình tới trạm có mượn một chút cũng không sao". Chúng tôi dừng ba ngày ăn tết với Bộ Tư lệnh Liên khu 5. Anh Anh trao cho Liên khu một số tài liệu. Các anh Nguyễn Chánh, Nguyễn Đôn đãi khách món cá trê kho mặn; buổi tối thì liên hoan văn nghệ hát bài chòi. Thấy anh em họ nói "anh em đứng gác" thành "eng en đứng gác", cả tôi, anh Được và Tám Dọn chạy ra sau bùm miệng cười. Anh Anh liền nhắc nhở: - Không được giấu cợt cách phát âm của họ vì các cụ vẫn dạy "Chửi cha không bằng pha tiếng".

Vào tới Bồng Sơn, Bình Định gặp địch càn nên phải ở lại gần 15 ngày. Tôi đi mua thịt, xương bò và heo về nấu keo làm mắm khô. Về đêm do quá lửa lại ngủ quên nên thịt cháy hết. Thấy chúng tôi xuýt xoa tiếc rẻ, anh chỉnh liên: - Làm cháy cái chảo của dân các anh không nói đến đền bù ra sao mà chỉ lo cháy thịt của mình. Chừ phải kiểm điểm, phải đền bù và xin lỗi chủ nhà cho mượn chảo.

Dọc đường anh phân công cho tôi đọc sách cho mọi người cùng nghe và học những điều có trong sách... Chúng tôi về chiến khu Đ mất chín ngày, rồi qua Bình Long lên Tây Ninh. Sau mấy ngày nghỉ ngơi, anh làm giấy tờ cho từng đồng chí về đơn vị cũ nhận công tác. Tôi thấy anh về ngay căn cứ Phân liên khu Miền Đông mà không ghé thăm người thân ở Bến Cát. Còn chúng tôi sau đó được cử xuống ngay

Bến Cát nghiên cứu cách đánh hợp vây của Tiểu đoàn 306 và cách đánh rất hay của du kích xã Thới Hoà do đồng chí Song chỉ huy...

Tháng 11-1962, tôi được cử vào Đảng uỷ Cục Hậu cần Miền, làm Bí thư và Đoàn trưởng Đoàn Hậu cần khu vực 81 tức chiến khu A. Tháng 11-1964 tôi về Miền họp Đảng uỷ Cục Hậu cần, có đồng chí Tư Chi và đồng chí Lê Đức Anh đến dự. Hai đồng chí đã chỉ thị cho tôi: Tổ chức một đại đội 120 người có cả nam và nữ về Miền làm nhiệm vụ vận tải và một đại đội đi phục vụ chiến dịch; về Đoàn Hậu cần 81 chọn rút 700 cán bộ chiến sĩ thành lập Tiểu đoàn 3 đưa về T1 để xây dựng Trung đoàn 4 bộ binh; lựa 50 anh em đặc công quê ở Biên Hoà hoặc vùng phụ cận đưa về thị xã Biên Hoà hoạt động tác chiến. Anh Lê Đức Anh khen tôi đã tổ chức được một lực lượng "chủ lực hậu cần" rất mạnh, vì lúc này "lương thực là tướng", có gạo thì mới điều quân. Hôm sau, tại Cục Tham mưu Miền, anh Anh đã chỉ thị trực tiếp cho tôi: "Anh rèn cách đánh đặc công, nay tăng cường anh xuống thị xã Biên Hoà. Ở đó chưa có thị đội. Tháng tới anh phải xuống tới đó lo tổ chức lực lượng đặc công".

Sau khi anh phân tích về địch, về ta, nhiệm vụ của tôi là Thị đội trưởng, là cấp uỷ viên thuộc Thị uỷ, tách ra khỏi U2 Biên Hoà, trực thuộc T1 (Khu 7) và trực thuộc Miền về chỉ đạo mục tiêu. Gồm có bốn nhiệm vụ:

- Đánh sân bay Biên Hoà, có điều kiện thì cùng chủ lực chiếm sân bay, hoặc kết hợp đặc công và pháo binh đánh theo yêu cầu.
- Đánh quy mô nhỏ lẻ vào Quân đoàn 3 của địch, tổ chức cơ sở mật trong lòng địch.
- Nghiên cứu kỹ trước mục tiêu cầu Biên Hoà (Đồng Nai), chuẩn bị lượng thuốc nổ để khi có lệnh là phá được ngay.

- Cùng lực lượng tại chỗ của địa phương đánh phá bình định, diệt ác ôn, tổ chức cơ sở trong nội thành. Tổ chức "lõm" ém quân sát nách địch. Tổ chức du kích mật để kết hợp trong và ngoài cùng tiến công, đánh đòn hiểm vào cơ quan đầu não của địch.

Ngày 20-12-1967, theo điện của Miền, tôi đến khu A Rước. Đồng chí Lê Đức Anh, Phó Tư lệnh Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Miền triệu tập hội nghị phổ biến kế hoạch tác chiến (Mậu Thân) tại Bào Sao. Tham dự có Bộ Tư lệnh Sư đoàn 5, Tỉnh uỷ U1, Thị uỷ Biên Hoà, các huyện Vĩnh Cửu và Trảng Bom. Đồng chí Anh đã phổ biến kế hoạch tiến công các mục tiêu: Sân bay Biên Hoà, Tổng kho Long Bình, Bộ tư lệnh Dã chiến 2 của Mỹ, Sở chỉ huy Quân đoàn 3 nguy, dinh Tỉnh trưởng, Nha cảnh sát miền Đông, Ty Cảnh sát Biên Hoà, Chi khu Công Thanh, Yếu khu Trảng Bom. Tại các xã, ấp thì cán bộ, du kích cơ sở phát động quần chúng nổi dậy diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ địa phương.

Lực lượng tác chiến trên địa bàn U1-Biên Hoà gồm có: Sư đoàn 5 thiếu một trung đoàn, được tăng cường một tiểu đoàn DKB của Miền, hai tiểu đoàn đặc công của U1, một đội biệt động của thị xã, hai trung đội bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu và huyện Trảng Bom. Mỗi xã có một tiểu đội du kích. Ngoài ra còn khoảng 300 cơ sở mật làm nòng cốt ở các ô ấp của thị xã Biên Hoà. So sánh tương quan lực lượng giữa ta và địch là 1/10, nhưng tinh thần của quân và dân khi được phát động thì sẽ nâng lên gấp bảy lần, dự kiến sẽ là 8/10. Yếu tố bí mật bất ngờ, ta sẽ nhằm vào ngày Tết Nguyên đán để nổ súng tiến công thì sẽ giành thắng lợi.

Phổ biến xong Chỉ thị của Trung ương và kế hoạch sử dụng lực lượng, phân công mục tiêu đánh cho từng đơn vị, địa phương, anh Lê Đức Anh chỉ định Đảng uỷ và Bộ Chỉ huy mặt trận gồm: đồng chí Trần Minh Tâm, Sư đoàn trưởng Sư đoàn 5 làm Chỉ huy trưởng, tôi Trần Công An là phó, anh Sáu An tức Lê Xuân Lự, Chính uỷ Sư đoàn 5 làm Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư U1 làm Phó

Bí thư kiêm Phó Chính uỷ, anh Hai Dũng, Phó Chính uỷ Sư đoàn 5 làm Phó Chính uỷ Mặt trận, hai anh Sáu An và Đặng Ngọc Sỹ, Tham mưu trưởng Sư đoàn 5 được phân công trực tại Sở Chỉ huy cơ bản. Phổ biến chỉ thị xong, anh Sáu chúc các đơn vị giành thắng lợi giòn giã rồi anh chào mọi người trở về Miền.

Kể từ buổi đó, cho đến tận năm 1996, tôi lại mới có dịp gặp lại anh Lê Đức Anh tức Sáu Nam. Hôm đó, anh trên cương vị Chủ tịch nước cùng lãnh đạo, chính quyền và cơ quan tỉnh Đồng Nai tới viếng Tượng đài Chiến thắng tại sân bay Biên Hoà. Viếng xong anh trực tiếp đến nhà tôi thăm tôi và gia đình với hai tư cách: một là tình đồng đội, cán bộ chiến sĩ năm xưa cùng hành quân suốt năm tháng trên dãy Trường Sơn từ miền Bắc trở về quê hương khói lửa miền Nam. Hai anh em vô cùng mừng rỡ đã ôm nhau thăm thiết và xúc động sau bao nhiêu năm xa cách; hai là, anh với cương vị Chủ tịch nước đến thăm gia đình tôi, một gia đình thương binh liệt sĩ. Anh đã ân cần thăm hỏi về sức khoẻ, bệnh tật, đời sống vật chất tinh thần. Hai anh em bồi hồi ôn lại những kỷ niệm chiến đấu thời đánh Pháp và những kỷ niệm của chuyến vượt Trường Sơn. Anh nói với mọi người có mặt hôm đó là đồng chí Trần Công An tức Hai Cà đánh giặc giỏi mà sản xuất cũng giỏi. Đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ báo cáo với anh rằng Tỉnh đã đề nghị trên xét tuyên dương Anh hùng nhưng chưa thấy hồi âm. Anh Sáu nói: "Tôi nghe có trong danh sách đề nghị đợt 2. Anh Hai Cà thì thừa tiêu chuẩn Anh hùng. Nếu có văn bản tài liệu thì đưa gửi cho tôi, về Hà Nội sẽ cùng các cơ quan xem xét và giải quyết". Và sau đó tôi đã được quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Suốt những năm vừa qua, tôi luôn ghi nhớ những lời dạy của anh và đã thực hiện được những lời đó trong cuộc sống tại địa phương, giữ vững phẩm chất của một anh hùng, phần thưởng vô cùng cao quý mà tôi được Đảng, Nhà nước, nhân dân và đồng đội tôn vinh.

Với tôi, anh Lê Đức Anh mãi mãi là một người anh mà tôi thấy thân thiết, kính trọng như anh em ruột thịt của mình.

TÔI HIỂU ANH, KÍNH TRỌNG ANH

Đại tá NGUYỄN BỘI GIONG³⁸

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, một số cán bộ chúng tôi từ các đơn vị được chọn và điều về cơ quan Bộ tổng Tham mưu, trong đó có tôi và anh Lê Đức Anh. Anh Lê Đức Anh lúc đầu được giao Cục phó Cục Tác chiến, sau đó lại chuyển sang làm Cục phó Cục Quân lực. Tôi được gặp và biết anh từ thời điểm này. Nhưng chúng tôi cũng không gặp nhau thường xuyên, dù hai người cùng ở Bộ Tổng Tham mưu và lúc đó cơ quan còn ít người chứ không đông như sau này, nhưng vì thời điểm này anh Lê Đức Anh và một số đồng chí nữa được giao nhiệm vụ vào miền Nam phổ biến, truyền đạt nội dung của Hiệp định Giơnevơ.

Thời điểm thứ hai tôi được công tác gần bên anh Lê Đức Anh là thời kỳ anh được Bộ Chính trị, Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng giao cho đảm trách chỉ huy Quân tình nguyện và Đoàn chuyên gia Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Campuchia, tôi làm phái viên của Bộ tổng Tham mưu tại Quân tình nguyện, lúc đó lấy mật danh là 719.

Qua hai thời điểm ở hai thời kỳ, tuy thời gian chưa dài lắm, nhưng tôi được hiểu về anh, càng hiểu tôi càng thấy kính trọng, mà nổi bật nhất là những điểm tôi cảm nhận rất rõ:

Trước hết, tôi thấy anh Lê Đức Anh là con người sống giản dị, liêm khiết, cần kiệm; moi cái ăn, mặc, ở... không thể chê trách điều gì. Hồi đó (sau năm 1954), anh

Hoàng Văn Thái là Phó tổng Tham mưu trưởng kiêm Bí thư Đảng uỷ Bộ tổng Tham mưu. Anh Thái là người rất nghiêm túc trong mọi công việc; đối với việc nhận xét, đánh giá cán bộ (là một trong những chức năng, nhiệm vụ của người Bí thư Đảng bộ), anh lại càng thận trọng và nghiêm túc. Anh Thái thường nói: "Cán bộ cấp trên phải gương mẫu đối với cán bộ cấp dưới". Trong nhận xét, đánh giá cán bộ thì bao giờ anh và Thường vụ Đảng uỷ cũng đánh giá cán bộ cấp cục trước, cấp phòng ban sau. Lúc đó tôi làm thư ký giúp việc cho anh Thái nên tôi được biết, anh Thái không những không bao giờ phàn nàn, chê trách gì đối với anh Lê Đức Anh, mà anh còn hay nêu gương anh Anh để cấp dưới học tập.

Thứ hai là anh Lê Đức Anh là người có suy nghĩ độc lập và hết sức thông minh trong điều hành công việc, đặc biệt là ở những thời điểm, những tình huống gay gắt của chiến đấu quân sự nói riêng, của tình hình chính trị - xã hội nói chung. Những lúc như vậy, tôi thấy bao giờ anh Lê Đức Anh cũng đưa ra được những ý kiến sắc sảo để giải quyết tình huống, và những ý kiến đó đều được cấp trên trực tiếp của anh (như các anh Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Hoàng Văn Thái, Trần Văn Trà...) nhất trí.

Một điểm nữa tôi thấy ở anh Lê Đức Anh là đối với đồng chí, đồng đội, anh không ưa lối lựa chiều, giữ ý hoặc rào trước đón sau mà luôn nói thẳng, nói thật, đồng thời anh cũng quý mến những người nói thẳng, sống thật lòng. Anh em trong cơ quan đã quen với phong cách của anh, mỗi khi phát biểu, anh không thừa gửi dài dòng mà nói luôn vào các vấn đề, phân tích rất khúc chiết, ví dụ minh chứng cụ thể, khen chê rõ ràng, minh bạch.

Có người nói anh Lê Đức Anh là người có tham vọng. Tôi cho rằng đã là người sống trên đời thì ai chả có tham vọng, vấn đề ở chỗ nếu là tham vọng chính đáng thì tốt, và điều quan trọng là nỗ lực của người đó để đạt được tham vọng chính đáng của mình như thế nào. Ở anh Lê Đức Anh tôi thấy rằng trước kia, khi còn là

cán bộ cơ quan Bộ Tổng Tham mưu thì anh luôn mong muốn và luôn tự giác phấn đấu góp sức mình để xây dựng nên một cơ quan vững mạnh, ngày càng xứng đáng là *cơ quan tham mưu chiến lược* của Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng. Sau này, khi anh ở cương vị cao là Uỷ viên Thường vụ Bộ Chính trị, Chủ tịch nước thì tham vọng của anh là xây dựng một thể chế Nhà nước, một chính quyền Trung ương thật vững mạnh. Anh cho rằng chính quyền có vững mạnh thì mới thực hiện được dân chủ lớn, dân chủ rộng rãi và triệt để. Mà như vậy thì mới thật sự đẩy lùi và chống triệt để được nạn tham nhũng và tệ lãng phí. Chính quyền không đủ mạnh thì khó có thể thực hiện được vì những phần tử cơ hội sẽ lợi dụng ngay những chỗ yếu, những chỗ sơ hở trong bộ máy của Đảng và Nhà nước để thực hiện tham vọng cá nhân. Tôi cho rằng tham vọng của anh là chính đáng, trong thâm tâm tôi ủng hộ cái đó. Trên nói dưới phải nghe, đã nghị quyết là phải làm và làm có hiệu quả. Những phần tử tham ô, tiêu cực, quan liêu cần phải bị tẩy trừ cho trong sạch bộ máy lãnh đạo. Trong cuộc đấu tranh này, anh Lê Đức Anh là người gương mẫu và tích cực. Và xin nói lại một câu là về sinh hoạt, lối sống thì anh luôn là con người giản dị, gương mẫu. Tôi hiểu anh và kính trọng anh.

TRONG BOM ĐẠN, CHÚNG TÔI ĐƯA ĐỒNG CHÍ VƯỢT SÔNG

TRƯƠNG VĂN THỌ³⁹

Tôi là Trương Văn Thọ, tức Tám Lọ, hiện ở số nhà 5B đường Lý Thường Kiệt, phường 6 thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tôi tham gia Quân giải phóng miền Nam từ năm 1961, được vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1964. Từ năm 1965, tôi được giao nhiệm vụ bảo vệ trực tiếp cho đồng chí Lê Đức Anh, lúc đó đồng chí Lê

Đức Anh là Phó Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam kiêm Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Miền. Đến năm 1974, khi đồng chí Lê Đức Anh về căn cứ Tà Thiết của Bộ Chỉ huy Miền nhận công tác, tôi được đồng chí Lê Đức Anh cho ở lại làm trợ lý bảo vệ Sư đoàn 4, Quân khu 9.

Trong thời gian làm nhiệm vụ bảo vệ cho đồng chí Lê Đức Anh qua các chiến dịch, các chiến trường ở miền Đông cũng như ở miền Tây Nam Bộ, đã ghi lại trong trí nhớ của tôi nhiều kỷ niệm. Tôi thấy đồng chí Lê Đức Anh là người chỉ huy mẫu mực, dũng cảm và kiên định, không khuất phục trước bất cứ khó khăn gian khổ nào. Đồng chí còn là người giàu lòng thương yêu đồng chí, đồng đội và rất chăm lo đến đoàn kết quân dân.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, quân nguy Sài Gòn quyết liệt tiến công lấn chiếm vùng giải phóng. Thời kỳ này đồng chí Lê Đức Anh, mật danh là Chín Hoà, là Tư lệnh Quân khu 9, đồng chí Võ Văn Kiệt, mật danh là Tám Thuận, là Bí thư Khu uỷ Khu 9. Hai đồng chí đã lãnh đạo và chỉ huy bộ đội và nhân dân đấu tranh chống lại sự lấn chiếm của địch để giữ đất và bảo vệ dân. Đồng chí Lê Đức Anh trực tiếp xuống kiểm tra chỉ huy chiến đấu của Trung đoàn 1 ở huyện Long Mỹ, Cần Thơ. Đồng chí Dương Tử là Trung đoàn trưởng, đồng chí Phạm Văn Trà (nay là Bộ trưởng Quốc phòng) làm Tham mưu trưởng Trung đoàn 1. Lần ấy, chúng tôi cùng đồng chí Lê Đức Anh vừa qua sông Nước Trong để tới Sở chỉ huy của Trung đoàn 1, vị trí cách đồn địch bên kia sông chừng mấy trăm mét. Vừa lúc đó máy bay trực thăng của địch tới oanh tạc. Chúng thả thùng thuốc nổ hợp chất C4 xuống hòng huỷ diệt Sở chỉ huy Trung đoàn 1. Tôi đứng trên cửa hầm quan sát. Đồng chí Lê Đức Anh đã ra lệnh cho tôi nổ súng bắn máy bay. Tôi nhắm vào máy bay bắn một loạt súng AK. Một chiếc máy bay trực thăng "Cán gáo" trúng đạn đã rơi cách hầm trú ẩn của chúng tôi chừng 200m. Chiếc thứ hai cũng bị tôi bắn bị thương, phải hạ cánh khẩn cấp xuống đồn Thanh Lòng, cách chỗ chúng tôi chừng 1km. Sau

khi hai chiếc máy bay trực thăng bị trúng đạn, các loại máy bay địch bu đến tập trung cứu phi công Mỹ, chúng tôi lợi dụng cơ hội đó, tranh thủ đưa đồng chí Lê Đức Anh vượt sông Nước Trong sang Ban Chính trị Trung đoàn 1, lúc đó bố trí ngay sát hàng rào ngoài cùng của đồn Đầu Lá của địch, để đồng chí Lê Đức Anh nắm tình hình thực tế và chỉ huy chiến đấu. Đây là một trong những kỷ niệm mà tôi không thể nào quên trong những năm tháng được vinh dự làm nhiệm vụ bảo vệ đồng chí Lê Đức Anh, một người chỉ huy mẫu mực, tận tụy, sát thực tế chiến đấu và rất gan dạ, kiên quyết và sáng suốt trong mọi tình huống.

VỀ KHU 9⁴⁰

TRƯỞNG CỘNG HOÀ

Từ ngày 18 đến 20-8-1998, đồng chí Lê Đức Anh, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, thăm và làm việc tại hai tỉnh Cần Thơ và Kiên Giang. Tính từ tháng 11-1997 đến nay, đây là lần thứ hai đồng chí Lê Đức Anh thăm đồng bào và chiến sĩ Khu 9. Đường như mảnh đất này chiếm một phần không nhỏ trong tâm tư và tình cảm của ông, của chú, của anh Sáu Nam theo cách gọi thân mật của người dân Nam Bộ đối với đồng chí Lê Đức Anh, nguyên Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch nước, nguyên Tư lệnh Quân khu 9.

Bác Sáu Nam về miền Tây Nam Bộ chuyến này khỏe mạnh hơn tháng 11-1997. Lúc đó, bác Sáu mới phục hồi sau một trận ốm nặng, người còn yếu nhưng vẫn lặn lội ra Phú Quốc, đến U Minh thăm hỏi bà con vừa bị cơn bão số 5 gây hại. Được đi phục vụ bác, chúng tôi vừa đi vừa lo nhưng vẫn tin vào ý chí quật cường của "người lính Cụ Hồ" trong bác Sáu. Lần này về Cần Thơ và Kiên Giang, bác Sáu

nêu một vấn đề bức xúc trong suy nghĩ lâu nay của mình: vì sao một bộ phận nông dân Nam Bộ thiếu đất và không có đất sản xuất? Thông tin bác Sáu Nam không thiếu. Nhiều cán bộ có trách nhiệm đã báo cáo cụ thể với bác Sáu Nam, nhưng bác Sáu vẫn muốn trực tiếp tiếp xúc với người dân nghèo mất đất hoặc thiếu đất sản xuất. Ở huyện Phụng Hiệp tỉnh Cần Thơ, các đồng chí lãnh đạo huyện đã mời một số dân nghèo ở xã Tân Bình và xung quanh thị trấn Phụng Hiệp đến trò chuyện với bác Sáu Nam. Đó là các ông: Võ Trung Thành, Nguyễn Văn Mười Hai, Trần Lắm, Dương Văn Long, Lê Trung Tầm, Nguyễn Văn Đầy, Nguyễn Văn Đơm, Hà Văn Dá, Lê Bi, Trần Văn Tư. Về Kiên Giang, lãnh đạo Tỉnh uỷ muốn bác Sáu Nam lựa chọn An Biên, huyện vùng sâu của tỉnh thuộc bán đảo Cà Mau. Ở đây, huyện cũng mời một số nông dân nghèo đến trò chuyện cùng đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Đức Anh. Đó là các ông: Dương Văn Ân, Danh Đệ, Danh Dĩa, Nguyễn Hồng Việt, Danh Sỹ, Danh Hầu, chị Danh Thị Mọi, bà Đỗ Văn Điển, và Danh Sóc là đại biểu trẻ nhất, người Khơme, mới có một vợ và một con, đang phải nuôi sáu trẻ nhỏ nữa. Ở mỗi cuộc họp, bác Sáu Nam đều nói rất chân tình và tha thiết: "Tôi là Sáu Nam, trước chiến đấu ở vùng này. Hôm nay tôi về thăm Đảng bộ và bà con. Thứ hai là tìm hiểu cuộc sống của bà con hiện nay. Vì sao còn có tình trạng người làm nông nghiệp mà không có đất?" Trước thái độ cởi mở, chân tình của bác Sáu Nam, những nông dân nghèo thiếu đất của hai địa phương đã bộc bạch nỗi lòng của mình, kể rõ nguồn cơn nào dẫn đến cảnh sa sút của gia đình mình. Từ việc sinh lắm con, cha mẹ đau yếu bệnh tật phải thuốc thang, ma chay, đến việc làm ăn thua lỗ, phải cầm cố ruộng đất, dẫn đến việc gia đình không có đất làm ruộng, thậm chí đất ở cũng không còn. Chị Danh Thị Mọi khóc lóc tức tưởi: "Có phải con không ráng làm ăn đâu. Mẹ con ốm, con phải cầm đất lấy tiền chữa bệnh cho mẹ. 10 công phải trả tới 130 gạ, hai năm liền như vậy mà không trả nổi, thế là mất hết". Còn ông Dương Văn Ân thì bộc bạch: "Tôi lao vào nghề đánh bắt thủy sản, vay tiền sắm thuyền sắm lưới, làm ăn không được, thế là hết đất". Anh

Danh Dĩa cho biết: "Nhà nuôi vịt, thất bại mấy lần liền, gia đình lại lảm con, đau yếu luôn. Thế là đất phải cầm cố đi, không chuộc lại được".

Trong địa chỉ vay vốn của những nông dân nghèo, có người vay của quỹ tín dụng của ngân hàng, có người vay của tư nhân với lãi suất khá cao. Nhiều người tỏ ý buông xuôi trước hoàn cảnh của mình, chấp nhận việc làm thuê. Cũng có người cho rằng nếu được vay vốn, họ có thể gượng dậy được. Đồng chí Lê Đức Anh hỏi rất chân tình: "Trong xóm ấp của mình, bà con có thấy ai vay tiền để ăn nhậu không? Có ai vay tiền để mua sắm lãng phí không?" Trong số những người đối thoại, có tiếng trả lời: "Có đấy ạ! Có người được mệnh danh là 'Ông ăn thịt heo lúa mùa' vì cứ bán lúa non để lấy tiền ăn xài".

Bức xúc trước những mảnh đời còn lảm cơ cực, được biết bên kia thị trấn An Biên, có những hộ gia đình, Việt có, Khmer có, biết cách làm ăn, có nhà đúc, nhà gỗ cột kê, đồng chí Lê Đức Anh quyết đến thăm bằng được. Trong lúc trời mưa lất phất, chiếc xuồng nhỏ chở đồng chí cập trước căn nhà bà Võ Thị Hoa. Một tình huống bất ngờ xảy ra: muốn vào nhà phải đi qua một đoạn cầu nhỏ làm bằng thân cây dừa. Đồng chí giúp việc chần chừ không dám để bác Sáu Nam đi qua. Nhưng bác gạt đi, nói: "Tôi quen đi loại cầu này rồi". Bà Võ Thị Hoa thoát đầu ngỡ ngàng trước ông khách cao tuổi đường đột đến thăm nhà mình. Vừa lội qua một khoảng đất bùn, bác Sáu Nam ý tứ không vào nhà, kéo ghế ngồi ngay ở đầu hè. Câu chuyện giữa đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng với người mẹ của chín đứa con diễn ra như giữa những người cùng xóm ấp. Bà Hoa thưa: "Nhà tôi có ba thằng con lớn đi bộ đội, cũng ra quân rồi. Bây giờ ở chung đây còn sáu đứa. Cả nhà chăm chỉ làm ăn, không bỏ phí một miếng đất nào. Đây ông xem, trước sân trồng rau ăn, để cây giống, sau vườn trồng cây ăn trái, lại trồng lúa, làm cá". Nhà bà Hoa chưa phải là khá nhất xóm. Cột đúc tường xây chưa kịp tô. Nhiều nhà khác trong xóm cơ ngơi khang trang hơn nhiều.

Trong câu chuyện trao đổi với các đồng chí lãnh đạo Cần Thơ và Kiên Giang, đồng chí Lê Đức Anh nêu một nhận xét: Vùng đồng bằng sông Cửu Long, rất nhiều gương nông dân sản xuất giỏi. Làm sao phổ biến những kinh nghiệm làm ăn giỏi này cho nông dân khác. Kinh nghiệm giúp nông dân làm ăn ở Nông trường Sông Hậu là một kinh nghiệm quý. Các địa phương cần tập trung xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, để giúp cho người dân nghèo. Lãnh đạo các cấp ở địa phương phải ngăn chặn tình trạng nông dân cầm cố ruộng đất. Xu hướng tích tụ ruộng đất chỉ có thể diễn ra sau này, một khi ta đã thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền sản xuất kinh tế. Lúc đó nhiều ngành nghề công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển, nông dân chuyển sang làm công nhân hoặc làm dịch vụ một cách thành thạo và vững vàng trong cuộc sống. Còn hiện tại, trong số hộ đã phải cầm cố ruộng đất, người nào đã có nghề nghiệp khác rồi thì thôi, còn những người chưa có nghề khác ngoài nghề nông thì chính quyền tỉnh nên cho bà con vay ưu đãi để chuộc ruộng đất về, tiếp tục sản xuất bảo đảm cuộc sống.

Về thăm Quân khu 9 đúng dịp Quân khu tổ chức Hội nghị sơ kết sáu tháng đầu năm, đồng chí Lê Đức Anh nêu câu hỏi: "Ngoài Bắc có rừng núi, miền Đông Nam Bộ có rừng, đồng bằng sông Cửu Long không có rừng, bộ đội Khu 9 dựa vào đâu để chiến đấu?" Một cán bộ đứng lên: "Thưa, bộ đội Khu 9 dựa vào dân để chiến đấu ạ!". Đồng chí Lê Đức Anh khẳng định: "Đúng! Bộ đội Khu 9 dựa vào dân để chiến đấu, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân phục vụ. Bây giờ hoà bình rồi, nhưng các đồng chí đừng bao giờ quên rằng chính từ khẩu hiệu "Độc lập dân tộc" và "Người cày có ruộng" mà Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai đế quốc to. Tôi mong lực lượng vũ trang Quân khu 9 tiếp tục phát huy được truyền thống của mình, vì nhân dân phục vụ".

So với chuyến đi tháng 11-1997, lần này bác Sáu Nam về Khu 9 mạnh khoẻ hơn. Và chúng tôi có cảm giác bác Sáu càng đi càng khoẻ. Gặp đồng bào đồng chí tay

bất mặt mừng, cùng nhau ôn lại truyền thống đánh giặc của Khu 9, bàn những vấn đề làm ăn của hôm nay, bác Sáu Nam như sống lại cái thời của vị Tư lệnh xông xáo ở chiến trường, giúp Trung ương đề ra những quyết sách thích hợp cho từng giai đoạn cách mạng.

NHỮNG NGÀY VIỆT NAM Ở NIU YOÓC⁴¹

NGUYỄN VIỆT SƠN

Đúng 17 giờ ngày 20-10-1995, giờ địa phương, tức 6 giờ sáng ngày 21-10-1995 giờ Việt Nam, chiếc Boeing 767 của Hãng hàng không quốc gia Việt Nam chở Chủ tịch nước Lê Đức Anh, phu nhân và những người cùng đi đã đáp xuống sân bay Kennođi, thành phố Niu Yoóc, Hoa Kỳ. Giờ phút này sẽ được ghi vào lịch sử với nhiều ý nghĩa trọng đại và thiêng liêng. Chủ tịch nước Lê Đức Anh đi dự cuộc gặp gỡ lớn nhất hành tinh - Kỷ niệm 50 năm thành lập Liên hợp quốc. Tuy không phải thăm chính thức nước Mỹ, nhưng mặc nhiên, đây vẫn là lần đầu tiên Nguyên thủ của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến đất Mỹ với tinh thần hữu nghị, sau 50 năm chiến đấu vì độc lập tự do của Tổ quốc, chống lại sự xâm lược bằng súng đạn của các thế lực đế quốc và cả cuộc chiến tranh không có tiếng súng nhưng không kém phần thảm khốc: Cấm vận. Chính vì vậy, sự xuất hiện của Chủ tịch nước Lê Đức Anh tại Niu Yoóc đã làm dư luận và tâm tưởng nhiều người Mỹ và người Việt Nam ở đây xao động.

Trong buổi chiều ngày 20 tháng 10 ấy, hơn 40 nguyên thủ và người đứng đầu chính phủ của các quốc gia đã đến Niu Yoóc. Sân bay Kennođi vốn là sân bay nhộn nhịp bậc nhất thế giới, trước ngày khai mạc Lễ kỷ niệm 50 năm Liên hợp

quốc đã phải hoạt động với nhịp độ khác thường. Khi máy bay của ta tiếp đất thì trên bầu trời có 4 - 5 chiếc máy bay khác cũng đang chuẩn bị hạ cánh. Lăn bánh trên đường băng, máy bay ta thỉnh thoảng lại phải dừng vì chưa có đường đến điểm đỗ cuối cùng. Không khí trong khoang máy bay lặng đi, tất cả mọi người đều không giấu nổi niềm vui và xúc động. Ai đó thốt lên một câu bằng tiếng Anh “Thế là chúng ta đã đến!”. Một câu nói buột ra tự nhiên, hợp văn cảnh nhưng lại hàm chứa ý nghĩa sâu xa đã làm bật dậy những thước phim cuộc đời không chỉ của riêng tôi: "...hai chiếc trực thăng HU-1A quần đảo gần nửa giờ đồng hồ trên điểm cao 658 (làng Cát, Khe Sanh năm 1968) để sục tìm bằng được hai tên “Việt Cộng” mà tình cờ chúng phát hiện thấy đang di chuyển. Giữa đỉnh đồi tro trọi vì chất độc màu da cam, vì bom pháo địch cày xới, hai tay súng ngắn K54 không thể địch nổi với hai chiếc trực thăng vũ trang Mỹ, chúng tôi đành vùi mình vào một hố bom cho “qua chuyện”. Mùa hè đỏ lửa 1972 đứng trên đài quan sát ở Động Ông Do nhìn ra biển thấy rõ mồn một hàng chục chiếc tàu chiến Mỹ đen trũi, suốt ngày đêm trút hàng vạn đạn pháo vào thành cổ Quảng Trị và những vùng xung quanh. Bao đồng bào, đồng chí ta đã ngã xuống, làng xóm tan hoang, tất cả nh biến thành cát bụi..." Thế mà hôm nay “chúng ta đã đến”. Người ngồi trên máy bay nghĩ vậy, còn dưới đất thì... Đại sứ Ngô Quang Xuân và cán bộ, nhân viên trong phái đoàn đại diện của Việt Nam tại Liên hợp quốc đã có mặt ở sân bay từ trước đó hai giờ. Và khi nhìn thấy chiếc máy bay mang cờ hiệu Việt Nam xuất hiện trên bầu trời Niu Yoóc, tiếp đất và từ từ lăn bánh, nhiều người đã không cầm được nước mắt vì tự hào, vì xúc động, vì những đoạn trường đầy khó khăn, gian lao trên mặt trận ngoại giao nơi đất khách, quê người.

Sau một hành trình dài suýt soát 40 giờ bay với ba hoạt động ngoại giao lớn: thăm hữu nghị chính thức Liên bang Cộng hoà Braxin, Cộng hoà Cuba, tham dự Hội nghị cấp cao phong trào Không liên kết lần thứ 11, nhưng ngay ngày hôm sau, tại

khách sạn Hayát thuộc quận Manhatta giữa trung tâm Niu Yoóc, Chủ tịch Lê Đức Anh đã có cuộc gặp gỡ đầy xúc động với bà con Việt kiều. Hơn năm chục bà con ta đại diện cho Việt kiều sống ở Mỹ và Canada đã về đây tham dự cuộc gặp mặt đầm ấm tình quê hương trong sự ngỡ ngàng như sống trong mơ. Sau khi nghe Chủ tịch nước Lê Đức Anh thông báo tình hình đất nước, một số thành tựu về kinh tế, văn hoá, xã hội, nhiều Việt kiều đã phát biểu những suy nghĩ sâu xa chân thực từ đáy lòng mình.

Ông Kim sống ở Vócginia, mái tóc đã bạc trắng nhưng giọng vẫn rất khoẻ. Ông nói: "Tôi qua Mỹ hơn 30 năm nhưng lúc nào cũng nhớ về quê hương. Đọc báo nghe tin nước nhà khó khăn, tôi rất lo lắng. Mấy năm nay tình hình đất nước đã khá lên tôi rất vui. Hôm nay được thấy Chủ tịch nước Việt Nam ta tại đây - tại nước Mỹ tôi vô cùng sung sướng và tự hào. Chúng ta đã chiến đấu vì độc lập tự do của đất nước mình, dân tộc mình, lại còn giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng. Vì thế mà có lúc người ta hòa nhau cô lập Việt Nam. Nhưng sự thật cuối cùng vẫn là sự thật, không ai chối bỏ được, để hôm nay tôi và bà con được gặp ông Chủ tịch tại đây". Chị Thu - Tiến sĩ y khoa, một Việt kiều khá nổi tiếng ở Mỹ với giọng miền Trung ngọt ngào, chị nói: "Cháu sinh ra ở Việt Nam, nhưng lớn lên và thành đạt ở Mỹ. Với cháu Việt Nam là tình, nước Mỹ là nghĩa. Vừa rồi, Việt Nam và Mỹ bình thường hoá quan hệ, cháu thấy như trút được gánh nặng. Cháu rất mong hai nước xoá bỏ thù hận để có quan hệ ngày càng tốt đẹp hơn". Chị kể, chị vừa được qua Mianma học tập thêm. Chị thấy Mianma cũng như Việt Nam, có nền văn hoá dân tộc với nhiều nét tương đồng của phương Đông. Theo chị, nhiều hình thái văn hoá phương Đông có thể làm “thuốc” chữa bệnh hiệu nghiệm. Chị tha thiết đề nghị nhà nước ta giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhiều bà con bày tỏ nguyện vọng được trở về phục vụ đất nước: sản xuất, kinh doanh, dạy học, chữa bệnh và cũng

mạnh dạn nêu một số băn khoăn, e ngại về chính sách và khả năng tiếp nhận của nước nhà.

Chủ tịch Lê Đức Anh, bằng những lời lẽ chân tình và giản dị, giọng nói chậm rãi, ấm áp, đã nói rõ thêm một số điểm bà con quan tâm. Cả phòng họp lớn khách sạn Hayát đã vang lên tiếng vỗ tay của bà con khi Chủ tịch Lê Đức Anh nói: "Chưa bao giờ nhân dân Việt Nam coi nhân dân Mỹ là kẻ thù. Ngược lại, nhân dân Việt Nam rất biết ơn nhân dân Mỹ trong thời kỳ chiến tranh đã đấu tranh chống lại chính sách xâm lược Việt Nam của nhiều đời tổng thống Mỹ. Những tội ác của cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam thì kẻ bao nhiêu cũng không hết, viết bao nhiêu cũng không đủ. Dấu vết những tội ác đó vẫn còn nguyên trên thân thể đất nước. Nó còn truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Nhưng với truyền thống nhân nghĩa của người Việt Nam, chúng ta nhìn lại quá khứ là để rút ra bài học, chứ không phải để khoét sâu hận thù. Một dân tộc sống bằng hận thù là một dân tộc thiếu văn hoá và không thể phát triển được".

Trong cuộc gặp này, có một gia đình trẻ gồm có ba thành viên, đó là gia đình anh Hoàng. Anh đã đưa cả vợ, con nhỏ mới hai tuổi từ Caliphóocnia ở tận miền Tây nước Mỹ đến đây. Anh Hoàng thưa với Chủ tịch Lê Đức Anh: "Cháu là thế hệ Việt kiều trẻ ở Mỹ. Caliphóocnia là nơi trước đây có nhiều Việt kiều bất đồng chính kiến với chính phủ bên nhà, nhưng tình hình bây giờ đã khác rồi. Cháu đang làm việc cho một công ty Mỹ và đã nhiều lần về Việt Nam tìm cơ hội đầu tư cho đất nước. Cháu rất cảm động khi nghe bác căn dặn bà con Việt kiều ta phải biết đoàn kết, con em Việt kiều phải chịu khó học hành, học lấy cái hay cái tốt để có cuộc sống vững chắc và điều kiện để giúp đất nước sau này. Cháu hứa sẽ nuôi dạy con cháu nên người và luôn hướng về Tổ quốc Việt Nam yêu dấu".

Có ý kiến, đúng hơn là một ý tưởng về “mục đích làm kinh tế” tôi đã nghe Chủ tịch Lê Đức Anh nói trong lúc trò chuyện thân mật với mấy anh em báo chí ta trên máy

bay khi vượt Đại Tây Dương. Tại cuộc gặp này, Chủ tịch đã nêu ra ý tưởng đó. Qua nét mặt những người nghe, tôi nhận rõ sự thuyết phục và truyền cảm trong từng lời nói của Chủ tịch với bà con ta. Chủ tịch nói: "Chúng ta làm kinh tế không phải vì kinh tế, mà làm kinh tế vì hạnh phúc con người. Ở trong nước, bây giờ dân ta tuy đã có cơm ăn, áo mặc, trẻ em được học hành, nhưng mức sống còn thấp. Dầu mới được như vậy, nhưng khí thế của dân ta rất cao, rất hào hứng. Vì Nhà nước ta chủ trương mục đích cuối cùng của việc làm kinh tế không phải là vì tiền, vì lợi nhuận. Nếu chỉ có tiền mà thiếu tình thương, thiếu sự công bằng thì cuộc sống của con người cũng không thể thoải mái và hạnh phúc".

Cuộc gặp mặt càng về cuối càng sôi nổi, chan hoà. Thời gian trôi đi thật nhanh. Mọi người nâng cốc chúc mừng quê hương đất nước, chúc mừng Chủ tịch Lê Đức Anh và các vị cùng đi đã đến Mỹ. Rồi các nhóm hình thành một cách tự nhiên để chụp ảnh kỷ niệm và tranh thủ thời gian để tiếp tục những câu chuyện tưởng không thể dứt. Tôi đưa danh thiếp cho một chị Việt kiều để làm quen. Chị kêu trời: "Vội đến đây quá nên tôi quên không mang thiếp". Biết tôi là phóng viên báo *Quân đội nhân dân*, chị tự giới thiệu mình với dáng điệu ngộ nghĩnh và bắt chước cách nói nhà binh ngắn gọn: "Tôi kêu tên Hoà, nghề nghiệp: gõ đầu người lớn chứ không phải gõ đầu trẻ". Tôi hiểu chị đang giảng dạy ở một trường Đại học Mỹ. Chị nói với tôi sôi nổi và lời cuốn: "Tôi và một số bạn đồng nghiệp Mỹ khác muốn được về Việt Nam dạy học. Theo tôi lớp trẻ của ta cần phải được nghiên cứu sâu sắc nền văn hoá của Tây phương" rồi chị chuyển giọng nheo mắt, nói vui: Các cụ ta có câu "biết người biết ta trăm trận trăm thắng" phải không "ngài Đại tá Việt Cộng?" Sợ người nghe không hiểu hết ý mình, chị Hoà giải thích thêm "Trận ở đây tôi nói theo nghĩa rộng - đó là trận quân sự, trận chính trị, trận kinh tế, trận văn hoá anh ạ".

Cuộc gặp gỡ của Chủ tịch Lê Đức Anh với đại diện bà con Việt kiều sống ở Mỹ và Canada chiều ngày 21 tháng 10 tại phòng lớn của khách sạn Hayát là một sự kiện lớn đối với đời sống tinh thần của hơn một triệu Việt kiều đang sinh sống tại Bắc Mỹ đã kết thúc trong bầu không khí quê hương đầm ấm rất khó diễn tả. Một số người Mỹ làm nhiệm vụ phục vụ cuộc gặp cũng bị cuốn vào “không khí Việt Nam” với ánh mắt thiện cảm và nụ cười luôn nở trên môi.

Những ngày tiếp theo ở Niu Yoóc, dấu trong lịch sử của mình đã chứng kiến nhiều sự kiện trọng đại, nhiều cuộc gặp toàn cầu, song tôi vẫn rất hồi hộp trước cuộc gặp gỡ lớn nhất lịch sử của nhân loại - Kỷ niệm 50 năm Liên hợp quốc. Trên đường phố, tiếng còi xe cảnh sát dẫn đường, hộ tống các nguyên thủ chốc chốc lại rú vang. Đoàn ngựa chiến hàng trăm con với những viên cảnh sát (cả nam và nữ) trang bị đầy mình, đẹp như tượng, thường xuyên túc trực ở các ngã tư đường dẫn tới trụ sở Liên hợp quốc nằm trên Đại lộ số 1 bên bờ sông Hútson. Cứ dăm chục mét trên các đường phố lại nhô ra một tấm áp phích nhỏ cỡ 1m x 3m rất gây ấn tượng với dòng chữ “NY 95” (Niu Yoóc 1995). Cách đây mấy năm, có một người bạn Mỹ trong một lần đến thăm tòa soạn báo *Quân đội nhân dân* cho biết: “Với đại đa số người Mỹ, nước Mỹ là thế giới. Họ chẳng cần phải biết đến xứ sở nào khác”. Đặt chân đến Niu Yoóc, tôi lại được một người quen cho biết: “Niu Yoóc có đủ người gốc Á, Phi, Ôxtrâylia. Trong ánh mắt người dân Niu Yoóc, hình như không có ai là người nước ngoài”. Nhưng những ngày này, người dân Niu Yoóc cũng không thoát khỏi thói hiếu kỳ thương tình. Người ta đổ ra các bao lơn, các cây cầu vượt để ngắm nhìn bằng mắt thường, bằng đủ các loại ống nhòm những gì đang diễn ra trên Đại lộ số 1, đoạn từ phố 42 đến phố 48 (khuôn viên của trụ sở Liên hợp quốc). Ở các đường phố 23, 14, 34... nơi có nhiều cửa hàng lớn nhỏ, người ta đơn giản mời chào các vị khách nước ngoài với hàng trăm quốc tịch vào cửa hàng của họ mua sắm. Trong một quán ăn trưa, ông chủ quán nhận ra ngay chúng tôi là

người Việt Nam và vui vẻ “khoe”: “Hôm qua tôi vừa trông thấy ngài Chủ tịch nước Việt Nam trên tivi”.

Mặc dù chương trình tham dự Lễ kỷ niệm 50 năm Liên hợp quốc của Chủ tịch Lê Đức Anh khá căng thẳng: Dự lễ khai mạc, bế mạc, đọc diễn văn, lắng nghe tiếng nói từ khắp các châu lục bàn về tương lai của nhân loại, gặp gỡ song phương nhiều vị nguyên thủ quốc gia... Chủ tịch Lê Đức Anh vẫn dành một phần thích đáng của quỹ thời gian rất eo hẹp để có cuộc gặp với những người bạn Mỹ. Hơn 40 người bạn Mỹ đại diện cho các chiến sĩ đấu tranh vì hoà bình, các tổ chức phi chính phủ (NGO), giới trí thức, nhóm bác sĩ phẫu thuật nụ cười, hội cựu chiến binh... đã nồng nhiệt chào đón Chủ tịch Lê Đức Anh. Chợt nhìn đã có thể nhận ra ngay chị Angiêla Đêvít, nữ chiến sĩ nổi tiếng đấu tranh cho hoà bình. Nếu như Giên Phônđa đã sát cánh, “chia lửa” với nhân dân ta trong một thời gian rất dài ở điểm đỉnh của cuộc chiến tranh, thì chị Monretnơ lại là người bạn thân thiết của nhân dân ta, đấu tranh kiên cường trong những năm tháng Việt Nam bị cấm vận với cương vị điều phối viên Phong trào nhân dân Mỹ ủng hộ nhân dân Đông Dương. Đã đôi lần gặp chị Monretnơ ở Hà Nội và chúng tôi thường gọi chị bằng một cái tên Việt Nam giản dị, thân thương: Chị Mơ. Trên đường phố Hà Nội, chị Mơ luôn mặc quần áo bà ba hoặc áo dài, mang nón, đi “đôi dép Bác Hồ”. Hôm nay, chị đến dự cuộc gặp mặt này trên đất Mỹ với chiếc áo dài Việt Nam màu xanh sẫm rất nổi. Trên chiếc xe lăn là Bốp Mulo, một cựu chiến binh Mỹ trở lại Việt Nam đầu tiên sau năm 1975 và đã tham gia nhiều hoạt động trên đất Mỹ để giúp đỡ Việt Nam thời hậu chiến. Chủ tịch Lê Đức Anh đã đến bên Bốp Mulo, ân cần thăm hỏi sức khoẻ và bắt tay anh. Một người bạn Mỹ nói: “Mong quan hệ Việt-Mỹ phát triển tốt đẹp, mong bản giao hưởng số 9 được tấu lên” (ý muốn nói đến khúc hướng đến niềm vui trong bản giao hưởng số 9 của nhà soạn nhạc vĩ đại Bétthôven). Chủ tịch Lê Đức Anh tiếp lời: "Mong muốn đó của các bạn nói lên tâm hồn cao đẹp của nhân

dân Mỹ. Tôi cũng là một cựu chiến binh, tôi mong quan hệ hai nước ngày càng tốt đẹp, mong sự hợp tác và hiểu biết lẫn nhau của cựu chiến binh Việt Nam và cựu chiến binh Mỹ ngày càng phát triển".

Cuộc gặp gỡ với những người bạn Mỹ thật cởi mở, chân tình. Nhiều lúc vị trí chủ - khách thật khó phân biệt. Chủ tịch Lê Đức Anh cảm ơn hành động cao cả, phản đối chính sách xâm lược, chính sách cấm vận của chính quyền Mỹ đối với Việt Nam của những người bạn Mỹ trong mấy chục năm qua. Chủ tịch nói: "Hoạt động của các bạn đã cứu sống rất nhiều thanh niên Việt Nam và thanh niên Mỹ. Chính các bạn đã bảo vệ Tuyên ngôn độc lập của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, làm vơi bớt nỗi đau của nhân dân Việt Nam, làm cho nhân dân Việt Nam biết rằng ở Mỹ họ luôn có rất nhiều người bạn tốt". Trước những lời chân thành cảm kích của Chủ tịch Lê Đức Anh, bà đại diện cho các tổ chức phi chính phủ của Mỹ đã nói: "Chính chúng tôi phải cảm ơn Việt Nam, vì Việt Nam đã làm thức tỉnh lương tâm nước Mỹ". Đáp lại thịnh tình của một vị giáo sư đại học muốn Việt Nam cử nhiều người qua Mỹ học tập "không phải hàng ngàn, mà là hàng vạn", Chủ tịch Lê Đức Anh nói: "Việt Nam đã cử một số người qua Mỹ học. Việt Nam còn nghèo, trước mắt không thể cử nhiều người sang Mỹ học được". Dừng lại giây lát, Chủ tịch nói tiếp: "Vả lại hiện tại đã có một triệu người Việt Nam đang học tập ở Mỹ rồi". Phòng họp rộ lên tiếng cười, tiếng vỗ tay, hưởng ứng câu nói đùa mà thật của ngài Chủ tịch nước Việt Nam. Hiện nay, trên đất Mỹ, có xấp xỉ một triệu người Việt Nam đang sinh sống. Đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước ta đối với Việt kiều rất rõ ràng: ở xa đất nước vì bất cứ lý do gì, Việt kiều đều mang trong mình dòng máu Việt Nam, truyền thống Việt Nam.... Trong những ngày ở Mỹ, Chủ tịch Lê Đức Anh đã nhiều lần đề cập vấn đề này. Chủ tịch căn dặn cán bộ, nhân viên ngoại giao Việt Nam tại Mỹ và Liên hợp quốc: Phải làm mọi cách, tạo mọi điều kiện để Việt kiều gần gũi, gắn bó với quê hương đất nước. Ngay cả đối với những

người trước đây làm lỗi, thì nay chiến tranh đã kết thúc 20 năm rồi, những người đó đã có tuổi, mà người Việt Nam ta khi tuổi cao, lúc về già ai cũng muốn hướng về họ hàng, quê cha đất tổ. Chúng ta phải quan tâm đến tâm tư, tình cảm đó, giúp bà con trút bỏ mặc cảm, giảm bớt nỗi cô quạnh.

Một ngày trước khi rời đất Mỹ, Chủ tịch Lê Đức Anh đã đi thăm một số cơ sở Việt Nam, khu vực dân cư của thành phố Niu Yoóc. Từ bến phà bên công viên Bettori, ni có đài tưởng niệm những người lính Mỹ bỏ mạng trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai, một chiếc phà lớn có nhiều canô hộ tống phẳng phẳng rẽ sóng trên sông Hútxon đưa Chủ tịch Lê Đức Anh tới tượng Nữ thần Tự do. Nhiều người nói rằng, nếu chưa đến thăm Nữ thần Tự do, thì coi như chưa đến đất Mỹ. Điều đó có lẽ đúng bởi vì hàng triệu người trên trái đất này, ở khắp bốn biển năm châu tuy chưa đặt chân lên xứ sở “Ngũ hồ”, nhưng cũng đã biết đến Nữ thần Tự do qua phim ảnh, báo chí và nhiều ấn phẩm mà hầu như quốc gia nào ít nhiều đều có lưu giữ. Cũng như mọi người bình thường khác, Chủ tịch Lê Đức Anh đã chiêm ngưỡng tác phẩm kiến trúc, điêu khắc vĩ đại này, tỏ sự ngưỡng mộ đối với những nghệ sĩ, những kỹ sư, công nhân đã tạo nên tác phẩm nghệ thuật lớn, thể hiện khát vọng tự do của con người. Nhưng tại đây, Chủ tịch đã có một câu nói làm cho nhiều người Mỹ có mặt phải suy nghĩ: "Để trông thấy Nữ thần Tự do, nhân dân Việt Nam đã trải qua 50 năm chiến đấu hy sinh để bảo vệ độc lập, tự do và đấu tranh xoá bỏ cấm vận". Từ tượng Nữ thần Tự do, đoàn canô hộ tống Chủ tịch Lê Đức Anh đến thăm Hàng không mẫu hạm Intoporaixân, đã hết thời làm mưa, làm gió vì “răng long, tóc bạc” được kéo về sông Hútxon làm vật triển lãm. Sự kiện Chủ tịch Lê Đức Anh đến thăm Hàng không mẫu hạm Intoporaixân làm tôi chợt nhớ đến một câu thơ trong bài thơ dài “*Đường sáng tuyệt vời*” của cố nhà thơ triết lý Chế Lan Viên, viết sau khi Hiệp định Paris được ký kết đầu năm 1973. “*Lịch sử là tất nhiên thôi mà sao lắm bất ngờ*”. Chủ tịch Lê Đức Anh hôm nay đặt chân lên Hàng không mẫu

hạm Intoporaixân là kết quả lôgích của cái tất nhiên nhưng vẫn tạo ra nhiều bất ngờ thú vị.

Trong ánh hoàng hôn sông Hútson, Chủ tịch báo cho viên chỉ huy bảo vệ rằng, Chủ tịch muốn đến thăm khu khác - nơi cư trú của những người da đen nghèo khó của Niu Yoóc, nơi Bác Hồ thời trai trẻ đi tìm đường cứu nước đã từng đến. Sau một thoáng ngập ngừng, viên sĩ quan bảo vệ nói: "Háclem là khu vực nguy hiểm đối với những người đi xe sang trọng, qua khu vực đó rất dễ bị tấn công". Nhưng Chủ tịch Lê Đức Anh nhất quyết đến Háclem, và ý muốn của Chủ tịch được thực hiện lập tức. Xe cảnh sát rú còi dẫn đường lao đi vùn vụt. Trong chốc lát khu Háclem đã hiện ra: những dãy nhà thấp lè tè chẳng biết dùng hình ảnh nào so sánh với khu Manhátan với các phố Uôn, Róccophenơ ở trung tâm Niu Yoóc. Chiếc xe dẫn đường cố tình dừng ở một đường phố rất vắng không một bóng người. Một nhân viên bảo vệ lao ra khỏi xe chạy đến xe báo chí nói với các nhà báo: "Tất cả phải chuẩn bị sẵn sàng, xuống xe là hoạt động được ngay". Phía trên, Chủ tịch Lê Đức Anh ra khỏi xe. Bốn nhân viên bảo vệ xoay lưng quay kín lấy Chủ tịch. Trong thâm tâm chắc họ đang cầu Chúa để những giây phút này đi qua thật nhanh. Bỗng có một người đàn bà da đen xuất hiện. Chủ tịch Lê Đức Anh đi lại gần những người dân nghèo khó và giơ tay vẫy họ. Người đàn ông da đen đi nhanh đến chỗ Chủ tịch, nhưng chỉ còn cách vài bước thì bị một nhân viên bảo vệ nắm chặt tay giật lại. Người đàn ông nói rất to: "Ông ấy là người tốt, muốn bắt tay tao, tại sao mà lại ngăn cản?". Trong khi viên cảnh sát giằng co với người đàn ông khốn khổ ấy thì Chủ tịch Lê Đức Anh đã đến bên nắm lấy tay ông. Người dân Háclem ấy chắc không thể biết là mình đã được gặp, được bắt tay vị Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - cái nước Việt Nam một thời đã làm xáo trộn đời sống, tinh thần và xã hội nước Mỹ.

Sân bay Kennơđi, 9 giờ sáng ngày 26-10-1995 (giờ địa phương). Chỉ còn ít phút nữa, chúng tôi sẽ rời khỏi đây, để lại những ngày Việt Nam khó quên. Nhìn về trung tâm thành phố, trong sương mờ buổi sớm, dù cách xa 25 dặm, toà nhà Trung tâm thương mại quốc tế Niu Yoóc vẫn hiện rõ như một trái núi. Tôi bỗng nhớ cồn Thập Rùa cổ kính trên Hồ Gươm, Hà Nội và trong lòng vụt dâng lên niềm vui sướng tự hào vì một lẽ đương nhiên, ta là người Việt Nam.

ANH EM LÂU GẶP NHAU, THƯƠNG LẮM!

LÊ HỮU ĐỘ⁴²

Về gia đình, ông nội chúng tôi là Lê Văn Thảng. Cha chúng tôi là Lê Quang Tuý. Hồi chúng tôi còn nhỏ, cuộc sống cực lắm, nghèo và bệnh tật. Khoảng năm 1927, lúc đó chú Lê Đức Anh khoảng 6 tuổi. Làng có dịch đậu mùa, dân nghèo đói nên dịch bệnh liên miên. Nhà tôi mười ba anh chị em, chết mất bốn vì ốm và vì dịch đậu mùa. Chú Anh bị nặng nhất mà khỏi, nhưng lại bị hỏng mất một mắt. Qua khỏi rồi, nhưng chú yếu lắm, ba tôi phải chôn cọc và buộc sào trong nhà cho chú tập đi. Mời thầy lang đến chữa bệnh mà nhà chẳng có gì để đãi thầy, thức ăn chỉ có ớt với mắm tôm. Thầy lang nhưng đồng thời là ông dựng nên ông cũng thông cảm. Khi nhỏ đi học tiểu học, tôi, chú Anh và anh Thoan (ông Thoan là em ruột của ông Quát, ông Quát là anh rể của chúng tôi), ba người hàng ngày cùng đến trường tiểu học ở thôn Nam, xã Lộc An tức làng Bàn Môn. Nói đúng là ba người củ khoai chia ba trong những ngày cơ hàn này. Lớp học ở giữa xóm Hạ. Mỗi khi đi qua tráng cát nóng phải dùng mo cây tre lót dưới bàn chân cho khỏi bỏng. Thầy giáo dạy tiểu học tên là Phùng.

Năm chú Anh 13 tuổi, tôi đã đi làm ở Sở Địa chính, tôi cố lo đủ hai đồng tư để mua hai vé tàu hoả, một vé cho chú Anh, một cho thầy Nghệ, tức ông anh rể tên là Quát, đang dạy học ngoài thành Vinh thuộc Nghệ An, chứ ở quê nhà nghèo quá thì không học được đâu. Chú Anh học thông minh lắm. Bài thầy viết trên bảng, chỉ lúc sau, khi thầy giáo lau bảng là chú đã thuộc lầu. Mỗi vé tàu một đồng hai hào. Một đồng lúc đó mua được nhiều gạo lắm. Ông thầy Nghệ thì rất mừng.

Khi chú Anh từ Vinh trở về Huế, tôi vẫn làm công nhân Sở địa chính. Tôi xin cho chú Anh vào làm được mấy tháng, việc chủ yếu là ngồi copy và trích lục. Cả hai anh em đều tham gia phong trào Bình dân, tiếng Pháp gọi là Vôđã. Sở dĩ xin được vào làm ở đây là nhờ có ông anh rể, ông làm ở Kho bạc tỉnh Quảng Nam. Hai anh em tôi làm ở Sở Địa chính Quảng Nam.

Cuối năm 1939, giặc Pháp khủng bố gắt gao. Chú Anh phải lánh vào Nam Bộ, từ đó anh em xa nhau miết. Sau tập kết 1954 mới lại gặp được nhau ở Hàm Rồng, Thanh Hoá. Chú Anh là Đại tá Sư đoàn trưởng. Sau đó chú ra Hà Nội công tác trong Bộ Quốc phòng, tôi cũng ra ngoài đó và hay tới nhà bà chị tôi ở thị xã Hà Đông, đánh cờ với ông anh rể.

Sang thời đánh Mỹ, chú Anh vô Nam rất bí mật nên tôi không biết. Lúc đó tôi trong ngành Công an, làm việc hậu cần ở Hải Phòng, vậy mà các ông đưa con "Hong chị", con của chú Anh, ra học văn hoá ngay tại Kiến An mà tôi cũng không hề biết. Hôm tôi ngồi họp ở ngành Du lịch Hải Phòng, họ nói ông Lê Đức Anh là em ruột ông Lê Đức Thọ. Tôi ngồi đó cười thầm. Ông anh ruột của Lê Đức Anh ngồi đây mà họ lại nói tầm phào. Nhưng tôi ngồi im không nói gì, sợ ảnh hưởng đến công việc của chú nó.

Năm 1993, khi xây mộ ông bà tôi, thím Bảy Anh ra và góp năm trăm ngàn, con Hồng chị góp năm trăm ngàn, là một triệu. Tội thế chứ. Gia đình họ mạc rất quý thím Bảy Anh. Tôi và chú Anh là hai anh em ruột. Tôi hai bà, chú Anh cũng hai

vợ, nhưng đều tốt cả. Nói thực là, tôi lo việc họ, việc nhà, còn chú ấy lo việc nước, tôi có nhờ được chi đâu....

Hôm nay lâu ngày anh em mới gặp nhau, định nói nhiều điều, nhất là chuyện đất đai bức bối. Nhưng nhìn chú mới ốm dậy còn yếu quá, đi không nổi phải có người đỡ, tội lắm, tôi không nói nổi, dù năm nay tôi đã 90 tuổi rồi...

GIA ĐÌNH TÔI LẠ RÚA!

LÊ THỊ XOAN⁴³

Năm 1939, giặc Pháp khủng bố gắt gao, theo chỉ đạo của tổ chức Đảng, một mình anh Anh lánh đi Đà Lạt. Lúc đó nói là đi làm kiếm sống. Trước ngày lên tàu hoả, bà chị ruột thứ hai, tức chị Búp, sắm cho anh một cái ô (dù) và bộ quần áo dài đen. Anh lên Đà Lạt vì lấy có có bà chị ruột thứ nhất, chị Trĩ ở đó. Nhà chị Trĩ sau này là cơ sở cách mạng. Anh Kiệp hoạt động cách mạng hy sinh. Chị được phong Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Nhưng ngày anh Anh mới lên đó, gia cảnh của chị Trĩ cũng nghèo vì anh Trần Mạnh Kiệp, chồng chị Trĩ chỉ làm chân loong toong, lương cũng thấp, nhà lại đông con. Bởi vậy, anh Anh chỉ trú ngụ ở đó ít ngày rồi tự đi kiếm việc làm. Lúc đó những người làm thuê chủ Tây thường gọi là "cu ly". Anh làm cu ly cho chủ Tây ở mấy cái biệt thự, hàng ngày cùng mấy người cu ly khác quét dọn nhà cửa và quét sạch lá thông trên mấy triền đồi trong khuôn viên biệt thự Tây. Về sau anh học thêm được nghề xay thịt và chế biến thực phẩm nguội, tức làm batê, xúc xích, dăm bông, cùng với nghề đánh máy chữ, nên anh tự nuôi sống mình bằng tiền lương, không phải nhờ anh chị nuôi mình. Mà anh cũng ra ở tại nơi làm lao công cùng với các cu ly khác. Đến năm 1942, vì có nghề làm batê, xúc

xích nên người ta thuê ảnh xuống làm cu ly dưới đồn điền cao su Lộc Ninh thuộc Thủ Dầu Một. Anh làm batê, xúc xích và nhận thêm việc hàng ngày đi cân và phân phối rau củ cho các làng cu ly cao su nên có đồng lương khá hơn chút đỉnh và có điều kiện đi lại để bắt liên lạc với tổ chức, tiếp tục hoạt động cách mạng. Có một lần ảnh viết thư về từ Thủ Dầu Một, nói là đã đậu Brime, tương đương tiểu học bây giờ. Hồi đó đậu Brime là đã khá lắm rồi, vì cả vùng quê nghèo đói thất học mà. Tôi nhớ lại thời chúng tôi còn nhỏ, ba mẹ tôi có cho anh ra học chữ ở thành Vinh, từ đó ảnh có vốn tiếng Pháp khá thạo nên vô đó được làm chân cân đong và phân phát thực phẩm ở đồn điền cao su. Nhưng cũng từ đó ảnh đứt liên lạc với gia đình.

Đến năm 1950, đọc bài báo "Đồng Tháp Mười đánh giặc" có nói tên Lê Đức Anh thì gia đình mới biết anh còn sống. Vì làng tôi ở gần huyện lỵ nên có tờ báo đó, báo *Nhân Dân*. Cho đến dịp Hội nghị Du kích chiến tranh, thì người cháu kêu anh Anh bằng cậu ruột tới báo tin cho tôi hay là có gặp cậu Anh ở chiến khu Việt Bắc. Đạo đó tôi làm Bí thư Chi bộ Đảng ở xã Diên Lộc, tức Lộc An bây giờ. Vì quân Pháp đánh nông ra nên mới dạt lên chiến khu của huyện Phú Lộc ở Bến Tàu, tức xã Xuân Lộc, đường lên Khe Tre, Nam Đông ngày nay. Địch ngăn chặn vùng giáp ranh rất căng thẳng nên mỗi khi có việc về làng thì phải đi vào ban đêm. Từ Việt Bắc trở vào, anh Anh hỏi thăm và tìm đường lên chiến khu thăm tôi. Đời sống kháng chiến lúc đó thiếu thốn cơ cực lắm, chúng tôi phải cưa gạo dừa làm chén ăn cơm. Hôm đó tôi đang gánh nước, gặp anh tôi mừng và xúc động quá liền quăng cả thùng nước để chạy tới. Hai anh em chuyện trò hàn huyên, anh nói rằng vì gia đình nghèo quá, mắc nợ nần nên anh đi theo cách mạng. Anh đưa tôi mấy trăm đồng bạc Đông Dương, nói đây là tiền công tác phí, đi ra đi vô không tiêu đến thì cho em. Hồi đó trên đường giao thông từ Huế ra Khu 5 họ chở nhiều hàng hoá. Tôi mua một mảnh lụa tơ tằm có thể đủ may hai bộ quần áo gửi về cho ba má làm tin, tiền anh cho còn lại thì để dành.

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, tôi được phân công ở lại làm Bí thư Chi bộ thôn Bàn Môn để tổ chức đấu tranh hợp pháp. Tới khi Mỹ - Diệm mở chiến dịch "Tố cộng, diệt cộng" thì tôi bị bắt, bị giam ở nhà lao Thừa Phủ ba năm. Nó gọi ba tôi lên. Ông già cũng giác ngộ lắm và trước đây đã tham gia phong trào "Hộ giá vua Duy Tân" nên ông vững vàng trước sự khủng bố gắt gao của Mỹ - Diệm. Ông nói: "Phụ trái tử hoàn, tử trái phụ vô can" - cha làm trái con trả nợ, con đã 18 tuổi làm trái thì cha vô can, nên bọn chúng phải thả về. Khi ông bị giam thì bà chị dâu, vợ anh Độ thường lên thăm nuôi. Sau khi nó thả về nhưng lại bị quản thúc ở quê, chúng bắt lên bắt xuống hoài. Sau đó liên lạc của Huyện uỷ tới nói cho tôi lên chiến khu. Ba má tôi nhủ: "Cha mẹ giờ già rồi. Bây chừ con hoạt động, chốc chốc nó lại bắt thì cha mẹ không yên lòng nên cho con lên chiến khu với các đồng chí của con". Khi đó anh Lê Hữu Độ cũng đã đi tập kết, đóng quân ở Thanh Hoá. Mọi việc ở nhà giao cho chị dâu của tôi, tức chị Trần Thị Đó, vợ anh Độ.

Lên chiến khu, tôi làm ở bệnh viện của tỉnh. Đến năm 1969, tôi nhớ khi Bác Hồ qua đời, sức khoẻ tôi yếu quá nên tổ chức cho tôi ra Bắc chữa bệnh. Tới năm 1974, bà chị thứ hai của tôi nói có anh Lê Đức Anh nhắn tôi về Hà Nội để anh em gặp nhau. Tôi về gặp anh và gia đình ở phố Lý Nam Đế, gồm có: anh, chị Lê và hai cháu Hồng, Hà. Sau giải phóng miền Năm 1975, tôi về công tác ở quê. Vậy mà mãi tới khoảng năm 1980, anh Anh mới về thăm quê, lúc là Chủ tịch nước, anh em lại mới gặp nhau. Khi Lê Tấn Thứ, con trai trưởng của anh Độ, công tác và sinh sống ở Gia Lâm, Hà Nội bị chết vì xuất huyết não, tôi lại mới ra Bắc. Gia đình tôi lạ rứa, ông anh làm Chủ tịch nước nhưng không hề dựa dẫm nhờ vả gì nhau. Mà các con ruột của anh cũng chẳng hề dựa dẫm nhờ vả gì cha.

Từ đó, một hoặc hai năm tôi mới ra thăm anh một lần. Già cả rồi, gặp nhau lần nào hay lần đó, không ai làm phiền gì ai hết... Có lần tôi bảo anh: "Anh thứ 10, em thứ 13 nên xui xẻo" - Anh chỉ cười, nhưng thương tôi lắm, mà thương ngầm trong

bụng thôi. Anh Độ thì hay gia trưởng. Anh Anh thì lúc nào cũng vui như tết. Đi học ngoài Nghệ An về, cứ cống em, đội lên vai đi khắp xóm. Vậy mà giờ nói cái chi cũng kêu "Sợ phiền O!"...

MỘT NIỀM VUI ĐẬM ĐÀ⁴⁴

HÀ LINH CHI

Hội trường Ba Đình vang lên đợt vỗ tay thật dài khi Chủ tịch nước Lê Đức Anh bước ra diễn đàn. 9 giờ 20 phút sáng ngày 2-4-1997, tại phiên khai mạc kỳ họp cuối cùng của Quốc hội Khoá IX, đồng chí bắt đầu trình bày báo cáo công tác của Chủ tịch nước trong nhiệm kỳ Quốc hội.

Tất cả đều lắng nghe. Tất cả đều hướng nhìn về đồng chí. Ai cũng thấy như đang được gặp lại đồng chí sau những tháng đợi chờ. Chúng ta chưa quen nói về sức khoẻ của các nhà lãnh đạo, song nhiều tháng rồi, chúng ta biết Chủ tịch đã trải qua một đợt điều trị bệnh. Và đến hôm nay...

Đồng chí vẫn bước đi trong dáng từ tốn. Đồng chí đọc rõ ràng. Vẫn nổi bật lên những ý, những từ cần nhấn mạnh, cần gửi gắm tới đồng bào, đồng chí tâm huyết của người chiến sĩ cách mạng đang gánh trên vai trọng trách. Một vài chi tiết bổ sung thêm ngay khi đọc văn kiện chúng tỏ một dòng tư duy sống động trỗi lên và chi phối những dòng chữ đã in. Báo cáo về vốn đầu tư nước ngoài, đồng chí bổ sung "Số vốn đăng ký trên 27 tỷ đôla". Với Đại hội Đảng giữa nhiệm kỳ Khoá 7, đồng chí nói rõ "của Đảng Cộng sản Việt Nam".

Chúng ta nghe vẫn rất mạnh mẽ như đồng chí đọc những ngày nào: "Đảng, Nhà nước ta tôn trọng lợi ích cá nhân. Song lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích tập thể và kết hợp hài hoà với lợi ích của tập thể, của cộng đồng, của quốc gia dân tộc. Không cho phép vì lợi ích cá nhân ích kỷ mà làm tổn hại đến các lợi ích khác to lớn hơn".

Đồng chí Lê Đức Anh nhắc lại trước các đại biểu của nhân dân cả nước lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chống chủ nghĩa cá nhân, một lời nhắc nhở đáp ứng yêu cầu của đất nước, của nhân dân. Một lời nhắn nhủ đầy tâm huyết cần cho mọi chiến sĩ cách mạng Việt Nam, mọi đảng viên Cộng sản Việt Nam, mọi người Việt Nam yêu nước lúc này. Có thể không ngần ngại nói rằng: Thắng chủ nghĩa cá nhân, chúng ta nhất định thắng mọi nguy cơ và thử thách.

9 giờ 40 phút, đồng chí từ diễn đàn trở về chỗ ngồi của mình, giữa Tổng Bí thư Đỗ Mười và Cố vấn Phạm Văn Đồng, trong đợt vỗ tay dài nữa.

Giải lao, đại biểu khắp các miền đến với đồng chí, thăm hỏi, nắm tay anh Sáu Nam kính mến. Đồng chí Lê Đức Anh tươi cười, vui vẻ đứng với các đại biểu. Đồng chí kể chuyện rèn luyện cho sức khoẻ phục hồi nhanh hơn. Gần gũi và đầm ấm.

Tôi bỗng nhớ mới đây, về đất Truôi, quê hương đồng chí ở Thừa Thiên - Huế, bà con nói: Ông Chủ tịch không tán thành một vài ý kiến đề nghị xây cho "xã của Chủ tịch nước" một trụ sở lớn hơn các xã khác. Đó là một vùng quê nghèo...

CHÚNG CHÁU XIN NHẬN SỨ MỆNH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ XA*

Ngày 28-1-2006 (30 Tết âm lịch)

"Đầu năm khai bút, bút khai hoa" là truyền thống văn hoá ngàn đời của dân tộc Việt Nam mỗi dịp xuân về. Ở cách xa nửa vòng Trái đất, trong không khí giá lạnh

của mùa đông nước Mỹ, hơn 150 du học sinh của Quỹ giáo dục Việt Nam VEF cùng cảm nhận sự ấm áp từ quê nhà khi nhận được lá thư chúc Tết của Đại tướng, nguyên Chủ tịch nước Lê Đức Anh nhân dịp đầu năm mới.

Mặc dù đang sống và học tập xa Tổ quốc, chúng cháu vô cùng xúc động trước lời nhắn nhủ: "Những người Việt Nam ở bất cứ nước nào trên thế giới đều đang có một sứ mệnh bảo vệ Tổ quốc từ xa và xây dựng đất nước từ xa".

Nhân dịp tết cổ truyền của dân tộc, chúng cháu xin chúc Bác Lê Đức Anh cùng gia đình luôn mạnh khỏe, an khang và thịnh vượng.

Chúng cháu rất vinh dự và tự hào có cơ hội học tập tại các trường hàng đầu về khoa học kỹ thuật của Hoa Kỳ. Chúng cháu rất trân trọng cơ hội này vì ngay khi đất nước mới giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết thư cho Chính phủ Hoa Kỳ đề nghị gửi 50 thanh niên Việt Nam sang Hoa Kỳ để được đào tạo về khoa học. Hôm nay, mong ước ấy đã trở thành hiện thực. Nhân dịp này, chúng cháu xin mạnh dạn chấp bút bày tỏ mong ước và suy nghĩ của mình để đất nước ta ngày càng cường thịnh và "Sánh vai với các cường quốc năm châu".

Ngày nay, trong xu hướng toàn cầu hoá, sự cạnh tranh giữa các quốc gia để khẳng định tên tuổi và vị thế của mình chính là cuộc chạy đua về khoa học và công nghệ. Trong cuộc chạy đua này, giáo dục và con người được xem là chìa khoá quyết định cho sự phát triển nền khoa học - công nghệ ở mỗi nước cũng như trên toàn thế giới. Trong bối cảnh hiện nay, chúng ta nên đặt trọng tâm hàng đầu vào việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực có trình độ khoa học kỹ thuật cao thông qua việc nâng cấp hệ thống giáo dục đại học, cùng với việc xây dựng trường đại học đẳng cấp quốc tế. Qua quan sát và phân tích các mô hình giáo dục của một số nước, chúng cháu xin trình bày hai nhân tố quan trọng nhất để phát triển giáo dục đại học.

Thứ nhất là có sự ủng hộ và đầu tư của chính phủ đối với việc nâng cấp giáo dục đại học cũng như xây dựng trường đại học tầm cỡ quốc tế. Theo tin tức của tạp chí uy tín thế giới *Nature* số ra gần đây, nước Đức là một trong những cường quốc kinh tế của thế giới có bề dày lịch sử về nghiên cứu khoa học, tuy nhiên các trường đại học của nước này vẫn không thể cạnh tranh được với các trường đại học hàng đầu của Anh và Mỹ. Nguyên nhân của vấn đề này là vì các trường đại học của Đức chưa tạo ra môi trường làm việc có tính cạnh tranh (lương bổng và cơ hội thăng tiến) để thu hút các nhà khoa học hàng đầu từ nước ngoài. Bên cạnh đó, quá trình tuyển chọn các nhà khoa học vẫn bị chi phối bởi các mối quan hệ chính trị. Bởi vậy, năm 2004 Chính phủ Đức đã quyết định đầu tư 2,3 tỷ đôla để tăng cường năng lực nghiên cứu của một số trường đại học tốt nhất ở Đức. Theo chương trình này, mỗi trường sẽ nhận 35 triệu đôla một năm trong 5 năm để cạnh tranh với Đại học Cambridge ở Anh và Harvard ở Mỹ.

Thứ hai là nguồn nhân lực. Số liệu nghiên cứu về sự phát triển khoa học công nghệ giữa các nước phát triển và đang phát triển cho thấy, nguồn nhân lực chứ không phải nguồn tài chính đóng vai trò quyết định đến tốc độ phát triển và chất lượng khoa học công nghệ. Ví dụ: Năm 2005, Mêhicô đầu tư 800 triệu đôla cho nghiên cứu khoa học, trong khi mức đầu tư từ Viện Y tế quốc gia (NIH) Hoa Kỳ là 28 tỷ đôla cho ngành y - sinh học. Tuy nhiên, nếu tính trên tổng số các nhà khoa học của mỗi nước thì sự khác nhau về kinh phí này lại không phải là vấn đề quan trọng nhất. Cụ thể là, số lượng các nhà khoa học Mêhicô ít hơn từ 10 đến 100 lần so với ở Mỹ, nhưng số tiền đầu tư trung bình cho một nhà khoa học ở hai nước này là ngang nhau. Nếu chúng ta đi thăm bất cứ viện nghiên cứu nào của trường Đại học Quốc gia Mêhicô, thì chúng ta nhận thấy trang thiết bị nghiên cứu ở đây không thua gì ở Mỹ, thậm chí còn tốt hơn trang thiết bị nghiên cứu ở châu Âu. Một câu hỏi được đặt ra là: Tại sao vẫn tồn tại sự khác biệt quá lớn về số lượng cũng như

tác động của các công trình khoa học ở Mêhicô và Mỹ? Với câu hỏi này, các nhà khoa học Mêhicô nhanh chóng chỉ ra những nguyên nhân chính dưới đây:

Thứ nhất là Mêhicô thiếu một đội ngũ các nhà nghiên cứu khoa học hàng đầu để tạo ra một môi trường cạnh tranh khoa học mạnh mẽ.

Thứ hai là sự cản trở quan liêu đối với việc thu hút các nhà khoa học Mêhicô từ nước ngoài về làm việc trong nước.

Hai nguyên nhân này có thể được xem là quyết định đến kết quả nghiên cứu. Tuy nhiên, một nguyên nhân quan trọng khác cũng cần được đề cập là do thiếu sự ủng hộ của Chính phủ Mêhicô đối với các chương trình nghiên cứu khoa học.

Cũng theo bài báo, sự khác biệt về khoa học công nghệ giữa Mỹ và Mêhicô còn do ở Mỹ đội ngũ nghiên cứu sau tiến sĩ (postdocs) thực hiện hầu hết công việc trong các phòng nghiên cứu. Trong khi đó ở Mêhicô, sinh viên cao học, thậm chí là sinh viên đại học tham gia thực hiện hầu hết các dự án nghiên cứu. Gốc rễ của vấn đề này là Mêhicô chưa có một môi trường nghiên cứu thích hợp nhằm thu hút lực lượng nghiên cứu sau cao học đến làm việc.

Theo kết luận của bài báo, sự khác nhau về nguồn nhân lực, chứ không phải sự khác nhau về tài chính, góp một phần quan trọng trong việc tạo ra chênh lệch giữa các nước phát triển và các nước mới nổi lên về khoa học. Vì vậy, các nhà khoa học cần phải tạo ra một môi trường nghiên cứu hấp dẫn, thu hút lực lượng nghiên cứu sau tiến sĩ đến làm việc, thay vì cứ giữ mãi quan điểm là do thiếu tiền để tạo ra đội ngũ các nhà nghiên cứu giỏi.

Do đó, để tạo ra sự đột phá về giáo dục nước nhà trong năm 2006 và tạo tiền đề cho sự tăng tốc và phát triển kinh tế và xã hội, thì điều kiện tiên quyết là chúng ta cần kiên quyết chấp nhận "*cái mới*". Cái mới ở đây chính là phương thức đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng con người với cơ chế và thước đo chuẩn mực. Việc xây

dựng và vận hành thành công trường đại học tầm cỡ quốc tế là một trong những thước đo nước ta cần vươn tới. Chính vì vậy, chúng ta cần đánh giá nhiều mô hình khác nhau đang thịnh hành ở các nước đang phát triển và xây dựng một mô hình phù hợp với điều kiện của nước ta hiện nay.

Trên đây là những lời tâm huyết của chúng cháu nhân dịp *khai bút đầu xuân*. Một lần nữa chúng cháu xin chúc Bác cùng gia đình một năm mới an khang, thịnh vượng!

Thay mặt các nghiên cứu sinh VEF:

Nguyễn Văn Thắng: Trung tâm nghiên cứu ung thư M.D.Anderson,

Hà Hữu Toàn: UT - Houston, SPH,

Huỳnh Tiền Phong - Đại học Rutgers,

Huỳnh Kim Lâm - Đại học Utah,

Nguyễn Quang Hoàng - MIT,

Đặng Văn Chính - UT - Houston, SPH,

Lê Tùng - ĐH Purdue,

Trịnh Văn Thắng - UNC, SPH,

Nguyễn Công Nghĩa - UNC, SPH.

NHỮNG BỨC THƯ TỪ HẬU PHƯƠNG

12-11-1974

Anh thân yêu.

Từ dạo ấy đến nay em mới nhận được mấy dòng ngắn ngủi của anh, ngoài ra không được biết thêm tin gì về anh cả. So với trước thì có yên tâm hơn nhưng dẫu sao vẫn sốt ruột vì hôm anh đi không được khoẻ lắm.

Mẹ con em vẫn khoẻ, Hà năm nay học lớp 10 là năm học căng nhất, thi vào đại học năm nay khó, em lo quá định cho nó học thêm nhưng nó chẳng chịu. Hồng ốm đau luôn, học vất vả lắm, càng lớn càng ngoan, biết suy nghĩ và chịu khó.

Em vẫn còn làm công tác ở Xanh Pôn.

Cơ quan đã chuyển gia đình ta đến ở chỗ khác rồi, không ở 91 Lý Nam Đế nữa mà ở chỗ năm 1969 anh về ở tạm đó. Chuyển đi em chỉ tiếc vườn cây của mình: Một mùa ớt bội thu, cả làng ăn ớt. Ớt to và nhiều quả, đến những người chuyên trồng ớt vẫn phải ngạc nhiên hỏi tại sao ớt nhà chị nhiều quả thế.

Hiện nay đã có 6 buồng chuối, mỗi buồng từ 6 - 10 nải, mỗi nải từ 12 - 24 quả lớn như thối, sẵn dây bò khắp bờ rào, gừng tốt ngang ngực em và củ to như cái bát. Thiên hạ bảo bà này làm chơi ăn thật, họ không biết cứ 1 - 3 buổi chiều lại tưới một lần nước phân gà. Phải phá giàn đậu ván em tiếc quá. Tết này thì tha hồ mà ăn chuối. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây, chỉ nhớ thôi chả biết làm thế nào gửi cho anh để thưởng thức kết quả của lao động chúng ta bỏ ra.

Mẹ con em nhắc anh luôn, không biết anh có nhảy mũi và đi có bị vấp không. Thời gian vừa rồi gặp anh con mới biết cụ thể những nét và con người cụ thể của Ba nó, nên càng nhớ Ba nhiều hơn.

Rất mong anh vui khoẻ và công tác tốt.

Em: Võ Thị Lê

Ba kính yêu!

Hôm qua nhà mình mới nhận được thư của ba. Chú Nho bảo ba hỏi chúng con đã chăm nom cây chuối tốt chưa và các cây khác như thế nào? Con nói cho ba biết nhé.

Chuối nhà mình tốt lắm ba ạ. Tuy bị gà ăn lá rất nhiều nhưng vì nhà mình thường tưới phân gà cho nó khi nó còn nhỏ nên vẫn lên tốt ba ạ.

Ớt lên rất tốt, ra rất nhiều quả và hiện giờ nó chín rồi nên trông đẹp lắm ba ơi. Ai cũng phải khen ớt nhà mình tốt và đẹp quá.

Đậu ván bị hỏng rồi ba ạ. Không biết tại sao tự nhiên nó cứ teo ngọn đi và nó lụi đi cả giàn.

Đậu biến bạch tức là đậu ván trắng lên tốt lắm, nó ra tương đối nhiều quả (loại đậu này khi ba đi rồi nhà mình mới trồng hạt bác Lãng cho). Cây ỏ qua thì lên rất tốt, ra rất nhiều quả nhưng chỉ tội bị ong đốt nhiều nên hỏng cũng nhiều. Cây thiên lý cũng lên tốt rồi. À nhà mình mới trồng thêm cây nho nữa đấy ba ạ, hiện giờ nó lên tốt lắm. Cà chua nhà mình "thu hoạch" được tương đối, nhưng mà các chị gà hay ăn cà chua lắm. Gừng nhà mình lên cũng tốt.

Thôi, về chuyện cây cối thì con báo cho ba biết vậy thôi, còn chuyện nhà chuyện cửa nữa chứ ba nhỉ.

Mẹ dạo này đi làm bận lắm ba ạ. Mẹ phải trực luôn nên cũng rất mệt.

Anh Hà và con nghỉ hè được một tháng rồi, nói chung sinh hoạt hè của bọn con không có gì đặc biệt cả. Hè này con có đi học thêm một tuần hai buổi.

Ba ơi! Con kể cho ba một chuyện này rất buồn cười ba ạ.

Có một chú tên là Tượng chú ấy chuẩn bị đi vào trong chỗ ba nên chú có đến nhà mình bảo viết thư cho ba để chú đem vào. Khi chú vừa vào nhà chú có gặp anh Hà và nói luôn: "Thế nào năm nay hạnh kiểm gì, thường chứ, chúng mày chỉ có thể thôi mà, bố đi vắng thì đứa nào ở nhà cũng như vậy...".

Ba ơi! Ba thấy thế nào ạ? Ba cho con nhận xét về chú ấy nhé: Chú Tượng nói như thế chứng tỏ chú rất "quan liêu", "vơ đũa cả nắm" phải không ba? Chú ấy cứ làm như người mẹ ở nhà không thể nào nuôi dạy được đứa con của mình cho ngoan. Ba đừng giận con về chuyện con có những nhận xét về chú Tượng ba nhé - đấy chỉ là một ý nghĩ mà thôi.

Ba kính yêu ơi! Có khi đến lần sau ba ra là con được vào trong đó cùng với ba rồi đấy nhỉ. Có thể khi đó con đã học xong đại học cũng nên. Con muốn vào trong đó quá mà không thể nào vào được, chán thật đấy ba nhỉ.

Ba ơi! Mẹ định lắp phim vào chụp ảnh mấy cây ốt và vườn cây để gửi vào cho ba để ba rửa luôn đấy.

Thôi ba nhé, con chẳng biết viết gì cho ba nữa cả mặc dù con rất muốn viết thư nữa.

Cuối cùng con chúc ba mạnh giỏi. Mẹ và chúng con ở nhà sẽ thi đua với ba nhé. Ba cho con gửi lời thăm tất cả các cô, các chú, các bác, các anh các chị và các em ở trong đó ba nhé.

Chào ba

Con của ba: Lê Xuân Hồng

TB: Ba cho con biết tin về một anh mà hồi trước có gửi thư ra cho nhà mình (hồi lâu rồi) và có gửi hai cái ảnh của anh gửi cho con và anh Hà, con không biết tên ảnh, ba thử hỏi xem hiện giờ tình hình của anh như thế nào rồi ba nhé và ba cho anh em chúng con biết tin với.

Con vẫn khỏe, anh Hà thì lại càng khỏe hẳn hơn con nhiều lắm.

Đồ ba biết con định phê bình ba cái gì đấy? Con phê bình ba vì sao ba viết thư ngắn thế, mới đọc một téo là đã hết hẳn cả thư rồi; chẳng nhẽ con lại bịa ra để đọc tiếp. Chán ba quá.

Khi nào ba ra nhớ thưởng cho con một con vẹt ba nhé!

MẸ LÊ CHÉP LẠI THƯ CỦA HÀ GỬI BA LÊ ĐỨC ANH ĐANG CÔNG TÁC TẠI CHIẾN TRƯỜNG B

Ba kính yêu,

Con viết thư gửi Ba vào lúc tin chiến thắng dồn dập từ chiến trường bay về.

Ba! Một tháng nay ngày nào cũng có tin chiến thắng làm náo nức lòng người. Mẹ bảo: "Không đọc báo, nghe đài một ngày là lạc hậu với tình hình rồi".

Chiến thắng bây giờ thật lớn Ba nhỉ. Ba ở trong ấy chắc làm ăn phát đạt lắm. Hiện nay ở ngoài này thanh niên đi bộ đội đông lắm Ba ạ. Ở trường, lớp con cũng rất nhiều bạn đi.

Con vừa rồi cũng đi khám nghĩa vụ quân sự, sức khỏe con tốt, tất cả đều đạt loại A. Con sẽ nhập ngũ đợt này Ba ạ. Tuy chỉ còn hai tháng nữa là hết năm học, song con không thể chờ được nữa. Bởi vì đợt đến lúc đó vào bộ đội huấn luyện xong chắc nước nhà đã hoà bình rồi.

Con nhận thấy là nếu không được trong kháng chiến anh hùng này của dân tộc là một điều ân hận rất lớn đối với con.

Con biết Ba mong con được học để trở thành nhà khoa học, mang tri thức ra phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân. Ba đánh giặc mấy chục năm nay là để cho con,

cho mọi người được ấm no, hạnh phúc, được học hành. Nhưng Ba ạ, là người thanh niên dưới chế độ xã hội chủ nghĩa tốt đẹp, con nhận thức rõ nghĩa vụ và trách nhiệm của thanh niên đối với Tổ quốc, khi nước nhà vẫn còn bóng giặc, thì con không thể yên tâm học tập được.

Lúc này con đã đủ tuổi, đủ sức khỏe để tham gia bộ đội, tất nhiên con thuộc diện được miễn nghĩa vụ quân sự theo chính sách của Đảng và Nhà nước. Việc con đi bộ đội là điều có thể làm nhiều người đột ngột. Nhưng con nhận được giấy gọi là lập tức lên đường, với sự đồng ý của Mẹ (Mẹ vừa đồng ý xong Ba ạ).

Con đi đợt này chắc Mẹ buồn lắm, bởi Mẹ phải xa một người thân nữa, người thân thứ ba xa gia đình. Nhưng chắc Mẹ cũng như cả gia đình sẽ tự hào về gia đình có hai cha con cùng đánh giặc, hai thế hệ lên đường đánh Mỹ.

Khi thư này đến tay Ba, con không biết chắc là con đã đi chưa. Nếu con được đi đợt này thì khi thư con đến tay Ba, con đã trở thành người đồng chí, người lính của Ba rồi, Ba nhi.

Thôi con dừng bút.

Chúc Ba mạnh khỏe.

Con của Ba: Hà

Kính anh Sáu Nam,

Tôi công tác tại Phòng Tổng kết - Lịch sử Quân khu 9, vừa được nghỉ chuẩn bị hưu (tuổi 61) mới có dịp rảnh nên viết mấy dòng thơ này tặng anh để nhớ lại những ngày gian khổ ở chiến trường Chương Thiện đầu 1972.

Bây giờ anh Hai Minh (Ba Lai - Huỳnh Minh Đẩu) đã từ trần. Ở gần tôi còn được Ba Lọ và bác sĩ Ngữ. Ba Lọ nói với tôi là có ra Hà Nội thăm anh. Nhà tôi hiện nay ở số C21, khu tập thể Đinh Tiên Hoàng, đối diện Sở chỉ huy Quân khu 9 - Phường An Thới, thành phố Cần Thơ.

Anh Sáu, thời gian đi chiến trường Chương Thiện cuối năm 1971 đầu 1972 có lẽ ít ác liệt hơn lúc ở U Minh nhưng cũng có nhiều việc xảy ra đáng ghi nhớ: Vừa khỏi rừng, trinh sát đã dẫn lạc vào đồn Tapaxa. Sáng lại mới ghé căn cứ Hóc Hoả bị máy bay địch bắn. Anh đi ngang hầm của tôi cho biết một cậu bảo vệ bị thương, tiếp sau đó địch đổ quân, sở chỉ huy dời qua Cái Chanh Lớn chống càn suốt ngày; địch có cả gần 4 tiểu đoàn chặn hết các ngã. Đêm đó mình phải đi giữa hai tiểu đoàn trên hai bờ sông Cái Chanh Lớn để trở lại Cái Chanh Bé an toàn.

Ba Lọ đứng tại miệng hầm CH hạ Cán gáo, cũng là lần đầu tiên loại (máy bay trực thăng) này bị bắn rớt ở khu vực này nên địch phản kích quyết liệt. Lần sau hạ Cán gáo địch phản kích, cậu Hạnh, Đội trưởng trinh sát kỹ thuật 2 bị thương, Tám Cảnh, nữ y sĩ rất dũng cảm đưa thương binh đi và hy sinh ở Vàm kinh Ba Lào.

Nhiều việc dồn dập, để khối cơ quan Tham - Chính - Hậu (Tham mưu, Chính trị, Hậu cần) quá đông, không lợi, anh cho tất cả tạm lánh về U Minh để giữ lực lượng cho chiến dịch. Lúc đó tôi được chỉ định ở lại vừa tổng hợp địch tình, vừa ta tình (tình hình địch, tình hình ta) cùng với anh Hai Minh phục vụ cho anh xây dựng kế hoạch Xuân - Hè 1972, sau đó tôi phụ trách luân Quân báo tiền phương...

Sau ngày giải phóng, tôi chuyển qua Tổng kết chiến tranh. Năm 1983, anh Năm Trục mang thư của anh về để rút lại bộ phận Tình báo. Lúc đó viết sử cũng cần mà tình báo cũng cần nên Quân khu không điều chỉnh được, nên tôi vẫn công tác lịch sử đến nay.

Nhớ lại thì rất nhiều, có vui buồn, có phần khởi chiến thắng, có nhiều việc khó quên. Nhớ nhất anh Hai Minh, người bạn chiến đấu thân thiết tôi học ở anh khá nhiều và anh giúp tôi cũng làm được nhiều việc.

Trình sát đưa anh vào đồn, dẫn anh đi cặp kè với biệt kích, đưa xuống Dao Phay để trực tiếp chống càn nhưng cũng góp phần cho các đợt tiến công mở mang trọng điểm Chương Thiện 1972-1973 giành thắng lợi lớn...Kể lại cho vui thế thôi.

Chúc anh sức khỏe,

Thân kính:

Ngày 18-9-1995

Ba Thanh - Thượng tá Trương Thanh Phong

CHƯƠNG THIỆN XUÂN HÈ 1972

Tặng anh Chín Hoà

Sở chỉ huy Khu ra phía trước,

Đã thành phần Chính, Hậu, Tham mưu,

U Minh, rời cứ, đi Long Mỹ,

Tổ chức dẫn đường Trình sát Khu.

Tư lệnh Quân khu lạc sát đồn, ⁽¹⁾

Mới hay Trình sát đã quên đường

Hàng ngày, ngả rẽ trâu thường cột,

Nay chẳng còn trâu, hết biết đường.

*Hóc Hoả tạm dừng cù Sóc Trăng,
Chỉ riêng Tư lệnh với Văn phòng,
Cơ quan Tham - Chính hành quân trước;
Sáng lại địch càn cù Sóc Trăng.*

*Địch đổ vây ta, bốn tiểu đoàn, ⁽²⁾
Ba bên, bốn phía chặt như nêm,
Đến đêm Trinh sát xoay đường máu,
Trở lại Cái Chanh Nhỏ mới êm.*

*Ba Trà thủ phó Trung đoàn Một,
Rước chỉ huy đi tắt tránh đồn,
Ngã tắt nước ròng kinh quá cạn,
Qua đồn mạo hiểm ngã Thanh Long.*

*Quần đảo khoanh vùng căn cứ ta,
Trục thẳng Cán gáo bắn thăm dò,*

Cửa hầm, Ba Lộ nhanh tay bắn,
Hạ nó, địch liền oanh kích ta.

Sở chỉ huy Khu chuyển cứ ngay,
Cả Trung đoàn Một chuyển ban ngày,
Vượt sông - Dương Tử kẻ thủ trưởng
Đến cứ an toàn tránh máy bay.

Bắn rớt máy bay lần tiếp sau,
Cũng căn cứ cũ kinh Ba Lào,
Địch quân phản kích càng ghê gớm,
Tám Cánh hy sinh thật đốn đau.

Đông đặc đội hình địch đánh hơi,
Cơ quan Tham - Chính phải di dời,
Cử người ở lại cùng thủ trưởng,
Chuẩn bị chiến trường năm Bảy hai.

Chỉ huy sở nhẹ bám kinh đồn,
Cách giặc vài trăm thước chẳng hơn,
Mà vẫn đàn ông vui đón Tết,

Chỉ huy bảo đảm được an toàn.

*Quân địch tạm dừng vùng Xã Mảo,
Mọi người dự đoán sáng ngày mai
Địch càn vào cứ Trung đoàn Một
Nên Sở chỉ huy phải di dời.¹*

*Chẳng đánh ngày sau vào Xã Mảo,
Hướng càn chủ yếu lại Dao Phay.
Chống càn quyết liệt không ngừng nghỉ,
Đến tối quay về Xã Mảo ngay.*

*Tư lệnh hành quân với tiểu đoàn²
Có Tham mưu trưởng của tiền phương,
Phó phòng Bảo vệ cùng Trinh sát,
Cấp cơ địch đi một đoạn đường.*

*Địch, quân ta ngỡ là du kích,
Địch thấy ta đông sợ hết hồn,
Qua khỏi Giao Du liền trốn thoát*

Về đồn gọi pháo bắn theo trôn.

*Mấy chục năm rồi vẫn khó phai,
Hiểm nguy ác liệt tính từng ngày,
Chiến trường trọng điểm vùng Chương Thiện
Chuẩn bị Xuân Hè năm Bảy hai.*

TRƯƠNG THANH PHONG

(Ba Thanh, Quân báo tiền phương 1972)

1 - Đến Dao Phay căn cứ Tiểu đoàn 303, vị trí Sở chỉ huy Quân khu mở màn đợt tiến công 1972.

2 - Tiểu đoàn 7 Trung đoàn 2 đi đánh CK Ngang Dừa.

NGUYỄN ĐỨC HIỀN

116 phố Lạc Trung - Phường Vĩnh Tuy

Quận Hai Bà Trưng Hà Nội

Hà Nội, ngày 8 tháng 1 năm 1998

Kính gửi: Đồng chí Lê Đức Anh, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam

Thưa đồng chí Cố vấn kính mến,

Nghe thông báo kết quả Hội nghị lần thứ tư, cán bộ và nhân dân mọi người đều nô nức phấn khởi; riêng giới trí thức văn nghệ sĩ trong lòng hết sức khâm phục sự lãnh đạo tài tình của Đảng, trước hết là Bộ Chính trị, trong đó không thể không nghĩ đến công lao to lớn, sự anh minh tuyệt vời và tinh thần trách nhiệm cao cả của vị Chủ tịch nước tiên nhiệm, vị cựu Nguyên thủ quốc gia Lê Đức Anh.

Nhân dịp Xuân mới 1998 (và sắp đón Xuân Mậu Dần), qua lá thư nhỏ này, chúng tôi xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Cố vấn, chân thành cầu mong Cố vấn sống dư trăm tuổi để tiếp tục giúp đỡ Ban Chấp hành Trung ương hoàn thành nhiệm vụ trọng đại của cách mạng. Chúng tôi cũng xin được gửi đến quý quyền lời chúc mừng an khang thịnh vượng.

Là một nhà văn chuyên viết về đề tài lịch sử dân tộc, tôi trộm nghĩ chẳng có niềm tôn kính quý trọng nào hơn là được trình lên đồng chí Cố vấn, được gửi biếu Cố vấn những sáng tác phẩm tâm huyết của mình.

Xin Cố vấn vui lòng nhận lãm.

Kính thư!

Nguyễn Đức Hiền

Kính gửi Bác Lê Đức Anh

Nguyên Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Hà Nội

*Nhân phiên họp Quốc hội Khoá 9 kỳ họp thứ nhất, tuyên dương công trạng của
Bác, Bác Đỗ Mười, Bác Võ Văn Kiệt; cháu có mấy dòng tâm sự gửi Bác, kính xin
Bác nhận cho tình cảm của cháu đối với Bác.*

Phóng viên vây quanh người

Quốc hội bao quanh người

Cả dân tộc tuyên dương công đức Bác

Bác xúc động, lệ ứa tràn mi mắt

Nói chẳng thành lời, thương dân quá Bác ơi!

Bởi dân nghèo, Bác chưa được nghỉ ngơi

Cháu thương Bác và tin đời cao đẹp

Bác Hồ dạy. Bác là người kẻ nghiệp

Dân tộc Việt Nam

Bốn nghìn năm dựng nước Vua Hùng

Cao đẹp sao, tấm lòng bác - Bác Anh ơi!

Cháu gửi Bác muôn vàn lời tôn kính

Hôn Bác nhiều, đưa cháu nhỏ quê xa.

Cháu Bùi Thị Bích Phượng

Lớp 10 B, trường Trung học Tĩnh Gia - Thanh Hoá

Chú thích:

1. Đỗ Mười: Nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.
2. Võ Văn Kiệt: Nguyên Thủ tướng Chính phủ.

3. Nguyễn Thị Bình: Nguyên Phó Chủ tịch nước.
4. Trương Mỹ Hoa: Phó Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
5. Đồng chí Nguyễn Cảnh Dinh, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; đồng chí Nguyễn Văn Chiền, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; đồng chí Nguyễn Văn Bích và đồng chí Nguyễn Hữu Lục, Phó chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.
6. Nguyễn Việt Dũng: Nguyên Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước.
7. Thượng tướng Nguyễn Trọng Xuyên: Nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng.
8. Trung tướng Nguyễn Thới Bưng: Nguyên Phó tổng Tham mưu trưởng.
9. Trung tướng Lê Văn Tường: Nguyên Phó chính uỷ, Chủ nhiệm Chính trị Bộ chỉ huy Miền
10. Đoàn văn công, Bệnh viện đều được thưởng Huân chương. Sau này, Ban lãnh đạo K71 về tiếp thu Bệnh viện Thống nhất, bác sĩ Nguyễn Thiện Thành làm Giám đốc Bệnh viện Thống nhất, sau giải phóng được tuyên dương Anh hùng Lao động, được thưởng Huân chương Chiến công hạng 3; con trai của anh là Nguyễn Thiện Nhân hiện là Giáo sư, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, vừa được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
11. Đại tá Nguyễn Văn Tòng: Túc Sáu Tòng, nguyên Phó Chính uỷ, Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 9.
12. Lê Phước Anh: Túc Lê Bình, nguyên Tham mưu trưởng Mặt trận 479, Campuchia.
13. Vũ Đình Liệu: Nguyên Bí thư Khu uỷ Khu 9.
14. Trung tướng Lê Ngọc Hưng: Nguyên Tư lệnh Quân khu 9.

15. Đại tướng Phạm Văn Trà: Nguyên Bộ trưởng Quốc phòng, nguyên Trung đoàn trưởng Trung đoàn 1, Quân khu 9.
16. Thiếu tướng Nguyễn Việt Quân: Chính uỷ Quân khu 9.
17. Thiếu tướng Trần Văn Niên: Nguyên Tổng trưởng Tổng 6 Phó binh Quân khu 9.
18. Thiếu tướng Phùng Đình Ấm: Túc Ba Cung, nguyên Đặc phái viên của đồng chí Lê Đức Anh ở Campuchia.
19. Trung tướng Hoàng Nghĩa Khánh: Nguyên Cục trưởng Cục Tác chiến.
20. Trung tướng Lê Nam Phong: Nguyên Hiệu trưởng Trường sĩ quan Lục quân 2.
21. Trung tướng Khiếu Anh Lâm: Tham mưu phó Mặt trận 479, Campuchia.
22. Thiếu tướng Nguyễn Phú Chú: Chuyên viên quân sự của Ban Bí thư Trung ương
23. Đại tá Nguyễn Bạch Vân: Nguyên Phó trưởng phòng Quân báo Quân khu 7.
24. Trung tướng Đỗ Đức: Nguyên Phó tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Miền, nguyên Phó tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.
25. Đỗ Quang Minh: Nguyên Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.
26. Đại tá Nguyễn Ngọc Lâm: Nguyên Phó trưởng phòng 2, Bộ chỉ huy Miền, Trưởng phòng 2 - Quân khu 7.
27. Đại tá Thái Quang Sa: Nguyên Chánh án Tòa án Quân sự Quân khu 7.
28. Đại tá Vũ Ba (Trần Đông Hưng): Phó Tư lệnh Quân khu Miền Đông trong chiến tranh chống Mỹ.

29. Nguyễn Văn Hội: Nguyên Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 3 - Chi đội 1 tỉnh Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống Pháp; Chỉ huy trưởng Đoàn Tên lửa Hạ Long - Đơn vị anh hùng.
30. Thiếu tướng Trần Đức Việt: Nguyên Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.
31. Phạm Văn Hy: Nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Bà Rịa - Vũng Tàu.
32. Trung tướng Vũ Xuân Vinh: Nguyên Cục trưởng Cục Đối ngoại quân sự.
33. Thiếu tướng Nguyễn Thế Kỷ: Nguyên Cục trưởng Cục Quản lý hành chính Bộ Tổng tham mưu.
34. Đại tá Tư Diệp: Túc Đoàn Thanh Long, nguyên Phó phòng Thông tin Ban chỉ huy Miền.
35. Đại tá Võ Thanh Hùng: Túc Bảy Hùng, nguyên Trưởng ban Trang bị Bộ chỉ huy Miền.
36. Thiếu tướng Trần Xuân Thu: Nguyên Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật nhiệt đới Việt - Nga.
37. Trần Công An: Túc Hai Cà, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.
38. Đại tá Nguyễn Bội Giong: Nguyên Đặc phái viên Bộ tổng Tham mưu tại Quân tình nguyện Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia.
39. Trương Văn Thọ: Chiến sĩ bảo vệ.
40. Về Khu 9: Bài đăng báo *Nhân Dân*, số ra ngày 31-8-1998.
41. Những ngày Việt Nam ở Niu Yoóc: Bài đăng báo Quân đội nhân dân, số ra ngày 14 – 15-11-1995.
42. Lê Hữu Độ: Cán bộ công an nghỉ hưu, anh ruột của đồng chí Lê Đức Anh.

43. Lê Thị Xoan: Nguyên Bí thư chi bộ thời chống Pháp, em ruột đồng chí Lê Đức Anh.

44. Một niềm vui đậm đà: Bài đăng báo *Sài Gòn Giải phóng*, số ra ngày 3-4-1997.

45. Chúng cháu xin nhận sứ mệnh bảo vệ Tổ quốc từ xa: Bức thư được đăng tải trên báo điện tử *VietNamNet*, ngày 29-1-2006, tức ngày mùng 1 Tết Bính Tuất.